

Lời Nói Đầu



- Chào mừng Đại Lễ Kỷ Niệm 1000 năm Thăng Long.
- Đại Lễ Vía Đức **Phật A Di Đà**.
- Đại Lễ Bốn Sư **Thích Ca Mâu Ni Phật** thành Đạo.

Để tỏ lòng kính trọng công ơn sâu dày vô hạn của các bậc tiền nhân đã bao đời hy sinh cho Tổ quốc **Đại Việt** trong thời kỳ dựng nước và giữ nước.

Không biết bao nhiêu đấng liễu đạo đã hiến mình cho **Phật Pháp**, dày công hoằng hóa độ sanh góp phần mở mang nền chân lý siêu việt. Điển hình sáng gương nhất là Thiên Sư **Vạn Hạnh** có công dựng nên triều **Lý**. Một triều đại lấy **Phật giáo** làm Quốc giáo.

Phật Hoàng Điều Ngự Trần Nhân Tông đã có công sáng lập nên Thiên Phái **Trúc Lâm Tam Tổ** lưu truyền cho hậu thế.

Là hàng Cư Sĩ tục gia chúng tôi hằng noi theo tu tập những tấm gương cao cả ngài sáng bất diệt của cha ông để lại.

Vì vậy, chúng tôi không ngại mình đức mỏng, tài hèn, đạo hạnh non kém ứng nguyện cúng dường bộ Kinh Đại Thừa “**Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ Tát**”

Pháp Phật Sở Hộ Niệm” gọi là **“Diệu Pháp Liên Hoa”** chính do Đức Từ Phụ Bốn Sư **Thích Ca Mâu Ni Phật** tuyên thuyết.

Bộ **“Diệu Pháp Liên Hoa”** gồm hơn sáu muôn lời, tất cả hai mươi tám phẩm kết thành bảy quyển.

Đời **Diêu Tân** Ngài **Tam Tạng Cừu Ma La Thập** vưng chiếu dịch.

Hôm nay chúng tôi thống nhất dựa trên nguyên tác của Đại Lão Hòa Thượng **Thích Trí Tịnh** biên soạn chuyển thể bằng lối văn kệ tụng mục đích là góp một phần nhỏ vào công việc trùng hưng **Phật Giáo Việt Nam** rộng ra thế giới. Những ai mới bước vào trì tụng **Pháp Hoa** cũng được dễ dàng thấu hiểu nghĩa thú của Đức **Như Lai** giáo dạy, ngoài ra có thể thông thuộc nếu chuyên tâm trì thọ lâu dài.

Chúng tôi cố gắng tuân chỉ y Kinh, giảm bớt những sai sót văn phạm, ý tứ sâu sắc của Đức **Phật**. Mong rằng, các bậc Tôn Đức Đại Lão Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, quý vị Thiện tri thức khán mục có điều nào sai sót lỗi Kinh niệm tình chỉ dạy hoặc chỉnh sửa để chúng tôi tái bản lần sau đặng hoàn thiện hơn.

*Câu nguyện đất nước **Việt Nam** ngày ngày
cường thịnh, đồng bào sống trong sự thanh bình an
lạc.*

*Kính chúc quý vị đều ngộ nhập **Nhất Thiết
Chủng Trí Như Lai, Vô Thượng Chánh Đẳng
Chánh Giác.***

*Người người tụng **Pháp Hoa**
Nhà nhà đặng an lạc.*

*Nơi nào trì **Pháp Hoa**
Nơi đó đặng cúng dường.*

*TP/HCM Ngày 10 tháng 10 năm 2010
Cư sĩ Thanh Lam*

NGHI THỨC SÁM HỐI



Trải qua bao đời kiếp, chúng con lăn lộn trong bể trần tục u mê gây ra nhiều tội lỗi sâu dày không kể xiết, đọa lạc trong ba cõi, sáu đường lên xuống trầm luân, mang đầy trọng nghiệp. Hôm nay, chúng con xin được Sám hối, nguyện cầu tha lực mười phương Chư **Phật** hộ trì.

• **Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật** (3 lần)

Trước khi vào lễ Sám Hối, chúng ta hãy dẹp bỏ những ý nghĩ sai lầm và để tỏ rõ sự chân thành của mình đối với chư **Phật**, **Bồ Tát**, **Thánh Chúng** rằng mình đã thấu rõ cội gốc của tội lỗi. Do vì vô minh mà sinh ra tất cả.

- **Thân**, thì có ba điều ác nghiêm trọng :

- Sát sanh, trộm cắp, tà dâm.

- **Khẩu**, thì vướng vào bốn nghiệp không kém phần suy diễn mà chúng ta trong hiện thế ít nhiều chịu phải hành lỗi.

- **Vọng ngữ** : tức là nói sai sự thật

- **Lưỡng thiệt** : tức là nói hai chiều, thương thì thấp cao bào chữa, ghét kiếm chuyện dẹt thêu, gây mối bất hòa trong gia đình, đoàn thể, xã hội.

- **Ác khẩu** : chửi mắng Cha Mẹ, chẳng kiên Trời Đất, Thần Thánh, người trưởng thượng, chủ la mắng tôi tớ, ỷ giàu bắt nạt dân ngu.

- **Ý ngôn** : cho mình học giỏi, lý luận thông suốt lờn khinh **Phật Pháp**, Quan ỷ quyền hà hiếp dân đen, ngạo khinh chân lý, xem nhẹ nhân quả.

- Sau cùng là ba nghiệp của Ý:

Ý là cơ quan chủ quản của 5 giác quan như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Cho nên ý tưởng rất quan trọng nó có thể sai khiến chúng ta làm ra tất cả thiện hay ác, ba nghiệp của Ý là : Tham lam, sân hận và si mê. Nhà **Phật** gọi là tam độc muốn giải trừ chữa trị không phải là dễ đối với người tu học sơ cơ như chúng ta, bởi tham, sân, si đã thấm sâu vào căn tánh của chúng ta tự lâu đời kiếp đến nay. Chúng ta ai ai cũng đều biết rõ như soi gương thấy mặt. Vì vậy việc Sám Hối rất là tinh tế phải nắm rõ bệnh tình mới cầu phương pháp chữa trị có hiệu quả sớm hơn. Kính mong chư huynh đệ thấu hiểu nội tình phát lòng Sám Hối. Nhân ngày **Đại Lễ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Thường Trụ Đại Niết**

Bàn (đêm 15-16 tháng 02 âm lịch), mong cầu sớm
đặng kết quả viên mãn.

• **Nam Mô Cầu Sám Hối Bồ Tát**

Sám là biết lỗi mình làm
Hối là chữa bỏ tham lam hận lòng
Thể như nước đục lắng trong
Bao nhiêu tật đổ sớm hồng trừ ngăn
Sám là biết lỗi ăn năn
Hối là cải thiện nghiệp thân, ý chữa
Miệng không nói láo thêu thùa
Ý ngôn, ác khẩu sái bữa điêu ngoa
Sám là tự thấu tánh ta
Hối tâm giác ngộ thường xa lỗi lầm
Thân không trộm cắp, tà dâm
Dứt trừ tửu sắc khởi lâm nguy nản
Sám nguyên ngay trước **Phật** đàng
Hối cầu **Bồ Tát** hỷ hoan hộ trì
Một đời giữ giới quy y
Thệ không tái phạm lỗi nghi xưa gây
Sám kinh học thuộc từ đây
Hối noi gương sáng Tổ Thầy vững tin
Hằng ngày quán xét chính mình

Rõ như soi mặt thấy nhìn trong gương
Sám đời trắng nước vô thường
Hối lìa mộng tưởng lánh đường si mê
Nhà xưa mau chóng quay về
Phật tâm hiện lộ **Bồ Đề** viên dung
Con nay sám hối **Đại Hùng**
Bấy nhiêu lầm lỗi tận cùng tiêu tan.

- **Nam Mô Cầu Tiêu Tai Cát Tường Bồ Tát** (1 lạy)

THẤT PHẬT DIỆT TỘI CHƠN NGÔN :



Ly bà ly bà đế, Cầu ha cầu ha đế, Đà ra ni đế, Ni ha ra đế, Tỳ lê nê đế, Ma ha dà đế, Chơn lãng càng đế, ta bà ha. (3 biến)

- **Nam Mô Thập Phương Tận Hư Không Giới Nhứt Thiết Chư Phật.** (1 lạy)

- **Nam Mô Thập Phương Tận Hư Không Giới Nhứt Thiết Tôn Pháp .** (1 lạy)

- **Nam Mô Thập Phương Tận Hư Không Giới Nhứt Thiết Hiền Thánh Tăng .** (1 lạy)



- Quì, tay cầm hương cúng dường phát nguyện:

Hương mầu ứng nguyện cúng dường
 Tất cả Chư **Phật** mười phương ba đời
 Lành thay! Bay tỏa trời người
 Tôn Pháp, **Bồ Tát** rạng ngời đức công
 Thanh Văn, Duyên Giác, Chúng đồng
 Thánh Hiền, Thầy Tổ chứng lòng hôm nay
 Duyên khởi sáng chói mây đài
 Trùm bao các cõi rộng dài vô biên
 Khắp xông bốn loại trần miên
 Bồ Đề tâm phát thể nguyện vững tin
 Xa lìa những nghiệp vọng sinh
 Vô Thượng Đạo quả đắc thành chân tu . (lạy)

- **Nam Mô Hương Cúng Dường Chư Phật, Bồ Tát
 Ma Ha Tát.** (3 lần)

(Cắm hương lạy 1 lạy)



ĐỨNG, CHẤP TAY XƯỚNG:



Như Lai tướng tốt đẹp vô vàn
 Không sánh, không bì, không nghĩ bàn
 Nhứt nguyện con nay xin đảnh lễ
 Sắc thân **Tôn Phật** hiện mười phương
 Quang minh trí huệ soi vô tận
 Muôn Pháp thường còn trú lạc an
 Con thệ theo về nương **Phật Pháp**
 Đắc thành nguyện lớn độ trần gian. (lạy)

 Khiến bỏ thân này các khổ ly
 Sinh về nước **Phật** thoát đồ nguy
 Con nay gọi sạch tan ba nghiệp
 Lễ tán Quy Y nguyện thọ trì
 Đồng nguyện muôn loài sanh Lạc quốc
 Tây phương an dưỡng thấy **A Di.** (lạy)

 • **Án, Phạ Nhứt Ra Vật** (7 lần)



- Chí Tâm Đảnh Lễ:

Thường Tịch Quang Tịnh Độ

A Di Đà Như Lai

Pháp thân màu thanh tịnh

Khắp Pháp giới Chư Phật. (1 lạy)

Thật Báo Trang Nghiêm độ

A Di Đà Như Lai

Thân tướng hải vi trần

Khắp Pháp giới Chư Phật . (1 lạy)

Phương Tiện Thánh Cư Độ

A Di Đà Như Lai

Thân trang nghiêm giải thoát

Khắp Pháp giới Chư Phật . (1 lạy)

Cõi An Lạc Phương Tây

A Di Đà Như Lai

Thân căn giới Đại thừa

Khắp Pháp giới Chư Phật . (1 lạy)

Cõi An Lạc Phương Tây

A Di Đà Như Lai

**Thân hóa đến mười phương
Khắp Pháp giới Chư Phật. (1 lạy)**

**Cõi An Lạc Phương Tây
Giáo hạnh lý ba Kinh
Tột nói bày y chánh
Khắp Pháp giới Tôn Pháp. (1 lạy)**

**Cõi An Lạc Phương Tây
Quán Thế Âm Bồ Tát
Thân tử kim muôn ức
Khắp Pháp giới Bồ Tát. (1 lạy)**

**Cõi An Lạc Phương Tây
Đại Thế Chí Bồ Tát
Thân trí sáng vô biên
Khắp Pháp giới Bồ Tát. (1 lạy)**

**Cõi An Lạc Phương Tây
Thanh tịnh đại hải chúng
Thân hai nghiêm phước, trí
Khắp Pháp giới Thánh chúng. (1 lạy)**



- Đứng, Chắp Tay Nguyện:

Con nay vì bốn ơn ba cõi
Cùng chúng sanh trong Pháp giới này
Nguyện dứt trừ ba chướng tạo gây
Nên quy mạng lòng đây sám hối . (1 lạy)

- Quỳ, Chắp tay Sám Hối:

Chí Tâm Sám Hối:

Đệ tử
Và chúng sanh trong Pháp giới đây
Từ đời vô thủy đến ngày nay
Vô minh che đậy nên tầm tối
Điên đảo mê lầm chỗ vọng sai
Ba nghiệp, sáu căn ngăn trở ngại
Mười điều rộng phạm, ý cuồng quay
Sa vào năm tội nghịch vô gián
Cùng các lỗi xưa thật khó bày .

Mười phương Chư **Phật** trong đời
Giảng Pháp không dứt, hương lời mầu thay!

Ngập tràn vị Pháp Liên đài
Hào quang chiếu rọi các loài độ tha
Lý chân thường trụ bao la
Hư không đầy dẫy **Pháp Hoa** bủa truyền
Con từ vô thủy thiếu duyên

Sáu căn mê đắm, oan khiên chất chồng
 Não phiền buộc chấp nơi lòng
 Quả nhân trói cột trong vòng khổ tai
 Chẳng nghe, chẳng biết, chẳng hay
 Lăn trôi biển thức, đọa đày tử sanh
 Cho nên che lấp căn lành
 Trăm ngàn muôn kiếp cấu thành khó ra .

“Đức Phật Tỳ Lô Giá Na”

Hiện thân khắp chỗ Ta bà thế gian
 Chỗ Phật trụ Thường Tịch Quang
 Cho nên phải biết rõ ràng gốc căn
 Cả thấy các Pháp vi trần
 Đều là **Phật Pháp** vô ngân, vô biên
 Con không thấu xét căn nguyên
 Vô minh vì thế bụi phiền lấp che
 Làm mờ chơn trí Bồ đề
 Ở trong thanh tịnh, chẳng hề tịnh thanh
 Trong cảnh giải thoát đành rành
 Vì sao ràng buộc, diệt sanh luân hồi ?
 Nay con tỏ ngộ nhứt thời
 Nguyện chừa bỏ dứt thói đời lãng nhãng
 Phát lồ sám hối ăn năn
 Phụng đối Tam Bảo thề rằng không ngoa
Thích Ca và Phật Di Đà

Chứng lòng đê tử cùng là chúng sanh
 Tất cả tội nặng cấu thành
 Sáu căn, ba nghiệp bất lành tạo gây
 Quá khứ, hiện tại, vị lai
 Chính mình phạm lỗi, hoặc bày người theo
 Thấy người gây tạo vui theo
 Hoặc nhớ, chẳng nhớ, nghiệp đeo không rời
 Hoặc biết, hoặc chẳng biết thời
 Hoặc nghi, hoặc chẳng nghi người giấu che
 Hoặc chẳng che giấu lỗi kia!
 Thủy đều rất ráo đoạn lìa lòng mê.
 Đê tử sám hối xong rồi
 Bấy nhiêu tội lỗi kiếp đời sạch trong
 Căn lành tu tập vun trồng
 Tâm không còn lỗi, cõi lòng tịnh thanh
 Hồi hướng Pháp giới chúng sanh
 Trang nghiêm **Tịnh Độ** bửu thành đồng nương.
A Di Đà Phật nguyện thường
 Hộ trì đê tử thoát đường lầm sai
 Hiện tiền tinh tấn hằng ngày
 Cầu về Cực Lạc ngời đài Liên Hoa
 Lâm chung thấy **Phật Di Đà**
 Cùng hàng Thánh Chúng đài hoa tay cầm
 Thân an niệm chánh chẳng lầm

Thấy nghe đều biết nơi tâm rõ ràng
Sát na sanh trước Tây Phương
Đầy đủ đạo hạnh Niết Bàn liễu viên
Rộng độ sanh chúng vô biên
Đồng thành **Phật Đạo**, thệ nguyện như như.

Đệ Tử Sám Hối Phát Nguyện Quy Mạng Đánh Lễ:

• **Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, Đại
Tử, Đại Bi, A Di Đà Như Lai, Biến Pháp Giới
Tam Bảo.** (3 lần)



NGHI THỨC TRÌ TỤNG



BÀI TÁN LƯ HƯƠNG

Lò trầm vừa bén lư hương
Pháp giới xông thấu mười phương Liên Đài
Chư **Phật** hải hội xa hay
Theo chỗ kết tụ tỏa bay mây lành
Cung kính với cả lòng thành
Các **Phật, Bồ Tát** toàn thân hiện về .

- **Nam Mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát** (3 lần)



TỊNH PHÁP GIỚI CHƠN NGÔN



Án, Lam Tóa Ha. (7 lần)

(Trì chú này thì thân tâm, cảnh vật đều thanh tịnh.)



TỊNH KHẨU NGHIỆP CHƠN NGÔN



Tu rị tu rị , Ma ha tu rị, Tu tu rị Ta bà ha. (7 lần)

(Trì chú này hơi miệng trong sạch.)

TỊNH TAM NGHIỆP CHƠN NGÔN



**Án ta phạ, Bà phạ thuật đà ta phạ, Đạt mạ
ta phạ Bà phạ thuật độ hám.** (3 lần)

(Trì chú này thân, khẩu, ý đều trong sạch.)



AN THỔ ĐỊA CHƠN NGÔN



**Nam mô tam mãn đa một đà nẫm, án, độ rô
độ rô, địa vĩ tát bà ha.** (3 lần)



PHỔ CÚNG DƯỜNG CHƠN NGÔN



Án nga nga nằng, tam bà phạ phiệt nhứt ra hồng.
(3 lần)

*(Trì chú này thì hoa, hương cùng tiếng tụng niệm sẽ
vang khắp cúng dường cả mười phương.)*



BÀI VĂN PHÁT NGUYỆN



- **Nam Mô Thập Phương Thường Trụ Tam Bảo**
(3 lần)

Kính lạy **Phật** Từ Bi cao cả
Tam Giới Tôn Đạo quả siêu nhiên
Mười phương Chư **Phật** ứng nguyên
Quy mạng đảnh lễ Đài Liên Bảo Tòa.
Nay con nguyện sâu xa vô hạn
Thọ trì **Kinh Đại Bát Niết Bàn**
Trên đền đáp Tứ Trọng Ân
Dưới cứu sanh chúng trôi lăn tam đồ
Nếu có kẻ thấy nghe tin tưởng
Đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề
Một đời dứt sạch lòng mê
Thác sanh Cực Lạc dựa kê Tây Phương.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)



KHAI KINH



Pháp Phật vi diệu khôn lường
Trăm ngàn ức kiếp khó tường khó tri
Con nay nghe thấy thọ trì

“**Vô Lượng Nghĩa Đế**” Từ Bi thực hành. (1 lạy)

- **Nam Mô Đại Bát Niết Bàn Hội Thượng Phật Bồ Tát**
(3 lần)



BÀI KHEN NGỢI KINH:



Hơn sáu muôn lời Kinh **Pháp Hoa**
Kết thành bảy cuốn nghĩa sâu xa
Nước Cam Lô rịn nhuần trong cổ
Chất Đề Hồ nhỏ mát miệng ta
Ngọc trắng bên răng tuôn **Xá Lợi**
Sen hồng trên lưỡi phóng quang ra
Dầu cho tạo tội nhiều vô số
Chẳng nhọc ba hàng Kinh **Pháp Hoa**.

- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát**. (3 lần)



KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
(QUYỂN 1)



- **PHẨM “TỰA ”, Thứ Nhất**
- **PHẨM “PHƯƠNG TIỆN”, Thứ 2**

**“Đời Diêu Tần Ngài Tam Tạng Pháp Sư
CỬU MA LA THẬP vưng chiếu dịch”**



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

(QUYỂN 1)



PHẨM “TỰA”

(Thứ Nhất)

1. Tôi nay nghe thấy tận tường
Như Lai (*) thương chúng rộng đường độ sanh:
 (Một thuở nọ đức *Phật* ở trong núi)
Kỳ Xà Quật (*) tại thành *Vương Xá* (*)
 Đại Tỳ Kheo có cả một muôn
 Hai ngàn Nghị Sự lão thông
 Đều là *La Hán* (*) sạch không não phiền
 Hết các *lậu* (*) buộc triền ba cõi
 Việc lợi mình sinh khởi đã xong
 Tâm luôn tự tại thong dong
 Đồng đến Câu Hội tỏ lòng mừng vui:
Kiều Trần Như (*), *Ma Ha Ca Diếp* (*),

(*) *Như Lai*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Kỳ Xà Quật*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Vương Xá thành*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *La Hán*: Gọi đầy đủ: A **La Hán**. Xem Thích nghĩa vắn A.

(*) *Lậu*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Kiều Trần Như*: Xem phần Thích nghĩa.

Ưu Lô Tân ^(*) kế tiếp ***Dà Gia*** ^(*),
Na Đề ^(*), ***A Nậu Lô Đà*** ^(*)
Mục Kiên Liên ^(*), ***Kiếp Tân Na*** ^(*), ***Ba Đề*** ^(*),
Xá Lợi Phát ^(*), ***Nan Đà*** ^(*) Tôn giả,
Tu Bồ Đề ^(*) cùng ***Phú Lô Na*** ^(*),
Ca Chiên Diên ^(*), ***Ly Bà Đa*** ^(*),
Bạc Câu La ^(*) với ***A Nan*** ^(*), ***La Hâu*** ^(*),
Tôn Đà La Nan Đà ^(*) có mặt
Câu Hi La ^(*) đáng bậc thường tùy
Xứng danh ***Thích Tử*** ^(*) ***Mâu Ni*** ^(*)
Là hàng trí thức của thì chúng sanh
Lại có bậc đặc thành ***Vô học*** ^(*),

^(*) ***Ma Ha Ca Diếp***: Xem phần Thích nghĩa.

^(*) ***Ưu Lô Tân***: Gọi đầy đủ: ***Ưu Lô Tân Loa Ca Diếp***. Xem phần Thích nghĩa.

^(*) ***Dà Gia*** (***Dà Gia Ca Diếp***): Còn gọi: ***Già Da Ca Diếp***. Xem phần Thích nghĩa.

^(*) ***Na Đề*** (***Na Đề Ca Diếp***): Xem phần Thích nghĩa.

^(*) ***A Nậu Lô Đà***: Xem phần Thích nghĩa.

^(*) ***Mục Kiên Liên***: Xem phần Thích nghĩa.

^(*) ***Kiếp Tân Na***: Gọi đầy đủ: ***Ma Ha Kiếp Tân Na***. Xem Thích nghĩa vẫn M.

^(*) ***Ba Đề***: Gọi đầy đủ: ***Kiều Phạm Ba Đề***. Xem Thích nghĩa vẫn K.

^(*) ***Xá Lợi Phát***: Xem phần Thích nghĩa.

^(*) ***Nan Đà Tôn Giả***: Xem phần Thích nghĩa.

^(*) ***Tu Bồ Đề***: Xem phần Thích nghĩa.

^(*) ***Phú Lô Na***: Xem phần Thích nghĩa.

^(*) ***Ca Chiên Diên***: Xem phần Thích nghĩa.

^(*) ***Ly Bà Đa***: Xem phần Thích nghĩa.

^(*) ***Bạc Câu La***: Xem phần Thích nghĩa.

^(*) ***A Nan***: Xem phần Thích nghĩa.

^(*) ***La Hâu***: Gọi đầy đủ: ***La Hâu La***. Xem phần Thích nghĩa.

^(*) ***Tôn Đà La Nan Đà***: Xem phần Thích nghĩa.

^(*) ***Câu Hi La***: Xem phần Thích nghĩa.

^(*) ***Thích Tử***: Xem phần Thích nghĩa.

^(*) ***Mâu Ni***: Xem phần Thích nghĩa.

^(*) ***Vô Học***: Xem phần Thích nghĩa.

Lại có người **Hữu học** (*) tu cầu
 Hai ngàn người nguyện qui đầu
 Chờ nghe **Phật** thuyết nhiệm sâu Pháp truyền.
 Tỳ Kheo Ni **Ba Đê** (*) cũng đến
 Quyến thuộc đồng có sáu ngàn người
 Hân hoan vẻ mặt vui tươi
 Trang nghiêm cung thủ rạng ngời nét hoa
 Tỳ Kheo Ni **Đà La** (*) câu hội
 Mẹ của ngài tên gọi **Hầu La**
 Quy y theo **Phật** toàn gia
 Dưới trên chờ đợi mưa hoa Pháp lành. (lạy)

2. Đại **Bồ Tát** viên thành đạo quả
 Tám muôn người tất cả hội về
 Xứng danh **Vô Thượng Bồ Đê** (*)
Chánh Đẳng Chánh Giác (*), sự mê không còn
 Đều chứng đặng viên tròn trí huệ
Đà La Ni (*) Pháp đế dung thông
 Biện tài giảng nghĩa **Phật tông**
 Luôn luôn thuyết Pháp độ trong nhân loài
 Thường cúng dường **Như Lai** vô lượng

(*) **Hữu Học**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Ba Đê**: Gọi đầy đủ: **Ba Xà Ba Đê**. Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Đà La**: Gọi đầy đủ: **Da Du Đà La**. Xem Thích nghĩa vần D.

(*) **Vô Thượng Bồ Đê**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Chánh Đẳng Chánh Giác**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Đà La Ni**: Xem phần Thích nghĩa.

Trông cội lành công đức dư muôn
 Khéo chứng Đại Trí chơn thường
 Được các Chư **Phật** mười phương hộ trì:
Quán-Thế-Âm (*) đại bi, **Thế-Chí** (*),
 Nào **Văn-Thù-Sư-Lợi Pháp Vương** (*),
Đắc-Đại-Thế rộng mở đường,
Dũng-Thí Bồ Tát (*) thường thường lợi sanh,
Vô-Lượng-Lực (*) tâm lành phổ hóa,
Thường-Tinh-Tấn (*) đạo quả viên thông,
Bửu-Chưởng Bồ Tát (*), các ông
Nguyệt-Quang (*), **Di-Lặc** (*), nối dòng **Như Lai**,
Việt-Tam-Giới (*) tịnh trai chứng đạt,
Bất-Hữu-Tức Bồ Tát (*) quang minh,
Mãn-Nguyệt (*), **Đại-Lực** (*) nguyện tin,
Dược-Vương (*), **Bửu-Tích** (*) diệt sinh đoạn lìa,

(*) **Quán Thế Âm Bồ Tát**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Thế Chí**: Gọi đầy đủ: **Đại Thế Chí Bồ Tát**. Còn gọi: **Đắc Đại Thế**. Xem Thích nghĩa.

(*) **Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương (Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử)**: Xem Thích nghĩa.

(*) **Dũng Thí Bồ Tát**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Vô Lượng Lực Bồ Tát**: Xem phần Thích nghĩa

(*) **Thường Tinh Tấn Bồ Tát**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Bửu Chưởng Bồ Tát**: Còn gọi: **Bảo Chủng Bồ Tát**. Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Nguyệt Quang Bồ Tát**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Di Lặc Bồ Tát**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Việt Tam Giới**: Gọi đầy đủ: **Việt Tam Giới Bồ Tát**. Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Bất Hữu Tức Bồ Tát**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Mãn Nguyệt**: Gọi đầy đủ: **Mãn Nguyệt Bồ Tát**. Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Đại Lực**: Gọi đầy đủ: **Đại Lực Bồ Tát**. Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Dược Vương**: Gọi đầy đủ: **Dược Vương Bồ Tát**. Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Bửu Tích**: Gọi đầy đủ: **Bửu Tích Bồ tát**. Còn gọi: **Bảo Tích Bồ tát**, Xem Thích nghĩa.

Đức **Bửu-Nguyệt** (*) danh bia đời tụng,
 Trời, người thường ứng cúng **Đạo-Sư** (*),
Bạt-Đà-Bà-La (*) đại từ,
Bồ Tát khó kể số người quá đông ... (lạy)

3. Lúc bấy giờ,

Thích-Đề-Hoàn (*) thân nhân quyến thuộc
 Thiên tử đồng câu hội hai muôn.
 Bốn vị **Tứ đại Thiên vương** (*),
Minh-Nguyệt Thiên tử (*), **Phổ-Hương** (*) Chiên Đàn
 Lại cũng có **Bửu-Quang Thiên tử** (*),
 Quyến thuộc đồng đến dự một muôn.

Chủ Ta Bà: **Phạm Thiên vương** (*),
Quang-Minh (*), **Thi-Khí** (*) gia đường một muôn,
 Hai ngàn vị Thiên vương Câu hội
 Đang mong chờ nhuần gọi **Pháp Hoa**.

Long vương (*) tám vị kể ra:

(*) **Bửu Nguyệt**: Gọi đầy đủ: **Bửu Nguyệt Bồ tát (Bảo Nguyệt Bồ Tát)**. Xem Thích nghĩa.

(*) **Đạo Sư**: Gọi đầy đủ: **Đạo Sư Bồ Tát**. Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Bạt Đà Bà La**: Gọi đầy đủ: **Bạt-Đà-Bà-La Bồ Tát**. Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Thích Đề Hoàn**: Gọi đầy đủ: **Thích Đề Hoàn Nhơn**. Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Tứ Đại Thiên Vương**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Minh Nguyệt Thiên Tử**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Phổ Hương**: Gọi đầy đủ: **Phổ Hương Thiên Tử**. Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Bửu Quang Thiên Tử**: Còn gọi: **Bảo Quang Thiên Tử**. Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Phạm Thiên Vương**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Quang Minh**: Gọi đầy đủ: **Quang-Minh Đại Phạm**. Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Thi Khí**: Gọi đầy đủ: **Thi-Khí Đại Phạm**. Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Long Vương**: Xem phần Thích nghĩa.

Trăm ngàn quyến thuộc rất là số đông
Bạt Nan Đà (*) vua Rông danh gọi,
Sa Đà La (*) đồng cỡi Long gia,
Bà Đạt Đa (*), **Đức Xoa Ca** (*),
Ma Na Tư (*), **Ưu Bát La** (*), **Nan Đà** (*),
Hòa Tu Kiết (*) cũng là Long vị,
 Đều mong cầu Pháp thí **Thích Ca**.

Có bốn vị **Khẩn Na La** (*)
Đại, Trì, Pháp, Diệu, tính ra trăm nghìn.

Càn Thát Bà (*) âm thanh vi diệu,
 Bốn ông đều xứng điệu Nhạc vương,
 Đồng Câu hội cả gia đường
 Gọi nhuần ân đức **Pháp vương** (*) bủa truyền.

A Tu La (*) có tên tứ vị:
Khư-La-Khiên-Đà (*) với **La-Hầu** (*);

(*) **Bạt Nan Đà (Long Vương)**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Sa Đà La (Long Vương)**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Bà Đạt Đa**: Gọi đầy đủ: **A Na Bà Đạt Đa (Long Vương)**. Xem Thích nghĩa vẫn A.

(*) **Đức Xoa Ca**: Gọi đầy đủ: **Đức-Xoa-Ca Long Vương**. Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Ma Na Tư**: Gọi đầy đủ: **Ma-Na-Tư Long vương**. Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Ưu Bát La**: Gọi đầy đủ: **Ưu-Bát-La Long vương**. Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Nan Đà**: Gọi đầy đủ: **Nan-Đà Long vương**. Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Hòa Tu Kiết**: Gọi đầy đủ: **Hòa-Tu-Kiết Long vương**. Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Khẩn Na La**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Càn Thát Bà**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Pháp Vương**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **A Tu La**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Khư-La-Khiên-Đà**: Gọi đủ: **Khư-La-Khiên-Đà A Tu La vương**. Xem phần Thích nghĩa

(*) **La Hầu**: Gọi đầy đủ: **La-Hầu A Tu La vương**. Xem phần Thích nghĩa.

Bà-Trī (*) quuyến thuộc hội câu;
Tỳ-Ma-Chất-Đa-La (*) câu Pháp khai.

Ca Lôu La (*) **Đại-Oai-Đức** cả,
Đại-Thân Ca Lôu La nhị vương,
Đại-Mãn Ca Lôu tam vương,
Như-Ý, bốn vị đồng nương tụ về.

Trong Pháp hội có **A Xà Thế** (*)
 Con của Bà Vương đế **Đê Hi** (*)
 Trăm ngàn quuyến thuộc đồng qui
 Cả chúng lễ **Phật**, tọa trì một bên. (lay)

4. **Bấy giờ,**

Đức Thế Tôn ngồi trên bửu điện
 Hàng tứ chúng hiện diện vây quanh
 Cúng dường cung kính tâm thành
 Ngợi khen tôn trọng cha lành **Mâu Ni**,
 Vì các vị thọ trì **Bồ Tát**
 Mà nói kinh thuyết giáo Đại Thừa
Hiệu là:

“**Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ Tát**
Pháp Phật Sở Hộ Niệm”. (lay)

(*) **Bà Trī**: Gọi đầy đủ: **Bà-Trī A Tu La vương**. Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Tỳ Ma Chất Đa La**: Gọi đủ: **Tỳ-Ma-Chất-Đa-La A Tu La vương**. Xem Thích nghĩa.

(*) **Ca Lôu La**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **A Xà Thế**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Đê Hi**: Gọi đầy đủ: **Vi Đê Hi**. Xem phần Thích nghĩa.

Kinh trên **Phật** thuyết vừa xong,
Thế Tôn nhập định chánh lòng như như
Vô Lượng Nghĩa Xứ (*), **Từ Bi** chuyển
Pháp luân (*) bày hiển hiện không hai,
 Thân tâm đều chẳng động lay.
 Trời mưa hoa rải hương bay *Mạn Đà* (*),
Mạn-Thù-Sa Ma Ha (*) thơm ngát,
 Để cúng dường **Bồ Tát, Như Lai**
 Cùng hàng đại chúng các Ngài;
 Khắp cõi nước **Phật** chuyển lay diệu mầu,
 Ba thứ tiếng địa cầu vang dội,
 Ba thứ rung hình sắc lạ thay.
Nhơn, Phi nhơn (*) với tám loài,
Cận sự nam, nữ (*) chấp tay vui mừng,
 Hàng Tỳ kheo chưa từng đặng thấy,
 Các Thánh vương ai nấy ngó nhìn . (lay)

5. Hưởng về Đức **Phật quang minh** (*),
 Hiện bao điềm lạ mầu linh vô cùng.
 Giữa thượng đỉnh cặp lông mày trắng,

(*) *Vô Lượng Nghĩa Xứ*: Gọi đầy đủ: *Vô Lượng Nghĩa Xứ Tam Muội*. Xem Thích nghĩa.

(*) *Pháp Luân*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Mạn Đà*: Gọi đầy đủ: *Mạn Đà La (hoa)*. Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Mạn-Thù-Sa (Ma ha) hoa*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Nhơn, Phi nhơn*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Cận Sự Nam, Nữ*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Quang Minh*: Xem phần Thích nghĩa.

Phóng ra luồng ánh sáng hào quang
 Chiếu soi khắp cả mười ngàn,
 Tám nghìn cõi nước rõ ràng phương Đông,
 Dưới thời chiếu đến trong địa ngục
 Chốn **A Tỳ** (*) giây phút sáng choang
 Trên thì thấu suốt **Tam quang** (*)
 Trời **Sắc Cứu Cánh** (*) hân hoan đẹp lòng,
 Chúng cõi này đều trông thấy cả
 Đủ sáu loài ở các cõi kia.

Lại thấy muôn Đức **Phật** kìa
 Hiện ra đầy đủ như soi gương nhìn
 Và đều đặn nghe kinh **Phật** thuyết.
 Cùng thấy nơi rõ biết cõi kia,
 Các hàng Đại Đức trau tria,
 Tu hành đắc đạo danh bia đông vầy.
 Đại **Bồ Tát** cõi này **giác ngộ** (*)
 Thường thường dùng Pháp độ nhân duyên
 Các lòng tín giải hạnh nguyện,
 Các loại tướng mạo tiện phương tu hành,
 Đại **Bồ Tát** độ sanh rộng nguyện,
 Luôn vào ra ẩn hiện thế gian.

(*) **A Tỳ**: Gọi đầy đủ: **A Tỳ địa ngục**. Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Tam Quang**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Trời Sắc Cứu Cánh** (**Sắc Cứu Cánh thiên**): Xem Thích nghĩa vần S.

(*) **Giác ngộ**: Xem phần Thích nghĩa.

Lại thấy,

Các Đức **Phật** nhập *Niết Bàn* (*)

Sau khi tịch diệt tháp vàng dựng xây

Đem *Xá Lợi* (*) của Thầy muôn loại

Để phụng thờ mãi mãi đời sau. (lạy)

6. Khi ấy,

Trong Pháp hội có ngài **Di Lặc**.

Thấy điềm lành Đức **Phật** hiện ra,

Thần thông thiết tướng sâu xa,

Nhơn duyên gì vậy? Nghĩ ra khôn lường.

Giờ lúc đó **Phật** đương nhập định,

Việc hy hữu cầu thỉnh hỏi ai.

Di Lặc liền tưởng đến “Ngài

Văn Thù Sư Lợi xưa nay ai bằng

Pháp Vương Tử (*) từng gần Đức **Phật**,

Luôn cúng dường vô lượng Như Lai,

Chắc thấy tướng diệu mâu này.

Ta nay nên hỏi ông bày giải phân”.

Cùng lúc đó Trời, Thần, Rồng, Quỷ ...

Cả hội chúng đồng nghĩ như nhau. (lạy)

7. Thân **Phật** hiện tướng tốt

(*) *Niết Bàn*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Xá Lợi*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Pháp Vương Tử*: Xem phần Thích nghĩa.

*Hào quang tỏa muôn màu
Như chưa từng đặng thấy
Nhơn duyên gì ra sao?*

Xét tâm niệm của trong hội chúng
Chỗ nghi tình đây cũng như mình.

Di Lạc Bồ Tát tự tin.

Hỏi **Pháp Vương Tử** bạch minh lăm tưởng:

Nhơn duyên gì mười phương chấn động,
Nhơn duyên gì **Phật** phóng hào quang,
Sáng soi một muôn tám ngàn

Phương Đông thế giới, khó bàn nghĩ suy.

Đều thấy cả nước thì Đức **Phật**,
Như mình đây soi mặt trong gương

Xin ngài **Sư Lợi Pháp Vương**

Giải trình thật nghĩa tận tường vì sao? (lạy)

8. *Đức Đạo Sư Như Lai*
Lông trắng giữa chận mày
Phóng ánh sáng khắp soi
Phương Đông hiện rõ bày.
- Trời mưa hoa Mạn Đà*
Ma Ha Mạn Thù Sa
*Gió thơm mùi **Chiên Đàn** (*)*

(*) *Chiên Đàn*: Xem phần Thích nghĩa.

Cúng dường Đức Thích Ca.

*Vì nhơn duyên Phật định
Cõi đất đều nghiêm tịnh
Mà trong thế giới này
Sáu diệu động (*) vang thinh.*

Bốn bộ chúng () bấy giờ
Vui mừng trước hội cơ
Thân tâm cùng thanh tịnh
Chưa từng thấy bao giờ. (lạy)*

9. *Giữa chận mây tướng Phật
Ánh sáng soi suốt thông
Một muôn tám nghìn cõi
Các nước ở phương Đông,
Trên đến trời Cứu Cánh
Dưới địa ngục A Tỳ
Trong các thế giới đó
Sáu đạo chúng sanh thì,
Sống chết việc kia đến
Thọ báo có tốt xấu
Nghệp duyên lành hay dữ
Tại đây đều rõ thấu. (lạy)*

(*) *Sáu Diệu Động*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Bốn Bộ Chúng*: Xem phần Thích nghĩa.

10. *Lại thấy các Đức **Phật**
Đấng Thánh Chúa chân thật
Diễn thuyết các kinh điển
Nhiệm mầu cao bậc nhất.
Tiếng thanh tịnh tuyệt vời
Giọng êm như nhạc trời
Dạy bảo các **Bồ Tát**
Vô số ức muôn người.
Phạm âm luôn thâm diệu
Khiến người nghe ưa chịu
Các **Phật** ở cõi mình
Chánh Pháp ^(*) giảng dễ hiểu.
Dụng đủ thứ nhân duyên
Thí dụ vô lượng phương
Để tỏ rõ **Phật Pháp**
Vì chúng sanh khai đường.
Nếu có người bị khổ
Nhàm lìa già, bệnh, chết
Phật giảng thuyết Niết Bàn
Để dứt khổ đoạn diệt.
Nếu có người phước báu
Từng cúng dường **Phật bảo***

^(*) *Chánh Pháp*: Xem phần Thích nghĩa.

*Chí cầu Pháp thù thắng
Giảng thuyết **Duyên Giác** (*) đạo.*

*Nếu lại có **Phật tử**
Tu tập các hạnh giữ
Để cầu huệ vô thượng
Phật thuyết tịnh đạo ngữ. (lay)*

11. **Văn Thù Sư Lợi** Pháp Vương!

Tôi đây nghe thấy chi dường việc kia
Và nghìn ức **Phật** khác kia
Rất nhiều như thế khó mà kể ra: (lay)

12. *Tôi thấy ở cõi kia
Có Hàng sa **Bồ Tát**
Dụng các món nhơn duyên
Cầu chứng đạo giải thoát.
Hoặc có vị **bố thí**
Vàng, bạc, ngọc, san hô,
Xa cừ hay **mã não** (*),
Như ý bảo trân châu.*

Các trân bửu, kim cương, xe cộ,
Tôi tớ cùng kiệu, cán bấu chững.
Vui vẻ **bố thí** (*) khôn cùng,

(*) *Duyên Giác*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Mã não*: Xem phần Thích nghĩa.

Hồi hướng **Phật đạo** thung dung một lòng.

Nguyện đặng chứng thoát vòng sanh tử,
Sớm xa lìa *ba cõi* (*) luân hồi.

Các **Phật** khen ngợi hết lời,

Công hạnh bố thí rạng ngời sáng gương.

Có **Bồ Tát** (*) thường thường bố thí

Cả vợ con không nghĩ ruột thân,

Dâng cho tất cả tay, chân

Để cầu **Vô Thượng Đạo** (*) phần xứng danh.

Có **Bồ Tát** chí thành vui thí

Đều ưa cho xương, tủy, mật, gan,

Mắt, tay, máu, thịt chẳng màng

Để cầu trí huệ Niết Bàn **Như Lai**.

Có **Bồ Tát** đứng ngay xe báu,

Bao lơn tàng, lọng bảo đẹp thay,

Trau tria bố thí ngày ngày,

Để cầu lợi lớn bốn loài giác tu. (lạy)

13. Pháp Vương Tử **Văn Thù Sư Lợi!**

Ta thấy nhiều tâm các Quốc vương

Thường đến chỗ **Phật** cúng dường

Thưa hỏi đạo lý rộng đường tu thân,

(*) **Bố Thí**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Ba Cõi**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Bồ Tát**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Vô Thượng Đạo**: Xem phần Thích nghĩa.

Bền bỏ nước chẳng cần ngôi báu,
 Thân thiếp lìa dứt áo vương gia.
 Mặc vào Pháp phục Cà Sa
 Vui đời thanh tịnh xuất gia an nhàn.
 Hoặc **Bồ Tát** hiện làm Đại Đức
 Thường ở nơi vắng vẻ một mình
 Ưa vui tụng niệm điển kinh
 Trọn lòng theo **Phật** vẹn gìn nguyện tin.
 Có **Bồ Tát** tâm linh đồng mãnh
 Vào ở nơi sơn lãnh thâm sâu,
 Tinh tấn suy xét đạo mầu,
 Tìm ra chân lý, sở cầu chơn minh.
 Và thấy bậc ly tình, diệt dục
 Dẫu ở nơi dấy đục phần hoa
 Chuyên tu thiền định sâu xa
Năm thông ^(*) đạt đắc thật là lành thay!
 Có **Bồ Tát** chấp tay trụ thế
 Dùng nghìn muôn bài kệ xưng khen
 Ca ngợi công đức Pháp Vương
 Vì chúng chỉ lối mở đường chơn minh.
 Lắm **Bồ Tát** bất sinh, bất diệt,
 Chí kiên cường hiểu biết liễu viên
 Hay hỏi các **Phật** hiện tiền

^(*) *Năm Thông* (*Ngũ Thông*): Xem phần Thích nghĩa.

Những điều sâu nhiệm tâm yên thọ trì. (lay)

*Lại thấy hàng **Phật tử**
Định, Huệ trọn đầy đủ
Vì chúng mà giảng Pháp
Dùng vô lượng tỉ dụ.*

*Vui ưa nói các Pháp
Dạy bảo các **Bồ Tát**
Phá dẹp chúng ma quân
Mà đánh rền trống Pháp.*

*Cùng thấy vị **Bồ Tát**
Vắng bật yên lặng ngời
Trời, Rồng đều cung kính
Chẳng lấy đó làm vui.*

*Và thấy có **Bồ Tát**
Ở rừng phóng hào quang
Cứu khổ chốn địa ngục
Khiến đều vào **đạo tràng** (*). (lay)*

Lại cũng thấy những hàng **Phật tử**
Dụng kinh hành gìn giữ siêng năng
Chưa từng mệt mỏi dưỡng thân
Ở trong rừng vắng tinh cần tịnh căn.

(*) **Đạo Tràng**: Xem phần Thích nghĩa.

Cũng thấy đủ đa phần giới đức
 Không thiếu sót nguyện lực oai nghi
 Tâm sạch hơn các thứ gì
 Chỉ cầu chứng đạo vô vi nhiệm mầu.

Lại cũng thấy những hàng **Phật tử**
 Trụ vào sức *nhẫn nhục* (*) chí thành
 Bị *Tăng thượng mạn* (*) hoành hành
 Mắng rủa, đánh đập chẳng sanh hận phiền,
 Thả một lòng bền kiên nhẫn chịu
 Để cầu sao chứng liễu đạo viên.

Có **Bồ Tát** phát đại nguyện
 Xa rời sự thế danh quyền, quyến thân
 Lòng ưa thích hầu gần Thiện trí
 Chuyên tâm trừ ý nghĩ lầm sai
 Nhiếp niệm ở chốn sơn đài
 Trải qua số *ức* (*) kéo dài muôn năm
 Để cầu đặng thậm thâm **Phật đạo**. (lạy)

14. *Lại thấy vị **Bồ Tát**
 Dùng trăm vị thuốc thang
 Đồ ăn uống tịnh ngon
 Dem cúng **Phật** và **Tăng**,*

(*) *Nhẫn Nhục*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Tăng Thượng Mạn*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Ức*: Xem phần Thích nghĩa.

Áo tốt đồ thường phục
 Giá đáng đến nghìn muôn
 Hoặc là vô giá y
 Dem cúng **Phật** và **Tăng**,
 Dùng nghìn muôn ức thứ
 Nhà báu bằng Chiên Đàn
 Các giường nằm tốt đẹp
 Để cúng **Phật** cùng **Tăng**,
 Rừng vườn rất tịnh thanh
 Bông trái đều cây lành
 Suối chảy cùng ao tắm
 Cúng dường **Phật** và **Tăng**,
 Ứng thí như thế đó
 Một lòng luôn hướng thượng
 Vui vẻ không nhàm chán
 Để cầu đạo Vô Thượng. (lạy)

15. Có **Bồ Tát** giảng kinh tịch diệt
 Chánh Pháp truyền chơn thiết độ sanh
 Vô số nẩy nở căn lành
 Đều vào **Phật đạo** đắc thành chân như.
 Có **Bồ Tát** đại từ, đại hạnh
 Quán sát soi Pháp tánh không hai
Vô Tướng (*), **Thật Tướng** (*) **Như Lai**

(*) **Vô Tướng**: Xem phần Thích nghĩa.

Cũng như khoảng trống của rày hư không.

*Lại thấy hàng **Phật tử**
 Tâm không chỗ mê giữ
 Chuyên tu diệu huệ này
 Sớm sang bờ bỉ ngạn.* (lạy)

16. **Văn Thù Sư Lợi** Pháp Vương!
 Tôi từng nghe thấy tỏ tường như sau:

*Lại có vị **Bồ Tát**
 Sau khi **Phật** diệt độ
 Cúng dường **Xá Lợi Phật**.
 Lại thấy hàng **Phật Tử**
 Xây dựng các tháp miếu
 Nhiều vô số Hằng sa
 Nghiêm sức khắp cõi nước.
 Bửu tháp rất cao đẹp
 Đều năm nghìn **do-tuần** (*).
 Trong mỗi mỗi tháp miếu
 Đều có nghìn tràng phan
 Màn châu xen thả xuống
 Tiếng linh báu hòa vang.
 Các vị Trời, Rồng, Thần
 Người cùng với Phi nhơn*

(*) *Thật tướng*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Do Tuần*: Xem phần Thích nghĩa.

*Hương hoa cùng kỹ nhạc
Thường đem đến cúng dường.*

Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương!

Các hàng **Phật tử** cúng dường lâu nay

Nên trang sức tháp đài Xá Lợi,

Cõi nước kia quốc giới tự nhiên

Đặc thù tốt đẹp niên niên

Như cây *Thiên Thọ Vương* (*), bông nở xòe. (lạy)

17. Nhưn **Phật** phóng một luồng ánh sáng

Ta cùng cả chúng hội vui mừng

Thấy nơi cõi nước chưa từng

Các thứ tốt đẹp lấy lòng mâu thay!

Thần lực của **Như Lai** Chư **Phật**

Trí huệ đều bí mật khó bàn

Hiện ra một đạo tịnh quang

Soi khắp vô lượng rõ ràng cõi đây.

Chúng ta thấy việc này

Đặng điều chưa từng có

Xin Văn Thù Sư Lợi

Giải bày đây thấu rõ.

(lạy)

18. Cả bốn chúng nay đều mong ngóng

Hướng nhìn Ta, hy vọng về Ngài.

(*) *Thiên Thọ Vương*: Xem phần Thích nghĩa.

Cớ chi Đức Như Lai

Phóng ánh quang minh này?

Giải nghi cho chúng mừng

Ông biết xin nói ngay.

Hay là có việc gì lợi ích?

Đức Bi Tôn **Phật Thích** phóng quang

Khi **Phật** nhập định đạo tràng

Chứng đặng thâm diệu Pháp tàng cao siêu

Vì muốn thuyết rộng điều Pháp đó

Hoặc **Thế Tôn** ký thọ cho ai?

Nên các cõi **Phật** hiện bày

Muôn báu tịnh sạch, Liên đài trang nghiêm

Cùng thấy rõ hiện tiền Chư **Phật**

Như soi hình thấy mặt trong gương

Việc lớn đâu phải chuyện thường

Văn Thù nên biết rộng đường tỏ phân

Bốn chúng và Long, Thần xem xét

Đang nhìn Ngài mong sẽ nói gì? (lay)

19. Lúc bấy giờ, **Văn Thù Sư Lợi!**

Bèn chấp tay nói với các Ngài;

Di Lặc Đại Bồ Tát

Cùng các vị Đại sĩ^()*

^(*) *Đại Sĩ*: Xem phần Thích nghĩa.

*Này các Thiện nam tử!
 Như chỗ Ta xét nghĩ
 Thời nay Đức **Thế Tôn**
 Muốn nói Pháp lớn,
 Mưa **Pháp vũ** (*) lớn,
 Thổi **Pháp loa** (*) lớn,
 Đánh **Pháp cổ** (*) lớn,
 Và diễn Pháp nghĩa lớn.*

Thiện nam tử! Các ông nghe rõ:
 Ta vì người bày tỏ bạch minh!
 Phá tan những mối nghi tình
 Không còn ngăn ngại, thấy nhìn rộng xa.
 Ta từng đã trải qua quá khứ
 Được hầu gần các Đức **Như Lai**
 Điềm lành **Phật** hiện hôm nay
Thế Tôn chuyển Pháp sắp bày nói ra
 Chư **Phật** xưa cũng là như vậy
 Muốn chúng sanh nghe thấy Pháp mầu
 Hào quang chiếu rọi cao sâu
 Trong đời cũng lắm khó âu tin dùng. (lạy)

20. Thiện nam tử! Các ông nên biết

(*) **Pháp Vũ**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Pháp Loa**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Pháp Cổ**: Xem phần Thích nghĩa.

Tính khôn cùng về kiếp trước đây
 Có Đức **Phật** hiệu danh này
 Diễn thuyết chánh Pháp ba thời nghĩa sâu
 Lời lẽ rất khéo mầu thuần nhất
 Không tạp xen một vật bụi trần
 Đây đủ cả tướng thiết chân
 Thanh bạch *phạm hạnh* (*) đức ân khó lường.

“Đức **Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai!**” (*)

- (*) *Ứng Cúng* công đức không ai sánh bằng,
- (*) *Chánh Biến Tri* thường hằng thấu biết,
- (*) *Minh Hạnh Túc* vốn thiết tròn đầy,
- (*) *Thiện Thệ* nguyện lớn sâu dày,
- (*) *Thế Gian Giải* ngộ chỉ bày viên thông,
- (*) *Vô Thượng Sĩ* pháp Không vi diệu,
- (*) *Bậc Trượng Phu Điều Ngự* độ sanh,
- (*) *Thiên Nhân Sư* đấng Cha lành,
- (*) **Phật Đà** toàn giác, đắc thành *Thế Tôn*. (lạy)

Phật quán thấy vì người cầu đạo
 Quả *Thanh Văn* (*), thọ báo sanh, già,
 Bệnh, tử chóng sớm thoát ra,

(*) *Phạm Hạnh*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai (Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật)*: Xem Thích nghĩa.

(*) *Thập Hiệu Chư Phật*: Xem Thích nghĩa vẫn T.

(*) *Thanh Văn*: Xem phần Thích nghĩa.

Niết Bàn cứu cánh, Ta Bà khởi vương.
 Nên nói Pháp mở đường **Tứ Đế**^(*)
 Như dò thuyền dùng để qua sông.
 Có người **Duyên Giác** cầu mong
Vô Sanh^(*) chứng đắc, thoát vòng trầm luân.
Phật giảng thuyết **Nhơn Duyên Thập Nhị**^(*),
 Phân đoạn rành ý chỉ nào sai.
Pháp môn^(*) hoàn diệt không hai
 Đây là phương tiện Pháp bày thế gian.
Phật rộng độ vì hàng **Bồ Tát**
Sáu Pháp^(*) truyền cầu đạt sau đây:

Bố Thí Ba La Mật^(*),
Nhẫn Nhục Ba La Mật^(*),
Trì Giới Ba La Mật^(*),
Tinh Tấn Ba La Mật^(*),
Thiền Định Ba La Mật^(*),
Trí Huệ Ba La Mật^(*).

(*) **Tứ Đế**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Vô Sanh**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Nhơn Duyên Thập Nhị (Thập Nhị Nhân Duyên)**: Xem phần Thích nghĩa vẫn T.

(*) **Pháp Môn**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Sáu Pháp (Lục Pháp)**: Gọi đầy đủ: **Lục Ba La Mật**. Xem Thích nghĩa vẫn L.

(*) **Bố Thí Ba La Mật**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Nhẫn Nhục Ba La Mật**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Trì Giới Ba La Mật**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Tinh Tấn Ba La Mật**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Thiền Định Ba La Mật**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Trí Huệ Ba La Mật**: Xem phần Thích nghĩa.

Hành cho chúng đặng quả này
 Vô Thượng Đẳng Giác làm Thầy chúng sanh,
Nhứt Thiết Trí (*) viên thành bậc nhất
 Được vào ngôi vị **Phật** hoàn toàn
Di Lạc Bồ Tát! Nghĩ bàn,
 Hai muôn Đức **Phật** rõ ràng đồng danh
Nhật Nguyệt Đẳng Minh thành một hiệu
 Lại cùng đồng một họ chẳng hai
Phả La Đọa (*) không đổi thay
 Đây đủ mười hiệu **Như Lai** tương đồng,
 Những Pháp diễn như dòng suối chảy
 Trước và sau hiện tại đều lành.

Đức **Phật** sau cuối **Đẳng Minh**
 Lúc chưa xuất thế sinh con tám người:

- Người thứ nhất tên thời **Hữu Ý**,
- Người thứ hai **Thiện Ý** sạch trong,
- Thứ ba **Vô Lượng Ý** thông,
- Thứ tư **Bửu Ý** tâm lòng quang minh,
- Thứ năm ngộ diệt, sinh **Tăng Ý**,
- Thứ sáu là **Trừ Nghi Ý** toàn,
- Thứ bảy **Hương Ý** thuận đàng,
- Thứ tám **Pháp Ý** bố ban muôn loài.

(*) *Nhứt Thiết Trí* (*Nhất Thiết Trí*): Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Phả La Đọa*: Xem phần Thích nghĩa.

Tám Vương Tử có oai đức độ
Lãnh trì đời gồm **bốn bộ châu** (*)

Vua cha cắt ái tu cầu

Chứng đạo Vô Thượng nhiệm mầu siêu nhiên.

Đều bỏ hết vợ hiền, con thảo,

Lìa ngai vàng, điện báu, cung phi.

Phát tâm cầu đạo **Từ Bi**

Tu hạnh thanh tịnh, vô vi **Đại Thừa** (*).

Đồng làm bực **Pháp Sư** (*) giảng thuyết

Trải nghìn muôn Đức **Phật** vun trồng

Cội lành như nước trăm sông

Chảy về biển cả tánh đồng thể chân. (lạy)

21. **Đức Phật Nhưật Nguyệt Đăng Minh.**

Lúc đó, giảng thuyết nói kinh Đại Thừa:

“**Vô Lượng Nghĩa Xứ Giáo Bồ Tát**

Pháp Phật Sở Hộ Niệm”. (lạy)

Nói Kinh đó! Đã xong rồi

Ở trong đại chúng **Phật** ngồi lặng yên

Nhập vào cảnh đại thiên, đại định

Vô Lượng Nghĩa Xứ tịnh thân tâm

Chẳng động một niệm sai lầm

(*) **Bốn Bộ Châu (Tứ Bộ Châu)**: Xem Thích nghĩa văn T.

(*) **Đại Thừa**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Pháp Sư**: Xem phần Thích nghĩa.

Thù thắng vạn Pháp, thậm thâm diệu huyền. (lạ)

22. Mạn Đà La chư Thiên hoa rải,

Nơi đạo tràng đủ loại *Thù Sa* (*)

Cúng dường Đức **Phật** mưa hoa

Và hàng đại chúng rất là khiêm cung.

Cõi nước **Phật** động rung sáu diệu

Mầu nhiệm thay! Thấu hiểu khôn lường.

Lúc đó *tám bộ* (*) vui mừng

Tỳ kheo nam, nữ chưa từng thấy trông

Đều chấp tay một lòng nhìn **Phật**.

Mong đặng tường bí mật thần thông. (lạ)

23. Bảy giờ, từ tướng **Như Lai**

Lông trắng chặn giữa chơn mây phóng ra

Luồng ánh sáng soi qua khắp chốn

Cả một muôn cùng đến tám nghìn

Phương Đông cõi nước đẹp xinh

Như nay đương thấy tướng hình **Phật** đây.

Ngài **Di Lạc** ông nay nên biết!

Trong hội này có thiệt hai mươi

Ức vị **Bồ Tát** hơn người

Ưa muốn nghe Pháp độ đời nguyện viên

(*) *Thù Sa*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Tám Bộ (Bát Bộ)*: Xem Thích nghĩa vẫn B.

Các vị ấy thấy liền ánh sáng
 Chiếu khắp soi các cõi **Như Lai**
 Chưa từng đặng thấy điềm này
 Đều muốn rõ biết ai bày giải phân?
 Có **Bồ Tát** hầu gần Đức **Phật**
 Hiệu **Diệu Quang** (*) xứng bậc Thường Tùy
 Tám trăm đệ tử quy y
 Theo Ngài tu học, ứng kỳ hội câu. (lạy)

24. Vì **Diệu Quang** khởi cầu Pháp tịnh
Phật từ trong chánh định trí minh
 Chuyển khai thuyết giáo Đại Kinh
 Sáu mươi **tiểu kiếp** (*) độ sinh chẳng rời
 Luôn như vậy! Chỗ ngồi yên tọa
 Chẳng khi nào rời bỏ phút giây. (lạy)

25. Lúc đó, trong Pháp hội này
 Người nghe cũng vậy đồng ngồi trụ yên
 Không lay động tâm thiền, thân tịnh
 Chẳng biếng lười sanh bệnh mỗi mê
 Sáu mươi tiểu kiếp không xê
 Nghe **Phật** giảng Pháp khoảng hễ bữa ăn.
“Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát

(*) **Diệu Quang (Bồ Tát)**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Tiểu Kiếp**: Xem phần Thích nghĩa.

Pháp Phật Sở Hộ Niệm” . (lạy)

26. **Đức Phật Nhựt Nguyệt Đăng Minh**

Sáu mươi tiểu kiếp nói Kinh đó rồi,
 Liên ở trong Trời, Người, Ma, Phạm,
Bà La Môn (*), **Đại Đức** (*), **Sa Môn** (*)
 Mà nghe tuyên cáo di ngôn
 Những điều chân thật **Thế Tôn** lưu truyền
 Các Tỳ Kheo bảo biên ghi nhớ
 Lời **Ta** nay chớ có bớt thêm
*“Hôm nay vào lúc nửa đêm,
 Như Lai sẽ nhập vô dư Niết Bàn* (*).”

Khi đó;

Có **Bồ Tát** tên là **Đức Tạng**
 Sẽ kế thừa làm rạng **Phật môn**
 Sau này thành đấng **Thế Tôn**
Tịnh Thân danh hiệu viên đồng **Như Lai**.
 Thọ ký xong **Phật** ngồi tịch diệt
 Vào nửa đêm đã biết như trên. (lạy)

27. Sau khi **Phật** nhập Niết Bàn
Diệu Quang Bồ Tát đạo tràng mở ra

(*) *Bà La Môn*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Đại Đức*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Sa Môn*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Vô Dư Niết Bàn*: Còn gọi: *Vô Dư Y Niết Bàn*. Xem phần Thích nghĩa.

Trì Kinh “**Diệu Pháp Liên Hoa**”

Tám mươi tiểu kiếp lâu xa vì đời. (lạy)

28. Đây lại nói, tám người con **Phật**
 Cùng đều theo tu học với Ngài
Diệu Quang Bồ Tát, huệ khai
 Tám vì Vương Tử chứng ngay hiện tiền
 Thường cúng dường vô biên công đức
 Trăm nghìn muôn ức **Phật** trọn lành
 Vô Thượng *Chánh Giác* (*) đạo thành
 Vị rốt sau hết hiệu là: *Nhiên Đăng* (*). (lạy)

29. Xin nhắc lại, tám trăm đệ tử
 Của Đức Ngài **Bồ Tát Diệu Quang**
 Có một người tên *Câu Danh* (*)
 Đọc tụng kinh điển chẳng rành bao nhiêu
 Tham ưa muốn những điều danh lợi
 Nhưng người này phát khởi tâm thành
 Vun trồng các nghiệp thiện sanh
 Nhon duyên rộng lớn, căn lành dày sâu
 Nên đặng gặp biết bao Đức **Phật**
 Trăm ngàn muôn số tính khôn lường
 Tâm hay khen ngợi cúng dường

(*) *Chánh Giác*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Nhiên Đăng*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Câu Danh (Bồ Tát)*: Xem phần Thích nghĩa.

Lòng hằng tôn trọng **Phật đường** khiêm cung. (lay)

30. Ngài **Di Lạc**, chắc ông nên biết!

Diệu Quang xưa vốn thiết là Ta

Đâu phải xa lạ vậy mà

Cầu Danh Bồ Tát chính là ... ngài đây.

Nay ông thấy đềm này to tát

Cùng với xưa không khác gì đây.

Cho nên Ta xét hôm nay

Từ Tôn thuyết pháp diễn bày chân kinh

“**Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát**

Pháp Phật Sở Hộ Niệm”

Bấy giờ, **Văn Thù** Thánh hiền

Vì lòng thương chúng muốn tuyên nghĩa rành.

Ở trong đại chúng kê rằng: (lay)

31. Quá khứ thuở xưa Ta nhớ rành

Kiếp trần vô lượng ngộ Vô Sanh

Thế Tôn Nhật Nguyệt Đăng Minh hiệu

Thuyết Pháp độ đời đắc vị danh

Bồ Tát đông vầy không đếm xuể

Chúng sinh vô số nguyện tu hành

Khiến vào trí huệ **Như Lai** định

Vô Thượng giác viên đại đạo thành.

Phật Nhứt Đăng Minh chưa xuất gia
 Tám vì Vương Tử đặng sanh ra
 Nghe cha ly dục tâm cầu đạo
 Phế bỏ ngai vàng cũng xuất gia. (lạ)

32. **Phật** giảng Đại Thừa chuyển Pháp kinh
 Tên là “**Vô Lượng Nghĩa ...**” khai minh
 Ở trong đại chúng hằng mong mỏi
 Vì rộng từ bi tỏ thuyết trình.
 Thuyết trình kinh nghĩa đã xong rồi
 Vắng lặng, **Từ Tôn** Pháp tọa ngôi
 Chánh định nhập vào Vô Lượng Xứ
 Trống trời vang động tự nhiên thôi! (lạ)

33. Trống trời vang động tự nhiên thôi!
 Trời rưới Thù Sa hoa Mạn Đà
 Bốn bộ Quỷ, Thần, ưng thọ lãnh
 Cúng dường các cõi **Phật** Hằng sa
 Tức thời sáu điệu rung lay chuyển
 Hình sắc đổi thay quá lạ mà
 Mừng đấng **Nhơn Tôn** điềm tốt hiện
 Giữa mày ánh sáng phóng quang ra. (lạ)

34. Giữa mày ánh sáng phóng quang ra
 Hiện tượng chưa từng đặng thấy qua
 Soi chiếu phương Đông nhiều cõi **Phật**

Rõ bày sanh, tử nghiệp sâu xa
 Chúng sinh báo ứng nơi nhân quả
 Nước **Phật** trang nghiêm báu sáng lòa
 Trân ngọc, *lưu ly* (*) cùng mã não
 Đều do sức **Phật** phóng quang ra. (lạy)

35. Lại thấy Trời, Người, chúng *Dạ Xoa* (*)
 Rỗng, Thần, Càn Thát, Khẩn Na La
 Cúng dường Tôn **Phật Đấng Minh Nhựt**
 Khai thị giáo môn hiển “**Pháp Hoa**”. (lạy)

36. Lại thấy **Như Lai** vô số nhiều
 Tự nhiên thành **Phật** đạo sùng yêu
 Màu thân như núi vàng ong ả
 Sắc tướng đoan nghiêm rất đẹp mầu
 Như thể lưu ly trong sạch suốt
 Hiện ra chơn tượng ngọc minh châu
Thế Tôn ứng hiện vì sanh chúng
 Dạy bảo pháp lành rộng nghĩa sâu. (lạy)

37. Mỗi các cõi **Phật** hiện số đông
Thanh Văn, Bồ Tát đạo viên đồng
Phật quang soi sáng thường thường chiếu
 Đại chúng nơnh theo giác ngộ lòng

(*) *Lưu Ly*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Dạ Xoa*: Xem phần Thích nghĩa.

Hoặc các Tỳ Kheo nơi núi trụ
Giữ gìn tịnh giới rạng thanh trong
Chuyên tu tinh tấn không ngưng trệ
Châu sáng tròn gìn đặc liễu thông. (lay)

38. Lại thấy các **Bồ Tát** đạo hành
Sáu Ba La Mật chứng viên thành
Số đông như cát sông Hằng vậy
Do bởi **Phật quang** bủa đức lành.

Lại thấy hàng **Bồ Tát** định thiền
Thân tâm vắng lặng trụ ngời yên
Chẳng hề lay động như trăng rạng
Vô Thượng Đạo cầu *đại nguyện* (*) viên.

Lại thấy các **Bồ Tát** trí minh
Rõ thông tướng Pháp tịch Vô Sinh
Ở nơi quốc độ mình tuyên Pháp
Phật đạo ứng cầu tâm tự tin. (lay)

39. Bấy giờ, bốn chúng rất vui mừng
Trông thấy hào quang hiện sáng trưng
Không biết cố gì? Lòng tự hỏi
Việc này xem thấy cũng chưa từng. (lay)

40. **Như Lai** là đấng Thầy Trời, người

(*) *Đại Nguyện*: Xem phần Thích nghĩa.

Tôn trọng, phụng thờ chẳng dám lời
 Từ chỗ nhập thiên Ngài xả định
 Khen thay **Bồ Tát Diệu Quang** thời
 Ông là mắt của người ta vậy
 Là chỗ vững tin chắc mọi người
 Như Pháp **Ta** đây vừa thuyết giảng
 Chỉ mình ông chứng biết mà thôi.

Đức **Phật** ngợi khen Ngài **Diệu Quang**
 Vui mừng khôn xiết dạ hân hoan
Pháp-Hoa Phật dạy lời thâm diệu
 Trái sáu mươi tiểu kiếp nghĩ bàn
 Viên trụ chỗ ngồi không chuyển đổi
 Trọn đều định huệ thọ trì an
 Một lòng qui hướng về **Tam Bảo** (*)
 Pháp thượng diệu minh Đức **Phật** ban. (lạy)

41. **Pháp-Hoa Phật** thuyết giảng xong rồi
 Cho chúng vui mừng có thể thôi
 Liên chính trong ngày đêm tối đó
 Bảo hàng đệ tử nhớ ghi lời
 Thế gian các Pháp đều sinh diệt
 Nghĩa Thật Tướng này chớ bỏ lời
Ta đã vì người truyền thụ lại

(*) **Tam Bảo**: Xem phần Thích nghĩa.

Muôn năm khó gặp **Phật** trong đời.

Tu hành tinh tấn chớ buông lung

Bi trí nương theo đấng **Đại Hùng** (*)

Vô Thượng Bồ Đề cầu đạo đắc

Độ đời viên mãn đến lâm chung.

Nay Ta giữa đêm này

Thị tịch diệt thân đây

Sẽ vào cõi Niết Bàn

Như Lai quả không sai. (lạy)

42. Tám vì Vương Tử cũng buồn đau
Phật nhập Niết Bàn quá lẹ mau
 Duyên cớ vì đâu mà gặp vậy
 Chúng sanh mê muội biết làm sao?

Đấng Thánh Chúa Pháp Vương

Liên an ủi khôn lường

Sau khi Ta diệt độ

Có người kể chỉ đường.

Đức Tạng Bồ Tát (*) *đây*

Tâm thông thấu chân thường

Nơi vô lậu (*) *thật tướng*

Tứ Lượng Tâm (*) *yêu thương.*

(*) **Đại Hùng**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Đức Tạng Bồ Tát**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Vô Lậu**: Xem phần Thích nghĩa.

Xem chúng như con đẽ
Chánh Pháp sẽ hoằng dương
*Thành **Phật** hiệu **Tịnh Thân***
Trời, người ủng cúng dường. (lay)

43. Đem đó, **Như Lai** nhập Niết Bàn
 Ví như củi hết lửa tro tàn
Trà Tỳ (*) Xá Lợi chia phân hết
 Xây tháp phụng thờ khắp thế gian
 Đại Đức, Tỳ Kheo vô số kể
Thanh Văn, Bồ Tát, chúng mười phương
 Lòng buồn chí nguyện thêm tinh tấn
 Vô Thượng Đạo cầu thoát khổ than. (lay)
44. **Bồ Tát Diệu Quang** xứng Pháp Sư
 Vững hành **Phật sự** (*) dạ như như
 Bảo tồn Pháp Tạng nhiều đời kiếp
 Rộng thuyết **Pháp Hoa** bậc Đại Từ
 Tám vị Đế Vương con Đức **Phật**
 Được người dạy bảo đắc chân tu
 Vững bền Chánh Đẳng ngôi Vô Thượng
 Diện kiến Hằng sa đấng **Trượng Phu**.
 Cúng dường Chư **Phật** phát nguyện xong

(*) *Tứ Lượng Tâm*: Còn gọi: *Tứ Vô Lượng Tâm*. Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Trà Tỳ*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Phật Sự*: Xem phần Thích nghĩa.

Đại Đạo thuận theo giác ngộ lòng
 Tám vị nối nhau thành **Phật quả**
 Chân truyền thọ ký chỗ Tâm tông
Niên Đãng Phật hiệu thành sau cuối
 Thầy của Tiên Thiên Bát Bộ đồng
 Độ thoát thế gian vô lượng chúng
Ma Ha (*) thuyền nhã vượt mê sông. (lạy)

45. Đệ tử Đức Ngài có tám trăm,
 Một người biếng trễ rất mê tâm,
 Lòng ưa danh lợi, tham quyền quý,
 Tánh thích giàu sang chẳng chán nhàm,
 Thường bỏ việc tu không nhiếp định,
 Quên đi kinh kệ cửa Già Lam,
 Tụng nhiều nhưng trí không thông thuộc
 Gọi đó **Cầu Danh** đạo thích ham.
 Nhưng cũng gieo sâu các nghiệp lành
 Cúng dường các **Phật** đấng Vô Sanh
 Cho nên đặng thấy nhiều Chư **Phật**
 Sau rốt thuận theo Đại Đạo hành
 Đủ sáu Ba-La không kém khuyết
 Trọn đầy nguyện lực trí cao thanh
 Nên nay gặp được **Thích Ca** độ

(*) **Ma Ha**: Xem phần Thích nghĩa.

Đây chắc đương lai quả **Phật** thành.

*Hiệu rằng: **Phật Di Lặc***

***Đương Lai** độ quần sanh*

***Long Hoa Tam Thế Hội** (*)*

Đại nguyện thế viên thành. (lay)

46. **Câu Danh Bồ Tát** chính Ngài đây
Lưỡi biếng việc tu trước trẽ chầy
Còn **Diệu Quang** xưa ông có biết
Nay thời **Sư Lợi** chính Ta đây.

Ta thường trông thấy **Phật Đấng Minh**
Điềm sáng trước kia rõ sự tình
Nên biết rằng nay **Phật** muốn thuyết
Pháp Hoa Vô lượng nghĩa chân kinh.

Điềm xưa, nay hiện chẳng khác gì
Phương tiện độ trần **Phật** giác tri
Ánh sáng phóng ra luồng diệu dụng
Giúp bày nghĩa thiết tướng **vô vi** (*).

Người nay nên biết chớ nghi ngờ
Vui vẻ chấp tay dạ đợi chờ
Phật sẽ rưới nhuần ban nước Pháp

(*) **Long Hoa Tam Thế Hội**: Gọi tắt: **Long Hoa Tam Hội**. Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Vô Vi**: Xem phần Thích nghĩa.

Đủ đầy người chứng đắc *thiên cơ* (*).

Ba Thừa (*) vô số lắm người cầu

Nếu có nghi ngờ *sám hối* (*) mau

Phật sẽ dứt trừ cho hết *hoặc* (*)

Khiến không còn dính mắc trần lao. (lạy)

- **Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)
- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)



(*) *Thiên Cơ*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Ba Thừa (Tam Thừa)*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Sám Hối*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Hoặc*: Xem phần Thích nghĩa.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA (QUYỂN 1)



PHẨM “PHƯƠNG TIỆN” (Thứ Hai)

1. Lúc bấy giờ, Đức **Thế Tôn**
Từ nơi *chánh định* (*) ôn tồn dạy khuyên
Bảo Ngài **Xá Lợi** bậc hiền:
“Trí huệ Đức **Phật** vô biên sâu lường
Môn trí huệ khó tường, khó hiểu
Muốn tu thành đạt liễu dễ sao.
Thanh Văn cùng *Bích Chi* (*) nào
Đều không biết được. Vì sao? Nghĩ bàn.
Phật từng gần trăm ngàn muôn ức
Vô số các Đức **Phật** xa xưa
Trọn tu vô lượng Đại Thừa
Đạo Pháp sâu nhiệm, tâm ưa thỉnh cầu
Lòng dũng mãnh đạo mầu tinh tấn
Danh thơm đồn vang chấn nơi nơi

(*) *Chánh Định*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Bích Chi (Phật)*: Xem phần Thích nghĩa.

Viên thông (*) các Pháp tuyệt vời
Như chưa từng có trong đời xảy ra.

Theo thời nghi mà **Ta** giảng nói
Ý nghĩa bày khó nổi hiểu ngay.

Này **Xá Lợi Phất** nghe đây!
Từ **Ta** thành **Phật** đến nay hiện giờ
Rộng thuyết diễn nói cơ ngôn giáo.
Hay tùy thời dạy bảo nhưn duyên,
Thí dụ (*) dẫn chứng kinh quyền,
Vô số **phương tiện** (*) làm thuyền độ sanh,
Giác ngộ chúng rõ ràng đạo lý,
Sớm xa lìa ích kỷ, chấp danh.

Đức **Như Lai** đặc quả thành
Đầy đủ phương tiện lợi hành giác tha,
Chánh tri kiến và **Ba La Mật** (*)
Của **Thế Tôn** rộng thật sâu xa.

Xá Lợi Phất! Hãy nghe qua.
Đức Từ vô lượng Hằng sa khôn lường,
Vô ngại (*) lực không đường ngăn trở,
Vô sở úy (*) sanh tử vượt ra,

(*) **Viên Thông**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Thí Dụ**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Phương Tiện**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Ba La Mật**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Vô Ngại**: Xem phần Thích nghĩa.

Thiền định chứng chỗ Ma Ha
 Giải thoát tam muội thật là không hai,
 Tất cả Pháp **Như Lai** đều trọn
 Như rừng kia cỏ dọn sạch trơn
 Chưa từng so sánh gì hơn
 Cũng không bàn nghĩ, tỏ tường hết đầu.

Xá Lợi Phất! Ông hầu ghi nhớ.
Như Lai từng muôn thuở nói Kinh
 Khéo phân biệt sự chứng minh
 Dụng nhiều phương pháp giải trình cạn sâu
 Lời lẽ rất nhiệm mầu êm dịu,
 Vui đẹp lòng mộ điệu chúng sanh.

Xá Lợi Phất! Rõ ngọn ngành.
 Tóm tắt, yếu lược phân rành nêu trên,
 Đức **Phật** đều trọn nên các Pháp
Vị tàng hữu ^(*), vô lượng, vô biên. (lay)

2. **Xá Lợi Phất!** Định lắng yên
 Chẳng cần nói nữa làm phiền chúng đây.
 Vì Pháp **Ta** diễn bày khó hiểu,
 Chỉ có **Phật** cùng **Phật** thấu tri
 Tột tướng chân thật vô vi,

^(*) *Vô Sở Úy*: Xem phần Thích nghĩa.

^(*) *Vị Tàng Hữu*: Xem phần Thích nghĩa.

Nghĩa là các Pháp chẳng gì so phân:
 Tướng như vậy, tánh chân như vậy,
 Thể như vậy, nào thấy khác chi,
 Lực như vậy, tác đồng qui,
 Nhơn duyên như vậy, cũng thì như nhau,
 Quả với báo trước sau như vậy,
 Rốt ráo đều chẳng thấy đúng, sai.

Bấy giờ, Đức **Phật Như Lai**
 Tuyên lại nghĩa thật với bài kệ đây. (lay)

*Pháp **Phật** xưa nay khó thể lường
 Trời, người nghe thấy dễ gì lường
 Chúng sanh tất cả đều như thế
 Ít kẻ hiểu sâu được **Phật** đường
 Trí lực **Như Lai** vô sở úy
 Kiên cường dũng mãnh thắng **Ma vương** (*)
 Vượt ra Tam giới không ngăn ngại
 Giải thoát, định thiên thật diệu phương.
 Vốn từ vô số **Phật** viên thành
 Đầy đủ tu theo các hạnh lành
 Pháp nhiệm mầu thay sâu chẳng cạn
 Khó nhìn thấy rõ bốn Vô Sanh.
 Ước kiếp vô lượng **Thế Tôn** tu*

(*) **Ma Vương**: Xem phần Thích nghĩa.

*Thành công các Pháp vạn qui thù
Đạo tràng chứng quả đều thanh tịnh
Thấy biết tinh tường chỗ trí, ngu.*

*Quả báo Như Lai lớn tột cùng
Các phương tánh, tướng, nghĩa viên dung
Ta và Chư **Phật** mười phương rõ
Mới biết việc trên đó vẫn đồng. (lạy)*

3. *Không chỉ đắc thành **Pháp** đó đâu
Mà còn vắng bật nói năng cầu
Chúng sanh hơn loại không ai hiểu
Thắng nghĩa (*) **Như Lai** chỗ nhiệm mầu
Trừ các những hàng **Bồ Tát Đạo** (*)
Hoặc người tin chắc thệ nguyện sâu
Mới là liễu nghĩa **Như Lai Tạng** (*)
Kiến tánh tu tâm thoát khổ sâu.*
- Dầu hàng đệ tử đức **Như Lai**.
Ứng nguyện cúng dường các **Phật** Ngài.
Tất cả nghiệp trần đều dứt sạch,
Trụ thân tu tập rốt sau này.
Nói chung các hạng người như vậy,
Cũng khó lòng tin Pháp **Phật** bày*

(*) **Thắng Nghĩa**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Bồ Tát Đạo**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Như Lai Tạng**: Xem phần Thích nghĩa.

*Thật nghĩa rộng sâu, sâu chẳng cạn
Như hư không vậy khắp trong ngoài.*

*Giả sử thế gian đây một lòng,
Đều như **Xá Lợi Phất** minh thông,
Cùng chung ý nghĩ so lường trước,
Phật trí (*) không tường chớ dối trong.*

***Chánh sử** (*) mười phương chung một lòng,
Đều như **Xá Lợi Phất** viên thông,
Và hàng đệ tử mười phương cõi.
Phật trí Như Lai chẳng rõ thông.*

*Có hàng **Duyên Giác** sạch vô minh,
Lậu nghiệp không còn, dứt tử sinh.
Đầy đủ mười phương như thế đó!
Số đông ví tựa cỏ trong rừng.
Hạng này đâu có chung lòng nghĩ
Vô lượng kiếp đời thật khó tin
Thiệt trí Thế Tôn đây muốn xét
Chút phần khó hiểu trí viên minh. (lạ)*

***Bồ Tát** vừa mới phát tâm
Rõ thấu các nghĩa thậm thâm diệu mầu
Lại hay nói Pháp cao sâu*

(*) **Phật Trí**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Chánh Sử (Chính Sử)**: Xem phần Thích nghĩa.

Như lúa, như cỏ, tre, lau, đậu, mè,
 Đông đầy mười cõi hội về
 Một lòng dùng trí **Bồ Đề** (*) xét ra
 Trải qua số kiếp Hằng sa
 Thấy đều chung nghĩ, cùng là quán tri
 Trí **Phật** chẳng biết đặng gì,
 Như đêm không đuốc khó đi về nhà.

Bất Thối Bồ Tát (*) số rất đông
 Tính không đếm hết cát sông Hằng
 Một lòng suy diễn chung cầu hiểu
 Rốt cuộc cũng không được chút phần. (lay)

4. **Xá Lợi Phất!** Nghe đây **Ta** bảo.
 Pháp nhiệm mầu **Phật đạo** rất sâu,
 Khó nghĩ bàn, khó mong cầu.
 Nay **Ta** đã đặng trí mầu không hai,
 Chỉ **Ta** biết **Như Lai** tướng thật
 Và cùng trên Chư **Phật** mười phương.
Xá Lợi Phất phải tận tường
 Lời **Phật** đã nói hằng thường không sai,
 Nên *nguyện lực* (*) sâu dày tin chắc
 Gắng duy trì Pháp **Phật** về sau

(*) **Bồ Đề**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Bất Thối Bồ Tát** (**Bất Thoái Bồ Tát**): Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Nguyện Lực**: Xem phần Thích nghĩa.

Phải cần chân thật thuyết trao
 Khuyên bảo các chúng sớm mau giác hành
 Cùng người cầu **Thanh Văn, Duyên Giác**
Ta khiến cho giải thoát khổ than
 Đến khi chứng đặng Niết Bàn,
 Không còn đọa lạc sáu đường trầm luân.

*Phật dùng sức phương tiện
 Dạy cho ba Thừa giáo
 Chúng sanh nơi nơi chấp
 Độ mau vào chánh đạo.* (lạy)

5. **Khi đó;**

Trong đại chúng có A La Hán,
 Bậc **Thanh Văn** cùng hạng người tu
 Ngài **A Nhã Kiều Trần Như** (*)
 Tính không kể hết ... một nghìn hai trăm.
 Các Tỳ Kheo phát tâm nhiều bậc,
 Đều nghĩ rằng Đức **Phật** hôm nay
 Cớ chi cần nhắc thế này
 Phương tiện khen ngợi **Như Lai** đặc thành
 Hàng **Thanh Văn, Vô Sanh, Duyên Giác**
 Dùng trí mình chứng đạt được đâu
 Bởi Pháp **Phật** rất cao sâu

(*) *A Nhã Kiều Trần Như*: Xem phần Thích nghĩa.

Tất cả nghe đến buồn rầu âu lo
 Như thuyền gặp gió to giông bão
 Biết làm sao bến Giác thuyền sang.
 Phải nay Đức **Phật** bố ban
 Một nghĩa giải thoát hoàn toàn trước đây
 Chúng ta cũng chứng rày Pháp đó
 Đến Niết Bàn không khó khăn gì
 Nay thời **Phật** nói nan tri
 Làm cho chúng hội khả nghi vô cùng?” (lay)

6. Lúc ấy,

Xá Lợi Phất trong lòng không ổn
 Biết sự nghi của bốn chúng đây,
 Chính mình chưa rõ, chưa hay
 Liền vội cung kính chấp tay bạch rằng:
 “Thưa **Thế Tôn!** Ân cần chỉ dạy
 Nhon duyên gì **Phật** lại ngợi khen
 Phương tiện đệ nhất chẳng hèn
 Nhiệm mầu khó hiểu, con bèn ngại nghi.

Con từ trước đến nay
 Một lòng tin **Như Lai**
 Chưa từng nghe **Phật** nói
 Thứ nhất Phương Tiện này.
 Thấy bốn chúng đều nghi

Cúi xin **Thế Tôn** bi
 Diển lại Pháp nghĩa đó
 Người người đặng thọ trì”.

Ngài **Xá Lợi** tự tin
 Đại diện cho chúng sinh
 Muốn tuyên lại nghĩa trên
 Nói kệ trước **Phật** mình: (lạy)

7. Lạy đấng **Huệ-Nhật Như Lai** (*)

Lâu rồi **Phật** mới Pháp này nói ra
Lực (*), Vô úy cùng là **Tam muội** (*),
Thiền định (*) sâu, đạt tối thượng cao
Giải thoát (*), phương tiện rộng sâu
 Tất cả hội chúng không sao nghĩ bàn.
 Pháp chứng nơi đạo tràng Đức **Phật**
 Không một ai xứng bậc hỏi qua,
 Ý con khó lượng vậy mà.
 Không người câu hỏi **Thích Ca** tự bày
 Khen ngợi đạo **Như Lai** chứng đắc
 Khắp mười phương các **Phật** đều thành
 Trí huệ nhất thiết tinh anh

(*) **Huệ-Nhật Như Lai** (*Huệ-Nhật Như Lai*): Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Lực**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Tam Muội**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Thiền Định**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Giải Thoát**: Xem phần Thích nghĩa.

Nhiệm mầu khó tả, đức lành vô biên.
 Hàng Vô lậu, Thánh hiền, La Hán
 Cùng những người cầu đạt Niết Bàn,
Thanh Văn, Duyên Giác bốn ban
 Tỳ kheo, Cận sự nữ, nam, Trời, Rồng
 Càn Thát Bà, Quỷ, Thần cả thủy
 Đều sa vào mắc phải lưới nghi
 Ngó nhau trông đấng **Từ Bi**,
 Mong nhờ **Phật** dạy cho, vì các con. (lạy)

*Trong các chúng **Thanh Văn**
Phật bảo con hạng nhất
 Nay con nơi trí mình
 Nghi lầm không rõ thật.
 Vì là Pháp rốt ráo
 Vì là đạo **Phật** hành
 Con từ miệng **Phật** sanh
 Chắp tay nguyện khẩn thành.*

Xin **Phật** ban cho tiếng nhiệm mầu
 Nói lời như thật nghĩa thâm sâu
 Số đông **Bồ Tát** hằng mong đợi
 Đầy đủ Trời, người trong hội cầu
 Lại những có trên muôn cõi nước
 Nhiều vua, Thiên tử Pháp tu cầu

Đồng lòng cung kính tâm an lặng
 Muốn hưởng đạo thiên **Pháp vị** (*) sâu. (lạy)

8. Khi đó, Đức **Phật** phán truyền
 Ngài **Xá Lợi Phất** làm phiến đến **Ta**:
 Thôi thôi! Chẳng nên nói ra,
 Nếu nói việc đó rất là khó tin
 Trời, người, các chúng sợ kinh
 Nghi ngờ Pháp **Phật**, chứng minh đo lường. (lạy)

9. **Xá Lợi Phất** chi dưỡn cúi lạy:
 “Thưa **Thế Tôn!** Xin hãy nói ra!
 Xin hãy nói ra!
 Trong hội vô số Hằng sa
 Có trăm nghìn muôn ức **A Tăng Kỳ** (*)
 Chúng sanh từng quy y Chư **Phật**
 Đủ căn lành chắc thật hiểu nhanh,
 Trí huệ sáng suốt chơn thanh
 Được nghe **Phật** dạy tâm thành kính tin”.

Lúc ấy,

Xá Lợi Phất vì mình, vì chúng
 Ngài chấp tay tuyên tụng kệ rằng:

Pháp Vương Vô Thượng Đấng Như Lai

(*) **Pháp Vị**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **A Tăng Kỳ**: Xem phần Thích nghĩa.

*Hỷ, Xả, Tỳ, Bi nói Pháp bày
 Vô lượng chúng đang chờ lãnh hội
 Có người tin nguyện kính **Như Lai**. (lay)*

10. Hai lần Đức **Phật** lại ngăn
 Không cho **Xá Lợi** phân trần, vì sao?
 Bởi Pháp **Phật** tối cao sâu nhiệm
 Chẳng có nơi làm điểm trụ dừng
 “Nói ra cả chúng khó ứng
 Những *Tăng thượng mạn* sa chước hổ hằm”.
 Đức **Thế Tôn** tuyên rằng kệ cú:
*Pháp Ta vi diệu khó vô vàn
 Chẳng thể suy lường, chẳng nghĩ bàn
 Chỉ sợ Tỳ Kheo tăng thượng mạn
 Nghe rồi bất kính, dạ không an.* (lay)

11. Lần cuối **Xá Lợi** bạch trình
 Quyết không nản chí niềm tin chính mình:
 Thưa **Thế Tôn**! Cúi xin nói đó!
 Cúi xin nói đó!
 Nay trong hội trăm nghìn muôn ức
 Hạng người này tri thức như con
 Đồi đời theo **Phật** vuông tròn
 Đã từng học hỏi mót bòn phước duyên
 Những người ấy tâm nguyện bền chắc

Hay kính tin Pháp **Phật** lâu dài
 Hộ trì lợi ích bốn loài
 Mong cầu Từ Phụ chuyển khai Pháp mầu.

*Cúi lạy **Như Lai** hãy xót thương
 Xin khai thị Pháp đệ nhất phương
 Con là Trưởng tử **Phật** Tôn Túc
 Mong đấng **Từ Bi** mở rộng đường.*

*Vô lượng Trời, người chúng hội đây
 Nguyên tin kính ngưỡng Pháp môn này
 Đời đời **Phật** đã từng tuyên giáo
 Kiếp kiếp dạy truyền chẳng đổi thay
 Một dạ chấp tay ứng nguyện đợi
 Chờ nghe giảng thuyết của **Như Lai**
 Cúi xin Từ Phụ vui lòng nhận
 Mưa Pháp lành ban khắp vạn loài. (lạy)*

12. Đức **Thế Tôn** bảo ngài **Xá Lợi**:

“Đã ba lần tâm khởi bạch trình
 Thật là lợi lớn chúng sinh
 Thỉnh cầu **Phật** nói chân kinh Đại Thừa.
Ta vì ông, vì người, vì chúng
 Sẽ giải phân quyền dụng Pháp này,
 Vậy ông hãy lắng nghe đây
 Nhớ lời **Ta** tỏ thật bày chớ quên”. (lạy)

13. Khi Đức **Phật** nói lên lời đó,
 Năm nghìn người từ bỏ chỗ ngồi
 Đứng dậy lễ **Phật** rồi lui
 Vì sao? Vì bởi bọn người nghiệp sâu
 Gốc tội nặng không đâu mà kể
 Tuy tu hành kinh kệ học thông
 Những *Tăng thượng mạn* rất đông
 Chưa đắc đạo lại hòng xưng danh,
 Tâm chưa chứng, cho rằng đã chứng,
 Lỗi đường bao chứa đựng lòng mê,
 Nên không chịu được quay về
Thế Tôn đã biết chẳng hề cản ngăn.
 Lành thay! Các chư *Tăng* nam, nữ
 Thật lành thay! Cạn sự nữ, nam. (lạy)
14. Bấy giờ, **Phật** mới luận đàm
 Bảo ngài **Xá Lợi!** Thánh, phạm khác nhau.
 Cây khô cành lá rụng mau
 Chỉ còn hột rạc chắc màu mà thôi!
 Nhìn *Tăng thượng mạn* tự lui
Như Lai thật chẳng buồn, vui chút nào.
 Nay ông nghe Pháp **Phật** trao
 Lưu tâm ghi nhớ về sau phổ truyền.
 Ngài **Xá Lợi Phất** vui liền

“*Vâng! Thưa bạch Phật con nguyên lắng nghe*” (lay)

15. Đức **Phật** bảo với ngài **Xá Lợi**:

“Pháp mầu khai phải đợi đúng thời.

Xưa kia các **Phật** trong đời,

Tùy nhân duyên lớn, tùy người nói ra.

Cũng như thể bông *hoa Linh Thoại* (*),

Đúng tiết thời mới hiện một lần.

Lời **Như Lai** tỏ thật chân

Không hề hư vọng, luận phân rõ ràng.

Xá Lợi Phát cùng hàng Thánh chúng

Nên tin lời truyền tụng **Như Lai**. (lay)

16. Thời nghi chánh Pháp diễn bày,

Vô cùng lý thú khó rày hiểu thông.

Vì sao thế? **Ta** dùng vô số

Phương tiện cùng các chỗ *nhơn duyên* (*),

Lời lẽ Thí dụ vô biên

Đốn (*), *Tiệm* (*), *Dị Biệt* (*), Giác viên nhiều đường

Pháp đó khó suy lường phân biệt

Mà dễ dàng thấu biết đặng đâu

Chỉ các Đức **Phật** từ lâu

(*) *Linh Thoại hoa*: Còn gọi: *Ưu-Đàm hoa*. Xem Thích nghĩa vẫn U.

(*) *Nhơn Duyên (Nhân Duyên)*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Đốn*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Tiệm*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Dị Biệt*: Còn gọi: *Biệt Dị*, Xem Thích nghĩa vẫn B.

Thấy rõ Pháp đó rộng sâu thế nào
 Ai cũng nghĩ vì sao như vậy?
 Đức **Phật** liền nhìn thấy giải bày
 Các Đức **Thế Tôn Như Lai**
 Chỉ do một sự kiện này mà ra:
 “*Vì đại duyên Ta Bà xuất hiện,*
*Vì chúng sanh **Phật chuyển pháp luân** (*)”.*
 Muốn cho tất cả thấm nhuần,
 Khai tri kiến **Phật** đặng phần tịnh thanh.
 Vì muốn chỉ đắc thành *tri kiến* (*),
 Cho chúng sanh mà hiện nơi đời.
 Vì muốn bốn loại Trời, người
 Tỏ ngộ tri kiến **Phật** thời *hóa thân* (*).
 Cũng vì muốn cõi trần an lạc
 Đạo tri kiến giải thoát mở mang.
 Nói chung vì muốn thế gian
 Chứng ngộ tri kiến **Phật** đàng mà thôi”. (lạy)

17. **Xá Lợi Phất**, ông thời phải rõ!
 Các **Thế Tôn** Pháp đó chỉ truyền
 Giáo hóa **Bồ Tát** Thánh hiền
 Thường vì một việc lòng nguyện không phai

(*) *Chuyển Pháp Luân*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Tri Kiến*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Hóa Thân*: Xem phần Thích nghĩa.

Đem tri kiến **Như Lai** Pháp độ
Cho chúng sanh tỏ ngộ hiển bày.

Xá Lợi Phất! Đức **Như Lai**

Phật thừa (*) chỉ dạy, không hai, ba thừa

Và Chư **Phật** ngàn xưa cũng thế

Dùng rất nhiều vô số tiện phương,

Nhơn duyên, Thí dụ, khó lường,

Vì chúng diễn nói rộng đường Pháp môn.

Chúng sanh đó ôn tồn học đạo

Nghe Pháp này rất ráo thực hành

Nhất thiết chủng trí viên thành

Phật thừa duy nhất chẳng sanh nhiều Thừa. (lay)

18. Thuở vị lai, hay là hiện tại

Các **Phật** đều nói Pháp như nhau.

Hiện nay **Ta** chẳng khác nào

Vô lượng ức **Phật** trước, sau vẫn đồng.

Thấy chúng sanh trong vòng mê chấp

Ta tùy theo bốn tánh mỗi loài.

Nhơn duyên, Phương tiện khéo thay,

Lời lẽ Thí dụ đúng sai rõ ràng.

Phật nói Pháp vô vàn muôn lối,

Rất nhiều điều ích lợi an vui.

(*) *Phật Thừa*: Xem phần Thích nghĩa.

Phật thừa chỉ một mà thôi

Nhất thiết chủng trí rốt thời viên thông. (lạy)

19. **Xá Lợi Phất!** Nay ông nghe rõ

Các Đức **Phật** hiện ở trong đời

Ác ngũ trước (*), kể ra thời:

- Nghĩa là *kiếp trước* con người đang mang,
- *Phiền não trước* đa đoan sinh, diệt,
- *Chúng sanh trước* liên tiếp luân hồi,
- *Mạng trước* nhớ niễm tanh hôi,
- *Kiến trước* thường thấy sự đời gớm ghê.

Xá Lợi Phất, cũng hê như thế!

Lúc kiếp loạn, ác trước hoành hành

Nhờ nặng, bỏn sẻn, bất lành

Tham lam, sân hận, ghét ganh trong đời

Nên các *căn* (*) con người chẳng thiện

Đức **Phật** dùng phương tiện tối đa

Phật thừa, phân biệt thành ba

Tùy duyên độ chúng chẳng là phân chia. (lạy)

20. **Xá Lợi Phất!** Dầu A La Hán,

Duyên Giác cùng các hạng **Thanh Văn**

Mà không nghe biết định phân

(*) *Ngũ Trước*, gồm: *Kiếp trước*, *Phiền não trước*, *Chúng sanh trước*, *Mạng trước* và *Kiến trước*. Xem Thích nghĩa vắn N.

(*) *Căn*: Xem phần Thích nghĩa.

Việc của Đức **Phật** đạo hằng xưa nay
 Giáo **Bồ Tát**, **Như Lai** điểm hóa
 Để hộ trì tất cả chúng sanh
 Những ai tâm bất tín thành
 Chẳng là đệ tử bốn lành **Như Lai**.

Xá Lợi Phất! Như vậy lại nữa ...
 Có Tỳ kheo nam, nữ cho mình
 Tự chứng La Hán Vô Sinh,
 Cho thân sau rốt viên minh Niết Bàn,
 Lòng chẳng nghĩ lo toan cầu chứng
 Đạo Vô Thượng Chánh Đẳng hoàn toàn.
 Nên biết bọn đó rõ ràng
 Là *Tăng thượng mạn*, hổ mang trong đời.
 Nếu đã có Tỳ kheo thiệt chứng
 A La Hán mà chẳng không tin
 Pháp này của **Phật** chứng minh
 Quyết không có thể sự tình xảy ra,
 Trừ sau khi **Phật Đà** diệt độ
 Hay hiện tiền không có **Phật** đây,
 Những kinh điển như thế này
 Người hay trì tụng nghĩa bày khó khăn.
 Nếu may được hầu gần **Phật** khác
 Trong Pháp này chứng đạt hiển thông.

Xá Lợi Phất! Nên một lòng

Các ông tin nhận cầu mong thọ trì

Lời Chư **Phật** không gì hư vọng,

Không có Thừa nào khác đặng đâu.

Phật thừa có một cao sâu,

Thế Tôn tuyên nghĩa nói câu kệ rằng: (lạy)

21. Tỳ kheo nam, nữ chấp cứ mang
Thượng mạn Tăng, Ni mỗi buộc ràng
Cận sự nữ, nam đây cũng vậy
Trong hàng bốn chúng lại nghi nan
Chẳng tin Pháp **Phật** bày chân thật
Chẳng thấy lỗi mình mắt xốn xang
Nơi giới phạm phi nhiều thiếu sót
Số người lìa **Phật** có năm ngàn.

Tiếc giữ tội kia lỗi quấy mình

Bởi vì trí nhỏ chẳng quang minh

Bọn này căm, tẩm trong đồ chúng

Gã đó kém suy chỗ đức tin

Oai **Phật** khiến cho rời khỏi chỗ

Nhiệm mầu Pháp chuyển mới lờn khinh

Chúng như cây nọ không cành lá,

Chỉ những hột lành chắc nảy sinh. (lạy)

22. **Xá Lợi Phất**, ông khéo lắng nghe!

Pháp lành Chư **Phật** đặng vô cùng
 Nhơn duyên vô lượng đa phương tiện
 Vì chúng nói rành chơn nghĩa thông.

Tâm của chúng sanh nghĩ thế nào
Phật đều biết hết rõ vàng, thau
 Nghiệp lành hay dữ nhiều đời trước
 Tánh dục bao nhiêu thứ nhiễm vào
 Các món đạo **Ta** làm được trị
 Các duyên *Thí dụ* tỉnh trần lao
 Nói lời thật chứng đầy *phương tiện*
 Khiến cả vui mừng thoát khổ đau.

Hoặc lúc **Phật Đà** giảng *Khế Kinh* (*),
Bổn Sanh (*), *Luận Nghị* (*) nghĩa quang minh
Vị Tăng Hữu (*) lập cùng *Cô Khởi* (*),
Bổn Sự (*) phân rành giác chúng sinh,
Thí Dụ (*), *Nhơn Duyên* (*) vô lượng số,
 Làm cho thức tỉnh vững niềm tin.
 Cuối cùng *Trùng Tụng* (*) khai chân tánh

(*) *Khế Kinh*: Còn gọi: *Tu Đa La kinh*. Xem Thích nghĩa vẫn T.

(*) *Bổn Sanh (Bản Sinh)*: Còn gọi: *Xà Đà Đà kinh*. Xem Thích nghĩa vẫn X.

(*) *Luận Nghị*: Còn gọi: *Ưu Ba Đề Xá kinh*. Xem Thích nghĩa vẫn Ư.

(*) *Vị Tăng Hữu*: Còn gọi: *A Phù Đà Đạt Ma kinh*. Xem Thích nghĩa vẫn A.

(*) *Cô Khởi*: Còn gọi: *Đà Đà kinh*. Xem Thích nghĩa vẫn D.

(*) *Bổn Sự (Bản Sự)*: Còn gọi: *Y Đế Mục Đa Già kinh*. Xem Thích nghĩa vẫn Y.

(*) *Thí Dụ*: Còn gọi: *A Ba Đà Na kinh*. Xem Thích nghĩa vẫn A.

(*) *Nhơn Duyên (Nhân Duyên)*: Còn gọi: *Ni Đà Na kinh*. Xem Thích nghĩa vẫn N.

(*) *Trùng Tụng*: Còn gọi: *Kỳ Dạ kinh*. Xem Thích nghĩa vẫn K.

Cộng lại **Chín Kinh** (*) **Phật** thuyết trình.

Căn độn (*) thích ưa **Pháp** nhỏ cầu
 Chấp tham sinh, tử khổ nguồn sâu
 Suy lường công đức nơi Chư **Phật**
 Chẳng chịu tu lên đạo nhiệm mầu
 Bị các não phiền luôn loạn động
 Niết Bàn chỉ thẳng diệu huyền sâu
Ta bày phương tiện vì như thế
 Đều khiến đi vào huệ **Phật** mau.

Ta chưa từng nói các ông
 Sẽ đặng thành **Phật** thoát vòng đồ lao.

Ta chưa từng nói vì sao?
 Vì giờ chưa đến **Ta** nào nói ra.

Đến giờ nay chính thật là
 Đại Thừa quyết định **Pháp Hoa** ban hành. (lạy)

23. **Chín bộ pháp** (*) đây chỉ rõ rành
 Thuận theo căn tánh dữ hay lành
 Đại Thừa làm gốc không thay đổi
 Nên nói Kinh này độ chúng sanh .
 Nếu có **Phật tử** tâm tịnh hành

(*) **Chín Kinh (Cửu Kinh)**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Căn Độn (Độn Căn)**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Chín Bộ Pháp**: Xem phần Thích nghĩa.

Lòng luôn êm dịu **lợi căn** (*) sanh,
 Noi theo vô lượng nơi Chư **Phật**
 Phát nguyện tu sâu đạo chứng thành.

Vì hàng **Phật tử** thắm sâu duyên
 Nên nói Đại Thừa bản gốc nguyên
Ta thọ ký (*) cho người đó sẽ
 Đời sau thành **Phật đạo** như nguyên.

Thân tâm niệm **Phật** chẳng tham cầu
 Tịnh giới tu trì nguyện lực sâu
 Nghe đặng sau này thành **Phật quả**
 Rất mừng trong dạ hết lo âu.

Phật nhìn thấy biết tâm sinh khởi
 Nên nói Đại Thừa giác ngộ mau
 Chỉ thẳng Niết Bàn thường, lạc, tịnh,
 Đời đời cứu thế khỏi sầu đau.

Thanh Văn hoặc **Bồ Tát**

Nghe **Ta** nói Pháp thì

Nhẫn đến một bài kệ

Đều thành **Phật** không nghi. (lạy)

24. Trong cõi nước **Phật** mười phương
Phật thừa chỉ có một đường mà ra

(*) *Lợi Căn*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Thọ Ký*: Xem phần Thích nghĩa.

Không hai cũng chẳng có ba
 Ngoại trừ phương tiện **Phật Đà** nói ra
 Chỉ dùng danh tự giả mà
 Dẫn dắt các chúng thoát ra mê lầm
Phật nói trí huệ thậm thâm
Quyền thừa (*) vận dụng khai tâm cho người.
 Chư **Phật** hiện ra nơi đời
 Đại Thừa thật nghĩa không Thừa nào hơn
 Hai Thừa chẳng phải là chơn.
 Trọn không đem Pháp *Tiểu Thừa* (*) độ sanh
 Đại Thừa **Phật** trụ viên thành
 Như Pháp mình đặng diệt, sanh không còn
 Định, Huệ, Trí, Lực nghiêm trang
 Dùng đây độ chúng hoàn toàn xưa nay.
 Vô lượng **Phật** chứng đạo này
 Đại Thừa bình đẳng pháp bày chân như
 Tiểu Thừa nếu dụng độ đời
 Nhẫn cho đến có một người không kham
 Thì **Ta** đọa chỗ xan tham
 Việc ấy tất sẽ không làm được đâu
 Nếu người tin **Phật** hiểu sâu
Như Lai chẳng dối gạt ai bao giờ,

(*) *Quyền Thừa*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Tiểu Thừa*: Xem phần Thích nghĩa.

Cũng không ganh ghét nghi ngờ
 Dứt ác trong các pháp cơ hoàn toàn
 Cho nên **Phật** ở mười phương
 Không riêng lòng sợ vô thường ngại ngần
Ta dùng thiệt tướng nghiêm trang
 Ánh sáng soi khắp thế gian trong đời
 Đấng độ thế chúng Trời, người
 Luôn luôn kính trọng nói lời không hai
 Thiệt tướng ấn giáo bốn loài.
 Nay **Xá Lợi Phất!** Hiểu ngay gốc nguồn. (lạy)

25. **Ta** vốn đã lập thế nguyên
 Muốn cho tất cả nhơn duyên đạt thành
 Bằng như **Ta** trọn đều lành
 Không khác *bốn nguyện* ^(*) độ sanh đời đời
 Nay **Ta** đầy đủ đã rồi
 Khiến vào **Phật đạo** xa rời trầm luân.
 Nếu **Ta** gặp chúng độn căn
 Cũng dùng **Phật đạo** ân cần nủ khuyên
 Những kẻ vô trí muội phiền
 Mê lầm không nhận lời truyền của **Ta**.
Ta rõ chúng đó thật là
 Chưa từng tu học trông ra cội lành

(*) *Bốn nguyện*: Xem phần Thích nghĩa.

Chấp chặt *ngũ dục* (*) tham danh
 Do vì *si* (*), *ái* (*) thọ sanh khổ hoài,
 Bởi nhân các dục đắm say
 Sa vào đường dữ lạc loài tâm linh
 Xoay lăn sáu nẻo phù sinh
 Chịu đủ nạn khổ cực hình kiếp tai
 Thân mọn thọ lấy bào thai
 Đời đời tăng trưởng nghiệp dày tội sâu
 Đức mỏng, ít phước tu cầu
 Các sự, bức ngặt khó âu đong lường
 Vào rừng *tà kiến* (*) vô phương
 Chấp không, chấp có gá, nương sai lầm
Sáu mươi hai sử (*) không nhằm
 Buộc chặt hư vọng, tối tăm nơi mình
 Lỗi kia nào chịu nhận nhìn
Ngã mạn (*), tự đại, ngạo khinh miệt lờn
 Tánh hay đua nịnh thiệt hơn
 Trăm nghìn muôn ức kiếp căn đọa đày
 Chẳng nghe danh tự **Phật** Ngài
 Chánh Pháp cũng chẳng đến tai kẻ này.

(*) *Ngũ Dục*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Si*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Ái*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Tà Kiến*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Sáu mươi hai Sử (Lục Thập Nhị Sử)*: Xem Thích nghĩa vẫn L.

(*) *Ngã Mạn*: Xem phần Thích nghĩa.

Người như thế, khó độ thay!
 Cho nên **Xá Lợi!** Thấu ngay tận tường.
Ta vì sanh chúng bày phương
 Nói ra các Đạo dứt đường khổ đau
Niết Bàn chỉ thẳng sớm vào,
 Chẳng phải thật diệt, **Ta** dầu nói ra. (lạy)

26. Các **Pháp** xưa nay vốn *bổn lai* (*)
Tướng (*) thường vắng lặng chẳng trong, ngoài
 Nếu người **Phật tử** hành chơn đạo
 Thành **Phật** sau này không đổi thay.
Ta có sức phương tiện khó bàn
 Ba Thừa bày mở rộng nhiều đàng
Thế Tôn tất cả xưa nay vậy
 Đều nói *Nhứt Thừa* (*) độ thế gian.
 Nay khuyến cáo trong đại chúng này
 Hãy nên từ bỏ nghi lầm sai
Như Lai lời nói đây không khác
 Chỉ một Thừa thôi, không có hai. (lạy)

27. Vô số kiếp đã trải qua
 Chư **Phật** diệt độ cũng là như nhau

(*) *Bổn Lai*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Tướng*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Nhứt Thừa (Nhất Thừa)*: Xem phần Thích nghĩa.

Trăm nghìn muôn ức **Phật** nào
 Số nhiều không thể làm sao suy lường.
 Các **Thế Tôn** dụng phương như thế
 Vô số ức khó kể hết đây
 Nhơn duyên, Thí dụ đủ đầy
 Phương tiện diễn nói Pháp bày nhiều thay
 Các **Thế Tôn Như Lai** nói rõ
 Pháp Nhứt Thừa chỉ có một thôi
 Độ vô lượng chúng sanh thời
 Khiến vào **Phật đạo** đắc nơi nhiệm mầu
 Đại Thánh Chúa các Ngài cũng vậy,
 Biết thế gian cả thấy quần sanh
 Trời, người ưa muốn Pháp lành
 Bèn dùng phương tiện lợi hành khác nhau
Nghĩa Đệ Nhứt ^(*) bày trao trợ giúp
 Cho chúng sanh tỉnh thức sớm mau. (lạy)

28. Nếu có loài chúng sanh nào
 Gặp **Phật** quá khứ Pháp mầu mở mang
 Hoặc đã nghe Pháp *đàn Bồ Thí*,
 Hoặc *Nhãn Nhục*, *Trì Giới* sạch trong,
Tinh Tấn, *Thiền Định* một lòng,
Trí Huệ trọn đủ, vẹn xong mọi điều

^(*) *Nghĩa Đệ Nhứt*: Còn gọi: *Đệ Nhất Nghĩa Đệ*. Xem Thích nghĩa văn Đ.

Hay khéo tu thuận chịu phước, huệ
 Những người này như thế *thiện căn* (*)

Đều đã thành **Phật** đạo hằng
 Chư **Phật** diệt độ lòng chân tín gìn
 Các chủng loại chúng sanh như thế,
 Đều đã thành **Phật đạo** không sai. (lay)

29. Chư **Phật** diệt độ an bày
 Xá Lợi chiêm bái tháp đài dựng xây
 Nào pha-lê đủ đầy vàng, bạc
 Mã não cùng với ngọc mai khôi,
 Lưu ly trong suốt sáng ngời
 Dựng muôn ức tháp người người cúng dâng,
 Cũng có kẻ ân cần nghiêm sức
 Trau dồi nơi công đức sửa sang
 Hoặc dựng miếu đá trang hoàng
 Dùng hương Trầm thủy, Chiên Đàn đắp xây
 Hoặc có người dùng cây gỗ mật
 Gạch ngói bùn hay đất tạo ra
 Hoặc trong đồng trống xa nhà
 Lấy đất làm miếu **Phật gia** phụng thờ,
 Nhẫn cho đến trẻ thơ đùa giỡn
 Nhóm cát thành tháp **Phật** vui chơi.

(*) *Thiện Căn*: Xem phần Thích nghĩa.

Lành thay! Cho những hạng người
 Đều đã thành tựu rạng ngời **Phật môn**. (lạ)

30. Như người vì **Thế Tôn** xây dựng
 Tạo ra nhiều hình tượng tốt thay
 Chạm trổ các tượng **Như Lai**
 Đều đã thành **Phật đạo** nay vô vàn
 Hoặc dùng bảỵ báu làm trang sức
 Hay thau, đồng cùng chất kẽm, nhôm
 Nói chung các vật bao gồm
 Keo, sơn, vải lụa, gỗ, bùn, sắt, gang
 Nghiêm sức làm nên trang tượng **Phật**
 Những người này xứng bậc khiêm cung
 Hoặc như bao kẻ có lòng
 Vẽ hình tượng **Phật** nhọc công không nài
 Trăm tướng phước **Như Lai** hoàn hảo
 Hoặc tự làm, hoặc bảo người làm
 Nhẫn cho trẻ nhỏ thích ham
 Dùng cỏ cây, bút vô tâm tạc hình
 Hoặc lấy móng tay mình mà vẽ
 Tượng **Phật** nên đẹp đẽ lạ thay
 Hạng người như thế xưa nay
 Lần lần chứa ựng sâu dày giá trị

Đầy đủ tâm **đại bi** (*) công đức

Các **Bồ Tát** trí lực hộ trì

Độ thoát vô lượng chúng qui

Đều vào **Phật đạo** đắc thì quả viên. (lạy)

31. Nếu có người Kỳ Yên tháp miếu

Tượng báu trân, tượng vẽ nghiêm trang

Dùng hoa, hương, lọng, tràng phan

Hết lòng cung kính cúng dường ơn trên

Hoặc cho người thổi lên điệu nhạc

Ca ngâm lời khen các **Phật** đây

Vui mừng dùng đủ tiếng hay

Tỳ Bà, Tiêu thổi, Trống tay đánh rền

Chụp chả đồng vang lên như thế

Dù chỉ là một tiếng nhỏ thôi

Đều đã thành **Phật đạo** rồi.

Tiếp theo xin kể hạng người sau đây: (lạy)

32. Nếu có người lòng hay tán loạn

Nhẫn đến dùng một đóa bông hoa

Cúng dường tượng vẽ **Phật Đà**

Lần thấy các **Phật** hiện ra nơi lòng,

Hoặc có người cầu mong lễ lạy,

Hoặc chắp tay, hoặc bái một tay,

(*) **Đại Bi**: Xem phần Thích nghĩa.

Cúi đầu nơi trước **Phật đài**

Lần thấy vô lượng **Như Lai** hiện rành,
Đạo Vô Thượng tự thành, tự chứng
Rộng độ trong sanh chúng thế gian
Đặng vào *vô dư Niết Bàn*

Như củi đã hết lửa tàn tắt theo.

Nếu như người có lòng tán loạn
Vào nơi trong tháp miếu niệm xưng
Nam Mô **Phật** chỉ một lần

Đều đã thành **Phật đạo** phần chẳng sai
Nơi các **Phật** hiện nay, quá khứ
Tại thế hay diệt độ đã lâu

Có người nghe đặng Pháp này

Đều đã thành **Phật đạo** sâu khôn lường. (lạy)

33. Các **Thế Tôn** vị lai vô ước

Khôn thể lường các Đức **Như Lai**

Cùng phương tiện nói Pháp bày.

Tất cả các Đức **Như Lai** vẫn đồng

Dùng vô lượng ở trong phương tiện

Độ thoát nơi tâm nguyện chúng sanh

Vào trí vô lậu **Phật** thành.

Như người nghe được Pháp lành kể trên

Không ai chẳng trọn nên quả **Phật**

Vì **Thế Tôn** vốn thật thệ nguyện
 Tu hành **Phật đạo** liễu viên
 Muốn cho khắp chúng nhĩ thuyên như nhau
 Cũng đồng đặng đạo mầu chứng đắc,
 Cũng đồng danh Chư **Phật** lâu nay.
 Chư **Phật** hiện đời vị lai
 Dầu nói vô số trăm ngàn Pháp môn
 Kỳ thiết ra cũng đồng có một
 Nhứt Thừa thôi chẳng thể hai, ba.

Chư **Phật** *Lưỡng Túc Tôn* ^(*)
 Biết Pháp không thường tồn
 Giống **Phật** theo duyên sanh
 Nhứt Thừa diển phương môn.
 Pháp đó trụ ngôi Pháp
 Tướng thế gian thường còn
 Nơi đạo tràng thấu rõ
 Phương tiện rộng Pháp môn.

Hiện tại Chư **Phật** mười phương
 Trời, người ứng nguyện cúng dường **Phật** gia
 Số nhiều của báu Hằng sa
 Thế gian khó kể tính ra được nào
Phật vì thương chúng khổ đau

^(*) *Lưỡng Túc Tôn*: Xem phần Thích nghĩa.

Dụng mọi phương pháp khác nào như trên
 Thấu biết rõ các hạnh duyên
 Thân tâm sanh chúng não phiền, nghiệp quen
 Quá khứ nhớ nghĩ thấp hèn
 Tánh dục tham muốn sức bèn yếu đi
 Các căn **ngũ lợi** ^(*), **độn si** ^(*)
Phật mới vận dụng thích nghi pháp truyền
 Thí dụ lời lẽ vô biên,
 Tùy cơ phương tiện, nhưn duyên phổ hoằng. (lay)

34. Nay **Ta** cũng nói rằng như vậy.
 Vì an ổn cả thảy chúng sanh
 Pháp môn giảng dạy thiện lành
 Rao bày **Phật đạo** dỗ dành thật chơn
Ta dùng sức biểu dương trí huệ
 Rõ tánh phạm bản thể chúng sanh
 Phương tiện luận giải ngọn ngành
 Điều khiến giác ngộ lợi sanh vui mừng.
Xá Lợi Phất! Ông cần nên biết!
 Mắt **Như Lai** xem xét tận tường
 Thấy chúng sanh thọ **sáu đường** ^(*)
 Nghèo không phước huệ, xem thường việc tu

^(*) **Ngũ Lợi**: Gọi đầy đủ: **Ngũ Lợi Sử**. Xem phần Thích nghĩa.

^(*) **Độn Si**: Xem phần Thích nghĩa.

^(*) **Sáu Đường (Lục Đạo)**: Xem Thích nghĩa vẫn L.

Vào đường hiểm lao tù sanh tử
 Khổ nối nhau không dứt bao giờ
 Đắm tham ngũ dục trần nhơ
 Như Trâu Mao mấn đuôi nhờ dất nhau
 Do si, ái từ lâu che đậy
 Ví đui mù không thấy lối đường
 Chẳng cầu **Phật Tánh** (*) mà nường
 Cùng Pháp dứt sự vấn vương khổ sầu
 Bởi tà kiến nhiễm sâu vào đó
 Lấy khổ này muốn bỏ khổ kia
Phật vì sanh chúng Ta bà
 Đại Bi tâm khởi dung hòa độ an. (lạy)

35. Xưa **Ta** ngồi đạo tràng thanh tịnh
 Xem cây cũng chánh định kinh hành
 Trong hai mươi một ngày lành
 Suy nghĩ mọi việc phân rành như sau:
Trí huệ (*) của **Ta** rất nhiệm mầu
 Thậm thâm vi diệu thật cao sâu
 Chúng sanh căn chậm, **tham** (*), si, ái
 Các hạng người kia độ đặng đâu?
 Bấy giờ, có các **Phạm Vương**

(*) **Phật Tánh (Phật Tính)**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Trí Huệ**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Tham**: Xem phần Thích nghĩa.

Cùng trời **Đế Thích** (*), **Thiên Vương** hộ đời.

Đại Tự Tại (*) cung trời cao nhất,

Thiên chúng cùng các bậc khác nhau,

Trăm nghìn ức quyển thuộc nào,

Chắp tay cung kính lễ cầu ban ân:

“*Kính Thỉnh Thế Tôn Chuyển Pháp Luân*”.

Ta liền suy nghĩ tự thâm tâm

Phật Thừa nếu chỉ khen như vậy

Khổ nổi chúng sanh đọa lạc lắm.

Pháp đó không thể tin dùng

Đem lòng phá pháp vô cùng tà tâm

Đọa ba đường dữ luân trầm

Ta thà không nói ... khỏi lầm nhân gian

Mau mau vào cõi Niết Bàn

Tịch viên liễu chứng tịnh an đời đời

Liên nhớ lại quá khứ thời

Phương tiện hành pháp tỏ lời gian nan

Ta nay chứng đặng đạo vàng

Ba Thừa giảng nói rộng đường cũng nên. (lạy)

36. Lúc **Ta** nghĩ như trên thế đó

Mười phương **Phật** hiện rõ Hằng sa

(*) **Đế Thích**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Đại Tự Tại Thiên**: Xem phần Thích nghĩa.

Tiếng **Phạm âm** (*) an ủi **Ta**

Hay thay! Nay Đức **Thích-Ca Phật** thành.

Bực Đạo Sư xứng danh thứ nhất

Đặng Pháp Vô Thượng thật khôn lường

Tùy theo tất cả Pháp Vương

Mà dùng phương tiện mở đường cứu sinh

Chính **Ta** cũng đều tin đặng vậy,

Pháp tối ưu nghe thấy diệu mầu.

Vì chúng sanh thệ nguyện sâu

Phân biệt nói Pháp bày câu ba Thừa.

Bởi trí kém nên ưa Pháp nhỏ,

Chẳng tự tin rằng đó **Phật** thành

Nên dùng phương tiện lợi sanh

Lợi quả phân biệt tu hành khác nhau

Dầu **Ta** nói thấp cao ba bậc

Cũng chỉ vì **Bồ Tát** dạy khuyên. (lay)

37. **Xá Lợi Phất!** Rõ căn nguyên.

Ta nghe các **Phật** chư duyên niệm cầu

Tiếng trong sạch rất nhiệm mầu

Xưng: “Nam Mô Chư **Phật**” trọn lành thay!

Ta đây lại nghĩ thế này

Ra đời trước ác khổ chầy nơi nơi

(*) **Phạm âm**: Xem phần Thích nghĩa.

Đặng nghe Chư **Phật** khuyên lời
Ta thuận theo ý nguyện thời làm thôi!
 Suy nghĩ việc đã xong rồi
Ba Nại (*) thành sẽ đến nơi tức thì.

Pháp tướng (*) tịch viên chẳng có hai
 Không dùng lời nói để phân bày
 Nên **Ta** gắng sức khai phương tiện
 Vì **ngũ Tỳ kheo** (*) thuyết Pháp này.

Đó gọi **Như Lai** chuyển Pháp luân
 Niết Bàn danh tự đặt cho thuần
 A La Hán cũng đều như vậy
 Tên Pháp, tên Tăng sai khác dần.

Từ kiếp xa, nhãn đến nay
 Khen bày giáo Pháp Niết Bàn **Như Lai**
 Dứt hẳn sống chết khổ dài
Ta thường nói thế không sai bao giờ . (lay)

38. **Xá Lợi Phật** nguồn cơ phải biết!
 Các **Phật tử** chí quyết tu cầu
Phật đạo vi diệu cao sâu
 Vô lượng muôn ức cúi đầu khiêm cung

(*) **Ba Nại**: Gọi đầy đủ: **Ba La Nại**. Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Pháp Tướng**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Ngũ Tỳ Kheo**: Xem phần Thích nghĩa.

Đồng đi đến tận cùng chỗ **Phật**,
 Từng đã theo các bậc **Như Lai**.

Nghe nói Pháp phương tiện này,
 Một lòng chánh tín tin ngay miến bàn.

Ta đây liền nghĩ như thế này:
 Sở dĩ ra đời, Đạo mở khai
Phật huệ (*) chỉ vì **Ta** muốn nói
 Đúng giờ đã đến chính thời nay. (lạy)

39. **Xá Lợi Phất!** Ông đây phải biết!
 Người độn căn trí thiệt nhỏ nhoi
 Chấp tướng, kiêu mạn hẵn hời
 Chẳng thể tin Pháp này soi sửa mình.
 Nay **Ta** vui niềm tin vô úy
 Ở trong hàng **Bồ Tát** bỏ ngay
 Chính phương tiện đã diễn bày
 Nói đạo Vô Thượng **Như Lai thật quyền** (*).

Bồ Tát nghe qua Pháp đó rồi
 Lưỡi nghi đều đã dứt trừ thôi
 Một nghìn La Hán hai trăm số
 Thành **Phật** hiển nhiên cũng một thời.
 Như nghi thức nói Pháp mầu này

(*) *Phật Huệ*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Thật Quyền*: Cũng gọi: *Quyền Thật*. Xem Thích nghĩa văn Q.

Của **Phật** ba đời không đổi thay
 Như vậy. **Ta** nay đây cũng vậy
 Pháp không phân biệt nổi truyền khai.

Các Đức **Phật** ra đời muôn thuở
 Lâu xa rồi gặp gỡ khó thay!

Ra đời Chính Sử hiện nay
 Nói Pháp này cũng thật rày khó hơn
 Vô số kiếp thân căn vô lượng
 Nghe Pháp này nghĩ tưởng khó là

Hay nghe **Diệu Pháp Liên Hoa**

Người đó cũng lại khó mà còn hơn
 Ví như gặp được hoa Linh Thoại
 Tất cả đều ai nấy mến ưa.

Ít có trong cõi Trời, người
 Lâu lâu mới trở trong đời mà thôi. (lạy)

40. Người nghe Pháp mừng vui khen ngợi

Nhẫn đến khi chỉ nói một lời

Tức là đã cúng dường rồi

Tất cả Chư **Phật** ba đời mười phương

Người đó xét đời thường ít có

Hơn cả thay những đóa Ưu Đàm.

Các ông chớ có nghi lầm

Ta là vua Pháp cao thâm diệu huyền

Giáo đại chúng bảo khuyên chân thật
Đạo Nhứt Thừa duy nhất nên dùng

Dạy các **Bồ Tát** chí trung

Thanh Văn đệ tử cuối cùng đều không. (lạy)

41. **Xá Lợi Phất!** Các ông thứ hạng

Bồ Tát, A La Hán, Thanh Văn

Phải biết chánh Pháp thường hằng

Bí yếu của **Phật** vô ngần khó toan.

Bởi đời ác thân mang năm trước

Chỉ tham ưa chấp trước dục lòng

Chúng sanh như thế khó mong

Trọn không cầu **Phật đạo** hòng dễ tin.

Người ác đời bất minh ngu tối

Nghe **Phật** đây giảng nói Nhứt Thừa

Mê lầm không nhận tin ưa

Phá Pháp đọa lạc cũng chưa tỉnh lòng.

Người giác ngộ sạch trong cao quý

Phật đạo nghe quyết chí tu cầu

Nên vì người ấy nhận thâm

Rộng khen **Phật đạo** cao sâu Nhứt Thừa.

Xá Lợi Phất! Pháp **Ta** nên biết

Các **Phật** đều chơn thuyết như nhau

Dùng muôn ức phương tiện trao

Tùy theo nghi thức mà rao giảng bày
Người chẳng học, không hay tu tập
Khó hiểu thông khi gặp Pháp này.
Các ông đã biết rõ đây
Xưa nay **Phật** vốn làm Thầy thế gian.
Việc phương tiện rõ ràng phân giải
Không còn gì nghi ngại nghĩ lầm
Lòng chúng sanh rất vui mừng
Tự biết mình sẽ thọ ứng **Phật** thành.

- **Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)
- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 1 (Hết)



Một luồng ánh sáng chiếu phương Đông
Thể diệu toàn bày hiện rạng trong
Chẳng chỗ suy lường mà biết được
Nhiệm mầu thâm hiểu ở tâm lòng
Cao siêu **Phương Tiện** truyền bày một
Đạo nhã hương trời khắp núi sông
Diệu Pháp Phật Thừa ban đại chúng
Liên Hoa muôn thuở tỏa thơm nồng.

- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)
- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)

Thế Tôn điềm tốt hiện ra
Di Lạc Bồ Tát nghi qua tướng lành
Văn Thù vì chúng phân rành:
Phật xưa phóng đạo mây lành hào quang
Ba phen mời đấng **Pháp Vương**
Vì chúng nói **Pháp Diệu** hương **Liên mầu**.

- **Nam mô Quá Khứ Nhựt Nguyệt Đăng Minh Phật.** (3 lần)



KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
(QUYỂN 2)



- **PHẨM “THÍ DỤ”, Thứ 3**
- **PHẨM “TÍN GIẢI”, Thứ 4**

**“Đời Diêu Tần Ngài Tam Tạng Pháp Sư
CỬU MA LA THẬP vưng chiếu dịch”**



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

(QUYỂN 2)



PHẨM “THÍ DỤ”

(Thứ Ba)

1. Lúc bấy giờ, Ngài **Xá Lợi Phất**:
 Lòng hớn hở vẻ mặt vui mừng
 Chắp tay đứng dậy thọ dâng
 Chiêm ngưỡng tướng tốt dung nhan **Phật tử**.
 Liên bạch **Phật** tâm như nghiêm sức
 Rằng: Nay con theo Đức **Thế Tôn**
 Nghe đặng tiếng Pháp **Phật môn**
 Trong lòng vui vẻ, tâm hồn hân hoan.
 Vì thuở xưa hầu toàn bên **Phật**
 Thường được nghe chơn thật Pháp này
 Lại thấy, Tôn Thánh **Như Lai**
 Thọ ký **Bồ Tát** các Ngài **Phật viên** ^(*)
 Mà chúng con hiện tiền chẳng đặng
 Tự tâm mình cảm nhận xót thương
 Nên mới đánh mất con đường

(*) *Viên*: Xem phần Thích nghĩa.

Vô lượng tri kiến chân thường **Như Lai**.

Bạch **Thế Tôn!** Con nay xét nghĩ
 Cũng thường khi con chỉ một mình
 Ở trong rừng núi lặng thinh

Hoặc ngồi thiền định, hoặc đi *kinh hành* ^(*)

Hằng xét nghĩ như vậy có đúng:

Pháp tánh ^(*) kia ta, chúng đồng vào

Thế Tôn không biết tại sao

Tiểu Thừa pháp dụng mà trao độ đời?

Đó là lỗi của thời con vậy,

Chẳng phải là lỗi quấy **Thế Tôn**

Nếu chúng con đợi chờ mong

Đức **Phật** nói Pháp sở như đạo thành

Ngôi Vô Thượng trọn lành Chánh Giác

Pháp Đại Thừa độ thoát chắc thời.

Trong chúng con chẳng hiểu lời

Phật dụng phương tiện tùy đời cơ nghi

Vừa mới nghe không suy nghĩ tận

Quá vội vàng tin nhận chấp chơn.

Cúi xin lạy Đức **Thế Tôn!**

Từ xưa con đã hối lòng đến nay,

Hằng tự trách đêm ngày mình lỗi.

^(*) *Kinh Hành*: Xem phần Thích nghĩa.

^(*) *Pháp Tánh (Pháp Tính)*: Xem phần Thích nghĩa.

Nay thuận duyên cơ hội không hai,
 Được nghe từ **Phật pháp** bày.
 Như chưa từng có, xưa nay chưa từng,
 Lòng nghi dứt tâm dưỡng an ổn,
 Thân, ý vui thơ thới nhẹ nhàng.
 Ngày nay mới biết rõ ràng
 Minh thiệt **Phật tử** họ hàng **Thích Ca**
 Từ miệng **Phật** sanh ra ý **Phật**,
 Từ Pháp mâu chân thật độ sanh,
 Nhứt Thừa của **Phật** đặng thành.
 Ngài **Xá Lợi Phất**, kê rằng nghĩa trên: (lạy)

2. *Nay con nghe đặng Pháp mâu này
 Rất đổi vui mừng tỉnh mộng say
 Trừ sạch lưới nghi đều đã dứt
 Xưa nay nhờ **Phật** dạy lời hay.*

Pháp **Phật** ít có trong đời
 Hay trừ khổ não loài người chúng sanh
Lậu tận (*) con đã trọn lành
 Vui nghe Pháp **Phật** chẳng sanh lo rầu.

Thường ở nơi rừng sâu hang núi
 Hoặc ngồi thiền dưới cội cây xanh
 Hoặc khi những buổi kinh hành

(*) **Lậu Tận**: Xem phần Thích nghĩa.

Thường hay suy nghĩ rồi sanh tử phiền.
 Than ôi! Hay thiếu duyên chằng nhĩ?
 Sao tự mình lại khi chính mình
 Chúng ta con **Phật** đồng tình,
 Đồng chứng vô lậu tâm minh vẹn toàn
 Chẳng được **Phật** bảo ban thọ ký
 Thời đương lai tại vị viên thành
 Nói Pháp vô lượng đạo lành
Ba hai tướng tốt (*) tinh anh sắc vàng
Mười lực (*) dụng hoàn toàn giải thoát
 Đồng chung trong một Pháp tánh đây
 Mà như chẳng đặng việc này
Tám mươi vẻ đẹp (*) hiện bày uy nghi
Mười tám pháp vô vi bất cộng (*)
 Các công đức đều vọng mất đi. (lạy)

3. Lúc con hành Pháp chỉ một mình
 Thấy **Phật** trụ đời trong chúng sinh
 Mười cõi danh bay đồn khắp chốn
 Rộng nguyên lợi ích cả *hàm linh* (*).

Tự nghĩ mình nay mất hội này

(*) *Ba Mười Hai Tướng Tốt*: Còn gọi: *Tam Thập Nhị Tướng*. Xem Thích nghĩa vẫn T.

(*) *Mười Lực*: Còn gọi: *Thập Lực*. Xem Thích nghĩa vẫn T.

(*) *Tám Mười Vẻ Đẹp*: Còn gọi: *Bát Thập Tiểu Tướng*. Xem Thích nghĩa vẫn B.

(*) *Mười Tám Pháp Bất Cộng* hay *Thập Bát Bất Cộng Pháp*. Xem Thích nghĩa vẫn T.

(*) *Hàm Linh*: Từ đồng nghĩa. Xem *Chúng sinh*, Thích nghĩa vẫn C.

Chính con khi dối tự mình đây
 Thường trong rừng vắng ngày đêm xét
 Việc đó ai nghe để tỏ bày
 Muốn hỏi **Thế Tôn** lời chỉ dạy
 Cho con tưởng tận chỗ không hay.
 Nhân trên là mất hay không mất?
 Cúi lạy **Như Lai** sớm giải bày. (lạy)

4. Con thường nghe thấy **Thế Tôn**
 Ca tụng **Bồ Tát** hết lòng ngợi khen.
 Vì thế con mới nghĩ bèn
 Suy lường việc đó ngày đêm bất thành.
 Nay nghe tiếng **Phật** nói rành
 Theo cơ nghi dạy Pháp hành bố ban
 Vô lậu thật khó nghĩ bàn
 Khiến cho sanh chúng đạo tràng đến nơi.
 Con xưa tà kiến chấp thời
 Làm Thầy **Phạm Chí** (*) Trời, người quý tôn.
Như Lai thấu rõ tâm con
 Niết Bàn chỉ thẳng chẳng còn vọng sai.
 Con trừ tà kiến sạch ngay
Pháp Không (*) được chứng đạo nay nơi mình
 Bây giờ lòng tự nhận nhìn

(*) **Phạm Chí**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Pháp Không**: Xem phần Thích nghĩa.

Đặng vào diệt độ, tử sinh xa lìa
 Diệt độ chẳng phải thật kìa
 Mà nay mới biết do ta chấp lầm.

Nếu lúc được thành **Phật** đây
Ba mươi hai tướng đủ đầy tinh hoa
 Trời, người cùng chúng Dạ Xoa
 Rồng, Thần tám loại đều là kính tin
 Pháp mầu chuyển nói quang minh
 Không thừa dứt hẳn trí linh diệu huyền
Phật ở trong đại chúng truyền
 Con sẽ thành **Phật** nhân duyên tròn đầy.
 Vừa nghe tiếng pháp như vậy,
 Lòng nghi hối đoạn, tâm này trừ xong. (lạy)

5. Khi mới nghe qua **Phật** ký truyền
 Trong lòng nghi sợ dạ khôn yên
 Phải chăng Ma giả làm thân **Phật**
 Não loạn lòng ta cứ đảo điên?
Phật dụng các duyên nhiều khó nghĩ
Như Lai Thí dụ khéo vô biên
 Tâm kia an lặng như sông, biển
 Con lắng lòng soi dứt não phiền.
Phật rằng quá khứ thuở xưa kia
 Vô lượng **Thế Tôn** diệt độ kìa

An trụ ở trong phương tiện ấy
Cũng đều nói pháp đó kia là.

Phật hiện tại hoặc vị lai
Số nhiều vô lượng không tày tính ra
Cũng dùng phương tiện thậm đa
Diễn nói Pháp độ cùng là như nhau.

Như **Thế Tôn** ngày nay cũng vậy
Từ sanh ra cho đến xuất gia
Đặng đạo, chuyển Pháp luân mà
Cũng dùng phương tiện nói ra nghĩa mầu
Thế Tôn thuyết rộng sâu đạo thật
Ma **Ba-Tuần** (*) sánh **Phật** được chẳng
Vì thế con quyết định rằng:
Không phải Ma giả **Phật** chân được nào.
Con ảo vọng sa vào lưới chấp
Cho là Ma biến **Phật** làm ra.

Nghe tiếng êm dịu **Phật Đà**
Nhiệm mầu vi diệu sâu xa khó bàn
Diễn **Thắng pháp** (*) rõ ràng thanh tịnh
Con vui mừng chấn chĩnh chơn tâm
Không còn ý nghĩ nghi lầm

(*) **Ba Tuần (Thiên Ma)**: Xem Thích nghĩa văn B.

(*) **Thắng Pháp**: Từ đồng nghĩa. Xem **Vị Tăng Hữu (A-phù-đà-đạt-ma)** kinh.

An trụ thiết trí trong mâm **Như Lai**
 Con quyết định nay mai thành **Phật**
 Được Trời, người các bậc quý bao
 Chuyển Pháp Luân Vô Thượng nào
 Giáo hóa **Bồ Tát** đồng vào Pháp Không. (lạy)

6. Lúc bấy giờ, ở trong đại hội
Phật bảo ngài **Xá Lợi** lắng nghe:
 “**Ta** nay hiện diện Trời, người
 Cùng hàng **Phật tử** nói lời như sau:
 Nhớ trước kia ngôi cao tốt bậc
 Nơi hai muôn ức **Phật Như Lai**
 Vì đạo Vô Thượng diễn bày
 Nên thường giáo hóa ông rày có hay
 Đã theo **Ta** lâu dài thọ học
 Phương tiện truyền chí vốc bảo khuyến
 Dẫn dắt ông thoát biển phiền
 Sanh vào trong Pháp hiện tiền của **Ta**”.
- Xá Lợi Phát!** Ông là có biết
Ta thuở xưa vốn thiết dạy ông
 Chí nguyện **Phật đạo** một lòng
 Ông nay quên hết, lại hòng tự xưng
 Mình đặng chứng đã từng diệt độ
 Vào Niết Bàn các khổ không còn.

Ta nay lại muốn khiến ông
 Nghĩ nhớ bốn nguyện đạo trong đã làm
 Vì **Thanh Văn, Cô Đàm** (*) thuyết pháp
 Kinh Đại Thừa qui nạp tên là:

**“Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát
 Pháp Phật Sở Hộ Niệm”** (lạy)

7. **Xá Lợi Phất!** Hãy nghe qua
 Khắc vào tâm khảm lời **Ta** ký truyền
 Đời vị lai vô biên kiếp số
 Không nghĩ bàn lượng độ bao nhiêu
 Cúng dường Chư **Phật** sùng yêu
 Phụng trì Chánh Pháp làm điều lợi sanh
 Đạo **Bồ Tát** tu hành trọn đủ
 Ông thành **Phật** hội tụ đức lành
“Hoa-Quang Như Lai!” (*) hiệu danh
Ứng Cúng, Thiện Thệ, Giải rành Thế Gian
Chánh Biến Tri vô vàn **Hạnh Túc**
Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu
Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn. (lạy)
- Mười hiệu đầy đủ đức công khôn lường
 Nước **Ly Cấu** (*) bốn phương yên lặng

(*) **Cô Đàm**: Còn gọi: **Cù Đàm**. Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Hoa Quang Như Lai**: Xem phần Thích nghĩa.

Quốc độ này bằng phẳng kang trang
 Thanh tịnh, đẹp đẽ, giàu sang,
 Trời, người đông đúc sống an thái hòa.
 Ngọc lưu ly biến ra làm đất,
 Thành nội kia tám bậc giao thông,
 Lê đường dây phủ giáp vòng,
 Chế toàn bằng chất vàng ròng lạ thay!
 Hai bên có hàng cây *bảy báu* (*)
 Thường thường khi bông trái nở khai.
Đức Phật Hoa-Quang Như Lai
 Hiện thân giáo hóa các loài chúng sanh
 Dùng ba Thừa phân rành Phương Tiện
 Độ thế gian thệ nguyện sâu dày.
Xá Lợi Phất! Thành **Phật** đây
 Ra đời không phải cõi này ác căn.
 Vì bốn nguyện nặng hoằng **Phật đạo**
 Nên thuyết chơn Pháp giáo ba Thừa
 Kiếp đó được gọi tên là
Đại-Bửu báu lớn, bảo tòa **Trang-Nghiêm**
 Trong cõi đó chỉ dùng **Bồ Tát**
 Nên có danh **Đại-Bửu Trang-Nghiêm**
 Các **Bồ Tát** đó số đông

(*) *Ly Cấu*: Gọi đầy đủ: *Ly Cấu Thế Giới*. Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Bảy Báu*: Còn gọi: *Thất Bảo*. Xem Thích nghĩa văn T.

Vô lượng bất khả tính không nghĩ bàn.
 Chẳng phải **Phật** vào hàng trí huệ
 Thì khó ai có thể đoán tri
 Niệm lòng khi muốn bước đi
 Có bông hoa nở đở thì gót chân.
 Các **Bồ Tát** lòng nhân sinh khởi
 Chẳng phải hạng người mới phát tâm
 Từ lâu cội đức gieo mầm
 Ở nơi Chư **Phật** trăm ngàn ức muôn.
Phạm hạnh tu chân thường tỉnh thức
 Hằng được trong các Đức **Phật** khen,
 Trí huệ của **Phật** trui rèn
 Thần thông đủ sức làm nên đạo tồn,
 Khéo biết các Pháp môn tất cả,
 Không dối lòng, chơn ngã thật ngay,
 Chí nguyện bền vững không thay,
Bồ Tát nước đó đông vầy khắp nơi.
Xá Lợi Phất! Phật Hoa-Quang
 Mười hai tiểu kiếp thọ an lạc thường
 Trừ lúc còn làm Vương tại thế
 Chưa thành **Phật** tính kể khó lường
 Nhân dân nước đó an khang
 Sống tám tiểu kiếp thọ trường dài lâu.

Phật Hoa-Quang sắp vào tịch diệt

Đúng mười hai tiểu kiếp ở đời

Ngài liền thọ ký như lời:

Kiên Mãn Bồ Tát là người kế đây

Đạo Vô Thượng đủ đầy **Đẳng Giác** (*)

Sẽ thành **Phật**, đạo đạt không sai.

Hiệu là:

“**Hoa-Túc An-Hành Như Lai!**” (*)

Mười hiệu như **Phật** xưa nay khác gì.

Xá Lợi Phất! Sau khi diệt độ

Chánh Pháp này trụ thế rất lâu

Tượng Pháp (*) cũng vậy như nhau

Ba hai tiểu kiếp ngàn sau lưu truyền.

Đức **Thế Tôn** muốn tuyên thật nghĩa

Nên khéo bày mà nói kệ rằng : (lạy)

8. Xá Lợi Phất! Vô lượng kiếp sau

Đắc thành quả **Phật, Thế Tôn** cao

Hoa-Quang Phật hiệu không sai khác

Sẽ độ muôn loài thoát khổ đau.

Cúng dường vô số đấng **Phật** Ngài

(*) **Đẳng Giác**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Hoa Túc An Hành Như Lai**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Tượng Pháp**: Xem phần Thích nghĩa.

Bồ Tát hạnh tu thệ nguyện dày
 Công đức viên dung tròn Thập Lực
 Chứng nên Vô Thượng Đạo **Như Lai**.

Trải qua vô lượng kiếp xong rồi
Đại-Bửu Trang-Nghiêm hiện ở đời
 Cõi nước có tên **Ly Cấu** gọi
 Cảnh trần trong sạch cả Trời, người
 Lưu Ly chất dụng làm ra đất
 Đường sá dây vàng giăng khắp nơi
 Cây bầy báu màu xinh sắc đẹp
 Trái hoa thường có trổ theo thời .

Bồ Tát hiện sanh trong cõi đây
 Chí nguyện bền vững dạ không thay
 Thần thông quảng đại, Ba la mật
 Điều đã trọn lành trí huệ khai
 Khéo học, khéo tu **Bồ Tát** đạo
 Xứng danh Đại Sĩ số đông vậy
Hoa-Quang Phật độ nhiều như thế
 Vô Thượng Bồ Đề chẳng có hai.

Lúc Đức **Phật** còn làm Vương Tử
 Rời ngai vàng bỏ chữ vinh hoa
 Thân sau cuối mới xuất gia
 Đắc thành chánh quả rất là cao siêu.

Phật Hoa-Quang qui điều trụ nhiếp
 Thọ mười hai tiểu kiếp ở đời
 Sau khi **Phật** diệt độ rồi
 Chánh Pháp rộng mở chẳng rời thế gian.

Ba hai tiểu kiếp độ *hàm linh*
 Xá Lợi lưu truyền khắp chúng sinh
Tám loại Trời, người (*) đều **Ứng Cúng**
 Bốn ban tu học vững niềm tin
 Một lòng cung kính **Hoa-Quang Phật**
Tượng Pháp đời sau sẽ vẹn gìn
 Đấng **Lưỡng Túc Tôn** ai sánh đặng
Phật là ông đó đại quang minh. (lạy)

9. Lời **Phật** thọ ký vừa ban
 Khắp cả đại chúng hân hoan vui mừng.
Xá Lợi Phất! Tâm ưng trước **Phật**
 Lãnh lấy lời của bậc Cha lành,
 Vô Thượng Chánh Giác đắc thành,
 Lòng nghe hớn hở tâm sanh vô vàn,
 Liên cõi y hiện đang khoác mặc
 Để cúng dường Đức **Phật** Bi Tôn,
Thích Đề Hoàn, Phạm Thiên Vương,
 Vô số **Thiên Tử** (*) rải hương hoa trời

(*) *Tám loại Trời, người*: Còn gọi: *Bát Chúng*. Xem Thích nghĩa văn B.

Mạn Đà La ... dâng thời y đẹp
 Tung lên trời trụ giữa hư không
 Tự xoay chuyển quay giáp vòng
 Trăm nghìn tiếng nhạc, vang trong bầu trời
 Rưới các hoa nói lời ca tụng
 Rằng **Thế Tôn** xưa cũng nơi đây
 Ba La Nại diễn thuyết hay
 Đến nay **Phật** lại mở khai Pháp mẫu.
 Các Thiên Tử cúi đầu tuyên đọc
 Lại nghĩa trên mà nói kệ rằng : (lạy)

10. Ba La Nại **Phật** chuyển Pháp luân
Khổ Đề, Tập, Diệt, Đạo khai thuận
 Thuyết chơn các Pháp nhiều phân biệt
 Rộng nói diệt sinh, *ngũ uẩn* (*) phân
 Nay lại **Như Lai** tuyên Pháp nhiệm
 Diệu mẫu Vô Thượng khó tường phân
 Thế gian ít có người tin được
 Vì Pháp **Thế Tôn** rất tối cần.
 Chúng ta từ trước đến ngày nay
 Thường lắng lòng nghe **Phật** thuyết bày
 Chưa đặng nghe qua lời thượng Pháp

(*) *Thiên Tử*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Ngũ Uẩn*: Xem phần Thích nghĩa.

Thậm thâm vi diệu thật như nay.

Thế Tôn thuyết Pháp đó siêu mầu
 Tùy hỷ chúng ta hiểu cạn sâu
 Đại Trí **Thanh Văn** như **Xá Lợi**
 Hôm nay **Phật** ký thọ về sau
 Chúng ta ứng nguyện đều như vậy
 Quyết sẽ đặng thành **Phật** trí cao
 Tất cả thế gian đồng bản thể
 Đồng tu, đồng chứng cũng như nhau.

Phật đạo (*) cao sâu chẳng thể bàn
 Tùy nghi phương tiện Pháp truyền ban
 Bao nhiêu nghiệp phước đời nay hoặc
 Quá khứ, đức công chẳng nghĩ bàn
 Hồi hướng trọn nguyên về **Phật đạo**
 Chẳng hề thối chuyển định tâm an
 Bồ Đề Chánh Giác không lâu chứng
 Vô Thượng tương lai đắc đạo vàng. (lay)

11. Bấy giờ, **Xá Lợi** bạch rằng:
Thế Tôn! Con đã san bằng lòng nghi
 Tự mình trước **Phật** thọ trì
 Thành Vô Thượng đẳng chánh tri đạo mầu
 Các vị tâm tánh rộng sâu

(*) **Phật Đạo**: Xem phần Thích nghĩa.

Tự tại an lạc khỏi sầu lành thay!
 Một nghìn hai trăm vị đây
 Lúc xưa ở bậc thường hay tu hành
Phật thường giáo dạy rõ ràng
 Pháp **Ta** lia đoạn tử, sanh, bệnh, già
 Niết Bàn rốt ráo chứng qua
 Các vị *Vô học* cùng là *Hữu Vi* (*)
 Những người thượng mạn bỏ đi
 Chấp ngã, chấp có, hoặc thì chấp không
 Cho là mình đặng lão thông
 Mà nay trước **Phật** tâm lòng nghi che
 Chưa từng nghe chỗ chưa nghe
 Đều sa vào lưới chấp mê nghi lầm.

Cúi lạy đức Thế Tôn!
Xin Phật vì bốn chúng
Nói lại như duyên đó
Khiến lia lòng nghi hối. (lạy)

12. Khi ấy, **Phật** bảo ngài **Xá Lợi!**
Ta trước đâu không nói lời rằng:
 “Các **Phật Thế Tôn** ân cần
 Lời lẽ Thí dụ luận phân tỏ tường
 Dùng như duyên **Phật** thường nói Pháp

(*) *Hữu Vi*: Xem phần Thích nghĩa.

Đều là Đạo Chánh Giác Thượng Tôn
 Mở ra rộng chỗ phương môn
 Vì dạy **Bồ Tát** bảo tồn lợi sanh.
 Vì **Xá Lợi, Ta** đành Thí dụ
 Chỉ rõ rành đầy đủ nghĩa trên
 Những người có trí kiên bền
 Nghe theo Thí dụ ắt liền hiểu thông”. (lay)

13. **Xá Lợi Phất!** Như trong nước đó
 Có một ông **Trưởng giả** sang giàu
 Sức già tuổi hạc đã cao
 Bạc vàng vô lượng, biết bao ruộng vườn
 Các tôi tớ gia đường nuôi chứa
 Nhà rộng chỉ một cửa ra vào
 Người ở trong đó biết bao
 Một trăm hoặc nhẫn đến năm trăm người ...
 Lâu gác mục do thời quá cũ
 Vách phen gân sụp đổ kê bên
 Chưn cột hư nát chẳng bền
 Trích xuyên xiêu ngã, móng nền lung lay
 Bốn phía đồng an bày một lúc
 Lửa bỗng đâu đốt cháy cửa nhà
 Con ông **Trưởng giả** chưa ra
 Mười người, hai chục hoặc là ba mươi. (lay)

14. Trưởng giả thấy lửa thời tứ hướng
 Nó cháy nhanh thiêu nướng toàn gia
 Lòng ông sợ sệt xót xa
 Một mình thì dễ thoát ra nhẹ nhàng
 Thương các con hiện đang trong đó
 Chẳng biết gì lửa đỏ đốt thân
 Rất đau đớn lăm muôn phần
 Chúng lo đùa giỡn nào cần biết chi
 Không thấy sự hiểm nguy trước mắt
 Đâu có tường khốn ngặt *mạng căn* (*).
 Ông **Trưởng giả** lại nghĩ rằng:
 Phải tìm phương cách cứu thân con hiền
 Nhà bị cháy mau liền ra khỏi
 Tiếng hô to kêu gọi các con
 Chớ dụ dự mạng chẳng còn
 Cha dù thương xót các con ích gì,
 Thấy chúng chẳng hiểu chi là lửa
 Và tận tường nhà cửa ra sao
 Vì đâu bị hại thế nào?
 Chỉ cứ chạy giỡn mà đau tắc lòng
 Ôi! Lũ trẻ Tây, Đông đùa nghịch
 Ngó nhìn qua thỏa thích mà thôi. (lạy)

(*) *Mạng Căn*: Xem phần Thích nghĩa.

15. **Bấy giờ,**

Ông **Trưởng giả**, dạ bồi hồi
Lòng như lửa đốt đứng ngồi không yên
Nếu chân chừ con hiền mất mạng
Phải làm sao thoát nạn này đây
Nên bày kế sách rất hay
Khéo dụng Phương Tiện đúng ngay sở trường
Biết các con thường thường ưa thích
Các đồ chơi xinh lịch lạ lòng
Nếu thấy ưa đắm tâm lòng
Liên bảo các trẻ chạy xông ra ngoài
Đủ đồ chơi cha bày đợi sẵn
Những món này khó đặng ít khi
Nhanh chơn, lẹ bước mau đi
Bằng không hối tiếc mất thì cơ may
Các thứ xe Trâu bày đủ kiểu
Có thể dùng làm kiệu dạo chơi
Ra đây tùy ý mỗi người
Cha thời cho hết chẳng thời dối ngôn.

Lúc bấy giờ, các con **Trưởng giả**
Nghe đồ chơi vừa dạ ý mình
Mỗi người sức mạnh khiếp kinh
Tranh ra nhà lửa khó tin không ngờ.

Khi đó!

Trưởng giả thấy con thơ an ổn

Thoát qua cơn nguy khốn vô cùng

Tâm ông hớn hở vui mừng

Không còn chướng ngại chưa từng xảy ra

Lũ trẻ nhắc lời cha đã hứa

Cho những đồ đẹp tợ báu châu

Nào là xe Dê ... xe Trâu

Mong cha ban phát mau mau bây giờ. (lạy)

16. **Xá Lợi Phất!** Không chờ đợi nữa

Phải làm ngay lời hứa của mình

Khi đó, **Trưởng giả** thuận tình

Đồng cho xe lớn con mình giống nhau

Xe cao rộng dính vào các báu

Bao quanh đều cấu tạo lan can

Bốn phía giăng phủ lọng màn

Cũng dùng đồ báu làm toàn đẹp thay

Dây kết thắt ngọc cài tỏa sáng

Các dải hoa phủ ánh trắng, hồng

Nệm chiếu mềm mại trải chồng

Gối đỏ đặt để trên hòng dựa lưng

Dùng Trâu trắng làm chүн xe kéo

Sắc da đều đẹp khỏe sạch trơn

Thân hình vạm vỡ mạnh hơn
 Bước đi mau lẹ như cơn gió ngàn
 Trên xe lại có hàng tôi tớ
 Để hầu hạ giúp đỡ chủ nhân
 Thật ra chẳng ai sánh bằng
 Vì sao?
 Vì ông **Trưởng giả** báu trân khôn lường
 Các thứ quý kho tàng đầy ngập
 Ông nghĩ rằng chẳng gặp khó khăn
 Của cải nhiều thật vô ngần
 Không nên cho nó kém phần xấu xa
 Bởi chúng đồng con **Ta** tất cả
 Luôn yêu thương một dạ như nhau
 Lòng bình đẳng không thấp cao
 Chia đều cả thấy trước sau khác nào.
 Dầu đem xe ban trao cả nước
 Không hề gì, hà huống con **Ta**.
 Xe bằng bảy báu Hằng hà
 Số nhiều vô lượng tính ra khôn cùng.
 Lúc ấy,
 Các người con của ông đẹp dạ
 Điều chưa từng có cả bao giờ
 Hiện tại chẳng phải trong mơ
 Đều ngồi xe lớn tâm thơ thới mừng.

(lạy)

17. **Xá Lợi Phất!** Ý ông sao nhỉ?
Trưởng giả đó có bị lỗi không?
 Dụ hư vọng để giác lòng
 Thoát ra nhà lửa thật không lỗi gì.
Xá Lợi Phất! Bạch cùng Đức **Phật**.
 Ông **Trưởng giả** là bậc cha lành
 Chỉ làm lợi ích cứu sanh
 Độ con thoát nạn an lành mạng thân
 Đã những vậy hưởng phần sang trọng
 Chẳng phải là hư vọng lỗi sai.

Thế Tôn!

Dầu ông **Trưởng giả** như nay
 Nhẫn không một vật cho rày các con
 Còn chẳng phải gọi là hư vọng,
 Bởi ông cứu mạng sống quý hơn.
 Tâm ông **Trưởng giả** thương con
 Quyết lòng cứu chúng sống còn mạng thân
 Mới dùng Phương Tiện diệu năng
 Độ con thoát cảnh lửa trần cháy thiêu
 Nhân duyên do đó thuận chiu
 Nếu nói hư vọng là điều nghĩ sai
 Hà huống **Trưởng giả** hiện nay
 Biết mình giàu có gia tài vô biên

Muốn cho các đứa con hiền
Xe lớn một thứ không riêng ai nào! (lay)

18. Phật bảo Xá Lợi hay nào!

Như lời ông giải vàng, thau rõ ràng.

Phật là cha của thế gian

Ở nơi các khổ độ an muôn loài

Vô minh che lấp bao ngày

Lo buồn, sợ hãi, đọa đầy tâm linh

Mà trọn thành tựu diệt, sinh

Vô lượng tri kiến quang minh khôn lường,

Trí lực dũng mãnh kiên cường,

Vô sở úy thật phi thường không hai.

Đại thần thông, trí huệ đầy

Đủ các phương tiện sẵn bày thên thang

Đại Từ, Đại Bi vô vàn

Không hề lừa dối mỗi tâm càng tịnh thanh.

Hằng vì cầu việc lợi lành

Cho cả muôn loài mà sanh **Ta Bà** (*)

Vào nhà Tam giới thiết tha

Cũ mục, hư nát, sanh già khổ đau

Ngu si tằm tối trùm bao

Ba độc (*) thọ nhiễm thấm vào thân tâm

(*) **Ta Bà**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Ba Độc (Tam Độc)**: Xem Thích nghĩa, Vân T.

Truyền trao chánh pháp thậm thâm
 Dạy bảo cho chúng khỏi lầm, khỏi sai
 Đặng Đạo Vô Thượng **Như Lai**
 Ra khỏi nhà lửa bằng nay mới là. (lay)

19. **Ta** thấy sự sanh, già, bệnh, chết
 Các chúng sanh liên kết chẳng rời
 Lo buồn khổ não trong đời
 Vì năm món dục đua bơi tham cầu
 Ham tài lợi bị điều thống khổ
 Lòng si mê đeo đuổi chẳng dừng
 Hiện đời thọ khổ đành ưng,
 Đời sau sáu nẻo trầm luân kéo dài
 Khổ địa ngục, sanh loài ngựa quỷ,
 Đặng lên Trời phước vị không lâu.
 Làm người nghèo túng lo âu
 Khổ thương chia cách ngàn sầu phân ly,
 Kẻ oán ghét thường khi gặp gỡ,
 Khổ mưu cầu được thưở nào xong,
 Các thứ khổ cứ chất chồng
 Đùa nhau lặn hụp chìm trong ái hà.
 Nào có chịu tìm ra sự thiệt
 Bởi chẳng hay, chẳng biết sợ gì
 Ở trong nhà lửa khổ nguy
 Đông, Tây chạy giỡn cứ thì vui chơi

Dầu bị khổ nhiều đời cam chịu
 Chẳng tỉnh lòng lo liệu bản thân. (lạy)

20. **Phật** thấy thương xót nghĩ rằng:

Ta là cha của linh căn bốn loài
 Nên cứu chúng ra ngoài Tam giới
 Khỏi khổ nản buộc trói bấy lâu
 Ban cho vô lượng sở cầu
 Các món trí huệ nhiệm mầu dạo chơi.

Xá Lợi Phất! Như Lai lại nghĩ:
 Nếu **Ta** đây dùng chỉ thần thông
 Cùng sức trí huệ nơi lòng
 Bỏ chước phương tiện khó hòng độ thay.

Vì sao?

Vì các chúng hiện nay chưa khỏi
 Sự sanh, diệt cột trói lo buồn
 Đương bị thiêu đốt dư muôn
 Ở trong nhà lửa khó đường thoát thân
 Làm sao hiểu được rằng trí huệ
 Của **Phật** đây khó thể tin dùng. (lạy)

21. **Xá Lợi Phất! Như ông Trưởng giả**
 Thân và tay sức mạnh phi thường
 Cũng không dùng đó phô trương

Cứu con mình đặng thoát đường khổ nguy.
 Đức **Như Lai** cũng vì như thế
 Dầu **Phật** đây trí tuệ ai bằng
 Sức *Vô úy* không gì ngăn
 Mà chẳng dùng đến ... một lần cũng không,
 Bày phương tiện tùy trong Tam giới
 Vì chúng sanh khéo nói ba Thừa,
 Các người không nên thích ưa
 Ở trong nhà lửa ngăn ngừa được đâu
 Ham ngũ dục khổ sâu hệ lụy
 Mê sắc, thanh, hương, vị, xúc trần
 Đắm tham nên mới trói chân
 Sanh ra ái nhiễm lửa trần đốt thiêu.
 Mau ra khỏi sớm chiều ba cõi
 Đặng chứng phần **Duyên Giác, Thanh Văn,**
Phật thừa muôn báu khó bằng
 Mặc nhiên thỏa thích cõi trần dạo chơi.
 Nay **Ta** vì các người bảo nhiệm
 Việc đó không phù phiếm gạt lường
 Chỉ nên *ting tấn* (*) hằng thường
 Siêng năng tu tịnh thoát đường khổ đau.
 Đức **Như Lai** dựa vào phương tiện
 Dẫn chúng sanh thẳng tiến Niết Bàn.

(*) *Ting Tấn*: Xem phần Thích nghĩa.

Lại bảo các người biết rằng:
 Pháp ba Thừa đó thật chân rõ ràng;
 Đấng Thánh khen ngợi vô vàn
 Là Pháp tự tại không ràng buộc đâu
 Không còn nương gá tìm cầu
 Ngồi trong xe Pháp ngàn sấu tiêu tan
 Đặng dùng các món **Phật** ban
Ngũ căn (*), *ngũ lực* (*) hoàn toàn sợ chi,
 Thiền định vô lậu đoạn nghi,
 Giải thoát tam muội ... có gì sánh hơn.
 Tự vui sướng chỗ chơn thường
 An ổn **Cực Lạc** (*) khó lường đặng đâu. (lạy)

22. **Xá Lợi Phật!** Chúng sanh nào
 Ở trong trí tánh sáng lâu tinh anh
 Theo **Phật** tin nhận tu hành
 Ân cần trau luyện tâm lành như như
 Muốn ra ba cõi bấy chừ
 Tự cầu chứng đắc *Hữu Dư Niết Bàn* (*)
 Gọi đó *Thanh Văn Thừa* (*) hàng
 Như con **Trưởng giả** được phần xe Đê.

(*) *Ngũ Căn*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Ngũ Lực*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Cực Lạc*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Hữu Dư Niết Bàn*: Gọi đầy đủ: *Hữu Dư Y Niết Bàn*. Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Thanh Văn Thừa*: Xem phần Thích nghĩa.

Nếu có chúng sanh nương về
Theo chân lý **Phật** giác mê tâm lòng
Nghe pháp tinh tấn khổ công
Tu cầu trí huệ thoát vòng tử sinh
Ưu chỗ vắng lặng riêng mình
Rõ sâu các pháp duyên sinh nghĩ bàn
Gọi là *Duyên Giác Thừa* (*) hàng
Như con **Trưởng giả** được phần xe Hươu.

Nếu có chúng sanh nào tu
Nghe Pháp tin nhận công phu thực hành
Quyết cầu Nhứt Thiết Trí thành
Phật trí chứng đắc rạng danh muôn đời,
Tự Nhiên Trí (*) như mặt trời,
Vô Sư Trí (*) hóa giác thời mầu thay,
Tri kiến, vô úy **Như Lai**
Có lòng thương xót bốn loài chúng sanh
An vui tất cả thiện lành
Trời, người độ thoát tử sanh không còn,
Đại Thừa **Bồ Tát** viên tròn
Ma Ha Tát (*) liễu, **Phật Tôn Thừa** hàng
Như con **Trưởng giả** được ban

(*) *Duyên Giác Thừa*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Tự Nhiên Trí*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Vô Sư Trí*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Ma Ha Tát*: Gọi đầy đủ: *Ma Ha Tát Đỏa*. Xem phần Thích nghĩa.

Ra khỏi nhà lửa hưởng phần xe Trâu. (lạy)

23. **Xá Lợi Phất!** Như ông **Trưởng giả**

Thấy các con mình đã được an

Ra khỏi nhà lửa thiêu tàn

Không còn sợ nữa hân hoan vui nào

Ông tự nghĩ, **Ta** giàu vô lượng

Nên bình đẳng xe lớn cho con

Cũng như lòng Đức **Thế Tôn!**

Là cha muôn loại bảo tồn chúng sinh.

Nếu thấy có vô nghìn ức độ

Cửa **Phật giáo** cứu khổ hằng vui

Thoát ra đường hiểm Trời, người,

Niết Bàn an lạc tuyệt vời, lành thay!

Bấy giờ, Đức **Như Lai** bèn nghĩ:

Ta có vô lượng trí huệ này

Cùng lực vô úy đủ đầy ...

Tạng Pháp của **Phật** khôn tày tính ra

Các chúng sinh con **Ta** tất cả

Đồng ban cho giáo hóa Đại Thừa

Không còn diệt độ riêng ưa,

Đều Pháp diệt độ của **Như Lai** truyền

Mà cho chúng đồng thuyền diệt độ

Dứt hiểm nguy đau khổ tai nạn.

Những chúng sanh đã được an
 Ba cõi ra khỏi nhẹ nhàng tới lui
Phật đều cho món vui thiên định
 Giải thoát cùng Pháp tịnh .v.v...
 Của các Đức **Phật** đặc phần
 Đều là một tướng chẳng phân biệt mà.
 Các đấng Thánh hằng sa khen ngợi
 Một thứ mà ích lợi sạch, mầu
 Sự vui bực nhất từ lâu
 Không thể nói hết cao sâu nghĩa từ . (lạ)

24. **Xá Lợi Phất!** Cũng như **Trưởng giả**
 Ban đầu dùng ba loại thứ xe
 Dẫn dụ các con sớm nghe
 Sau rồi bình đẳng ban xe lớn mầu.
 Ông **Trưởng giả** tâm đâu hư dối,
 Đức **Như Lai** có lỗi chẳng nào?
 Ba Thừa dẫn dắt buổi đầu
 Sau rồi dùng chỉ Đại Thừa mà thôi.
 Vì sao?
Như Lai có vô vàn tạng Pháp
 Tùy cơ nghi phù hạp bố ban
 Vô Sở Úy, Trí Lực toàn
 Đại Thừa cho tất cả hàng chúng sanh.

Chỉ vì chúng tâm thành không có
Thì làm sao mà thọ nhận đây.

Xá Lợi! Các Đức Như Lai

Vì nhơn duyên đó mới bày tiện phương
Dùng sức lực biến quyền nơi một
Chỗ **Phật thừa** phân biệt thành ba
Muốn tuyên lại nghĩa sâu xa
Đức **Phật** mới nói kệ ra như vậy: (lạy)

25. Thí dụ như ông **Trưởng giả**
Có một ngôi nhà lớn đã cũ lâu
Thời gian xuống cấp biến màu
Phòng nhà rất xấu vừa cao nguy cùng
Gốc cột sập gãy mục chùn
Trích xuyên xiêu vẹo, vách phen đổ lùn
Nền móng sắp lụn dần dần
Đất bủn rơi rớt xuống phần rất nhanh
Hư nát sơ tán lớp tranh
Kèo, đòn rời khớp, mọng canh chẳng còn
Bốn bề tứ phía tiêu mòn
Khắp đầy tạp chất đổ dồn bên trong
Năm trăm người ở nhà ông,

(*) Chim *Xi, Thuộc*, Quạ chứa hòng *Thúu, Diêu*,

(*) *Cừu, Cáp, Phúc yết* cũng nhiều,

(*) *Ngươn xà*, Rắn rít, Ó, Điều, Thủ cung,
 (*) *Do diên*, Bá túc, *Ngô công*,
 (*) *Dứu, Ly, Hê thử* hợp cùng Trùng hoang
 Ruổi chạy xen kẽ dọc ngang
 Phân giải hôi thúi chảy tràn tứ phương
 (*) Các loài Trùng độc *Khương lương*
 Bu nhóm khắp chỗ khôn lường tràn lan
 Cáo, Sói cùng với *Dã Can* (*)
 Liếm nhai, dày đập trông càng gớm ghê,
 Cắn xé thây chết ê hề
 Xương thịt bữa bãi vụng về xảy ra.
 Do đây bầy chó đến tha
 Đua nhau ngoạm lấy thật là hãi kinh,
 Ốm đói, sợ sệt quanh mình,
 Nơi nơi tìm kiếm giựt giành miếng ăn,
 Gầm gừ gào sủa vang rân,
 Nhà đó đáng sợ muôn phần ai bi
 Khắp chỗ đều có Quỷ, Ly,
 Vọng, lượng rất dữ, thêm thì Dạ Xoa
 Nuốt ăn cả thịt người ta
 Các loài Trùng độc thiệt là số đông

(*) *Xi*: Cú tai mèo; *Thước*: chim Khách; *Thửu*: Loài chim dữ; *Điều (Hiêu)*: Tiếng xấu;
Cừu: Tu hú; *Cáp*: Bò cạp; *Phúc yết*: Bò cạp; *Ngươn xà*: Rắn độc; *Do diên*: Trùng, Rận ở
 trong áo tơi; *Ngô công*: Rết; *Dứu, Ly*: Chồn, Cáo; *Hê thử*: giống Chuột; *Khương lương*:
 Bọ hung.

(*) *Dã Can*: Xem phần Thích nghĩa.

Những loại cầm thú ác hung
 Sản sanh ấp trứng, bế bông bú nuôi
 Giữ gìn, tự giấu ôi thối!
 Dạ Xoa đưa đến một hồi bắt ăn
 No nê lòng dữ thêm hăng
 Tiếng chúng đánh cãi tranh phần đấu nhau
 Thật là đáng sợ làm sao.
Cưu Bàn Trà (*) quở trông vào lạ thay
 Ngồi xồm trên đồng đất rày
 Có lúc hồng đất một, hai thước chừng
 Đạo đi, qua lại dừng dừng
 Giỡn chơi nắm cả hai chơn chó đùa
 Đánh cho la lớn mới vừa
 Lấy chơn đạp cổ giày bừa để vui.

 Lại có các giống Quỷ thời
 Thân nó cao lớn hơn người gấp đôi
 Trần truồng đen xấu tanh hôi
 Thường ở trong đó đứng ngồi không yên
 Rền tiếng hung ác vang lên
 Kêu la đủ thứ kiếm tìm món ăn.
 Lại có giống Quỷ lớn thân
 Cổ nó rất nhỏ chỉ bằng cây kim.
 Lại có giống Quỷ thú cầm

(*) **Cưu Bàn Trà (Quỷ)**: Xem phần Thích nghĩa.

Đầu nó như hệt đầu Trâu khác gì,
 Thịt người, thịt chó kể chi
 Đói khát bức ngặt món gì cũng ăn.
 Ác độc, cực hiểm hung hăng
 Dạ Xoa, Quỷ đói, các loài chim muông,
 Các nạn thế đầy chi dường
 Vô lượng ghê sợ khôn lường hết đâu. (lạ)

26. Nhà cũ mục nát đã lâu
 Thuộc do người đó, mới hầu vừa ra
 Thời gian chưa đặng lâu xa
 Rồi sau nhà cửa bỗng mà cháy đi
 Bốn bề đổ rục vậy thì
 Ngọn lửa hừng hực phát nguy quá chừng,
 Trích, xuyên gãy đổ cột, rường
 Tiếng nổ vang động vách, tường ngã nghiêng
 Quỷ, Thần đủ loại thả kiêng
 Đồng cất tiếng rống đảo điên kinh hồn
 Chim muông, Điêu, Thú, đổ đôn
Citu Bàn Trà quý khó tồn mạng căn
 Sảng sốt sợ chạy lảng xãng
 Vẫn không tự thoát lưới thần đặng ra
 Thú dữ, Trùng độc bao la
 Đồng chui núp ở trong nhà, lỗ hang

Các quý *Tỳ Xá Xà* ^(*) bang
 Cũng ở trong đó tìm đường thoát thân
 Vì kém phước đức thiếu nhân
 Bị lửa đốt bức, chịu phần khổ đau
 Uống máu ăn thịt lẫn nhau
 Dã Can thú nhỏ đều vào lửa than,
 Các giống thú dữ lớn càng
 Giành nhau ăn nuốt nhón nhàng khói tanh
 Bốn bề phủ bít bao quanh
 Ngô công, rắn độc tranh giành khỏi hang,
 Bàn-Trà quỷ đói chực đàng
 Cơ hội bắt lấy mà toan ăn liền
 Có các ngựa quý chẳng hiền
 Trên đầu bật cháy lửa kiên nóng khan
 Sảng sốt chạy cuống quơ quàng
 Nhà lửa dường ấy trông càng sợ ghê
 Độc hại tai khổ trăm bề
 Các nạn chẳng một ... ê hề ngàn muôn. (lạy)

27. Lúc bấy giờ;

Chủ nhà đứng nơi bên ngoài
 Nghe có người mách bảo rày chẳng xong.
 Tôi thấy các đứa con ông
 Dạo chơi đến nổi vào trong nhà này

^(*) *Tỳ Xá Xà (Quỷ)*: Xem phần Thích nghĩa.

Thơ bé không biết, không hay
Chỉ ham vui thích đắm say trần hồng.

Trưởng giả vừa được nghe xong
Thẳng vào nhà lửa tâm lòng sợ kinh
Tìm phương chi, cứu con mình
Cho khỏi đại nạn thiêu hình hại thân,
Hết lời dẫn dụ ân cần
Nói rõ hoạn nạn bày phân tột cùng
Nào là ác quỷ, độc trùng
Hỏa tai rục cháy mịt mù tràn lan
Sự khổ lớp lớp bất an
Nói liền không dứt trần gian Ta bà,
Độc xà, Ngươi phúc, Dạ Xoa
Cùng với quỷ dữ Bàn-Trà quá đông,
Dã Can, Chồn Chó, cánh lông
Chim điêu, Kiêu, Thúu ẩn trong nhà này
Có giống Bá Túc mình dài
Đều đói, khát, khổ thật rày đáng ghê.
Ôi thôi! Khổ nạn đã kê
Huống gặp lửa lớn bốn bề khó ra
Các con không hiểu sâu xa
Chẳng hề chú ý nghe cha dạy truyền
Cứ mãi chạy giỡn hồn nhiên
Ham ưa vật dục nhiễm ghiền không thôi. (lạ)

28. Bấy giờ, **Trưởng giả** sang giàu
 Mới bèn nghĩ cách thế nào cứu con
 Thấy con bị nạn thon von
 Lòng thêm sầu não mỗi mòn lẳng lo
 Nay trong nhà cửa cháy to
 Không việc gì để đáng vui chút nào
 Các con ngây dại làm sao
 Vẫn mê chạy giỡn mà nào biết chi
 Chẳng nghe lời của **Ta** thì
 Toan chắc sẽ bị hại nguy mạng phần
 Nên bày phương tiện thật chân
 Bảo với các đứa con rằng như sau:

 “*Cha có nhiều thứ nghe nào!
 Những xe báu tốt đẹp bao vô cùng
 Đồ chơi trân quý lạ lùng
 Dê, Hươu đầy đủ có cùng xe Trâu
 Hiện để ngoài cửa đã lâu
 Các con ra lấy mau mau bây giờ
 Chính cha vì các con thơ
 Mà sắm đủ món đang chờ tặng ban
 Tùy ý ưa thích hoàn toàn
 Các xe có thể trên đường dạo chơi”.*

 Nghe cho xe báu tuyệt vời

Con ông **Trưởng giả** tức thời tranh nhau
 Chạy ra nhà lửa rất mau
 Đến khoảng đất trống thở phào nhẹ tênh
 Những sự khổ nạn dường quên ...
Trưởng giả thấy vậy lòng bèn vui thay.
 Ngã tư đường đến bằng nay
 Ngồi tòa Sư Tử ông đây mừng rằng
 Để nuôi con rất nhọc nhằn
 Vì chúng nhỏ dại vào lầm nhà kia
 Không hiểu nạn hiểm hết kìa
 Nhiều loài trùng độc, mãng xà, quỷ ma ...
 Lửa cháy hừng hực đốt da
 Mà các đứa trẻ chẳng là sợ chi
 Nay **Ta** cứu chúng thoát nguy
 Khiến đều đặn ổn có gì sánh hơn.
 Vì thế hỏi các người ơi!
Ta rất hoan hỷ trong đời mừng vui.
 Khi ấy, các con ông thời
 Biết cha vừa dạ đã ngồi an thân,
 Đều đến bên chỗ thưa rằng:

Như vừa rồi cha hứa
Các con mau ra đây
Sẽ cho ba thứ xe
Báu lạ rất quý thay

*Tùy ý các con muốn
 Cha nên thực hiện ngay
 Bây giờ chính là lúc
 Xin cha hãy an bày.* (lạy)

29. **Trưởng giả** giàu có tột rày
 Kho đụn vàng, bạc chứa đầy lưu ly,
 Xà cừ, mã nã thiếu chi
 Dùng những vật báu tạo thì thành xe
 Trang nghiêm tốt đẹp mọi bề
 Bao lờn bốn mặt chẳng xê tương đồng
 Dây vàng xen thắt tụi thông
 Lưới mảnh kết tủa toàn ròng trên châu
 Giăng bày phủ phía trên cao
 Hoa vàng, chuỗi ngọc sáng lầu tinh anh
 Các màu trang sức bao quanh
 Nhiễu hàng mềm mại may thành nệm yên
 Vải quý giá trị nghìn muôn
 Bóng láng trắng sạch trải trùm phủ trên
 Trâu trắng to lớn sức bền
 Thân hình mập khỏe, vòng kiềng tốt tươi
 Để kéo xe báu tuyệt vời
 Chức hầu tể nhiều người rất đông.
 Đồng ban con trẻ vừa lòng
 Vui mừng hơn hở thật không thể lường

Dạo chơi khắp cả bốn phương
Tự tại (*) khoái lạc không đường ngại ngẫn. (lạ)

30. **Phật** bảo **Xá Lợi Phất** rằng:
 Đức **Phật** cũng vậy, y chẳng khác nào.
Thế Tôn! Đại Thánh tối cao
 Cha lành bốn loại trần lao Ta bà.
 Tất cả chúng sanh Hằng sa
 Trong đời xét nghĩ đều là con **Ta**
 Say mê thế lạc phù hoa
 Đánh mất chơn tánh, tối lừa chân tâm.
 Ba cõi hiểm ác họa thâm
 Dường như nhà lửa âm thầm cháy lan
 Dẫy đầy nạn khổ bất an
 Rất đáng ghê sợ kinh hoàng hỡi ôi!
 Sanh, già, bệnh, chết kiếp đời
 Rầu lo mọi thứ không giờ nào yên
 Các thứ lửa của **nã phiền** (*)
 Cháy hừng chẳng tắt liên miên mãi kìa.
 Đức **Như Lai** đã giác lia
 Nhà lửa ba cõi chóng ra lâu rồi
 Vắng lặng, thông thả, thanh thoi
 An ổn, tự tại ngồi nơi Liên tòa.

(*) **Tự Tại**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Nã Phiền**: Còn gọi: **Phiền Nã**. Xem Thích nghĩa vẫn P.

Hiện nay ba cõi Ta bà
 Trước đây nghĩ lại đều là của **Ta**
 Chúng sanh trong đó thật ra
 Cũng là con của **Phật Đà** chẳng sai.
 Mà nay ba cõi trần ai
 Có nhiều thứ khổ nạn tai khôn lường
 Chỉ riêng **Ta** mới chặn dừng
 Có thể cứu độ thứ dân muôn loài
 Dốc lòng dạy bảo khéo thay!
 Chúng không tin nhận đắm say dục tình
 Tham mê ôm chấp phù sinh
 Bởi thế phương tiện lập trình bày ra
 Ba Thừa thuyết độ sâu xa
 Khiến cho các chúng sanh mà rõ thông.
 Ta bà cõi khổ mênh mông
 Mở bày diễn nói thật không thể lường
 Những pháp xuất thế diệu phương
 Do tâm quyết định ngộ đường **Như Lai**,
 Đầy đủ *ba món minh* (*) khai,
Thần thông sáu món (*) hiển bày nơi tâm,
 Chứng đắc **Duyên Giác** cao thâm,
Bồ Tát Bất Thối đoạn mầm diệt sanh.

(*) *Ba Món Minh (Tam Minh)*: Xem Thích nghĩa văn T.

(*) *Thần Thông Sáu Món*: Còn gọi: *Lục Thần Thông*: Xem phần Thích nghĩa.

Xá Lợi Phất! Phải rõ ràng
Ta vì các loại chúng sanh bốn loài
 Nên dùng món Thí Dụ này
 Để nói một Pháp **Phật Thừa** không hai,
 Các ông tin nhận lời đây
 Tất cả hết thấy đương lai **Phật** thành. (lay)

31. **Phật Thừa** vi diệu pháp lành
 Thanh tịnh thứ nhất thật hành cao sâu,
 Trong các thế giới đứng đầu
 Không còn có thể Pháp nào sánh trên
 Của các Đức **Phật** vui nên
 Chúng sanh đều phải đáp đền ân sâu,
 Cúng dường, lễ bái tin cầu
 Vô lượng nghìn ức nhiệm mầu pháp tu
 Các trí lực giải thoát như:
 Thiên định, trí huệ người người thực thi
 Cùng là Pháp khác chứng tri
 Đại Thừa như thế chẳng gì so hơn
 Rộng khắp cho thấy các con
 Vô cùng kiếp số mãi còn khôn vơi
 Thường đặng an ổn dạo chơi
 Các hàng **Bồ Tát** cùng thời **Thanh Văn**
 Nương nơi Thừa báu này rằng:

Thăng đến một bước *đạo tràng* thành công
 Bởi nhơn duyên đó gieo trồng
 Mười phương tìm kỹ, thật không Thừa nào
 Ngoại trừ phương tiện **Phật** trao
Xá Lợi Phật! Nhớ âm hao rõ ràng
 Các ông cùng hạng thế gian
 Đều là con của *Từ Hàng* (*) **Như Lai**
 Cha lành tự thuở xưa nay
 Trải nhiều kiếp số độ loài khổ mê
Ta đều cứu vớt mọi bề
 Ra khỏi ba cõi nẻo đáng thương
Ta dầu ngày trước tỏ tường
 Các ông diệt độ hết đường tử sanh
 Mà thiệt chẳng diệt trọn lành
 Chỉ có trí huệ **Phật** thành đại duyên.
 Nếu có **Bồ Tát** hiện tiền
 Ở trong đại chúng phát nguyện nghe qua
 Một lòng tin chắc sâu xa
 Pháp thật của các **Phật Đà** nói ra
 Hoặc các **Thế Tôn** bày qua
 Dùng chước Phương Tiện đặng mà độ sanh
 Muôn loài được độ an lành

(*) *Từ Hàng*: Xem phần Thích nghĩa.

Đều là **Bồ Tát** đắc thành như nhau. (lạy)

32. Nếu có người trí nhỏ nào
 Mê nơi ái dục đào sâu nghiệp dày
Phật bèn vì bọn chúng này
 Dùng lý **Khổ Đế**^(*) mở khai gốc nguồn
 Chúng nay nghe thấu vui mừng
 Đặng điều thâm diệu chưa từng xảy ra.
 Khổ đế, **Phật** nói sâu xa
 Chân thật như vậy chẳng là khác sai.
 Lại có chúng sanh hiện nay
 Không rõ gốc khổ chấp rày khổ hơn
 Chẳng chịu rời bỏ thiệt hơn
Phật vì hạng đó tiện phương giảng bày
 Nguyên nhân các khổ nối dài
 Tham dục cội gốc khiến sai lỗi lầm
 Nếu dứt tham dục trong tâm
 Khổ không còn chỗ bén mầm sinh ra
 Hết hẳn các khổ nơi ta
 Gọi là đã đoạn thứ ba Diệt phần.
 Chứng đặng **Diệt Đế**^(*) làm nhân
 Rồi nường **Đạo Đế**^(*) công năng tu hành

(*) **Khổ Đế**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Diệt Đế**: Còn gọi: **Khổ Diệt Đế**. Xem Thích nghĩa vẫn K.

(*) **Đạo Đế**: Còn gọi: **Đạo Thánh Đế**. Xem phần Thích nghĩa.

Các khổ phược, chẳng khởi sanh
 Đó là giải thoát ngọn ngành mà thôi
 Chỉ rời hư vọng phàm đời
 Kỳ thiết giải thoát hẳn thời chưa viên
Phật nói người đó tu thiền
 Chưa thật diệt độ, vì nguyên nhân nào?
 Vì người chưa chứng quả cao
 Vô Thượng Chánh Giác làm sao viên thành,
 Ý của **Ta** không muốn rằng
 Cho đó diệt độ cõi trần vậy thôi!
Ta là vua Pháp trong đời
 Tự tại vô ngại chẳng rời quần sanh,
 Muốn cho an ổn thiện lành
 Nên **Phật** hiện diện giảng rành yếu môn.
Xá Lợi Phất! Phải hiểu thông.
Pháp ấn (*) của **Phật Thế Tôn** vô vàn
 Đều làm lợi ích thế gian
 Chớ có vọng động nghĩ bàn đặng đâu,
 Có người nghe đến tin sâu
 Tùy hỉ thọ nhận pháp mầu **Như Lai**
 Phải biết người ấy bằng nay
 Là bậc Bất Thối chuyển lai trong đời

(*) **Pháp Ấn**: Xem phần Thích nghĩa.

Có người tin nhận giác thời
 Kinh pháp Vô Thượng tuyệt vời không hai
 Người đó từng thấy **Như Lai**
 Các **Phật** quá khứ hiện bày trong tâm
 Cúng dường cung kính thậm thâm
 Cũng đặng nghe pháp diệu âm mâu này.
 Người nào có thể nghe đây
 Tin lời ông nói chính rày thấy **Ta**
 Cũng thời thấy đặng ông mà
 Các hàng **Bồ Tát**, cùng là Tỳ Kheo. (lạy)

33. ***Phật** vì người trí sâu
 Nói kinh **Pháp Hoa** mâu
 Kể thiếu trí nghe đến
 Mê lầm không hiểu đâu.
 Tất cả hàng **Thanh Văn**
 Cùng với **Bích Chi Phật**
 Ở trong Kinh Pháp này
 Sức kia không hiểu hết.
 Chính ông **Xá Lợi Phất**
 Hãy còn nơi Kinh này
 Dùng lòng tin đặng vào
 Huống là **Thanh Văn** khác.
 Bao nhiêu bậc **Thanh Văn***

*Do tin theo lời **Phật**
Mà tùy thuận Kinh này
Chẳng phải trí mình thật. (lay)*

34. Lại này **Xá Lợi** nghe qua,
Có kẻ biếng nhác cùng là kiêu căng
Vọng tâm so chấp ngã nhân
Chớ vì giảng thuyết Kinh năng báu này.

Hạng phàm phu nghiệp dày trí mỏng
Vì quá mê năm món dục trần
Nghe Pháp không hiểu thật chân
Cũng chẳng nên nói biện phân làm gì.
Nếu có người khinh khi hủy báng
Chê Kinh này thời đoạn dứt căn
Tất cả giống **Phật** làm nhân
Thả y đều mất hết cội trần không sai.
Nếu có người nhường mảy, xù mặt
Mà đem lòng nghi hoặc chê bai,
Ông đây nên lắng nghe rày
Tội báo người đó không tày kể ra.
Hoặc lúc **Phật** còn là tại thế,
Hoặc sau khi diệt độ Niết Bàn
Nếu có người nọ bướng càn
Không tin kinh điển chấp mang thế này ...

Thấy có người đọc bày trì tụng
 Hay chép biên thọ dụng hành trì
 Rồi ganh ghét dạ miệt khi
 Cưu lòng kết oán sân si, giận hờn
 Ông lắng nghe thiệt hơn **Ta** tỏ
 Tội báo này người đó như sau:
 Khi mạng chung sẽ sa vào
 A Tỳ địa ngục khổ đau đọa đày
 Một kiếp chẵn đủ đầy không bớt
 Kiếp mãn kia khi hết lại sanh
 Xoay vần như thế cực hình
 Nhẫn đến vô số kiếp thành mới thôi!
 Từ Địa ngục ra rồi sẽ đọa
 Vào Súc sanh, làm Chó, Dã Can
 Thân thể gầy ốm vương mang
 Lại thêm ghẻ loét, da càng đen điu
 Thường bị người đem điều chọc ghẹo
 Ghét rẻ khinh đuổi xéo gớm nhờm
 Hằng ngày đói khát khổ cơ
 Khô khan xương thịt sớm hôm ách nàn.
 Chết còn bị ném quăng ngói đá,
 Vì đoạn mất chơn ngã trước kia
 Nên thọ tội báo chẳng lìa
 Hoặc sanh làm kiếp Lạc đà, Lừa hôi

Thân thường mang kéo lôi nặng nhọc
 Lại còn thêm roi vọt khảo hành
 Chỉ nhớ tưởng: Nước, cỏ xanh
 Ngoài ra không biết điều lành, điều hay
 Vì khinh chê Kinh này tất cả
 Mà mắc tội phải đọa như vậy:

Có khi làm Dã-Can
Đi vào trong xóm làng
Thân thể đầy ghẻ lát
Lại mất một nhãn quang
Bị trẻ nhỏ vây đánh
Ném liệng ngói đá quăng
Ôi! Chịu nhiều đau khổ
Đến chết cũng không an.

Ở đây vừa chết đã rồi
 Liên thọ kiếp Rắn tanh hôi khổ nài
 Thân thể dài lớn bất an
 Đo độ đến khoản năm trăm do-tuần
 Điếc ngậy và chẳng có chân
 Lăn lóc di chuyển đi bằng bụng thôi,
 Các loài Trùng nhỏ, Kiến, Ruồi ...
 Bu cắn máu thịt chẳng thời nghỉ ngưng,
 Bởi vì khi trước đã từng

Khinh chê kinh điển mang thân như vậy.
Nếu được làm kiếp người đây
Các căn không đặng đủ đầy *độn si*,
Thân thì lùn xấu kể chi
Cộng thêm đui điếc, bước đi lệt què,
Nói gì người chẳng tin nghe,
Hơi miệng hôi thúi khó che đặng nào,
Thường bị quỷ mỵ nhập vào
Nghèo cùng hèn hạ khổ đau chất chồng,
Bị người sai khiến lường công
Thân mang nhiều bệnh không mong cậy nhờ,
Dẫu gần người lại thờ ơ
Chẳng ai để ý giúp cho ân cần,
Trí kia ám muội ngu đần
Có hiểu chút chữ quên dần mất đi,
Học qua nghề thuốc thực thi
Theo đúng phép trị, bệnh suy tăng phần
Không hết còn lại mất thân
Nghiệm tri chẳng biết nguyên nhân thế nào?
Hoặc khi tự mình bệnh đau
Không người chữa đặng phương nào cho an
Dầu có uống thuốc Tiên thang
Bệnh càng thêm nặng bởi mang tội dày,
Sống đời nghịch cảnh liền tai

Gặp nạn cướp trộm tiền tài lấy đi,
 Các tội dường ấy thế ni
 Lại tự mang vạ xiết chi khổ chầy,
 Những người tội kể như đây
 Trọn không thấy **Phật** chuyển khai giáo mầu,
 Thường sanh vào chỗ nạn sâu
 Tâm cuồng, trí loạn, tai hầu điếc ngậy,
Vô minh (*) mây phủ lấp dày
 Đời đời không đặng nghe đây pháp lành,
 Trải qua vô số kiếp sanh
 Ví như sỏi cát sông Hằng khó tri
 Sinh ra thân thể kém suy
Sáu căn (*) không vẹn, tứ chi khuyết dần,
 Tuy rằng mang lấy xác thân
 Tâm trong địa ngục muôn phần lao lung,
 Ở nơi ác đạo khác cùng
 Ví như nhà cửa sống chung với mình,
 Lạc đà, Heo Chó, Súc sinh
 Là chỗ luân chuyển thường tình sanh ra
 Vì khinh ngạo báng **Pháp Hoa**
 Mắc tội dường ấy thật là hải kinh.
 Kể sao cho hết tội tình

(*) *Vô Minh*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Sáu Căn (Lục Căn)*: Xem Thích nghĩa văn L.

Những người như vậy điêu linh khốn nàn
 Sống trong đói lạnh cơ hàn
 Đui, điếc, câm, ngọng đa đoan tận cùng
 Không chê trách chỗ dơ bùn
 Trang nghiêm tự khổ sống chung khó rời
 Tật bệnh mang lấy trên người
 Giống như y phục cả đời mặc thân,
 Tánh tình hiểm ác hận sân,
 Tham dục ghê tởm còn hơn thú cầm,
 Trước chê Kinh Pháp vọng lầm
 Mà nay mắc tội họa thâm thế này. (lay)

35. *Xá Lợi Phất! Nghe đây
 Người khinh chê Kinh này
 Nếu kể nói tội kia
 Cùng kiếp chẳng hết thay!
 Vì bởi nhân duyên đó
Ta vẫn bảo ông đây
 Trong nhóm người vô trí
 Chớ nên nói Kinh này.*

- Nếu có người lợi căn sức lớn
 Trí huệ kia sáng láng mở khai
 Học rộng và lại nhớ dai
 Lòng mong cầu **Phật đạo** nay tu hành.

Những hạng người tâm thành như thế
Mới thật nên giảng kệ nói ra. (lạy)

- Nếu có người trải qua số kiếp
Thấy trăm nghìn ức **Phật Như Lai**
Vun trồng cội đức sâu dày
Thân tâm bền vững không thay đổi lòng.
Hạng người được sạch trong như thế
Mới thật nên giảng kệ nói ra. (lạy)

- Nếu có người Ma Ha tinh tấn
Thường tu tập giới nhẫn, lòng từ
Chẳng hề tiếc mạng thân ư
Hãy vì người đó nói lời **Pháp Hoa**. (lạy)

- Nếu có người **Phật Đà** cung kính
Không thối chuyển quyết định hành tu
Lìa xa việc thế phàm phu
Nương nơi núi vắng rừng nhu tịnh thiền
Những hạng người thắng hiển như thế
Mới thật nên giảng kệ nói ra. (lạy)

Này **Xá Lợi Phất!** Nghe qua!
Những lời Chánh pháp **Phật Đà** truyền ra.

- Nếu có người rời xa trí ác
Gần bạn lành đạo đạt điều hay

- Người được như vậy thế này
 Mới nên vì đó nói bày **Pháp Hoa**. (lay)
- Nếu thấy người đáng là **Phật tử**
 Tâm luôn gìn giới giữ sạch trong
 Như minh châu rạng suốt thông
 Tham cầu Kinh điển giáo tông Đại Thừa
 Những người mà **Ta** vừa kể đó
 Mới thật nên bày tỏ **Pháp Hoa**. (lay)
 - Người không lòng giận thật thà
 Chắc là thiện ý diệu hòa ít ai,
 Thường thương xót mọi loài vạn vật,
 Cung kính trên các bậc **Như Lai**,
 Hạng người tốt như thế này
 Mới thật nên nói diễn bày **Pháp Hoa**. (lay)
 - Lại có người xứng là con **Phật**
 Ở nơi trong đại chúng thuần lòng
 Dùng tâm thanh tịnh hiển thông
 Nhon duyên các món thật không thể lường.
 Thí dụ dẫn bày tường lời giải,
 Nói Pháp không chướng ngại trở ngăn,
 Những người như thế đáng cần
 Mới thật nên nói lý chân Kinh này. (lay)

- Nếu có vị Tỳ Khưu Đại Đức!
Nhất Thiết Trí một mực tín cầu
 Khấp bốn phương ngưỡng pháp mầu
 Chắp tay cung kính cúi đầu thọ dâng
 Lòng ưa muốn thấm nhuần kinh điển
 Pháp Đại Thừa tâm nguyện không thay
 Nhẫn đến không thọ một bài
 Kệ kinh nào khác chẳng sai đối lòng,
 Hạng người được sạch trong như thế
 Mới thật nên giảng kệ **Pháp Hoa**. (lay)

- Như có người tưởng **Phật Đà**
 Chí tâm Xá Lợi cầu mà tháng năm,
 Nếu cầu Kinh chí tâm cũng thế
 Đặng Pháp rồi đánh lễ thọ hành
 Người đó chẳng còn khởi sanh
 Cầu Kinh nào khác, thật hành như y
 Cũng chưa từng xét tri nghĩ tưởng
 Đến sách vở ngoại hướng bàng môn,
 Người được như thế khéo khôn
 Mới thật nên nói **Diệu Môn** Kinh này. (lay)

- **Xá Lợi Phát!** Nghe đây lời dạy
 Sự tướng bày diễn giải vừa qua

Của người cầu Pháp *lợi tha* ^(*)
Cùng kiếp cũng chẳng hết là đặng đâu,
Người như thế Pháp mầu tin hiểu
Thời ông nên ứng chịu nói ra

Chân kinh **Diệu Pháp Liên Hoa**
Giáo Bồ Tát chúng thật là sâu duyên./ (lạy)

- **Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)
- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)



^(*) *Lợi Tha*: Xem phần Thích nghĩa.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

(QUYỂN 2)



PHẨM “TÍN GIẢI”

(Thứ Tư)

1. Lúc bấy giờ, các Ngài **Huệ Mạng** ^(*),
Tu Bồ Đề, Đại Ca Chiên Diên,
Đại Ca Diếp, Mục Kiên Liên,
 Từ nơi **Phật** được nghe tuyên Pháp mầu.
 Thật hy hữu từ lâu chưa có,
 Đức **Thế Tôn** ký thọ cho Ngài
Xá Lợi Phất, đặng sau này
 Sẽ thành Vô Thượng **Như Lai** đắc phần,
 Lòng hớn hở vui mừng sanh khởi,
 Từ chỗ ngồi Ngài lại đứng lên
 Sửa y phục trịch vai bên
 Gối hữu chাম đất, ông bèn chấp tay.
 Cúi mình kính **Phật**, Ngài chiêm ngưỡng
 Dung nhan Từ, Ngọc tượng không bằng
 Bạch cùng với Đức **Phật** rằng:

^(*) *Huệ Mạng*: Gọi đầy đủ: *Huệ Mạng A La Hán*. Xem phần Thích nghĩa.

“*Chúng con trong chúng cao Tăng đứng đầu
 Tuổi đã cao, thân đau, già lụn
 Tự cho mình đã chứng Niết Bàn
 Không kham nhiệm việc thế gian
 Chẳng cầu thêm đạo hoàn toàn liễu viên
 Vô Thượng Đẳng Đại Thiên Chánh Giác”.*
 Quả **Như Lai** giải thoát nhiệm sâu. (lay)

Đức Thế Tôn!

Thuở trước nói Pháp đã lâu
 Chúng con lúc đó ngồi hầu lắng nghe
 Toàn thân thể nặng nề mỗi mọt
 Chỉ nhớ nghĩ ba Pháp **Phật** đây:
 (*)*Không, Vô Tướng, Vô tác* này,
 Đối với các Pháp hiện bày thần thông,
 Hay cõi tịnh sinh trong nước **Phật**,
 Độ thoát hàng **Bồ Tát** siêu nhiên,
 Lòng chúng con không thỏa nguyện
 Cũng chẳng ưa thích, chấp riêng mọt bề.

Vì sao? Đức Thế Tôn!

Khiến chúng con đã rời ba cõi
 Chứng Niết Bàn vượt khỏi thế gian
 Thân nay già lụn sắp tàn

(*) *Không, Vô Tướng, Vô Tác*: Còn gọi: *Không, Vô Tướng, Vô Nguyện Tam Muội*. Xem Thích nghĩa văn K.

Ở nơi Vô Thượng đạo tràng **Như Lai**

Dạy **Bồ Tát** các ngài trọng điểm

Không hề sanh một niệm thích ưa.

Hôm nay, chúng con thỏa vừa

Đối trước Đức **Phật** nghe lời dự ghi.

Hàng **Thanh Văn** chứng tri Vô Thượng

Ngôi Chánh Đẳng toại hưởng về sau

Lòng rất vui, khó tả nào

Đặng Pháp vi diệu, chiêm bao không ngờ.

Nay bỗng nhiên được cơ may đến

Chẳng tìm cầu, **Phật** mến ban cho

Trân báu vô lượng muôn kho

Không bằng lợi lớn giác đò Pháp môn. (lạy)

2. Chúng con lạy **Thế Tôn** bày tỏ

Thí dụ này chỉ rõ nghĩa trên.

Có người thơ bé chưa nên

Bỏ cha lẫn trốn qua bên nước ngoài.

Năm mười năm chưa quay trở lại

Tuổi đã lớn, hiện tại nghèo hèn

Vô cùng khốn khổ đua chen

Rong ruổi khắp chốn kiếm tìm mặc, ăn.

Rồi tình cờ bước lần về nước

Đâu hay rằng mình được cố hồi.

Người cha từ trước đến giờ
 Tâm con không đặng ngày chờ, tháng trông.
 Nương thành nội một lòng thương nhớ,
 Nhà giàu sang của tợ khôn lường,
 Các kho đụn, chứa cao lương,
 Vàng bạc, ngọc báu chi dường trên châu,
 Đông tôi tớ kẻ hầu, người hạ,
 Nhiều vô số Voi, Mã, Bò, Dê,
 Xe cộ phương tiện đủ bề,
 Cho vay thâu lãi, vồ về bốn phương.

Bấy giờ,

Kẻ nghèo kia trên đường đói khát
 Đạo các nơi tụ lạc xóm làng
 Lăn hồi lại đến gia trang,
 Của người cha ở hiện đang nơi này.
 Người cha đó hằng ngày vò vố
 Xa con thơ cách trở bao năm
 Niềm thương nhớ vẫn âm thầm
 Chưa từng bày tỏ nội tâm của mình
 Chỉ suy nghĩ tự tình hối hận
 Rất ăn năn mấy bận vừa qua.
 Ông tủi than thân đã già
 Có nhiều của cải ngọc ngà làm chi
 Không con cái ai thì kế nghiệp

Một mai kia hết kiếp mãn đời
 Cửa trần bỏ lại chơi vơi
 Nghĩ suy toan tính rồi rơi giọt sầu.
 Ông mong ước may đâu gặp lại
 Đứa con mình thất lạc bấy lâu
 Của cải cho nó hết hầu
 Thản nhiên an lạc không sầu, không lo. (lạ)

3. Thưa **Thế Tôn!** Bây giờ gã khó
 Đang làm thuê ở đợ nhiều gia
 Vô tình đi đến nhà cha
 Không hay, không biết, thật thà hồn nhiên
 Bèn đứng lại một bên cửa sổ
 Trông thấy cha ngồi chỗ giường xinh
 Sư Tử ghế báu dựa mình
 Các hàng vọng tộc gia đình hiển danh.
Bà La Môn bao quanh cung kính,
Sát Đế Lợi (*) thưa thỉnh vâng hầu,
 Trên thân trang sức trân châu
 Chuỗi ngọc báu quý, kẻ hầu hai bên
 Cầm phát trần trắng phen khép nép
 Màn báu che, phan đẹp, lọng thông
 Nước hương rưới đất thơm nồng

(*) *Sát Đế Lợi*: Xem phần Thích nghĩa.

Danh hoa đủ loại rải xông khắp nhà
 Vật báu chưng bày ra phân phát
 Khi thâm vào, hỷ lạc lấy cho
 Sự nghiêm sức khó lường đo
 Oai đức tôn trọng, thơm tho danh đời.
 Gã bần khốn thấy thời trước mắt
 Người này đây tin chắc giàu sang
 Thế lực to lớn hoàn toàn
 Liền sanh lòng sợ bàng hoàng tháo lui
 Lòng bối rối kế rồi suy nghĩ
 Rằng ông này chắc vị Vua đây
 Hoặc là cũng bậc quan thầy
 Quốc Sư, Tể Tướng nước này tấn phong
 Chẳng phải chỗ ta hòng làm mượn
 Đặng kiếm tiền ngân lượng nuôi thân.
 Thà ta qua đến xóm bần
 Dễ tìm được việc cái ăn mặc tình
 Nếu như ta đứng nhìn không tiện
 Họ bắt làm công chuyện sai nha
 Gã kia chẳng thể dần dà
 Liền chạy một mạch khỏi nhà người cha. (lạ)

4. Khi đó,

Ông **Trưởng giả** ngồi tòa Sư Tử
 Nhìn thấy con trí nhớ rõ ràng

Lòng vui mừng dạ hân hoan
 Nghĩ rằng: Cửa cải kho tàng của **Ta**
 Đã có người cửa nhà giao phó
 Biết làm sao gặp nó bây giờ?
Ta nay không thể ngồi chờ
 Liền sai hầu cận giả vờ đuổi theo.

Lúc ấy,

Kẻ hầu cận chạy mau bắt kịp
 Gã Cùng tử kinh khiếp kêu van:
*“Tôi không xúc phạm vua quan
 Có sao bị bắt giữa đường thế ni?”*
 Gã nghèo không biết gì trặc ẩn
 Thân phận mình, thời vận ra sao?
 Vừa mới dẫn độ bước vào
 Trong lòng sợ quá té nhào xỉu đi.
 Người cha thấy sợ nguy tánh mạng
 Liền hô to nói lãng như sau:
*“Không cần người đó nữa nào,
 Chớ nên ép buộc phải mau tận tình
 Làm cho nó hồi sinh trở lại
 Đừng nói chi trái phải điều gì”.*
 Vì sao? Sợ nó kinh nguy
 Ý chí hạ liệt, đau thì lòng cha.

Vì giàu sang con **Ta** khiếp sợ,

Biết con mình sao nữ chối từ
 Luôn luôn che dấu mọi người
 Không cho kẻ khác biết thời con ông.
 Truyền sứ giả nói cùng kẻ khó
 “*Nay **Ta** tha tùy đó cứ đi*”
 Gã Cùng tử vội bái quỳ
 Vui mừng khôn tả xiết chi trong lòng.
 Qua đến xóm nghèo mong tìm việc
 Cầu sự ăn chẳng biết khổ than. (lạ)

5. Bấy giờ, **Trưởng giả** tính toan
 Để muốn giúp đỡ người con của mình
 Bèn bày chức lược trình phương tiện
 Mật sai người giả chuyện làm công
 Hình sắc tiều tụy ốm tong
 Oai đức không có, con ông khó lường:
 “*Mấy người nên tìm phương dẫn dụ
 Bày cách nào gần gũi gã kia
 Từ từ nói với nó kìa
 Có nhà mượn việc giá là gấp đôi
 Gã Cùng tử nếu thời ưng dạ
 Thì hãy mau dắt gã về đây
 Nhớ ghi chú những điều này
 Nếu nó có hỏi mượn sai làm gì?
 Thời nên nói chủ thời sai khiến*”

Chỉ thuê người làm chuyện hốt phân”.

Hai ta cũng kể cơ bản

Cùng người chung sức kiếm ăn qua ngày

Nghe người lạ tỏ bày tường tận

Kẻ nghèo kia phấn chấn cả tin. (lay)

6. Liền theo đến trước tư dinh

Hỏi qua giá cả việc mình hốt phân.

Người cha thấy được gần con đại

Niềm xót thương vô hạn làm sao

Trông con tiêu tụy đốn đau

Phân đất bụi bặm bám vào toàn thân.

Ông liền cởi trần châu chuỗi ngọc

Bỏ áo quần gấm vóc lụa là

Mặc vào áo rách trộn da

Cầm đồ hốt phân thật là ngạc nhiên

Bộ dạng ông đáng kiêng nể sợ

Bảo người làm chớ có lơ là

Phải siêng năng với chủ nhà

Chớ nên lười nhể mới là ăn lương

Dùng phương tiện để thường gần gũi

Tình cha con an ủi thiết cần

Về sau lại bảo con rằng:

Ở đây làm việc hơn bằng đi đâu

Tâm chớ có lo rầu chi cả

Ta sẽ tặng thêm giá cho người
 Những đồ cung cấp hiện thời
 Bồn, chậu, gạo, muối ... giúp người tiêu dùng.
 Chớ nghi ngại cũng đừng câu chấp
 Kể tở già thường gặp khó khăn
 Nếu cần chu cấp mặc, ăn
Ta giàu nhưng có lòng nhân thương người
 Hãy xem **Ta** như cha người vậy
Ta nhìn người như thấy con **Ta**.

Vì sao?

Vì **Ta** tuổi tác đã già
 Còn người trẻ mạnh, thật thà dễ thương
 Lúc làm việc không lường đối trá
 Hay trễ nải đem dạ giận hờn
 Buông lời than oán bội ơn
 Người đều không có, khác hơn nhiều người
 Kể từ nay hẳn thời sau nhé!
Ta xem người ... con đẻ của **Ta**.
 Tức thời **Trưởng giả** ban ra
 Đặt cho Cùng tử gọi là tên “Con”.

Khi đó,

Gã nghèo khó vui hơn mọi bữa
 Việc tình cờ đâu nữ chối từ

Kiếp hèn ôm chấp riêng tư
 Cho mình chẳng xứng, chỉ người làm công
 Hai mươi năm vẫn không thay đổi
 Chuyện thường làm hai buổi hốt phân
 Thời gian sau đó bớt dần
 Ra vào nhà đó tinh thần vững yên
 Nhưng chỗ ở vẫn nguyên như cũ
 Chẳng khác gì tớ, chủ, hèn, sang. (lạ)

7. Thế Tôn!

Bảy giờ, **Trưởng giả** bệnh mang
 Biết mình chẳng trụ thế gian lâu dài
 Truyền gia đình gọi ngay Cùng tử
 Rằng **Ta** nay chẳng giữ mạng lâu
 Muốn người nắm rõ báu châu,
 Bạc vàng, kho đụn từ lâu cất dành.
Ta tin người lòng lành, dạ thẳng
 Tánh trực ngay, tâm chẳng dối gian
 Nay **Ta** quyết định rõ ràng
 Người nên chấp nhận, cho an thân già.

Vì sao?

Ta cùng người, người nhà không khác
 Gắng dụng tâm chớ lạc mất đi?

Khi ấy,

Gã nghèo khổ nhận ghi lời bảo,
 Năm tận tường châu báu, bạc vàng
 Và hết thả các kho tàng
 Trọn không có ý đoạt sang lấy dùng
 Dầu của ấy đáng chừa bữa đói.
 Vẫn ở nơi tâm tối qua ngày
 Tâm trí hạ liệt chưa thay
 Thường giữ bốn phận an bày làm công.

8. Lại trải qua Thu, Đông, Xuân, Hạ
 Ý chí con lần đã trọn nên
 Thông minh chí nguyện vững bền
 Tự chê mình trước, tâm hèn hạ thay!
 Đã đến giờ chia tay tử biệt
 Ông gọi con cùng hết thân bằng
 Quốc vương với quan đại thần
 Dòng Sát-Đế-Lợi hay hàng **Bạch y** (*),
 Khi đủ mặt ông liền tuyên bố:

*“Các Ngài nên thấu rõ
 Người này là con **Ta**
 Chính thật **Ta** sanh ra
 Ngày trước trong thành nọ,
 Rồi bỏ **Ta** trốn đi,*

(*) **Bạch Y**: Xem phần Thích nghĩa.

*Lúc ấy tuổi còn nhỏ,
Nổi trôi nơi xứ lạ
Hơn năm mươi năm qua,
Nó vốn tên ấy,
Còn **Ta** tên ấy”.*

Xưa **Ta** ở tại thành này
Lòng luôn lo lắng đêm ngày cầu mong.
Bỗng một hôm, **Ta** hồng gặp lại
Nó thật là mới phải con **Ta**.
Ta nay mới thật là cha
Bao năm phụ tử cách xa ngàn trùng.
Nay **Ta** có vàng ròng, của cải
Tất cả đều để lại con **Ta**
Quản quyền mọi việc trong nhà
Thương mại, giao dịch, xuất ra, thu vào.

Thế Tôn! Khi đó,
Gã Cùng tử nghe cha nói thế
Rất vui mừng xiết kể làm sao
Được điều tưởng tượng chiêm bao
Tâm chưa từng nghĩ ngày nào như nay.
“ **Ta** vốn đã an bày duyên phận
Không mong cầu thời vận giàu sang
Mà nay lại được kho tàng

Báu châu, ngọc quý, bạc vàng người ban”. (lạy)

9. Thưa **Thế Tôn!** Rõ ràng đúng mực
 Ông **Trưởng giả** là Đức **Như Lai**
 Chúng tôi đều con của Ngài
Như Lai thường nói chẳng sai bao giờ.

Chúng con vì nhiệm đơ *ba khổ*^(*)
 Nên ở trong sanh tử luân hồi
 Chịu các sự khổ, ôi thôi!
 Đau đớn, mê muội biết đời nào ra
 Không hiểu thấu sâu xa ý **Phật**
 Lòng ưa thích các pháp Tiểu Thừa.
 Đức **Thế Tôn** khuyên bỏ chừa
 Những Pháp hý luận dứt trừ cho xong
 Nên chúng con trong lòng thanh tịnh
 Gắng siêng năng tinh tấn tu hành
 Niết Bàn chứng quả Vô Sanh
 Tự cho là đủ đắc thành mừng vui.

*“Ở trong Pháp của **Phật**
 Do siêng năng tinh tấn
 Nên chỗ đặng rộng nhiều
 Rồi tự cho là đủ”.*

^(*) *Ba Khổ* tức *Tam Khổ*: Xem Thích nghĩa văn T.

Thế Tôn! Trước đã biết rành
 Chúng con ưa muốn thường sanh sự hèn
 Tiểu Thừa bám níu ngợi khen
 Bị **Phật** chê trách lại bèn hoang mang
 Chẳng vì phân biệt rõ ràng,
 Các ông sẽ có đặng phần không hay.
*“Bửu tàng tri kiến Như Lai
 Cũng như kẻ khó được đây báu châu”.*

Đức **Thế Tôn** sức mầu dụng thể
 Thuyết nói bày trí huệ **Như Lai**
 Chúng con theo **Phật** một ngày
 Niết Bàn đặng giá lành thay nhiều rồi,
Đại Thừa Pháp không thời cầu đắc
 Lại nhờn theo **huệ Phật** diễn bày
 Vì các **Bồ Tát** chỉ khai
 Nhưng chính mình chẳng cầu nay Pháp này.
 Bởi Đức **Phật Như Lai** đã biết
 Chúng con ưa Pháp thiệt Tiểu Thừa
 Nên dùng phương tiện thuyền đưa
 Thuận theo lòng chúng thích ưa phô bày.
 Là con **Phật** xưa nay không rõ
 Nếu chúng con đã có tâm cầu
 Đại Thừa vi diệu thâm sâu

Thời **Phật** đây cũng ngõ hầu mở khai

Pháp Nhứt Thừa kinh này chỉ nói.

Lúc xưa kia **Phật** lại trách chê

Ở trước **Bồ Tát** tự tề

Thanh Văn chỉ biết ham mê Tiểu Thừa.

Nhưng Đại Thừa **Phật** dùng giáo hóa

Cho chúng con, cho cả chúng sanh

Vốn không có ý mong thành

Mà nay báu lớn cha lành ban cho.

Đấng Pháp Vương giác đò nguyện độ

Hàng **Phật tử** đặng chỗ mong cầu

Ma Ha Ca Diếp ứng hầu

Muốn truyền lại nghĩa nói câu kệ rằng: (lay)

10. Chúng con ngày hôm nay
 Nghe âm giáo **Như Lai**
 Lòng hân hoan mừng rỡ
 Đặng Pháp nhiệm mầu thay.

Phật chứng hàng **Thanh Văn**

Sẽ đặng thành quả **Phật**

Đống châu báu Vô thượng

Chẳng cầu tự nhiên đặng.

Ví như gã Đồng tử

Thơ bé không hiểu biết
Bỏ cha trốn chạy đi
Đến cõi phương xa khác.
Nổi trôi khắp nước ngoài
Hơn năm mươi năm dài
Cha già lòng buồn nhớ
Tầm kiếm khắp bốn phương
Âu lo tâm mỗi mệ
Thành kia trụ náo nường
Xây dựng nên nhà cửa
Năm món dục vui hưởng.

Nhà ông giàu có lớn
Nhiều những kho vàng, bạc
Xa cừ, ngọc Mã nã
Trân châu hay Hồ phách
Voi, Ngựa cùng Trâu, Dê
Kiệu, cang đủ xe cộ
Ruộng đất và tôi tớ
Nhơn dân rất đông nhiều.

Xuất nhập thâm lời, lã
Rộng khắp đến nước khác,
Khách thương người buôn bán
Không xứ nào không có,

Nghìn muôn ức chúng hội
 Vây quanh cung kính ông,
 Thường được bậc vua chúa
 Mến yêu và nhớ tưởng
 Các quan, hạng hào tộc
 Đều cũng đồng tôn trọng.

Vì có các sự duyên
 Giàu mạnh đủ thế quyền
 Người lui đến rất đông
 Mà tuổi già chẳng yên.

Lòng càng thương nhớ con
 Sống chết, mất hay còn
 Ngày đêm luôn suy nghĩ
 Tâm dạ luống thon von.

Trần gian giờ sắp đoạn
 Nhớ con lòng vô hạn
 Đại đột nữ là **Ta**
 Hơn năm mươi năm tròn.
 Của cải biết giao ai?
 Phải chọn người xứng đáng . (lạy)

11. Bấy giờ, đưa con khổ
 Tìm cầu mưu sinh độ

Làng này đến làng khác
Nước này sang nước nọ.
Hoặc có khi đặng của
Hoặc có lúc không có
Thân thể sanh ghẻ lác
Đói thiếu hình gầy gò.

Thời gian cứ trôi qua
Xui khiến đến nhà cha
Gã nào hay nào biết
Vì tuổi thơ cách xa.

Lúc ấy, ông **Trưởng giả**
Đang ngồi ở trong nhà
Màn giăng châu báu phủ
Yên tọa Sư Tử tòa.
Hàng quyền thuộc vây quanh
Đông người đứng hầu hạ
Hoặc có người tính toán
Vàng bạc cùng báu lạ.
Của cải ra hoặc vào
Biên chép ghi hối hả.

Gã con nghèo thấy cha
Giàu tột thêm xa hoa

Cho là vị Quốc vương
 Ít nhứt cũng quan gia.
 Thâm trách sao đến đây
 Kíp kíp mau lánh xa
 Nếu **Ta** đứng đây lâu
 Bị bắt làm sai nha.

Suy nghĩ thế đó rồi
 Mau chạy lẹ đi thôi
 Hỏi thăm xóm nghèo nà
 Làm thuê mướn, hỡi ôi! (lay)

12. Ông **Trưởng giả!** Bấy giờ,
 Nhìn thấy đứa con thơ
 Ngồi trên tòa Sư Tử
 Thâm lặng lòng ghi nhớ.

Ông liền bảo kẻ hầu
 Đuổi theo bắt lại mau
 Gã con nghèo hoảng sợ
 Ngất xỉu một hồi lâu.

Tĩnh lại miệng la lối
 Người này sao bắt tôi
 Chắc sẽ bị giết chết
 Tôi nào đâu có tội!

Trưởng giả biết con mình
Khờ dại chẳng thông minh
Nào chịu nghe lời dạy
Ông là cha của mình.

Liên dùng chước phương tiện
Sai hai người giả dạng
Xấu xí giống cùng đình
Bần hàn không có hạng!

Có nhà thuê làm mướn
Trả giá gấp bội lương
Sớm chiều hốt phân nơ
Nhớ làm nó tin tưởng.

Đưa con nghèo nghe xong
Vui mừng ở trong lòng
Liên theo người đến nhà
Làm hết việc lao công.

Lén nhìn qua cửa sổ
Thấy con mình gian khổ
Sao nó thích việc hèn
Tìm cách gì cứu độ.

Muốn gần gũi con hiền
Phương tiện dụng trước tiên

Mặc y phục cũ rách
Tay hốt phân chẳng kiêng.

Qua đến chỗ con làm
Bảo rằng: Ráng nắng siêng!

Ta sẽ trả thêm tiền
Dùng dầu xoa chân con
Cho đồ đủ ấm yên.

Ông thốt lời chia sẻ
Hãy an lòng vui vẻ
Rồi dịu dàng dạy bảo:
Xem người như con đẻ. (lạ)

13. Trải qua hai mươi năm
Tình phụ tử âm thầm
Mừng con mình có trí
Việc làm cũng thật tâm.
Lần hồi ông chỉ rõ
Vàng bạc, ngọc trân châu
Pha lê cùng vật quý
Điền sản thấy không lằm.

Vẫn nường náo lều tranh
Lòng dạ giữ cao thanh
Dù phận mình nghèo nàn

Tham lam chẳng hề sanh.

Cha biết tâm con mình
Ăn ở lại chí tình
Muốn giao tài sản lớn
Liên nhóm họp gia đình.
Quốc vương các đại thần
Hàng Đế-Lợi quang minh
Cư Sĩ trong hội này
Tuyên bố vững niềm tin.

*“Đây chính là con **Ta**
Huyết nhục do **Ta** sinh”*
Thuở nhỏ bỏ **Ta** đi
Năm mươi năm cách ly
Từ gặp con đến nay
Đã hai mươi năm dài.

Ngày trước ở thành kia
Ta và nó chia lìa
Mong tìm khắp muôn phương
Trông nó sớm quay về.

Bèn đến ngụ nơi đây
Tạo của cải dư đầy
Nhà cửa cùng tôi tớ

Xin giao đứa con này.

Con nhớ thuở hàn vi

Ý chí rất kém suy

Nay ở nơi cha mình

Đặng nhiều của thiếu chi.

Nhà cửa cùng tài vật

Vàng, bạc, ngọc Mâu Ni

Lòng quá đổi vui mừng

Được điều bất luận nghi.

(lạy)

14.

Đức **Phật** cũng như thế

Biết con ưa Tiểu Thừa

Nên chưa từng nói rằng

Các người sẽ thành **Phật**,

Mà chỉ nói chúng con

Đặng có đức Vô lậu

Trọn nên quả Tiểu Thừa

Hàng **Thanh Văn** đệ tử.

Đức **Phật** bảo chúng con

Nói đạo Pháp tối thượng

Người tu tập Pháp này

Sẽ đặng thành **Phật quả**.

Chúng con vâng lời **Phật**

Vì các **Bồ Tát** lớn
Dùng các món nhơn duyên
Cùng các môn Thí dụ
Bao nhiêu lời lẽ hay
Để nói Đạo Vô Thượng,

Các hàng **Phật tử** thủy
Từ nơi con nghe Pháp
Ngày đêm thường suy gẫm
Tinh tấn siêng tu tập,

Bấy giờ, các Đức **Phật**
Liên thọ ký cho kia:
Các ông ở đời sau
Sẽ đặng thành **Phật đạo**.

Pháp mầu rất bí tàng
Của tất cả Chư **Phật**
Chỉ để vì **Bồ Tát**
Mà dạy việc thật đó
Nhưng chẳng vì chúng con
Nói Pháp chơn yếu này.

Như đứa con nghèo kia
Được gần bên cha già
Dầu nhận biết các vật

Chẳng mong cầu thiết tha.

Thế Tôn đầu diễn nói

Tặng Pháp báu của **Phật**

Tự mình không chí nguyện

Cũng lại như thế đó. (lạy)

15. Chúng con diệt bễ trong
 Tự cho là đã xong
 Chỉ xong được việc này
 Việc khác chẳng có thông.

Chúng con đều có nghe
 Pháp tịnh cõi nước **Phật**
 Cùng giáo hóa chúng sanh
 Đều không lòng ưa thật.

Như thế là vì sao?
 Vì tất cả các Pháp
 Thấy đều là không đặng
 Không sanh cũng không diệt
 Không lớn cũng không nhỏ
Vô lậu và Vô vi
 Suy nghĩ thế đó rồi
 Chẳng sanh lòng ưa muốn.

Chúng con đã từ lâu
Đối với trí huệ **Phật**
Không tham, không ưa thích
Lại không có chí nguyện,
Mà đối với Pháp mình
Cho đó là rất ráo.

Chúng con từ lâu nay
Chuyên tu tập *Pháp Không*
Đặng thoát khỏi hoạn nạn
Khổ não của ba cõi
Trụ trong thân rốt sau
Hữu dư y Niết Bàn
Đức **Phật** dạy bảo ra
Chứng đặng đạo chẳng lường
Thời là điều có thể
Báo được ơn của **Phật**.

Chúng con dẫu lại vì
Các hàng **Phật tử** thảy
Tuyên nói Pháp **Bồ Tát**
Để cầu chứng **Phật đạo**
Mà mình đối Pháp đó
Trọn không lòng mong muốn.

Đấng Đạo Sư buông bỏ
Vì xem biết lòng con
Ban đầu không khuyên gắng
Nói những lời có thật,
Như ông **Trưởng giả** giàu
Biết con chí kém hèn
Bèn dùng sức phương tiện
Để hòa phục tâm con
Rồi sau mới giao phó
Tất cả tài vật báu.

Đức **Phật** cũng thế đó
Hiện ra việc ít có
Biết con ưa Tiểu Thừa
Bèn dùng sức phương tiện
Điều phục tâm chúng con
Rồi mới dạy chí lớn.

Chúng con ngày hôm nay
Được Pháp chưa từng có
Chẳng phải chỗ nước trong
Mà nay tự nhiên đặng
Như gã con nghèo kia
Đặng vô lượng của báu.

(lay)

16. **Thế Tôn!** Chúng con nay
 Đặng đạo và chứng quả
 Ở nơi Pháp Vô lậu
 Đắc **Huệ nhãn** ^(*) thanh tịnh.

Chúng con từ lâu nay
 Gìn tịnh giới **Phật** chế
 Mới ở ngày hôm nay
 Đặng hưởng quả báo đó.

Trong Pháp của Pháp Vương
 Lâu tu hành Phạm hạnh
 Ngày nay được Vô lậu
 Quả báo lớn Vô thượng.

Chúng con ngày hôm nay
 Mới thật là **Thanh Văn**
 Dem tiếng đạo của **Phật**
 Cho tất cả đều nghe.

Chúng con ngày hôm nay
 Thật là **A La Hán**
 Ở nơi các thế gian
 Trời, Người và Ma, Phạm
 Khắp ở trong chúng đó

^(*) **Huệ Nhãn**: Xem phần Thích nghĩa.

Đáng lãnh của cúng dường.

Ôn lớn của **Thế Tôn**

Đem việc ít có này

Thương xót dạy bảo cho

Làm lợi ích chúng con

Trải vô lượng ức kiếp

Ai có thể đền được.

Tay lãn chơn cung cấp

Đầu đánh lễ cung kính

Tất cả đồng cúng dường

Đều không thể đền đặng.

Hoặc dùng đầu đội **Phật**

Hai vai cùng cõng vác

Trong kiếp số Hằng sa

Tận tâm mà cung kính,

Lại đem dâng đồ ngon

Y phục báu vô lượng

Và các thứ đồ nằm

Cùng các món thuốc thang

Gỗ Ngưu Đầu Chiên Đàn ^(*)

Và các vật trân báu

^(*) *Ngưu Đầu Chiên Đàn*: Xem phần Thích nghĩa.

Để dựng xây tháp miếu
Y báu lót trên đất.
Như các việc trên đây
Dem dùng cúng dường **Phật**
Trải số kiếp Hằng sa
Cũng không đền đáp được.

Các **Phật** thật ít có
Đấng Vô lượng, Vô biên
Đến *bất khả tư nghì* (*)
Đủ sức thần thông lớn,
Bậc Vô Lậu, Vô Vi
Là vua của các Pháp
Hay vì kẻ hạ liệt
Nhẫn việc cao thượng đó
Hiện mang tướng phàm phu
Tùy cơ nghi giáo dạy.

Các **Phật** ở nơi Pháp
Đặng sức rất tự tại
Biết các hàng chúng sanh
Có những điều ưa muốn
Và chí lực của nó
Theo sức đó kham nhiệm

(*) **Bất Khả Tư Nghì**: Còn gọi: *Bất Khả Tư Nghị*, *Bất Khả Nghĩ Bàn*. Xem Thích nghĩa.

Dùng vô lượng Thí Dụ
Mà vì chúng nói Pháp.

Tùy theo các chúng sanh
Đời trước trồng cây lành
Lại biết đã thành thực
Hay là chưa đạt thành
Suy lường những điều đó
Phân biệt biết rõ ràng
Ở nơi đạo Nhứt Thừa
Tùy cơ độ chúng sanh./.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)
- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 2 (Hết)



Bậc Thượng căn duyên lành lãnh hội
Hàng Trung, Hạ nông nổi hoài nghi
Pháp mầu tuyệt sự luận suy
Mở quyền bày thật Vô vi khôn lường
Ba Thừa **Phật** tỏ tường châu thuyết
Của báu không vốn thiệt riêng tư
Ban cho bậc Thượng trí như
Con nhà giao phó đúng người không sai.

- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)
- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)

Như Lai Thí Dụ phẩm phô bày
Ba cõi làm nhà họa kiếp tai
Trưởng giả mừng khoe con thoát nạn
Thưởng ban xe báu đẹp lành thay!
Các con tâm đặc điều không tưởng
Tín Giải rõ ràng thiệt chẳng sai
Thọ ký **Thanh Văn** thành quả **Phật**
Độ toàn sanh chúng ở tương lai.

- **Nam Mô Vị Lai Hoa Quang Phật.** (3 lần)

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
(QUYỂN 3)



- **PHẨM “DUỘC THẢO DỤ”, Thứ 5**
- **PHẨM “THỌ KÝ”, Thứ 6**
- **PHẨM “HÓA THÀNH DỤ”, Thứ 7**

**“Đời Diêu Tần Ngài Tam Tạng Pháp Sư
CƯU MA LA THẬP vưng chiếu dịch”**



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

(QUYỂN 3)



PHẨM “DƯỢC THẢO DỤ”

(Thứ Năm)

- B**ấy giờ, **Phật** khen ngài **Ca Diếp**
 Cùng đệ tử ngôn điệp “Hay thay!
 Khéo nói công đức **Như Lai**
 Chơn thật hiện hữu chẳng sai đúng lời.
 Đức **Như Lai** lại thời có những
 A Tăng Kỳ công đức vô biên
 Các ông dầu bậc Thánh hiền
 Trái vô lượng kiếp tương truyền hết đâu”.

Này **Ca Diếp** ngỏ hầu nên biết!
 Đức **Như Lai** vốn thiệt là Vua
 Pháp trong các Pháp Đại Thừa
 Lời chi có nói chẳng ưa dối lòng.
Phật ở nơi Pháp thông tất cả
 Dùng trí huệ giáo hóa mọi phương
 Pháp của **Phật** đều chơn thường

Bậc Nhứt Thiết Trí tận tường thấu tri
 Đức **Như Lai** xét tri *quy thú* (*)
 Tất cả Pháp chỉ đủ cội nguồn
Sở hành (*) suy nghĩ, vui buồn
 Chỗ tâm sanh chúng **Phật** thường rõ thông
 Đều thấu biết vốn không ngăn ngại
 Như biển sâu chuyển mãi khôn ngừng
 Rốt ráo các Pháp tận tường
 Chỉ bày trí huệ là đường độ sanh. (lạy)

2. Này **Ca Diếp!** Nghe rành **Phật** nói:
 Thí dụ như trong cõi *Tam thiên*
Đại thiên thế giới (*) vô biên
 Núi sông, khe suối, ruộng điền sanh ra
 Nào cây cối, nào là dược thảo
 Bao nhiêu loài giống tạo khác nhau,
 Khác tên gọi, khác sắc màu.
 Mây dày giăng phủ trùm bao khắp miền
 Cõi *Tam thiên*, *Đại thiên thế giới*
 Đồng thời mưa xuống rưới trần gian
 Khắp nơi nhuần đượm thấm chan
 Cây cối, rừng bụi, cội tàng cỏ hoa

(*) *Quy Thú*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Sở Hành*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới*: Xem phần Thích nghĩa.

Hoặc gốc nhỏ, hoặc là gốc lớn
 Hoặc gốc vừa thuận đượm như nhau.
 Thân vừa, thân nhỏ, thân cao
 Lá to, vừa, nhỏ thấm màu mưa giăng.
 Các giống cây định phân lớn nhỏ,
 Thượng, trung, hạ hấp thụ khác nhau,
 Một cụm mây mưa xuống nào
 Ứng theo mỗi giống hoa màu cỏ cây
 Đặng sanh trưởng, kết dày bông trái
 Dầu rằng chung một dải đất sanh
 Một trận mưa thấm tươi lành
 Mà các cây cỏ trưởng thành khác sai. (lạ)

3. Nay **Ca Diếp**, ông rày nên biết!
 Đức **Như Lai** chẳng khác việc trên
 Hiện ra cõi thế lập nên
 Như vầng mây lớn nổi lên phủ trùm
 Dừng tiếng giọng thính âm vang dội
 Khắp Trời, Người, Thế giới, Tu-La.
 Che giăng phủ khắp Ta bà
 Quốc độ các nước cùng là Tam thiên
Phật trụ trong chư hiền đại chúng
 Mà tùy duyên xướng tụng lời này:
Ta là đấng Như Lai,

Khắp muôn loài **Ứng Cúng**
Chánh Biến Tri không sai
Minh Hạnh Túc đủ đầy
Thiện Thệ độ trần ai
Thế Gian Giải rốt ráo
Vô Thượng Sĩ pháp bày
Bậc Điều Ngự Trượng Phu
Thiên Nhân Sư bốn loài
Phật, Thế Tôn không hai. (lạy)

Người chưa được độ đương thời
Phật xin nguyện độ cho người thành công.
 Người chưa tỏ ngộ trong lòng
Phật nguyện giác độ rõ thông đạo lành.
 Người chưa an tịnh tâm thanh
Phật nguyện giáo hóa diệt sanh không còn.
 Người chưa đặng chứng Niết Bàn
Phật nguyện độ thẳng vào hàng **Như Lai**.
 Đời nay hay đến sau này
Phật đều biết rõ không sai chút nào.
 Nhất Thiết Trí bực tối cao,
 Bậc Nhất Thiết Kiến lâu lâu tinh anh,
 Là bậc Tri Đạo viên thành,
 Bậc Khai Đạo rộng Pháp hành vô biên,

Các người Bát Bộ đều nên
Đến đây vì để nghe truyền Pháp tu: (lạy)

Bấy giờ, vô số nghìn muôn ức

Loài chúng sanh một mực đến nơi

Chỗ Đức **Phật** nghe Pháp thời.

Như Lai lúc đó trí ngời xem qua

Xét các căn chánh, tà, lợi, độn,

Tinh tấn hay giải đãi phân rành

Thuận theo vừa sức chúng sanh

Có kham làm được Pháp hành ban ra

Bởi chủng loại rất là vô lượng

Phật đều khiến vui hưởng lợi lành.

Hiện đời an ổn đạt thành

Đời sau kiếp chuyển cũng sanh như nguyên

Đặng gặp Pháp thọ duyên thường lạc

Nghe Pháp rồi giải thoát ngại ngăn

Trụ trong các Pháp chánh cần

Nương theo sức nguyện lần lần đạo viên.

Như mây lớn mưa Thiên rưới khắp

Tất cả đồng ruộng, đất, cỏ, cây

Núi rừng các loại thuốc hay

Theo giống mỗi thứ tháng ngày sinh sôi.

Đức **Như Lai** nay thời Pháp chỉ

Nói một tướng một vị nghĩa là:

Tướng giải thoát, tướng lìa xa,
 Tướng diệt, rốt ráo thật ra tột cùng.
 Nhứt Thiết Chủng Trí đồng bày giải
 Chúng sanh nào hiện tại, sau này
 Được nghe Pháp của **Như Lai**
 Thọ trì, đọc tụng lòng nay tu hành
 Được công đức tự mình không biết
 Cũng không hay vốn thiệt vì sao?
 Vì chỉ có đấng tối cao
Như Lai rõ biết cạn sâu các loài.

Chúng tướng *thể tánh* (*) rày chúng nhĩ:
 Nhớ việc gì? Và nghĩ việc gì?
 Tu việc gì? Lợi ích chi?

Phật đều nắm rõ trong thì bàn tay.
 Nhớ thế nào? Nghĩ sai hay đúng?
 Tu thế nào? Và dụng Pháp gì?
 Chúng sanh lòng dạ nhớ ghi
Phật đều thấu biết xét tri chẳng lầm.
 Dùng Pháp gì cho tâm an nghỉ?
 Dùng Pháp gì điều trị bệnh căn?
 Dùng Pháp gì đặng quả nhân?

(*) *Thể Tánh* : Còn gọi: *Thể Tính*. Xem phần Thích nghĩa.

Như Lai thấy đúng thật chân rõ ràng.

Như cây cối rừng hoang cỏ thuốc

Nó làm gì biết được nó mà,

Thượng, trung hay hạ phân ra

Tự tánh **thể dụng** (*) sâu xa am tường.

Đức **Như Lai** Pháp Vương tối thượng

Biết **Pháp** rành một tướng, vị kia,

Tướng giải thoát, tướng xa lìa,

Tướng diệt rốt ráo, tướng kia Niết Bàn.

Thường tịch diệt tịnh an tâm thể

Trọn về nơi trí huệ chơn không.

Phật biết như thế đại đồng

Xem xét sanh chúng tâm lòng muốn ưa

Rồi dắt dìu mà đưa chúng nó,

Nên chẳng liên vợi nói phô bày

Nhất Thiết Chủng Trí mở khai

Về sau **Phật** mới chỉ bày viên thông.

Nay **Ca Diếp!** Các ông hy hữu,

Có thể biết đầy đủ **Như Lai**.

Tùy cơ nghi nói Pháp này

Hãy tin, ghi nhận không thay đổi đời.

Các Đức **Phật** muôn đời phù hạp

(*) **Thể Dụng**: Xem phần Thích nghĩa.

Tùy cơ nghi nói Pháp khó tri.

Khi đó, **Thế Tôn** từ bi

Muốn tuyên lại nghĩa nói thi kệ rằng: (lạy)

4. Pháp Vương phá các cõi đều tan
 Xuất hiện ở trong khắp thế gian
 Theo tánh chúng sanh mà giáo hóa
 Pháp dùng đủ cách độ tâm an.

Đức Như Lai quý trọng

Trí huệ rất sâu xa

Lâu giữ Pháp yếu này

Chẳng vội mà nói ra.

Người trí nếu nghe được Pháp mầu
 Thời liền tin nhận hiểu cao sâu
 Kẻ không có trí lòng nghi hối
 Mất hẳn muôn đời ngọc bửu châu.

Ca Diếp! Biết không! Vì cơ này
 Tùy theo sức chúng Pháp đây bày
 Như duyên các món dùng phương tiện
 Cho chúng đặng phần chánh kiến khai.

Ca Diếp, ông đây nên biết rằng!
 Dụ như có một đám tường vân
 Nổi lên dày đặc không sao tưởng

Che phủ trùm bao khắp cõi trần.

Mây trí huệ chứa nhuần
Chớp nhoáng sáng chói lò
Tiếng sấm vang động xa
Khiến mọi loài hoan ca.

Nhật quang bị che khuất
Mát mẻ trên mặt đất
Mây mù sa bủa gần
Dường có thể nắm bắt.

Trận mưa đó rưới khắp cùng
Bốn phương đều hưởng thấm chung một bầu
Dòng nước tuôn chảy nhiệm mầu
Cõi đất khô hạn từ lâu không còn
Nơi nơi hang hiểm núi non
Chỗ chỗ rừng rậm bảo tồn sanh ra
Những cây cối, những cỏ hoa
Thuốc hay các thứ đượm đà nhuần tươi
Trăm giống lúa mộng đậm chồi
Mía đường, nho quả; Ôi thôi! Mọc dày
Nhờ nước mưa đượm nhuần đây
Thả đều tươi tốt trái đầy bông sai.

Đất khô hạn được rưới
Thuốc cây đều sum suê

Vàng mây kia mưa xuống
 Nước mưa thuần một vị.
 Cỏ cây hay lùm rừng
 Theo mỗi thứ đượm nhuần
 Tất cả các giống cây
 Hạ thượng, trung, cùng hạ
 Xứng theo tánh lớn nhỏ
 Đều đặn sanh trưởng cả.
 Gốc, thân, nhánh, lá, tàng
 Trổ bông trái sắc vàng
 Một trận mưa rưới đến
 Cây cỏ đều thấm chan.
 Theo *thể tướng* (*) của nó
 Tánh loại chia lớn nhỏ
 Nước đượm nhuần vẫn một
 Sum sê đều thấy đó. (lay)

5. Đức **Phật** cũng như thế
 Hiện ra trong cõi đời
 Ví như vàng mây lớn
 Che trùm khắp nơi nơi.

Phật đã hiện ra trong cõi đời

(*) *Thể Tướng*: Xem phần Thích nghĩa.

Độ trần nguyện lớn chẳng đầy vơi
 Diễn bày nói Pháp tùy cơ dụng
 Nghĩa thật tường phân trí sáng ngời.
 Đại Thánh đức công vô hạn lượng
Thế Tôn là chủ của Trời, người
 Làm Thầy chúng hội nhiều vô số
 Nay xướng tuyên ngôn nói rõ lời:

Ta vốn là bậc **Như Lai**

Đấng Lưỡng Tôn Túc phước dày trí sâu
 Hiện ra trong cõi Địa cầu
 Như vầng mây lớn che bầu Tam thiên
 Thấm nhuần mưa Pháp lành yên
 Chúng sanh khô khát ước nguyện bấy lâu
 Làm cho lìa khỏi khổ sầu
 Thủy đều an ổn, đạo mâu bố ban
 Hưởng vui trong sự thế gian
 Hay vui giải thoát, Niết Bàn liễu viên.
 Trời, người các chúng ưng nguyện
 Một lòng khéo lắng nghe truyền lời hay
 Đồng tâm Câu Hội cả đây
 Ra mắt Tôn Thánh **Như Lai** Cha lành . (lay)

Ta là đấng độ sanh vô tận
 Trí phước dày thù thắng ai bằng

Muốn an ổn khắp chúng dân
Thế Tôn xuất hiện trong trần gian đây
 Vì đại chúng đời này khổ khát
 Nước **Cam Lô** (*) trong mát ban ra
 Pháp đó thuần một vị mà
 Giải thoát, tịch diệt Niết Bàn liễu viên.

*Dùng một giọng tiếng mầu
 Dẫn xướng nghĩa diệu sâu
 Đều thường vì Đại Thừa
 Nhon duyên kết từ lâu.*

Ta xem tất cả chúng sanh
 Muôn loài bình đẳng cội lành như nhau
 Giác, mê phân biệt thấp cao
 Cùng tâm thương ghét, nghèo giàu, trước sau.
Ta không tham đắm trần lao,
 Cũng không có ngại khổ đau về mình.
 Hằng vì tất cả chúng sinh
 Nói Pháp bình đẳng rộng tình nơi nơi.
 Như khi vì lợi một người,
 Lúc đông chúng hội cũng thời vậy thôi .
 Thường diễn nói Pháp hết lời,
 Từng không nghĩ đến việc đời khác chi

(*) **Cam Lô**: Cũng viết: **Cam Lộ**. Xem phần Thích nghĩa.

Đứng, ngồi, hoặc đến, hoặc đi,
 Trọn không hề chán, mỗi, suy phàn nản.
 Pháp lành cho cả thế gian,
 Như mưa rưới khắp hòa chan thấm nhuần.
 Sang, hèn, thượng, hạ chẳng phân,
 Giữ giới, phá giới ân cần dạy khuyên.
 Oai nghi như bậc Thánh hiền,
 Hay chẳng đầy đủ. **Phật** nguyên độ an.
 Chánh kiến, tà kiến, ngay gian,
 Lợi căn, si độn **Phật** càng thương thay!
 Rưới cho mưa Pháp ngày ngày,
 Không chút nhàm mỗi **Như Lai** nguyện thề. (lay)

*Tất cả hàng chúng sanh
 Được nghe mưa Pháp lành
 Từ sức mình lãnh lấy
 Tùy các bậc tu hành.*

Hoặc là trụ ở Trời, người
 Làm vua **Phạm Thích** (*), làm trời Phạm Thiên
 Hoặc làm **Chuyển Luân Thánh Vương** (*)
 Là *cỏ thuốc nhỏ*, núi rừng sinh sôi.
 Rõ Pháp Vô lậu đặc rồi
 Hay là chứng đặng vào nơi Niết Bàn,

(*) **Phạm Thích**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Chuyển Luân Thánh Vương**: Xem phần Thích nghĩa.

Thần thông sáu Pháp vẹn toàn,
 Tam minh ba món, **Phật đàng** liễu viên,
 Ở riêng núi vắng, rừng thiêng
 Chứng bậc **Duyên Giác** hiện tiền thung dung
 Đây là *cỏ thuốc bậc trung*.
Cỏ thuốc bậc thượng cuối cùng kể ra:
 Người cầu nguyện lực sâu xa
 Thệ sẽ thành **Phật** Ta-bà độ sanh
 Tu hành tinh tấn trọn lành
 Trí huệ viên mãn, diệt sanh không còn. (lạy)

Lại có hàng **Phật tử**
 Chuyên tâm nơi **Phật đạo**
 Thường thực hành từ bi
 Tự biết mình làm **Phật**
 Quyết định không còn nghi
 Gọi đó là *cây nhỏ*.

Hoặc an trụ thần thông
 Chuyển Bất Thối Pháp luân
 Độ vô lượng muôn ức
 Trăm nghìn loài chúng sanh
Bồ Tát hạng như thế
 Gọi đó là *cây lớn*.

Phật chỉ bình đẳng nói

Như nước mưa một vị
 Theo căn tánh chúng sanh
 Mà hưởng thọ không đồng
 Như những cỏ cây kia
 Được đượm nhuần đều khác. (lạy)

6. **Phật** dùng môn Thí dụ này
 Để làm phương tiện chỉ bày mở khai.
 Các thứ lời lẽ rất hay,
 Đều diễn nói một Pháp, hai đầu là
 Ở nơi trí huệ **Phật Đà**
 Như thể nước biển sâu xa trong ngần,
Phật rưới mưa Pháp xuống trần
 Chan hòa khắp cả thế gian hưởng phần,
 Pháp mầu một vị thấm nhuần
 Tùy sức từng bậc siêng năng tu hành,
 Như thể lùm bụi rừng xanh
 Được thảo hay những các hàng cỏ cây
 Tùy giống lớn, nhỏ quén gầy
 Lần lần nhánh lá mọc đầy sum sê.

*Pháp của các Đức **Phật**
 Thường dùng thuận một vị
 Khiến cho cõi thế gian
 Khắp nơi đặng đầy đủ*

*Lần lượt siêng tu hành
Rồi đều được đạo quả.*

Hàng **Thanh Văn** hay là **Duyên Giác**
Thường ở nơi an lạc núi rừng
Trụ thân sau rốt chuyển luân
Nghe **Phật pháp** đặng quả phần không sai,
Đó mới gọi là cây *cỏ thuốc*
Đều được thêm lớn tốt vô cùng.

Nếu có các vị **Bồ Tát**
Trí huệ sâu đạo đạt vững bền
Rõ thông ba cõi trước phiền
Cầu Thừa tối thượng liễu viên đắc thành
Cây nhỏ chỉ gọi mượn danh
Mà đặng thêm lớn cội nhánh tốt tươi.

Lại có vị vào nơi thường trụ
Đặng thần thông đầy đủ sức nguyên
Pháp Không nghe các **Phật** truyền
Lòng rất sanh khởi ứng nguyên hân hoan
Phóng vô số hào quang tỏa sáng
Độ các loài vô hạn chúng sanh
Cây lớn chỉ gọi mượn danh
Mà đặng tăng trưởng cội nhánh tốt thay! (lạ)

Như thế, ông **Ca Diếp** đây!

Đức **Phật** nói pháp mở bày ban ra

Ví như văng mây bao la

Nước mưa một vị dung hòa nơi nơi

Đượm nhuần hoa nở tâm người

Đều được kết trái đời đời thọ ân.

Ca Diếp, ông phải biết rằng:

Ta dùng các món đạo phần nhân duyên

Thí Dụ đủ cách phổ truyền

Để chỉ bày đạo, độ yên bốn loài.

Ta dụng Phương Tiện khéo thay

Các Đức **Phật** cũng xưa nay thế này!

Nay **Ta** vì các ông đây

Nói việc chơn thật rất hay vô cùng.

Thanh Văn các chúng quyền từng

Chẳng phải diệt độ đều chung tâm lành

Các ông tùy chỗ tu hành

Là đạo **Bồ Tát** độ sanh không rời.

Lần lần tu học xong rồi,

Thấy đều thành **Phật** vào nơi Niết Bàn./.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)
- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

(QUYỂN 3)



PHẨM “THỌ KÝ”

(Thứ Sáu)

- Lúc bấy giờ, Đức **Thế Tôn!**
 Nói bài kệ đó, ôn tồn nghiêm trang
 Bảo đại chúng các hàng **Phật tử**
Ta xướng truyền kim ngữ thế này:
 “Ông **Ma Ha Ca Diếp** đây,
 Đệ tử bậc nhất của Thầy **Thích Ca**,
 Đời vị lai lâu xa an trụ
 Sẽ phụng thờ đầy đủ ba trăm
 Muôn ức các Đức **Phật** thân
 Cúng dường, tôn kính, trọng ân hết lòng
 Đặng rộng nói viên thông vô lượng
 Đại Pháp mầu của Chư **Phật** thành.
 Ở nơi thân chót *hóa sanh* (*)
 Sau đặng thành **Phật** hiệu là “**Quang-Minh**” (*)

(*) *Hóa Sanh*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Quang Minh*: Gọi đầy đủ: *Quang Minh Như Lai*. Xem phần Thích nghĩa.

Mười danh hiệu mầu linh **Ứng Cúng**,
Chánh Biến Tri, Thiện Thệ sâu dày,
Minh Hạnh Túc trọn đủ đầy,
Thế Gian Giải ngộ chỉ bày chân tâm,
Vô Thượng Sĩ thậm thâm vi diệu,
Bậc Trượng Phu Điều Ngự độ sanh,
Thiên Nhân Sư đấng Cha lành,
Phật Đà toàn giác, **Thế Tôn** trong đời”. (lạ)

Nước **Quang Đức** rạng ngời tên gọi
Đại Trang Nghiêm khắp cõi an khương
 Mười hai tiểu kiếp thọ trường
 Chánh Pháp lưu bố hai mươi kiếp đời,
 Tượng Pháp cũng số thời như thế.
 Cõi nước ấy đẹp đẽ nên thơ
 Không có các thứ xấu dơ
 Đá sỏi gai gổc, nệm tơ thay vào
 Đồ tiện lợi thứ nào cũng sạch
 Cõi nước đó bằng phẳng địa cầu
 Không có gò nổi, hầm sâu
 Đất bằng vàng bạc, trân châu chứa đầy
 Cây báu quý mọc đầy ngay thẳng
 Vàng ròng làm giăng sẵn bên đường
 Rải các hoa báu lạ thường

Khắp nơi sạch sẽ thơm hương ngọt ngào.
 Có **Bồ Tát** biết bao vô lượng
 Nghìn muôn ức các chúng **Thanh Văn**
 Thanh bình an lạc muôn phần
 Không có *ma sự*^(*) phá dân hại nhà
 Dầu có ma, dân ma trong nước
 Nhưng hộ trì, đều được ngộ tu.
 Bấy giờ, Đức **Phật Thế Tôn**
 Muốn tuyên lại nghĩa, kệ ngôn diễn bày. (lay)

2. Tỳ kheo các chúng lắng nghe đây
 Nay **Phật** dùng trong mắt trí này
Ca Diếp trụ nơi vô số kiếp
Ma Ha thành **Phật** ở tương lai,
 Cúng dường **Phật** ba trăm muôn ức
 Tôn kính ngợi khen các **Phật** Ngài
 Một dạ tâm thành không thối chuyển
 Thệ nguyện đắc đạo độ trần ai.
 Vì cầu trí huệ **Phật Như Lai**
 Lòng quyết định tu *Phạm hạnh* rày
 Phụng sự cúng dường ngôi tối thượng
 Kính tôn **Lưỡng Túc** dạ không thay,
 Pháp Thừa tu tập đều viên mãn

(*) *Ma Sự*: Xem phần Thích nghĩa.

Trí, Phước song toàn vẹn cả hai
 Kiếp chót thân sau sanh chuyển hóa
 Chứng thành quả vị **Phật Như Lai**.

Cõi đó thanh bình rất vững an
 Lưu ly làm đất chất hoàn toàn
 Nhiều cây đủ thứ sanh bằng báu
 Rợp bóng bên đường thẳng lối hàng,
 Người ngó thấy nhìn vui cực điểm
 Kể thời thường hưởng vị thơm lan
 Trăm hoa rưới rải luôn tươi đẹp
 Các báu diệu kỳ sáng tỏa quang.

Dùng để trang nghiêm nơi quốc độ
 Dây vàng giăng khắp ở bên đàng
 Đất luôn bằng phẳng không cao thấp
 Chẳng có gò hầm, hay hố hang. (lạy)

Chúng **Bồ Tát** các hàng độ thế
 Đông vô cùng không thể tính ra
 Tâm thanh tịnh, trí diệu hòa
 Thần thông chứng đắc thật là lớn thay!
 Các kinh điển xưa nay trì tụng
 Đại Thừa hay ứng dụng rõ thông
 Thanh Văn các chúng số đông
 Bạc Vô lậu tận đếm không thể lường

Là con của Pháp Vương tất cả
 Nhẫn đến dùng *Thiên nhĩn* (*) cũng không
 Chẳng hề đếm biết rõ hòng
Thanh Văn, Bồ Tát số đông cõi này.
Phật đó sống mười hai tiểu kiếp
 Chánh Pháp thì trụ nhiếp ở đời
 Tiểu kiếp tròn đủ hai mươi
 Tượng Pháp cũng vậy số thời như trên.
 Đức **Quang-Minh Thế Tôn** như vậy,
 Việc của Ngài **Phật** đầy kể xong. (lay)

3. Lúc bấy giờ, ở trong chúng hội
Tu Bồ Đề cùng **Mục Kiền Liên**,
 Có ngài **Đại Ca-Chiên-Diên**
 Bạc *Thiện tri thức* (*), Thánh hiền rất đông
 Đều run sợ một lòng tay chấp
 Nhìn dung nhan Đức **Phật** hiện thời
 Mắt không hề muốn xa rời
 Liên đồng ứng tiếng nói lời kệ khai:

Thế Tôn dũng mãnh chí kiên cường
 Dòng **Thích Ca** truyền đấng Pháp Vương
 Vì dạ xót thương con chúng khổ

(*) *Thiên Nhĩn*: Gọi đầy đủ: *Thiên Nhĩn Minh*. Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Thiện Tri Thức*: Xem phần Thích nghĩa.

Mà ban giọng tiếng **Phật** âm tường.

Nếu rõ thân tâm con sạch trong
Phật đây thọ ký đặng cho lòng
Như dùng Cam lộ kia nhuần rưới
Mát mẻ toại nguyện mọi ước mong.

Như từ nước ở trong đọi khở
Bỗng đến đây gặp cổ tiệc Vua
Còn ôm lòng chấp sợ lo
Chưa dám tự nhận người cho ăn liền
Nếu được lệnh vua truyền thông cảm
Vậy người kia mới dám ngồi ăn
Chúng con những kẻ tục trần
Hằng nghĩ lỗi quấy chấp rằng như trên.
Làm thế nào để nên đạo lớn
Đặng trí huệ Vô Thượng **Phật** thành
Dầu nghe giọng tiếng **Phật** rành
Chúng con sau rốt đắc thành **Như Lai**,
Còn ôm lòng chấp ngay lo sợ
Như chính mình chưa tự dám ăn
Nếu được **Phật** thọ ký rằng
Mới là khoái lạc món ăn vô cùng
Thế Tôn rất đại hùng dũng mãnh
Thường muốn an bách tánh thế gian

Xin thọ ký cho các hàng
 Chúng con đang đói bảo cần phải ăn . (lạy)

4. Bảy giờ, **Phật** biết rành tâm niệm
 Của đệ tử ưu điểm thế nào!

Liên bảo các vị Tỳ kheo
 Nhớ lời truyền thụ lắng nghe ghi lòng:

“Ông **Tu Bồ Đề** đây

Sẽ đến đời vị lai

Phụng thờ ba trăm năm

Muôn ức *do tha* (*) **Phật**

Thường cúng dường, tôn kính

Hằng tôn trọng, ngợi khen

Siêng tu hạnh thanh tịnh

Đủ đạo hạnh **Bồ Tát**

Ở thân rốt sau cuối

Sẽ đặng thành **Phật**, hiệu:

“*Danh-Tướng Như Lai!*” (*).

Ứng Cúng, Chánh Biến Tri,

Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ,

Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ,

Bậc Điều Ngự Trượng Phu,

Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.” (lạy)

(*) *Do Tha*: Gọi đầy đủ: *Na Do Tha*. Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Danh Tướng Như Lai*: Xem phần Thích nghĩa.

Kiếp đó gọi tên **Hữu Bửu**

Nước có tên đầy đủ **Bửu Sanh**

Quốc độ bằng phẳng tốt lành

Đất thì được tạo chất thành lưu ly

Các cây báu thứ gì cũng có

Không chông gai hầm hố, gò cao,

Đồ dùng tiện lợi sạch bao,

Hoa thơm trái đất ngọt ngào hương bay

Nhơn dân ở lâu đài báu quý

Lâu gác luôn trang trí đẹp thay!

Hàng đệ tử rất đông vầy

Thanh Văn vô số khó bày tính ra

Chúng **Bồ Tát** cùng là một bậc

Có số nghìn muôn ức *do tha*.

Đức **Phật** trường thọ không già

Mười hai tiểu kiếp nước nhà trị an

Chánh Pháp trụ vào hàng bậc nhất

Hai mươi tiểu kiếp thật khôn lường

Tượng Pháp cũng trụ đời thường

Hai mươi tiểu kiếp rộng đường độ sanh

Đức **Phật** đó mây lành nương trú

Thường ở trên an trụ hư không.

Vì chúng nói Pháp viên thông

Độ thoát **Bồ Tát, Thanh Văn** vô vàn.

Đức **Thế Tôn** muốn an chúng hội
Nghĩa trên tuyên bày kệ như sau: (lạy)

5. Hỡi chúng Tỳ kheo đệ tử này!
Nay **Ta** truyền bảo các ông đây
Một lòng chuyên chú không xao lãng
Tâm lắng nghe lời **Ta** diễn bày.
- Đệ tử **Thế Tôn** danh gọi là:
Tu Bồ Đề hội tụ Ma Ha
Tương lai rồi sẽ đây thành **Phật**
Danh Tướng hiện bày xướng tụng ca
Tôn kính cúng dường vô số lượng
Nghìn muôn Đức **Phật** rộng sâu xa
Nường theo hạnh nguyện tròn ***công đức*** (*)
Việc lớn viên thành đạo của **Ta**.
- Thân rớt sau khi quả **Phật** thành
Ba hai tướng tốt đủ an lành
Lịch xinh đẹp đẽ không gì sánh
Ví tợ dường như báu ngọc anh.
- Cõi nước thanh bình khắp bốn phương
Trang nghiêm bậc nhất khó tri lường
Chúng sanh nào được đây nhìn thấy

(*) *Công Đức*: Xem phần Thích nghĩa.

Ưu mển vô cùng dạ vấn vương.

Đức **Phật** ở trong cõi nước kia
 Độ muôn sanh chúng khổ đau lia
 Hộ trì Chánh Pháp công vô lượng
 Bủa đức từ bi rộng xốt chia.

Ở trong Pháp hội **Phật** khôn lường
Bồ Tát đông vầy tụ khắp phương
 Bạc Trí lợi căn đều trọn thả
 Không ngừng xe Pháp chuyển khai đường.

Cõi nước đó thường dùng **Bồ Tát**
 Để trang nghiêm Cực Lạc sánh bằng
 Có các chúng đại **Thanh Văn**
 Chẳng thể đếm kể số trần tính ra.
 Tam minh đặng đắc ba món báu
 Trọn quả phần đủ sáu thần thông
Tám pháp giải thoát (*) viên đồng
 Có oai đức lớn thật không thể lường.

Đức **Phật** thường hay nói Pháp mầu
 Hiện ra vô lượng món minh châu
 Thần thông biến hóa không bì kịp
 Chẳng thể luận bàn nghĩ được đâu.

(*) *Tám Pháp Giải Thoát*: Còn gọi: *Bát Giải Thoát*. Xem Thích nghĩa vắn B.

Các hạng Trời, Thần hay thứ dân
 Số đông ví tợ cát sông Hằng
 Chắp tay đảnh lễ đều cung kính
 Lời **Phật** một lòng lãnh hội vâng.

Tuổi Đức **Phật** thọ trường trụ nhiếp
 Đúng mười hai tiểu kiếp tăng kỳ
 Chánh pháp tại thế chẳng suy
 Hai mươi tiểu kiếp phát huy trong đời.
 Thời Tượng Pháp không đời, không đổi
 Cũng hai mươi tiểu kiếp trường tồn. (lạy)

6. Lúc bảy giờ, Đức **Thế Tôn!**
 Lại bảo các chúng **Phật môn** lắng lòng
 Nghe **Ta** nói, các ông ghi nhớ:
Ca Chiên Diên sẽ ở đời sau
 Dùng các đồ cúng quý mầu
 Tám nghìn ức **Phật** phụng hầu kính tôn
 Khi các **Phật** vào trong diệt độ
 Ông xây dựng tháp miếu biết bao
 Một nghìn do-tuần chiều cao
 Ngang rộng ước tính năm trăm do-tuần
 Tháp miếu đều dùng bằng bảy báu
 Vàng, bạc cùng mã não, xa cừ
 Trân châu, hổ phách, lưu ly

Thực hành tâm nguyện, cực kỳ công lao
 Thường cúng dường hoa mầu, chuỗi ngọc
 Các thứ hương, hương đốt, hương xoa,
 Lọng tàng, nhiều gấm, lụa là,
 Tràng phan, bảo cái, ngọc ngà, trân châu.

 Thời kỳ đó, về sau cũng vậy ...
 Lại cúng dường biết bấy **Như Lai**
 Hai mươi muôn ức **Phật** Ngài
 Tâm như thuở trước không thay đổi lòng.
 Kiếp đó đã tròn xong đại nguyện
 Đạo **Bồ Tát** thực hiện đắc thành
 Đặng làm **Phật**, hiệu tôn danh:
 “ *Diêm Phù Na Đề Kim Quang Như Lai!*” (*).
Ứng Cúng công đức không ai sánh bằng,
Chánh Biến Tri thường hằng thấu biết,
Minh Hạnh Túc vốn thiệt tròn đầy,
Thiện Thệ nguyện lớn sâu dày,
Thế Gian Giải ngộ chỉ bày chân tâm,
Vô Thượng Sĩ pháp thân (*) tịnh diệu,
Bậc Trượng Phu Điều Ngự độ sanh,
Thiên Nhân Sư đấng Cha lành,
Phật Đà toàn giác, đắc thành **Thế Tôn**. (lạy)

(*) *Diêm Phù Na Đề Kim Quang Như Lai*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Pháp Thân*: Xem phần Thích nghĩa.

Cõi **Diêm Phù Na Đê** bằng phẳng
 Chất pha-lê tạo đặng đất mầu
 Trang nghiêm cây báu quý bao
 Vàng ròng dây kết giảng rào đường đi
 Hoa đẹp trái đất thời sạch sẽ,
 Người thấy nhìn vui vẻ mừng thay
 Bốn đường dữ trong cõi này
 Không có địa ngục, hay loài súc sinh,
 A Tu La, yêu tinh, *Nga quý* (*).
 Các Trời, Người thiện trí rất đông,
Thanh Văn, Bồ Tát ước muôn
 Trang nghiêm cõi nước thật không thể lường.
 Đức **Phật** sống thọ trường miên viễn
 Đúng mười hai tiểu kiếp lâu dài,
 Chánh Pháp trụ lại ở đời
 Hai mươi tiểu kiếp số thời không sai,
 Tượng Pháp cũng kéo dài không bớt
 Đúng hai mươi tiểu kiếp mà thôi.
Thế Tôn thọ ký xong rồi,
 Muốn tuyên lại nghĩa nói lời kệ ra: (lạy)

7. Các chúng Tỳ kheo nhớ khắc ghi
 Đều nên tin tưởng chớ hoài nghi

(*) *Nga Quý*: Xem phần Thích nghĩa.

Như lời **Ta** nói không sai khác
Chơn thiệt nghĩa trên gắng thọ trì.

Ca Chiên Diên chuyển kiếp sau này
Các món đồ dùng quý báu thay
Tốt đẹp trang nghiêm không nói hết
Cúng dường muôn ức Đức **Như Lai**.

Chư **Phật** sau khi diệt độ xong
Dựng xây tháp báu rất kỳ công
Cũng dùng hoa ngọc và hương quý
Xá Lợi tôn nghiêm trọn tấm lòng.

Thân sau kiếp chót đại duyên lành
Đặng trí huệ mầu Đức **Phật** thành
Đắc bậc tối cao ngôi Chánh Đẳng
Nước non thanh tịnh sống an lành.

Độ chúng muôn loài đoạn diệt sinh
Thoát ra Tam giới dứt mê tình
Mười phương đều được lòng tôn kính
Thường đến cúng dường thọ nguyện tin.

Ánh sáng **Phật** đây chiếu diệu thường
Không ai có thể sánh bì hơn
Thế Tôn chứng đắc mười danh hiệu
Đức **Phật Diêm Phù** đấng Pháp Vương

Bồ Tát đạo thành vô số kể
Thanh Văn vô lậu khắp mười phương
 Trang nghiêm cõi nước đây an lạc
 Quốc độ **Kim Quang** thọ vĩnh trường. (lạy)

8. Lúc bấy giờ, Đức **Thế Tôn**
 Bảo trong đại chúng lắng lòng nghe qua:
Mục Kiền Liên Hằng sa số kiếp
 Để thực hành tâm nguyện cúng dường
 Tám nghìn các Đức **Phật Vương**
 Cung kính phụng sự lo lường trước sau.
 Khi Chư **Phật** đi vào tịch diệt
 Tháp miếu xây không biết dường bao
 Một nghìn do-tuần chiều cao
 Ngang rộng số tính năm trăm do-tuần
 Dùng bảy báu: Trân châu, vàng, bạc,
 Lưu ly cùng đủ các xa cừ,
 Mai khôi, mã não có dư
 Hiệp thành xây dựng sức người kỳ công,
 Đem các thứ hoa bông chuỗi ngọc,
 Hương xoa cùng hương đốt, bột hương,
 Tràng phan, lọng nhiễu cúng dường
 Tháp miếu tôn kính **Phật đường** nghiêm trang.
 Sau lúc ấy, thời gian tiếp nữa

Sẽ cúng dường phước chứa sâu dày
 Hai trăm muôn ức **Như Lai**
 Cũng như thuở trước không sai khác gì
 Rồi sẽ đặng chứng thì **Phật** hiệu:
 “*Đa Ma La Bát Chiên Đàn Hương Như Lai!*” (*).
 Muôn loài **Ứng Cúng Phật** Ngài,
Thiện Thệ ví tợ đất dày rộng sâu,
Chánh Biến Tri nhiệm mầu cao cả,
Minh Hạnh Túc đạo quả viên dung,
Thế Gian Giải ngộ tột cùng,
 Đấng **Vô Thượng Sĩ** đại hùng uy danh,
 Bậc **Trượng Phu** căn lành **Điều Ngự**,
 Khắp chúng sanh lê thứ qui hồi
Thiên Nhân Sư Thầy Trời, người,
Phật là toàn giác, đời đời **Thế Tôn**. (lay)
 Kiếp đó gọi tên là **Hỷ Mãn**,
Ý Lạc tên nước rạng danh bay
 Cõi đó bằng phẳng thẳng ngay
 Chất pha-lê tạo đất đầy sáng tinh
 Cây báu quý tốt xinh khéo vẽ
 Rải hoa mầu sạch sẽ khắp nơi
 Người được thấy, dạ vui tươi

(*) *Đa Ma La Bát Chiên Đàn Hương Như Lai*: Xem phần Thích nghĩa.

Rất đông các hạng Trời, người nơi đây.

Hàng **Bồ Tát** đủ đầy vô số

Bực **Thanh Văn** trí độ khó lường.

Đức **Phật** đó tuổi thọ trường

Hai mươi bốn tiểu kiếp thường lạc an,

Chánh Pháp trụ vào hàng Bất Thối

Bốn mươi tiểu kiếp A Tăng Kỳ,

Tượng Pháp cũng được duy trì

Bốn mươi tiểu kiếp đúng thì không sai.

Khi đó, Đức **Như Lai** tuyên lại

Nghĩa trên mà diễn giải kệ rằng: (lạy)

9. Đệ tử của **Ta** úy hiệu là:

Mục Kiền Liên trí đạo sâu xa

Bỏ thân tứ đại sau luân chuyển

Đặng gặp tám nghìn Đức **Phật Đà**

Số tính hai trăm muôn ức vị

Thế Tôn, Chư **Phật** cũng như **Ta**

Vì cầu **Phật đạo** tâm tôn kính

Khen ngợi, cúng dường giác lợi tha.

Ở nơi các **Phật** quyết tu hành

Phạm hạnh thường hằng dứt vọng sanh

Đã trải qua đây vô lượng kiếp

Phụng trì Pháp **Phật** độ quần sanh.

Niết Bàn các **Phật** tự nhiên vào
 Xây tháp phụng thờ đấng tối cao
 Bảy báu, hoa hương cùng phướn lọng
 Cúng dường Chư **Phật** biết là bao.

Lần lần quả vị đặng lành duyên
 Đạo hạnh Ma Ha đã thỏa nguyện
 Ý **Lạc** nước kia sanh kiếp chót
Phật thành giáo hóa khắp như Thiên.

Đa Ma La hiệu **Bạt Chiên Đàn**
Hương Phật giải trừ khổ thế gian
 Tuổi thọ hai mươi bốn tiểu kiếp
 Thường vì bốn loại Pháp mẫu ban.

*Vô lượng chúng **Thanh Văn**
 Như số cát sông Hằng
 Tròn Ba minh, Sáu thông
 Uy đức lớn vô ngần.*

*Bồ Tát Đạo vô biên
 Tinh tấn chí kiên bền
 Ở nơi Trí Huệ **Phật**
 Đều không hề giảm thuyên.*

*Sau khi **Phật** diệt độ
 Chánh Pháp sẽ trụ đời*

Đủ bốn mươi tiểu kiếp

Tượng Pháp cũng như thế. (lạy)

10. Các đệ tử của **Ta** đây

Oai đức, Trí huệ đủ đầy hạnh duyên

Số đó năm trăm bậc hiền

Ta đều ấn thọ ký truyền về sau

Vị lai chứng quả tối cao

Đều đặng thành **Phật** mau lâu vẫn đồng

Ta cùng đối với các ông

Đời trước kết chặt trong vòng nhơn duyên

Ta nay lược thuật lời khuyên

Các ông khéo tịnh tâm thiền lắng nghe./.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)
- **Nam Mô Vị Lai Quang Minh Như Lai.** (3 lần)
- **Nam Mô Vị Lai Danh Tướng Như Lai.** (3 lần)
- **Nam Mô Vị Lai Diêm Phù Na Đề Kim Quang
Như Lai.** (3 lần)
- **Nam Mô Vị Lai Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương
Như Lai.** (3 lần)
- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA (QUYỂN 3)



PHẨM “HÓA THÀNH DỤ” (Thứ Bảy)

1. **Đức Phật** bảo các Tỳ Kheo
Tâm bình trí tịnh nghe theo lời truyền.
Thuở quá khứ vô biên vô lượng
Không nghĩ bàn, khó tưởng, khó tri.
Trải qua kiếp A Tăng Kỳ
Đức **Phật** xuất hiện trần ni hiệu là:
“Đại Thông Trí Thắng Như Lai!” (*)
Ứng Cúng như nguyện không ai sánh bằng,
Chánh Biến Tri thường hằng thấu biết,
Minh Hạnh Túc vốn thiệt tròn đầy,
Thiện Thệ nguyện lớn sâu dày,
Thế Gian Giải ngộ chỉ bày chơn tâm,
Vô Thượng Sĩ pháp thân tịnh diệu,
Bạc Trượng Phu Điều Ngự độ sanh,

(*) *Đại Thông Trí Thắng Như Lai*: Xem phần Thích nghĩa.

Thiên Nhân Sư đấng cha lành,
Phật Đà toàn giác, đắc thành **Thế Tôn**. (lạy)

Hảo Thành tên nước đặt ra
 Kiếp tên **Đại Tướng** thật là uy nghi
 Đức **Phật** đó từ khi tịch diệt
 Nhấn đến nay không biết lâu xa
 Ví như địa chủng hằng sa
 Tam Thiên thế giới cùng là Đại Thiên
 Dụ có người đem nghiền làm mực
 Rồi đi khắp nghìn nước phương Đông
 Bền chấm một điểm nhỏ vòng
 Lại qua nghìn cõi cũng không dứt dừng
 Cứ như thế lần lần chấm hết
 Mực địa chủng đoạn kết dường bao.
 Ý các ông nghĩ ra sao?
 Các cõi nước đó không nào tính ra
 Hoặc thầy toán tài ba tột độ
 Có thể biết đáp số đó chăng?
 Các Tỳ kheo mới đáp rằng:
Thế Tôn! Không thể biết ngần số kia.
 Các Tỳ kheo nghe qua cho rõ
 Những cõi nước người đó đi qua
 Hoặc có chấm mực vậy mà

Hoặc không chấm mực cũng là như nhau

Đều nghiền nát cả ra làm bụi,

Một hạt bụi là một kiếp đời.

Từ khi **Phật** đó tịch rồi

Đến nay số ấy lại thời lâu hơn

A Tăng Kỳ kiếp dường không tưởng

Trăm nghìn muôn ức lượng vô biên.

Ta dùng tri kiến đại thiên

Của **Như Lai Phật** xem liền thuở xưa.

Giờ như đã hiện ra trước mặt

Ngày hôm nay sự thật rõ ràng.

Bấy giờ, **Thế Tôn** muốn an

Tuyên lại thiệt nghĩa, truyền ban kệ rằng: (lạy)

2. **Ta** nhớ rõ ràng thuở quá lâu

Vô biên vô lượng kiếp dày sâu

Có **Như Lai** Lương Túc Tôn **Phật**

Úy hiệu **Đại Thông Trí Thắng** mẫu.

Địa chủng Tam Thiên thế giới này

Như người dùng sức lực nghiền mài

Biến ra tất cả đều thành mực

Chẳng có nghi ngờ việc khác sai

Đi khắp hơn nghìn trong cõi nước

Tay dùng mực chấm điểm trần ngay

Lần lần như thế không sai sót
Cho đến không còn mực chấm đây.

Bao nhiêu cỗi nước số Hằng sa
Điểm chấm mực trần, điểm bỏ qua
Gom lại đều nghiền thành hạt bụi,
Một hạt bụi, một kiếp đời **Ta**.

Kiếp số lâu xa, quá khứ xa
Lại nhiều hơn số bụi nghiền ra
Từ khi **Phật** đó vào viên tịch
Vô lượng kiếp này đã trải qua.

Trí huệ vô ngần của **Phật** đây
Biết rành **Phật** đó diệt độ thay
Cũng như **Bồ Tát, Thanh Văn** vậy
Thấy diệt độ mà như hiện nay.

Các ông Tỳ kheo nên biết rằng
Trí **Phật** sâu lường vi diệu năng
Vô lậu tận thành, vô chướng ngại
Suốt thông vô lượng kiếp không ngần. (lạy)

3. Đức **Phật** bảo các Tỳ kheo:
Đại Thông Trí Thắng trụ đời dài lâu
Thọ năm trăm bốn mươi vạn ức
Na-do-tha kiếp mới mãn viên,

Đức **Phật** đó; lúc hiện tiền
 Quân Ma đã phá, ngôi yên đạo tràng
 Sắp đặt đạo vào hàng Vô Thượng
 Ngôi Chánh Đẳng Chánh Giác **Như Lai**
 Mà **Phật pháp** chẳng hiện bày
 Đến mười tiểu kiếp rất dài lâu năm.
 Ngôi xếp bằng thân tâm không động
 Trước **Phật pháp** còn chẳng hiện ra.

 Thuở đó, cũng rất lâu xa
 Các *trời Dao Lợi* ^(*) hiệp hòa dưới cây
 Cội Bồ Đề sum vầy từ trước,
 Vì **Phật** đó chứng được đạo thành
 Trải tòa Sư Tử an lành
 Độ cao ước tính sáu mươi dặm đường,
Phật ngồi nơi tòa chương này đặt
 Đạo Vô Thượng Chánh Đẳng không hai.
 Khi **Phật** an vị tòa đài
 Các trời *Phạm Thích*, các ngài Thiên Vương
 Rưới những hoa mùi hương thơm ngát
 Tính do-tuần đo đạc bốn mươi
 Gió thơm đem đến hương trời
 Thổi dạn hoa héo, rải thời hoa tươi

^(*) *Trời Dao Lợi (Đao Lợi Thiên)*: Xem phần Thích nghĩa.

Mãi như thế trong đời không ngớt
 Mười tiểu kiếp không bớt, không thêm
 Cúng dường Đức **Phật** Pháp Vương
 Nhẫn khi diệt độ hằng thường rưới hoa.
Tứ Thiên Vương hợp hòa các cõi
 Vì cúng dường thường nổi trống vang
 Các vị trời khác bốn phương
 Kỹ nhạc đồng trời tấu đàn du dương
 Mười tiểu kiếp cúng dường Đức **Phật**
 Nhẫn đến khi **Phật** nhập Niết Bàn.

Các Tỳ Kheo! Hãy định an,
 Lóng tâm nghe rõ lời vàng của **Ta**.
 Đức **Đại Thông Phật Đà Trí Thắng**
 Mười tiểu kiếp mới đặng đại nguyên
 Các **Phật pháp** trước hiện tiền
 Thành đạo Vô Thượng vô biên trí dày.
 Chưa xuất gia **Phật** đây đã có
 Mười sáu người con nhỏ đều trai,
 Con cả **Trí Tích** (*) danh bày.
 Các người con đó ai ai cũng thời
 Đều có món đồ chơi báu lạ,
 Nghe cha mình chứng quả Quang Minh

(*) **Trí Tích**: Xem phần Thích nghĩa.

Đều bỏ đồ báu của mình
 Đi đến chỗ **Phật** cầu xin tu hành,
 Các người mẹ không đành chia rẽ
 Liền theo đưa con, mẹ trọn phần.
 Ông nội là vua **Chuyển luân**
Thánh Vương, cùng với một trăm đại thần
 Và trăm nghìn nhân dân muôn ức
 Đều vây quanh một mực chúc an.
 Đồng nhau đi đến đạo tràng,
 Mọi người vui vẻ lạc quan hầu gần
 Đức **Đại Thông** toàn năng **Trí Thắng**
 Để cúng dường Chánh Đẳng **Như Lai**
 Cung kính khen ngợi **Phật** Ngài!
 Gieo mình năm vóc bằng nay kính vì,
 Dưới chân **Phật** lạy quì sát đất
 Rồi đi vòng quanh **Phật** vừa xong,
 Chắp tay chí nguyện một lòng
 Chiêm ngưỡng tướng tốt dung nhan Đại Từ
 Cùng nhau nói kệ lời khen **Phật**: (lạy)

4. **Thế Tôn!** Oai đức lớn vô cùng
 Vì muốn độ đời, độ chúng sanh
 Vô lượng ức năm dày kiếp số
 Mới tròn quả đạo **Phật** nay thành,

Đủ đầy lực nguyện không ai sánh
 Vô Thượng hay thay! Đã trọn lành
 Thế giới mười phương đều kính nể
 Gọi nhuần mưa Pháp độ quần sanh.

Thế Tôn! Công sức ít ai bì
 Mười kiếp ngồi yên vẫn tọa trì
 Thân thể trụ an không mỗi mệt
 Tay chơn chẳng động giữ uy nghi,
 Chân tâm lặng lẽ nên thường chiếu
 Trí huệ chưa từng tán loạn suy
 Rốt ráo định thiền tâm vắng bật
 Rõ ràng thông suốt pháp Vô Vi.

Ngày nay thấy đặng đấng **Như Lai**
 Thành **Phật Thế Tôn** đạo hiển bày
 Tu được lợi lành chung phước hưởng
 Chúng nay mừng rỡ rất vui thay!

Muôn loại chúng sanh đau khổ dài
 Đui mù không thấy Đạo Sư nay
 Đạo thường dứt khổ nào hay biết
 Giải thoát tìm cầu Trí huệ khai,
 Nẻo ác lâu ngày xa nẻo thiện
 Phước càng giảm tổn chúng Trời đây
 Tối tăm vào tối càng sai biệt

Trợn chẳng nghe danh Đức **Phật** này.

Nay **Phật** đặng thành *Vô Thượng Tôn* ^(*)!

Chứng Vô lậu tận đạo thường tồn

Chúng ta và cả Trời, người hưởng

Vì được lợi lành chỗ **Phật** môn

Năm vóc gieo mình xin cúi lạy

Qui về nương tựa chỗ an tồn

Chóng ra sanh tử lìa ba cõi

Mong mỗi ơn lành Đức **Thế Tôn**. (lạy)

5. Bấy giờ, mười sáu người con

Đều bậc Vương tử hiện còn vị ngôi

Kệ khen Đức **Phật** hết lời

Khuyến thỉnh Từ Phụ chuyển thời Pháp Luân

Một lòng tôn kính thưa rằng:

*“Đức **Phật** nói Pháp diệu năng mầu bày*

An ổn, thương xót muôn loài

Đều làm lợi ích Trời, người chúng dân”.

Xong rồi lại nói kệ rằng:

Đức **Phật** không ai so sánh bằng

Trăm nghìn phước báu tự an thân

Đặng nhiều trí huệ ngôi Vô Thượng

Vì nguyện độ đời Chuyển Pháp Luân

^(*) *Vô Thượng Tôn*: Xem phần Thích nghĩa.

Giải thoát chúng sanh qua bể khổ
 Cứu nạn muôn loại cũng nhờ ân
 Cúi xin Từ Phụ mau phân biệt
 Trí huệ **Phật** bày đặc diệu năng.

Nếu chúng con đây quả **Phật** thành
 Muôn loài cũng được đặc đồng danh
Thế Tôn thấu biết duyên sanh chúng
 Đức **Phật** tường tri chỗ sở hành
 Đạo của chúng làm đều rõ cả
 Mỏng, dày trí sức có thường sanh
 Muốn ưa giàu có nên tu phước
 Nghiệp trước tạo gây ác, thiện lành.

Thế Tôn thấu biết cả rồi

Nên chuyển chánh Pháp độ đời trầm luân. (lay)

6. Nay Tỳ kheo, ân cần nghe bảo:

Đức **Đại Thông** đặc đạo siêu mầu

Chánh Đẳng Chánh Giác cao sâu,

Mười phương lúc đó cùng nhau hiển bày.

Mỗi phương đều năm trăm muôn ức

Các cõi **Phật** hết sức lạ lùng

Sáu diệu vang động chuyển rung

Từ lâu chẳng có chưa từng xảy ra.

Trong các cõi đủ đầy Nhật, Nguyệt

Dù sáng soi không hết khắp nơi
 Chỗ tối tám giờ sáng ngời
 Tất cả đều đặn thấy thời như nhau,
 Đồng nói rằng: “*Lẽ nào có thật*
*Ở trong đây cỡi **Phật** tại sao*
Bỗng sinh ra chúng sanh nào?”
 Mà hiện điềm tốt tỏa hào quang đây
 Các cỡi đó biết bao cung điện
 Cửa chư Thiên cho đến Phạm cung
 Thấy đều sáu tiếng động rung
 Hào quang chiếu sáng soi cùng khắp nơi
 Ánh sáng chiếu hơn trời Thiên Phạm
 Bởi **Phật** đây chiêu cảm hiện ra. (lạ)

7. Bấy giờ, phương Đông nói qua
 Năm trăm muôn ức cỡi nhà *Phạm Thiên*
 Các cung điện bỗng nhiên tỏ rạng
 Gấp bội hơn ánh sáng thường ngày
 Các Thiên Vương thấy ngộ thay!
 Đều tự suy nghĩ hôm nay lạ lùng.
 “*Sự sáng ấy, xưa từng chưa có*
Nhơn duyên gì sáng tỏ phi thường?”
 Lúc đó, các vị Thiên Vương
 Cùng nhau hội lại tỏ tường việc trên.
 Trong chúng có vị Thiên bậc nhất

Cứu Nhứt Thiết tên thật Vua trời,

Vì các Phạm chúng mọi người

Đứng lên giải thích nói lời kệ đây:

Các cung điện của chúng ta nay

Sáng suốt từ xưa chưa có rày

Đây chắc nhưn duyên gì đặc biệt

Phải nên chung sức để tìm ngay.

Là trời **Đại Đức** sanh ra vậy

Hay **Phật** ra đời Đạo chuyển khai

Mà ánh sáng này không thể tưởng

Khắp soi muôn cõi nước **Như Lai**.

Bấy giờ, Phạm Thiên Vương các bậc

Ở năm trăm muôn ức cõi này

Cùng với cung điện đủ đầy

Mỗi vị đều lấy dầy dày mang ra

Đựng các thứ bông hoa trời hưởng

Rồi đồng đi đến hưởng phương Tây

Suy tìm tướng diệu quang đây.

Bỗng thấy Đức **Phật** dưới cây Bồ Đề

Tòa Sư Tử **Phật** ngồi an trụ

Nơi *đạo tràng* đầy đủ chư Thiên

Long Vương tám vị nói riêng

Cũng trong Bát Bộ có tên như là :

Càn Thát Bà với Khẩn Na La
Nhơn, Phi Nhơn, *Ma Hầu La Đà* (*) ...

Một lòng cung kính thiết tha

Đại Thông Trí Thắng Phật Đà Như Lai !

Mười sáu vị đẹp mảy Vương tử

Đều có mặt hội tụ vây quanh

Bên **Phật** cầu đấng Cha lành

Pháp luân sớm chuyển, chúng sanh mong chờ

Khi thấy vậy, tức thời các bậc

Phạm Thiên Vương đầu mặt lạy quì

Dưới chơn Đức **Phật**, rồi đi

Quanh thân **Ứng Cúng** đến trăm nghìn vòng

Liền lấy đũa đựng bông hoa quý

Mà rải trên an vị **Phật** thân.

Diệu Cao (*) núi ấy sánh bằng

Những hoa trời rải gom phân lại nhau.

Cây Bồ Đề độ cao khẳng đĩnh

Mười do-tuần số tính không sai

Hoa cúng dường đủ các loài

Xong rồi, mỗi vị cung đài dâng lên

Đồng thưa thỉnh ơn trên Đức **Phật**

“*Xin đoái thương Thiên bậc chúng con*”

(*) *Ma Hầu La Đà* (*Ma Hầu La Già*): Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Diệu Cao* (*Núi*): Còn gọi: *Tu Di* (*Sơn*). Xem Thích nghĩa vẫn T.

Hoan hỷ thọ nạp cung sơn
Phước lành Thiên chúng mãi còn về sau”. (lay)

Lúc đó, chư Thiên cùng nhau
 Liền ở trước **Phật** một lòng kệ khen:

Thế Tôn rất ít có trong trần
 Khó thể duyên gì gặp **Phật** thân
 Trọn đủ đức lành vô lượng kiếp
 Vẹn nguyên cứu độ khắp lê dân
Phật là Thầy lớn Trời, người vậy
Thiện Thệ thương đời rải phúc ân
 Muôn loại chúng sanh cùng khắp cõi
 Đều nhờ lợi ích **Phật** vô ngần.

Chúng con từng trải đến năm trăm
 Muôn ức nước qua để kiếm tầm
 Thiên định vào sâu, vui bỏ hết
 Cúng dường Đức **Phật** đạo cao thâm
 Do vì phước lớn nhiều đời trước
 Cung điện nguy nga cõi *Phạm âm*
 Nay dâng đem dâng lên Đức **Phật**
 Cúi xin thọ nhận chúng chơn tâm.

Bấy giờ, các Phạm Thiên Vương
 Kệ dâng khen ngợi cúng dường **Như Lai**

Xong rồi tất cả chấp tay
 Cúi đầu thưa thỉnh lòng nay mong rằng:
 “ *Cúi xin **Phật** chuyển Pháp luân
 Độ thoát sanh chúng Niết Bàn đồng nương*”.

Khi ấy, các Phạm Thiên Vương
 Một lòng đồng tiếng nói vang kệ rằng:

***Thế Hùng Lương Túc Tôn** (*)
 Cúi xin diễn Pháp môn
 Dùng sức Từ Bi lớn
 Độ chúng đạo an tồn.*

Lúc đó, Đức **Phật** điềm nhiên
Đại Thông Trí Thắng lặng yên nhận lời. (lay)

8. Lại nữa, các Tỳ Kheo ơi!
 Nghe lời **Ta** kể nhớ thời ghi tâm
 Phương Đông Nam năm trăm muôn ức
 Cõi nước đầy các bực Phạm Thiên
 Cung điện ai cũng có riêng
 Hôm nay đều thấy ngạc nhiên lạ thường
 Ánh sáng chói hơn đường gấp bội
 Mà từ xưa trong cõi nước **Ta**
 Chưa từng điềm tốt xảy ra
 Vui mừng hơn hở thật là hân hoan

(*) *Thế Hùng Lương Túc Tôn*: Xem phần Thích nghĩa.

Liên cùng nhau chung bàn suy nghĩ.
Trong chúng có một vị Phạm Thiên
Tên là **Đại Bi** trời Hiền

Vì các Phạm chúng mà tuyên kê rằng:

Nhân duyên chưa rõ hãy tầm tri
Hiện tướng hôm nay rất diệu kỳ
Cung điện chúng ta xưa chẳng có
Quang minh sáng chiếu lại oai nghi.

Có phải là trời **Đại Đức** sanh
Hay là có **Phật** đạo viên thành
Chưa từng thấy tướng này đây vậy
Chung một lòng cầu chỗ phát sanh.

Quá nghìn muôn ức cõi đi tầm
Thẳng hướng theo luồng sáng chí tâm
Chắc chắn phần nhiều đây **Phật** đắc
Ra đời độ chúng thoát luân trầm.

Bấy giờ, có năm trăm muôn ức
Phạm Thiên Vương các bậc đủ đầy
Cùng chung với quyến thuộc đây

Lấy đũa đựng các hoa màu ngát hương
Đồng cùng đi đến phương Tây Bắc
Suy tìm ra tướng thật hiển bày

Thấy Đức **Trí Thắng Như Lai**

Đại Thông an tọa bảo đài Sư Vương
 Cội Bồ Đề đạo tràng đủ mặt
 Hàng chư Thiên, tám bậc Long Vương
 Càn Thát Bà, Khẩn Na La
 Nhơn, Phi Nhơn cùng Ma Hầu La Đà ...
 Đều vây quanh **Phật Đà** cung kính
 Mười sáu vị Vương tử lành thay!
 Thỉnh cầu Đức **Phật** sớm quay
 Bánh xe Pháp độ muôn loài chờ mong.
 Khi ấy, ở khắp trong Thiên chúng
 Các Phạm Vương ai cũng phục quỳ
 Đầu mặt lại đấng Từ Bi
 Đi quanh Đức **Phật** đến trăm nghìn vòng,
 Liên lấy hoa hương nồng trời rải
 Trên thân **Phật** như núi Diệu Cao
 Cây Bồ Đề đẹp dường bao
 Chư Thiên rưới rải đủ màu sắc hoa
 Lễ cúng dường **Phật Đà** như nguyện
 Đều đem dâng cung điện của mình
 Thưa rằng: “Đức **Phật** thương tình
Cúi xin nhận lấy chứng minh tâm lòng”.
 Liên trước **Phật** cùng đồng vang giọng
 Nói kệ bày tôn trọng khen rằng:

*Thánh Chúa là vua trong cõi Trời
Tiếng **Ca Lãng** (*) vọng giác nơi nơi
Bi thương nguyện độ hàng sanh chúng
Tất cả chúng con kính lễ người.*

Thế Tôn ít có trong trần
Lâu xa mới thấy một lần hiện ra
Một trăm tám mươi kiếp qua
Thế gian không có **Phật Đà** đạo khai
Ba đường dữ lắm khổ tai
Phước của Thiên chúng ngày ngày giảm suy.
Nay **Phật** hiện cõi trần ni
Làm mắt cho chúng thấy thì lối đi
Chỗ *qui thú* đạo Từ Bi
Cứu hộ tất cả giác tri đạt thành
Phật là cha của chúng sanh
Mở lòng thương xót Pháp lành ban ra
Chúng con nhờ phước sâu xa
Nên nay đặng gặp **Phật Đà Thế Tôn**.
Khi đó, các vị Thiên Vương
Nói kệ khen **Phật** vừa xong, thưa rằng:
*“Cúi lạy xin đức **Thế Tôn**!
Thương xót tất cả mở lòng ban ân*

(*) *Ca Lãng*: Gọi đầy đủ: *Ca Lãng Tân Già (Điểu)*. Xem phần Thích nghĩa.

*Sớm mau khai chuyển Pháp luân
Độ thoát muôn loại thứ dân trông nhờ”.*

Lúc ấy, các vị Phạm Thiên!
Một lòng đồng tiếng ngợi khen kê rằng:

*Đại Thánh ra đời chuyển Pháp luân
Chỉ bày Pháp tướng rộng nguồn chân
Chúng sanh đau khổ ra ba cõi
Muôn loại vui mừng thọ trọng ân
Đặng đạo hoặc sanh trời Phạm Thích
Các đường ác dữ giảm lần lần
Người tu nghe Pháp mầu tinh tấn
Bậc nhân thiện thêm phước báu tăng.*

Khi đó, Đức **Phật** an nhiên
Đại Thông Trí Thắng lặng yên nhận lời. (lạy)

9. Lại nữa, các Tỳ Kheo ơi!
Năm trăm muôn ức cõi trời Nam phương
Các vị Đại Phạm Thiên Vương
Tự thấy cung điện ánh dương chói lòa
Từ xưa chưa có hiện ra
Vui mừng hớn hở thật là hân hoan
Cùng nhau hội lại chung bàn
Điềm tốt hy hữu hào quang thế này
Nhân duyên gì cung điện đây

Ánh sáng chiếu rọi lành thay lạ thường?

Trong chúng có vị Phạm Vương

Tên là **Diệu Pháp** cao cường bậc trên

Vì hàng Phạm chúng bày khuyên

Liên trong cuộc họp đứng lên kệ rằng:

Các cung điện của chúng ta nay

Ánh sáng quang minh rất diệu oai

Chắc chắn nguyên nhân gì trọng đại

Điềm lành tướng tốt hãy tìm ngay

Quá hơn ước độ trăm nghìn kiếp

Cũng chẳng chưa từng thấy việc này

*Có phải là Trời **Đại Đức** sanh*

*Hay là Đức **Phật** hiện trần ai?*

Bấy giờ, có năm trăm muôn ức

Phạm Thiên Vương các bậc cùng chung

Đều đem tất cả điện cung

Mỗi vị lấy đũa đựng dùng các hoa

Đồng thẳng hướng đến mà phương Bắc

Để suy tìm tướng thật hiển bày.

Đại Thông Trí Thắng Như Lai

Ngồi tòa Sư Tử rất oai vô cùng

Nơi đạo tràng ung dung nghiêm sức

Cây Bồ Đề bóng mát phủ quanh

Hàng chư Thiên tâm chí thành
 Long Vương tám vị mây lành hiện ra
 Càn Thát Bà với Khẩn Na La
 Nhơn, Phi Nhơn, Ma Hầu La Già ...
 Nói chung, tám bộ cùng là
 Vây quanh cung kính **Phật Đà Như Lai**,
 Cùng thấy có các ngài Vương Tử
 Mười sáu vị đầy đủ ân cần
 Thỉnh cầu **Phật** chuyển Pháp luân
 Độ trong bốn loại khắp trần lành yên.

Khi đó, các vị Phạm Thiên
 Đầu mặt lễ **Phật** rồi liền đi quanh
 Trăm nghìn vòng bên thân Đức **Phật**
 Rải hoa trời thơm ngát hương màu
 Hoa rải như núi Diệu Cao
 Trên thân Đức **Phật**, cội cây Bồ Đề
 Lễ cúng dường đề huề xong nguyện,
 Đồng dâng lên cung điện của mình:
*“Xin Đức **Phật** đoái thương tình
 Cũng vì lợi ích hàm linh cõi Trời.
 Cúi mong Đức **Phật** nhận lời!
 Phước của Thiên chúng được thời thêm tăng”.*

Bấy giờ, các vị Thiên Vương

Liên ở trước **Phật** đạo tràng kệ khen :

Thế Tôn rất khó thấy trong đời
 Phá hết não phiền trí thành thoi
 Hơn một trăm ba mươi kiếp số
 Nay thì kiến **Phật** một lần thôi!
 Chúng sanh đói khát trong ba cõi
 Mưa Pháp mong chờ rưới khắp nơi
 Lâu lắm từ xưa chưa đặng thấy
 Đấng Vô Lượng Trí của Trời, người.

Tướng hảo như đóa Ưu Đàm
Oai nghi tốt đẹp rộng hàm đức ân
Ngày nay gặp gỡ hầu gần
Cung điện xin nguyện hiến dâng thọ dùng
Thế Tôn bi mẫn đại hùng
 Cúi xin thương nhận Thiên cung trụ dừng.

Khi đó, các vị Phạm Thiên
 Nói kệ khen **Phật** rồi liền trình thưa:
 “**Thế Tôn** vô lượng phước thừa
 Pháp luân thường chuyển như mưa chan hòa
 Làm cho tất cả Phạm, Ma
 Hàng Trời nhả đến hay Bà La Môn
 Thế gian muôn loại an tồn
 Đều được độ thoát khỏi vòng oan khiên”.

Lúc ấy, các vị Phạm Thiên
 Một lòng đồng tiếng nói lên kệ rằng:

*Cúi mong Đức **Phật** Thiên Nhơn Tôn
 Khai Chuyển Pháp Luân mở diệu môn
 Pháp Cổ đánh vang rền đại chúng
 Pháp Loa giọng lớn khắp Càn Khôn
 Rưới nhuần Pháp Vũ mưa Cam Lộ
 Cứu độ chúng sanh đạo vĩnh tồn
 Tất cả chư Thiên đều thỉnh nguyện
 Một lòng ca tụng Thiên Nhơn Tôn.*

Khi đó, Đức **Phật** an nhiên

Đại Thông Trí Thắng lặng yên nhận lời. (lay)

10. Phương Tây Nam cũng thời như thế
 Nhấn đến cho phương dưới cộng đồng.
 Bảy giờ, có năm trăm muôn ức
 Cõi Thượng phương, các bậc Phạm Thiên
 Thấy đều tự thấy ngạc nhiên
 Cung điện mình ở bỗng liền sáng ra.
 Ánh sáng lạ chói lòa chưa có,
 Lòng vui mừng, hớn hởi, hân hoan,
 Họp nhau đến để chung bàn
 Nhơn duyên gì vậy? Điện vàng chúng ta
 Có ánh sáng rất là hy hữu

Điềm tốt lành hội tụ ở đâu?

Trong chúng có vị đức cao

Tên là **Thi Khí** đứng đầu Phạm Thiên.

Ngài liền bày tỏ kệ tuyên:

Nhơn duyên gì lại có hào quang

Cung điện chúng ta sáng chói chang

Cực điểm oai nghi nghiêm đức độ

Chưa từng ứng hiện cõi Thiên đàng

Tướng mẫu nhiệm đó dường như thế

Ít thấy bao giờ chỗ nghĩ bàn

*Có phải là trời **Đại Đức** sanh*

*Hay là **Phật** hiện chốn nhân gian.*

Bấy giờ, có năm trăm muôn ức

Phạm Thiên Vương các bậc vua Trời

Cùng đồng cung điện chung nơi,

Dùng đũa đựng các hoa trời diệu hương

Đồng thẳng hướng đến phương Hạ giới

Truy tìm ra tướng khởi sáng này

Thấy Đức **Đại Thông Như Lai**

Ngồi tòa Sư Tử giữa ngay đạo tràng,

Cội Bồ Đề nghiêm trang che phủ,

Hàng chư **Thiên** hội tụ đông vầy,

Long Vương tám vị nương mây

Cũng đều có mặt đủ đầy hiện ra,
 Càn Thát Bà với Khẩn Na La
 Nhơn, Phi Nhơn, Ma Hầu La Già ...
 Nói chung, tám bộ cùng là
 Vây quanh cung kính **Phật Đà** nghiêm trang
 Và thấy đủ các hàng Vương Tử
 Mười sáu vị thưa thỉnh ân cần
 Nguyện cầu **Phật** chuyển Pháp luân.
 Cứu trong bốn loại cõi trần đau thương.
 Lúc đó, các vị Thiên Vương
 Đầu mặt cúi lạy dưới chơn Cha lành.
 Trăm nghìn vòng đi quanh thân **Phật**
 Rải hoa trời thơm ngát hương màu
 Hoa rải như núi Diệu Cao
 Trên thân Đức **Phật** sắc màu tỏa hương,
 Cội Bồ Đề cúng dường ưng nguyện
 Đều cùng đem cung điện dâng lên
 Bạch rằng: “*Với đấng bề trên*
Đoái thương lợi ích chúng Thiên thỉnh cầu
*Xin **Phật** thọ nạp cung lầu*
Tùy nghi sử dụng đê đầu kính mong”. (lạy)
 Các Thiên Vương một lòng đồng tiếng
 Trước Đức **Phật** đồng nguyện kệ khen:

Hay thay! Các **Phật** ra đời
Thánh Tôn cứu thế chẳng rời quần sanh
Ngục Tam giới Pháp lành ban rải
Độ chúng sanh muôn loại an nơi
Thiên Nhơn Tôn trí rạng ngời
Thương xót nhân loại cảnh đời tối tăm
Nước Cam lộ thậm thâm rưới khắp
Rộng muôn phương vạn vật tươi nhuần
Luống qua vô lượng kiếp trần
Như Lai xuất hiện một lần thế gian.
Không có **Phật** khai đàn mở lối
Mười phương thường mờ tối tâm lòng,
Ba đường ác dữ thêm đông,
Tu-La cũng thịnh khắp trong cõi trần,
Các chúng Trời phước dần càng bớt
Chết cũng nhiều đọa lạc khổ sâu
Chẳng theo **Phật**, nghe Pháp mầu
Thường làm những việc đâu đâu bất lành,
Sắc tướng suy, giảm nhanh trí lực
Các việc trên của bậc chư Thiên
Vì phạm tội nghiệp kém duyên
Không còn tin tưởng vui riêng cõi Trời,
Pháp tà kiến khó rời trí não,
Chẳng biết tri chánh đạo lợi hành

Nhờ ân **Phật** hóa độ thành
Thoát ra ác đạo, căn lành trưởng tăng.

Phật là mắt sáng của đời ta
Lâu lắm rồi nay mới hiện ra
Vì xót thương trần trong cảnh khổ
Nên nguyện xuất thế cõi Ta bà
Đạo mẫu siêu việt hằng khai hóa
Trí huệ khôn lường thấy biết xa
Tất cả chúng con và chúng khác
Chưa từng vui trọn kiếp lâu qua.

Cung điện chúng con sáng chói chang
Nường nhờ oai lực ánh hào quang
Nay đem dâng **Phật** tùy cơ dụng
Thương nhận Từ Bi đức bố ban
Xin nguyện hưởng hồi trong Pháp giới
Khắp cùng tất cả cõi trần gian
Chúng con cùng với chúng sanh khác
Phật đạo đều thành thoát khổ than.

Kệ khen Đức **Phật** vừa xong,
Năm trăm muôn ức vị đồng Phạm Vương
Bạch **Phật** xin hãy đoái thương
Pháp luân mau chuyển khai đường độ sanh
Ban rải mưa pháp an lành

Nhiều chỗ độ thoát đắc thành đạo viên.

Lúc ấy, các vị Phạm Thiên

Một lòng đồng tiếng nói lên kệ rằng:

Kính bạch **Thế Tôn** chuyển Pháp Luân
 Cam Lộ nhuần gội khắp dương trần
 Đánh vang trống Pháp xua tằm tối
 Giọng tiếng từ bi tỉnh thế nhân
 Cứu độ chúng sanh qua bể khổ
 Mở đường an lạc rộng nguồn chân
 Cúi mong Đức **Phật** xin thương nhận
 Chỉ Pháp Đại Thừa Vô Thượng năng. (lay)

11. Bấy giờ, Đức **Phật Như Lai**

Đại Thông Trí Thắng nhận ngay thỉnh cầu.

Mười sáu vị Công hầu Vương tử,

Phạm Thiên Vương đầy đủ vị ngôi.

Pháp luân **Phật** chuyển tức thời,

Ba phen diễn thuyết tuyệt vời rộng sâu.

Mười hai hành đạo mâu Tứ Đế^(*),

Hoặc Sa Môn hoặc Bà La Môn,

Hoặc Trời, Ma, Phạm, thế gian.

Đều không thể chuyển hoàn toàn được đâu:

^(*) *Mười Hai Hành Đạo Mâu Tứ Đế*: Còn gọi: *Thập Nhị Hành Tướng Tứ Đế*. Xem Thích nghĩa văn T.

- Đây là **Khô**, đây là Khô **Tập**,
 Đây Khô **Diệt**, đây **Đạo** Diệt Khô.
- **Khô** nên biết, **Tập** nên dứt,
Diệt nên chứng, **Đạo** nên tu.
- **Khô** biết rồi, **Tập** dứt rồi,
Diệt chứng rồi, **Đạo** tu rồi.

Ba lần **Tứ Đế** cộng thành mười hai.

- Và rộng nói Pháp bày kế tiếp:
Thập Nhị Nhơn Duyên thuyết như sau:
- **Vô minh** duyên **Hành**,
 Hành duyên **Thức**,
 Thức duyên **Danh Sắc**,
 Danh Sắc duyên **Lục Nhập**,
 Lục Nhập duyên **Xúc**,
 Xúc duyên **Thọ**,
 Thọ duyên **Ái**,
 Ái duyên **Thủ**,
 Thủ duyên **Hữu**,
 Hữu duyên **Sanh**,
 Sanh duyên **Lão, Tử**, ưu bi, khổ não.
- **Vô minh** diệt thời **Hành** diệt,
 Hành diệt thời **Thức** diệt,
 Thức diệt thời **Danh Sắc** diệt,

Danh Sắc diệt thời **Lục Nhập** diệt,
 Lục Nhập diệt thời **Xúc** diệt,
 Xúc diệt thời **Thọ** diệt,
 Thọ diệt thời **Ái** diệt,
 Ái diệt thời **Thủ** diệt,
 Thủ diệt thời **Hữu** diệt,
 Hữu diệt thời **Sanh** diệt,
 Sanh diệt thời **Lão,Tử**, ưu bi, khổ não diệt. (lay)

Ở trong đại chúng Trời, người
 Đức **Phật** nói Pháp đó thời vừa xong,
 Liền đã có sáu trăm muôn ức
 Na Do Tha người thật ngộ tri
 Tất cả Pháp Không thọ trì
 Ở trong các lậu, tâm thì mở ra
 Đặng Thiên định sâu xa Trí đạo
 Ba món minh và sáu món thông
 Đủ tám giải thoát viên đồng.
Phật Đà diễn thuyết đã xong lần đầu.
 Ba lần sau có nghìn muôn ức
 Hằng hà sa đủ bậc chúng sanh
 Tất cả Pháp Không thọ hành
 Rõ nơi các lậu, tâm lành mở mang.
 Từ đây về sau hàng các chúng

Bậc **Thanh Văn** chứng cũng vô biên
 Không thể số tính lưu truyền
 Thật là Pháp **Phật**, nhưn thiên khó bì. (lạy)

12. Bấy giờ, mười sáu vị Vương tử
 Tuổi còn nhỏ cầu tự xuất gia
 Thọ **Sa Di** (*) theo **Phật Đà**
 Các căn lanh lợi thật là thông minh
 Trí sáng suốt thấy nhìn sự thật
 Thường cúng dường các bậc **Như Lai**
 Trăm nghìn muôn ức không sai
 Tịnh tu *Phạm hạnh* tháng ngày luyện trau
 Luôn cầu đạo tối cao Vô Thượng
 Ngôi Chánh Đẳng Chánh Giác trọn phần
 Điều cùng bậc **Phật** thưa rằng:
 “**Thế Tôn!** Đại Đức **Thanh Văn** các hàng
 Đều thành tựu vô vàn muôn ức
 Người được đạo chứng thật khó lường.
 Cúi xin Đức **Phật** xót thương
 Mở lòng bi mẫn ban ơn cho đời.
 Nay chúng con thỉnh mời Đức **Phật**
 Vì chúng con nói Pháp siêu mầu
 Vô Thượng Chánh Đẳng cao sâu

(*) *Sa Di*: Xem phần Thích nghĩa.

Nghe xong phát nguyện đồng tu, đồng hành.

Thế Tôn!

Chúng con chí mong thành nguyện cả

Đắc tri kiến **Phật quả Như Lai**

Nghĩ tưởng trong tâm hiện nay

Đức **Phật** tự chứng biết ngay tận tường”. (lay)

Lúc đó, **Chuyển Luân Thánh Vương**

Đồng đến lễ **Phật**, gia đường rất đông

Đều đã thấy nhìn trông sự thật

Mười sáu vị con **Phật** xuất gia

Có tám muôn ức người nhà

Xin vua chấp thuận ly gia tu trì

Vua liền phê chuẩn y lời nguyện

Đều cho cả gia quyến quy y.

Bấy giờ, Đức **Phật** từ bi

Nhận lời thỉnh của Sa Di mong cầu,

Qua hai muôn kiếp đời sau

Trong hàng bốn chúng giảng sâu Đại Thừa

Tên là: “**Diệu Pháp Liên Hoa**

Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm”. (lay)

Đức **Phật** thuyết Kinh đó xong,

Sa Di mười sáu vị đồng thọ tin

Vì đạo Vô Thượng quang minh

Điều đồng trì tụng nghĩa Kinh thuộc lòng
 Am tường rõ ráo hiển thông
Thanh Văn cũng có người trồng đức tin.
 Ngoài ra, có muôn ức nghìn
 Hoặc nhiều các loại chúng sinh nghi lầm
 Sanh lòng vọng chấp mê tâm
 Cho nên phải chịu đoạn mầm thiện duyên.
Phật thuyết Kinh đó lưu truyền
 Suốt tám nghìn kiếp luân phiên không rời.
Phật thuyết Kinh đó xong thời,
 Liền vào tịnh thất trụ nơi định thiền
 Tám muôn bốn nghìn kiếp yên
 Không hề mỗi một an nhiên tọa thiền. (lay)

13. Bảy giờ, **Bồ Tát** Sa Di

Có mười sáu vị thường tùy **Thế Tôn**
 Biết **Phật** nhập thất tịnh môn
 Trụ trong thiền định an tồn lâu xa
 Mỗi vị đều lên *Pháp Tòa* (*)
 Vì bốn bộ chúng **Pháp Hoa** nghĩa bày
 Tám muôn bốn nghìn kiếp nay
 Rộng thuyết phân biệt Kinh này sâu xa.
 Mỗi vị đều độ Hằng hà

(*) *Pháp Tòa*: Xem phần Thích nghĩa.

Sáu trăm muôn ức giác tha đủ loài
 Chỉ dạy cho chúng huệ khai
 Phát tâm Vô Thượng đến ngày liễu viên. (lay)

14. **Đại Thông Trí Thắng** như nguyên

Trú trong đại định đại thiên lâu xa
 Tám muôn bốn nghìn kiếp qua
 Từ nơi Tam muội bước ra cửa thiền
 Pháp tòa tịnh tọa an nhiên
 Bảo hàng đại chúng chư hiền nghe đây:
 “Mười sáu vị **Bồ Tát** này
 Thật là cao quý căn dày thông minh
 Trí huệ tròn đủ nguyên tin
 Đã từng cứu độ chúng sinh vô vàn
 Cúng dường vô lượng muôn ngàn
 Ưc số Đức **Phật** mười phương khó lường
 Ở chỗ các Đức **Phật** thường
 Tu hạnh thanh tịnh chẳng vương nhiễm trần
 Thọ trì **Phật trí** thật chân
 Chỉ dạy sanh chúng đạo phần vào trong.
 Các ông phải trọn hết lòng
 Luôn luôn gần gũi gắng công cúng dường.

Vì sao?

Nếu trong hàng **Thanh Văn, Duyên Giác**

Cùng các bậc **Bồ Tát** hiện nay
 Có thể tin nhận Pháp này
 Của mười sáu vị diễn bày rộng sâu
 Thọ trì không mất dài lâu
 Thời người đó đặng đạo mầu chẳng sai
 Vô Thượng Đẳng Giác không hai
 Trí huệ viên mãn **Như Lai** đạt thành”. (lạ)

15. **Phật** bảo này các Tỳ Kheo!
 Nương vào Pháp **Phật** giác treo gương lành.
 Mười sáu vị thường hành **Bồ Tát**
 Ưa nói Kinh **Diệu Pháp Liên Hoa**
 Sáu trăm muôn ức kiếp qua
 Chúng sanh vô số Hằng sa đông vầy
 Của mỗi vị này đây hóa độ
 Đời đời sanh một chỗ ở chung
 Với **Bồ Tát** đến tột cùng
 Tin theo *diệu Pháp* ^(*) trọn lòng trước sau.
 Nhờ như duyên gieo sâu mà đặng
 Gặp bốn mươi ức **Phật Thế Tôn!**
 Đến nay vẫn mãi thường tồn
 Chẳng bao giờ ngắt như duyên đó kia.
 Các Tỳ Kheo! Nghe qua thấu đạt

(*) *Diệu Pháp*: Xem phần Thích nghĩa.

Mười sáu vị **Bồ Tát** Sa Di

Đệ tử **Trí Thắng** Đại Bi

Đều đặn chứng đắc vô vi Niết Bàn

Ngôi Vô Thượng vào hàng Đẳng Giác,

Hiện đương thời hoàng pháp xiển dương

Trong cõi nước ở mười phương,

Có vô lượng trăm nghìn muôn ức người,

Hàng **Thanh Văn** hay thời **Bồ Tát**

Đều lấy làm quyến thuộc thân bằng.

Tiếp theo **Phật** lại nói rằng:

- Sa Di hai vị đắc phần phương Đông

Thành **Phật quả Thế Tôn** Lương Túc:

- Vị thứ nhất A **Súc** ^(*) hiệu danh

Ở nước **Hoan Hỷ** vui lành

Thường thuyết Pháp độ chúng sanh Hằng hà.

- Vị thứ hai là **Tu Di Đảnh**

Quả **Phật** thành Đại Thánh **Như Lai**.

- Phương Đông Nam cũng có hai

Sa Di **Bồ Tát** hiện nay **Phật** thành:

- **Sư Tử Âm** hiệu danh thứ nhất,

- **Sư Tử Tướng** là bậc thứ hai.

- Phương Nam làm **Phật** hai Ngài

^(*) A **Súc**: Gọi đầy đủ: A **Súc Phật**. Xem phần Thích nghĩa.

Sa Di **Bồ Tát** danh bay Ta bà.

- Vị thứ nhất là **Hư Không Trụ,**
 - Vị thứ nhì **Thường-Diệt Phật** danh.
- Phương Tây Nam quả đạo thành

Sa Di hai vị xứng danh **Phật Đà.**

- Vị thứ nhất tên là **Đế Tướng,**
- Vị thứ hai **Phạm Tướng** danh bay.

- Hai vị làm **Phật** phương Tây:

- **Di Đà** (*) đệ nhất nguyện dày sâu xa,
- Vị đệ nhị tên là **Độ-Nhứt-Thiết-Thế-Gian** giảng đạo độ sanh.

- Phương Tây Bắc chứng hiệu danh

Làm **Phật** hai vị độ sanh Trời, người.

- Vị thứ nhất tên thời thường nguyện **Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Thần Thông.**
- Vị thứ hai đặc quả xong,

Hiệu **Tu-Di-Tướng Phật** đồng tánh danh.

- Ở phương Bắc, **Phật** thành hai vị:

- **Vân-Tự-Tại** vô úy **Như Lai,**
- **Vân-Tự-Tại-Vương** thứ hai

Đời đời độ thoát muôn loài Hăng sa.

- Phương Đông Bắc, **Phật Đà** một vị:

(*) *Di Đà (Phật)*: Gọi đầy đủ: *A Di Đà Phật*. Xem phần Thích nghĩa.

• **Hoại Nhứt Thiết Bồ Úy Thế Gian.**

◎ Vị mười sáu rốt rõ ràng
 Làm **Phật** cõi nước thế gian Ta bà
 Thành Vô Thượng **Phật Đà Đẳng Giác**
 Hiệu *Thích Ca* (*) đạo đạt toàn năng.

Các Tỳ Kheo có biết chằng
 Chúng ta lúc đó vào hàng Sa Di
 Thường giáo hóa duy trì **Phật đạo**
 Điều tín theo Pháp bảo sâu duyên
 Những chúng sanh đó hiện tiền
 Có người trụ bực Thánh hiền **Thanh Văn**.
 Pháp Vô Thượng chí chân toàn giác
 Độ chúng sanh giải thoát khôn lường
 Đáng dùng Pháp đó thọ nường
 Lăn vào **Phật đạo** một đường không hai.

Vì sao?

Vì trí huệ **Như Lai** khó hiểu,
 Ít có người tin chịu nghe qua
 Chúng sanh vô lượng Hằng hà
 Thuở đó được độ chính là các ông,
 Chư Tỳ Kheo! Lắng lòng tỉnh ngộ
 Sau khi **Ta** diệt độ Niết Bàn

(*) *Thích Ca*: Xem phần Thích nghĩa.

Thanh Văn đệ tử Phật ban

Trong đời mai hậu không màng kinh đây,
 Hạnh **Bồ Tát** không hay, không biết,
 Tự ở nơi công đức của mình
 Đặng đạo chứng quả Vô Sinh
 Cho là diệt độ chơn minh Niết Bàn.

Ta ở nơi mười phương nước khác
 Làm **Phật** đây cùng các hiệu danh.
 Người đó dầu có lòng sanh
 Tưởng là diệt độ Niết Bàn liễu viên,
 Nhưng ở nơi cõi kia lại khác
 Cầu trí huệ đạo đạt **Như Lai**,
 Được nghe kinh Pháp nghĩa này,
Phật thừa diệt độ không hai Thừa nào,
 Trừ các Đức **Như Lai** phù hạp
 Dùng phương tiện nói pháp cơ nghi.

Các Tỳ Kheo! Hãy nhớ ghi
 Đức **Phật** tự biết thấu tri rõ ràng
 Sắp đến giờ Niết Bàn viên tịch
 Tâm chúng nên thanh tịnh nghiêm trang
 Lòng tin bền chắc vững vàng,
 Pháp Không rõ thấu hoàn toàn chơn nguyên,
 Vào chánh định trí thiền sâu lắng

Bèn nhóm hàng **Bồ Tát Thanh Văn**

Vì chúng rộng thuyết kinh năng.

Phật thừa diệt độ chắc rằng không hai.

Các Tỳ Kheo, hôm nay nên rõ!

Đức **Như Lai** thấu tỏ ngọn ngành

Phương tiện quyên dụng độ sanh

Căn tánh thấp kém, Pháp hành nhỏ ưa

Rất ham vui chẳng chừa năm dục

Phật tùy nghi diễn mục Niết Bàn

Hạng người này khắp thế gian

Nếu nghe liền đặng hoàn toàn nhận tin. (lạ)

16. Ví như đường gập ghềnh hiểm trở

Nhiều nạn tai đang ở bên lưng

Trải dài năm trăm do-tuần

Không người, hoang vắng núi rừng thâm u

Đoàn người đi mặc dù đông đúc

Nhưng trong lòng không lúc nào an

Muốn qua trọn hết con đường

Mục tiêu phải đến kho tàng báu châu,

Có một vị Đạo Sư sáng suốt

Biết rõ rành thông thuộc lối đi

Dắt chúng như vượt hiểm nguy

Bền lòng gắng sức duy trì dẻo dai

Chí kiên nhẫn không nài gian khó
 Tâm nguyện đây gắn bó không rời
 Ngặt vì trong chúng biếng lười
 Giữa đường thối chuyển bạch thời Đạo Sư:
*“Rằng chúng con bây chừ mỗi một
 Lại thêm lo sợ sệt nạn tai
 Đường trước còn lắm xa dài
 Chẳng thể đi nữa nên nay lui về”*.

Vị Đạo Sư cận kề khuyên bảo
 Dùng đủ điều chỉ giáo chúng nhờn
 Nghĩ thâm bọn này đáng thương
 Châu báu cam bỏ giữa đường muốn lui.
 Vị Đạo Sư thế rồi dùng sức
 Phương tiện bày nguyện lực độ sanh
 Hóa ra làm một cái thành
 Ở nơi đường hiểm ba trăm do tuần.
*“Bảo chúng nhờn rằng đừng lo sợ
 Mà quay về dang dở uổng công
 Vào thành đừng nghĩ yên lòng
 Tùy ý ưa muốn chẳng hòng nguy nan
 Nếu có thể thẳng đường thuận bước
 Đến kho tàng cũng được không sao”*.

Chúng nhờn nghe thấy vui nào

Lòng đang mỗi mệt dưỡng bao nhọc nhần,
 Rất hoan hỷ khen chưa từng có
 Chúng ta nay gian khó vượt qua
 Tưởng rằng đã hết tai ba
 Nào ngờ thành nợ biến ra tạm dừng.
 Thấy chúng nhờn qua cơn mỗi mệt
 Vị Đạo Sư liền biến mất thành
 Chỉ dùng tạm trú an lành
 Nào đâu có thật mà sanh vui mừng.
*“Các người nên thẳng đường đi tới
 Chỗ báu châu cũng ở gần đây
 Chớ vì ôm chấp thành này
 Do Ta biến hóa hiện bày mà thôi”.*

Các Tỳ Kheo! **Phật** thời cũng thế,
 Vì các ông không nệ trí như
 Hiện thân làm Đại Đạo Sư
 Dẫn đường chỉ lối đưa người u mê
 Thấu biết rõ mọi bề sanh tử
 Thông các đường ác dữ hiểm nguy,
 Nạn dài xa, ngăn tường tri
 Lối nào nên bỏ, nên đi an toàn.
 Nếu như chúng theo đường Đức **Phật**
 Mà chỉ nghe có một **Phật Thừa**
 Trong lòng chẳng muốn thích ưa

Thấy **Phật** tâm lại ngại giữa nghi nan.

*“Đạo **Phật** dài khổ kham cần mẫn
Mới có thể đạt đặng viên thành”.*

Phật biết rõ tâm chúng sanh

Khiếp nhược, hạ liệt, căn lành không sâu

Dùng phương tiện sức mầu hóa độ

Cho chúng nhơn vào chỗ định an

Nên nói hai món Niết Bàn

Nhị Thừa **Duyên Giác** và hàng **Thanh Văn**.

Nếu chúng sanh trụ nơi hai bậc ,

Đức **Như Lai** sự thật khuyến mong

Chỗ tu các ông chưa xong

Chỉ gần trí huệ viên thông **Phật** thành,

Phải quan sát thấu rành giả thật,

Đừng chấp vào hai bậc Niết Bàn

Đã đặng nhưng chẳng hoàn toàn

Chỉ là phương tiện của hàng **Như Lai**.

Một **Phật** thừa phân ba Thừa vậy,

Như Đạo Sư kia đấy khác gì

Hóa thành ứng biến tùy nghi

Đường dài tạm nghỉ bớt đi nhọc nhằn.

Xong rồi bảo chúng rằng tiếp bước

“Chỗ châu báu gần được đến nơi

*Thành này không phải thiệt thời
Do Ta biến hóa làm nơi nghỉ dừng”.*

Đức **Thế Tôn** muốn tuyên lại nghĩa
Chỗ chỉ bày mà nói kệ rằng: (lay)

17. **Đại Thông Trí Thắng Phật** minh quang
Mười kiếp ngồi yên nơi *đạo tràng*
Phật pháp bây giờ chưa hiển hiện
Quyết cầu **Phật đạo** độ trần gian.

Các Trời, Thần, Long Vương
Hằng rưới hoa cúng dường
Phật Đại Thông Trí Thắng
Chư Thiên đánh trống thường .

Trỗi vang các kỹ nhạc
Gió thơm thổi hoa hương
Úa héo thay hoa mới
Quá mười kiếp Tiểu trường.

Đại Thông Trí Thắng Như Lai!
Mới đặng thành **Phật** phước dày trí sâu.

Các Trời, người cúi đầu hoan hỷ
Lòng vui mừng hơn hở khen thay!

Mười sáu người con **Phật** ngài
Đều cùng quyến thuộc nghìn muôn ức người

Vây quanh **Phật** hết lời ca tụng
 Lạy dưới chơn **Ứng Cúng Thế Tôn!**
 Thỉnh cầu **Phật** chuyển Pháp luân
 Đấng Thánh Sư sớm gọi nhuần hồng ân
 Lợi các con, lợi phần tất cả
 Đức **Như Lai** hỷ xả chứng thời
 Lâu xa mới hiện trong đời
 Đại nguyên giác ngộ chẳng rời quần sanh
 Làm chấn động an lành mười cõi
 Các thế giới sáng chói điện cung
 Năm trăm muôn ức phương Đông
 Hào quang rực chiếu chưa từng xảy ra.
 Phạm Thiên Vương thấy xa hiểu rộng
 Biết tướng này điềm tốt lạ thường
 Liên đến chỗ **Phật** cúng dường
 Dâng lên cung điện xin thương thế trần
 Đồng thỉnh **Phật** Pháp luân thường chuyển
 Nói kệ bày nức tiếng ngợi khen
Phật biết chưa đến giờ bèn
 Nhận thỉnh im lặng ngồi yên đạo tràng
 Trên cùng dưới ba phương bốn phía
 Rưới hoa mầu cung điện nạp dâng
 Thỉnh cầu **Phật** chuyển Pháp luân
“Thế Tôn rất khó trong trần hiện ra

Vì bốn nguyện **Phật Đà** cứu khổ
 Rộng mở cửa Cam Lộ rưới ban
 Dụm nhuần cho khắp thế gian
 Chuyển Pháp Vô Thượng độ an trời, người”. (lay)

18. **Thế Tôn** Vô Thượng huệ viên minh
 Nhân chúng sanh cầu nguyện thỉnh xin
 Rộng nói thuyết bày nơi các Pháp
 Sâu dày bốn Đế liễu y kinh
 Chỉ truyền Thập Nhị môn hoàn diệt
 Phá chỗ tối tăm đoạn tử sinh
Duyên Giác quyền thừa nên biết rõ
 Các ông hết dạ phải nguyện tin.

Phật tuyên nói Pháp đó rồi
 Sáu trăm muôn ức người người ngộ sâu
 Đặng hết các sự khổ âu
 Thành A La Hán đạo mầu lành thay!
Phật thời thuyết Pháp lần hai
 Hằng sa sanh chúng muôn loài ngộ duyên
 Ứng thọ các Pháp hiện tiền
 Chứng A La Hán chơn nguyên hoàn toàn.
 Từ sau đó, đặng đạo vàng
 Số đông vô lượng không bàn nghĩ suy
 Muôn ức kiếp, khó tính tri

Không thể thấu biết tế vi số lường
 Bảy giờ, mười sáu vị vương
 Xuất gia nối chí **Phật đường** Sa Di
 Cũng đồng thỉnh **Phật** trụ trì
 Diễn nói Chánh Pháp xuất ly tục phàm.

*“Chúng con cùng quyến thuộc kham
 Sẽ thành **Phật đạo** vào hàng **Như Lai**
 Nguyên như **Thế Tôn** không sai
 Huệ nhãn bậc nhất chứng ngay nơi lòng”.*

Phật biết Đồng Tử các ông
 Chỗ làm đời trước vun trồng thiện căn
 Dùng vô lượng Pháp chánh căn
 Nhân duyên, Thí dụ, sáu phần Ba La,
 Thần thông biến hiện sâu xa
 Phân biệt các Pháp thật là thiện chân
 Đạo của **Bồ Tát** làm nhân
Pháp Hoa giảng thuyết, kệ văn Hằng hà.

Đại-Thông-Trí-Thắng Phật Đà
 Chuyển kinh vừa dứt vào tòa nhập quang
 Tám muôn bốn nghìn kiếp an
 Ngồi nơi một chỗ trí thoàng định yên.
 Biết **Phật** đây chưa xuất thiên
 Sa Di các vị tâm nguyện độ sinh
 Rộng nói **huệ Phật** quang minh

Pháp tòa mỗi vị thuyết kinh nghĩa này.

Thay **Phật** giáo hóa tuyên bày

Mỗi vị đều độ chủng loài Hằng sa.

Sau khi **Phật** diệt độ mà

Những người nghe Pháp **Liên Hoa** đó thành

Ở nơi các cõi **Phật** danh

Thường với Thầy được hóa sanh chung cùng.

Mười sáu Sa Di trọn lòng

Đầy đủ tu **Phật** đạo thông chân thường

Hiện nay đang ở mười phương

Đặng ngôi Chánh Giác thọ trường vĩnh miên.

Người nghe Pháp thưở trước tiên

Đều ở chỗ các **Phật** duyên trọn phần,

Có người trụ bậc **Thanh Văn**

Lần dạy **Phật** đạo chúng nhân hưởng nhờ.

Sa Di mười sáu số thời

Ta đây sau cuối vì đời rộng duyên

Luôn dùng phương tiện thừa quyền

Dẫn dắt sanh chúng đại nguyên thành công

Do bốn nhưn duyên gieo trồng

Pháp Hoa Kinh chuyển nối dòng ngàn sau

Khiến người vào **Phật** đạo mau

Chớ có kinh sợ **Ta** nào gạt ai.

(lay)

19. Ví như đường hiểm quá dài
 Không người lai vãng nhiều loài hổ lang,
 Không có cỏ, nước, hoang tàn
 Chốn này ghê sợ tai nạn họa lây
 Vô số nghìn muôn chúng đây
 Muốn qua đường hiểm chốn này khó khăn
 Xa vời khúc khủy trở ngại
 Tính ra độ khoảng năm trăm do-tuần.
 Bấy giờ, có một Đạo Sư
 Nhớ dai trí huệ phước dư hơn người
 Quyết định sáng suốt mọi nơi
 Đường nào nguy hiểm chỉ người qua trông
*“Mọi người mệt mỏi lo buồn
 Bạch Sư: Ồi hỡi! Lòng con muốn về”*.
 Đạo Sư nghĩ thấu mọi bề
 Bọn này chướng nghiệp nặng nề đáng thương!
 Làm sao lui bước giữa đường
 Cam mất trần bửu chi dường lớn lao.
 Liên nghĩ phương tiện trước sau
 Thần thông biến hiện lâu dài thành kia
 Trang nghiêm đẹp đẽ cửa nhà
 Bốn bề đều có vườn hoa núi rừng
 Sông ngòi, ao tắm trong ngần
 Cửa lớn, lầu gác cao tầng ngút mây

Trai, gái đều ở đông vậy.
 Hóa ra thành đó đủ đầy tiện nghi
 An ủi chúng chớ sợ chi
 Các người vào nghỉ mệt thì dừng chơn
 Được vừa ý muốn thiệt hơn
 Vào thành mắt thấy tận tường không sai
 Mọi người vui dạ bằng nay
 Đều sanh lòng tưởng an bày nơi đây
 Tự nói đã được độ rày
 Đạo Sư thấy biết bao ngày nghỉ xong
 Nhóm chúng lại mà bảo rằng:
*“Các người đi tiếp sắp gần đến nơi
 Đây là chỉ hóa thành thôi
 Thấy các người mệt muốn lui giữa đường
 Nên dùng bày cách tiện hơn
 Ta hóa thành đó làm phương nghỉ dừng
 Các người cố gắng tinh cần
 Mau đồng đến chỗ báu trân hưởng phần”.* (lạy)

20. **Ta** cũng như vậy chẳng khác sai
 Đạo Sư của tất cả muôn loài
 Những người cầu đạo tâm lười mỏi
 Thấy kẻ tu hành biếng nhác thay
 Không thể vượt qua đường hiểm dữ

Khó lìa phiền não chỗ nản tai
 Nên dùng phương tiện nơi an nghỉ
 Mà nói Niết Bàn lập có hai.

Rằng các người hôm nay khổ diệt
 Chỗ tu hành tự biết đã xong,

Niết Bàn diệt độ nơi lòng

Đều chứng La-Hán thoát vòng phàm phu.

Giờ **Phật** nhóm gom thâu đại chúng

Vì thế gian Pháp dụng thật chân

Phương tiện các **Phật** tùy nhân

Duyên do độ chúng biệt phân ba Thừa,

Thật ra chỉ **Phật thừa** có một

Chỗ nghỉ dừng nên nói thành hai.

Phật đây vì chúng thiệt bày

Diệt độ chưa phải, nghĩ sai lỗi người

Nhất Thiết Trí **Phật** thời rớt ráo

Nên phát nguyện cầu đạo đồng tin

Người chứng Nhất Thiết Trí linh

Mười lực **Phật pháp** quang minh trong đời

Ba mươi hai tướng thời đầy đủ

Đó mới là diệt độ thật chơn,

Chư **Phật** Đạo Sư chúng nhưn

Niết Bàn tạm chứng làm phương nghỉ dừng

Hãy tiếp bước con đường chân thật

Dẫn vào nơi **huệ Phật** viên dung./ (lạy)

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)
- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 3 (Hết)



Một tiếng kìn bày **Phật** mở khai
Thần thông giáo hóa độ muôn loài
Rưới nhuần mưa Pháp mầm sinh trưởng
Thấm đượm Trời, người quả phước thay!
Nhà rộng lớn thành Phương Tiện nghĩ
Niết Bàn tạm chứng nói thành hai
Báu châu trước mặt không xa nữa
Quyền biến hóa đồng chớ nghĩ sai.

- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)
- **Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)

Ba căn gội rửa dưới trên nhuần
Đệ tử nhờ trông **Phật** bố ân
Mới biết Hóa Thành do biến hiện
Không còn vọng tưởng chấp làm chân
Lại xem **Trí Thắng** nơn duyên rộng
Thấu rõ **Đại Thông** đức độ nhân
Mười sáu Vương Tôn đều tự tại
Tám phương chứng đặc hiện kim thân.

- **Nam Mô Đại Thông Trí Thắng Phật.** (3 lần)

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
(QUYỂN 4)



- **PHẨM “NGŨ BÁ ĐỆ TỬ THỌ KÝ”, Thứ 8**
- **PHẨM “THỌ HỌC VÔ HỌC NHƠN KÝ”, Thứ 9**
- **PHẨM “PHÁP SƯ”, Thứ 10**
- **PHẨM “HIỆN BỬU THÁP”, Thứ 11**
- **PHẨM “ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA”, Thứ 12**
- **PHẨM “TRÌ”, Thứ 13**

**“Đời Diêu Tần Ngài Tam Tạng Pháp Sư
CƯU MA LA THẬP vưng chiếu dịch”**



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA (QUYỂN 4)



PHẨM “NGŨ BÁ ĐỆ TỬ THỌ KÝ” (Thứ Tám)

1. Lúc bảy giờ, Ngài *Mãn Từ Tử* ^(*)!
Đặng nghe qua thật ngữ **Như Lai**.
Từ nơi Đức **Phật** thuyết bày
Trí huệ phương tiện biện tài cơ nghi,
Lại thọ ký các vì đệ tử
Phật đạo thành đắc dự **Thế Tôn**.
Lại nghe các việc lưu tồn
Nhân duyên đời trước gieo trồng sâu xa,
Cũng lại được nghe qua các **Phật**
Có thần thông trí lực phi thường,
Đặng điều chưa có khôn lường
Cõi lòng thanh tịnh vui mừng hân hoan.
Liên từ chỗ đạo tràng đứng dậy

^(*) *Mãn Từ Tử*: Tên gọi khác của Tôn giả *Phú Lô Na*. Xem Thích nghĩa vắn P.

Đến trước **Phật** cúi lạy ơn trên
 Xong rồi đứng qua một bên
 Chiêm ngưỡng tướng tốt dung nhan **Phật** từ
 Mắt không muốn tạm rời dừng nghỉ
 Rồi khởi lên tâm ý thế này:
Thế Tôn rất riêng lạ thay!
 Việc làm ít có không ai sánh bằng
 Thuận chịu theo các căn chủng tánh
 Ở trong đời lập hạnh độ sanh
 Dùng sức phương tiện rõ ràng,
 Tri kiến của **Phật** pháp hành truyền ra.
 Vớt chúng sanh Ta Bà ra khỏi
 Chỗ tham trước buộc trói bấy lâu
 Chúng con đã thọ ân sâu
 Ở nơi công đức nhiệm mầu **Phật** ban
 Không thể dùng muôn ngàn lời nói
 Mà tuyên bày công đức **Như Lai**
 Chỉ có Đức **Phật** biết hay
 Bốn nguyện tâm tưởng sâu dày chúng con. (lạy)

2. Bấy giờ, **Phật** bảo các Tỳ Kheo:
 Các ông thấy **Mãn Từ Tử** chẳng?
Ta thường khen ngợi ông rằng:
 Là người bậc nhứt nặng hoằng Pháp khai

Cũng thường khen ông đầy công đức
 Luôn siêng năng trí lực hộ trì
 Giúp tuyên bày đạo phát huy
 Ròng rạc, xuyên suốt chẳng gì trở ngại
 Có thể dạy trong phần bốn chúng
 Giải thích rành rõ đúng Pháp **Ta**
 Làm nhiều lợi ích sâu xa
 Những người đồng hạnh hiệp hòa tịnh trai.
 Ngoài **Như Lai** không ai sánh đặng
 Tài biện bác cùng tận của ông
Mãn Tử Từ thật hết lòng
 Hộ trì Chánh Pháp khai dòng lý chơn.
 Chẳng vậy thôi ông từng đã ở,
 Nơi chín mươi ức **Phật** lâu xa
 Trợ duyên Chánh Pháp **Phật Đà**
 Nhóm người nói Pháp, ông là bậc cao.
 Ông lại ở Pháp Không Chư **Phật**
 Giảng nói rành chân thật nghĩa mâu
 Đặng *bốn Trí vô ngại* (*) sâu,
 Thường hay suy gẫm đuôi đầu trước sau
 Chắc chắn nói Pháp trao thanh tịnh
 Người được nghe không dính nghi lầm,

(*) *Bốn Trí Vô Ngại (Tứ Trí Vô Ngại)*: Gọi tắt: *Tứ Vô Ngại*. Xem Thích nghĩa văn T.

Thần thông đầy đủ thậm thâm
 Sức nguyên **Bồ Tát** phát tâm rộng dày
 Tùy số thọ mạng đầy tu hạnh
 Thanh tịnh lòng, **Phật tánh** trau tria.

Người đời thuở Đức **Phật** kia
 Đều gọi ông đáng thật là **Thanh Văn**
 Nhưng ông **Mãn** dùng phương tiện đó
 Làm lợi ích cho cả chúng sanh
 Hóa độ vô lượng người lành
 Đến ngôi Đẳng Giác đắc thành đạo viên.
 Ông vì muốn tịnh yên cõi **Phật**
 Nên thường làm một bậc Đạo Sư
 Chuyên môn chỉ dạy cho người
Phật sự bốn nguyện đời đời, như như.

Các Tỳ Kheo! Ông **Từ Tử Mãn!**
 Trong hàng người Pháp giảng thuyết khai.
 Thuở *bấy Đức Phật Như Lai* ^(*)
 Đẳng bậc thứ nhất không ai so bì.
 Nay chỗ **Ta** ông thì cũng vậy,
 Trong hàng người nói Pháp đứng đầu.
Hiền kiếp ^(*) các **Phật** về sau

^(*) *Bấy Đức Phật Như Lai*: Còn gọi: *Quá Khứ Thất Phật*. Xem Thích nghĩa vắn Q.

^(*) *Hiền Kiếp*: Xem phần Thích nghĩa.

Cũng lại bậc nhất không nào khác sai.
 Ông hộ trợ tuyên bày Chánh Pháp
 Của vô biên vô lượng **Phật** thành
 Luôn làm lợi ích quần sanh
 Khiến vào Chánh Giác trọn lành an nơi.
 Vì tịnh cõi **Phật** thời yên lắng,
 Ông siêng năng tinh tấn thường hằng
 Giáo hóa tất cả nhơn dân
 Đạo **Bồ Tát** đặng, lần lần mãn viên.
 Qua vô lượng, vô biên, vô số
 Kiếp về sau ông ở cõi này
 Đắc thành quả vị **Phật** đây
 Vô Thượng Đẳng Giác không hai, hiệu là:

“Pháp-Minh Như Lai Phật Đà!” (*)

Ứng Cúng như nguyện Ta Bà kính tôn,
 Tâm **Thiện Thệ** một lòng độ chúng,
Chánh Biến Tri thể dụng toàn năng,
Minh Hạnh Túc đức vô ngần,
Thế Gian Giải ngộ chơn tâm rõ ràng,
Vô Thượng Sĩ thế gian trên hết,
Bậc Trượng Phu Điều Ngự ai bằng,
Thiên Nhơn Sư đấng Cha lành,

(*) *Pháp Minh Như Lai*: Xem phần Thích nghĩa.

Phật Đà toàn giác, chứng thành **Thế Tôn**. (lạy)

Đức Phật Pháp-Minh Như Lai

Lấy số thế giới rộng dài Tam Thiên
 Nhiều như cát sông Hằng đó vậy
 Mà làm thành cõi **Phật** nghiêm trang,
 Đất bằng bảy báu hoàn toàn
 Không có cao thấp hố hang, núi gò
 Hay khe suối, rạch ngòi chằng chịt,
 Nhà đài bằng ngọc bích báu trân,
 Chư Thiên cung điện ở gần
 Trời, người giao tiếp đặng phần thấy nhau.
 Trong cõi đó không người nào nữ,
 Không có đường ác dữ bất lành.
 Tất cả nhân loại chúng sanh
 Đều do biến hóa mà thành hiện thân,
 Lại không có ái ân dâm dục
 Đặng Pháp *thần thông túc* (*) lớn bao,
 Thân chiếu ánh sáng lâu lâu,
 Tự tại bay lượn trên cao khôn lường,
 Tâm chí niệm chơn thường bền chắc,
 Đức tinh tấn, **huệ Phật** kiêm toàn,
 Thủy đồng đều thân sắc vàng

(*) *Thần Thông Túc*: Cũng gọi: *Thần Túc Thông*. Xem phần Thích nghĩa.

Ba hai tướng tốt tự trang nghiêm mình.

Dân nước đó thường dùng hai món

Thức ăn đều tự chọn như sau:

- Một là, **Pháp Hỷ thực** (*) nào,
- Hai, **Thiên Duyệt thực** (*) nhiệm mầu tâm an.

Có vô lượng muôn ngàn ức số

Na Do Tha **Bồ Tát** quá đông

Đặng sức lớn đủ thần thông,

Bốn Trí vô ngại dụng đồng không sai,

Khéo giáo hóa muôn loài Đạo được

Chúng **Thanh Văn** trong nước **Phật** đây

Tính không đếm đặng số này

Đều được chứng đắc đủ đầy *Ba Minh*,

Sáu Thần Thông tự mình liễu đạt

Chứng *Tám món giải thoát* tinh tường.

Cõi nước **Phật** đó khôn lường,

Công đức thành tựu lớn dường vô biên.

Kiếp tên là **Bửu Minh** đã định

Nước tên là **Thiện Tịnh** báu mầu.

Phật đó vô lượng sống lâu

Chánh Pháp trụ thế thâm sâu vô cùng.

(*) Pháp Hỷ Thực: Xem phần Thích nghĩa.

(*) Thiên Duyệt Thực: Xem phần Thích nghĩa.

Sau khi **Phật** diệt độ chung
 Cả nước dựng tháp trên châu cúng dường.
 Bảy giờ, Đức **Phật** muốn tuyên
 Nghĩa trên chân thật mà khuyên kẻ rằng: (lạy)

3. Các Tỳ Kheo! Hãy lắng nghe đây.
 Đạo của **Phật tử** làm chẳng sai
 Vì khéo học rành phương tiện dụng
 Cho nên không thể nghĩ bàn thay!

Biết chúng sanh thích ưa Pháp nhỏ
 Mà sợ nơi trí lớn nguyện dày.

Cho nên các **Bồ Tát** đây

Duyên Giác thị hiện, làm Thầy **Thanh Văn**

Dùng vô số công năng phương tiện
 Độ các loài giác chuyển chúng sanh.

Tự nói là bậc **Thanh Văn**

Cách nơi **Phật đạo** muôn phần rất xa,
 Giải thoát chúng Hằng sa vô lượng
 Thảy đều được vui hưởng đạo chân.

Dầu ưa nhỏ, chẳng siêng năng

Sẽ khiến tất cả lần lần **Phật** viên

Trong ẩn danh Đại hiền **Bồ Tát**

Ngoài hiện là **Duyên Giác, Thanh văn.**

Ít muốn, sanh tử chẳng gần,

Tự tịnh cõi **Phật** thật chân khôn lường,

Bày ba độc cho người thấu biết,

Lại hiện tướng tà kiến biệt phân.

Đệ tử **Ta** rất chánh nhân

Phương tiện quyền dụng độ dân **Ta** bà.

Nếu **Như Lai** nói ra đủ cả

Các ứng thân hiện hóa trong đời

Chúng sanh nghe đến đó rồi

Đem tâm nghi chấp chắc thời lầm sai. (lạy)

4. **Phú Lô Na** ngày nay thành tự

Do chứa nhiều hội đủ thiện căn

Xưa gần nghìn ức **Phật** thân

Tu hạnh mình nguyện siêng năng thực hành

Tuyên hộ các Pháp lành Đức **Phật**

Vì cầu huệ của bậc tối cao

Ở chỗ Chư **Phật** trước sau

Trong hàng đệ tử đứng đầu bậc trên

Tài học rộng, vững bền sáng suốt

Thuyết Pháp không sợ sệt ngại ngần

Hay khiến sanh chúng vui mừng

Giúp nên **Phật sự** chưa từng tiếc công.

Đã được Pháp thân thông rất lớn

Đủ *bốn Trí vô ngại* quyền năng

Lợi, độn rõ biết các căn
 Dụng Pháp thanh tịnh thường hằng giảng khai
 Diễn xướng nghĩa **Như Lai** chơn thật
 Để dạy truyền nghìn ức chúng ưa
 Khiến trụ vào Pháp Đại thừa
 Tự tịnh cõi **Phật** tâm chưa nghỉ dừng.
 Đời sau cũng cúng dường ứng nguyện
 Vô lượng vô số **Phật Thế Tôn**
 Hộ trợ Chánh Pháp trường tồn
 Tự tịnh cõi **Phật** tâm hồn an nhiên
 Thường dùng các biến quyền phương tiện
 Nói Pháp Không điều luyện tinh chuyên
 Độ chúng khó kể vô biên
 Thành *Nhứt Thiết Trí* đại thiên không hai
 Cúng dường các **Như Lai** đặc đạo
 Hộ trì tạng Pháp bảo lâu xa.
 Sau đó đặng thành **Phật Đà**
Thế Tôn danh hiệu gọi là **Pháp-Minh**
 Nước **Thiện Tịnh** chúng sinh an lạc,
 Bảy thứ báu kết đặt hiệp thành,
 Kiếp tên là hiệu **Bửu Minh**,
 Vô số **Bồ Tát** độ sinh đông vầy,
 Nhiều đến nỗi không tày tính đặng,

Sức thần thông *Pháp nhãn* (*) vô biên,
 Oai đức đầy đủ trang nghiêm
 Khắp cùng cả nước **Thanh Văn** khôn lường,
 Đạt *Ba minh*, *Tám đường giải thoát*,
 Đặng *Bốn trí vô ngại*, vô ngăn,
 Dùng hạng này để làm Tăng.
 Chúng sanh cõi đó đoạn phần ái ân,
 Thuần biến hóa sanh thân như ý,
 Tự trang nghiêm hội đủ tướng lành,
 Thức ăn hai món cao thanh
Pháp Hỷ, *Thiền Duyệt* chẳng sanh khác thời.
 Cõi nước đó không người làm nữ,
 Cũng không đường ác dữ nản tai.
Phú Lô Na Tỳ Kheo đây
 Khi công đức đủ trọn đầy nguyện viên
 Được *Tịnh Độ* (*) an nhiên Cực Lạc
 Chúng Hiền Thánh đạo đạt rất đông
 Vô lượng việc như thế xong,
 Nay **Ta** chỉ nói lược thông mọi điều. (lạ)

5. Bấy giờ, một nghìn hai trăm vị
 A La Hán bậc trí huệ đây
 Tâm tự tại, nghĩ như vậy:

(*) *Pháp Nhãn*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Tịnh Độ*: Xem phần Thích nghĩa.

“Chúng ta nghe **Phật** thuyết bày **Pháp** hay

Lòng vui mừng xưa nay chưa có

Nếu **Thế Tôn** đều thọ ký cho

Như các đệ tử lớn đây

Đồng thành **Phật quả** lòng này vui thay!”

Đức **Phật** thấu biết ngay tâm niệm

Của các vị ước nguyện khởi lành.

Nên bảo **Ca Diếp** nghe rành:

“**Ta** sẽ thọ ký một nghìn hai trăm

A La Hán hiện tiền thứ tự

Đặng thành **Phật** Vô Thượng Đại Từ.

Trong đó có **Kiều Trần Như**

Thực hiện bốn nguyện cúng dường sáu muôn

Hai nghìn ức **Thế Tôn** Đức **Phật**

Sau đắc thành quả **Phật** không sai

Hiệu là: “**Phổ-Minh Như Lai** !”^(*)

Ứng Cúng công đức không ai sánh bằng,

Chánh Biến Tri thường hằng thấu biết,

Minh Hạnh Túc vốn thiệt tròn đầy,

Thiện Thệ nguyện lớn sâu dày,

Thế Gian Giải ngộ chỉ bày chân tâm,

Vô Thượng Sĩ pháp thân tịnh diệu,

^(*) **Phổ Minh Như Lai**: Xem phần Thích nghĩa.

Bậc **Trượng Phu Điều Ngự** độ sanh,
Thiên Nhân Sư đấng Cha lành,
Phật Đà toàn giác, đắc thành **Thế Tôn**. (lay)

Năm trăm vị thọ đồng kế tiếp:
Ông Ưu Lô Ca Diếp Tần Loa,
Tỳ Kheo Ca Diếp Đà Gia,
Na Đề Ca Diếp, cùng là *Ca Lưu* (*),
A Nậu Lô Đà, Ưu Đà Di (*),
Kiếp Tân Na với **Ly Bà Đa,**
Châu Đà Sa (*), **Bạc Câu La,**

Đà-Đà La Hán cùng là .v.v...

Đều đặng đạo đắc phần **Đẳng Giác**
Đồng một hiệu danh Phật Phổ-Minh”
 Bấy giờ, **Thế Tôn** muốn tuyên
 Nghĩa trên chân thật mà khuyên kệ rằng. (lay)

6. **Kiều Trần Như** Tỳ kheo
 Sẽ gặp vô lượng **Phật**
 Qua vô số kiếp sau
 Mới đặng thành Chánh Giác
 Thường phóng quang minh lớn
 Đầy đủ các thần thông

(*) *Ca Lưu*: Gọi đầy Đủ: *Ca Lưu Đà Di*. Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Ưu Đà Di*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Châu Đà Sa*: Gọi tắt: *Châu Đà*. Xem phần Thích nghĩa.

Danh đồn khắp mười phương
 Tất cả đều kính tôn
 Thường nói Pháp Vô Thượng
 Nên hiệu là **Phổ Minh**
 Cõi nước đó thanh tịnh
Bồ Tát đều đồng tin.

Lâu đài trang sức đẹp
 Đạo các nước mười phương
 Đem đồ cúng Vô Thượng
 Hiến dâng các **Phật** thường,
 Cúng dường Chư **Phật** xong,
 Tâm phấn khởi trong lòng
 Phút giây về bốn quốc
 Thật hết sức thần thông.

Phật thọ sáu muôn kiếp
 Chánh Pháp trụ bội thọ
 Tượng Pháp lại hơn Chánh
 Pháp diệt Trời, người lo. (lay)

7. Năm trăm Tỳ kheo kia
 Thứ tự sẽ thành **Phật**
 Đồng hiệu là **Phổ Minh**
 Thọ ký theo thứ bậc
 Sau khi **Ta** diệt độ

Ông sẽ thành **Như Lai**
 Thế gian của ông độ
 Cũng như **Ta** ngày nay.
 Cõi đó trang nghiêm sạch
 Đủ các sức thần thông
 Chúng **Thanh Văn, Bồ Tát**
 Chánh Pháp cùng Tượng Pháp
 Thọ mạng kiếp nhiều ít
 Đều như trên đã nói
Ca Diếp ông đã biết
 Năm trăm vị tự tại,
 Các chúng **Thanh Văn** khác
 Cũng sẽ thành như thế
 Vị nào vắng mặt đây
 Ông nên tuyên bố lại. (lay)

8. Bảy giờ, La-Hán năm trăm vị
 Được Đức **Phật** thọ ký vừa xong,
 Niềm vui rạng rỡ trong lòng
 Từ chỗ an tọa đều đồng đứng lên
 Đến trước **Phật** ơn trên cúi lạy
 Sự ăn năn hối cải lỗi mình
 Chúng con sao quá tự tin
 Thường nghĩ đã đặng viên minh Niết Bàn.

Nay mới biết là hàng vô trí
Tại vì sao? Nông cạn thế này.

Đáng lẽ được **huệ Phật** đây
Chấp ôm trí nhỏ chẳng hay biết gì.

Thế Tôn! Như có người nghèo khổ.

Lâu xa rồi đến chỗ bạn thăm,

Tiệc vui say rượu vùi nằm,

Bạn thân mắc việc quan cần phải đi,

Lấy châu báu cột thì trong áo,

Cho bạn nghèo chẳng bảo lời chi.

Xong rồi, mới vội ra đi

Gã nghèo say khước biết gì việc qua,

Sau khi dậy thấy nhà bạn vắng

Bèn âm thầm lẳng lặng bước chơn

Đi đến nước khác tha phương,

Vì sự ăn, mặc tìm đường mưu sinh

Được chút ít cho mình là đủ,

Chẳng cầu tham đến chỗ sang giàu.

Thời gian họ lại gặp nhau

Anh giàu nhìn thấy bạn nghèo xác xơ

Rằng lạ thay! Không ngờ anh thế!

Tại vì sao tồi tệ như vậy?

Lúc trước **Ta** muốn anh đây

Được sự sung sướng thán ngày an vui,
 Tha hồ hưởng đủ mùi năm dục
 Báu vô giá tặng lúc ngủ say
 Cất vào trong áo cột gài
 Còn đó sao chẳng lấy xài độ thân?
 Để đến nổi nhọc nhằn nghèo khổ
 Thật anh đây hết chỗ đại khờ
 Mau đem báu đổi sống nhờ
 Thời đặng vừa ý đợi chờ nữa chi.

Đức **Phật** đây cũng vì như vậy,
 Muốn chúng con ai nấy **Phật** thành.

Lúc làm **Bồ Tát** độ sanh
 Giáo hóa chỉ dạy Pháp hành cao sâu
Nhứt Thiết Trí hãy cầu chứng đắc
 Mà chúng con quên mất không hay
 Đặng đạo La Hán an bày
 Tự cho diệt độ lầm sai chính mình
 Như gã nghèo mưu sinh khốn ngặt
 Được chút ít ăn mặc đủ rồi.

Chúng con cũng vậy đó thôi,
 Tất cả trí nguyện chẳng thời mất đầu.

Nay **Thế Tôn** ân sâu gia hộ,

Vì chúng con giác ngộ nói rằng:

“*Các Tỳ Kheo! Có nghe chăng!*”

*Đạo của chư chúng **Thanh Văn** tạm thành.*

Chưa rốt ráo tự sanh diệt độ,

Ta từ lâu dạy dỗ các ông

*Căn lành của **Phật** gieo trồng,*

Dùng sức phương tiện sang sông nhờ đò

Tướng Niết Bàn chỉ cho người hưởng

Mà các ông nghĩ tưởng thật sao?”

Thế Tôn! Như giấc chiêm bao

Chúng con chợt tỉnh nghe trao lời truyền

Mình thiệt là chư hiền **Bồ Tát**

Được **Thế Tôn** ban phát đức lành

Thọ ký **quả Phật** viên thành

Chúng bậc Vô Thượng xứng danh trong đời.

Do duyên đó, vui mừng hơn hở,

Được điều chưa từng có bao giờ.

Ông **A Nhã Kiều Trần Như**

Muốn tuyên lại nghĩa nói lời kệ khen: (lạy)

9. Chúng con nghe đặng Pháp mầu khai
 Tâm rất vui mừng tỉnh mộng say
 Đức **Phật** thương tình nay thọ ký
 Cúi đầu lạy tạ Đức **Như Lai**.

Chúng con trước **Phật** nguyện ăn năn

Tự hối lỗi mình thệ sửa răn

Trong **Phật** có nhiều vô lượng báu
Niết Bàn con chỉ đặng đôi phần
Như người vô trí tâm ngu muội
Giống kẻ nghèo kia khổ nhọc nhần
Đâu biết trong mình đây có báu
Mà đem đổi chác để nuôi thân.

Thí dụ có người lắm khổ bần
Một hôm thăm viếng bạn quen thân
Thấy cửa nhà bạn nhiều vô số
Thết đãi đồ ngon đủ món ăn
Xong tiệc bạn giàu vì mắc việc
Khi đi thăm tặng báu châu trân
Cột vào trong áo bạn nghèo khó
Say khước nào tưởng rõ gốc căn.

Sau khi tỉnh dậy có hay chi
Thấy bạn vắng nhà gã bỏ đi
Qua đến xứ người tìm cuộc sống
Tha phương cầu thực lắm ai bi
Được phần chút ít cho là đủ
Chẳng chịu làm giàu thoát khổ nguy
Nào biết, nào tưởng trong vạt áo
Có châu vô giá ngọc Mâu Ni.

Thời gian gặp lại gã nghèo nàn
Bạn hữu cho châu rất xốn xang
Khổ thiết trách rằng sao chẳng biết
Chỉ châu trong áo giá ngàn vàng.

Gã nghèo đặng báu dạ hân hoan
Ngọc quý bạn cho trước đã mang
Nay đổi sang giàu nhiều của cải
Tha hồ vui hưởng thú trần gian.

Chúng con cũng giống gã nghèo kia
Đức **Phật** từ lâu đã xốt chia
Thường giáo hóa cho nhiều Pháp dụng
Khiến gieo nguyện lớn chẳng xa lìa.

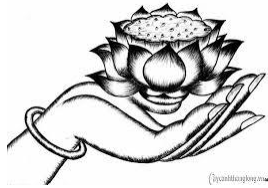
Chúng con vô trí thật từ lâu
Chẳng biết, chẳng hay đạo cạn sâu
Được chút **Niết Bàn** lòng thỏa mãn
Chẳng cầu thêm nữa huệ cao sâu.

Phật nay giác ngộ chúng **Thanh Văn**
Diệt độ nhưng chưa chỉ ít phần
Đặng **Phật** đắc thành Vô Thượng Trí
Mới là diệt độ chỗ toàn chân.

Chúng con từ **Phật** đặng nghe qua

Thọ ký trang nghiêm việc **Phật Đà**
Tuần tự đắc thành ngôi Chánh Giác
Thân tâm chúng hội thật vui hòa./.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)
- **Nam Mô Vị Lai Pháp Minh Như Lai Phật.** (3 lần)
- **Nam Mô Đồng Danh Đồng Hiệu Vị Lai Phổ Minh Như Lai Phật.** (3 lần)
- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

(QUYỂN 4)



PHẨM

“THỌ HỌC VÔ HỌC NHƠN KÝ”

(Thứ Chín)

1. **B**ấy giờ, **A Nan**, *Hâu La* (*)

Đồng cùng ý nghĩ khởi ra như vậy:

“Nếu được **Phật** hôm nay thọ ký
Lòng sung sướng hoan hỷ lắm thay!”

Hai Ngài đứng dậy chấp tay

Đầu mặt lạy Đức **Như Lai** bạch rằng:

“**Thế Tôn!**

Trong chúng con có phần xứng đáng,

Đức **Phật** là nền tảng tựa nương,

Trời, người quen biết mặt thường,

Tu-La (*) chư chúng nhún nhường nể nang.

Ngài **A Nan** thường làm *thị giả* (*)

(*) *Hâu La*: Gọi đầy đủ: *La Hậu La*. Xem Thích nghĩa.

(*) *Tu La*: Gọi đầy đủ: *A Tu La*. Xem Thích nghĩa.

(*) *Thị Giả*: Xem phần Thích nghĩa.

Luôn hộ trì các đại Pháp luân.

La Hưu La con **Phật** thân,
Nếu **Phật** thọ ký phước phần ban cho
Đạo Vô Thượng vào ngôi Chánh Đẳng
Tâm nguyện cầu đã đặng mãn nguyện
Lòng trông chừ chúng được viên
Cúi xin **Tôn Phật** ký truyền hồng ân”.

Hàng đệ tử **Thanh Văn** lúc đó,
Hai nghìn người đồng có nguyện chung
Bậc hữu học, bậc lão thông
Một lòng đứng dậy khiêm cung tỏ bày
Liên trịch áo bên vai phải xuống
Đến trước **Phật** quỳ nguyện chấp tay.
Chiêm ngưỡng tướng tốt **Như Lai**
Như chỗ cầu nguyện hai Ngài **Nan, La**
Xong rồi lại đứng qua một phía
Lòng chờ nghe Đức **Phật** ký ban. (lay)

2. Bấy giờ, **Phật** bảo **A Nan**:

Đời sau sẽ đặng vào hàng **Phật Tôn**

Hiệu là:

“Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai!” (*)

Ứng Cúng công đức không ai sánh bằng,

(*) *Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai*: Xem phần Thích nghĩa.

Chánh Biến Tri thường hằng thấu biết,
Minh Hạnh Túc vốn thiết tròn đầy,
Thiện Thệ nguyện lớn sâu dày
Thế Gian Giải ngộ chỉ bày viên thông,
Vô Thượng Sĩ pháp Không vi diệu,
Bậc Trượng Phu Điều Ngự độ sanh,
Thiên Nhân Sư đấng Cha lành,
Phật Đà toàn giác, đắc thành **Thế Tôn**. (lay)

Sau ông sẽ cúng dường như nguyện
Sáu mươi hai ức Đức **Phật** đây
Hộ trì tạng Pháp đủ đầy
Chứng đạo Vô Thượng làm Thầy như, Thiên
Giáo hóa hai mươi nghìn muôn ức
Hằng Hà sa **Bồ Tát** .v.v...
Làm cho thành tựu công năng
Chánh Đẳng Chánh Giác cao thắng Niết Bàn.
Nước **Thường Lập Thắng Phan** thanh tịnh,
Đất làm bằng kết dính lưu ly.
Diệu Âm Biến Mãn kiếp tên,
Phật đó thọ mạng vô biên tăng-kỳ.
Nếu có người ở trong cõi đó
Dấu tài ba cũng khó tính ra
Tuổi thọ của Đức **Phật Đà**

Chánh Pháp trụ thế cũng là dài lâu.

Đời Tượng Pháp đạo mầu hưng thịnh
Thọ dài hơn Chánh Pháp bội phần.

Phật bảo thị giả **A Nan!**

Đức **Phật Sơn Hải** cúng dường mà nên

Được vô lượng nghìn muôn số ức

Hằng Hà sa các Đức **Như Lai**

Mười phương đều cũng tỏ bày

Ngợi khen công đức **Phật** đây khôn lường.

Khi đó, **Thế Tôn** muốn tuyên

Nghĩa trên chân thật mà khuyên kệ rằng: (lay)

3. Nay **Ta** tuyên bố chúng chư Tăng
Thị giả **A Nan** đặc quả phần
Trì pháp, cúng dường vô lượng **Phật**
Sau thành **quả Phật**, Thầy Thiên nhân:

“Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương”

Thanh tịnh cõi kia nước **Phật** đường

Thường Lập Thắng Phan tên quốc độ

Giáo truyền **Bồ Tát** hóa đồng nường

Số đông như cát sông Hằng vậy

Phật lực oai nghiêm chẳng thể lường

Nguyện độ chúng sanh không thối chuyển

Tiếng đồn vang dội khắp mười phương.

Vì độ chúng sanh trụ thế lâu

Thọ trường tuổi **Phật** khó lường âu

Trong thời Chánh Pháp như thời **Phật**

Tượng Pháp tăng hơn cũng rộng sâu

Vô số chúng sanh đây được độ

Hằng Hà muôn loại sớm quay đầu

Ở trong Pháp **Phật** này tu chứng

Gieo rải nhưn duyên thật nhiệm mầu. (lạy)

4. Lúc đó, trong hội hàng **Bồ Tát**

Mới phát tâm đạo đạt chưa viên

Tám nghìn người ngồi lặng yên

Vọng tâm suy nghĩ khởi lên thế này:

*“**Bồ Tát** lớn đủ đầy các vị*

Còn chưa nghe thọ ký hưởng chi

*Các **Thanh Văn** có duyên gì*

*Được **Phật** thọ ký chứng tri đạo thành?”.*

Lúc ấy, **Phật** biết rành tâm điểm

Của các vị ý niệm phân vân

Ôn tồn **Phật** mới bảo rằng:

“Các Thiện nam tử ân cần nghe đây!

Ta cùng ông **A Nan** ở chỗ

Phật Thông-Vương, giác ngộ tu hành

Phát tâm Vô Thượng viên thành.

A Nan học rộng thường sanh tu cầu,

Ta siêng năng đạo mầu tinh tấn,

Cho nên nay mới đặng nguyện y

Đắc thành bực **Chánh Biến Tri**

Còn **A Nan** lại hộ trì Pháp **Ta**,

Trong tương lai cũng là không khác

Ông phò trì tạng Pháp **Như Lai**

Giáo hóa thành tựu bốn loài

Các chúng **Bồ Tát** chứng ngay Niết Bàn.

Bổn nguyện ông **A Nan** như thế

Nên được **Phật** thọ ký nào sai”.

Ngài **A Nan** đẹp lòng thay!

Nghe **Phật** thọ ký an bày về sau.

Chỗ mong cầu dưỡng bao đã đủ

Rất vui mừng an trụ trong tâm

Đặng điều chưa có cao thâm.

Tức thời nghĩ tới tạng âm Pháp mầu.

Thuở quá khứ nghìn muôn ức **Phật**

Thấu suốt thông không mất ngại ngăn.

Hiện nay nghe biết trọn phần

Bổn nguyện thuở trước lập thân tu cầu.

Khi đó, Ngài **A Nan** kê rằng:

*Thế Tôn, rất ít có trong trần
Xui khiến nhớ về quá khứ thân
Tạng Pháp vô biên nơi các **Phật**
Chỗ nghe thấu biết trọn muôn phần
Ngày nay không có còn nghi ngại
Hiện tại vững vàng **Phật đạo** tăng
Phương tiện hóa thân làm thị giả
Hộ trì **Phật pháp** rộng nguồn chân. (lay)*

5. **Bấy giờ, Phật bảo Hầu La**

Đời sau thành **Phật** hiệu là không sai:

“Đạo Thất Bửu Hoa Như Lai!”.

Ứng Cúng công đức không ai sánh bằng,
Chánh Biến Tri thường hằng thấu biết,
Minh Hạnh Túc vốn thiệt tròn đầy,
Thiện Thệ nguyện lớn sâu dày,
Thế Gian Giải ngộ chỉ bày viên thông,
Vô Thượng Sĩ pháp Không vi diệu,
Bậc Trượng Phu Điều Ngự độ sanh,
Thiên Nhân Sư đáng Cha lành,
Phật Đà toàn giác, đắc thành **Thế Tôn**. (lay)

Ông cũng sẽ cúng dường các **Phật**
Số vi trần (*) trải khắp mười phương

(*) *Vi Trần*: Xem phần Thích nghĩa.

Hay làm Trưởng tử **Phật** thường
Khác gì như thể hiện đương bây giờ.

Phật Bửu-Hoa lập thời nước đó
Luôn trang nghiêm không có tai sầu
Kiếp số thọ mạng dài lâu
Giáo hóa đệ tử tin sâu **Phật Đà**.
Thời Chánh Pháp hay là Tượng Pháp
Cũng đồng như **Sơn-Hải Như Lai**
Ông làm con lớn **Phật** này
Đặng đạo Vô Thượng sau đây chứng thành.

Lúc đó, **Thế Tôn** muốn tuyên
Nghĩa trên chân thật mà khuyên kệ rằng:

Lúc trước **Ta** làm Thái tử vương
La Hâu (*) Trưởng tử nối tông đường,
Nay **Ta** thành **Phật** diu sanh chúng
Ông cũng thọ trì Pháp **Phật** nương.

Vị lai *Hiền kiếp* đến sau này
Đặng gặp vô biên Đức **Phật** đây
Trưởng tử mãi làm con các **Phật**
Một lòng cầu đạo dạ không thay.

Mật hạnh (*) **La Hâu** rất kín sâu

(*) *La Hâu*: Viết tắt của: *La Hâu La*.

Chỉ **Ta** biết được rõ duyên mầu
Hiện thân vì nguyện làm con **Phật**
Để chỉ giáo đời thoát khổ âu
Vô lượng ức nghìn muôn chủng loại
Đức công không thể đếm lường đâu
Luôn luôn an trụ trong tâm **Phật**
Vô Thượng Đạo cầu Trí Huệ sâu. (lay)

6. Bấy giờ, Đức **Thế Tôn** nhìn thấy
Bạc Hữu, Vô (*) cả thấy hai nghìn.
Chí nguyện tâm ý lặng thình
Một lòng hướng **Phật** đều nhìn **Như Lai**.
Đức **Phật** bảo **A Nan** thị giả!
“Ông thấy chẳng tất cả thế nào?
Bạc *Vô học* rộng dường bao
Bạc *Hữu học* cũng trí cao siêu mầu”.
- Ông **A Nan** cúi đầu đã thấy.
Phật tiếp lời; Cũng vậy **A Nan**!
Các người sau sẽ cúng dường
Chư **Phật** như số vi trần Hằng sa
Trải năm mươi bao la thế giới,
Pháp tạng gìn ích lợi hộ trì

(*) *Mật hạnh*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Bạc Hữu, Vô*: Viết tắt của: *Bạc Hữu Học, Vô Học*.

Cung kính tôn trọng phát huy
Rốt sau thị hiện khắp thì mười phương
Đều thành **Phật** đồng danh một hiệu:

“**Đức Phật *Bửu-Tướng Như Lai!***” (*).

Ứng Cúng công đức không ai sánh bằng,
Chánh Biến Tri thường hằng thấu biết,
Minh Hạnh Túc vốn thiệt tròn đầy,
Thiện Thệ nguyện lớn sâu dày,
Thế Gian Giải ngộ chỉ bày chân tâm,
Vô Thượng Sĩ pháp thân tịnh diệu,
Bậc Trượng Phu Điều Ngự độ sanh,
Thiên Nhân Sư đấng Cha lành,
Phật Đà toàn giác, đấng thành **Thế Tôn**. (lạy)

Sống thọ mạng trường tồn một kiếp
Nước trang nghiêm tâm nhiếp tịnh an
Thanh Văn, Bồ Tát các hàng,
Chánh Pháp, Tượng Pháp trụ an kiếp đồng.

Lúc đó, **Thế Tôn** muốn tuyên
Nghĩa trên chân thật mà truyền kệ khai:

Hai nghìn Vô, Hữu bậc **Thanh Văn**
Nay đứng trước **Ta** nguyện thật chân

(*) *Bửu Tướng Như Lai*: Còn gọi: *Bảo Tướng Như Lai*. Xem phần Thích nghĩa.

Cả thầy **Như Lai** đều thọ ký
Đời sau thành **Phật** rải nguồn ân
Cúng dường Chư **Phật** nhiều khôn tưởng
Như số vi trần đã giải phân
Kiếp chót tu hành thành chánh quả
Đời đời độ chúng khỏi trầm luân.

Hộ trì tạng Pháp **Phật** vô biên
Sau sẽ thành công đặc đại nguyện
Thị hiện mười phương đều chứng quả
Đồng danh hiệu **Phật** bốn chơn nguyên.

Đồng thời tịnh tọa *đạo tràng* yên
Để chứng huệ sâu Vô Thượng thiên
Bửu-Tượng Như Lai đều một hiệu
Vô vàn đệ tử, cõi trang nghiêm
Trụ đời Chánh Pháp và Tượng Pháp
Số kiếp cũng đồng chẳng khác riêng
Hoằng nguyện độ sanh không thối chuyển
Thế gian **Ứng Cúng** mãi lưu truyền.

Đều dụng thần thông khó thể lường
Chúng sanh hóa độ khắp mười phương
Tiếng lành bay khắp trong muôn loại
Diệt độ an nhiên cõi vĩnh trường.

Lúc đó,

Bậc *Hữu học* cùng là *Vô học*

Hai nghìn người nghe **Phật** thọ truyền

Vui mừng hớn hở tâm yên

Đồng lòng khen **Phật** mà tuyên kê rằng:

Thế Tôn đèn Huệ sáng vô cùng

Nghe tiếng **Phật** truyền thọ ký chung

Lòng đặng vui mừng tâm trọn đủ

Cam Lộ nhuần rưới chỗ viên dung.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)
- **Nam Mô Vị Lai Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai.** (3 lần)
- **Nam Mô Vị Lai Đạo Thất Bửu Hoa Như Lai.** (3 lần)
- **Nam Mô Vị Lai Đồng Hiệu Bửu Tướng Như Lai.** (3 lần)
- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

(QUYỂN 4)



PHẨM “PHÁP SƯ”

(Thứ Mười)

1. Lúc bấy giờ, Đức Như Lai
 Nhơn đây giảng nói với Ngài **Dược Vương**.
 Để dạy bảo tám muôn *Đại Sĩ*
 Rằng **Ta** nay giáo chỉ tỏ bày:
 “**Dược Vương!** Trong đại chúng đây
 Vô lượng các loại đủ đầy chư Thiên
 Hàng *Long Vương* nói riêng cũng tới
Càn Thát Bà cùng với *Dạ Xoa*,
A Tu La, *Ca Lôu La*,
Khẩn Na La và *Ma Hầu La Đà*,
Nhơn, *Phi nhơn* thật là đông đủ,
 Các Tỳ Kheo nam, nữ đồng qui
Ưu Bà Tắc , ***Ưu Bà Di***, (*)
Thanh Văn vô số, **Bích Chi** khó lường.

(*) *Ưu Bà Tắc*, *Ưu Bà Di*: Từ đồng nghĩa với *Cận Sự Nam*, *Cận Sự Nữ*. Xem Thích nghĩa vẫn C.

Hạng câu **Phật** chi dường đếm kể
 Các bậc trên như thế nguyện tin
 Đều ở trước **Phật** nghe Kinh
Liên Hoa Diệu Pháp thấu tình đạt thông
 Một bài kệ ở trong Pháp đó
 Hay một câu hiểu rõ thấm nhuần
 Nhẫn đến một niệm vui mừng
Ta đều thọ ký đặc phần Thượng Tôn”. (lay)

Phật lại bảo **Dược Vương Bồ Tát**:
 “Lại sau khi **Phật** nhập Niết Bàn
 Nếu có người trong thế gian
 Nghe Kinh **Diệu Pháp** hoàn toàn tin sâu
 Một bài kệ, một câu tùy hỷ,
Ta đều đặng thọ ký cho nhau
 Vào ngôi Vô Thượng tối cao
 Chánh Đẳng Chánh Giác về sau viên thành”. (lay)

Nếu có người thọ hành trì tụng
 Giải nghĩa bày thật đúng sâu xa
 Biên chép **Diệu Pháp Liên Hoa**
 Một bài kệ ngắn cũng là lành thay!
 Đối kinh điển lòng hay cung kính
 Xem như là **Phật tánh** tâm ta
 Cúng dường các thứ hương, hoa

Chuỗi ngọc, hương đốt, hương xoa, lọng tàng,
 Nào y phục, tràng phan, kỹ nhạc
 Hoặc thành tâm cung kính chấp tay.

Dược Vương ông nên biết đây!

Các người trên đó lâu nay đã từng
 Thường cúng dường mười muôn ức **Phật**
 Ở chỗ nơi các bậc đạo thành
 Chí nguyện thương xót chúng sanh
 Nhơn gian chuyển hóa tâm lành không quên.

Này **Dược Vương**! Hãy nên nhớ rõ

Nếu có người khi đó hỏi rằng:

Chúng sanh nào ở cõi trần

Tương lai sẽ được đắc phần **Phật** đây?

Ông nên chỉ tỏ bày chân thật

Hạng người trên **quả Phật** ắt thành.

Vì thưở trước gieo căn lành

Pháp Hoa lãnh hội một phần câu Kinh.

Người Thiện nam hay là Thiện nữ

Đọc, thọ trì, lưu trữ, chép biên,

Giải bày thật nghĩa giáo truyền

Cúng dường kinh quyển chí nguyện, chí chơn,

Đủ các thứ hoa, hương, chuỗi ngọc,

Hương bột cùng hương đốt, hương xoa,

Tràng phan, kỹ nhạc, lụa là ...
 Chắp tay cung kính **Pháp Hoa** y lời.
 Người đó được trong đời chiêm ngưỡng
 Tất cả đều tin tưởng quý thay!
 Nên đem đồ cúng **Như Lai**
 Dâng lên bậc đó, phước dày sâu xa
 Bởi người đó là **Bồ Tát** lớn
 Đã tự thành Vô Thượng **Như Lai**
 Vì thương xót chúng bốn loài
 Nguyện sanh nơi cõi trần ai Ta bà
 Để rộng nói **Pháp Hoa** Kinh chuyển
 Trọn thọ trì, ứng nguyện cúng dường.
Dược Vương! Nên biết tận tường
 Nghiệp báo thanh tịnh thật dường lớn lao
 Người tự nguyện sanh vào đời ác,
 Sau khi **Ta** diệt độ Niết Bàn
 Lòng từ thương khắp thế gian
Pháp Hoa rộng thuyết truyền ban Kinh này.
 Qua thời gian **Như Lai** diệt độ
 Nam, nữ nào phò hộ **Pháp Hoa**
 Có thể riêng một người mà
 Giảng nói kinh điển dù là một câu
 Người đó nối nhịp cầu sứ giả

Của **Như Lai** sai hóa độ đời,
 Huống là trong chúng vì người
Pháp Hoa rộng thuyết nghĩa lời cạn phân.

Này **Dược Vương!** Ông cần nên biết
 Nếu có người tâm thiết ác thay
 Một kiếp, trước **Phật** chê bai
 Mắng nhiếc đủ cách, tội này nhẹ hơn.
 Nếu có người ganh hờn, ghét ngổ
 Dùng lời xấu nói xỏ, nói xiên
 Ngạo báng những kẻ tu hiền
 Tại gia hay bậc cửa thiền xuất gia
 Trì tụng Kinh **Pháp Hoa** chân thật
 Tội nặng hơn mắng **Phật** muôn lần.

Dược Vương Bồ Tát biết chẳng!
 Có người đọc tụng thường hằng **Pháp Hoa**,
 Dùng công đức **Phật Đà** trang sức
 Tự trang nghiêm trí lực của mình,
 Thời đặng Đức **Phật** nguyện xin
 Dùng vai mang vác nhận nhìn công lao.
 Người đó đi đến đâu cũng được
 Mọi người đây cầu phước lễ thường,
 Ngợi khen, tôn trọng cúng dường:
 Chuỗi ngọc các thứ hoa, hương, lọng tàng,

Nào y phục, tràng phan, kỹ nhạc
 Dâng cho người đủ các đồ ngon
 Trân châu báu quý cung son
 Của Trời ưng cúng, chưa tròn nguyện viên.
 Vì người đó pháp truyền hoan hỷ
 Giây phút nghe tâm trí tịnh an
 Liền đặng rốt ráo hoàn toàn
 Chứng ngôi Vô Thượng *đạo tràng* tự nhiên.

Bấy giờ, **Thế Tôn** muốn tuyên
 Nghĩa trên chân thật mà khuyên kệ rằng: (lạy)

2. Muốn cầu **Phật đạo** trụ tâm yên
 Thành tựu đức lành trí tự nhiên
 Thường phải cúng dường không thối chuyển
 Người trì thọ tụng **Pháp Hoa Liên**.
- Có ai muốn đặng quả Vô Sanh
Nhứt Thiết Như Lai Chủng Trí thành
 Thường phải cúng dường người giảng nói
Pháp Hoa trì thọ trọn tâm lành.
- Nếu có người nay hay thọ trì
Liên Hoa Diệu Pháp giác lòng tri
 Biết là sứ giả **Như Lai** chuyển
 Thương xót nhân loài **Phật đạo** qui.

Nếu có những người hay thọ trì
Liên Hoa Diệu Pháp nguyện từ bi
Lìa xa bỏ cõi nơi thanh tịnh
Thương chúng hóa sanh chốn khổ nguy.
Phải biết hạnh người như thế trên
Muốn sanh tự tại chỗ tâm nguyên
Ở nơi đời ác này khai mở
Rộng nói **Pháp Hoa** Vô Thượng truyền,
Nên đem đủ thứ hoa, hương mầu
Y phục, tràng phan, chuỗi ngọc châu
Đóng báu trên trời dâng hiến trọn
Cúng dường người giảng Pháp huyền sâu.
Đời ác, khi **Ta** diệt độ rồi
Người hay trì tụng Kinh này thôi
Phải thường lễ kính hằng tôn trọng
Như thế **Thế Tôn** hiện ở đời,
Đồ ngon bậc thượng rất cao sang
Các món phục y sánh ngọc vàng
Dâng cúng cho người con **Phật** đó
Phút giây nghe Pháp định tâm an.
Nếu người sanh ở đời sau này
Hay thọ trì Kinh **Pháp Hoa** đây

Ta khiến trong tâm người ấy mãi
 Nguyện làm **Phật sự** của **Như Lai**.

Nếu một kiếp đời đã trải qua
 Thường ôm lòng ác, dạ mê tà
 Đủ điều chửi mắng chê bai **Phật**
 Tội nặng khôn lường khó giảm tha.

Nếu có người đây đọc tụng trì
Liên Hoa Diệu Pháp đúng thời nghi
 Dùng lời ngạo báng trong giây lát
 Tội nặng hơn trên đọa khổ nguy.

Có người cầu **Phật đạo Như Lai**
 Một kiếp trọn lòng chẳng đổi thay
 Thành thật chấp tay nơi trước **Phật**
 Dụng tâm vô số kệ khen bày
 Do vì tán tụng hằng tôn kính
 Công đức sâu dày hưởng phước nay.
 Khen ngợi người trì Kinh **Diệu Pháp**
 Lại hơn phước báu gấp bằng hai.

Tám mươi ức kiếp số dài lâu
 Dùng *Sắc, Thinh* đây tối diệu mầu,
Hương, Vị, Xúc trần tâm tịnh vật
 Cúng dường người thọ Pháp cao sâu.

Cúng dường như thế đã tròn xong,
 Chốc lát Pháp nghe tỉnh giác lòng
 Nên tự vui mừng tâm hớn hở
 Nay ta trí tuệ đặng khai thông.

Bồ Tát Dược Vương! Phật dạy qua,
 Các Kinh **Ta** nói có Hằng sa
 Số nhiều mà ở trong Kinh đó
 Tột nhất chỉ là Kinh **Pháp Hoa**. (lay)

3. Lúc bấy giờ, **Như Lai** lại bảo
 Với Đức Ngài **Bồ Tát Dược Vương**:
 “Kinh điển của **Ta** khôn lường
 Số nhiều khó kể vô phương nghĩ bàn.
 Trước đã nói, hiện đang đã nói
 Và sẽ nói sắp tới đây kia
 Ở trong các Kinh đó kìa
Pháp Hoa khó hiểu rất là khó tin.

Dược Vương! Đây thấu nhìn sâu rộng
 Kinh này là quan trọng bí truyền
 Của các Đức **Phật** vô biên,
 Chẳng thể chia bửa vọng truyền cho ai.
 Bốn Kinh này không ngoài Chư **Phật**
 Từ lâu xưa giữ cất đến nay
 Chưa từng bày nói giảng khai,

Cho nên ông phải nhớ ngay điều này.
 Chính Kinh đây **Như Lai** diễn thuyết
 Hiện tại còn kẻ miệt, người khinh,
 Số đông nghi chấp chẳng tin,
 Huống **Phật** diệt độ Chánh Kinh mất dần.

Được Vương! Ông phải cần nên biết.
 Sau khi **Ta** tịch diệt Niết Bàn
 Người nào có thể chép biên,
 Thọ trì, đọc tụng, thường xuyên cúng dường,
 Vì người khác xiển dương nói Pháp
 Thời được **Phật** thâm nạp chứng minh
 Lấy y trùm khắp thân hình
 Lại đặng Chư **Phật** đồng tình hộ cho.
 Người đó có đức tin to lớn
 Và chí nguyện không tưởng nghĩ đâu,
 Các căn lành đã gieo sâu,
 Phải biết người đó từng hầu **Như Lai**
 Được Đức **Phật** lấy tay thọ ký
 Xoa lên đầu như ý nhận nhìn. (lạy)

4. **Được Vương!** Nếu khắp chúng sinh
 Nơi nơi, chỗ chỗ, có Kinh quyển này
 Hoặc nói, hoặc đọc cũng hay,
 Hoặc tụng, hoặc chép biên rày quý thay!

Nên xây dựng tháp đài trang trọng
 Bảy thứ báu dài rộng tột cao
 Chẳng cần để Xá Lợi nào
 Có người thắc mắc, vì sao? Đáp rằng:
 Vì trong đó toàn thân Đức **Phật**
 Đã hiện bày nơi **Pháp Hoa Kinh**,
 Tháp đó nên dùng hoa xinh
 Chuỗi ngọc, hương đốt màu linh, lọng tàng
 Nào kỹ nhạc, tràng phan, ca tụng,
 Để cúng dường sùng phụng hằng ngày.
 Nếu có người thấy tháp này
 Thành tâm lễ bái, **Như Lai** chứng phần,
 Những người đó đều gần **Phật đạo**
 Vô lượng kiếp Chánh Giác không xa.
Dược Vương! Ông hãy nghe qua.
 Rất nhiều người đã xuất gia tu trì,
 Hạng tại gia quy y thọ giới
 Đạo **Bồ Tát** làm lợi chúng sinh,
 Mà chẳng nghe thấy chân Kinh.
 Đọc tụng, biên chép, nguyện tin thọ trì,
 Không cúng dường lễ nghi diệu Pháp
 Chẳng phải là **Bồ Tát** khéo hay.
 Có người đặng nghe Kinh này

Xứng đạo **Bồ Tát** thường hay phụng hành.

Nếu như có chúng sanh nào đó

Cầu **Phật đạo** nghe rõ, thấy xa

Tin hiểu **Diệu Pháp Liên Hoa**

Thọ trì chắc chắn đạo **Ta** gần thành

Quả Vô Thượng trọn lành Chánh Giác

Ắt về sau đạo đạt không xa.

Được Vương! Thí dụ nghe qua.

Có người khát nước tìm mà gò cao

Cứ như vậy mà đào, xới bới,

Thấy đất khô nghĩ tới còn xa,

Cố công chẳng thể bỏ qua,

Lần thấy đất ướt, lần ra đến bùn

Tâm người đó quyết lòng chắc biết

Rằng nước đây ắt thiết kế bên.

Bồ Tát cũng lại như trên

Nếu chưa nghe, hiểu, khó nên đạo mầu

Chẳng có thể tin sâu tu tập

Kinh **Pháp Hoa** này gặp trong đời

Người đó cách đạo xa vời

Vô Thượng Chánh Giác tức thời còn lâu.

Nếu được nghe, hiểu, sâu, suy gẫm

Tu tập Kinh này thấm cội căn

Thời chắc biết đạo đặng gần
 Vô Thượng Chánh Giác đặc phần không xa.

Vì sao? Vì đạo là Vô Thượng
 Của **Bồ Tát** đều thuộc Kinh này

Pháp Hoa phương tiện mở bày
 Chỉ tướng chơn thiệt không sai lạc lầm
 Tạng Kinh này thậm thâm vi diệu
 Ít có người thấu hiểu sâu xa.

Phật vì giáo hóa chúng ta
 Thành tựu **Bồ Tát, Pháp Hoa** chỉ bày.

Này **Dược Vương!** Nghe đây lời **Phật**
Bồ Tát nào sự thật nghe Kinh

Pháp Hoa, nghi sợ lỗi tình
Bồ Tát đó mới phát tâm tu hành.

Hàng **Thanh Văn** nghe Kinh này sợ,
 Ở trong lòng bỏ ngõ hoài nghi

Pháp Hoa chẳng hiểu thấu tri
 Là *Tăng thương mạn* thiếu gì sau đây. (lay)

5. Ngài **Dược Vương!** **Ta** bày thật ngữ.
 Nếu có người Thiện nữ, Thiện nam
 Sau khi **Phật** nhập Niết Bàn
 Muốn vì bốn chúng khai đàn **Pháp Hoa**
 Nói cách nào mới là chánh ngữ?

Người Thiện nam, Thiện nữ nghe đây:

Phải vào *nhà* của **Như Lai**,

Mặc y Đức **Phật**, ngồi *đài* Pháp Vương,

Rồi mới nên đăng đàn diễn thuyết

Vì bốn chúng rộng nói Kinh này.

- *Nhà* **Như Lai** chính là đây:

Tâm từ bi lớn chứa dày bao la

Đối chúng sanh Ta bà yêu mến

Nên dắt dìu đi đến thành công,

- *Y* **Như Lai** chính là lòng

Nhu hòa, nhẫn nhục, phước trồng sâu xa,

- *Tòa* **Như Lai** chính là sự thiệt

Phải chứng vào *Nhứt Thiết Pháp Không* ^(*),

An trụ thiền định sạch trong

Sau rồi vận dụng tâm không biếng lười.

Vì **Bồ Tát**, vì thời bốn chúng

Rộng thuyết truyền thể dụng **Pháp Hoa**.

Dược Vương! Ghi nhớ lời **Ta**,

Như Lai diệt độ rời nhà thế gian.

Bấy giờ, **Ta** hiện đang nước khác

Khiến sai hàng **Bồ Tát** hóa thân

Chia làm chúng nhóm có phần

^(*) *Nhứt Thiết Pháp Không* (*Nhất Thiết Pháp Không*): Xem phần Thích nghĩa.

Nghe Pháp người đó, ân cần truyền rao
Ta cũng sai hóa vào bốn chúng
 Làm Tỳ Kheo, Cận Sự nữ, nam
 Đến nghe người đó Pháp đàm
 Đều vui tin nhận không làm trái sai.
 Đức **Như Lai** độ ai nói Pháp
 Nếu ở nơi vắng vẻ không người
Ta liền sai khiến chúng Trời,
 Long Vương, Thần, Quỷ hay thời Tu-La ...
 Đồng hiện đến nghe qua giáo pháp
 Và hộ trì người nói Kinh này.
Ta dầu ở nước khác đây
 Nhưng luôn luôn khiến người này thấy **Ta**.
 Nếu trong lúc **Pháp Hoa** giảng nói
 Quên mất đi câu lối Kinh này
Như Lai vì đó nhắc ngay
 Khiến cho nhớ lại đủ đầy nghĩa viên.
 Bấy giờ, **Thế Tôn** muốn tuyên
 Nghĩa trên chân thật mà khuyên kệ rằng: (lạy)
 Bỏ tánh biếng lười nghe **Pháp Hoa**
 Kinh này nghĩa lý rất sâu xa
 Thời nay mấy kẻ đây tin nhận
 Khó hiểu, tri tường Kinh **Pháp Hoa**.

Như người khát nước mới đào ao
 Ngặt nổi tìm nơi chỗ đất cao
 Đào mãi đất khô chưa thấy nước
 Nỡ nào buông bỏ hết công lao
 Lăn lăn đất ướt bầy trên mặt
 Nữa nữa tới bùn vui biết bao
 Quyết định nước gần đây chắc chắn
 Không còn cảm cảnh khát lòng khao.

Bồ Tát Dược Vương! Nên biết rằng:
 Những người như thế đó hay chăng?
 Chẳng nghe Kinh **Pháp Hoa** này ngộ
 Cách trí **Như Lai** khó thể gần.

Nếu nghe Kinh **Pháp Hoa** mầu này
 Quyết rõ **Thanh Văn** chứng tạm bầy
Diệu Pháp là Vua trong các Pháp
 Nghe xong suy gẫm kỹ thường ngày
 Phải nên thấu biết người kia ngộ
 Gần trí **Như Lai** chắc mở khai
 Kết cuộc mai sau thành **Phật đạo**
 Độ trong thế giới khắp muôn loài.

Nếu người nói Kinh này

*Nên vào nhà **Như Lai***

*Mặc y của **Như Lai***

*Mà ngôi tòa Như Lai
Ở trong chúng không sợ
Rộng vì người giải bày.*

Tâm từ bi lớn rộng làm nhà
Nhẫn nhục làm y hạnh **Phật Đà**
Nhứt Thiết Pháp Không an trụ định
Làm tòa của **Phật** thuyết **Liên Hoa**.

Nếu lúc giảng Kinh **Diệu Pháp** này
Có người ác mắng, đủ nản tai
Dùng dao, gậy đánh, ngói phang liệng
Nhớ **Phật** lòng nên nhẫn nhịn ngay.

Ta ở trong muôn ức cõi trên
Hiện thân trong sạch, chắc tâm bền
Trải qua kiếp số không lường đặng
Vì chúng Pháp mầu giảng nói tuyên.

Sau khi **Ta** diệt độ Ta bà
Nếu có người hay giảng **Pháp Hoa**
Ta khiến hóa nơn làm bốn chúng
Tỳ kheo nam, nữ hiện gần xa
Thiện nam, tín nữ tâm thanh tịnh
Đồng đến cúng dường Pháp Sư mà
Dẫn dắt chúng sanh thành **Phật đạo**

Nhóm người nghe đặng **Pháp Liên Hoa**.

Nếu có người làm hại Pháp Sư
Dùng dao, gậy, ngói, đá không từ
Ta thời biến hóa thâm gia hộ
Gìn giữ an lành thân Pháp Sư.

Nếu người giảng nói **Pháp Liên Hoa**
Ở riêng nơi vắng vẻ không nhà
Một mình lặng lẽ trong sơn động
Đọc tụng Kinh này chẳng bỏ qua
Lúc đó, vì người **Ta** hiện hóa
Làm cho thanh tịnh sáng tâm mà
Nếu quên chương cú trong kinh điển
Ta nhắc khiến người sẽ nhớ ra.

Nếu người đây có đủ đức tài
Hoặc vì bốn chúng nói Kinh khai
Ở nơi chỗ vắng luôn trì tụng
Ta hiện toàn thân trước mặt ngay.

Nếu người ở chỗ vắng rừng già
Ta khiến chúng Trời, Quỷ, Dạ Xoa,
Bát Bộ Long Vương, Thần cả thủy,
Đến nơi nghe đặng **Pháp Liên Hoa**.

Người đó vốn ưa nói **Pháp Hoa**

Phân rành giải nghĩa rộng sâu xa
Như Lai Chư **Phật** đồng gia hộ
Đại chúng vui mừng nghe **Pháp Hoa**.
Nếu ai gần gũi Pháp Sư đây
Bồ Tát Đạo thành chẳng có sai
Tâm thuận theo Thầy lo học đạo
Được nhìn Chư **Phật**, thấy **Như Lai**.

- **Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)
- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

(QUYỂN 4)



PHẨM “HIỆN BỬU THÁP”

(Thứ Mười Một)

1. **B**ấy giờ, trước **Phật** hiện ra
Tháp bằng bảy báu rất là sáng trưng
Cao năm trăm do-tuần ước tính,
Ngang rộng, dài chỉ định hai trăm,
Năm mươi con số do-tuần
Từ nơi lòng đất tháp tầng nổi lên
Giữa hư không trụ bền vững chắc
Đủ các món báu vật trau giồi
Năm nghìn bao lớn rạng ngời
Ngàn muôn chỗ trú làm nơi phòng nhà,
Tràng phan, lọng rất là vô số
Để nghiêm sức tháp đó trang hoàng,
Chuỗi ngọc kết tủa làm màn
Muôn nghìn linh báu treo trên tháp tòa.
Bốn mặt đều mở ra thông thoáng

Tỏa mùi hương **Ly Cấu** ^(*), Chiên Đàn
 Khấp cùng cõi nước thơm lan.
 Các phan, tàng lọng dùng toàn mai khô,
 Nào vàng, bạc, lưu ly, mã não
 Hay xa cừ, ngọc báu trên châu
 Hiệp thành tạo dựng tháp mâu
 Cao đến ngang tợ cung lầu Thiên Vương
 Trời Đao-Lợi cúng dường tháp báu
Mạn Đà La hoa rưới Hằng sa.
 Các Trời khác, Rồng, Dạ Xoa
 Nói chung tám bộ cùng là .v.v...
 Nghìn muôn ức chúng nhưn đều đủ
 Tất cả đồng hội tụ cúng dường
 Chuỗi ngọc, phan, lọng, hoa, hương ...
 Cung kính, tôn trọng, tán dương hết lời.
 Trong tháp báu bây giờ vang tiếng
 Giọng lớn ra hòa quyện khen rằng:
 “Hay thay! Lưỡng Túc Thánh Nhân!
Thích Ca Bản Chủ đức năng vô cùng.
Thế Tôn! Có thể dùng huệ lớn
 Tâm bình đẳng Vô Thượng vô biên
 Vì đại chúng nói Kinh truyền
 Giáo hóa **Bồ Tát** đại nguyên, đại duyên

^(*) *Ly Cấu*: Xem phần Thích nghĩa.

Pháp Phật Sở Hộ Niệm tên
Liên Hoa Diệu Pháp bí truyền tối cao
 Đúng như thế! **Thích Ca Đức Phật**
 Lời **Như Lai** chơn thật không hai” (lạy)

2. Bấy giờ, bốn chúng, các loài
 Thấy tháp báu lớn trụ rày hư không
 Lại được nghe ở trong tháp báu
 Tiếng nói ra giảng đạo vang lừng
 Đều đặng *Pháp Hỷ* (*) vui mừng
 Lấy làm chuyện lạ chưa từng thấy nghe.
 Từ chỗ ngồi mọi người đứng dậy
 Đồng chấp tay ai nấy kính tôn
 Xong rồi, đứng qua một bên.
 Chờ nghe Đức **Phật** thuyết tuyên giải bày.
 Lúc đó, có vị đại **Bồ Tát**
Đại Nhạo Thuyết Pháp hiệu đức Ngài
 Biết lòng nghi của chúng đây
 Trời, Người, Rồng, Quỷ ... các loài thế gian,
 Liên cung kính nghiêm trang bạch **Phật**:
 “Xin **Bi Tôn!** Chứng thật giải bày.
 Vì sao đất nổi tháp đài
 Lại ở trong đó vọng rày tiếng ra?

(*) *Pháp Hỷ*: Xem phần Thích nghĩa.

Đức **Phật** mới phán qua **Nhạo Thuyết**:

Tháp báu này vốn thiệt lành thay!

Chứa toàn thân của **Như Lai**

Vào thời quá khứ lâu dài trước đây.

Vô lượng số ... không tày tính được

Ở phương Đông cõi nước có tên

Bảo Tịnh quốc độ trang nghiêm

Phật hiệu **Da Bảo** ^(*) trụ yên đời đời.

Đức **Phật** đó hành thời **Bồ Tát**

Lòng từ bi tâm phát nguyện rằng:

“Nếu **Ta** thành **Phật** đạo hằng

Sau khi diệt độ, khắp trần mười phương

Nơi chỗ nào thường thường diễn thuyết

Kinh **Pháp Hoa** chơn thiệt nghĩa bày

Thời tháp miếu của **Ta** đây

Vì nghe Kinh đó phút giây hiện tiền

Để chứng minh thệ nguyện thuở trước

Lời khen rằng đại phước: Hay thay!”.

Phật đó thành đấng **Như Lai**

Lúc sắp diệt độ an bày chúng môn

Này Trời, người ôn tồn nghe bảo

Các Tỳ Kheo chu đáo nhớ rằng:

^(*) **Da Bảo (Phật)**: Còn gọi: **Da Bửu (Phật)**. Xem phần Thích nghĩa.

“ Khi **Ta** tịch diệt cõi trần
 Muốn cúng dường trọn toàn thân **Phật Đà**
 Thời nên dựng tháp tòa cao lớn”.

Đức **Phật** đó dùng sức thần thông
 Nơi nơi, chỗ chỗ khắp trong
 Mười phương cõi nước giáp vòng bao la
 Nếu có người **Pháp Hoa** thuyết diễn
 Tháp báu đó đều hiện nổi ra
 Toàn thân **Phật** trong tháp tòa
 Tiếng khen vang dội thật là: “ Hay thay!”

Đại Nhạo Thuyết! Hôm nay cũng vậy
 Tháp của Đức **Đa Bảo Như Lai**
 Vì nghe Kinh **Pháp Hoa** đây
 Nên từ dưới đất nổi lên khen rằng:

“ Hay thay! Hay thay!” (lạy)

3. Bấy giờ, **Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát**

Do sức thần truyền đạt diệu năng

Cung kính mà bạch **Phật** rằng:

“Bạch **Thế Tôn!**

*Chúng con nguyện muốn thấy thân **Phật** ngài”*

Đức **Phật** liền châu mày nghiêm sắc

Bảo Nhạo-Thuyết Bồ Tát Ma Ha:

Rằng Đức **Đa-Bảo Phật Đà**

Vì có nguyện lớn rất là sâu xa:

“Lúc tháp báu nghe qua Kinh điển

Pháp Hoa đây sẽ hiện nổi ra

Nơi trước các đức **Phật Đà**,

Có **Phật** nào muốn thân **Ta** hiện bày

Cho bốn chúng, các loài đặng thấy

Thời các vị **Phật** ấy biết rằng

Mỗi vị **Phật** đó phân thân

Nói Pháp khắp nước trong trần mười phương.

Đều phải nhóm lại thường một chỗ

Thì thân **Ta** mới lộ hiện ra”.

Đại Nhạo Thuyết! Hãy nghe qua

Các vị **Phật** đó của **Ta** khôn lường

Đều phân thân hằng thường nói Pháp

Ở các cõi trong khắp mười phương

Hôm nay nhóm lại đạo tràng”.

Bồ Tát Nhạo-Thuyết nghiêm trang bạch trình:

“Thưa **Thế Tôn!** Cầu xin oai **Phật**

Chúng con đây sự thật nguyện trông

Thấy các vị **Phật Thế Tôn**

Phân thân, để được cúng dường hôm nay”. (lạy)

4. Bấy giờ, giữa chặn mây lông trắng

Đức **Phật** phóng một lần sáng ra

Thấy muôn ức na-do-tha
 Hằng hà cõi nước ở là phương Đông.
 Các cõi đó đều dùng cây báu
 Chất pha-lê làm đất sáng ngời
 Trang nghiêm y báu trong đời
Bồ Tát vô số nghìn thời ức muôn.
 Khắp nơi nơi giảng màn báu quý
 Lưới phủ trên trang trí đẹp thay.
 Trong nước có Đức **Như Lai**
 đều dùng tiếng lớn giảng bày Pháp tu
 Và cũng thấy chư như **Bồ Tát**
 Vì chúng sanh thuyết Pháp tỏ tường.
 Đông, Tây, Nam, Bắc, tám phương
 Trên, dưới cũng vậy diệu thường Pháp khai.
 Từ chỗ tướng lông mày Đức **Phật**
 Chiếu sáng soi chân thật rõ ràng.
 Lúc đó, các **Phật** mười phương
 đều bảo **Bồ Tát** chúng rằng như sau:
 “Thiện nam tử! Hãy mau đi tới.
Ta phải qua thế giới Ta bà
 Chỗ trú Đức **Phật Thích Ca**
 Cúng dường tháp báu hiện ra nơi này
 Của **Đa Bảo Như Lai Đức Phật** ”

Vì nghe Kinh chân thật **Pháp Hoa**. (lạy)

5. Lúc bấy giờ, cõi Ta bà
 Biến thành thanh tịnh thật là oai nghi.
 Đất làm bằng lưu-ly trong suốt,
 Cây báu màu tươi tốt nghiêm trang,
 Dây vàng giăng ngăn tám đường,
 Không có tụ lạc xóm phường, làng thôn,
 Không biển cả, rạch ngòi, sông núi
 Cùng chẳng có rừng bụi gốc gai.
 Đốt hương báu lớn mây đài,
 Mạn Đà La trái rộng dài khắp nơi,
 Dùng lưới màn báu trời giăng phủ,
 Treo những linh vật quý màu thay,
 Chỉ còn lại chúng hội này,
 Trời, người đời hết sang rày phương xa.
- Lúc đó, các **Phật Đà** mỗi vị
 Đều đem theo *Thị giả* một người
 Là **Bồ Tát** lớn trong đời
 Ta bà trực hướng đến nơi đạo tràng.
 Dưới cây báu, hàng hàng lớp lớp,
 Mỗi cây cao năm trăm do-tuần
 Nhánh, lá, bông, trái vô ngần,
 Trang nghiêm thứ lớp muôn phần bao la.

Mỗi cây báu có tòa Sư Tử
 Năm do-tuần ước tính chiều cao,
 Dừng toàn báu tốt giồi trau,
 Sánh như cõi tịnh đẹp bao tuyệt vời. (lay)

Khi ấy,
 Các Đức **Phật** đều ngồi an trụ
 Xếp bằng trên Sư Tử tòa đài,
 Như thế lần lượt đông đầy
 Đại Thiên thế giới an bày hết đâu,
 Phân thân **Phật** nhiệm mầu khó kể
 Trong một phương chẳng thể so bì.

Bấy giờ, *Thích Ca Mâu Ni* (*)

Vì muốn dung thọ các vì **Phật** thân
 Nên ở chỗ tám phương ứng biến
 Thành hai trăm muôn ức do-tha
 Cõi nước số tính Hằng sa
 Đều làm thanh tịnh an hòa lành thay!
 Không địa ngục, không loài ngạ quỷ,
 Không súc sanh, cùng với Tu-La,
 Di đời Thiên chúng, người ra
 Để ở cõi khác cách xa nghìn trùng.

Những nước **Phật** vô cùng biến hóa,

(*) *Thích Ca Mâu Ni*: Xem phần Thích nghĩa.

Đất cũng dùng bằng cả lưu-ly,
 Trang nghiêm cây báu uy nghi,
 Độ cao đo đạt năm trăm do-tuần,
 Nhánh, lá, bông, quả phần tốt đẹp,
 Dưới cây đều có sẵn báu đài
 Cao năm do-tuần chẳng sai
 Dùng các thứ báu giồi mài sáng trong,
 Những nước đó cũng không biến cả
 Hay sông ngòi, các núi lớn như:

Mục Chơn Lân Đà, *Thiết Vi* ^(*)

Nhẫn cho đến núi **Tu Di** thông đồng
 Làm một cõi ở trong nước **Phật**,
 Đất báu xây vững chắc thẳng bằng
 Các báu xen lẫn với nhau
 Làm màn trùm khắp trên cao rạng ngời,
 Nào tràng phan, lọng đài treo phủ,
 Đốt hương mâu, rải đủ thứ hoa,
 Báu trời trải khắp Hằng sa
 Đây trên mặt đất thật là nghiêm trang.

Đức **Thích Ca!** Vì hàng Chư **Phật**
 Sẽ đến ngòi Sư Tử báu tòa
 Nên ở tám phương biến ra

^(*) *Thiết Vi (Son)*: Xem phần Thích nghĩa.

Hai trăm muôn ức do-tha số nhiều,
 Các cõi nước thấy đều thanh tịnh,
 Không địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh
 A Tu La, loại bất lành,
 Trời, người đời hết sẵn dành khác phương.
 Những nước đó diệu thường **Phật** hóa
 Đất làm bằng toàn cả lưu-ly,
 Trang nghiêm cây báu oai nghi,
 Chiều cao đo đạt năm trăm do-tuần,
 Nhánh, lá, bông, quả phần tốt đẹp,
 Có báu tòa Sư Tử dưới cây,
 Cao năm do-tuần chẳng sai,
 Cũng dùng chất báu giồi mài sáng trong.
 Những nước này cũng không biển cả,
 Hay sông ngòi, các núi lớn như:

Mục Chơn Lân Đà, Thiết Vi

Đại Mục, Đại Thiết, Tu Di ... thông đồng
 Chung làm một cõi trong nước **Phật**,
 Đất báu xây vững chắc phẳng bằng,
 Châu báu đượm xen lẫn nhau
 Thành màn trùm khắp trên cao sáng ngời,
 Các tràng phan, lọng đài treo phủ,
 Đốt hương mầu, rải đủ thứ hoa,
 Báu trời trải khắp Hằng sa

Đầy trên mặt đất thật là nghiêm trang. (lay)

Bấy giờ, ở phương Đông Chư **Phật**

Trong năm nghìn muôn ức do-tha

Hằng hà côi **Phật Thích Ca**

Phân thân biến hóa thật là nhiều thay

Đều nói Pháp, côi này họp lại

Cứ tuần tự như vậy khôn lường.

Các Đức **Phật** trong mười phương

Thảy đều ngồi ở tám phương an bày,

Mỗi mỗi phương **Như Lai Chư Phật**

Ngồi khắp đầy trong bốn trăm muôn

Ức do-tha nước khôn lường,

Không tà tính đặng vô phương nghĩ bàn. (lay)

6. Lúc đó,

Các Đức **Phật** đều ngồi an trụ

Dưới cội cây Sư Tử báu tòa

Đều sai Thị giả sang qua

Thăm viếng Đức **Phật Thích Ca** Ta-bà,

Đồng đưa cho bụm hoa báu quý

Và dặn dò với Thị giả rằng:

Thiện nam tử! Hãy ân cần

Đến Kỳ Xà *Quật* bạch phân rõ ràng

Chỗ **Thích Ca Phật** đang thường trụ

Nhớ thưa qua đầy đủ như sau:

“**Như Lai** chắc ít bệnh đau,
Ít khổ, sức khỏe dồi dào an vui,
Chúng **Thanh Văn**, cùng thời **Bồ Tát**
Đều tu hành tịnh lạc ổn chăng?”

Rồi đem hoa báu cúng dâng
Rải trên thân **Phật** hồng ân thưa rằng:
“*Đức **Phật** kia xa gần cùng muốn
Mở tháp mâu chiêm ngưỡng báu này*”
Các Đức **Phật** đều khiến sai
Người người đồng nguyện tỏ bày như nhau.

Bấy giờ,

Đức **Thích Ca** đẹp bao tâm dạ
Thấy các vì **Phật** hóa của mình
Đều ngồi Sư Tử tòa linh
Muốn mở tháp báu đồng tình chí tâm.
Phật liền từ chỗ ngồi đứng dậy
Nhắc Kim thân trụ giữa hư không
Tất cả thấy bốn chúng đồng
Hương về nhìn **Phật** một lòng chấp tay.

Khi ấy, Đức **Như Lai Tôn Phật**
Dùng ngón tay hữu bật tháp tòa
Từ trong tiếng vọng vang xa

Như tháo khóa chốt mở ra cửa thành.

Tức thời, cả chúng lành hội tụ

Đều thấy Đức **Đa Bửu Như Lai**

Ở trong tháp bảy báu này

Ngôi tòa Sư Tử an bày uy nghi

Toàn thân **Phật** tứ chi không rã

Tướng trang nghiêm như đã định thiên,

Lại nghe **Đa-Bửu Phật** tuyên:

*“Hay thay! **Phật Thích** hữu duyên Ta bà,*

*Muốn độ chúng **Pháp Hoa** thuyết diễn*

Vì nghe Kinh, Ta đến cõi này”.

Bấy giờ, hàng Tứ chúng đây

Đặng thấy thân **Phật** xưa nay chưa từng,

Đã diệt độ nghìn muôn ức kiếp

Quá lâu xa về trước khó lường,

Được nghe lời nói tán dương,

Đồng lòng khen ngợi phi thường việc trên.

Tất cả đều ứng nguyện hoan hỉ

Đem hoa trời báu quý cúng dâng

Rải trên **Đa-Bửu Phật** thân

Và **Thích-Ca Phật**, thọ ân sâu dày.

(lạy)

Lúc đó, Đức **Như Lai Đa-Bửu**

Khởi tâm lành chia nửa tháp tòa

“Thỉnh mời Đức **Phật Thích-Ca**

Có thể an tọa trên tòa tháp **Ta**

Tức thời **Phật Thích-Ca** hoan hỷ
Bước vào trong ngôi nửa tòa đài”.

Bấy giờ, đại chúng vui thay!

Nhìn thấy hai Đức **Như Lai** yên ngồi

Tòa Sư Tử trau giồi bảy báu

Thời khởi tâm chu đáo nghĩ rằng:

“Đức **Phật** ngồi trên tháp tầng,
Cúi mong Tôn Thánh sức thần trợ oai
Cho chúng con ai ai cũng đặng
Đều ngự trên thượng thặng hư không”.

Tức thời, **Phật** dùng thần thông

Tiếp hàng đại chúng như lòng cầu mong,

Tiếng *Phạm âm* bảo trong chúng hội

Rằng: “Như ai nguyện khởi sâu xa

Ở nơi thế giới **Ta bà**

Rộng nói Kinh điển **Pháp Hoa** lúc này,

Không bao lâu **Như Lai** diệt độ

Vào Niết Bàn bề khổ rời xa.

Phật muốn đem Kinh **Pháp Hoa**

Chọn người phó chúc thật là đại duyên.

Khi ấy, **Thế Tôn** muốn tuyên

Nghĩa trên chân thật mà khuyên kệ rằng: (lạy)

7. Thánh Chúa **Thế Tôn** đức rộng sâu
 Dầu cho diệt độ đã từ lâu
 Ở trong tháp báu thân không rã
 Vì Pháp thường nghe hiện tháp mầu
 Đại chúng các ông nên xét lại
 Người người há chẳng **Pháp Hoa** cầu?
Phật xưa còn quý nơi kinh điển
 Nay chúng siêng cần nghĩa đế châu.
- Đa-Bửu Như Lai** nhập Niết Bàn
 Đã vô lượng số kiếp trần gian
 Nơi nơi thường đến nghe kinh thuyết
 Vì khó đặng cầu Pháp **Phật** ban.
- Đức **Phật** xưa kia bốn nguyện rằng:
 Sau khi **Ta** diệt độ phàm thân
 Nơi nơi tháp báu đều qua đến
 Vì **Pháp Hoa** nghe hiện khắp trần.
- Vô lượng ngàn muôn ức **Phật Đà**
 Số nhiều như tợ cát Hằng hà
Như Lai biến hóa phân thân **Phật**
 Vì muốn đến nghe Kinh **Pháp Hoa**.
 Và cũng một lòng ra mắt **Phật**

Thế Tôn Đa-Bửu tịch lâu xa
Nên đều tạm bỏ nơi thanh tịnh
Cùng với môn đồ đến chỗ **Ta**.

Trời, Người, Rồng, Quỷ ... thấy đời xa
Các việc cúng dường sắp diễn ra
Muốn Pháp trụ lâu đời mãi mãi
Cho nên đồng đến cõi Ta bà.

Ta vì Chư **Phật** định yên ngôi
Dùng sức thần thông lớn chuyển dời
Vô lượng Trời, người sang cõi khác
Làm cho thanh tịnh ở trong đời.

Mỗi mỗi **Như Lai** Đức **Phật** đây
Đồng đều đi đến dưới cội cây
Như hoa Sen nở trang nghiêm sức
Nhô mọc trong ao báu sạch thay!
Dưới mỗi cội cây đều có sẵn
Báu tòa Sư Tử đã an bày
Thật là mầu nhiệm không sao tả
Diệu dụng thần thông chẳng có hai.

Chư **Phật** xếp bằng tịnh tọa an
Uy nghi đẹp đẽ thật nghiêm trang
Ví như đang ở đêm tăm tối
Đốt đuốc lớn bùng lửa sáng choang.

Thân **Phật** thoảng ra thơm ngát hương
 Bay xa cõi nước khắp mười phương
 Chúng sanh được hưởng hương xông đó
 Vạn vật mừng vui xiết kể dường
 Thí dụ cũng như luồng gió lớn
 Thổi lay cây nhỏ mọc bên đường
Phật dùng đủ cách nhiều phương tiện
 Chánh Pháp làm sao trụ thế thường. (lạy)

8. **Phật** bảo cùng hàng đại chúng đây
 Sau khi **Ta** diệt độ trần ai
 Người nào có thể tâm tin nhận
 Đọc tụng hộ trì Kinh Pháp này
 Đối trước **Như Lai** hay các **Phật**
 Tự nguyện phát thệ lớn hôm nay
 Thường hành rộng thuyết vì sanh chúng
 Lợi ích Trời, người chẳng đổi thay.
- Xem gương **Đa Bửu Đức Như Lai**
 Diệt độ từ lâu nhẫn đến nay
 Do bốn nguyện dày sâu vững chắc
 Mà còn rền tiếng lớn lành thay!.
- Đa-Bửu Như Lai Đức Phật Đà**
 Và cùng ứng hiện với thân **Ta**
 Phân thân hóa **Phật** đều sum họp

Phải biết ý này nghĩa rộng đa.

Các hàng **Phật tử** kể từ nay
 Ai người hộ Pháp thọ Kinh này
 Tâm nên phát nguyện sâu dày rộng
 Khiến Pháp trụ đời mãi chẳng phai.

Có ai hay hộ đặng phò trì
Diệu Pháp Liên Hoa Kinh phát huy
 Là đã cúng dường công đức lớn
Như Lai Đa-Bửu Phật Mâu Ni. (lạy)

Đa-Bửu Thế Tôn Đức **Phật** đây
 Ở trong tháp báu lớn xưa nay
 Mười phương thường đạo không ngăn ngại
 Vì để nghe Kinh **Pháp Hoa** này.

Và cũng tỏ bày để cúng dường
 Phân thân hóa **Phật** nhóm chung đường
 Trang nghiêm tướng tốt. Ôi! Xinh đẹp,
 Vô lượng mười phương khó thể lường.

Nếu người giảng thuyết nghĩa Kinh này
 Thời đã trọn phần thấy **Phật** đây
 Cùng kiến **Như Lai Đa-Bửu** vậy
 Các vì hóa **Phật** chẳng hề sai. (lạy)

9. Này các Thiện nam tử ơi!

Đều nên suy nghĩ kỹ lời **Ta** khuyên
 Đây là việc khó cần chuyên
Phải phát thệ nguyện rộng nguyện lớn lao
 Bao nhiêu Kinh điển khác nào
Số nhiều như thể trùm bao Hằng hà
 Dầu nói hết Kinh đó mà
Cũng chưa đủ khó làm **Ta** tự hào,
 Hoặc đây đem núi Diệu Cao
Dời để phương khác không sao dễ mà,
 Vô số cõi nước **Phật Đà**
Cũng chưa lấy đó gọi là khó khăn,
 Nếu người dùng một ngón chân
Động khắp cõi nước lan dần Đại Thiên,
 Ném xa qua cõi khác liền
Cũng chưa lấy đó làm điều khó hơn,
 Hoặc đứng trên **Hữu Đảnh** sơn
Giảng nói Kinh khác vô lượng khôn với
 Vì để dạy bảo cho người
Cũng chưa lấy đó làm thời khó khăn.
 Nếu sau **Phật** diệt độ trần
Ở trong đời ác người gần thiện lai
 Có thể nói Kinh Pháp này
Đây rất là khó ít ai ngộ thời.

Giả sử lại như có người
Dùng tay nắm trọn bầu trời hư không
Đạo chơi khắp cả Tây, Đông
Cũng chưa lấy đó làm hòng khó khăn.
Sau khi **Ta** diệt độ trần
Nếu người tự giác siêng năng thọ trì
Hoặc bảo người khác làm y
Đây thời cũng rất bởi vì khó khăn.
Hoặc đem cả cõi đất trần
Để trên đầu móng ngón chân của mình
Bay lên đến chốn Thiên Đình
Cũng chưa lấy đó nhận nhìn khó khăn.
Sau khi **Phật** diệt độ trần
Ở trong đời ác muôn phần khổ tai
Tạm đọc Kinh **Pháp Hoa** này
Đây thời mới thật khó thay vô vàn.
Giả sử gặp kiếp thiêu nản
Gánh mang những cở khô khan nặng trĩu
Vào lửa không bị cháy nguy
Cũng chưa lấy đó làm gì khó khăn,
Sau khi **Ta** diệt độ trần
Nếu người trì thọ tin cần **Pháp Hoa**
Vì một người mà nói ra

Đây thời mới gọi thật là khó hơn,
 Hoặc người trì tụng tám muôn
 Bốn nghìn các tạng Pháp môn cùng là
Mười hai bộ kinh (*) **Phật Đà**
 Vì người mà diễn nói ra thật lòng
 Khiến người nghe Pháp sạch trong
 Điều đặn sáu Pháp thần thông hoàn toàn
 Dầu được như thế chưa kham
 Cũng không chứng lấy việc làm khó khăn,
 Sau khi **Ta** diệt độ trần
Pháp Hoa nghe lãnh trọn phần đức tin
 Hiểu rành *ngĩa thú* (*) trong Kinh
 Đây là thật khó chứng minh cõi đời.
 Hoặc có người nói Pháp thời
 Làm cho nghìn ức muôn loài thế gian
 Đến vô lượng số nghĩ bàn
 Hằng hà chủng loại các hàng chúng sanh
 Chứng A La Hán viên thành
 Thần thông sáu phép, diệt sanh luân hồi
 Dầu có lợi ích cho người
 Cũng chưa thật phải trong đời khó khăn,
 Sau khi **Ta** diệt độ trần

(*) *Mười Hai Bộ Kinh* hay *Thập Nhị Bộ Kinh*: Xem Thích nghĩa vân T.

(*) *Ngĩa Thú*: Chỗ quy thú của nghĩa lý, ý thú, ý vị của nghĩa lý.

Nếu người hay thọ lãnh phần **Pháp Hoa**
 Phụng trì hiểu biết sâu xa
 Việc làm đó mới thật là khó khăn.

Ta vì **Phật đạo** hộ không thay
 Nên ở trong vô lượng cõi này
 Từ thuở xa xưa nay cũng vậy
 Nói nhiều, giảng rộng các Kinh đây
 Tuy rằng vô số Kinh **Ta** thuyết
 Bực nhất **Pháp Hoa** chẳng có hai
 Nếu có ai, người trì hộ được
 Như trì thân tướng của **Như Lai**.

Hỡi! Các Thiện nam tử đây!
 Khi **Ta** diệt độ trần ai **Ta** bà.
 Ai có thể **Pháp Hoa** trì thọ
 Và đọc tụng hiểu rõ Kinh này
 Thời nay ở trước **Như Lai**
 Hãy nên tự nói lời hay thệ vì
 Kinh **Pháp Hoa** khó trì, khó hiểu
 Nếu có người ứng chịu tạm trì
Như Lai hoan hỷ từ bi
 Các Đức **Phật** cũng thế thì mừng vui
 Người nào được trì thời như vậy,
 Chư **Phật** đều rõ thấy thường khen

Đó là đồng mãnh kiên bền,
 Đó là tinh tấn vươn lên không ngừng.
 Gọi là người đặc phần *trì giới* (*),
 Bực tu hạnh tha lợi *Đâu Đà* (*).
 Chắc sẽ mau đặng vượt qua
 Chứng quả Vô Thượng thật là tối cao.
 Có thể ở đời sau phù hạp
 Đọc thọ trì **Diệu Pháp** Kinh này
 Là chơn **Phật tử Như Lai**
 Trụ ở bực thiện thuận khai trí mầu.

Sau khi **Phật** diệt độ trần ai
 Có thể hiểu thông Kinh nghĩa này
 Thời đó mới là con mắt sáng
 Của Trời, người vậy, thật không sai.

Cõi đời kinh sợ **Pháp Hoa** này
 Hay nói diễn bày trong phút giây
 Tất cả hàng Trời, người đẹp dạ
 Đều nên ứng nguyện cúng dường đây./ (lay)

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)
- **Nam Mô Quá Khứ Đa Bửu Phật.** (3 lần)
- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)

(*) *Trì Giới*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Đâu Đà*: Xem phần Thích nghĩa.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

(QUYỂN 4)



PHẨM “ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA”

(Thứ Mười Hai)

- Lúc bảy giờ, Đức **Phật** thời
 Khuyên bảo **Bồ Tát**, Trời, người, bốn ban:
 “**Ta** ở trong vô vãn số kiếp
 Thuở quá khứ tâm nhiếp trụ yên
 Không lười mỗi, không than phiền
Pháp Hoa cầu đặng chí nguyện bấy lâu.
 Trải nhiều kiếp làm vua các nước
 Lòng cũng không *ngũ trước* đắm say,
 Phát nguyện cầu đạo **Như Lai**
 Tâm không thối chuyển lạt phai bao giờ.
 Vì muốn được sang bờ *bỉ ngạn* ^(*)
Ba La Mật sáu pháp siêng hành,
 Bố thí với cả lòng lành
 Không còn lẩn tiếc, cầu danh, nghĩ bàn.
 Nào Voi, Ngựa, bạc, vàng, châu báu

^(*) *Bỉ Ngạn*: Xem phần Thích nghĩa.

Hay nước, thành, vợ hảo, con xinh,
 Tôi tớ, bè bạn, thân tình,
 Cho đến đầu, mắt, thịt mình cũng dâng
 Hoặc óc, tủy, tay chân chẳng hạn
 Bố thí luôn thân mạng quý này”.

Thuở đó, quốc dân thối lai
 Sống lâu vô lượng thọ dài niên niên
 Vì mến Pháp, Vua hiền từ bỏ
 Lìa ngai vàng chẳng khó khăn chi
 Việc nước Thái Tử trị vì.
 Đánh trống cầu Pháp khắp thì bốn phương
 “Ai có thể đăng đàn thuyết giáo
 Pháp Đại Thừa **Phật đạo** y thời
Ta đây sẽ nguyện trọn đời
 Cung cấp hầu hạ vì người Pháp tuyên”.

Khi ấy, có vì Tiên nhờn đến
 Thưa cùng Vua vì mến Đức Ngài!
 “Rằng **Ta** có Pháp không hai
 Đại Thừa tên gọi Kinh này **Pháp Hoa**
 Nếu Đại Vương muốn **Ta** khai thị
 Không nên làm trái ý của **Ta**”.

Vua nghe lời phán vừa qua
 Vui mừng hớn hở chan hòa thân tâm

Liên đi theo Tiên nhân quá cảnh
 Nơi núi rừng tuyết lãnh giá băng
 Để cung cấp việc thiết cần:
 Gánh nước, lượm củi, nấu ăn cho người
 Hoặ hái trái nho tươi, dâu quả
 Nhẫn đến khi dùng cả thân này
 Làm giường, làm ghế cho Thầy
 Tâm không biết mỗi lòng đây Pháp cầu.
 Thuở đó theo phục hầu như vậy,
 Đã trải qua hết thủy nghìn năm,
 Vì trọng Pháp nên siêng năng
 Hầu hạ cung cấp Tiên nhân chu toàn.

Bấy giờ, **Thế Tôn** muốn tuyên
 Thuật lại tất cả nghĩa trên kệ rằng: (lay)

2. **Ta** nhớ kiếp mình quá khứ lâu
 Đại Thừa năng nguyện **Pháp Hoa** cầu
 Dầu làm Vua của trong muôn nước
 Lòng chẳng ham vui *ngũ dục* đâu.
 Đánh chuông rao bảng bốn phương cầu
 Ai có Đại Thừa Pháp diệu sâu
 Nếu phải vì **Ta** mà giảng nói
 Thân làm tôi tớ nguyện theo hầu.
 Giờ có Tiên nhân đắc thọ trường

Vào triều thưa bạch đấng vì Vương
Ta nay đặng Pháp cơ mầu nhiệm
 Ít gặp trong đời để thọ nường
 Nếu Đức Vua đây tâm phát nguyện
 Tu hành cầu đạo dứt yêu thương
 Không làm trái ý **Ta** sai khiến
Ta sẽ vì Vua thuyết tỏ tường.

Nghe lời trình bạch vị Tiên nhân
 Vua rất vui lòng dạ chí chân
 Liên bỏ ngai vàng xa phú quý
 Theo người học đạo quản gì thân
 Rừng sâu hái trái dâng hoa quả
 Núi vắng tìm nguồn nước nấu ăn
 Cầu Pháp Đại Thừa đâu quản ngại
 Không hề lười mỏi đến thân tâm.

Thương khắp chúng sanh cả vạn loài
 Siêng cầu Pháp lớn nguyện không thay
 Cũng không nghĩ đến thân mình nữa
 Đối trước đục trần chẳng đắm say
 Dầu có làm Vua trong cõi nước
 Không bằng ngộ đặng **Pháp Hoa** này
 Cho nên **quả Phật Ta** thành đạt
 Vì chúng thuật rành diễn thuyết khai. (lạy)

3. **Phật** bảo các Tỳ Kheo rằng:
 “Thuở ấy, Vua đó tiền thân **Phật Đà**,
 Còn Tiên nhân nay chính là:
 Ông Thiện Tri Thức **Đề Bà Đạt Đa** (*).
 Do nhờ ông làm **Ta** tròn nguyện
Sáu Pháp thành thẳng tiến giác sang,
 Từ, Bi, Hỷ, Xả, hoàn toàn,
Ba hai tướng tốt rõ ràng quang minh,
 Đủ *Tám mươi thân hình nghiêm sức*,
 Sắc vàng ròng hết mực rạng ngời,
Mười Trí Lực chứng trong đời,
Bốn Vô sở úy (*) đồng thời thành công,
Tứ Nhiếp Pháp (*) đắc không trở ngại,
Mười tám món bất cộng viên dung,
 Thần thông đạo lực khôn cùng,
 Thành bậc Chánh Giác Đại Hùng Đại Bi
 Rộng độ chúng phát huy **Phật đạo**
 Công đức này kiến tạo mà ra
 Nờn do **Đề Bà Đạt Đa**
 Tất cả như vậy thật là không sai”. (lay)
4. **Phật** lại bảo với hàng tứ chúng:

(*) **Đề Bà Đạt Đa**: xem phần Thích nghĩa.

(*) **Bốn Vô Sở Úy**: Còn gọi: **Tứ Vô Sở Úy**. Xem Thích nghĩa văn T.

(*) **Tứ Nhiếp Pháp**: Xem phần Thích nghĩa.

“Qua vô lượng số kiếp lâu xa
 Thiện trí **ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA**
 Sẽ đặng thành **Phật** hiệu là: “*Thiên-Vương!*” (*).
Như Lai đó rộng đường độ thế,
Ứng Cúng nguyên, **Thiện Thệ** sâu dày,
Minh Hạnh Túc trọn đủ đầy,
 Bạc **Thế Gian Giải** chỉ bày chơn tâm,
Chánh Biến Tri thường hằng giải ngộ,
Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu,
Thiên Nhân Sư đấng Cha lành,
Phật Đà toàn giác, **Thế Tôn** Ta bà. (lay)
 Cõi nước đó tên là **Thiên Đạo,**
Phật trụ đời thuyết giáo cao sâu,
 Hai mươi trung kiếp dài lâu,
 Chúng sanh vô số đạo mầu liễu viên.
 Hằng Hà sa chứng A La Hán,
Duyên Giác cầu vô hạn vô biên,
 Phát tâm Vô Thượng Đạo nguyên,
 Đặng **Vô Sanh Nhân** (*) đại thiên Ma Ha,
Bất Thối Chuyển (*) cùng là khó kể,
 Nói cho cùng không thể số lường.

(*) *Thiên Vương (Phật)*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Vô Sanh Nhân*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Bất Thối Chuyển*: Xem phần Thích nghĩa.

Sau khi Đức **Phật Thiên-Vương**

Niết Bàn diệt độ vào đường siêu nhiên,
Chánh Pháp trụ hai mươi Trung kiếp
Mãi hoằng truyền liên tiếp không rời.

Toàn thân Xá Lợi **Phật** thời

Dựng tháp bảy báu đời đời thọ ân,
Cao sáu mươi do-tuần ước tính
Ngang dọc dài số định bốn mươi,
Các hàng Thiên chúng, Trời, người,
Đều đem hoa đẹp xinh tươi cúng dường
Nào hương bột, hương xoa, hương đốt,
Y phục dâng gấm tốt lụa là,
Chuỗi kết châu báu ngọc ngà,
Tràng phan, lọng quý, nhạc hòa tấu vang,
Để ca tụng cúng dường tháp **Phật**.
Vô lượng chúng đạt đắc tu trì

A La Hán, Phật Bích Chi,

Thanh Văn vô số phát huy sở tùy,
Vô Thượng Bất Khả Tư Nghì,
Bậc Bất Thối Chuyển thường tùy noi theo.

Đức **Phật** bảo Tỳ Kheo, rành rẽ:

“Đời vị lai có kẻ Thiện nam,
Hoặc người Thiện nữ thích ham

Nghe Kinh **Diệu Pháp** phẩm đàm **Đạt Đa** (*)

Khởi lòng đây sâu xa tin nhận

Không nghi lằm, thác chẳng đọa vào

Súc sanh, nạ quỉ, đồ lao

Ba đường ác đạo (*) khổ đau tiêu trừ,

Được sanh trong mười phương Chư **Phật**

Sanh ra thường nghe đặng kinh truyền.

Nếu sanh vào cõi nơn, Thiên

Hưởng sự thắng diệu thỏa nguyện tâm ta,

Còn nếu như sanh qua nước **Phật**

Từ hoa Sen thần thức hóa sanh”. (lạ)

5. Đây nói đến ở nơi phương Hạ

Có **Bồ Tát** hộ giá **Như Lai**

Tên là **Trí Tích** danh bày

Bạch **Phật Đa-Bửu** xin quày bốn quy

Đức **Thích Ca Mâu Ni Phật**, bảo

Với **Bồ Tát Trí-Tích** (*) lời rằng:

“Thiện nam tử! Hãy dừng chân

Nán chờ giây lát nhọc nhằn chi đâu

Sẽ có người ứng hầu phát lạc

Là **Văn-Thù Bồ Tát** cõi này

(*) **Đạt Đa**; Viết tắt của **Đề Bà Đạt Đa**.

(*) **Ba đường ác đạo**: Còn gọi: **Tam Ác Đạo**. Xem Thích nghĩa văn T.

(*) **Bồ Tát Trí Tích**: Xem Thích nghĩa **Trí Tích Bồ Tát** văn T.

Có thể ra mắt cùng Ngài
Luận nói **Phật pháp** phút giây phản hồi”.

Lúc đó, Ngài **Văn Thù** Đại Thánh
Ngồi hoa Sen nghìn cánh phủ che
Lớn như tợ thể bánh xe,
Các vị **Bồ Tát** cùng theo đông vầy,
Hoa Sen báu lành thay an tọa.
Ta Kiệt La ^(*) rạng tỏa cung Rong
Từ nơi biển lớn mênh mông
Bay vọt trụ giữa hư không rờ ràng
Đồng thẳng đến lâm san *Linh Thứu* ^(*)
Chỗ **Phật** đương thường trụ đạo tràng,
Đầu mặt lễ lạy nghiêm trang,
Hai vị Đức **Phật Từ Hàng Như Lai**,
Liên đến chỗ Đức Ngài **Trí Tích**
Hỏi thăm nhau lễ kính một hồi
Xong rồi tất cả đồng ngồi.

Trí Tích thưa hỏi **Văn Thù** Pháp Vương:
“Ông chí lớn phước dưỡng cao cả
Qua cung Rong giáo hóa chúng sanh
Bao nhiêu số được đạo thành

^(*) *Ta Kiệt La (Long Vương)*: Còn gọi: *Sa Đà La (Long Vương)*. Xem Thích nghĩa văn S.

^(*) *Linh Thứu (Sơn)*: Còn gọi: *Kỳ Xà Quật (Sơn)*. Xem Thích nghĩa văn K.

Xin hãy bày tỏ phân rành đặng không?”.

Ngài **Văn Thù** trong lòng cõi mở

Đáp lời rằng rất khó kể ra.

“Số đó vô lượng Hằng hà,

Chẳng phải miệng nói được là hết đâu,

Chẳng phải tâm nghĩ âu lường đặng

Hãy đợi chờ kiên nhẫn phút giây

Sẽ tự chứng biết việc này

Xin ông an tọa tôi đây hiển bày”.

Lời tuyên bố của Ngài **Sư Lợi**

Chẳng phải ngồi chờ đợi lâu hơn

Vô số **Bồ Tát** khôn lường

Ngồi tòa Sen báu phóng dường đạo quang

Từ biển vọt một đường thẳng đến

Linh-Thứ Sơn trụ giữa hư không.

Các vị **Bồ Tát** số đông

Của Ngài **Sư Lợi** hết lòng độ xong,

Đủ mật hạnh viên thông **Bồ Tát**

Đều luận chứng sáu *Pháp Ba-La*.

Những vị mà trước kia là

Ở giữa **Không giới** (*) hạnh còn **Thanh Văn**

Nay tu hành đắc phần đạo đạt

(*) *Không Giới*: Xem phần Thích nghĩa.

Chứng nghĩa “**Không**” (*) của Pháp Đại Thừa.

Văn Thù Sư Lợi xin thưa

Với Ngài **Trí Tích** việc vừa kể trên.

“*Tôi giáo hóa ở nơi biển cả
Việc như thế hiệu quả hay không?*”.

Trí Tích Bồ Tát nghe xong

Ca ngợi **Sư Lợi**, hết lòng kệ khen:

*Văn Thù Đại Trí đức cao cường
Hóa độ cung Rồng chốn đại dương
Trong hội lớn này đây hiện rõ
Tôi đều đã thấy rất tinh tường
Mở bày thiệt tướng không sai nghĩa
Diễn nói Nhất Thừa Pháp diệu phương
Rộng độ chúng sanh vô số kể
Khiến mau thành **Phật** thật phi thường.* (lay)

6. Ngài **Văn Thù** Pháp Vương Tử nói:

“Tôi hóa thân vào cõi biển sâu

Thường tuyên thuyết Kinh nghĩa mầu

Liên Hoa Diệu Pháp rộng sâu mở bày”.

Ngài **Trí Tích** hỏi Ngài **Sư Lợi**

Rằng: “Kinh này vi diệu rất sâu

(*) “**Không**”: Xem phần Thích nghĩa.

Là báu trong các Kinh mầu,
 Hiện đời ít có, tu cầu khó khăn.
 Vậy có ai siêng năng tinh tấn
 Trì Kinh này thành đặng **Phật** chẳng?”.

Ngài **Văn Thù** mới đáp rằng:
 Có người con gái vua RỒNG **Kiệt-La** (*)
 Mới tám tuổi xuất gia cầu đạo
 Căn tánh lanh, thông thạo Kinh này,
 Lại có trí huệ sáng khai,
 Khéo biết hành nghiệp bốn loài chúng sanh,
 Pháp **Tổng trì** (*) đắc thành chánh định,
 Các tạng Pháp rất kín siêu mầu
 Của Chư **Phật** thuyết từ lâu
 Người đều có thể hiểu sâu thọ trì,
 Vào định thiền lưới nghi đã đoạn
 Nên rõ thấu Pháp tạng sâu xa
 Chỉ trong khoảnh khắc **sát-na** (*)
 Phát tâm Vô Thượng Bồ Đề thành công
 Chứng đặng bậc bất không thối chuyển
 Giải biện tài vô ngại lợi hành
 Thường nhớ các loại chúng sanh

(*) **Kiệt La**: Gọi đầy đủ: **Sa Kiệt La**. Xem Thích nghĩa *Sa Đà La (Long Vương)*.

(*) **Tổng Trì**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Sát Na**: Xem phần Thích nghĩa.

Xem như con đẽ đồ dành dạy khuyên
 Công đức đủ đại nguyên sáng chói
 Lòng nghĩ ra miệng nói Pháp mầu
 Từ bi như đức cao sâu
 Khiêm nhường trên dưới đâu đâu phục tùng
 Ý chí lớn, khiêm cung hòa nhã
 Người có thể đến quả Bồ Đề.

Trí-Tích Bồ Tát luận về

Rằng: “Tôi đã thấy không hề nghĩ sai
 Đức **Thích-Ca Như Lai** Tôn Thánh
 Chuyển ở trong vô lượng kiếp phàm
 Làm những hạnh khổ khó làm
 Chứa nhiều công đức rộng hàm bao la
 Đạo Bồ Đề **Phật Đà** cầu chứng
 Tâm luôn luôn chịu đựng khổ phiền
 Chưa từng rời bỏ thế nguyên,
 Tôi xem trong cõi Tam Thiên rộng dài
 Nhấn đến không chỗ ngoài hạt cải,
 Thế giới này thâu lại nhỏ hơn
 Bốn nguyên **Bồ Tát** chi sần
 Dù bỏ thân mạng lợi dưỡng chúng sanh
 Vậy sau mới đặng thành đạo quả.

Chẳng thể nào **Long Nữ** ^(*) đó mà
 Ở trong khoảng một sát-na
 Chứng bực Chánh Giác thật là khó tin”.

Buổi luận đạo chân tình chưa dứt
Long Nữ dùng thần lực hiện ra
 Nơi trước đại hội tháp tòa
 Đầu mặt lễ kính **Phật Đà** nghiêm trang,
 Xong rồi lại đứng sang một thể
 Chắp tay đây nói kệ khen rằng: (lạy)

Tội phước xưa nay thấu rõ ràng
 Chiếu soi khắp cả tận mười phương
Pháp thân thanh tịnh luôn vi diệu
 Đầy đủ ba hai tướng vẹn toàn
 Lại có tám mươi tướng phụ đẹp
 Trang nghiêm tự thể hiện minh quang
 Trời, người ai nấy đều chiêm ngưỡng
 Hết thấy Long Thần kính nể nang.

Tất cả muôn loài trong chúng sanh
 Không ai chẳng kính bậc tu hành
 Lại nghe thọ ký thành Vô Thượng
 Chỉ **Phật đạo** nên chứng biết danh
 Tôi nói Đại Thừa Kinh **Diệu Pháp**

^(*) *Long Nữ*: Gọi đầy đủ: “*Long Nữ Thành Phật*”. Xem phần Thích nghĩa.

Liên Hoa độ thoát khổ quần sanh. (lay)

7. Vừa nghe xong, Ngài **Xá Lợi Phất**
 Bạc Trí Huệ con **Phật Như Lai**

Liên hỏi **Long Nữ** rằng nay:

“Người nói chắc chắn không rày bao lâu
 Đạo Vô Thượng nhiệm mầu sẽ đắc
 Không có gì chứng thật để tin.

Vì sao?

Vì người nữ thân hình như ướ
 Chẳng phải là Pháp khí tịnh thanh,
 Thế nào có thể đặng thành

Vô Thượng Chánh Giác chóng nhanh như lời.

Đạo Phật rộng sâu với khôn tưởng
 Phải trải qua vô lượng kiếp trần
 Chịu đựng gian khổ tinh cần

Chứa nhóm công hạnh siêng năng không ngừng

Tu các độ đắc phần hiệu quả
 Vậy sau mới đạo cả viên dung.

Lại nữa, thân nữ có chung

Năm điều chướng ngại thật không thể lường:

1. *Chẳng đặng làm **Phạm Thiên Vương** hiển hích,*
2. *Chẳng đặng làm **Đế Thích Đề Hoàn,***
3. *Chẳng đặng làm **Ma Vương** thế gian,*

4. *Chẳng dặng làm **Chuyển Luân Thánh Vương**,*
 5. *Chẳng dặng làm **Phật Như Lai**.*

Thế nào thân nữ hiện nay

Đặng mau thành **Phật** chẳng ai tin cùng?”. (lạy)

Lúc đó!

Ngài **Long Nữ** ung dung tâm dạ

Lấy hạt châu báu lạ lưu truyền

Giá trị bằng cõi Tam Thiên

Dâng lên Đức **Phật**. **Phật** liền nhận ngay.

Long Nữ nói với Ngài **Trí Tích**

Cùng Tôn giả **Xá Lợi Phất** rằng:

“Tôi hiến châu báu toàn năng

Đức **Phật** nạp thọ, việc làm mau chẳng?”.

Xá Lợi Phất đáp rằng: “Nhanh lẹ”

Ngài **Long Nữ** lại nói: Xem chẳng.

“Ông đây dùng lấy sức thần

*Xem tôi thành **Phật** có phần nhanh hơn”.*

Cả chúng hội hiện đang có mặt

Đều thấy Ngài **Long Nữ** thoát nhiên

Biến thành nam tử tráng niên

Đủ hạnh **Bồ Tát** thiện nguyện thanh cao

Liên qua cõi phương Nam **Vô Cấu** (*)
 Ngồi trụ yên Sen báu tòa vàng
 Thành bực Đẳng Giác hoàn toàn
 Tròn đủ tướng hảo rõ ràng ba hai,
 Tám mươi món an bày tướng phụ
 Vì chúng sanh rộng độ mười phương
 Pháp mầu diễn thuyết hoằng dương
 Muôn loài giác ngộ khôn lường Hằng sa.

 Khi ấy, cõi Ta bà thế giới
 Hàng **Bồ Tát** cho tới **Thanh Văn**
 Trời, Rồng, Bát Bộ, chúng Nhơn,
 Phi nhơn đều thấy tận tường diễn ra
 Ngài **Long Nữ** nay đà thành **Phật**
 Trong hội đó đủ bậc Nhơn, Thiên
 Giảng nói giáo pháp Kinh truyền
 Tất cả an lạc ứng nguyên kính tôn
 Vô lượng chúng chứng đồng một bậc
 Bất Thối Chuyển chơn thật không sai,
 Vô lượng chúng khắp muôn loài
 Lãnh lời thọ ký **Như Lai** sau thành.
 Cõi **Vô Cấu** đằm lành hiển hiện
 Sáu diệu mầu rung chuyển động vang

(*) **Vô Cấu**: Xem phần Thích nghĩa.

Cõi Ta bà có ba ngàn
Trụ bậc Bất Thối đạo vàng tinh thông
Ba ngàn chúng phát lòng đại thí
Đặng lãnh lời thọ ký sau này.

Trí Tích, Xá Lợi Phất đây
Tất cả chúng hội không ai nói gì
Yên lặng . . . tin nhận . . . đó thì ./.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)
- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

(QUYỂN 4)



PHẨM “TRÌ ”

(Thứ Mười Ba)

1. Lúc bấy giờ, **Dược Vương Bồ Tát**
 Và Ngài **Đại Nhạo Thuyết Ma Ha**
 Cùng chung quyển thuộc toàn gia
 Hai muôn **Bồ Tát** rất là sâu duyên
 Ở trước **Phật** phát tuyên lời thệ
 Rằng: “Cúi mong Đức **Thế Tôn** đây!
 Chớ lo lắng chuyện sau này,
 Khi **Phật** diệt độ trần ai cõi Phàm
 Chúng con nguyện sẽ làm tất cả
 Vì muôn loài giáo hóa hiển khai
 Phụng trì thuyết diễn Kinh này,
 Đời sau ác trọng nghiệp dày khó khăn
 Bởi chúng sanh thiện căn càng ít
 Nhiều kẻ *Tăng thượng mạn* dối lường
 Tham lam lợi dưỡng cúng dường
 Cội lành chẳng có, nhiễm vương tục đời

Đạo giải thoát xa rời từ đó,
 Vẫn biết rằng dầu khó giáo khuyên
 Chúng con gắng sức nhẫn kiên
 Tùy cơ đọc tụng phổ truyền **Pháp Hoa**
 Thọ trì giải rộng ra biên chép
 Dùng mọi thứ các phép cúng dường
 Cho đến thân mạng xem thường
 Quyết không đánh mất con đường thiện tâm”. (lay)

2. Lúc đó,

Trong chúng có năm trăm La-Hán
 Đặng thọ ký làm rạng đạo mâu
 Đồng tình bạch **Phật** như sau:

“**Thế Tôn!**

Chúng con cũng tự nêu cao thệ nguyện
 Dầu có ở trần miền khắp cõi
 Quyết hết lòng giảng nói Kinh này”.

Bực Hữu học, Vô học đây

Tám nghìn người đặng **Như Lai** ký truyền
 Đồng từ chỗ ngồi yên đứng dậy
 Hương về **Phật** cả thảy thệ rằng:

“**Thế Tôn!** Ôn **Phật** nặng quăn

Nguyện làm **Phật** sự thường hằng không phai.
 Rộng giảng thuyết Kinh này truyền bá

Hỏi vì sao? Vì cả thế gian,
 Ta bà nhân loại khổ than,
 Nhiều điều tệ ác tràn lan chất chồng,
 Tăng thượng mạn ôm lòng dục vọng,
 Công đức thì cạn mỏng dần dần,
 Tham lam, ích kỷ, hận sân
 Dua vạy quyền lợi tâm chân không còn”. (lạ)

3. Khi đó,

Dì của **Phật** là **Đại Ái Đạo** ^(*)
 Tỳ Kheo Ni cùng sáu nghìn người
 Bực “Học” và “Vô Học” thời
 Từ trong chúng hội chỗ ngồi đứng lên
 Đồng chấp tay tâm nguyện lễ **Phật**
 Nhìn dung nhan của bậc Từ Bi
 Mắt chẳng rời, không nói chi.

Bấy giờ,

Thế Tôn bảo **Kiều Đàm Di** ^(*):
 Vì đâu buồn tủi có chi phân bày
 Sao mà nhìn **Như Lai** thế vậy!
 Tâm người đây **Phật** thấy rõ rồi
 Cho rằng chẳng nói đến người

^(*) **Đại Ái Đạo**: Xem phần Thích nghĩa.

^(*) **Kiều Đàm Di**: Tên gọi khác của **Đại Ái Đạo**. Xem Thích nghĩa văn K.

Để được thọ ký chứng ngôi Bồ Đề?

Kiều Đàm Di chấp nê là quá!

Ta trước nói tất cả **Thanh Văn**

Đều đã thọ ký định phân

Nay người muốn biết về phần tương lai

Ta thọ ký sau đây nghe rõ:

Người ở trong Pháp hội lâu xa

Phụng thờ các Đức **Phật Đà**

Đến sáu muôn tám nghìn ức **Như Lai**.

Đại Pháp Sư làm thầy các vị

Bậc “Hữu Học”, bậc trí “Vô Vi”

Sáu nghìn vị Tỳ Kheo Ni.

Lần lần tu hạnh từ bi đủ đầy

Đạo **Bồ Tát** người đây viên mãn

Kiếp chót sau **Phật đạo** đắc thành

Hiệu là:

“Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Như Lai!” (*)

Cộng thêm mười hiệu dưới đây:

Ứng Cúng, Thiện Thệ sâu dày bao la,

Minh Hạnh Túc cũng là trọn vẹn,

Thế Gian Giải không ngại trở ngại,

Chánh Biến Tri thấu đạo hằng,

(*) *Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Như Lai*: Xem phần Thích nghĩa.

Điều Ngự tất cả hoàn toàn **Trượng Phu**,
Vô Thượng Sĩ đứng đầu muôn loại
 Và đứng trên bậc sĩ trong đời,
Thiên Nhân Sư thầy Trời, người,
Phật Đà toàn giác, đời đời **Thế Tôn**. (lay)

Kiều Đàm Di sau khi thành **Phật**,
 Sáu ngàn vị **Bồ Tát** trước đây
 Tuân tự thọ ký sau này
 Đặng đạo Vô Thượng không hai tột cùng.

Bấy giờ, cũng ở trong Pháp hội
 Mẹ của Ngài Trưởng tử **Hầu La** (*),
 Tỳ Kheo Ni **Du Đà La** (*)
 Lòng không yên ổn sinh ra nghĩ rằng:
“Thế Tôn!

Sao chẳng nói đến phần tôi vậy”.
 Đức **Như Lai** xét thấy ý bà
 Liên bảo **Da Du Đà La**:
“Đời sau lâu nữa rất xa kiếp cùng
 Người sẽ trụ ở trong Pháp hội
 Của trăm ngàn muôn ức **Như Lai**
 Tu hạnh **Bồ Tát** sâu dày

(*) **Hầu La**: Viết tắt của **La Hầu La**. Xem Thích nghĩa **La Hầu La**.

(*) **Du Đà La**: Viết tắt của **Da Du Đà La**. Xem Thích nghĩa **Da Du Đà La**.

Làm vị thuyết pháp giảng bày diệu Kinh,
 Lần lần đăng viên minh **Phật đạo**
 Cõi **Thiện Quốc** y báo trang nghiêm
 Thành **Phật Vô Thượng** hiệu là:
 “*Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai!*” (*)
 Hồng danh hiệu muôn loài **Ứng Cúng**,
Chánh Biến Tri, Thiện Thệ sâu dày,
Minh Hạnh Túc trọn đủ đầy,
Thế Gian Giải ngộ chỉ bày chơn tâm,
Vô Thượng Sĩ pháp thân tịnh diệu,
Bậc Trượng Phu Điều Ngự độ sanh,
Thiên Nhân Sư đáng Cha lành,
Phật Đà toàn giác, đắc thành **Thế Tôn**. (lay)
 Đức **Phật** đó trường tồn tuổi thọ
 Được sống lâu kiếp số khó bàn.
 Nghe xong *Du Đà* (*) hân hoan,
 Bà **Đại Ái Đạo** rõ ràng tánh danh
 Cả quyền thuộc tâm lành sanh khởi
 Mừng đặng việc tha lợi chưa từng.
 Liên ở trước **Phật**, kệ rằng:
Thế Tôn xứng đáng đáng Cha lành

(*) *Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Du Đà*: Viết tắt của *Da Du Đà La*. Xem Thích nghĩa *Da Du Đà La*.

*An ổn Trời, người khắp chúng sanh
Thọ ký các con tròn **Phật quả**
Yên vui đầy đủ Đạo viên thành.* (lạy)

4. Các Tỳ Kheo Ni kệ xong,
Bạch trình Đức **Phật** một lòng như nhau.
“Dù có ở nơi nào phương khác
Chúng con nguyện ban phát Kinh này”
Bấy giờ, **Thế Tôn Như lai**
Nhìn trong **Bồ Tát** các ngài quá đông
Na-do-tha tám mươi muôn ức
Bất Thối Chuyển đều bực tinh thông
Chuyển Pháp Luân bất thối lòng
Tổng trì đã đạt, Sắc không xa rời.
Liên từ chỗ yên ngồi đứng dậy
Đến trước **Phật** lễ bái chấp tay
Trong tâm nghĩ tưởng như vậy:
“ Nếu được **Thế Tôn** đây dạy bảo
Chúng ta nên truyền giáo Kinh này
Thệ nguyện y huấn **Như Lai**
Rộng tuyên giảng nói diễn bày **Pháp Hoa**”. (lạy)
Vì sao **Phật** ngồi mà yên lặng
Cứ điềm nhiên sao chẳng dạy khuyên
Các vị đó dạ không yên

Chúng ta chẳng biết nhân duyên thế nào?.

Lúc đó,

Chư **Bồ Tát** hiểu sâu ý **Phật**

Muốn thỏa nguyện chơn thật của mình

Ở trước **Phật**, giọng vang thinh

Phát lời thệ nguyện đức tin vững vàng:

“**Thế Tôn!**

Khi **Như Lai** Niết Bàn diệt độ

Chúng con đi khắp chỗ mười phương

Hay khiến chúng sanh hiểu tường

Kinh này biên chép rộng đường ban ra,

Hoặc thọ trì hoặc là đọc tụng,

Giải nói bày nghĩa đúng rõ ràng,

Nghĩ nhớ chơn chánh điều lành,

Đúng như giáo pháp tu hành không sai,

Như thế đều nhờ oai thần lực

Của **Như Lai** hết sức hộ trì.

Cúi mong **Thế Tôn** Đại Bi

Giữ gìn **Phật thể** chuyển tùy phương xa”.

Tức thời, na-do-tha **Bồ Tát**

Đồng tiếng vang hỷ lạc kệ rằng: (lay)

5. Cúi mong Đức **Phật** chớ lo xa

An nghỉ vào trong diệt độ mà

Dầu ở nơi đời đây trọng ác
 Chúng con rộng nói **Pháp Liên Hoa**
 Mặc cho có những người vô trí
 Ác dạ đem lời mắng chửi qua
 Có thể dùng dao toan sát hại
 Thệ nguyện nhân nhục với tâm ta.

Tỳ kheo trong đời ác phần đông
 Tà kiến muội mê nhiễm dục lòng
 Chưa đắc đạo mâu xứng đã được
 Dây đầy ngã mạn trí cuồng ngông.

Hoặc có người mặc vào áo nạp
 Lặng lẽ tìm chỗ hạ công phu
 Tự cho mình bậc chơn tu
 Miệt kính nhờn thế đui mù khác chi.
 Vì thích ưa thị uy danh vọng
 Nói Pháp bày lọng ngọng Vô Vi
 Khiến cho các hàng *Bạch Y*
 Người đời lầm tưởng kính vì **Thế Tôn!**
 Hay như bậc *lục thông* La Hán
 Nhưng đâu ngờ là hạng ác tăng
 Thường suy nghĩ việc tục trần
 Giả danh *A Luyệt Nhã* (*) gần giống y,

(*) *A Luyệt Nhã*: Còn gọi: *A Lan Nhã*. Xem phần Thích nghĩa.

Ưu nói lỗi các Tỳ Kheo khác
 Chê chúng con mặt sát thế này:
 Các người bọn Tỳ Kheo đây
 Vì ham lợi dưỡng mới bày khéo khôn
 Nói luận nghĩa bàn môn ngoại đạo
 Tự làm kinh điển giáo đó thời
 Đối lầm người ở trong đời
 Muốn cầu danh tiếng rạng ngời bản thân
 Mà giải nói Kinh này đọc tụng
 Thường ở trong đại chúng ngạo khinh,
 Vì muốn phá hết lòng tin
 Quốc Vương nhẫn đến triều đình thượng quan,
 Bà La Môn, hay hàng Cư Sĩ,
 Chúng Tỳ Kheo đều bị khiến sai,
 Nói xấu đủ thứ chê bai
 Bọn chúng tà kiến giảng bày ngoại môn.
 Vì trọng ân **Thế Tôn** giáo hóa
 Chúng con đều nhẫn dạ vượt qua.
 Ác đời dù có gây ra
 Nhớ lời **Phật** dạy nhẫn hòa thứ tha,
 Bởi các người đều là con **Phật**
 Lời khinh mạn đó tạt dường bao
 Đều sẽ nhận lãnh về sau,
 Như đó thể hiện nêu cao hạnh lành.

Trong đời ác khởi sanh *kiếp trước*
Nhiều các việc sợ sệt xảy ra
 Quỷ dữ nhập xác người ta
Mắng rủa hủy nhục bày ra đủ điều
 Chúng con kính tin yêu Đức **Phật**
 Sẽ mặc giáp nhẫn nhục Ma Ha.
 Vì để nói Kinh **Pháp Hoa**
Nên nhẫn tất cả dù là khó khăn,
 Còn chẳng tiếc đến thân mạng lớn,
 Chỉ tiếc đạo Vô Thượng chẳng trau.
 Chúng con nguyện ở đời sau
Hộ trì chánh pháp khắc sâu lời truyền.
 Thế Tôn! Tự nhân duyên biết trước
 Tỳ Kheo ác đời trước hiện ra,
 Phật dùng phương tiện tối đa
Tùy cơ nghi nói sâu xa pháp bày,
 Chẳng khéo biết châu mày nói ác,
 Người hiền bị bắt nạt đuổi xua
 Xa rời nơi chốn tháp chùa
Các điều ác ấy như vừa kể trên.
 Nhớ lời **Phật** ơn trên dạy bảo
 Chúng con đều vì đạo nhẫn an.
 Các thành ấp hay xóm làng
Có người cầu Pháp **Phật** **đường** từ bi

Chúng con nguyên đồng đi đến chỗ
Nói Pháp mầu **Phật Tổ** giải bày.

Vì mình sứ giả **Như Lai**

Ở trong các chúng nhân loài sợ chi

Sẽ khéo léo phát huy Chánh Pháp

Xin **Như Lai** cõi khác an lòng

Mười phương **Phật** Câu Hội đồng

Chúng con đối trước **Thế Tôn** hoàn toàn

Phát lời thệ đồng vang như thế

Phật rõ lòng nguyện thệ chúng con./ (lạy)

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)
- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 4 (Hết)



Châu báu bạn cho chẳng biết xài
Đi làm thuê mượn cực thân này
Đặng dư chút ít cho là đủ
Gặp bạn mách dùm thoát khổ tai.

Núi cao đào giếng chí mong cầu
Tìm được nước nguồn tận đất sâu
 Gian khó tâm không hề thối chuyển
Niềm tin thực hiện chắc không lâu.

Tháp báu nghe Kinh hiện rõ ràng
Hóa thân Đức **Phật** tụ mười phương
Giáo truyền tròn khắp đồng nhân quả
Diệu Pháp Liên Hoa bất khả bàn.

- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)
- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)

Năm trăm đệ tử được ban truyền
Thọ ký chứng thành **quả Phật** viên.
Tháp báu **Như Lai Đa-Bửu** hiện,

Có Ngài **Nhạo-Thuyết** hỏi căn nguyên.
Ngai vàng lìa bỏ mong cầu Pháp
Đánh trống mười phương gặp bạn hiền
Bồ Tát dưới trên đồng thệ nguyện
Đời sau giảng nói **Pháp Hoa Liên**.

- **Nam Mô Quá Khứ Đa Bửu Như Lai Phật.** (3 lần)



KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
(QUYỂN 5)



- **PHẨM “AN LẠC HẠNH”, Thứ 14**
- **PHẨM “TÙNG ĐỊA DŨNG XUẤT”, Thứ 15**
- **PHẨM “NHƯ LAI THỌ LƯỢNG”, Thứ 16**
- **PHẨM “PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC”, Thứ 17**

**“Đời Diêu Tần Ngài Tam Tạng Pháp Sư
CƯU MA LA THẬP vưng chiếu dịch”**



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

(QUYỂN 5)



PHẨM “AN LẠC HẠNH”

(Thứ Mười Bốn)

1. **B**ấy giờ, Ngài **Văn Thù Sư Lợi**
Đại **Bồ Tát** tâm khởi bạch trình:
 “**Thế Tôn!** Mong được chứng minh
Các vị **Bồ Tát** đức tin sâu dày,
 Vì kính thuận **Như Lai** đại nguyện:
 Ở nơi đời ác hiện sau này
 Hộ trì Kinh **Pháp Hoa** đây
Quyết không thối chí phút giây xao lòng”.
- Thế Tôn!**
 Các **Bồ Tát** ở trong đời ác
 Làm thế nào tuyên phát Kinh này?
 Phật bảo **Văn Thù** nghe đây:
Những điều nghi nhớ **Như Lai** tỏ bày.
 “Nếu muốn nói Kinh này rộng hoát
 Thì các Đại **Bồ Tát** tâm thành

Phải an trụ bốn Pháp lành: (lay)

2. Một là, an trụ nơi **Hành Xứ** ^(*) y.

Thân Cận Xứ ^(*) bốn qui **Bồ Tát**
Thời có thể diễn đạt **Pháp Hoa**.

Văn Thù Sư Lợi! Ý Ta

① **Hành Xứ Bồ Tát** nghĩa là như sau:

Đại **Bồ Tát** nếu vào an trụ
Trong nhẫn nhục khéo thụ thuận hòa,
Ý không vụt chạc sanh ra
Cũng chẳng kinh sợ quần ma ác lòng,
Lại ở nơi Pháp không phân biệt
Mà quán tưởng chơn thiệt tột cùng,
Rời tất cả tướng có, không
Đều là hư dối chớ hòng vịn theo,
Chẳng tham chấp đấm đeo **duyên lự** ^(*).
Đó gọi là **Hành Xứ Ma Ha**.

② **Thân Cận** lược giải sơ qua

Của Đại **Bồ Tát** Ma Ha tinh tường:

- Chẳng gần gũi Quốc vương, Thái tử
Hay Đại thân, Ngự sử chức quyền,
Chẳng gần gũi kẻ giàu tiền,

^(*) **Hành Xứ**: Xem phần Thích nghĩa.

^(*) **Thân Cận Xứ**: Xem phần Thích nghĩa.

^(*) **Duyên Lự**: Xem phần Thích nghĩa.

Ngoại đạo Phạm Chí, **Ni Kiên Tử** (*) kia ...,
 Và chẳng gân, xa lìa những kẻ
 Chuyên viết sách lời lẽ tục dâm
 Bày trò ủy mị ca ngâm
 Khuấy đảo luân lý mê lầm chúng nhân,
 Chẳng gân gủi tránh phần tranh đấu
 Sách ngoại đạo với phái **Lộ-Già-**
Da-Đà (*) thuận, nghịch, lánh xa
 Những kẻ hung hiểm gian tà giết nhau,
 Và **Na-La** kếp đào múa hát ...
 Bày các cuộc hoan lạc chơi bời.

- Lại chẳng gân gủi hạng người
 Đâm heo, giết chó kiếm lời nuôi thân,
 Chẳng gân kẻ lòng nhân không có,
 Sống với nghề săn thú chẳng kiên.
 Dù gặp **Bồ Tát** giáo khuyên
 Cũng không có chí cầu nguyên thanh cao.

- Lại chẳng gân Tỳ kheo nam, nữ
 Hay hạng người Cận sự nữ, nam,
Thanh Văn tâm nọ thích ham,
 Cầu mong chứng đạt, thiền tham trong phòng
 Hoặc kinh hành nơi trong hoang vắng,

(*) **Ni Kiên Tử**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Lộ Già Da Đà**: Xem phần Thích nghĩa.

Hoặc giảng đường lẳng lẳng một mình,
 Hoặc có đến để nghe kinh,
 Gặp thời **Bồ Tát** thuyết trình cơ nghi
 Nói Pháp Không ít khi giác ngộ
 Chẳng mong cầu khó độ hạng này.

Văn Thù Sư Lợi! Sau đây!

Bồ Tát ghi nhớ lời này **Ta** khuyên.

- Chẳng nên gằn thuyền quyên yếm vận,
 Cho rằng tướng chẳng đặng sanh tâm
 Dục nhiễm (*) tham đắm vạy lằm,
 Mà vì nói Pháp diệu âm kinh truyền,
 Trước nữ nhơn không nên ưa thấy.
 Nếu vào nhà người, hãy xét tri
 Chẳng cùng gái nhỏ thiếu nhi
 Đàn bà góa phụ, gái thì nguyên trinh ...
 Ngồi tiếp chuyện riêng mình sai quấy
 Tiếng thị phi người thấy luận bàn,
- Cũng chẳng gằn kẻ bán nam
 Năm giống người ấy để làm thân nhân.

Vì **Phật sự** riêng, cần tiếp xúc
 Phải vào nhà trong lúc đông người
 Chuyên lòng niệm **Phật** chớ lơ

(*) *Dục Nhiễm*: Xem phần Thích nghĩa.

Nhiếp tâm an trụ mỗi lười vượt qua.

Vì người nữ mà **Ta** giảng thuyết
 Chẳng hờ rắng mắt liếc cười nhìn
 Chẳng bày hông, ngực của mình,
 Nhấn đến vì Pháp thân tình lìa xa,
 Còn chẳng luyến hưởng là việc khác
 Làm cho tâm thất lạc tu trì.

Chẳng nuôi đệ tử, Sa Di
 Tuổi còn quá nhỏ thiếu nhi thơ đồng,
 Sợ chúng nó tâm lòng lệch lạc
 Đường tu hành giải thoát lâu dài,
 Cũng chẳng cùng chung một thầy
 Già, trẻ biệt lập việc này khó coi.
 Thường tịnh thiền ở nơi chỗ vắng
 Nhiếp tâm mình thù thắng việc tu.

Này hỡi **Bồ Tát Văn-Thù!**

Gọi là *Thân Cận* ban đầu đã phân. (lạ)

3. Lại nữa,

Đại **Bồ Tát** chuyên cần quán sát
 Thật tướng như *Nhứt Thiết Pháp Không*
 Chẳng điên đảo nơi tâm lòng,
 Chẳng động, chẳng thối, chẳng hòng giảm thuyên,
 Như hư không vô biên trống rỗng

Chẳng khác gì cái bóng nơi hình,
 Không có thật tánh diệt, sinh
 Tất cả lời nói vô tình bày ra,
 Chẳng sanh vọng chấp ta, chấp vật,
 Chẳng có còn nhập, xuất xa rời,
 Chẳng khởi niệm chuyện tục đời
 Không danh, không tướng, không người, không ta,
 Không chỗ có, không là không có,
 Không mé ngăn lớn, nhỏ giới ranh,
 Không ngại vào chỗ tử sanh,
 Không chướng hoặc buộc, thấu rành bốn nguyên.
 Chỉ do bởi nhân duyên mà có
 Tâm điên đảo từ đó sanh ra,
 Quán sát *Pháp Tướng* sâu xa
 Như thế đó mới gọi là chẳng sai,
 Chỗ *Thân Cận* thứ hai vừa giải
 Đại **Bồ Tát** hết thấy y nguyên.

Thích-Ca Thế Tôn muốn tuyên

Lại nghĩa trên đó mà khuyên kệ rằng: (lay)

4. Nếu có vị **Bồ Tát** phát nguyện
 Ở trong đời ác kém tu hiền
 Lòng không sợ sệt đường sanh tử
 Muốn giảng **Pháp Hoa** Kinh báu truyền
 Nên trụ vào trong *Hành Xứ* vậy,

Lại an *Thân Cận Xứ* rành chuyên
 Thường xa vua chúa, không gần gũi
 Thái tử, quan to trọng chức quyền.

Những kẻ ác gian chớ có gần
 Lánh hàng đao phủ dạ hung hăng
 Hạng *Tăng thượng mạn* không giao tiếp
 Ngoại đạo bàn môn, Phạm Chí thân.

Cũng chẳng ưa gần gũi hạng người
 Tu hành tham chấp kinh luật thời,
 Tiểu Thừa quả Thánh mong cầu chứng
 Và những Tỳ Kheo phá giới đời.

Chẳng gần những kẻ thích cầu danh
 La Hán tự xưng đắc quả thành
 Và những Tỳ Kheo Ni thối hạnh
 Giỡn cười, ưa lợi, mất tâm lành.

Cận Sự Nữ, Nam ở cõi trần
 Tham mê năm món dục riêng thân
 Chỉ cầu hiện tại tâm ưa muốn
 Đều thấy không nên chớ có gần.

Hạng người như thế nếu quay đầu
 Dụng tánh tốt lành đến thỉnh cầu
 Tại chỗ của **Bồ Tát** trú ngụ

Để vì nghe **Phật đạo** cao sâu.
Thời **Bồ Tát** nơi dùng sức định
Không chút nghi ngờ sợ sệt đâu
Chẳng có niệm lòng mong lợi dưỡng
Mà vì chúng nói **Pháp Hoa** mầu.

Đàn bà góa bụa, gái còn trinh
Các kẻ bất nam đối tượng hình
Đều chớ có nên gần gũi chúng
Thâu làm đệ tử kết thân tình.

Chớ nên gần gũi kẻ vô lương
Đồ tể sát sanh thói bạo cường
Vì lợi thú cầm đem giết hại,
Vì tiền gạt gẫm gái buôn hương,
Thú vui săn bắn trò tiêu khiển
Lấy vật làm bia chẳng xót thương
Những hạng người kia như thế đó
Không nên gần gũi, chớ xem thường.

Các cuộc chơi bời rất hiểm nguy
Đánh nhau sát phạt bọn cuồng si
Không gần những hạng người dâm nữ
Trọn nhớ xa lìa, nhớ khắc ghi.

Đối diện nữ phạm không nói chơi
Ở riêng khuất tối chỗ không người

Nếu khi giảng Pháp tâm thanh tịnh
 Chẳng đặng liếc nhìn hay giỡn cười.

Khi đi khát thực phải đem mang
 Một vị Tỳ Kheo trên bước đàng
 Nếu chẳng có thì nên chủ định
 Một lòng niệm **Phật** định tâm an.

Đây thời Đức **Phật** gọi tên là:
Hành Xứ và *Thân Cận* giải qua
 Hai Xứ nói trên làm chỗ dụng
 Tùy nghi an lạc thuyết **Liên Hoa**.

Cũng chẳng vịn theo Pháp thượng, trung,
 Hay là Pháp hạ nói cho cùng,
 Hữu vô, thiệt Pháp, cùng không thật
 Chẳng có biệt phân tướng bất đồng
 Nam, nữ nói chung toàn cả thảy
 Vi trần các Pháp cũng đều không
 Đây thời mới gọi tên là vậy;
Hành Xứ của **Bồ Tát** hiển thông.

Tất cả vô thường Pháp thế gian
 Đều không, chẳng có chỗ suy bàn
 Vốn không có chút nào thường trụ
 Cũng vẫn không sanh, diệt rõ ràng
 Đây mới gọi là *Thân Cận Xứ*

Chỗ người trí ngộ định tâm an. (lạy)

Chớ nên điên đảo ở trong lòng
 Phân biệt chấp vào Pháp có, không
 Là thật hay là chẳng phải thật
 Là sanh cũng chẳng phải không sanh
 Ở nơi vắng vẻ thường thanh tịnh
 Trau sửa tâm mình chỗ dụng công
 An trụ nhiếp hành không móng vọng
 Như Tu-Di há sợ cuồng phong.

Quán sát tận tường Pháp thế gian
 Thấy đều không thật có hoàn toàn
 Dường như một khoảng hư không trống
 Chẳng có chắc bền để trụ an.

Chẳng xuất, nhập cùng chẳng diệt, sanh
 Cũng không thối chuyển, động tâm lành
 Thường thường trụ định nơi tâm thể
 Đó gọi là *Cận Xứ* thật hành.

Nếu có vị Tỳ Kheo bốn ban
 Sau khi **Ta** diệt độ trần gian
 Được vào *Hành Xứ* hay *Thân Cận*
 Lúc nói Kinh này tâm vững an.

Có lúc **Bồ Tát** nhập định thiền

Lòng không nghĩ nhớ việc tư riêng
 Tâm luôn chơn chánh trong, ngoài lặng
 Quán Pháp nghĩa “Không” **Phật** giáo truyền.

Từ trong thiên định huệ minh khai
 Vì các Quốc vương thế giới này
 Thái tử, quan, dân trong bốn chúng
 Cùng là ngoại đạo, gái hay trai
 Khởi lòng bi mẫn mà khai hóa
 Rộng nói **Pháp Hoa** Kinh diễn bày
 Tâm vẫn như như không thối thất
 Mọi điều an ổn độ trần ai.

Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương này!
 Đây gọi là **Bồ Tát** bốn lai
 An trụ vào trong sơ Pháp đó
 Đời sau diễn nói **Pháp Hoa** khai. (lạy)

5. **Văn Thù Sư Lợi!** Nghe đây!
 Khi **Ta** diệt độ cõi này cách xa,
 Ở trong đời Ta-bà **Mạt kiếp** (*)
 Ai mà muốn giảng thuyết Kinh này,
 ③ **Hạnh An Lạc** (*) trụ hành ngay,
 Miệng tuyên đọc tụng không bày lỗi Kinh,

(*) **Mạt Kiếp**: Còn gọi: **Mạt Pháp**. Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Hạnh An Lạc**: Còn gọi: **An Lạc Hạnh**. Xem phần Thích nghĩa.

Đều chẳng nói ý tình người khác
 Và không khinh mạn các Pháp Sư,
 Chẳng luận hay, dở việc đời,
 Tốt, xấu bày chuyện của người thế gian.
 Ở nơi hàng **Thanh Văn** cũng chẳng
 Kêu tên người trách mắng lỗi sai,
 Cũng chẳng khen ngợi êm tai
 Những điều tốt đẹp người nay đang hành.

Lại cũng chẳng có sanh lòng oán,
 Hiềm ghét người gây nạn gieo thù,
 Vì ta khéo dụng đường tu
 Tâm lòng an lạc công phu trọn đời,
 Như thế nên những người nghe Pháp
 Không trái ý, phù hợp thích ưa.
 Có chỗ gạn hỏi nghi ngờ,
 Chẳng dùng phương pháp Tiểu Thừa nói ra,
 Chỉ dùng Pháp Đại Thừa chân thật,
 Giải nghĩa rành âm chất tỏ bày
Nhứt Thiết Chứng Trí Như Lai.

Làm cho chúng đặng một ngày liễu viên.

Khi ấy, **Thế Tôn** muốn tuyên
 Nghĩa trên chân thật mà khuyên kệ rằng: (lay)

6. **Bồ Tát** thường ưa giác lợi tha

An vui Kinh giảng thuyết bày ra
 Ở nơi thanh tịnh tâm yên lắng
 Trụ chỗ đạo tràng đặt Pháp tòa
 Dùng lấy *ngũ hương* (*) xoa bản thể
 Tắm nguồn suối Huệ bụi phàm xa
 Mặc y của **Phật** luôn trong sạch
 Ứng dụng tùy cơ nói **Pháp Hoa**.

Nếu có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni
 Các Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di
 Quốc vương, Thái tử, quan, dân chúng
 Dùng Pháp nhiệm mầu giải chỗ nghi.

Nếu có người gạn hỏi **Pháp Hoa**
 Tùy theo đúng nghĩa giải trình ra
 Như duyên cặn kẽ không sai sót
 Thí dụ rõ ràng tối thậm đa
 Dùng trí giảng rành, phương tiện lập
 Khiến đều giác ngộ phát tâm mà
 Lần lần kẻ ấy nhiều vô số
 Vào ở trong nhà **Phật đạo Ta**.

Lòng không lười biếng chỗ tu hành
 Giải đãi chân chừ việc độ sanh
 Đoạn diệt não phiền không chướng ngại

(*) *Ngũ Hương*: Xem phần Thích nghĩa.

Hoảng truyền chánh Pháp tại tâm thành.

Giáo pháp Thượng Tôn hằng giảng tuyên

Thường dùng thí dụ đủ như duyên

Mở bày dạy chúng cùng muôn loại

Đều khiến mừng vui tâm thỏa nguyện.

Y phục, đồ nằm, vật uống ăn

Thuốc thang chỉ dụng lúc khi cần

Kiên khem ít muốn tâm vừa đủ

Không chỗ mong cầu lợi dưỡng thân.

Một lòng tinh tấn nhớ năng siêng

Giảng nói Pháp mầu rộng phước duyên

Đại nguyện **Ta** đây thành **Phật đạo**

Mọi người cũng vậy đắc như duyên

Đó là lợi lớn không gì sánh

Cố gắng thực hành phải chú chuyên

Kết quả Bồ Đề sau chứng đạt

Niết Bàn vui hưởng cõi **Hoa Liên.** (lạy)

Sau khi **Ta** diệt độ **Ta** bà

Nếu có vị Tỳ Kheo xuất gia

Thệ nguyện vì đời đây diễn nói

Rộng truyền Kinh **Diệu Pháp Liên Hoa**

Tâm không một chút sanh hờn giận

Không các não phiền, chướng ngại xa

Cũng chẳng ưu sầu người thế tục
 Dem lòng mắng nhiếc đến thân ta.

Lại không sợ sệt kẻ gian tà
 Dùng gậy đánh người, phải vị tha
 Cũng chẳng đuổi xua hay nhục mạ
 Vì ta hành pháp *nhãn Ba La* (*).

Người trí khéo tu tập hạnh trên
 Tâm minh nuôi dưỡng đức kiên bền
 Thời hay thường trụ nơi an lạc
Phật dạy tận tường nghĩa ở trên.

Công đức của người thật rộng sâu
 Trong nghìn muôn ức kiếp dài lâu
 Cũng không tính kể tri lường được
 Nói chẳng bao giờ hết đặng đâu. (lạy)

7. **Văn Thù Sư Lợi!** Nhớ thời,
 Vị Đại **Bồ Tát** ở đời rốt sau.
 Lúc cõi Thế gần vào Pháp diệt
 Mà thọ trì giảng thuyết Kinh này,
 Lòng không ganh ghét đối ai,
 Cũng chớ khinh mắng người nay tu hành,
 Vạch tìm chỗ ác, lành, hay, dở,

(*) *Nhãn Ba La*: Viết tắt của *Nhãn Nhục Ba La Mật*. Xem Thích nghĩa vắn N.

Lỗi của người sơ hở chê bai.

Tỳ Kheo nam, nữ sau đây:

Tại gia Cư Sĩ lòng nay mong cầu

Quả **Thanh Văn** Tiểu Thừa chứng đắc,

Hoặc **Duyên Giác**, **Bồ Tát** đạo nguyên

Đều không làm chúng não phiền

Sanh lòng nghi hối đoạn duyên đạo mầu.

Nói với người những câu dị giáo

Rằng: “Các người cách đạo rất xa

Trọn không thể chứng huệ là:

Nhứt Thiết Chủng Trí **Phật Đà** viên dung.

Vì sao?

Vì các người buông lung ý đạo

Sự biếng trễ, sâu não muội mê”.

Lại chẳng hý luận vụng về

Các Pháp cao, thấp chẳng hề cãi tranh.

Vì lợi ích chúng sanh tất cả,

Khởi tưởng lòng chơn ngã bi thương,

Đối các Đức **Phật** thường thường

Xem như Từ Phụ ơn dưỡng lớn thay!

Đức hạnh của các Ngài **Bồ Tát**

Tưởng như là một Đại Đạo Sư,

Đại **Bồ Tát** bậc trí như

Khắp mười phương cõi, tâm tư kính thành,
 Xem muôn loại chúng sanh bình đẳng
 Nói Pháp lành sớm đặng hiểu sâu.

Vì thuận theo Pháp nhiệm mầu
 Nên chẳng nói ít, nói nhiều khác hơn
 Nhấn đến người rất ưa Pháp **Phật**
 Cũng chẳng cho là thật nói ra.

Văn Thù Sư Lợi! Nghe qua.

Sau đây **Phật** dạy sâu xa mọi điều

Vị **Bồ Tát** Ma Ha Tát đó,
 Ở đời sau lúc Pháp diệt lần,

Nếu muốn thành tựu công năng
 Được *Hạnh An Lạc* chứng phần thứ ba,

Thời lúc nói **Pháp Hoa** tỏ rạng
 Không có ai nào loạn đến mình,

Đặng bạn đồng học chánh tin
 Chung cùng đọc tụng điển kinh Pháp này,
 Được đại chúng thường ngày nghe thọ.

Nghe thọ rồi hay nhớ không quên,

Nhớ rồi hay tụng kiên bền,
 Tụng rồi hay giải nói, nguyên chép biên
 Hoặc khuyên người thường siêng ấn loát
 Để cúng dường Kinh **Pháp Hoa** đây,

Cung kính tôn trọng khen thay!
 Đời đời như vậy không lay bốn nguyên.

Bấy giờ, **Như Lai** muốn tuyên
 Nghĩa trên chân thật mà khuyên kệ rằng: (lay)

8. Nếu muốn nói Kinh **Diệu Pháp** này
 Bỏ lòng ganh ghét, phải chừa ngay
 A dua, ngạo mạn, tâm tà ngụy,
 Thường giữ hạnh lành chẳng đổi thay.

Chẳng nên miệt thị, rẻ khinh người
 Cũng chẳng luận đàm Pháp nói chơi
 Chẳng khiến người kia nghi hối vậy,
 Rằng người khó đắc **Phật** trong đời.

Phật tử nào hay nói **Pháp Hoa**
 Thường hằng nhẫn nhục tánh nhu hòa
 Từ bi tất cả cùng sanh chúng
 Chẳng có biếng lười chỗ lợi tha.

Bồ Tát Ma Ha rộng khắp phương
 Vì thương sanh chúng đạo hành thường
 Phải nên cung kính thành tâm lễ
 Là Đại Sư ta đáng cúng dường.

Với các **Như Lai, Phật, Thế Tôn!**
 Là Cha Vô Thượng tướng trong lòng

Phá nơi kiêu mạn, tâm đoan chánh
Nói Pháp không ngăn ngại đều thông.

Pháp thứ ba như thế

Người trí phải giữ gìn

Một lòng An Lạc Hạnh

Vô lượng chúng kính tin.

(lay)

9. **Văn Thù Sư Lợi** quang minh!

Các Đại **Bồ Tát** độ sinh sau này.

Lúc Pháp **Phật** gần ngày kiếp diệt,

Có vị nào trì thuyết **Pháp Hoa**,

Ở trong hạng người tại gia

Hay đã cắt ái lìa nhà thế gian.

Sanh lòng Từ ôm mang nguyện lớn,

Mới đúng là **Bồ Tát** hóa sanh,

Từ bi cao cả nguyện thành,

Tâm thường suy nghĩ độ sanh thế này:

Những hạng người trước nay chẳng tưởng

Đánh mất phần lợi lớn trong đời,

Đức **Phật** dụng phương tiện thời

Tùy nghi nói Pháp độ người lầm than,

Chẳng nghe, biết, nghi nan cam chịu,

Cũng chẳng hay, chẳng hiểu, tin dùng,

Chẳng thưa hỏi chỗ tốt cùng

Hạng người như thế xét chung đông đây.

Những người đó trước nay như vậy,

Chẳng chịu tin hiểu lấy Kinh này,

Lúc ta đặng Pháp không hai

Vô Thượng Chánh Giác **Như Lai** viên thành,

Dù người đó có sanh mọi chỗ,

Ta nguyện thể cứu độ không sai,

Dùng sức thần, trí huệ đây

Dẫn dắt, khiến họ Pháp này trụ yên.

④ Nay **Văn Thù!** Lời tuyên ghi nhớ

Đại **Bồ Tát** đó ở đời sau,

Niết Bàn Đức **Phật** đã vào,

Nếu đặng thành tựu Pháp mầu thứ tư.

Nói Pháp này tâm như không lỗi,

Thường được trong các cõi Nhơn, Thiên

Tỳ Kheo nam, nữ thuần duyên,

Thiện nam, Tín nữ ưng nguyện thọ vâng,

Quốc vương cùng Đại thần hoan hỷ

Bà La Môn, Cư Sĩ, chúng nhơn

Cung kính tôn trọng cúng dường,

Chư Thiên nghe Pháp thường nương theo hầu.

Nếu ở trong rừng sâu núi vắng,

Hay xóm làng thành ấp bỏ hoang,

Có người đến muốn hỏi han,

Làm điều sai quấy, được hàng chư Thiên
 Ngày đêm hộ bình yên thân thể,
 Vì Pháp mà bảo vệ cho người,
 Lại khiến thiện tín nghe lời
 Đều đặn tin thọ tâm thời an vui.

Vì sao?

Vì Kinh này được oai thần lực
 Của tất cả các Đức **Phật** đây
 Quá khứ, hiện tại, vị lai
 Giữ gìn cẩn trọng xưa nay không rời.

Này **Văn Thù!** Ông thời phải nhớ!
 Kinh **Pháp Hoa** này ở lâu xa
 Vô lượng cõi nước Hằng hà,
 Nhân đến danh tự khó mà đăng nghe
 Hà huống chi chúng nay được thấy
 Đọc thọ trì hết thảy Kinh này.

Văn Thù Sư Lợi! Như nay
Thế Tôn thí dụ tỏ bày giải phân:
 Có một vị Chuyển Luân Vương Thánh
 Quốc gia giàu, tướng mạnh, binh hùng
 Dùng oai thế hàng phục từng
 Các nước Tiểu nhược chẳng hòng thuận vâng.
 Bảy giờ, Chuyển Luân Thánh Vương

Khởi binh dẹp loạn bạo cường bình yên,
 Vua thấy binh trung kiên giết giặc
 Để giữ gìn xã tắc, giang san
 Luận công tướng sĩ thưởng ban
 Ruộng vườn, nhà cửa, xóm làng cắt chia,
 Lại còn cho son hia, áo mào
 Nhiều bạc, vàng, châu báu, lưu ly,
 Xa cừ, mã nã thiếu chi,
 San hô, hổ phách, đủ thì ngựa, voi
 Nào tôi tớ, hản hời xe cộ,
 Cùng như dân bảo hộ đủ đầy.
 Chỉ riêng ngọc báu minh châu
 Ở trong búi tóc đỉnh đầu chẳng cho.

Vì sao?

Vì riêng trên đảnh vua có một
 Viên châu này quý tốt trong đời,
 Nếu đem cho đó tức thời,
 Quyền thuộc vua ắt người người rất kinh.

Nay **Văn Thù!** Sự tình vừa kể.
 Đức **Như Lai** cũng thế khác nào,
 Dùng sức thiền định dồi trau
 Trí huệ viên mãn pháp mầu mở khai,
 Đặng giáo hóa muôn loài ba cõi,

Mà Ma vương chẳng chịu giác quày,
 Các tướng Hiền Thánh **Như Lai**
 Cuối cùng cũng phải ra tay dẹp loạn.
 Người có công hân hoan đẹp nguyện,
 Trong hàng chúng đồng chuyển các Kinh
 Khiến tâm vui thích tự tin
 Ban cho các Pháp quang minh rạng ngời.
 Nào *thiền định*, nào thời *giải thoát*
 Nào *vô lậu*, chúng đạt *lục căn*.
 Lại ban cho đó Niết Bàn,
 Bảo rằng diệt độ với hàng **Thanh Văn**,
 Làm cho chúng đặng phần an lạc
Phật tùy nghi ban phát phước duyên,
 Tuy vậy chẳng nói Kinh truyền
Pháp Hoa Vô Thượng diệu huyền tối ưu. (lạy)
 Nay Pháp Vương **Văn Thù Bồ Tát!**
 Vua Chuyển Luân thấy các sĩ binh
 Có công vì nước quên mình
 Dem viên châu báu khó tin trong đời
 Đã từ lâu để nơi búi tóc
 Mãi giữ gìn viên ngọc không rời
 Chẳng vọng tâm ý cho người
 Mà nay lại muốn vậy thời ban ra.

Đức **Như Lai Phật Đà** nào khác,
 Đã làm vị Đại Pháp Luân Vương
 Dem Pháp mầu, tâm bi thương
 Giáo hóa ba cõi, sáu đường trăm luân.
 Thấy Hiền Thánh chúng quân **Phật đạo**
 Dẹp ma loạn phiền não tiêu tan,
 Ma **ngũ ấm** (*) chết hoàn toàn
 Tiêu diệt ba độc, tham gian không còn,
 Khỏi ba cõi thoát vòng đọa lạc,
 Phá lưới ma hung ác khử trừ,
 Tất cả đều đắc chân như.
 Lúc ấy, Đức **Phật** đại từ mừng vui,
 Kinh **Pháp Hoa** này thời có thể
 Khiến chúng sanh thế giới Ta bà
 Đồng tu đến bậc **Phật Đà**
Nhứt Thiết Chứng Trí sâu xa khó bàn.
 Là Pháp mầu thế gian đã phá
 Nhiều oán ghét lòng dạ khó tin,
 Trước **Phật** chưa từng nói Kinh
 Mà nay **Phật** nói vì tình chúng sanh.
 Nay **Văn Thù** thấu rành chân thật!
 Kinh **Pháp Hoa** bậc nhất **Như Lai**.

(*) *Ngũ Ấm*: Cũng gọi: *Ngũ Uẩn*. Xem Thích nghĩa *Ngũ Uẩn*.

Lời nói sâu kín không hai
 Rốt sau **Phật** mới ban rày hoằng khai.
 Như Luân Vương lâu nay xem trọng
 Viên minh châu chẳng vọng cho người
 Vì nó quý nhất trên đời
 Mà nay vua cũng vậy thời tặng ban.
 Nay **Văn Thù** rõ ràng như thế!
 Kinh **Pháp Hoa** dụng thể viên dung.
 Là tạng bí mật tốt cùng
 Của các Đức **Phật** nói chung lâu đời,
 Trong các Kinh khó thời so sánh
Pháp Hoa này thế mạnh bậc trên,
 Lâu ngày gìn giữ kiên bền
 Cũng không khởi vọng thuyết tuyên giảng bày,
 Mới chỉ ở ngày nay chúng hội
 Cùng các ông **Phật** nói Kinh truyền.
 Lúc đó, **Thế Tôn** muốn tuyên
 Thuật lại đại ý nghĩa trên kệ rằng: (lay)

10. Tu hành nhẫn nhục phải thường xuyên
 Thương xót chúng sanh lập đại nguyện
 Vì giác lợi tha mà diễn đạt
Pháp Hoa Chư **Phật** mãi lưu truyền.

Trong đời *Mạt Thế* kiếp về sau

Người thọ Kinh này phước đức cao
 Không luận xuất gia hay tại tục
 Đúng là **Bồ Tát**; Đạo thành mau.

Tâm nên sanh trưởng đức từ bi
 Mặc kệ người nay có ngại nghi
 Chẳng tín, chẳng nghe Kinh **Diệu Pháp**
 Mất phần lợi lớn, khổ tai nguy
 Khi ta chứng đắc ngôi Vô Thượng
 Dùng sức tiện phương để phát huy
 Vì nói **Pháp Hoa** này lợi lạc
 Làm cho an trụ chỗ Vô Vi.

Thí dụ như Chuyển Luân Thánh Vương
 Binh hùng tướng mạnh sức phi thường
 Có công dẹp loạn trừ gian tặc
 Ban thưởng thần dân đất ruộng vườn,
 Đồ vật, ngựa xe, voi đủ thứ,
 Trang nghiêm thân thể thật chi dường,
 Xóm làng, thành ấp đều chia thả,
 Tôi tớ hầu gia cũng nhận nhường.

Hoặc ban y phục gấm lụa là
 Các món trân châu đủ ngọc ngà,
 Hồ phách, lưu ly, cùng mã não
 Vui mừng vua Thánh thưởng ban ra.

Nếu có người đây đủ đức tài
 Hay làm việc khó được lành thay!
 Minh châu báu tóc lâu nay giữ
 Vua sẽ thưởng ban viên báu này.

Như Lai cũng thế khác gì đâu
 Là bậc Vua trong các Pháp mầu
 Nhẫn nhục sức nguyên tin rất lớn
 Báu tàng trí huệ đặc từ lâu.

Đức cả từ bi thật khó lường
 Độ đời đúng Pháp rộng muôn phương
 Quán soi nhân loại đồng chung cảnh
 Chịu các buộc ràng khổ não vương.

Muốn cầu giải thoát khỏi sầu đau
 Cùng chúng Ma quân tranh đấu nhau
Phật xót thương đời ban bố Pháp
 Mở đường độ thế thuyết Kinh mầu.

Phật dùng phương tiện rộng vô biên
 Nói các Pháp tu Kinh điển truyền
 Thấy biết chúng sanh tâm giác ngộ
 Đặng nhiều sức mạnh đủ nhân duyên,
 Rồi sau vì chúng nường Câu Hội
Diệu Pháp Liên Hoa mới giảng tuyên
 Như Chuyển Luân Vương kia mở tóc

Minh châu ban thưởng kẻ nhân hiền.

Kinh này là *Bất Khả Tư Nghì*

Trên hết các Kinh chẳng sánh bì

Đức **Phật** xưa nay gìn giữ lấy

Tâm lòng chẳng vọng nói Kinh thì,

Hôm nay chính thức **Ta** tuyên thuyết

Để các ông đây được thọ trì

Diệu Pháp liên Hoa quyền diệu dụng

Đạt thành nghĩa đế dứt hồ nghi.

Sau khi **Ta** diệt độ trần ai

Phật đạo mong cầu trí huệ khai

Muốn đặng trụ an nơi cõi thế

Diễn bày giảng nói diệu Kinh này

Phải nên an lạc trong tâm ý

Bốn Pháp thực hành chẳng lạt phai

Rốt ráo tương lai thành **Phật quả**

Thế Tôn tuyên bố chẳng hề sai.

Người đọc tụng trì Kinh **Pháp Hoa**

Thường không ưu não cõi Ta bà

Lại không có bệnh đau thân thể

Nhan sắc đoan trang đẹp mặn mà.

Chẳng có sanh nhà bần khổ khó,

Hay dòng ti tiện chuyển sinh ra,

Chúng sanh ưa mến lòng hâm mộ
Như thể Thánh hiền bậc Triết gia.

Đồng tử Chư Thiên luôn hộ trì
Tùy quyền sai khiến chỗ an nguy
Gậy dao chẳng động nơi thân mạng
Độc dữ cũng không hại được thì,
Kẻ ác muốn buông lời mắng nhiếc
Tức thời miệng ngậm nói năng chi
Dạo đi khắp chốn tâm vô ngại
Như chúa sơn lâm chẳng khác gì.

Trí huệ quang minh tợ thái dương
Chiếu soi cùng tận khắp muôn phương
Mộng vàng hiển hiện nhiều điềm tốt,
Thấy các **Như Lai** rõ tận tường
An trụ ngôi trên tòa Sư Tử
Có hàng tứ chúng thật khôn lường
Vây quanh Đức **Phật** nghe Kinh Pháp
Trong giấc chiêm bao thiệt lạ thường.

Lại thấy A Tu La, Quỷ, Thần
Số nhiều như thể cát sông Hằng
Chấp tay hướng **Phật** đều tôn kính,
Vì chúng thấy mình nói Pháp chân.

Lại trông các Đức **Phật** mười phương

Thân tướng trang nghiêm thuần sắc vàng
 Phóng đạo hào quang vô lượng tỏa
 Chiếu soi thế giới tận ba ngàn
Phật dùng giọng tiếng *Phạm âm* chuyển
 Mà diễn hoằng khai các Pháp đàn
Diệu Pháp Liên Hoa khai thị chúng
 Chẳng còn sanh tử khổ sầu than.

Phật vì hàng tứ chúng hoằng khai
 Chuyển nói Kinh Pháp vô thượng này
 Tự thấy thân mình trong hội đó
 Chắp tay khen ngợi **Phật Như Lai**.

Nghe Pháp vui mừng dạ chí tâm
 Cúng dường Chư **Phật** trọn nguồn ân
 Tổng trì chứng đắc tâm an lạc
 Thành đặng chơn như Bất Thối chân.

Phật biết tâm người đó chí thiên
 Đã sâu vào **Phật đạo** bền kiên
Phật liền thọ ký cho người đó
 Thành đặng **Như Lai** đắc đại nguyên.

Thiện nam tử người này!

Sẽ ở đời vị lai

Chúng đặng Vô Thượng Trí

Làm nên Đạo Như Lai,

Cõi nước trang nghiêm Tịnh Độ thân
Bao la rộng lớn chẳng đâu bằng
Đủ đầy bốn chúng nhiều vô số
Cung kính vui nghe Pháp đạo hằng.

Lại thấy thân tâm tự của mình
Ở trong rừng vắng vững niềm tin
Pháp lành tu tập không ngưng trệ
Chứng Thật Tướng là chỗ diệt sinh.

Thiền định vào sâu tâm huệ khai
Mười phương diện kiến các **Như Lai**
Kim thân Chư **Phật** đều nghiêm sức
Phước tướng quang minh trọn chẳng sai
Nghe pháp vui lòng vì chúng nói
Thường khi mộng tốt thật lành thay!
Không còn chướng ngại đường tu tịnh
Mãi mãi an lành thoát nạn tai.

Lại mộng thấy mình làm Quốc Vương
Lìa xa quyến thuộc, cung son nhường
Ngai vàng, ngũ dục không tham đắm
Giữ bỏ trần ai đến đạo trường
Dưới cội Bồ Đề an tịnh tọa
Ngồi tòa Sư Tử nguyện kiên cường

Bảy ngày cầu đạo lòng mong mỏi
Đặng trí **Như Lai** chứng liễu thường.

Bồ Đề Vô Thượng đắc xong rồi
Xây Chuyển Pháp Luân để giác đời
Vì bốn chúng đây luôn nói Pháp
Trải nghìn muôn ức kiếp chưa ngơi
Pháp mầu Vô lậu thường khai hóa
Muôn loại chúng sanh được độ thời
Sau rốt Niết Bàn vào tịch diệt
Hết dầu đèn tắt tự nhiên thôi!

Nếu trong đời ác khổ tai
Pháp Hoa bậc nhất giảng khai Kinh này
Người đó lợi lớn nhiều thay!
Các công đức vẹn **Phật** bày kể trên.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)
- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

(QUYỂN 5)



PHẨM

“TÙNG ĐỊA DỮNG XUẤT”

(Thứ Mười Lăm)

1. Lúc bảy giờ, ở trong chúng hội
Đại **Bồ Tát** các cõi khác phương
Số đông dự khán khôn lường
Nhiều hơn số cát tám con sông Hằng,
Trong đại chúng dần dần đứng dậy
Đồng chấp tay lễ bái **Như Lai**.
“**Bạch Thế Tôn!**
Nếu chúng con được an bày
Khi **Phật** diệt độ trần ai Ta bà
Nguyện tinh tấn ngày qua gìn giữ,
Luôn thọ trì đọc tụng, chép biên,
Cúng dường Kinh điển thường xuyên
Pháp Hoa rộng nói lưu truyền khắp nơi”.
Khi đó, **Phật** bảo thời các chúng

Đại **Bồ Tát** đây cũng có lòng

“**Như Lai** chưa dùng các ông

Các Thiện nam tử! Chớ hòng lo xa.

Vì sao?

- Cõi Ta bà của **Ta** tự có

Đại **Bồ Tát** số đó sánh bằng

Số cát sáu muôn sông Hằng

Không tài tính đặng nên chẳng nghĩ bàn.

Mỗi **Bồ Tát** có hàng quyến thuộc

Đông cũng như số cát nêu trên,

Những người đó nguyện lực bền

Khi **Ta** diệt độ năng siêng hộ trì

Đọc tụng rộng phát huy mãi mãi

Kinh **Pháp Hoa** ban rải sau này” (lay)

2. Lúc **Phật** nói lời lành thay!

Ta Bà rung chuyển trái dài Tam Thiên

Cả Đại Thiên đất liền rúng nứt

Ai nấy đều hết sức ngạc nhiên

Muôn ức **Bồ Tát** vô biên

Đồng thời phóng vọt hiện trên mây ngàn.

Thân **Bồ Tát** sắc vàng nghiêm sức

Ba mươi hai tướng đẹp rõ ràng

Vô lượng ánh sáng hào quang.

Trước đây đều ở thế gian Ta bà.

Cõi đó trụ giữa nhà *Không giới*

Thấy đồng nghe tiếng nói **Phật Đà**

Nên từ *Không giới* hiện ra.

Mỗi vị **Bồ Tát** thật là đức sâu,

Bực **Đạo Thủ** (*) đứng đầu đại chúng

Đồng đem theo quyển thuộc toàn gia

Sáu muôn số cát Hằng hà

Nhẫn đến năm, bốn ... hoặc là một muôn.

Có vị đem gia đường quyển thuộc

Chỉ một phần, hay nửa Hằng hà,

Trong nghìn muôn ức do-tha

Một phần số đó ... toàn gia của mình,

Cũng có vị đem nghìn muôn ức,

Cũng có người đem chỉ ức muôn,

Huống là đem nghìn trăm muôn,

Nhẫn đến chỉ có một muôn gia đình,

Huống là đem một nghìn quyển thuộc,

Hoặc một trăm, hoặc được đến mười,

Năm, bốn, ba, hai, một người.

Lại có những vị riêng nơi một mình

Hạnh viễn ly gia đình chẳng tưởng

Số đông đầy vô lượng khôn lường

(*) **Đạo Thủ**: Còn gọi: **Đạo Sư**. Xem Thích nghĩa **Đạo Sư**.

Tính đếm, thí dụ vô phương
 Chẳng thể biết được, đồng nương hội này. (lay)

3. Các **Bồ Tát** này đây vô số
 Từ hư không hiện lộ *Pháp thân*
 Đều đến tháp bảy báu trân
 Yết kiến **Đa Bửu** kim thân **Phật Đà**
 Và Từ Phụ **Thích Ca** Đức **Phật**
 Cùng gieo mình đầu mặt khiêm cung
 Lay chơn hai đấng Đại Hùng,
 Hành lễ Chư **Phật** nói chung một lòng
 Đi quanh **Phật** ba vòng bên phải
 Đồng chấp tay khen ngợi hết lời,
 Cách khen của **Bồ Tát** thời
 Tôn kính Đức **Phật**, khác người thế gian.
 Xong rồi mới đứng sang một phía
 Nhìn dung nhan hai vị **Như Lai**.
 Từ lúc **Bồ Tát** các ngài
 Do nghe tiếng **Phật** hiện bày hư không
 Rồi lễ **Phật** hết lòng khen ngợi
 Tính thời gian vời vợi lâu xa
 Năm mươi tiểu kiếp trải qua
Bồ Tát lễ **Phật** mới là trọn xong. (lay)

Bấy giờ, Đức **Phật Thích Ca**

Ngồi yên trên tháp bảo tòa im thính,
 Hàng Tứ chúng đồng tình nín lặng,
 Tính thời gian đó đặng lâu xa
 Năm mươi tiểu kiếp trải qua
 Vì do thần lực **Phật Đà** biến ra
 Hàng đại chúng tưởng là rất ngắn
 Mới nửa ngày nên chẳng nghĩ bàn.

Bấy giờ, đại chúng bốn ban
 Nường nhờ thần lực các hàng **Như Lai**,
 Thấy **Bồ Tát** an bày vô lượng
 Nghìn muôn ức trụ giữa hư không. (lạy)

4. Chúng **Bồ Tát** đó số đông,
 Chọn ra bốn vị tinh thông Pháp mầu.
- Bạc Đạo Sư đứng đầu **Thượng Hạnh** (*)
 - **Vô-Biên-Hạnh Bồ Tát** (*) Đạo Sư
 - **Tịnh Hạnh** (*) Đạo Sư Đại Từ
 - **An Lập Hạnh** (*) nguyện Đạo Sư thường hành.
- Bốn vị này nhân lành đầy đủ
 Đấng Đạo Sư **Thượng Thủ** (*) xứng danh
 Ở trước đại chúng tâm thành

(*) **Thượng Hạnh (Bồ Tát)**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Vô Biên Hạnh Bồ Tát**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Tịnh Hạnh (Bồ Tát)**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **An Lập hạnh (Bồ Tát)**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Thượng Thủ**: Xem phần Thích nghĩa.

Chấp tay nhìn **Phật** lời lành hỏi thăm:

“Thưa **Thế Tôn!** Thân tâm an lạc

Ít não phiền, bởi các nghiệp sanh,

Ít bệnh, thân trụ yên lành,

Tâm vui giác độ chúng sanh Ta bà,

Những người được **Phật Đà** giáo hóa

Có viên thành đạo quả dễ chăng?

Không làm Đức **Phật** nhọc nhằn

Sanh lòng mỗi mệt tấm thân hao gầy?”.

Khi đó, bốn vị Đại **Bồ Tát**

Đồng thành tâm tuyên phát kệ rằng:

Thế Tôn có đặng sự an nhiên,

Ít bệnh trong thân, ít não phiền,

Giáo hóa chúng sanh nơi cõi thế

Lòng không mỗi nhọc đặng như nguyên.

Những người đáng độ hay chưa độ,

*Thọ hóa dễ chăng **Phật pháp** truyền,*

*Cũng chẳng làm cho tâm của **Phật***

Sanh ra mệt mỗi dạ ưu phiền!.

(lay)

5. Lúc bấy giờ, Đức **Như Lai**

Nghe lời thăm hỏi các Ngài Đạo Sư.

Làm cho đấng Đại Từ vui dạ

Lòng hoan hỷ đáp trả lời rằng:

“Đúng thế! Đúng thế! Các Thiện nam tử!
 Đức **Thế Tôn** an vui ít bệnh,
 Ít não phiền, chánh định tâm an
 Chúng sanh hóa độ dễ dàng
 Không có mệt mỏi, nhọc nhằn vì sao?
 Vì các chúng nhân loài ở đó,
 Từ nhiều đời chịu khó đến nay,
 Được **Ta** dạy bảo thường ngày,
 Trụ nơi Chư **Phật** lâu dài thuở xưa,
 Hằng cung kính thích ưa **Phật đạo**,
 Trồng cội lành gieo tạo phước điền.
 Các chúng sanh đó hữu duyên
 Mới vừa thấy **Phật** ứng nguyên tin sâu,
 Nghe **Ta** nói pháp mầu đại thể
 Vào được trong trí huệ **Như Lai**,
 Trừ người tu tập trước đây
 Tiểu Thừa quả Thánh lòng hay mong cầu,
 Những người đó **Phật** đâu thể bỏ
 Khiến được nghe bày tỏ Kinh này
 Vào trong huệ của **Như Lai**,
 Chứng đặng thiệt tướng không sai nghĩa mầu”.
 Lúc ấy, các vị Đại **Bồ Tát**
 Đồng tâm thành tuyên phát kệ rằng:

Hay thay! Hay thay!

*Đức **Phật** Đại Hùng chẳng có hai
 Vì các chúng sanh chung cả thấy
 Nên đều hóa độ dễ dàng thay
 Thường hay vấn hỏi điều chưa hiểu
 Về trí huệ mầu **Phật** hiển khai
 Nghe Pháp tạng sâu đồng tín thọ
 Chúng con tùy hỷ hộ trì ngay.*

Khi đó, **Thế Tôn Như Lai**

Khen ngợi tất cả các Ngài **Thượng Sư**^(*)

Các Đại **Bồ Tát** trí như

Những lời của đấng Đại Từ: “*Hay thay!*

Hay thay! Thiện nam tử đây!

*Các ông vì **Phật** bày khai tùy lòng”.* (lay)

6. **Bấy giờ,**

Trong chúng hội có ngài **Di Lặc**

Cùng tám nghìn **Bồ Tát** Hằng hà

Đều nghĩ thầm chẳng nói ra

“Chúng ta từ trước nhận là đến nay,

Chẳng thấy nghe việc này như thế

Đại **Bồ Tát** xiết kể Hằng sa

Từ dưới đất hiện bày ra,

(*) *Thượng Sư*: Xem phần Thích nghĩa.

Cúng dường thăm hỏi **Phật Đà Như Lai**”.

Lúc đó,

Đức **Di Lạc** biết ngay tâm niệm

Của tám nghìn **Bồ Tát** Ma Ha

Cùng chỗ nghi của mình ra

Chắp tay hướng **Phật** hỏi qua kệ rằng:

Vô lượng nghìn muôn ức khó lường

Các **Bồ Tát** đại chúng nhiều phương

Xưa nay thật sự chưa từng thấy

Nguyện đấng **Từ Bi** nói tận tường.

Từ chốn nơi nào lại đến đây

Nhơn duyên gì nhóm hội đông vây

Thần thông biến hóa thân cao lớn

Trí huệ chẳng bàn **Phật** sáng khai.

Chí nguyện niệm lực rộng sâu dày

Nhẫn nhục kiên bền chẳng đổi thay

Bốn loại chúng sanh thường lễ kính

Nguyên nhân gì lại đến nơi đây?

Mỗi mỗi hàng **Bồ Tát** tối đa

Dem theo quyến thuộc cả toàn gia

Số đông không thể nào lường đặng

Như cát sông Hằng khó tính ra.

Hoặc có Đại **Bồ Tát** Ma Ha
Dem gia quyển sáu muôn Hằng sa
Dưới trên đại chúng đều như thế
Phật đạo mong cầu dạ thiết tha.

Những Đạo Sư **Bồ Tát** Ma Ha
Sáu muôn số cát sông Hằng Hà
Một lòng đều đến cúng dường **Phật**
Cùng nguyện hộ trì Kinh **Pháp Hoa**.

Có vị đem năm muôn,
Bốn muôn và ba muôn,
Hai muôn đến một muôn
Hằng hà sa quyển thuộc.

Một nghìn hoặc một trăm,
Nhẫn đến một Hằng sa
Phân nửa, ba, bốn phần,
Một phần trong ức muôn,
Nghìn muôn na-do-tha,
Muôn ức các đệ tử,
Nhẫn đến đem nửa ức,
Số đông lại hơn trên.

Trăm muôn đến một muôn,
Một nghìn hoặc một trăm,
Năm mươi hay một mươi,

Ba, hai hoặc một người
 Có vị không quyền thuộc
 Ưa thích riêng một mình
 Đều đi đến chỗ **Phật**
 Số này nhiều hơn trên. (lạy)

Bồ Tát đại chúng quá đông
 Nếu người phát thể đếm hồng khó khăn,
 Quá nơi kiếp số sông Hằng
 Còn chẳng thể biết hết chẳng được nào.
 Các vị oai đức trùm bao
 Tinh tấn dũng mãnh nêu cao hạnh nguyện
 Ai vì đó nói Pháp truyền
 Giáo hóa thành tựu liễu viên như vậy?
 Từ ai khởi xướng mở khai
 Phát tâm hóa độ các Ngài ra sao?
 Xiển dương **Phật pháp** cách nào?
 Thọ trì tu tập dồi trau Kinh gì?
 Thường hành **Phật đạo** phương chi?
 Mà các **Bồ Tát** uy nghi thế này?
 Thần thông trí lực lớn thay!
 Đất bốn phương động nứt rày chuyển rung,
 Thủy đều hiện giữa không trung.
Thế Tôn! Bạch đáng Đại Hùng **Thích Ca:**

“Từ xưa con chẳng thấy qua
 Xin **Phật** hoan hỷ nói mà hiệu danh
 Cõi nước các vị ấy thành
 Để cho đại chúng hiểu rành chẳng nghi.
 Các nước con thường đã đi
 Chưa từng thấy chúng đó thì như nay,
 Con ở trong đại chúng đây
 Ngó nhìn chẳng thấy quen ai một người,
 Thoạt nhiên trong đất hiện đời,
 Nhon duyên gì vậy, **Phật** thời mở mang.
 Nay trong đại hội đạo tràng
 Có trăm nghìn ức muôn ngàn vô biên
 Các chúng **Bồ Tát** Thánh hiền
 Thảy đều muốn biết căn nguyên gốc nguồn.
Thế Tôn đức cả khôn lường,
 Cúi mong kim khẩu tỏ tường chỗ nghi”. (lay)

7. Khi ấy,

Các vị **Phật** từ bi cứu khổ
 Của **Thích-Ca Phật Tổ** phân thân,
 Vô lượng muôn hải vi trần
 Từ các cõi nước xa gần hiện ra
 Ngồi xếp bằng trên tòa Sư Tử
 Dưới cội cây báu quý tám phương

Hàng Thị giả vô số lường
 Thấy chúng **Bồ Tát** bốn phương Hằng hà
 Cõi Tam Thiên bao la chứa nhóm
 Từ dưới đất phóng vọt không gian
 Đồng bạch với **Phật** mình rằng:
 “**Thế Tôn!** Chẳng biết nên chằng cách nào,
Bồ Tát đó dường bao vô lượng
 Từ chốn nào hiện tướng đến đây?”.

Lúc ấy, các Đức **Như Lai!**
 Đều bảo Thị giả an bày định tâm.
 “Các Thiện nam! Hãy chờ giây lát,
 Hiện có Đại **Bồ Tát** Ma Ha
Di Lạc úy hiệu đó mà
 Là vị được **Phật Thích-Ca** ký truyền
 Đòi đương lai đủ duyên thành **Phật**
 Đã hỏi qua sự thật việc trên
 Đức **Phật** sẽ đáp thuyết tuyên
 Các ông nghe thấy như duyên việc này. (lạy)

8. Bấy giờ,

Phật Thích-Ca bảo Ngài **Di Lạc**
 Đại **Bồ Tát** xứng bậc Ma Ha
 “Hay thay! Ông **A Dật Đa** (*)

(*) **A Dật Đa**: Tên tự của **Bồ Tát Di Lạc**. Xem Thích nghĩa văn A.

Vì chúng thưa hỏi **Phật Đà** việc trên,
 Các ông phải chung nguyên một dạ
 Mặc giáp bào Đạo cả đồng tinh
 Phát ý bền vững chính mình
 Sâu xa thệ nguyện độ sinh sau này.
 Nay **Như Lai** muốn bày hiển đạt,
 Trí huệ đây của các **Thế Tôn**,
 Sức thần tự tại trường tồn
 Của các Đức **Phật** mười phương đắc thành,
 Sức vô ngại độ sanh Chư **Phật**,
 Sức oai thế của bậc **Như Lai.**”

Khi đó, **Thế Tôn** an bày,
 Muốn tuyên lại nghĩa trên đây kê rằng:

Một lòng tinh tấn định tâm an
Ta sẽ vì ông giải rõ ràng
 Chớ có vọng sanh nghi hối vậ,
 Không nên suy nghĩ chỗ tri bàn.
Như Lai trí huệ không so sánh,
 Đức **Phật** nguyện sâu độ thế gian.
 Gắng sức trụ trong nơi nhĩn thiện,
 Pháp xưa chứng ngộ **Phật** truyền ban.

Nay **Ta** an ủi chúng phần đông
 Giải tỏa nghi nan của các ông

Lời **Phật** bao giờ đây cũng thật
 Trí **Như Lai** rộng cả hư không
Thế Tôn đặng Pháp mầu siêu tột
 Rất khó đo lường chỗ đực trong
 Vì thế nên nay **Ta** sẽ nói
 Các ông nghe rõ hết nghi lòng. (lay)

9. **Thế Tôn** nói kệ trên xong,
 Bảo Ngài **Di Lạc** lắng lòng nghe đây:
 “ Nay đại chúng đủ đầy vô số
Ta giải bày hết chỗ hoài nghi
 Các ông mau khá gắng ghi
 Những lời chân thật từ bi giáo truyền.
A Dật Đa! Đại duyên thừa hỏi.
 Hàng **Bồ Tát** ở cõi đâu ra
 Số nhiều không tưởng Hằng sa,
 Hiện từ lòng đất thật là ngạc nhiên
 Mà các ông căn nguyên chưa rõ
 Cũng chưa từng thấy đó bao giờ.
 Lành thay! Đặng dịp thuận cơ
Như Lai xin giải khỏi chờ đợi lâu.
 Lúc **Ta** đặng đạo mầu chứng đắc
 Cõi **Ta** bà dìu dắt chúng nhưn
 Giáo hóa **Bồ Tát** đó thường

Điều phục tất cả vào đường **Như Lai**.

Các **Bồ Tát** hôm nay đã thấy,

Ở phía dưới cõi đất Ta bà,

Hư không trụ giữa làm nhà,

Kinh điển đọc tụng rất là tinh thông,

Thường suy gẫm hiểu trong các Pháp,

Nghĩ tưởng đều phù hợp chánh chân.

A Đạt Đa! Các chúng nhân

Thiện nam tử đó đạt phần dụng công,

Chẳng ưa thích ở trong đại chúng

Chỗ luận bàn sai đúng biệt phân

Tâm nương chỗ vắng tịnh thân

Siêng tu tinh tấn chưa từng thối lui,

Chẳng nương tựa Trời, người mà ở,

Thiền định sâu rộng rõ huệ mâu

Không có chướng ngại tai sâu,

Lòng hằng cầu Pháp cao sâu **Phật Đà**.

Quả Vô Thượng mong là chứng đắc

Nên chuyên lòng vững chắc kiên bền”.

Lúc đó! **Thế Tôn** lại tuyên

Nghĩa trên chân thật bày khuyên kệ rằng: (lạy)

Di Lạc ông đây nên biết rành

Các **Bồ Tát** lớn này thường hành

Từ vô số kiếp xưa lâu lắm
Tu tập cầu mong huệ **Phật** thành
Chúng đó đều nhờ **Ta** hóa độ
Khiến nên phát Đại Đạo tâm lành,
Hôm nay ứng hiện vì duyên lớn
Nghe giảng Pháp Hoa nguyện độ sanh.

Chúng đây **Phật tử** của **Như Lai**
Y chỉ trụ yên thế giới này
Tu hạnh Đầu Đà không quản ngại
Chí nguyện thanh tịnh lánh trần ai,
Xa lìa đại chúng nơi đông hội
Chẳng thích nói bàn Pháp đúng sai
Thiền định ngày đêm luôn nhiếp trụ
An vui tự tại huệ tâm khai.

Các vị đó tâm như thế kia
Pháp **Ta** học tập nguyện không lìa
Ngày đêm sốt sắng thường tinh tấn
Phật Đạo vui cầu nhĩn sớm khuya.

Ở phương dưới đất cõi Ta bà
Trụ ở hư không khoảng rất xa
Sức chí niệm bền luôn vững chắc
Một lòng cầu trí huệ Ma Ha,
Pháp mầu rộng thuyết đều sâu kín

Tâm chẳng sợ gì bọn chúng ma
Tam giới vào ra không chướng ngại
 Rộng nguyên độ chúng cõi Ta bà.

Như Lai trụ ở *thành Già Da* (*)

Ngôi dưới cội cây *Tất bát la* (*)

Thành bậc tối cao ngôi Chánh Giác
 Chuyển khai Vô Thượng Pháp Luân xa
 Mở đường giáo hóa đui sanh chúng
 Rộng độ nhân sinh chí lợi tha
 Vô số trụ vào ngôi Bất Thối
 Thủy đều thành **Phật** giống như **Ta**.

Mọi chỗ giải bày sự chứng minh
 Các ông nghe thấy một lòng tin
 Từ lâu **Ta** đã ra công độ
 Các chúng liễu viên bốn nguyện mình. (lay)

10. Lúc bấy giờ, Ngài **Di Lạc**
 Đại **Bồ Tát** cùng vô số chúng đây
 Lòng sanh nghi hoặc lời Thầy
 Lấy làm rất lạ ông nay nghĩ rằng:
 “**Thế Tôn** sống trong trần quá ngắn
 Bằng cách nào độ đặng vô biên

(*) *Già Da (thành)*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Tất Bát La*: Xem phần Thích nghĩa.

A-tăng-kỳ các Thánh hiền
 Vào ngôi Vô Thượng thoát miền trần gian”.

Liên bạch **Phật** muôn ngàn thứ lỗi
 Tâm chúng con nghĩ hỏi thế này:

“**Thế Tôn!** Là bậc **Như Lai!**

Lúc làm Thái tử nổi ngai cung rồng.

Khi rời bỏ lìa dòng thế tục,

Ngôi đạo tràng khổ nhục **Đầu Đà**

Thành Già-Da cách chẳng xa,

Đặng đạo Chánh Giác **Phật Đà Như Lai.**

Thời gian đó đến nay ngắn ngủi

Bốn mươi năm sớm tối qua mau,

Đức **Thế Tôn** như thế nào

Khoảng đời quá ngắn làm sao chóng thành,

Do nguyện lực ân lành của **Phật**,

Do công đức của bậc phi thường

Giáo hóa **Bồ Tát** khôn lường

Chứng thành Vô Thượng thoát đường tử sanh?

Thế Tôn!

Vô số chúng xứng danh **Bồ Tát**

Nếu có người trong các chúng kia

Trải nghìn muôn ức kiếp qua

Đếm không thể hết lâu xa khó lường,

Chẳng ngần mé vô phương biết đặng,
 Chúng từ xưa hoặc nhận đến nay,
 Ở nơi vô lượng **Như Lai**,
 Trông các công đức lành thay sâu dày,
 Thành tựu đạo ***bất lai*** (*) **Bồ Tát**,
Phạm hạnh tu giải thoát tục đời.

Thế Tôn việc như thế thời
 Rất khó tin nhận ở đời mai sau.
 Thí dụ như có người son trẻ
 Tóc còn đen tuổi mới hai lăm;
 Chỉ người trăm tuổi bảo rằng:
 “*Nói đó con để ruột thân của mình*”.
 Người trăm tuổi cũng nhìn như thế
 “*Chỉ người trẻ bảo đó là cha*”.
 Việc đó khó tin nhận mà,
 Đức **Phật** cũng vậy, thiệt là khó tin.

Từ lúc **Phật** một mình thành đạo
 Nhận đến nay hạ đáo không lâu,
Bồ Tát chúng đó siêu mầu,
 Đã nghìn muôn ức kiếp hầu xa xưa,
 Vì **Phật đạo** siêng ưa tu tập,
 Khéo chuyển luân xuất nhập vào ra

(*) *Bất Lai*: Xem phần Thích nghĩa.

Trụ nơi vô lượng Hằng hà
Muôn ức tam muội thật là lành thay!
Đặng thần thông có oai lực lớn
Tâm thanh tịnh thiết tướng nêu cao
Pháp lành thứ đệ dồi trau
Giỏi nơi vấn đáp lâu lâu tinh thông,
Là báu quý ở trong nhân loại,
Cả thế gian hiếm thấy ít khi .

Ngày nay nghe **Phật** cơ nghi
Chúng con chẳng biết xét tri thế nào!
Đạo mới thành làm sao thọ nhiếp
Độ chúng đó ước kiếp lâu xa.
Chính **Phật** vừa mới nói ra
Lúc đặng **Phật đạo**, khiến mà chúng kia
Phát tâm ngộ trau tria thuần hạnh
Chỉ thẳng đường **Phật tánh** tinh chuyên
Làm cho chúng hưởng bốn nguyên
Về ngôi Vô Thượng đại thiên cao sâu.
Đức **Thế Tôn** đạo mầu mới đặc
Chưa bao lâu diu dắt chúng đây
Mà bèn làm đặng việc này
Công đức to lớn xưa nay chưa từng.
Chúng con dầu lại tin nơi **Phật**

Tùy cơ nghi chân thật Pháp bày,
 Lời **Phật** nói ra hôm nay
 Không hề hư vọng lầm sai bao giờ,
 Chỗ **Phật** biết Thiên cơ thông suốt,
 Những **Bồ Tát** mới được phát tâm,
 Sau khi **Phật** diệt độ trần,
 Nếu nghe lời **Phật** chẳng phân biệt gì.
 Không tin nhận, có khi tạo lỗi
 Sanh như duyên nghiệp tội sâu dày
 Phá hoại Chánh Pháp **Phật** đây.

Kính thưa! **Thiện Thệ! Như Lai! Phật Đà!**

Mong vì chúng thứ tha tất cả
 Sớm giải trừ tâm dạ nghi nan
 Chúng con và các Thiện nam
 Đời sau nghe **Phật pháp** đàm chẳng nghi.

Ngài **Di Lạc** muốn ghi nghĩa thật
 Những điều trên vấn **Phật**, kệ rằng:

11. **Phật Tổ** giáng trần dòng **Thích Ca**

Xuất gia tầm đạo gần Già Da

Bồ Đề tịnh tọa tâm vô ngại

Đắc đạo thời gian cũng chẳng xa.

Các hàng **Phật tử** số đông đầy

Không thể tính lường đếm hết đây

Phật đạo từ lâu đà tỏ ngộ

Thần thông an trụ sức mầu thay.

Bồ Tát đạo hành cũng khéo đa

Thế gian chẳng nhiếp, đoạn lìa xa

Như Sen trong sinh không dơ bản,

Từ đất thường sanh phóng vọt ra

Cả thấy một lòng cung kính **Phật**

Đứng nơi trước đấng **Thế Tôn** mà

Việc trên khó nghĩ bàn cho đặng,

Không dễ gì tin chẳng thấy qua.

Như Lai đặng đạo rất gần đây

Thành tựu đức công trái rộng dài

Vì chúng mong trừ lòng nghi hối

Thế Tôn phân biệt khỏi lầm sai.

Ví như người trẻ mạnh còn xuân

Tuổi mới hai lăm vẹn vóc thân

Lại chỉ người kia trăm tuổi hạc

Lưng còm, má hóp, mặt da nhăn

Người này vốn thiệt ta sanh trưởng

Già gọi đầu xanh đó phụ thân

Cha trẻ, con già không thể đượ

Việc trên như thế có tin chẳng?

Thế Tôn đã biết rõ nguyên nhân
 Lời hỏi các con rất thiết cần
 Đặng đạo gần đây sao độ chúng
 Ưc muôn **Bồ Tát** cát sông Hằng
 Tâm bền **Phật đạo** không lui chuyển
 Chí vững như như đạt hiệu năng
 Vô lượng kiếp qua đồng nhất nguyện
 Tu hành **Bồ Tát** đạo viên phần.

Giải nơi gạn hỏi đáp tinh thông
 Chẳng sợ ngại ngăn tự tại lòng
Nhĩn nhục Ba La sang bỉ ngạn
 Doan nghiêm oai đức thật vô cùng
 Mười phương Chư **Phật** đều khen ngợi
 Khấp cỡi nơi nơi hưởng phước hồng
 Phân biệt khéo hay bày giải thích
 Thường ưa thiên định liễu chơn không.

Vì cầu **Phật đạo** quả **Như Lai**
 Sanh tử vào ra chẳng quản nài
 Phương dưới hư không nương trú ẩn
 Cách Trời, xa đất lánh trần ai.

Chúng con nghe **Phật pháp** mầu khai
 Nơi việc này đây chẳng nghĩ sai
 Nguyện **Phật** vì người sau giảng nói

Thế Tôn diễn thuyết hiểu mau ngay.

Nếu người đọc tụng Kinh này vậy

Lòng lại không tin ắt khổ tai

Liên phải đọa vào đường ác dữ

Mong cầu vì chúng **Phật** phô bày.

Vô lượng **Bồ Tát** Hằng hà

Thời gian rất ngắn **Phật Đà** độ xong,

Giáo hóa khiến phát tâm lòng

Trụ bực Bất Thối thật không thể lường?./.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)
- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA (QUYỂN 5)



PHẨM “NHƯ LAI THỌ LƯỢNG” (Thứ Mười Sáu)

1. Lúc bấy giờ, Đức **Như Lai**

Bảo chúng **Bồ Tát** các Ngài như sau:

*“Thiện nam tử! Pháp trao của **Phật**
Phải hiểu tin chắc thật không hai”.*

Ba lần khuyên bảo các Ngài

Bồ Tát đại chúng hội này gắng ghi.

Trong đại chúng thường tùy có mặt,

Đại **Bồ Tát Di-Lặc** đứng đầu,

Chấp tay bạch **Phật** thỉnh cầu:

“Cúi mong lời dạy cao sâu Phụ Từ

Chúng con và người người tin nhận

Kể từ đây dứt hẳn nghĩ sai”.

Ba phen **Di Lặc** trình bày:

“Cúi mong nói đó con nay tin lời”.

(lay)

2. Bấy giờ, Đức **Thế Tôn** rõ biết
Các **Bồ Tát** đã thiết tâm lòng
Ba phen thưa thỉnh cầu mong
Rồi bảo đại chúng thấy đồng lóng nghe!
Sức bí mật thần thông của **Phật**,
Đã đắc thành chứng thật lâu xa
Nào đâu chỉ mới hôm qua
Trời, người tất cả Tu-La cho rằng:
Nay **Thích Ca Mâu Ni** Đức **Phật**
Rời cung son từ bỏ cha già
Cách thành Già Da chẳng xa
Ngồi dưới cội **Tất Bạt La** tu hành
Đặng Vô Thượng chứng thành **Phật quả**
Tính thời gian không quá dài lâu.
Nhưng, Thiện nam tử biết đâu!
Thiết **Ta** thành **Phật** nhiệm sâu khôn cùng.
Ví như trăm nghìn muôn ức kiếp
A-tăng-kỳ của cõi Đại Thiên.
Giả sử có người đem nghiền
Ra thành hạt bụi số trên khó lường
Rồi đi khắp nơi phương Đông ấy,
Cách năm trăm nghìn ức do-tha
A-tăng-kỳ cõi nước qua,

Bèn rơi một hạt Hằg sa bụi trần,
 Cứ như thế lần lần đi giáp
 Phía Đông kia đến hết vi trần.

Thiện nam tử! Ông nghĩ sao?
 “Các thế giới đó biết bao Hằg hà
 Ai có thể suy ra tính biết
 Đáp số trên được kết quả chẳng?”.

Di Lạc thưa bạch **Phật** rằng
 Cùng các **Bồ Tát** Thánh Tăng một lòng:
 “**Thế Tôn!**

Các thế giới số đông vô lượng
 Chẳng thể gì tính được hết nào
 Dầu dùng tâm lực tài cao
 Cũng không biết được là bao mé ngàn.
 Tất cả bậc **Thanh văn, Duyên giác**
 Đã chứng thành đạo đạt trí mầu
 Chẳng thể suy nghĩ đặng đâu
 Biết được số đó không sao tính lường.
 Chúng con bực chân thường Bất Thối
 Trong việc này chẳng giỏi đạt thông.
 Bạch **Phật!**

Thế giới như vậy quá đông
 Số nhiều vô lượng thật không thể lường”. (lay)

3. Bấy giờ, **Phật** bảo chúng **Bồ Tát**:

“Thiện nam tử! Hỡi các ông đây.

Nay **Ta** tuyên nói giảng bày

Rành rõ mọi sự chấp sai sau này.

Thế giới đó không tài số tính

Dính vi trần, chẳng dính vi trần

Đều nghiền cả thủy nát tan

Vi trần, một kiếp thân mang chẳng dài,

Ta thành **Phật Như Lai** nghĩ lại

Thật lâu hơn số đó Hằng sa

Trăm nghìn muôn ức do-tha

Kiếp trần vô lượng số A-tăng-kỳ.

Kể từ đó duy trì nhẫn nại

Độ chúng sanh khắp cõi Ta bà

Cũng ở cõi khác phương xa

Trăm nghìn muôn ức do-tha tăng kỳ

Dẫn dắt chúng phát huy đạo quả

Đều lợi ích tất cả muôn loài.

Này các Thiện nam tử ơi!

Pháp Hoa chặng giữa **Ta** thời nói qua

Đức **Nhiên-Đăng Phật Đà** thành tựu ...

Các Đức **Phật** diệt độ Niết Bàn,

Thật ra là để mở mang

Phương tiện phân biệt rõ ràng đả thông.

Thiện nam tử ! Các ông nên nhớ.

Có chúng sanh nào đến chỗ **Ta**

Ta dùng **Phật nhĩn** ^(*) xét qua

Quán sát: Tín nguyện cùng là .v.v...

Chậm hay mau các căn của chúng

Tùy theo chỗ đáng dụng độ không

Tùy duyên lời nói chẳng đồng

Niên kỷ lớn, nhỏ phước hồng đều ban,

Như Lai hiện chỉ đàng **Phật pháp**

Mong chúng mau ngộ nhập Niết Bàn,

Phương tiện trí độ mở toang,

Thuyết Pháp vi diệu hoàn toàn chân như,

Làm cho chúng người người an lạc,

Phát lòng tu giải thoát vui mừng.

Các Thiện nam tử biết chăng!

Như Lai thấy những chúng sanh ưa cầu

Pháp Tiểu Thừa tội sâu đức mỏng.

Phật vì người cảm động thuyết ra:

Lúc trẻ **Ta** đã xuất gia

Đặng đạo Vô Thượng thật là chánh chơn

Nhưng thiệt ra, lâu hơn dường ấy,

(*) **Phật Nhĩn**: Xem phần Thích nghĩa.

Khi thành **Phật** nhân lại đến nay,
 Chỉ dùng phương tiện hoằng khai
 Giáo hóa độ chúng bốn loài phàm gian,
 Khiến phát tâm vào đàng **Phật đạo**,
 Nên nói bày Pháp giáo tùy nghi. (lay)

4. Các Thiện nam tử nhớ ghi!
 Kinh điển Đức **Phật** nay thì nói ra,
 Đều vì độ Ta bà Tam giới
 Luôn luôn làm ích lợi *hàm linh*,
 Có khi nói đến thân mình,
 Thân người chỉ dạy thấu tình lý viên
 Hoặc chỉ việc mình chuyên hành đặc,
 Hoặc việc người giả thật, đúng sai,
 Các lời nói Đức **Như Lai**
 Đều thiệt chẳng dối với ai bao giờ.

Vì sao?

Vì **Như Lai** tri cơ đúng thật
 Thấy biết tướng nhưn vật thế gian
 Không có sanh tử buộc ràng,
 Hoặc thối, hoặc xuất, nghĩ bàn hết đầu.
 Cũng không ở đời lâu trụ mãi
 Và diệt độ, chẳng phải thật chơn.
 Chẳng phải hư, chẳng phải như,

Chẳng phải dị lập ngôn từ rộng không,
 Chẳng phải như ở trong ba cõi
 Mà thấy nơi ba cõi hiện bày.

Các việc trên Đức **Như Lai**

Thấy rõ, không có lầm sai chưa từng.

Bởi chúng sanh các căn có khác,
 Thích muốn ưa dục lạc đắm say,

Các món hạnh chưa giữa mài,

Các món nhớ tưởng phô bày biệt phân.

Muốn làm cho các căn lành chuyển,

Nên phải dùng phương tiện nhưn duyên,

Thí dụ lời nói chánh chuyên,

Đủ cách thuyết pháp phổ truyền cạn sâu,

Việc **Phật sự** từ lâu thế đó,

Ta chưa từng tạm bỏ rời xa.

Từ **Ta** thành **Phật** nhãn qua,

Thọ mạng vô lượng kiếp A-tăng-kỳ,

Thường còn mãi duy trì chẳng mất,

Bổn nguyện của Đức **Phật** trường tồn.

Này Thiện nam tử các ông!

Ta xưa tu hạnh hết lòng độ sanh.

Đạo **Bồ Tát** nguyện thành thọ mạng

Đến nay chưa viên mãn bổn nguyện

Lại còn mạnh mẽ hơn trên
 Chúng sanh chịu khổ sao yên tâm lòng,
 Nói diệt độ thật không diệt độ,
 Mà **Phật** bèn xưng nói xưa nay,
 Diệt độ phương tiện quyền bày
 Để giác ngộ chúng các loài còn mê.

Vì sao?

Vì nếu **Phật** ở đời lâu quá,
 Thời người nay đức cả mông manh
 Chẳng trông được những cội lành,
 Nghèo cùng hèn hạ, lợi danh tham cầu,
 Năm món dục khổ sâu say đắm,
 Sa vào trong vực thẳm vô minh.
 Nhớ tưởng vọng kiến mê tình,
 Lưỡi nghi dẹt chặt tâm linh hao mòn.
 Nếu thấy **Phật** thường còn chẳng mất,
 Bèn sanh lòng nhàm chán buông lung,
 Trễ bê tu học nơi lòng
 Chẳng sanh ý tưởng cầu mong **Phật Đà**.
 Được gặp gỡ cùng là cung kính,
 Nên **Như Lai** quyền dụng nói rằng:
“Các Tỳ kheo có biết chăng!
*Chư **Phật** giáng xuất hiện thân cõi trần*

*Khó có thể một lần gặp gỡ
Dù vạn niên muôn thuở khó cầu”.*

Vì sao?

Những người đức mỏng tội sâu
Trải muôn ức kiếp dài lâu vô chừng,
Hoặc có người thấy thân Đức **Phật**,
Hoặc là không thấy bậc **Như Lai**.

Vì vậy, do bởi việc này,
Nên **Ta** khuyên bảo lời hay nói rằng:
*“Hỡi Tỳ Kheo Thánh Tăng Đại chúng!
Đức **Như Lai** khó gặp trong đời”.*

Các chúng sanh đó nghe lời
Như thế, ắt sẽ sanh nơi mong cầu,
Luôn niệm tưởng được hầu **Phật Tổ**
Trong thân tâm ngưỡng mộ khát khao,
Bèn trồng cội đức dưỡng bao
Đức tin trưởng dưỡng nâng cao đời đời.
Dầu chẳng diệt nói thời diệt độ
Phật tùy nghi hóa độ chúng sanh.

Thiện nam tử! Hãy nghe rành.
Phương pháp Chư **Phật** thật hành không sai
Vì độ chúng **Như Lai** chẳng dối
Vạch cho đời muôn lối thực thi.

Ví như có vị lương y,
 Trí huệ sáng suốt thấu tri bệnh tình,
 Khéo luyện thuốc hồi sinh cứu khổ,
 Trị bệnh nhân cấp độ khác nhau.

Người đó con đông dưỡng bao,
 Hai mươi nhân đến thuộc vào số trăm,
 Do sự duyên quang lâm nước khác
 Xa gia đình, xa các con thơ.

Quê nhà con bệnh bất ngờ
 Không cha chữa trị đợi chờ ngóng trông
 Tìm đủ cách nóng lòng chạy chữa
 Uống lầm thuốc giả chứa độc sâm
 Phát sốt mê sảng loạn tâm
 Lăn lộn dưới đất ngồi, nằm rên la.

Bấy giờ,
 Người cha từ nước xa trở lại
 Nơi quê nhà nhìn thấy tận tường
 Các con ngộ độc đau thương
 Đưa còn tâm trí, đưa dưỡng hôn mê.
 Nghe biết cha mình về vô ngại
 Rất vui mừng quì lạy hỏi thăm:

“Thưa cha an ổn thân tâm.

*Chúng con ngu dại uống lầm độc thang,
 Xin cha sớm cứu an thân mạng*

Độ chúng con khỏi nạn kiếp này”.

Thấy con khổ não bấy chầy,
 Người cha y dụng đủ đầy kinh phương,
 Tìm thuốc tốt mùi hương, sắc, vị
 Đâm nghiên hòa hiệp thủy thanh trong
 Dặn bảo các con hết lòng:

*“Thuốc đại lương được mùi nồng thơm ngon
 Mau uống đi chẳng còn độc hại
 Sẽ loại trừ dứt hẳn bệnh căn”.*

Trong các đũa vững tinh thần
 Bỏ tâm chẳng mất họ cần uống mau,
 Thân mạnh lành cơn đau dứt khỏi.
 Còn những đũa kém cõi tinh thần
 Mặc dầu cầu chữa bệnh căn
 Thuốc đưa không uống, độc dần thấm sâu,
 Mất bỏ tâm biết đâu suy nghĩ,
 Chẳng có còn ý chí bình thường.

Người cha thấy con đáng thương
 Mới dùng một cách chức phương tiện bày,
 Khiến chúng uống thuốc này mau lạ;
 Nghĩ thế rồi liền khẽ bảo rằng:

*“Các con có thấu hiểu chăng,
 Ta nay già yếu xác thân hao gầy,
 Sự sống chết tháng ngày đã định,*

*Thương các con mắc bệnh khổ chầy,
Thuốc “lương dược” để lại đây,
Các con nên uống rất hay mạnh lành”.*
Dặn dò xong ông đành lui bước,
Rồi bỏ đi đến nước khác xa,
Sai sứ về tận quê nhà
Báo rằng chúng nó “*Cha già quy Tiên*”.

Bấy giờ,
Các con nghe cha hiền đã chết
Lòng u buồn da diết than rằng:
*“Nếu cha còn sống dương trần,
Thương xót nuôi dưỡng, đỡ đàn chúng ta,
Dược cứu độ tai qua mọi sự,
Nay bỏ ta xa xứ chết rồi”.*

Tự nghĩ mình nay cút cô,
Không chỗ nương tựa cảnh đời bơ vơ,
Lòng bi cảm vô bờ sâu nặng,
Nhớ lời cha căn dặn khi đi,
Tâm bèn tỉnh ngộ hồi quy,
Liền lấy thuốc uống độc nguy không còn.
Người cha nghe các con hết bệnh
Nên ông đây quyết định về nhà
Bấy lâu Phụ tử cách xa
Giờ đây gặp lại cả nhà vui thay!

Thiện nam tử! **Như Lai** thí dụ
 Câu chuyện trên đây đủ hay không
 Người cha thương con thật lòng
 Hay là giả dối ý ông thế nào?

*“Vả như người đời sau bày nói
 Ông lương y mắc tội dối chãng?”*

Thưa **Thế Tôn**, không lỗi gì!
Phật đây chẳng khác lương y một lòng.
 Kể từ khi thành công quả **Phật**
 Trái trăm nghìn muôn ức do-tha
 A-tăng-kỳ kiếp đã qua
 Dùng sức phương tiện thật là nhiều thay
“Sẽ diệt độ”, **Như Lai** tuyên nói
 Cũng không ai như Pháp chấp rằng
 Cho là hư dối đặng chãng,
 Vì muốn giác chúng dụng chân Kinh quyền.

Khi đó, **Thế Tôn** muốn tuyên
 Lại nghĩa chơn thật ở trên, kệ rằng: (lay)

5. Từ **Ta** thành **Phật đạo** lâu xa
 Khó biết tận cùng kiếp đã qua
 Vô lượng trăm nghìn muôn số kể
 A-tăng-kỳ ức niên do-tha.

Ta thường thuyết Pháp nghi cơ rành
 Giáo hóa vô cùng ức chúng sanh
 Khiến đặng vào sâu nơi **Phật đạo**
 Đến nay vô lượng kiếp tu thành.

Vì độ chúng sanh **Phật hóa duyên** (*)
 Niết Bàn phương tiện chỉ bày khuyên
 Thật ra diệt độ mà không diệt
 Thường trụ nơi đây Chánh Pháp tuyên.

Ta Bà luân chuyển nguyện không thay
 Dùng sức thần thông diệu dụng bày
 Tâm của chúng sanh điên đảo vọng
 Dầu gần chẳng thấy được **Ta** đây.

Nhơn thấy **Thế Tôn** diệt độ rồi
 Cúng dường Xá Lợi rộng nơi nơi
 Dân lành thế giới đều sùng ngưỡng
 Sanh trưởng tâm lòng nhớ **Phật** thôi!

Chúng sanh tín phục đã hoàn viên
 Ngay thật thuần lương ý diệu hiền
 Một dạ mong cầu trông kiến **Phật**
 Hy sinh thân mạng được như nguyện.

Giờ **Ta** cùng tất cả chư Tăng

(*) *Hóa Duyên*: Xem phần Thích nghĩa.

Linh Thứu đều ra khỏi núi thần
Ta nói chúng sanh đây sự thật
Thế gian thường độ hóa muôn thân
Tùy duyên Chư **Phật** dùng phương tiện
Hiện diệt độ mà chẳng diệt trần
Bản nguyện **Như Lai** không thối chuyển
Vào ra Tam giới rải nguồn ân.

Các cõi nước kia có chúng nhân
Lòng hằng cung kính nguyện thành tâm
Phật luôn lui tới nơi nơi đó
Vô Thượng Pháp truyền rộng lý chân
Ông chẳng thấy nghe nên vọng chấp
Nói **Ta** diệt độ đoạn duyên trần
Niết Bàn thường, lạc và ngã, tịnh
Phật mãi độ đời hóa ức thân.

Phật đây nhiếp quán thấy muôn loài
Chìm đắm biển trần khổ não thay!
Nên muốn hiện thân ra độ thế
Ngặt vì nghiệp chúng nặng sâu dày
Mong chờ bá tánh lòng khao khát
Đợi đấng như tâm dạ đoái hoài
Ta sẽ vì đời tuyên nói Pháp
Sức thần thông dụng độ trần ai.

Ở trong vô số kiếp lâu xa
Thường nương vào nơi *Linh Thứu* mà
Trụ xứ rất nhiều phương cõi khác
Hoằng dương **Phật đạo** khắp Hằng sa.

Nhân loại nhìn xem tận kiếp tàn
Lửa trần thiêu đốt cháy tràn lan
Chỉ riêng cõi **Phật** luôn an ổn
Chư chúng Trời, người đông nhộn nhàng
Vườn ngọc rừng hoa thơm bát ngát
Cây sanh bông trái báu bên đàng
Trang nghiêm quốc độ không đâu sánh
Chỗ chúng vui chơi Cực Lạc an.

Nơi các cõi Trời đánh trống Trời
Trỗi vang kỹ nhạc thật không lời
Rưới bông hoa Mạn Đà thơm tỏa
Cúng **Phật** Chư Tăng rất tuyệt vời.

Tịnh Độ cõi **Ta** trụ vững vàng
Mắt Phàm chúng thấy cháy thiêu tàn
Sợ lo các khổ sanh phiền não
Cho đó đều chung cảnh thế gian.

Ý nghĩ chúng sanh tội lỗi mang
Vì nơn nghiệp dữ quả sầu than
A-tăng-kỳ kiếp luân hồi mãi

Chẳng đặng nghe danh Tam Bảo bang.

Người hạnh nhu hòa tánh thật ngay

Có tu công đức rộng sâu dày

Thời đều thấy đặng Kim thân **Phật**

Thuyết Pháp thường hằng ở tại đây.

Hoặc khi vì chúng hiện đời này

Giảng thuyết **Phật Vô-Lượng-Thọ** ^(*) đây

Người thế dài lâu mong thấy **Phật**

“*Như Lai khó gặp*” cõi trần ai.

Trí lực **Như Lai** khó thể lường

Huệ quang soi chiếu khắp mười phương

Thọ trường bốn mạng vô cùng kiếp

Tu tịnh dày sâu cảm ứng thường.

Các bậc **Bồ Tát** có trí tri

Trong lòng sao lại vọng sanh nghi

Hãy nên dứt hẳn nghe **Ta** nói

Lời **Phật** thiệt không có dối gì

Như vị lương y phương chước khéo

Vì con ngộ độc phát cuồng si

Sống còn mà bảo ông đây chết

Quyền dụng độ đời chẳng dối chi.

^(*) *Phật Vô-Lượng-Thọ*: Còn gọi: *Phật A-Di-Đà*. Xem Thích nghĩa *A-Di-Đà Phật*.

Ta là cha mẹ hiện trên đời
 Cứu vớt con mình biển khổ vơi
 Vì tánh phàm phu điên đảo tưởng
 Cha còn mà nói chết đi rồi.

Nếu cứ thường ngày thấy mặt **Ta**
 Sanh lòng nhàm chán lại bê tha
 Đắm mê ngũ dục, buông chân tánh
 Đường dữ rơi vào chịu đọa sa.

Ta thường thấy biết chúng sanh
 Hành đạo mà chẳng thật hành đạo tăng
 Tùy chỗ đáng độ được phần
 Các Pháp môn diệu ân cần triển khai
 Hằng tự nghĩ như thế này:
*“Lấy gì cho chúng sanh đây giác quày
 Đặng huệ Vô Thượng Như Lai
 Thành tựu như **Phật** một ngày sớm mau”*./.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)
- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

(QUYỂN 5)



PHẨM

“PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC”

(Thứ Mười Bảy)

1. Lúc bảy giờ, ở trong đại hội
Nghe **Phật** nói thọ mạng phẩm bầy,
Kiếp số như thế lâu dài
Vô biên, vô lượng không tày tính ra.
Chúng sanh đặng nghe qua lợi lớn,
Rất vui mừng tin tưởng từ nay.

Khi đó, **Thế Tôn** bảo Ngài
Di-Lặc Tử-Thị lành thay như vậy:
“**A Dật Đa!** Lúc **Ta** thuyết giảng
Phẩm Như Lai Thọ Lượng đây thời,
Sáu trăm tám muôn ức người
Hằng Hà sa chúng chứng thời quả nhanh
Đặng vào bực *Vô Sanh Pháp Nhãn*,

Thế các *Pháp Trí* (*) nhận trọn phần.

Lại có Bồ Tát nghìn lần
 Gấp bội hơn thế đấng môn Tổng Trì
 Là *Văn Trì Đà-La-Ni* (*)
 Tất cả đều chứng chẳng gì so phân.
 Có một thế giới vi trần
 Số Đại **Bồ Tát** đặng phần không hai
Nhạo Thuyết Vô Ngại Biện Tài (*)
Tam tạng (*) Kinh điển **Như Lai** trọn phần.
 Có một thế giới vi trần
 Số Đại **Bồ Tát** đặng trăm ức nghìn
 Vô lượng *Triền Đà-La-Ni* (*)
 Đời đời như vậy giữ y bốn nguyên.
 Lại có Tam Thiên Đại Thiên
 Vi trần thế giới vô biên khôn lường
 Số Đại **Bồ Tát** chứng thường
 Pháp Luân Bất Thối vào đường **Như Lai**.
 Lại có Nhị Thiên Trung đây
 Quốc độ thế giới cõi này Hằng sa
 Số Đại **Bồ Tát** Ma Ha

(*) *Pháp Trí*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Văn Trì Đà-La-Ni*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Nhạo Thuyết Vô Ngại Biện Tài*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Tam Tạng*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Triền Đà-La-Ni*: Xem phần Thích nghĩa.

Pháp Luân thanh tịnh chuyển mà thành công.

Lại có Tiểu Thiên quá đông

Quốc độ các nước đếm không hết thời

Số Đại **Bồ Tát** tám đời

Sẽ đặng Vô Thượng chứng ngôi **Phật Đà**.

Lại có,

Bốn *Tứ Thiên Hạ* (*) vi trần

Số Đại **Bồ Tát** bốn đời trải qua

Sẽ đặng Vô Thượng Đạo **Ta**

Đắc thành Chánh Giác **Phật Đà Như Lai**.

Lại có,

Ba *Tứ Thiên Hạ* vi trần

Số Đại **Bồ Tát** ba đời trải qua

Sẽ đặng Vô Thượng Đạo **Ta**

Đắc thành Chánh Giác **Phật Đà Như Lai**.

Lại có,

Hai *Tứ Thiên Hạ* vi trần

Số Đại **Bồ Tát** hai đời trải qua

Sẽ đặng Vô Thượng Đạo **Ta**

Đắc thành Chánh Giác **Phật Đà Như Lai**.

Lại có,

Một *Tứ Thiên Hạ* vi trần

(*) *Tứ Thiên Hạ*: Từ đồng nghĩa với *Tứ Bộ Châu*. Xem Thích nghĩa *Tứ Bộ Châu*.

Số Đại **Bồ Tát** một đời trải qua
 Sẽ đặng Vô Thượng Đạo **Ta**
 Đắc thành Chánh Giác **Phật Đà Như Lai**.
 Lại có,
 Số Tám Thế Giới vi trần
 Chúng sanh số đó phát tâm tu hành
 Cầu Đạo Vô Thượng viên thành,
 Chánh Đẳng, Chánh Giác Vô Sanh quả lành. (lạy)

2. Lúc Đức **Phật** xướng danh các cõi
 Đại **Bồ Tát** nghe Pháp lợi đồng,
 Chư Thiên trụ giữa hư không
 Mạn Đà La rưới thơm nồng tỏa hương
 Để cúng dường trăm nghìn muôn ức
 Vô lượng các Đức **Phật Như Lai**
 Ngồi trên Sư Tử tòa đài
 Dưới cội cây báu hiện bày Hằng sa
 Và cúng dường **Thích Ca** Giáo Chủ
 Cùng Đức **Phật Đa-Bửu Như Lai**.
 Tất cả **Bồ Tát** các Ngài
 Và bốn bộ chúng, hoa khai cúng dường.
 Lại rưới bột Chiên Đàn gỏi quý

Cùng các *hương trầm thủy* ^(*) .v.v...

Trong hư không tỏa thơm ngấn,
 Trống Trời tự trỗi nhạc thần hữu vi.
 Lại rải nghìn Thiên y đủ loại,
 Các chuỗi ngọc Như Ý, Ma Ni,
 Trân châu, ngọc bích, lưu ly,
 Kết màng thông khắp diệu kỳ chín phương,
 Các lò hương, báu hương vô giá,
 Tự nhiên xông bay tỏa ngát hương
 Khắp đến đại chúng lạ thường
 Như nguyên cung kính cúng dường bằng nay.

Mỗi Đức **Phật Như Lai** có các
 Vị đệ tử **Bồ Tát** của mình,
 Nắm cầm phan, lọng đẹp xinh
 Thứ đệ mà đến cung đình Phạm Thiên.
 Chư **Bồ Tát** đó dùng tiếng tốt
 Ca vô lượng bài tụng ngợi khen
 Các Đức **Phật** đang hiện tiền.
Pháp Hoa Câu Hội bốn nguyên lành thay!

Khi ấy, Ngài **Di Lạc Bồ Tát**
 Từ chỗ ngồi an lạc đứng lên
 Trịch áo vai hữu một bên

^(*) *Hương Trầm Thủy*: Cũng gọi: *Trầm Thủy Hương*. Xem Thích nghĩa văn T.

Chấp tay hướng thẳng nhìn lên **Phật Đà**

Rồi ôn tồn nói ra thơ kệ,

Lòng vui mừng xiết kể dường bao: (lạy)

3. **Phật** thuyết Pháp mầu ít có khi

Từ xưa chưa thấy mới hoài nghi

Thế Tôn trí sức vô cùng lớn

Thọ mạng khôn lường dễ thấu tri.

Vô số môn đồ **Phật tử** đây

Thế Tôn phân biệt giải bày hay

Đặng nghe Pháp lợi lành tăng trưởng

Quá sức vui mừng trí huệ khai.

Hoặc trụ vào ngôi **Bất Thối** tâm

Đà La Ni chứng đặng huyền thâm

Biện Tài Nhạo Thuyết đều *Vô Ngại*

Muôn ức *Tổng Trì Triền* diệu âm.

Hoặc có cõi Tam Thiên Đại Thiên

Vi trần **Bồ Tát** số vô biên

Mỗi **Bồ Tát** đây đều có thể

Xe Pháp chuyển quay **Bất Thối** truyền.

Hoặc có Trung Thiên thế giới này

Vi trần **Bồ Tát** số đông thay!

Mỗi **Bồ Tát** đây đều có thể

Xe Pháp chuyển quay thanh tịnh bày.

Lại có Tiểu Thiên thế giới này

Vi trần **Bồ Tát** số đông thay!

Tám đời không quá đều như ý

Phật đạo sẽ thành chẳng khác sai.

Tứ Thiên Hạ có bốn, ba, hai

Bồ Tát khôn lường vô số đây

Như thế số đời tùy theo nguyện

Đặng thành quả **Phật** đắc **Như Lai**.

Hoặc một *Tứ Thiên* thế giới đây

Vi trần **Bồ Tát** số đông thay!

Còn dư có một đời viên nguyện

Nhứt Thiết Trí thành đạo chẳng sai.

Đa số chúng sanh kể hết đâu

Nghe danh **Phật** thọ mạng dài lâu

Hưởng phần vô lượng nhiều công đức

Vô lậu tịnh thanh rất nhiệm mầu.

Tám thế giới trong cõi *Hạ* này

Vi trần số chúng cũng đông vậy

Được nghe **Phật** thuyết **Như Lai Thọ**

Đều phát tâm cầu Vô Thượng đây. (lạy)

4. **Thế Tôn** thuyết **Vô Lượng Thọ** bày

Bất khả tư nghì Pháp chẳng hai
 Đều được vô cùng đây lợi ích
 Như hư không vô tận rộng dài.

Chư Thiên ứng nguyện rải mưa hoa
 Hoa *Mạn Đà La, Mạn Thù Sa*
 Trời Thích, Phạm Thiên vô số ức
 Hằng hà cõi **Phật** cũng thông qua
Chiên Đàn gỗ quý, *hương trầm thủy*
 Rưới khắp hư không thơm ngát xa
 Hoa rải khác nào chim én liệng
 Cúng dường Chư **Phật** thật bao la.

Khắp cõi hư không trống nhạc bày
 Tự nhiên vang động nhiệm mầu thay!
 Áo Trời muôn thứ đều xinh đẹp
 Thiên chuyển mà rơi tại hội này
 Lại có các lò hương báu quý
 Đốt hương vô giá ngát thơm bay
 Thủy đều xông khắp cùng Câu Hội
 Cung kính cúng dường Chư **Phật** đây.

Chúng Đại **Bồ Tát** số vô biên
 Cầm phan, lọng báu thật trang nghiêm
 Nhiều muôn ức thứ đều cao đẹp
 Lốp lốp thẳng đường đến Phạm Thiên.

Trước mỗi **Như Lai** chỗ **Phật** ngồi
 Treo phan tràng báu tốt trên đời
 Dùng nghìn bài kệ khen Chư **Phật**
 Ca tụng **Thế Tôn** chẳng dứt lời.

Các việc ở trên vừa kể sơ
 Từ xưa chưa thấy tự bao giờ
 Đặng nghe Đức **Phật** Thọ Vô Lượng
 Tất cả vui mừng đắc Pháp cơ.

Như Lai danh tiếng khắp mười phương
 Lợi ích chúng sanh thiệt khó lường
 Trên dưới căn lành đều trọn đủ
 Trụ tâm Vô Thượng chỗ phi thường.

5. Bấy giờ, **Phật** bảo Ngài **Di Lặc**
 Đại **Bồ Tát**: Ông **A Dật Đa**!

Chúng sanh nào đặng nghe qua
 Đức **Phật** thọ mạng sâu xa lâu dài
 Chỉ một niệm tin ngay tín giải,
 Đặng công đức không thể gạn lường.

Thiện nam tử! Thiện nữ nhơn!
 Vì đạo Vô Thượng chân thường chẳng xa,
 Tám mươi muôn do-tha ức kiếp
 Tu năm pháp Ba La Mật Đa:
 Trọn lòng *bố thí* giác tha,

Trì giới, nhẫn nhục sang qua giác bờ,
 Thường *ting tấn* ngày giờ bất thối,
 Tâm *thiền định* không mỗi biếng lười,
 Chỉ trừ *Trí huệ* mà thôi,
 Dem công đức đó sánh thời việc trên,
 Đức tín giải thân thân rộng lớn
 Khó so bì hạn lượng được chẳng,
 Trăm phần rồi đến nghìn phần
 Trăm ngàn muôn ức chẳng bằng một kia
 Nhẫn tính đếm hay là thí dụ
 Không thể nào biết đủ hết trơn
 Thiện nam tử, Thiện nữ nhơn,
 Có công đức lớn khôn lường đầy vơi
 Chẳng thối thất rời nơi Vô Thượng
 Đạo Đẳng Giác tin tưởng nhiệm mầu.
Thế Tôn muốn tuyên lời trao
 Nghĩa trên chân thật âm hao kệ rằng: (lay)

6. Nếu người cầu trí huệ **Như Lai**
 Trong tám mươi muôn ức trải dài
 Kiếp số do-tha không hạn lượng
 Tu năm Ba La Mật lành thay!
 Trụ nơi các kiếp đều như vậy,
 BỐ THÍ cúng dường Chư **Phật** đây,
Duyên Giác, Thanh Văn hàng đệ tử

Cùng là **Bồ Tát**, nguyện không sai.

*Đồ ăn uống ngon lạ
 Y phục cúng vô giá
 Chiên Đàn hương gỗ quý
 Xây dựng nên Tịnh Xá
 Vườn hoa đẹp trang nghiêm
 Các món đều dị thảo
 Hết các kiếp số đó
 Để hồi hướng **Phật đạo**,*

Nếu lại giữ gìn giới cấm đây
 Lòng không thiếu sót chỗ lầm sai
 Cầu nơi Vô Thượng hằng mong đạt
 Được các **Như Lai** khen ngợi thay!

Nếu lại tu nơi nhẫn nhục hành
 Trụ vào nhu thuận lợi quần sanh
 Dầu cho kẻ ác đem lòng hại
 Tâm chẳng oán thù hay đấu tranh
 Người được pháp mầu thường gánh chịu
 Nhiều *Tăng thượng mạn* ghét hờn ganh
 Chúng hay khuấy động làm điên đảo
 Như thế đều nên nhẫn nhục thành.

Hoặc lại siêng năng tinh tấn thường
 Chí tâm bền vững nguyện kiên cường

Ở trong số kiếp không thay đổi
Một dạ tu hành đạo **Phật** nương,
Lại trong vô số kiếp lâu xa
Trụ chỗ lâm sơn không cửa nhà
Đi, đứng, nằm, ngồi luôn chủ định
Trừ khi lúc ngủ nhiếp tâm mà.

Do các nhơn duyên đó tự thành
Hay sanh thiên định trí chân thanh
Tám mươi muôn ức kiếp như vậy,
An trụ chơn tâm chẳng vọng sanh.

Nguyện đem công đức chỗ tu hành
Hồi hướng cầu mong đạo đắc thành
Nhứt Thiết Trí Như Lai sớm đặng
Các môn thiên định chứng cao thanh,

Người đó trải qua cũng biết bao
Trăm nghìn muôn ức kiếp dài lâu
Tu trì các hạnh nhiều công đức
Như đã nói trên rõ việc sau,

Có Thiện nam hay Tín nữ nhơn!
Nghe **Ta** nói Thọ Lượng khôn lường
Chí tâm một niệm tin sâu vững
Phước đó trọng phần phước kia hơn.

Nếu người trọn vẹn chẳng nghi nan
Nghe pháp **Như Lai** không nghĩ bàn
Giây phút thân tâm tin thọ nhận
Phước nhiều khó kể thật vô vàn.

Nếu có các **Bồ Tát** độ sanh
Hằng hà vô số kiếp tu hành
Nghe phần Thọ Lượng **Như Lai** thuyết
Tin nhận đây thời được lợi lành.

Các hạng người đó phát tâm đây
Đảnh thọ phụng hành Kinh điển này
Nguyện thở vị lai tu đặc đạo
Sống lâu độ chúng khắp muôn loài.

Cũng như Đức **Phật** hiện ngày nay
Là vị vua trong họ **Thích** này
Giống trống *đạo tràng* rền tiếng lớn
Pháp mầu tuyên thuyết sợ gì ai.

Chúng ta xin nguyện đời tương lai
Được mọi người tôn kính bằng nay
Ngồi giữa *đạo tràng* không sợ sệt
Tuyên bày thọ mạng giống **Như Lai**.

Nếu có người thân tâm sạch trong
Tu hành hạnh đức thật dày công

Tổng Trì học rộng hay vì chúng
 Tùy nghĩa giải lời **Phật** phổ thông
 Những hạng người như trên đã nói,
 Nơi đây quyết định chẳng nghi lòng
 Đáng là **Bồ Tát** Ma Ha Tát!
 Cứu thế độ đời rạng núi sông. (lay)

7. Lại này ông **A Đạt Đa!**
 Chúng sanh nào đừng nghe **Ta** tỏ bày
 Phẩm Thọ Lượng **Như Lai** đã thuyết,
 Hiểu *ý thú* (*) chơn thiệt lời này,
 Người đó công đức sâu dày
 Không có hạn lượng ngắn dài định phân,
 Có thể sanh chứng phần trí lực
 Vô lượng tuệ của Đức **Như Lai**.
 Huống người rộng nghe Kinh này,
 Hoặc bảo người khác cùng rày lắng nghe,
 Hoặc tự nguyện thọ trì đọc tụng,
 Hoặc bảo người ứng dụng thọ trì,
 Hoặc tự ứng nguyện chép ghi,
 Hoặc bảo người khác khắc y Kinh truyền,
 Hoặc đem hoa hương nguyên lễ bái,
 Nào chuỗi ngọc với lại tràng phan

(*) *Ý Thú*: Xem phần Thích nghĩa.

Lọng nhiễu, dầu thơm, đèn nhang
 Cúng dường Kinh quyển lòng vàng không phai.
 Công đức của người này vô lượng
 Và vô biên không tưởng biện bày,
Nhứt Thiết Chúng Trí Như Lai
 Có thể sanh trưởng một ngày không xa.

Này ông **A-Dật-Đa Di-Lặc!**
 Thiện nam tử cùng bậc nữ nhơn
 Do đây chẳng cần cúng dường
 Vì **Ta** mà dựng *Thiên đường* (*) tổn công
 Và xây cất *Tăng phườn* (*) nhiều thứ
 Hay *cúng dường tứ sự* (*) chư Tăng.
 Vì sao?

Vì Thiện nam, Thiện nữ nhơn
 Thọ trì kinh điển này thường siêng năng
 Thời như đã tạo dâng chùa tháp
 Và còn hơn cúng nạp Tăng phườn,
 Xá Lợi của **Phật** chiêu dương
 Dựng tháp bảy báu cúng dường quý bao,
 Lân lên đến Trời cao Phạm Thích
 Treo lọng phan xinh lịch đẹp thay,

(*) *Thiên Đường*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Tăng Phườn*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Cúng Dường Tứ Sự*: Còn gọi: *Tứ Sự Cúng Dường*. Xem Thích nghĩa văn T.

Chuỗi ngọc giăng khắp tháp đài,
Ngũ hương xông đốt thơm bay khắp cùng,
 Đủ thứ trống, ống tiêu, ống sáo,
 Nào kỹ nhạc vũ đạo Trời, người,
 Dùng giọng tốt ca ngâm lời
 Khen ngợi hết mực tuyệt vời làm sao,
 Vô số kiếp cúng dường Xá Lợi
 Thời người trên vì đã làm xong.

Di-Lặc A-Dật-Đa ông!

Sau khi **Phật** tịch ở trong cõi đời.
 Nếu bằng như có người nghe đặng
 Kinh điển này kiên nhẫn thọ trì,
 Hoặc là tự ý chép ghi,
 Hoặc bảo người khác khắc y kinh truyền,
 Đó là lập *Tăng phườn* dâng cúng,
 Dùng *Chiên Đàn* gỗ đỏ quý thay!
 Xây dựng cung điện lâu đài
 Nhà cửa đầy đủ ba hai sở đồng,
 Cao bằng tám cây Song Long thọ
 Rộng gấp hai, lâu đó nghiêm trang,
 Tỳ kheo chứa ở trăm ngàn.
 Vườn rừng, hồ tắm có hang ngôi thiên,
 Chỗ kinh hành lặng yên mát mẻ,
 Y phục đều đẹp đẽ hoàn toàn,

Thức ăn, nước uống, thuốc thang,
 Giường nệm trải lót đàng hoàng gấm hoa
 Đồ vui chơi trong nhà đầy dẫy
Tăng phước có ngần ấy trăm ngàn
 Muôn ức nhà gác thênh thang
 Số đó nhiều lắm khó bàn vô biên
 Để cúng dường hiện tiền Đức **Phật**
 Và Tỳ kheo các bậc Thánh Tăng.

Cho nên **Ta** mới nói rằng:
Như Lai diệt độ cõi trần một khi
 Nếu có người thọ trì, đọc tụng,
 Vì người khác quyền dụng giảng khuyên,
 Hoặc tự mình nguyện chép biên,
 Hoặc bảo người khác ấn truyền phát ra,
 Để cúng dường **Pháp Hoa** Kinh quyển
 Thời chẳng cần đến chuyện dựng chùa
 Tháp đài tạo lập thi đua
Tăng phước xây cất cúng dường chúng Tăng.
 Huống lại có người hay trì thọ
 Kinh **Pháp Hoa** hiểu rõ nghĩa rành
 Thường thường theo pháp tu hành
Bố thí, trì giới, lợi sanh muôn phần,
Hạnh nhân nhục lòng hằng *tinh tấn,*

Nhứt tâm tu nên đặng huệ khai
 Công đức của người hôm nay
 Thật là thù thắng sâu dày vô biên.

Thí dụ như Đông, Tây, Nam, Bắc,
 Bốn phía đồng trên, dưới như nhau
 Hư không vô lượng trùm bao,
 Công đức người đó khác nào ở trên,
 Cũng vô lượng vô biên như thế,
 Mau thành bực **Thiện Thệ Như Lai**
Nhứt Thiết Chủng Trí không hai
 Chắc chắn thành tựu một ngày liễu viên.

Nếu có người thường siêng đọc tụng
 Hay thọ trì thực dụng Kinh này.
 Vì người khác nói giảng khai
 Hoặc tự biên chép, bảo người chép biên,
 Lại có thể ứng nguyện dựng tháp
 Tạo *Tăng phước* qui nạp cúng dâng
 Khen ngợi chúng **Thanh Văn Tăng**,
 Cũng dùng muôn pháp trăm ngàn ngợi khen,
 Như ngợi khen các hàng **Bồ Tát**
 Công đức dày dào đạt vô biên.

Lại vì người khác giáo khuyên
 Dùng đủ các thứ như duyên hợp hòa

Y theo Kinh **Pháp Hoa** này giải
 Nghĩa chân thật không ngại nghi lòng,
 Thanh tịnh trì giới sạch trong
 Cùng người hòa hiệp ở chung hầu gần,
 Tâm nhẫn nhục không sân nóng giận,
 Chí niệm bền chắc thắng *Tam ma* (*),
 Quý trọng thiền tọa Liên hoa
 Đặng các món định rất là cao sâu,
 Thường tinh tấn nhiếp thân mạnh mẽ
 Các Pháp lành cặn kẽ hiện bày,
 Huệ căn trí sáng mở khai,
 Giải nơi vấn đáp biện tài lão thông.

A Dật Đa! Nay ông nên biết.
 Nếu sau khi **Ta** diệt độ trần
 Các Thiện nam, Thiện nữ như
 Thọ trì, đọc tụng xiển dương Kinh này
 Đặng công đức lành thay khó tả,
 Phải biết người đó đã gần kề
 Đạo tràng Chánh Giác chẳng xa,
 Ngồi cõi đạo thọ Bồ Đề thành công.

A Dật Đa! Nay ông nghe rõ.
 Chỗ Thiện nam cùng Thiện nữ như

(*) *Tam Ma*: Xem phần Thích nghĩa.

Hoặc ngồi, đi, đứng dừng chơn
 Sau khi thị tịch xây nên tháp đài,
 Trời hay người ngày ngày đều phải
 Nguyện cúng dường như tháp của **Ta**.

Khi ấy, **Thế Tôn Phật Đà**

Tuyên kệ chơn thật như là nghĩa trên: (lạy)

8. Sau khi **Ta** diệt độ trần ai
 Nguyện thọ phụng trì Kinh pháp này
 Người đó phước dày khôn tính kể
 Như trên đã nói thật không sai.

Đồng thời đầy đủ việc phi thường
 Tất cả mọi điều đã cúng dường
 Dùng Xá Lợi đây xây tháp báu
 Trang nghiêm rực rỡ rất tinh tường.

Chùa chiền xây dựng đẹp dường bao
 Thấu đến cung Trời chót vót cao
 Linh báu nghìn muôn treo khắp chỗ
 Gió khu vang động tiếng siêu mầu.

Lại trong vô lượng kiếp vừa qua
 Ứng nguyện cúng dường tháp báu tòa
 Chuỗi ngọc, Thiên y, cùng kỹ nhạc
 Hằng thường dâng cúng các hương hoa

Thắp đèn dầu nến thơm lan tỏa
 Ánh sáng thường khi chiếu rất xa
 Phân biệt đức công không luận nghĩ
 Tợ như vũ trụ rộng bao la.

Lúc đời Mạt Pháp sắp kề bên
 Người thọ trì Kinh **Diệu Pháp** bên
 Thời đã đủ đầy công đức vẹn
 Cúng dường các thứ nói như trên.

Nếu hay trì thọ tụng Kinh này
 Như thấy **Thế Tôn** hiện tại đây
 Dùng gỗ *Chiên Đàn* hương báu quý
Tăng phước xây dựng cúng dường thay!
 Nhà kia đầy đủ ba hai sở
 Cao tám Ta-La thụ rộng dài
 Pháp phục, thức ăn luôn sạch tốt
 Giường nằm vật dụng đủ an bày.

Tỳ kheo nương ở đến trăm nghìn
 Ao tắm, vườn rừng rất rộng thênh
 Có chỗ tọa thiền hay niệm Pháp (*)
 Nghiêm trang cảnh trí đẹp mầu xinh.

(*) *Niệm Pháp*: Xem phần Thích nghĩa.

Nếu có lòng tin hiểu **Pháp Hoa**
 Thọ trì, đọc tụng chép truyền ra
 Khuyên người tín nhận cùng in ấn
 Thệ nguyện cúng dường Kinh **Pháp Hoa**.

Nào là hương bột với hương hoa
Chiêm Bặc (*) lại dùng *Tu Mạn Na* (*)
 Hòa ướp dầu thơm thường cúng bái
 Cùng với *A Đề Mục Đa Ca* (*).

Người đó cúng dường như thế kia
 Đặng nhiều công đức thật sâu xa
 Hư không vô tận đem so sánh
 Phước ấy khác gì tụng **Pháp Hoa**.

Huống hồ một dạ lại trì Kinh
Bố thí thường siêng *giữ giới* gìn,
Nhẫn nhục, chánh tín, *thiền định* tuệ
 Không tham, sân hận, nhiễm mê tình
 Cả đời cung kính nơi Chư **Phật**
 Khiêm hạ chúng Tăng chẳng miệt khinh
 Ngã mạn xa lìa tâm tự đại

(*) *Chiêm Bặc (Hoa)*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Tu Mạn Na (Hoa)*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *A Đề Mục Đa Ca*: Xem phần Thích nghĩa.

Thường soi trí huệ phá vô minh.

Có ai gạn hỏi chẳng sân si
Tùy thuận căn cơ nói giải nghi
Làm được hạnh trên công đức lớn
Muôn châu không đổi chỗ tu trì.

Người đó xem như vị Pháp Sư
Vì nên công đức thật chơn như
Phải dùng hoa báu trời dâng rải
Lấy áo Thiên y phủ cả người.

Đầu mặt tiếp chơn lạy kính vì
Sanh lòng tưởng nhớ **Phật** từ bi
Lại nên thường nghĩ trong tâm ý
Đạo thọ không lâu đến tọa trì.

Đặng tâm Vô lậu chứng Vô vi
Rộng lợi Trời, người đạo phát huy
Chỗ trụ an lành không thối chuyển
Ngồi nằm miên mật đứng hay đi
Nhẫn cho chỉ nói ra câu kệ
Chúng hội cũng nên xây tháp thì
Bảy báu trang nghiêm đều tốt đẹp
Cúng dường cung kính đấng **Từ Bi**.

Phật tử trụ nơi trong chỗ này

Thời là **Phật** thọ dụng bằng nay

Thường hằng thâm nhiếp tâm an lặng

Đi, đứng, nằm, ngồi chẳng đổi thay./ (lạy)

- **Nam Mô A Dật Đa Bồ Tát.** (3 lần)
- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)
- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 5 (Hết)



Toan cầu An Lạc Hạnh tâm **Ta**
Bốn pháp bền tu chớ bỏ qua
Thân đặng Kế Châu phương tiện lập
Danh thơm nổi tiếng khắp quê nhà
Bình hùng tướng mạnh trừ ma loạn
Ba cõi đều yên hưởng thái hòa
Bốn nguyện, tích xưa đều thấu rõ
Vô sanh chứng ngộ số Hằng sa.

- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)

Bồ Tát Văn-Thù khái cáo tiên
Giúp trong đại hội ngộ chân thuyên
Vững bền bốn pháp **Như Lai** thuyết
Trọn vẹn an lành chỗ tự nhiên
Từ đất vọt lên chúng ức nghìn
Chính Ngài **Di Lạc** khởi trùng tuyên
Giải trừ tất cả tâm nghi hối
Phật nói Thọ Lượng rộng vô biên.

- **Nam Mô A Dật Đa Bồ Tát.** (3 lần)
- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)

KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
(QUYỂN 6)



- PHẨM “TÙY HỖ CÔNG ĐỨC”, Thứ 18
- PHẨM “PHÁP SƯ CÔNG ĐỨC”, Thứ 19
- PHẨM “THƯỜNG BÁT KHINH BỒ TÁT”,
Thứ 20
- PHẨM “NHƯ LAI THẦN LỰC”, Thứ 21
- PHẨM “CHỨC LỤY”, Thứ 22
- PHẨM “DUỘC VƯƠNG BỒ TÁT BỔN SỰ”,
Thứ 23

“Đời Diêu Tần Ngài Tam Tạng Pháp Sư
CỬU MA LA THẬP vưng chiếu dịch”



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA (QUYỂN 6)



PHẨM “TỖ HỖ CÔNG ĐỨC” (Thứ Mười Tám)

1. Bảy giờ, Ngài **Di Lạc Bồ Tát**
Tâm trang nghiêm trình bạch **Phật** rằng:
Thưa **Thế Tôn!**
Nếu sau này ở trong trần
Có người tùy hỷ nghe phần **Pháp Hoa**
Dầu Thiện nam hay là Thiện nữ
Được bao nhiêu phước đức đây chẳng?
Liền đó bày nói kệ rằng:
Sau khi **Phật** diệt độ trần ai
Nếu có người nghe kinh điển này
Tùy hỷ, tán thành, ưng thuận nhận
Đặng bao nhiêu phước cạn, sâu dày? (lay)
2. Khi đó, **Phật** bảo Ngài **Di Lạc**
Đại **Bồ Tát** rằng: **A Đạt Đa!**
Sau khi **Phật** diệt độ mà

Nếu có nam, nữ đều là Tỳ kheo,
 Ưu Bà Di hay Ưu Bà Tắc,
 Hoặc là người đáng bậc trí tài,
 Không phân lớn, nhỏ, gái, trai,
 Nghe Kinh **Diệu Pháp** lòng nay vui mừng.
 Rồi tùy hỷ thuận ưng thọ nhận,
 Từ Pháp Hội đến tận khác phương
 Hoặc tại nơi chỗ *Tăng phường*
 Hoặc chỗ vắng vẻ, xóm làng thành thôn
 Hoặc đường sá, trong đồng ruộng rẫy
 Đem Pháp này được thấy nghe qua
 Mà vì thân thuộc mẹ cha,
 Thiện hữu tri thức hay là chúng nhân.
 Tùy theo sức ân cần diễn nói.
 Các người đó thấu hiểu nghe rồi
 Tùy hỷ chuyển dạy cho người,
 Người khác nghe đặng truyền thời người kia,
 Cứ tiếp tục cũng là như thế
 Đến với người thứ kế năm mươi. (lạy)

3. **Này Di-Lặc A-Dật-Đa!**
 Công đức tùy hỷ của là Thiện nam,
 Và Thiện nữ thứ năm mươi đó
 Đức **Như Lai** phân tỏ lóng nghe.

Bốn trăm muôn ức cõi này
 Vô số thế giới có đây sáu đường.
 Chúng sanh trong **bốn loài sanh** (*):

- **Noãn sanh** là loại đẻ thành trứng thai
 Đủ các loài bò, bay, mái, cựa,
- Đến **thai sanh** thí dụ như người,
 Nào vợ, nào khỉ, đười ươi,
 Nói chung động vật sanh thời ra con.
- Loài **thấp sanh** ấu trùng đom đóm
 Luôn sống nơi ẩm ướt sanh ra,
- Cuối cùng **hóa sanh** vậy mà
 Như Trời biến hóa hay là ngục môn.
 Hoặc những loài không hình, hoặc có,
 Hoặc có tướng, không tướng mà sanh,
 Chẳng phải có tướng đã đành
 Chẳng phải không tướng cấu thành sanh ra,
 Hoặc không chơn, hoặc là hai, bốn
 Hoặc nhiều chơn sanh chốn phàm gian,
 Chúng sanh như thế vô vàn,
 Có người cầu phước bố ban đồ dùng
 Tùy sở thích nơi lòng của chúng
 Điều cung cấp vật dụng không sai.
 Mỗi mỗi chúng sanh bốn loài

(*) **Bốn Loài Sanh**: Cũng gọi: **Tứ Sinh**. Xem Thích nghĩa vắn T.

Cho các trân bảo tốt thay bạc, vàng,
Cùng lưu ly, xa cừ, mã não,
Hay san hô, hổ phách, ngọc ngà
Đầy cả khắp cõi Ta bà
Xe cộ đủ thứ cùng là ngựa, voi
Dùng báu báu hửn hời xây cất
Làm thành những lầu gác cao tầng
Cung điện đẹp đẽ .v.v...
Không thể diễn tả vật trần phát phân
Đại thí chủ ân cần bố thí
Như thế đó đủ tám mươi năm
Xong rồi tâm lại nghĩ rằng:
“**Ta** đã ban phát muôn phần chúng sanh
Đồ ưa thích đạt thành ý muốn
Mặc chúng đây ham chuộng sở cầu.
Nay thì tóc đã đổi màu
Quá tám mươi tuổi thân hao, vóc gầy
Luật Vô Thường tháng ngày định đoạt
Cuối cùng thì sống thác kề bên,
Thế gian vui hưởng đâu bền
Nên dùng **Phật pháp** dạy khuyên dắt dìu.
Liên hội chúng bày tuyên Pháp hóa
Chỉ giáo điều đạo cả siêu nhiên
Chúng nghe lợi ích thỏa nguyện.

Đồng thời đặng đạo chân truyền **Như Lai**,
Tu-Đà-Hoàn Dự Lưu (*) chứng đắc,
Tư-Đà-Hàm xứng bậc *Nhất Lai* (*),
A-Na-Hàm Bất Hoàn Lai (*),
A La Hán chứng sạch ngay não phiền,
 Đoạn dứt hết các duyên *hữu lậu* (*),
 Thiền định sâu soi thấu chân tâm
 Đều đặng tự tại an thân,
Tám món giải thoát đắc phần thanh cao”.

Ý của ông nghĩ sao cho biết
 Công đức trên có thiệt nhiều chằng?

Ngài **Di Lạc** bạch **Phật** rằng:

“**Thế Tôn!** Công đức vô ngần vô biên.
 Vị thí chủ chỉ riêng ban phát
 Đồ ưa thích cho các chúng sanh
 Công đức vô lượng đã thành
 Huống làm đều đặng quả lành Vô Sanh”.

Phật bảo **A-Dật-Đa Di-Lạc**:

Ta nay bày sự thật cùng ông
 Người đó đem cả tâm lòng

(*) *Tu-Đà-Hoàn Dự Lưu*: Xem Thích nghĩa vắn T..

(*) *Tư-Đà-Hàm Nhất Lai*: Xem Thích nghĩa vắn T.

(*) *A-Na-Hàm Bất Hoàn Lai*: Cũng gọi *Bất Lai*: Xem Thích nghĩa vắn B (*Bất Lai*).

(*) *Hữu Lậu*: Xem phần Thích nghĩa.

Bố thí sở thích khắp trong sáu đường
 Chúng sanh ấy khôn lường vô số,
 A La Hán giác ngộ toàn năng,
 So ra công đức chẳng bằng
 Nghe một bài kệ trong phần **Pháp Hoa**,
 Của người thứ năm mươi đó vậy,
 Rồi tùy hỷ chuyển dạy xoay vần.
 Trăm phần hoặc muôn ức phần
 Chẳng bằng công đức một phần nữa kia,
 Nhẫn tính, đếm, hay là thí dụ
 Không thể nào rõ thấu mé ngần.

A Dật Đa! Ông biết chăng
 Nghe Kinh **Diệu Pháp** công năng muôn phần,
 Người năm mươi xoay vần như thế
 Chỉ cầu nghe bài kệ **Pháp Hoa**
 Công đức tùy hỷ sâu xa
 Vô biên vô lượng số A-tăng-kỳ,
 Huống là người tối sơ trong hội
 Nghe Kinh mà nhuần gọi phát tâm,
 Phước đó lại hơn bội phần
 Không thể sánh đặng khó phân nghĩ bàn. (lạy)

4. **A Dật Đa!** Hoàn toàn chẳng vọng.
 Nếu có người quý trọng Kinh này

Tặng phùng đi đến vãng lai
 Hoặc ngồi hoặc đứng, phút giây tín cần,
 Nhờ công đức chuyển thân giàu có
 Sanh ra nhiều xe cộ ngựa, voi,
 Kiệu vàng trân bảo hảnh hời
 Tốt đẹp bậc thượng, ở nơi cung Trời.

Nếu có người ngồi nghe giảng Pháp
 Sau khuyên mời người khác cùng nghe
 Hoặc nhường chia chỗ cho ngồi,
 Công đức người đó chuyển thời thân sau
 Đặng chỗ ngồi Trời cao Đế Thích
 Hoặc Phạm Vương hoặc Chuyển Luân Vương. (lạy)

5. A Dật Đa!

Nếu có người tuyên truyền kẻ khác
 Rằng: “*Có Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*
Nên cùng đi đến nghe qua”
 Liền nhận lời bảo thật thà thành tâm
 Nhẫn đến nghe chỉ trong giây lát,
 Công đức người chứng đạt cao sâu,
 Chuyển thân đặng quả nhiệm mầu
 Tổng Trì **Bồ Tát** lâu lâu viên dung,
 Sanh ra ở cùng chung một chỗ,
 Căn tánh luôn lạnh lợi đa tài,

Lại có trí huệ sáng khai,
 Trăm nghìn muôn kiếp đẹp thay tướng hình,
 Chẳng câṃ ngọṃ, âm thính trong trẻo,
 Miệṅ chẳng hôi, hơi thở thơm tho,
 Lưỡi miệṅ không bệnh bao giờ,
 Răng trắng chẳng có đen, dơ, ổ vàng,
 Chẳng thừa thiếu, ngay hàng cứng chắc,
 Môi chẳng trớt, rút túm nhỏ thô,
 Chẳng ghẻ mụn, chẳng sứt hư,
 Cũng chẳng cong vẹo, thừa dư lớn dày,
 Chẳng đen nám pho bày xấu xí,
 Các tướng ấy hoàn mỹ tốt đồng.
 Mũi chẳng xẹp dẹp, gãy cong,
 Sắc mặt u tối, cũng không hẹp dài,
 Tất cả tướng trên đây chẳng có,
 Môi, lưỡi, răng miệṅ nướu tốt thay!
 Mũi lớn cao thẳng mày dài,
 Trán rộng bằng phẳng tròn đầy dung nhan,
 Tướng người đủ nghiêm trang quý phái,
 Đời đời sanh ra thấy **Phật** đây,
 Nghe Pháp tin nhận liền ngay
 Thấu lời dạy bảo **Như Lai** chơn truyền.

A Đạt Đa! Phước điền vô hạn.

Khiến một người nghe giảng **Pháp Hoa**

Công đức còn đặng sâu xa,
 Huống là một dạ nghe qua Kinh này,
 Nói, đọc, tụng diễn khai đại chúng,
 Vì người mà giảng đúng nghĩa rành,
 Y như lời dạy tu hành
 Công đức người đó trọn lành vô biên.

Khi đó, **Thế Tôn** muốn tuyên
 Nghĩa trên chân thật mà khuyên kệ rằng: (lay)

6. Nếu có người trong Pháp hội đây
 Đặng nghe Kinh diễn **Pháp Hoa** này
 Chỉ cần thấu hiểu một bài kệ
 Tùy hỷ vì người thuyết diễn khai
 Chuyển dạy xoay vần như thế đó
 Đến người sau cuối năm mươi rày
 Đặng phần phước báu nhiều vô lượng
 Nay sẽ tùy duyên phân biệt bày.
- Ví như có thí chủ tâm lành
 Cung cấp đồ dùng khắp chúng sanh
 Đầy đủ tám mươi năm trọn vẹn
 Tùy theo sở thích dạ chân thành.
- Thấy qua thân tướng chúng già suy
 Tóc bạc, da nhăn bệnh khổ nguy
 Sức kiệt khô gầy răng rụng hết

Tử thân đến gọi phải ra đi
Chỉ đem **Phật pháp** đây truyền dạy
Cho chúng đặng nên đạo quả thì
Phương tiện phô bày chơn diễn thuyết
Niết Bàn chân thật chỗ Vô Vi.

Cõi đời huyễn giả chẳng gì bền
Như giọt sương khuya ánh nắng lên
Tất cả biến tan trong phút chốc
Sanh lòng nhàm chán ngộ tu thiền.

Các chúng đồng nghe Pháp đó rồi
Đều đặng *Vô Sanh* đoạn khổ đời
Đầy đủ *Lục thông* không chướng ngại
Ba minh, Tám giải thoát rạng ngời.

Người thứ năm mươi công đức dày
Chỉ nghe bài kệ **Pháp Hoa** này
Phước điền hơn cả người kia thí
Không thể so bì khó đặng thay.

Chỉ dạy người nghe cứ chuyển vần
Vô biên vô lượng phước vô ngần
Huống là người ở trong Pháp hội
Tỳ hỷ tối sơ gặp vạn lần.

Nếu có người khuyên bảo một người

Đến nghe **Diệu Pháp Liên Hoa** thời
 Hoặc như chỉ nói tên Kinh điển
 Khó gặp dù cho muôn kiếp đời.
 Liền nhận tin lời người dạy bảo
 Nhẫn nghe **Diệu Pháp** phút giây thôi
 Phước duyên cũng đặng nhiều sâu rộng
 Luận chứng rộng phân giảng giải thời.

 Đời đời không bệnh miệng hôi dơ,
 Răng chẳng vàng, đen hay thiếu thưa
 Môi chẳng tím teo dày xấu xí,
 Trọn không có tướng đáng mà chê,

 Lưỡi chẳng khô đen hoặc ngắn cùn
 Mũi cao lớn thẳng rộng nhân trung
 Trán vuông bằng phẳng không eo hẹp
 Mặt, mắt đoan nghiêm thể bách tùng
 Người thấy ưa nhìn đều ngắm nghĩa
 Kẻ trông vẻ đẹp quý vô cùng
 Miệng luôn trong sạch không nhớ nhiễm
 Hơi thở thơm tho Ưu Bát bông.

 Nếu cố lòng đây đến Tăng phường
 Muốn nghe Kinh điển **Pháp Hoa** Vương
 Phút giây tâm ngộ vui mừng khởi
 Nay giải phước trên đó tận tường.

Trời, người luân chuyển được thân sanh
Đặng của ngựa, voi, xe tốt lành
Kiệu, cang kết thành bằng báu quý
Cung Trời cùng ở cõi Tam Thanh.

Nếu được trụ trong chỗ thuyết trình
Khuyên người ngồi lại để nghe Kinh
Nhơn vì phước đó nhiều vô lượng
Xứng đáng ngồi trên tòa thượng đĩnh.

Huống là giác ngộ một lòng tin
Giải nói thật rành nghĩa thú Kinh
Như Pháp mà tu không thối chuyển
Chẳng lường phước báu trí quang minh.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)
- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA (QUYỂN 6)



PHẨM “PHÁP SƯ CÔNG ĐỨC” (Thứ Mười Chín)

1. **B**ấy giờ, **Thế Tôn Như Lai**

Bảo **Thường-Tinh-Tán** ông nay nhớ rằng:

Nếu có người **Thiện nam, Tín nữ**

Thọ trì Kinh gìn giữ **Pháp Hoa**

Đọc, tụng, giảng nghĩa, biên ra,

Người đó sẽ đặng sâu xa phước dày,

Nơi mắt được tám trăm công đức,

Nghìn hai trăm chứng thực nơi tai,

Tám trăm công đức mũi đây,

Nơi lưỡi công đức một nghìn hai trăm,

Đủ tám trăm nơi thân công đức,

Nơi ý thì một nghìn hai trăm,

Dùng những công đức trang nghiêm

Sáu căn đều được tịnh yên hoàn toàn.

Thiện nam đó và hàng **Tín nữ**,

Nhục nhĩn ^(*) thanh tịnh của mẹ cha
 Đều do công đức sanh ra,
 Thấy khắp cõi nước Hằng hà Đại Thiên,
 Trong ngoài có núi, rừng, sông, biển,
 Dưới đến là địa ngục A Tỳ,
 Cõi *Trời Hữu Đảnh* ^(*) tường tri
 Tất cả sanh chúng cùng thì thấy qua
 Nào *quả báo* ^(*) hay là duyên nghiệp,
 Chỗ sanh ra thấy biết tận tường.

Khi đó, **Thế Tôn** muốn tuyên
 Nghĩa trên chân thật mà khuyên kệ rằng: (lay)

2. Nếu có người ở trong chúng đây
 Dùng tâm không sợ sệt lòng ngay
Pháp Hoa diễn nói Kinh Vô Thượng
 Công đức **Như Lai** sẽ giải bày
 Người đó đặng tám trăm lợi ích
 Nhân quang thù thắng đức sâu dày
 Do dùng công đức trang nghiêm độ
 Thanh tịnh mắt kia sáng tỏ khai.
 Dù mang mất thịt mẹ cha sanh
 Thấy cõi Tam Thiên hiện rõ ràng

^(*) *Nhục Nhĩn*: Xem phần Thích nghĩa.

^(*) *Hữu Đảnh (Thiên)*: Xem phần Thích nghĩa.

^(*) *Quả Báo*: Xem phần Thích nghĩa.

Trong *núi Di Lôu* ^(*), ngoài ngoài cảnh
 Sông ngòi, biển lớn, núi rừng xanh
 Dưới thông địa ngục A Tỳ vậy,
 Trên đến cung trời Hữu Đảnh thanh
 Và các núi rừng đây khác nữa
 Tu Di hoặc núi *Thiết Vi* thành.

Chúng sanh tất cả ở nơi này
 Đều thấy rõ ràng chẳng có sai
Thiên nhĩn mặc dầu chưa đặng chứng
 Sức thần *nhục nhĩn* cũng lành thay. (lạy)

3. Lại nữa, **Thường-Tinh-Tấn Bồ Tát!**

Nghe cho rành ban phát về sau:

Nếu Thiện nam, Thiện nữ nào
 Thọ trì **Diệu Pháp** dồi trau hạnh nguyện
 Hoặc đọc, tụng hoặc biên, giải thích,
 Sẽ đặng phần lợi ích nhĩ căn,
 Công đức một nghìn hai trăm,
 Dùng tai thanh tịnh thậm thâm diệu huyền
 Nghe khắp cõi Tam Thiên thế giới,
 Dưới địa ngục Vô gián A Tỳ,
 Trên đến trời Hữu Đảnh di
 Trong ngoài lời lẽ giọng thì tiếng vang:

^(*) *Núi Di-Lâu (Di-Lâu Sơn)*: Xem Thích nghĩa văn D.

Tiếng voi, ngựa, oán than, tiếng khóc
 Hay tiếng xe, tiếng ốc, trống, chuông,
 Tiếng linh đẩu, tiếng ưu buồn,
 Tiếng cười, tiếng nói tỏ tường gái, trai,
 Tiếng đồng tử hoặc rày đồng nữ,
 Tiếng phi Pháp, tiếng Pháp, khổ, vui.
 Tiếng phàm phu, tiếng Thánh nhơn,
 Tiếng được ưa chuộng, tiếng hờn trách nhau,
 Hoặc nghe thấu Trời cao vang tiếng,
 Hay tiếng Rộng hoặc tiếng Dạ Xoa,
 Càn Thát Bà, A Tu La,
 Tiếng Ca Lô La, Ma Hầu La Đà,
 Khẩn Na La hay là Nga quý,
 Tiếng Súc sanh, rên rĩ A Tỳ,
 Tiếng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni,
 Tiếng **Thanh Văn**, tiếng **Bích Chi Phật** thành
 Tiếng **Bồ Tát**, nghe rành tiếng **Phật**.
 Nói tóm chung trong cõi Tam Thiên
 Đại Thiên thế giới vô biên,
 Nội ngoại thứ tiếng âm truyền viên thông,
 Dầu chưa đặng chứng trong *Thiên nhĩ* (*)
 Dùng tai thường của mẹ cha sanh,

(*) *Thiên Nhĩ*: Xem phần Thích nghĩa.

Do công đức đó tịnh thanh
 Thấy đều nghe biết rõ ràng biệt phân
 Các thứ loại tiếng tằm như thế
 Mà chẳng hề hư tổn nhĩ căn.

Lúc đó, **Thế Tôn** muốn tuyên
 Nghĩa trên chân thật mà khuyên kệ rằng: (lạy)

4. Dẫu tai cha mẹ đã sanh ra
 Trong sạch không nơ nhiễm trước mà
 Dùng lấy tai thường nghe tất cả
 Tam Thiên thế giới rộng nghe qua
 Tiếng Voi, tiếng Ngựa, tiếng xe cộ,
 Tiếng vọng Chung linh, tiếng Cổ loa,
 Hoặc tiếng Sắc cầm, Không-Hầu tiếng,
 Tiếng Tiêu, tiếng Dịch thổi ngân xa.
 Tiếng ca thanh tịnh rất là hay
 Nghe đó mà không ham thích rày
 Tiếng giống người đây thường đủ loại
 Nghe đều hiểu rõ đặng không sai.
 Lại nghe thấu tiếng các Trời cao
 Tiếng xướng ca ngâm rất nhiệm mầu
 Và tiếng gái, trai hay tiếng của
 Đồng nam, đồng nữ rõ âm hao,
 Tiếng vang sông núi nơi hang hiểm,

Tiếng Pháp giọng Ca Lãng Tần Già
Cộng Mạng (*) các chim muông cả thấy
 Đều nghe tiếng của nó dường bao.

Tiếng nơi địa ngục đớn đau thay!
 Các tiếng rên than nỗi khổ bày,
 Ngạ quỷ đói tham lòng khát bức,
 Tiếng tìm cầu ăn uống muôn loài.

Tiếng của A Tu La các hàng
 Ở nơi biển lớn rộng thênh thang
 Quay quần lúc được cùng chung sống
 Tiếng nói vô cùng rất vọng vang.

Như thế nếu người nói **Pháp** khai
 Tâm lành an trụ ở trong đây
 Xa nghe các tiếng âm thanh đó
 Mà chẳng tổn hư nhĩ căn này.

Ở trong cõi nước khắp mười phương
 Cầm thú kêu nhau tiếng đáng thương
 Người diễn **Liên Hoa Kinh Diệu Pháp**
 Đều nghe rõ tiếng chỗ chơn thường.

Tiếng của Phạm Thiên các cõi Trời
Quang-Âm (*), **Hữu-Đảnh**, **Biến-Tịnh** (*) thời

(*) **Cộng Mạng (Điểu)**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Quang Âm (Thiên)**: Xem phần Thích nghĩa.

Pháp Sư an trụ nơi đây thấy
 Đều đặn nghe qua rất rõ lời.

Tỳ kheo nam, nữ thọ trì Kinh
 Đọc, tụng, diễn bày với chúng sinh
 Vị Pháp Sư đây an trụ định
 Thấy đều nghe đặn cả âm thanh.

Có nhiều **Bồ Tát** đạo năng siêng
 Đọc tụng **Pháp Hoa** giác chúng truyền
 Soạn tập nghĩa Kinh luôn giải thích
 Thấy đều nghe đặn tiếng như, Thiên.

Thế Tôn Chư **Phật** đáng **Như Lai**
 Giáo hóa chúng sanh độ bốn loài
 Thường trụ ở trong nhiều đại hội
 Pháp lành diễn nói nhiệm mầu thay!
 Người trì thọ **Pháp Hoa** này được
 Nghe đặn âm thanh của các loài
 Cho đến ngộ tri lời **Phật** dạy
 Nghĩa mầu thông suốt chẳng hề sai.

Tam Thiên Đại Thiên thế giới này
 Các tiếng ở trong hay ở ngoài
 Dưới đến A Tỳ nơi địa ngục

(*) *Biến Tịnh (Thiên)*: Xem phần Thích nghĩa.

Trên Trời Hữu-Đảnh Thượng Thiên đây
 Đều nghe tất cả âm thanh vọng
 Mà chẳng tổn hư căn nhĩ này
 Công đức nghe Kinh không nghĩ tưởng
 Huống là diễn nghĩa **Pháp Hoa** khai.

Vì tai thanh tịnh sáng nơi lòng
 Phân biệt thường xuyên biết đực trong
 Người đọc thọ trì Kinh **Diệu Pháp**
 Dầu chưa thành đặng *Thiên nhĩ thông* (*)
 Chỉ dùng tai của người sanh dưỡng
 Mà đã khôn lường chỗ đức công
 Tu tập **Pháp Hoa** chân thật nghĩa
 Xa lìa ba cõi thoát mê sông. (lạy)

5. Lại nữa, **Bồ Tát Thường-Tinh-Tấn!**
 Nếu có Thiện nam, Thiện nữ đây,
 Thọ trì **Pháp Hoa** Kinh này,
 Hoặc đọc, hoặc tụng, giải bày chép biên,
 Trọn nên tám trăm tỷ công đức
 Dùng mũi căn thanh tịnh gửi nghe
 Tam Thiên Đại Thiên bao la,
 Trên, dưới, nội, ngoại nghe qua các mùi
 Tu Mạn Na bông thời quý lạ,

(*) *Thiên Nhĩ Thông*: Xem phần Thích nghĩa.

Bông Xà Đê (*) hương nhả dịu dàng
 Mùi bông **Mạt Lợi** (*) thơm lan
 Mùi bông **Chiêm Bạc** nhẹ nhàng làm sao,
Ba La La (*) ngọt ngào sâu lắng,
 Mùi bông Sen xanh, trắng, đỏ hồng,
 Mùi cây có trái, có bông,
Chiên Đàn gỗ quý nức nồng trầm hương,
 Mùi bông của **Đa Ma La Bạt** (*),
Đa Đà La (*) tỏa ngát bay xa ...
 Đến trăm nghìn các thứ hoa
 Hòa trộn thành bột hoặc là thành viên,
 Hoặc là chế hương xoa, hương xức,
 Người trì Kinh này thật ngửi qua
 Ở trong các thứ mùi hoa
 Đều đặn phân biệt rất là tinh vi.
 Lại rõ biết mùi thì sanh chúng:
 Mùi trâu, dê, voi, ngựa .v.v...
 Mùi trai, mùi gái rành phân,
 Đồng nam, đồng nữ, lùm rừng cỏ cây.
 Bao nhiêu thứ mùi đây sanh trưởng

(*) **Xà Đê (Hoa)**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Mạt Lợi (Hoa)**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Ba La La (Thụ)**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Đa Ma La Bạt (Hoa)**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Đa Đà La**: Xem phần Thích nghĩa.

Gần hoặc xa nghe ngửi chẳng lầm.

Pháp Hoa trì, phước thậm thâm,
 Ở đâu cũng đặng âm thầm nghe qua.
 Trên cõi Trời nhiều hoa thực vật:
 Mùi cây **Ba Lợi Chất Đa La** (*),
 Mùi cây **Câu Bệ Đà La** (*),
 Cùng mùi bông **Mạn Đà La** nức nồng,
Đại Mạn-Đà-La bông thượng hạng,
Mạn Thù Sa, Đại Mạn-Thù-Sa,
Chiên Đàn mùi gỗ thơm xa,
Trầm thủy các loại hương xoa, bột thành,
 Đủ thứ hoa trong lành tốt đẹp.
 Các hương Trời hòa hiệp thoảng ra,
 Mùi thơm ngửi biết nghe qua
 Công đức đạt chứng của mà tử căn.

Lại nghe mùi nơi thân các vị:
 Mùi của trời **Thích Đề Hoàn Nhơn**
 Lúc trên thặng điện thặng đường,
 Năm món dục lạc thường thường vui chơi,
 Hoặc nghe mùi ở nơi diệu Pháp
 Vì các trời **Đao Lợi** tuyên dương,
 Mùi lúc dạo chơi trong vườn

(*) **Ba Lợi Chất Đa La**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Câu Bệ Đà La (Thụ)**: Xem phần Thích nghĩa.

Nữ, nam Trời khác mùi hương thân hình,
 Dầu rất xa nghe nhìn thấu biết.
 Cứ xoay vần Phạm Thiên cung trời,
 Đến mùi *Hữu Đảnh* cao vời
 Cũng đều ngửi biết của thời tử căn.

Và nghe mùi hương thân Trời đốt,
 Mùi **Thanh Văn**, mùi **Phật Bích Chi**,
 Mùi **Bồ Tát** đáng đại bi,
 Mùi thân chư **Phật** diệu kỳ *ngũ hương*,
 Đều ngửi thấu tận tường trú xứ,
 Rất rõ ràng các thứ mùi trên,
 Nhưng nơi tử căn chắc bền
 Không hư tổn hoại trọn nên vững vàng,
 Nếu vì người hỏi han phân biệt
 Tâm ghi nhớ sự thiệt không lầm.

Lúc đó, Đức **Phật** muốn tuyên
 Nghĩa trên chân thật mà khuyên kệ rằng: (lay)

6. Người thọ trì Kinh, mũi tịnh thanh
 Ở trong thế giới hữu tình sanh
 Thơm, hôi mùi vị trong muôn vật
 Các thứ loài hoa nghe biết rành.

Tu Mạn Na, *Xà Đề* kiết tường
Đa Ma La, gỗ *Chiên Đàn* hương,

Hương xoa *Trâm thủy*, hương mùi quế,
 Mùi các thứ bông trái diệu thường,
 Và biết mùi nhân sanh đủ loại,
 Mùi nam lớn nhỏ, hay nữ nhơn,
 Pháp Sư dầu ở nơi xa lạ
 Nghe nhận mùi hương biết tận tường.

Chuyển Luân Vương, Đại Phạm Thiên Vương,
 Tiểu Chuyển Luân Vương con kế truyền,
 Kể cả bầy tôi, cung nữ cận,
 Nghe mùi biết rõ chỗ am tường.

Trân bửu đeo thân rất quý bao
 Và cùng tạng báu trong đất màu
 Luân Vương bửu nữ con trang sức
 Nghe tỏa hương thơm biết chỗ nào.

Mọi người tất cả đều nghiêm thân
 Y phục, chuỗi châu ngọc bảo trân
 Các thứ hương xoa thơm tỏa ngát
 Nghe mùi nhận biết được nơi thân.

Các Trời đi, đứng, hoặc nằm ngồi
 Thần biến hay là hoặc dạo chơi
 Người thọ **Pháp Hoa** Kinh đọc tụng
 Nghe mùi đều biết rõ từng thời.

Các cây bông trái hạt hoa màu
Mùi vị thơm ra đủ loại dầu
Người thọ trì Kinh tâm trụ xứ
Đều nghe biết rõ ở nơi nào.

Các núi rừng sâu chỗ hiểm nguy
Chiên Đàn hoa nở ngát hương thì
Chúng sanh trú ở nơi trong đó
Mùi của thân đây thấu biết tri.

Thiết Vi, biển lớn rộng bao la
Chúng sanh trong đất đó sinh ra
Người trì Kinh Pháp nghe mùi tỏa
Đều biết ở đâu gần hoặc xa.

Tu-La nam, nữ rất nhiều thay
Quyến thuộc họ hàng của chúng đây
Lúc đánh cãi nhau hay đạo cảnh
Nghe hương đều biết dạng không sai.

Kể cả trống đồng nhạc lễ vang,
Chỗ nguy hiểm trở, Sư Tử đàn,
Bò rừng, Hùm, Sói, Voi, Trâu nước,
Nghe thấy hương mùi biết ở hang.

Nếu có người đây ghen chửa thai
Chưa từng rõ biết gái hay trai

Các căn chưa tượng hình hài đủ
 Nghe thấy mùi kia biết chẳng sai.
 Do vì sức huệ được nghe mùi
 Biết rõ người đây ghen chửa thai
 Thành tựu hay không đều thấy cả
 An vui, sầu khổ, gái hay trai.
 Do vì sức huệ được nghe mùi
 Rõ biết niệm lòng gái hoặc trai
 Đắm nhiễm dục trần, ngu hoặc trí
 Tâm người tu tịnh đúng hay sai.

Phục tàng trong đất có từ lâu
 Vàng bạc, ngọc ngà, trân bửu châu,
 Chỗ chứa kho tàng không kể xiết
 Nghe mùi đều biết chỗ thâm sâu.

Các thứ chuỗi làm ngọc báu châu
 Không ai biết giá tính cao sâu
 Nghe mùi mắc rỏ đây đều biết
 Sản xuất nơi nào, chỗ ở đâu.

Trên các cõi Trời đủ thứ hoa
Mạn Đà cùng với *Mạn Thù Sa*
 Nghe mùi đều biết không sai sót
 Mùi vị *Ba Lợi Chất Đa La*.

Các cung điện ở trên Trời cao

Thượng, Hạ hay Trung sai khác nhau
 Hoa báu trang nghiêm nhiều đủ loại
 Nghe hương đều biết được nơi nào.

Thắng điện vườn rừng trời đẹp xinh
 Các nhà *Diệu Pháp đường* (*) tinh minh
 Vui chơi dạo cảnh tâm hoan lạc
 Nghe đặng mùi hương biết thấy nhìn.

Thiên nữ dung y đẹp dịu dàng
 Hoa hương thơm tỏa tướng nghiêm trang
 Dạo chơi khắp cả trong Thiên cỏi
 Nghe thấy mùi hương biết vẹn toàn.

Lần lượt như thế đến tầng cao
 Cung trời Phạm Thích thấy lâu lâu
 Nhập thiền hay hoặc xuất thiền vậy
 Nghe đặng mùi đây biết rõ nào.

Cõi trời *Biến Tịnh* cộng *Quang Âm*
Hữu-Đảnh Thượng Thiên rất diệu thâm
 Mới đặng sanh về hay sắp hoại
 Nghe hương đều biết đặng không lầm.

Các hàng Đại Đức Tỳ Kheo đây
 Nơi Pháp thường hay tinh tấn bày

(*) *Diệu Pháp Đường*: Xem phần Thích nghĩa.

Hoặc đứng, hoặc ngồi luôn chủ định
 Thọ trì đọc tụng diệu Kinh này
 Hoặc khi ở dưới rừng cây rậm
 Chuyên tọa thiền hành chẳng đổi thay
 Người đã trì Kinh nghe thấy biết
 Tại đâu thường trú chẳng lầm sai.

Bồ Tát chí bền nguyện chẳng thay
 Ngồi thiền hoặc đọc tụng Kinh đây
 Vì người nói Pháp không lười mỏi
 Nghe thấy mùi liền biết rõ ngay.

Nơi nơi chỗ chỗ Đức **Bi Tôn**
 Được mọi người cung kính trong lòng
 Vì thương sanh chúng truyền cơ Pháp
 Nghe mùi đều biết được âm thông.

Chúng sanh ở trước **Phật** nghe Kinh
 Tất cả vui mừng tâm nguyện tin
 Đúng Pháp tu hành chân thật tánh
 Nghe mùi đều biết được quang minh.

Vô lậu dầu chưa đặng tự thành
 Tỷ căn **Bồ Tát** đạt công hành
 Người nào trì thọ Kinh đây đặng
 Tướng mũi khôn lường chỗ lợi lành. (lạy)

7. Lại nữa, **Thường-Tinh-Tấn Bồ Tát!**

Nếu có Thiện nam, Thiện nữ đây

Thọ trì Kinh **Pháp Hoa** này

Hoặc đọc, hoặc tụng, giải bày, chép biên,

Đặng một nghìn hai trăm công đức

Ở nơi lữi hết sức diệu năng.

Những món xấu, tốt đồ ăn,

Hoặc ngon, hoặc dở, vật trần đẳng, hôi,

Ở trên lữi của người kia đó,

Đều biến thành vị ngon tuyệt vời

Như vị Cam Lộ trên Trời,

Không món nào chẳng đều thời thơm ngon.

Nếu dùng chỗ thiệt căn công đức

Trong đại chúng thuyết pháp chơn Kinh

Diễn ra giọng tiếng âm thanh

Vô cùng mầu nhiệm, chúng sinh vui mừng.

Lại các vị chín tầng Thiên tử,

Hay Thiên nữ của các cõi Trời.

Thích, Phạm là đấng cao ngời

Tiếng tăm thâm diệu đồng thời đến nghe.

Bày diễn nói luận lời thứ đệ,

Thật sướng vui không thể nghĩ bàn.

Long nam, Long nữ các hàng:

Dạ Xoa nam, nữ khắp phương tụ về,

Càn Thát Bà nữ, nam cũng đến,
A Tu La nam, nữ rất đông,
Ca Lâu La đồng một lòng
 Nữ, nam nghe Pháp gieo trồng phước sâu,
Khẩn Na La vui cầu pháp sự,
Ma Hầu La Đà nữ hoặc nam,
 Vì để nghe đặng Pháp đàm
 Đều đến gần gũi Già Lam cúng dường.

Và *Tỳ Kheo* nữ, nam tại Tự
 Hoặc tục gia nam, nữ thế trần
 Quốc vương, Thái tử, quần thần
 Quyến thuộc hay bậc thứ dân nghèo giàu,
 Chuyển Luân Vương đức cao lớn nhỏ,
 Bảy báu châu cung điện quang minh
 Nghìn người con cùng gia đình
 Trong ngoài cả thấy đặng trình đến nghe.

Vị **Bồ Tát** khéo tuyên diệu Pháp,
 Bà La Môn, Cư Sĩ, nhơn dân
 Tất cả trong nước ân cần
 Trọn đời phụng sự tri ân cúng dường.

Lại cũng có thường thường các bậc
 Như **Thanh Văn** hay hoặc **Bích Chi**,
Bồ Tát, chư **Phật** từ bi

Thường ưa nhìn thấy những gì người kia,
 Ở chỗ nào gần xa không kể
 Chư **Phật** đều có thể chuyển xoay
 Phía đó nói Pháp giáo bày
 Người đó cũng đặng thường hay thọ trì
Phật pháp ngộ phát huy thụ nạp
 Lại thuyết ra tiếng Pháp siêu nhiên.

Khi đó **Thế Tôn** muốn tuyên
 Nghĩa trên chân thật mà khuyên kệ rằng: (lay)

8. Người đó lưỡi căn thanh tịnh sâu
 Trọn không thọ vị xấu dơ dàu
 Món ăn thức uống người chi dụng
 Đều biến thành Cam Lộ nhiệm mầu.
 Hay dùng tiếng giọng diệu âm thanh
 Trong chúng thời ưa nói Pháp lành
 Đem các như duyên hay thí dụ
 Dắt dìu như loại độ quần sanh
 Người nghe đều đặng vui mừng thích
 Cung kính cúng dường dạ chí thành
 Lợi ích **Pháp Hoa** không nói hết
Như Lai nghĩa để giải phân rành.
 Các cõi Trời, Rồng hay Dạ Xoa
 Cùng hàng chiến đấu A Tu La

Dùng tâm cung kính luôn khen ngợi
 Đồng đến mà nghe Kinh **Pháp Hoa**.

Người nói Kinh đây Pháp diệu huyền
 Muốn dùng tiếng tốt để khai truyền
 Khắp cùng các cõi Tam Thiên giới
 Tùy ý người kia được đến liền.

Đại, Tiểu Chuyển Luân Thánh đế Vương
 Và nghìn người con cả gia đường
 Chắp tay đánh lễ lòng cung kính
 Thường đến mà nghe Pháp xiển dương.

Các Trời, Rồng hay chúng Dạ Xoa
La Sát (*) cùng hàng Tỳ Xá Xà
 Cung kính dùng tâm đây giác ngộ
 Cúng dường người giảng Kinh **Pháp Hoa**.

Phạm Thiên Vương các hàng Ma Vương
 Tự Tại cùng Đại Tự Tại Vương
 Các chúng cõi Trời đều như thế
 Thường đến chỗ người đó cúng dường.

Các Đức **Phật** cùng đệ tử Ngài
 Nghe người nói tiếng **Pháp Hoa** này
 Thường thương gia hộ luôn gìn giữ

(*) *La Sát*: Xem phần Thích nghĩa.

Hoặc lúc hiện thân đến giảng bày. (lạy)

9. Lại nữa, **Thường-Tĩnh-Tấn Bồ Tát!**

Nếu có Thiện nam, Thiện nữ đây

Thọ trì **Pháp Hoa** Kinh này

Hoặc đọc, hoặc tụng, giải bày, chép biên

Đặng tám trăm nơi thân công đức

Thân thanh tịnh sáng rực lưu ly

Chúng sanh ưa thấy kính vì

Bởi thân trong sạch cực kỳ tinh anh,

Cõi Tam Thiên chúng sanh tôn kính.

Lúc sanh ra hoặc bệnh chết đi,

Thiên đường, Địa ngục tưởng tri

Sanh chỗ tốt xấu, an nguy, dữ, lành ...

Đều hiện rõ nơi thân trong đó

Chẳng bao giờ mà có lầm sai.

Thiết Vi lớn, nhỏ non đài

Di Lôu cũng vậy hiện bày .v.v...

Dưới A Tỳ khố trần thọ lãnh,

Trên đến trời *Hữu Đảnh* tối cao,

Cảnh vật hiện rõ dường bao

Chúng sanh đủ loại, sắc màu, gần xa,

Hoặc **Thanh Văn**, hay là **Duyên Giác**,

Cùng Chư **Phật**, **Bồ Tát** Pháp tuyên,

Đều hiện sắc tượng y nguyên
 Trong thân công đức hiện tiền chẳng sai.

Bấy giờ, Đức **Phật Như Lai**
 Muốn tuyên lại nghĩa diễn khai kệ rằng: (lay)

10. Nếu người trì tụng **Pháp Hoa** Kinh
 Thân thể tịnh thanh rất sáng tinh
 Như ngọc Lưu Ly kia sạch sẽ
 Chúng sanh thường tưởng thấy ưa nhìn.
 Lại như gương sáng chẳng nhớ trần
 Đều thấy hiện bày sắc tượng thân
Bồ Tát nương nơi thân tịnh niệm
 Trông nhìn vạn vật rõ nguyên nhân
 Chỉ riêng mình thấy như soi mặt
 Người khác không tưởng thấy thật chân
 Diệu dụng **Pháp Hoa** khôn nghĩ tưởng
 Một lòng tu tập gắng siêng năng.
 Cõi nước Tam Thiên rất rộng dài
 Chúng sanh, thế giới, đủ muôn loài
 Sáu đường: Địa ngục, Trời, Người với
 Ngạ quỷ, Tu La, Súc sanh đây.
 Các sắc tượng kia như thế đó
 Thấy đều hiện rõ trong thân này
 Thu gom như chỉ bàn tay vậy

Chăm chú nhìn vào chẳng có sai.

Cung điện cõi Thiên kể hết đâu

Nhãn trời Hữu Đảnh rất cao sâu

Thiết-Vi lớn nhỏ vô cùng rộng

Và có núi Ma Ha Di-Lâu

Các biển nước dâng tràn cả thủy

Đều hiện trong thân rất nhiệm mầu

Công đức Pháp Hoa trì tụng niệm

Ngàn muôn kiếp hưởng thoát đồ lao.

Các Chư **Phật** cùng bậc **Thanh Văn**,

Bồ Tát hay là **Phật tử** chẳng

Ở chỗ riêng mình, nơi chúng hội

Pháp Hoa trì tụng hiện trong thân.

Dầu chứa chứng đặng đắc Kim thân

Pháp tánh sạch lầu các lậu trần

Dùng chỗ tịnh thanh thân ứng dụng

Mọi điều hiện rõ ở trong thân.

(lạy)

11. Lại nữa, **Thường-Tinh-Tấn Bồ Tát!**

Nghe rõ rành ban phát cho đời.

Sau khi **Phật** diệt độ rồi

Nếu có Tín nữ hay người Thiện nam

Thọ trì hộ **Pháp Hoa** Kinh điển

Đọc hoặc tụng, thuyết diễn, chép ra

Thời đặng công đức sâu xa
Một nghìn hai trăm cửa là ý căn.
Dùng ý căn trọn phần thanh tịnh
Một bài kệ nhấn đến một câu,
Suốt thấu vô lượng nghĩa mầu,
Rồi đem nghĩa hiểu ngộ hầu thuyết khai,
Chỉ một câu, một bài kệ giảng,
Đến một tháng, bốn tháng, một năm.
Các Pháp nói ra thậm thâm
Tùy theo nghĩa thú chân tâm đẳng bình,
Cùng thiết tướng bất sinh, bất diệt,
Chẳng trái nhau thấy biết như thời.
Nếu nói Kinh sách trong đời,
Lời lẽ trị thế, khuyến người mưu sinh
Để nuôi sống thân mình tánh mạng,
Chỉ dạy người nghề nghiệp .v.v...
Đều thuận chánh pháp lý chân,
Không chi sai quấy ân cần dạy răn,
Sáu đường của vật, nhưn cũng vậy,
Cõi Tam Thiên hay khắp Đại Thiên,
Lòng suy nghĩ biết đặng liền
Ý tưởng khởi niệm nào phiền buồn, vui,
Tâm tác động hành vi ác, thiện,
Lòng hý luận bao chuyện đầu đầu

Thấy đều biết rõ thâm sâu
 Ý căn công đức nhiệm mầu kể trên.
 Dầu chưa đặng liễu viên trí huệ
 Mà ý căn bản thể tịnh thanh
 Như thế người đó đạt thành
 Có suy, có tính, nói năng chi thời
 Cũng đều là tuyệt vời **Phật pháp**,
 Không có gì chẳng hạp nhân sinh.
 Y như lời dạy trong Kinh
 Của các Đức **Phật** quang minh trước bày.

Bấy giờ, **Thế Tôn Như Lai**
 Muốn tuyên lại nghĩa bày khai kệ rằng: (lay)

12. Bốn ý người kia rất tịnh thanh
 Không dơ dục nhiễm, sáng long lanh
 Nếu dùng ý đó trang nghiêm độ
 Biết Pháp Thượng, Trung, Hạ rõ ràng.
- Nhận đến chỉ nghe một kệ bài
 Đạt thông vô lượng nghĩa lành thay!
 Tùy theo thứ đệ bày như pháp
 Một tháng, bốn tháng, một năm dài.
 Trong ngoài của cõi Ta Bà này
 Tất cả chúng sanh với bốn loài
 Bát Bộ Thiên Long chung cả thấy

Trời, Người, Rồng, Quỷ, Súc sanh đây
Sáu đường luân chuyển lên cùng xuống
Nghĩ tưởng bao nhiêu điều đúng sai
Phước báu trì Kinh không hạn định
Đồng thời đều biết ác, lành ngay.

Như Lai vô số **Phật** mười phương
Trăm phước tướng trang nghiêm lạ thường
Vì chúng sanh mê nguyên nói Pháp
Đều nghe trì thọ ngộ am tường.

Suy gẫm vô biên nghĩa nhiệm mầu
Pháp tuyên vô lượng cũng cao sâu
Trước sau tâm trí không quên lộn
Bởi họ trì Kinh **Pháp Hoa** cầu
Trọn biết thấu rành nơi Pháp tướng
Y theo liễu nghĩa thấp hay cao
Suốt thông ngôn ngữ và danh tự
Chân thật diễn bày chỗ cạn sâu.

Người luôn thường nói những điều hay
Là Pháp **Như Lai Phật** trước đây
Vì chúng **Pháp Hoa** Kinh diễn nói
Ở trong trời đất sợ gì ai.

Người trì Kinh diễn **Pháp Hoa** đây
Thanh tịnh ý căn như thế này

Dầu chẳng chữa thành **Vô Lậu Trí** (*)
Trước kia có tướng phước dường thay!
Người trì Kinh điển **Pháp Hoa** đây
An trụ huệ thành hy hữu thay!
Đều được chúng sanh cùng bốn loại
Vui mừng kính trọng cúng dường nay.
Thường dùng thí dụ nghìn muôn ức
Lời lẽ nhân duyên rất khéo hay
Phân biệt đúng, sai mà nói Pháp
Bởi trì Kinh điển **Pháp Hoa** này.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)
- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)



(*) **Vô Lậu Trí**: Xem phần Thích nghĩa.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

(QUYỂN 6)



PHẨM

“THƯỜNG BẤT KHINH BỒ TÁT”

(Thứ Hai Mười)

1. Lúc bấy giờ, **Thế Tôn** bảo Ngài **Đắc Đại Thế** ông nay biết rằng:
Nếu có vị Tỳ kheo Tăng
Nữ, nam tại tục hoặc hàng xuất gia
Thường thọ trì **Pháp Hoa** sẽ được
Nhiều công đức như trước đã bày,
Sáu căn thanh tịnh lành thay!
Thân, ý, mũi, lưỡi, mắt, tai hoàn toàn,
Như có người nghinh ngang ngã mạn
Dùng những lời phỉ báng chê bai
Mắc tội báo nặng sâu dày
Cũng như trước đã giải bày phân qua. (lạy)
2. **Đắc Đại Thế!** Thuở xa xưa quá,
Vô lượng kiếp *bất khả tư nghì*,
Vô biên, vô số khó tri,

Có **Phật** xuất hiện trần ni hiệu là:

“*Đức Oai-Âm-Vương Như Lai!*” (*)

Ứng Cúng công đức chẳng ai sánh bằng,
Chánh Biến Tri thường hằng thấu biết,
Minh Hạnh Túc vốn thiệt tròn đầy,
Thiện Thệ nguyện lớn sâu dày,
Thế Gian Giải ngộ chỉ bày chơn tâm,
Vô Thượng Sĩ pháp thân tịnh diệu,
Bậc Trượng Phu Điều Ngự độ sanh,
Thiên Nhơn Sư đáng Cha lành,
Phật Đà toàn giác, chứng thành **Thế Tôn**. (lay)

Kiếp đó tên gọi **Ly Suy**
Tên nước niên hiệu quốc huy **Đại Thành**,
Oai Âm Vương đức lành cao cả
Trong đời đó giáo hóa Trời, người,
Các chúng A Tu La thời,
Thanh Văn cầu chứng ban lời pháp khai,
Tứ Diệu Đế giải bày chơn thật,
Khỏi sanh già, bệnh tật, tử thân,
Niết Bàn rốt ráo chánh chân;
Vì người cầu Pháp đặc phần **Bích Chi**
Pháp Mười Hai Nhơn Duyên giảng thuyết,

(*) *Oai Âm Vương Như Lai*: Xem phần Thích nghĩa.

Vì **Bồ Tát** vốn thiệt hơn sâu
Vô Thượng Đẳng Giác quả cầu
Mà nói *sáu Pháp* nhiệm mầu viên thông
Ba La Mật vào trong **huệ Phật**
Vô số đây xứng bậc Ma Ha.

Đắc Đại Thế! Hãy nghe qua.
Đức **Oai-Âm-Vương Phật Đà** sống lâu
Na-do-tha bốn mươi vạn ức,
Hằng hà sa kiếp cực thịnh dài,
Chánh Pháp trụ ở đời này
Vi trần kiếp số một **Diêm Phù Đề** (*),
Tượng Pháp trụ ở đời kiếp số
Như vi trần ước độ bốn châu.

Phật đó lợi ích rộng sâu
Cho trong sanh chúng tai sâu, khổ qua,
VẬY sau rốt mới là diệt độ.
Khi Chánh Pháp, Tượng Pháp hết rồi,
Cõi nước có **Phật** ra đời,
Cũng đồng danh hiệu **Phật** thời không hai.

Đức **Oai Âm Vương Như Lai!**
Ứng Cúng công đức chẳng ai sánh bằng,
Chánh Biến Tri thường hằng thấu biết,

(*) *Diêm Phù Đề*: Xem phần Thích nghĩa.

Minh Hạnh Túc vốn thiết tròn đầy,
Thiện Thệ nguyện lớn sâu dày,
Thế Gian Giải ngộ chỉ bày chân tâm,
Vô Thượng Sĩ pháp thân tịnh diệu,
Bậc Trượng Phu Điều Ngự độ sanh,
Thiên Nhân Sư đấng Cha lành,
Phật Đà toàn giác, chứng thành **Thế Tôn**.
Cứ thứ lớp trường tồn như thế,
Có hai muôn ức kế **Phật** đây
Đều đồng một hiệu không hai
Oai-Âm-Vương Đức Như Lai Phật Đà. (lạy)

3. Khi viên mãn Ta bà diệt độ,
Sau Chánh Pháp cũng mãn duyên phần,
Trong đời Tượng Pháp giảm dần,
Tỳ kheo thượng mạn những Tăng dối đời,
Có thế lực lớn thời khuynh đảo
Mà làm cho **Phật đạo** lu mờ.
Cũng trong lúc đó bấy giờ
Có vị **Bồ Tát** tên *Thường-Bất-Khinh* (*).
Đắc Đại Thế! Sự tình nghe rõ.
Thường Bất Khinh ít có trên đời
Phàm khi ngó thấy đến người

(*) *Thường Bất Khinh (Bồ Tát)*: Xem phần Thích nghĩa.

Tỳ Kheo nam, nữ hay thời tục gia
Đều lễ lạy thật thà khen ngợi
Rằng: “Tôi đây rất kính quý ngài
Chẳng dám khinh mạn chê bai.

Vì sao?

Quý ngài làm **Phật** tương lai sau này”

Thường Bất Khinh chẳng hay đọc tụng

Kinh điển nào, chỉ dụng Pháp hành

Hằng đi lễ lạy chí thành

Nhẫn đến xa thấy bốn hàng Sa Môn

Cũng cố qua khiêm cung lễ lạy

Và ngợi khen mà nói lời này:

“Tôi chẳng dám khinh quý ngài!

*Quý ngài đều sẽ tương lai **Phật** thành”.*

Hàng Tứ chúng tu hành bất tịnh

Sanh giận hờn, nín nhịn được đâu

Buông lời mắng nhiếc câu mâu

Rằng: “Ông vô trí *Tỷ Khư* thế này

Ông từ đâu đến đây tự nói,

Tôi chẳng khinh khen ngợi quý ngài!

Mà thọ ký chúng ta đây

*Sẽ đặng thành **Phật** việc này khó tin,*

Chúng ta chẳng nhận nhìn như thế

Lời thọ ký hư dối vạy lầm”.

Trải qua như vậy nhiều năm,
Thường bị mắng nhiếc mà tâm chẳng hờn,
Luôn nói lời như thường không khác
“*Quý ngài đây làm **Phật** sắp gần*”

Lúc nói lời đó, chúng nhân
Dùng gậy đánh đuổi, đá quăng vô chừng.
Ông liền chạy xa dừng đứng lại
Miệng to tiếng vang dậy lời này:

“*Tôi chẳng dám khinh quý ngài
Quý ngài đều sẽ tương lai **Phật** thành*”.

Bởi ông thốt lời lành như vậy,
Tỳ kheo tăng thượng mạn nữ, nam,
Tại gia Cư sĩ tục phàm

Tên ông được gọi là **Thường Bất Khinh.** (lạy)

4. Tỳ Kheo đó lúc gần mạng hết,
Giữa hư không nghe tiếng bên tai
Hai mươi nghìn muôn ức bầy
Pháp Hoa Kinh Kệ Phật Ngài Oai Âm
Đã thuyết tuyên xa xăm thuở trước,
Nghe xong rồi tâm được thọ trì
Liên đặng nhãn căn phát huy
Thanh tịnh tai, mũi, lưỡi thì ý, thân.
Khi đã được sáu căn thanh tịnh
Pháp thân ông không bệnh, không già

Sống thêm cõi thế lâu xa
Hai trăm muôn ức do-tha tuổi đời.
Vì chúng sanh, vì người rộng nói
Kinh **Pháp Hoa** lợi ích vô vàn.

Lúc đó, **Phật tử** bốn ban
Những Tăng thượng mạn và hàng tục gia,
Trước khinh chê ông là vô trí
Rồi đặt tên thường gọi **Bất Khinh**.

Hôm nay đều thấy trông nhìn
Bất-Khinh Bồ Tát quang minh huệ mầu,
Thần thông lớn cao sâu sức nguyện,
Đức nhạo thuyết hùng biện luận Kinh,
Đại thiện tịch dứt vô minh,
Đồng nghe nói Pháp đều tin phục tùng.

Thường Bất Khinh ung dung giáo hóa
Nghìn muôn chúng khiến cả trụ vào
Chánh Đẳng Chánh Giác tối cao,
Công đức khó tả dường bao sâu dày.

Khi mạng chung ông đây đặng gặp
Hai ngàn ức Đức **Phật** độ sinh
Đồng hiệu **Nhật Nguyệt Đẳng Minh**,
Ở trong đại hội thuyết trình **Pháp Hoa**.
Do nhân duyên đó mà lại gặp

Hai nghìn ức Đức **Phật Như Lai**
Đồng danh kiếp số chẳng thay,
Hiệu Vân-Tự-Tại-Đăng-Vương Phật Đà,
Nương ở trong sâu xa Pháp hội
Của Chư **Phật** nhuần gội tu hành
Thọ trì, đọc tụng tâm thành,
Vì hàng bốn chúng giảng rành **Pháp Hoa,**
Cho nên đặng nhãn quang thanh tịnh
Thường trụ vào chánh định không sai.
Lưỡi, thân cùng với mũi, tai
Ý căn đều cũng huệ khai hoàn toàn.
Nơi bốn chúng đặng đàn giảng thuyết,
Tâm không hề sợ sệt điều chi.

Đắc Đại Thế! Hãy xét tri.
Vì sao **Ta** nói vị **Thường Bất Kinh**
Bồ Tát đó nguyện tin chân thật
Thường cúng dường Chư **Phật** đã nhiều
Cung kính, tôn trọng qui điều
Gieo trồng cội phúc rất nhiều thiện căn.
Lúc sau gặp nghìn muôn ức **Phật**
Cũng ở trong Pháp hội **Như Lai**
Nghe nói Kinh **Pháp Hoa** này,
Công đức thành tựu **Phật** đây đặng làm. (lạy)

5. **Đắc Đại Thế!** Rộng hàm thấu đạt!
Thường-Bất-Khinh Bồ Tát thuở xưa
Đâu phải người nào lạ xa,
Chính là kiếp trước thân **Ta** hóa thành.
Nếu **Ta** chẳng tu hành chí dốc
Nguyện thọ trì tụng đọc Kinh này,
Vì người khác nói giải bày,
Thời chẳng có thể **Như Lai** mau thành
Ngôi Chánh Giác quả lành bất diệt,
Đạo nhiệm mầu vốn thiệt xưa nay.
Phụng thờ các Đức **Phật** đây
Thọ trì đọc tụng Kinh này **Pháp Hoa**
Vì người khác mà **Ta** giảng nói,
Nên mau thành Đạo tối thượng cao. (lạy)
6. **Đắc Đại Thế!** Hãy nghe nào.
Thuở đó bốn chúng Tỳ kheo Tăng già,
Nam cùng nữ xuất gia, Cư sĩ
Do giận hờn khinh bỉ đến **Ta**,
Nên hai trăm ức kiếp qua
Thường chẳng được gặp **Phật Đà Như Lai**,
Chẳng nghe đặng Pháp mầu giảng nói,
Chẳng thấy Tăng nổi dõng **Thế Tôn**,
Nghìn kiếp ở chốn ngục môn

A Tỳ chịu khổ đập dồn bi ai
Trả xong rồi sâu dày tội ác,
Gặp lại Ngài **Bồ Tát Bất-Khinh**
Giáo hóa **Phật pháp** tận tình
Đặng đạo Vô Thượng quả lành mai sau.

Đắc Đại Thế! Ông nào có biết,
Bốn chúng thường khinh miệt thân **Ta**
Đâu phải người nào lạ xa
Năm trăm **Bồ Tát Bạt-Đà-Bà-La** ,
Trong hội này chính là bọn họ
Sư-Tử-Nguyệt đồng có năm trăm
Tỳ Kheo, thuở trước vạy lằm
Nhờ **Phật** hóa độ huệ tâm, sáng lòng,
Ni, Tư-Phật bọn ông Cư Sĩ
Năm trăm người tại vị tục gia,
Đều bậc **Bất Thối Ma Ha**
Nơi đạo Vô Thượng rất là dày sâu.

Đắc Đại Thế! Nhiệm mầu vi diệu.
Kinh **Pháp Hoa** thật liễu nghĩa chơn,
Đều là lợi ích chúng nhơn
Các Đại **Bồ Tát** thường thường thích ưa,
Có thể làm thuyền đưa đến bến
Đạo Vô Thượng thẳng tiến chóng nhanh.

Cho nên **Bồ Tát** độ sanh

Khi **Phật** diệt độ tâm thành năng siêng
Phải thọ trì, chép biên, đọc tụng
Kinh **Pháp Hoa** giải đúng diệu huyền.

Khi đó, **Thế Tôn** muốn tuyên

Nghĩa trên chân thật mà khuyên kệ rằng: (lạy)

7. Thuở quá khứ lâu có **Phật** Ngài
Hiệu là **Oai-Âm-Vương Như Lai**
Thần thông trí sức đây vô lượng
Dù dắt chúng sanh cả bốn loài
Trời, Quỷ, Người, Thần đều kính trọng
Chung nhau lễ lạy cúng dường thay!
Cũng không sánh được tâm bi nguyện
Đức độ cứu đời thoát nạn tai.

Sau khi **Phật** diệt độ trần gian
Lúc Pháp gần như lửa sắp tàn
Có một vị **Bồ Tát** xuất hiện
Tên là **Thường Bất Kinh** tâm an.

Tứ chúng bấy giờ chẳng hiểu ra
Chấp mê bỏ ngộ đạo lìa xa
Ông **Thường Bất Kinh** không sai quấy

Quấy bởi nghi lầm chỗ ý ta.

“Ta chẳng dám khinh các quý ngài

Quý ngài tu đạo nghiệp Ma Ha

*Tương lai làm **Phật** đều như thế*

Chân thật lời trên chẳng dối qua”.

Có những người nghe lời nói này

Khinh khi, mắng nhiếc lại chê bai

Ông **Thường-Bất-Khinh Bồ Tát** đó

Nhẫn lãnh cam lòng chịu họa tai.

Tội lỗi người tu trả hết rồi,

Sắp gần đến lúc mạng chung thời

Đặng nghe Kinh **Pháp Hoa** này thuyết

Thanh tịnh lục căn tỏ sáng ngời

Vì sức thần thông Chư **Phật** hộ

Tăng thêm nhiều tuổi sống lâu đời

Lại vì người khác không lười mỗi

Diệu Pháp rộng tuyên giảng giải lời.

Tứ chúng chấp mê các Pháp hành

Đều nhờ **Bồ Tát** đó tâm lành

Thường siêng giáo hóa nên công đức

Khiến trụ vào nơi **Phật đạo** thành.

Thường-Bất-Khinh Bồ Tát mạng chung

Gặp vô số Đức **Phật** oai hùng

Vì nghe giảng nói Kinh này vậy

Phước đức vô biên chẳng hạn cùng

Lần lượt tu hành công đức đủ

Mau thành **Phật đạo** liễu chơn không

Cứu đời rộng nguyện vì sanh chúng

Danh tiếng rền vang khắp đại đồng.

Thuở đó **Bồ Tát Thường-Bất-Khinh**

Thời chính thân **Ta** kiếp hóa sinh

Bốn bộ tu hành tâm bất tịnh

Những người chấp Pháp lỗi nơi mình

Nghe **Thường Bất Khinh** lời hay nói

Quý vị sẽ làm **Phật** tự tin

Do bởi nhơn duyên này đặng gặp

Như Lai vô số **Phật** quang minh,

Chính nay ở trong Pháp hội này

Năm trăm **Bồ Tát** trước chê bai

Và cùng bốn bộ thường khinh mạn

Tín nữ, thiện nam tại tục đây

Đều đối diện **Ta** lòng kính trọng

Lắng nghe diễn thuyết **Pháp Hoa** bày,

Người người giác ngộ lo tu tịnh
Thoát chốn trầm luân khỏi đọa đày.

Ta đã hiện thân đời trước đây
Thường khuyên giáo dạy hạng người này
Pháp Hoa nghe thấy nên trì thọ
Là Pháp Thượng tôn chẳng có hai
Khai mở cho người tâm liễu ngộ
Chỉ đường chứng đắc tánh **Như Lai**
Đời đời an trụ luôn như thế
Những kinh điển này không đổi thay.

Trải ỨC, ỨC muôn số kiếp qua
Khôn cùng bất khả Hằng Hà sa
Có duyên lâu lắm nghe Kinh báu
Mầu nhiệm vô cùng Kinh **Pháp Hoa**.

Trải ỨC, ỨC muôn kiếp số qua
Khôn cùng bất khả Hằng Hà sa
Thế Tôn Chư **Phật** đây lâu lắm
Mới nói giảng bày Kinh **Pháp Hoa**.

Cho nên những bậc tu hành
Sau **Phật** diệt độ, cội lành trưởng tin
Thấy nghe diệu Pháp chân Kinh

Đoạn lìa nghi hoặc, diệt, sinh không còn

Thọ trì chuyên chú một lòng

Rộng nói kinh điển phổ thông giải bày.

Đời đời đặng gặp **Như Lai**

Mau chứng **Phật đạo** sâu dày đức công./.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)
- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA (QUYỂN 6)



PHẨM “NHƯ LAI THẦN LỰC” (Thứ Hai Mười Một)

1. Lúc bấy giờ, các Đại **Bồ Tát**
Số vi trần như cát sông Hằng
Trong nghìn thế giới hạ tầng
Từ dưới đất vọt hiện thân khôn lường,
Đều ở trước Pháp đường Đức **Phật**
Đồng một lòng tay chấp nghiêm trang,
Mắt nhìn chiêm ngưỡng dung nhan
Bạch cùng Đức **Phật** rên vang lời rằng:
“**Thế Tôn!**
Sau khi **Phật** cõi trần vắng dạng,
Chúng con nguyện rộng giảng Kinh này.
Vì sao? Vì chúng con đây
Cũng tự muốn đặng Pháp này lớn lao
Để thanh tịnh, dồi trau, đọc tụng
Hay thọ trì, ứng dụng chép biên
Cúng dường Kinh **Pháp Hoa** truyền

Giữ gìn thờ phụng niên niên đời đời”. (lay)

2. Lúc đó, **Thế Tôn** ở thời trước mặt
 Ngài **Văn Thù** là bậc Pháp Vương ...
 Vô lượng **Bồ Tát** khôn lường
 Đều bậc cự trụ hàng thường thế gian
 Và đồng có bốn hàng **Phật tử**
 Tỳ Kheo đây nam, nữ tục ly,
 Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di,
 Trời, Rồng tám bộ kể thì như sau:
 Càn Thát Bà, Dạ Xoa chúng quý,
 A Tu La, Ma Hầu La Đà,
 Khẩn Na La, Ca Lô La,
 Nhơn, Phi nhơn cùng là .v.v...
 Trước đại chúng hiện thân thông lớn:
 Đức **Thế Tôn** bày tướng lưỡi dài
 Lên đến trời Phạm Thiên đây,
 Chân lông thân **Phật** tự bày phóng ra
 Đủ màu sắc sáng lòà rực rỡ
 Tia sáng kia vô số khó lường,
 Chiếu soi cõi nước mười phương
 Chưa từng hề có lạ thường xưa nay.
 Các Đức **Phật Như Lai** đồng dự
 Ngồi trên tòa Sư Tử báu trân

Cũng lại như thế hiện thân:

Bày tướng lưới rộng muôn phần dài xa,

Phóng vô lượng Hằng Hà tia sáng

Đủ sắc màu tỏ rạng mười phương.

Thần thông diệu dụng phi thường

Xưa nay khó thấy, chưa từng xảy ra.

Lúc Đức **Phật Thích Ca** Tôn Chủ

Và Chư **Phật** hội tụ đạo tràng

Dùng sức thần thông phóng quang

Trăm nghìn năm mới mãn hoàn tướng trên,

Đồng thời chỉ vang lên tăng hắng,

Cùng chung nhau đều khảy móng tay,

Hai tiếng vang dội lạ thay!

Đến cõi nước **Phật** tận rày mười phương.

Đất rung chuyển động vang sáu điệu,

Các chúng sanh chẳng hiểu chuyện gì,

Trời, Rồng nghe thấy kinh nguy,

Tu-La sợ hãi, Người thì lo xa,

Càn Thát Bà hay Ca Lô La

Khẩn Na La, Ma Hầu La Đà ...

Nhờ sức thần của **Phật Đà**

Đều thấy thế giới Ta Bà vô biên,

Nghìn muôn ức hiện liền Chư **Phật**

Ngồi trên tòa Sư Tử uy nghi,
 Dưới những cây báu diệu kỳ
 Và thấy Đức **Phật Mâu-Ni** an bày,
 Cùng **Thế Tôn Như Lai Đa-Bảo**
 Đang ngồi trên tòa báu tháp cao.

Lại thấy **Bồ Tát** dường bao
 Vô biên vô lượng không sao nghĩ bàn
 Và trong đó có hàng tứ chúng
 Vây quanh **Phật Ứng-Cúng Thích-Ca**
 Tất cả đều đã nhìn qua
 Việc chưa từng có, thật là huyền thâm. (lay)

Hàng Chư Thiên đồng tâm lay chuyển
 Giữa hư không lớn tiếng xưng rằng:
 Khởi đây vô số vi trần
 Vô lượng thế giới trăm ngàn Hằng sa
 Có nước tên Ta Bà quốc độ
 Trong đó có **Phật Tổ Như Lai**
Thích Ca Mâu Ni hiện nay
 Vì Đại **Bồ Tát** thuyết khai Pháp mầu
 Đại Thừa kinh nhiệm sâu cao cả
 Đặt tên là “**Diệu Pháp Liên Hoa**
Giáo dạy Bồ Tát Ma Ha
Pháp Phật Hộ Niệm giác tha muôn loài”.

“*Vậy các ông hôm nay tùy hỷ
Nên cúng dường Tôn Chủ **Thích Ca***”

Các chúng sanh đó nghe qua
Tiếng nói vang dội giữa tòa hư không,
Đồng chấp tay một lòng hướng nguyện
Cõi Ta Bà mà niệm thế này:

“**Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật**
Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật” (lay)

Xong rồi dùng hương hoa đủ loại
Nào chuỗi ngọc, phan lọng vô ngần
Các đồ nghiêm sức nơi thân
Những vật quý hiếm tốt bằng báu trân
Chư chúng Thiên lần lần cúng rải
Vào cõi nước thế giới Ta Bà.

Các vật quý bay lan xa
Ví như mây nhóm hợp hòa mười phương
Đều biến thành lớp màn bao phủ
Giăng khắp trên vũ trụ hư không
Các Đức **Phật** ngồi ở trong,
Mười phương như thể thông đồng gom chung.
Không ngăn ngại như trong cõi **Phật**
Sự cúng dường chân thật nhiệm mầu. (lay)

3. Khi đó, Đức **Phật** ngộ hầu

Bảo bậc Thượng hạnh đứng đầu nghe qua;
 “Thần lực của **Phật Đà** vô lượng,
 Lại vô biên khó tưởng nghĩ bàn,
 Nếu đem ứng dụng hoàn toàn
 Thần lực vô lượng trăm ngàn ức muôn
 Vô số kiếp khó lường biết đặng,
 Để *Chúc lụy* (*) khen tặng diển bày,
 Công đức **Pháp Hoa** sâu dày
 Vẫn chưa giải hết không tài luận phân.
 Nói tóm lại, Pháp chân Chư **Phật**
 Có tất cả Quyền, Thật, Tiệm, Viên,
 Thần lực tự tại vô biên
 Tạng truyền bí yếu sức nguyên rộng sâu.
 Muôn việc đã gom thâu vào đó
Như Lai đều nói rõ trong này.
 Cho nên các ông sau đây
 Khi **Ta** diệt độ trần ai **Ta Bà**
 Phải một lòng **Pháp Hoa** trì thọ,
 Đọc hoặc tụng, giải nghĩa, biên ra
 Đúng như lời dạy của **Ta**
 Tu hành chân chính **Phật Đà** thành công.
 Lại nói đến khắp trong cõi nước

(*) *Chúc Lụy*: Xem phần Thích nghĩa.

Nếu có người nào được thọ trì
Pháp Hoa đọc tụng hành y,
 Hoặc giải thật nghĩa, hoặc thì chép biên,
 Đúng như lời năng siêng tu niệm,
 Hoặc là chỗ có quyển Kinh này;
 Trong vườn, rừng rậm, dưới cây,
 Tăng phường, tháp tự, hoặc hay tại nhà
 Hàng Bạch y, điện tòa, đường xá,
 Hoặc núi hang, hoặc cả ruộng đồng,
 Nơi đâu phước đức vun trồng
 Dựng lên tháp tự ra công cúng dường.
 Vì sao? Phải tận tường hiểu biết
 Các chỗ đó, chính thiệt *Đạo tràng*.
 Chư **Phật** cũng ở thế gian
 Đặng đạo Vô Thượng hoàn toàn thành công.
 Nay ở đây làm xong hạnh nguyện,
 Vì chúng sanh **Phật** *Chuyển Pháp Luân*.
 Trước kia đồng ở cõi trần
 Chư **Phật** cùng nhập Niết Bàn liễu viên.
 Lúc đó, **Thế Tôn** muốn tuyên
 Nghĩa trên chân thật mà khuyên kệ rằng: (lay)

4. Chư **Phật** từ bi cứu thế gian

Trụ trong thần lực lớn hoàn toàn

Vì làm vui đẹp lòng sanh chúng
 Vô lượng thần thông hiện rõ ràng.

Tướng lưỡi rộng dài khắp Đại Thiên
 Chân lông phóng ánh sáng vô biên
 Vì người cầu đạo tu thành **Phật**
 Hiện việc này đây ít có truyền.

Tiếng tăng hống của Đức **Như Lai**
 Cùng tiếng **Thế Tôn** khảy móng tay
 Vang khắp mười phương trong các cõi
 Đất đều rung chuyển nhiệm mầu thay!

Sau khi Đức **Phật** vắng trần ai
 Người thọ trì Kinh **Diệu Pháp** này
 Chư **Phật** vui mừng đều ứng hiện
 Vô cùng thần lực có không hai.

Vì *Chúc lụy* Tôn Kinh **Pháp Hoa**
 Ngợi khen, tán tụng, diễn bày ra
 Ở trong vô lượng Hằng sa kiếp
 Vẫn chẳng bao giờ hết đặng mà.

Công đức của người trì **Pháp Hoa**
 Vô biên cùng tận khó bàn qua
 Ví như mười cõi hư không vậy

Dù chỉ mé ngăn chẳng tính ra.

Người được trì Kinh **Diệu Pháp** này
Thời là đã thấy đặng **Ta** đây
Cũng trông nhìn Đức **Phật Đa-Bảo**
Các **Phật** phân thân ứng hiện lai.

Lại thấy **Ta** đây như hiện nay
Giáo khuyên **Bồ Tát** đủ muôn loài
Khiến **Ta** cùng với phân thân **Phật**
Đa-Bảo Như Lai hoan hỷ thay!

Chư **Phật** mười phương hiện tại đây
Và cùng quá khứ hay vị lai
Cũng đều nhìn thấy tâm ứng cúng
Khiến đặng vui mừng thỏa dạ đây.

Các **Phật** ngồi an nơi *Đạo tràng*
Liễu thông bí yếu Pháp hành tàng
Người trì đọc tụng Kinh năng nhẫn
Chắc chắn không lâu đặng Niết Bàn.

Người trì được Kinh **Pháp Hoa** cầu
Liễu nghĩa nơi trong các Pháp mầu
Danh tự, ngôn từ không chấp buộc
Thường ưa giảng thuyết tận thâm sâu

Ví như gió thổi hư không vậy
 Tất cả đều không chướng ngại đâu
 Mời cõi vào ra tâm tự tại
 Thuyền Từ đưa rước khách sông sâu.

Khi Đức **Như Lai** diệt độ trần
 Tri kinh của **Phật** thuyết thường hằng
 Như duyên, thứ đệ nhiều phương tiện
 Theo nghĩa y kinh giải thật chân.

Cũng như ánh sáng Nhật Nguyệt khai
 Hay trừ tăm tối cõi trần này
 Người đó đi trong đời lợi ích
 Giác ngộ quần sanh độ bốn loài
 Dạy khuyên **Bồ Tát** nhiều vô số
 An trụ Nhất Thừa rốt ráo thay
 Kết quả Bồ Đề Vô Thượng đặc
 Niết Bàn thường lạc chứng **Như Lai**.

Cho nên người có trí đây
 Nghe qua công đức lợi này sâu xa
 Khi **Phật** diệt độ Ta Bà
 Hãy nên trì tụng **Pháp Hoa** Kinh này
 Người đó thành **Phật** tương lai

Quyết định không có vọng sai nghi ngờ./.

- **Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)
- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA (QUYỂN 6)



PHẨM “CHÚC LỤY” (Thứ Hai Mười Hai)

1. Bấy giờ, Đức **Phật Thích-Ca Mâu-Ni** Giáo Chủ Ta Bà **Thế Tôn!**
Từ Pháp tòa ôn tồn đứng dậy
Dùng tay mặt xoa lấy đỉnh đầu
Vô lượng **Bồ Tát** đức cao
Xong rồi, **Phật** lại ngỏ hầu lời ban:
“**Ta** ở trong trăm ngàn muôn ức
Vô số kiếp tu tập dôi trau
Vô lượng Chánh Đẳng tối cao
Lâu rồi mới đặng truyền trao Kinh này,
Nay đến lúc **Như Lai Phó Chúc** (*)
Cho các ông Trưởng Túc lão thông,
Các ông nên phải một lòng
Lưu bố diệu Pháp gieo trồng rộng ra”.

(*) *Phó Chúc*: Xem phần Thích nghĩa.

Đã ba phen **Phật Đà** xoa đánh
 Các **Bồ Tát** đại hạnh, nói rằng:
 “**Ta** xưa tu tập chuyên cần
 Ở trong vô lượng trăm ngàn kiếp qua
 Pháp Vô Thượng vốn là Chánh Đẳng
 Cũng lâu rồi mới đặng Pháp bày,
 Các ông Đại Đức lành thay!
 Nên được *Phó Chúc* Kinh này phát huy
 Nhớ đọc tụng, thọ trì, giảng thuyết
 Cho chúng sanh hiểu biết rõ thông”.

Vì sao? **Phật** có tâm lòng
 Từ bi rất lớn thật không thể lường,
 Lòng hằng mãi xót thương nhân loại
 Dem Pháp lành ban rải nơi nơi.
 Tâm không sợ sệt cõi đời,
 Không tánh bõn xẻn như người lợi danh.
 Có thể cho chúng sanh trí huệ
 Của **Phật** đây, hay của **Như Lai**,
 Trí huệ tự nhiên xưa nay
Thế Tôn khai thị an bày mở mang.
Phật là vị bố ban đạo quả
 Mọi niềm vui cho cả chúng sanh
 Các ông cũng nên thực hành

Học theo Chánh Pháp, hạnh lành làm ngay.

Ở trong đời vị lai nếu có

Người Thiện nam, Thiện nữ nào đây

Tin sâu trí huệ **Như Lai**,

Thời các ông phải diễn bày nghĩa ra

Kinh **Diệu Pháp Liên Hoa** chơn thiệt

Khiến đều đặng nghe biết tu hành,

Vì muốn người có căn lành

Được trí huệ **Phật** đạo thành sớm mau.

Nếu có chúng sanh nào thiếu đức

Chẳng tin nhận ngộ vực Kinh này,

Tùy theo Pháp khác **Như Lai**

Chỉ dạy cho chúng mở khai phước điền.

Các ông nên lập nguyện như vậy,

Là báo ơn Chư **Phật** giáo truyền. (lạy)

2. Lúc đó, **Bồ Tát** vô biên

Nghe **Phật Phổ Chúc** nhủ khuyên hết lời

Rất vui mừng thêm thời sung sướng,

Nơi tâm càng tin tưởng **Như Lai**.

Nghiêng mình cung kính chấp tay

Hướng về Đức **Phật** tỏ bày như sau:

“Công **Thế Tôn** dường bao khó tả

Ơn **Như Lai** hơn cả đất trời,

Chúng con xin nguyện vâng lời
 Làm theo hạnh **Phật** độ đời trọn nên.
 Mong **Thế Tôn** ơn trên hoan hỷ,
 Hãy an lòng dưỡng trí tịnh thân”.

Ba phen **Bồ Tát** bạch rằng
 Cũng đều như vậy, nguyện vâng phụng hành.
 Khi đó, Đức Cha Lành Từ Phụ
Phật Thích-Ca Giáo Chủ Ta Bà
 Trước đại hội phán truyền ra:
 “Phân thân Đức **Phật** trong nhà mười phương
 Đến Câu Hội, nay huân bốn độ
 Các **Phật** đây yên chỗ quy lai
 Tháp cổ **Đa-Bảo Phật** đây
 Đặng hoàn như cũ, hội này mãn viên”. (lay)

3. Đức **Phật** nói lời tuyên bố đó
 Phân thân **Phật** đều ở mười phương
 Ngồi tòa Sư Tử phi thường
 Dưới cây báu quý cát tường nghiêm trang
Phật Đa-Bảo và hàng **Bồ Tát**
 Bực **Thượng Hạnh** giải thoát ly trần,
 Ngài **Xá Lợi Phất** .v.v...
 Bốn chúng Đại Đức **Thanh Văn** trong đời
 Và tất cả Trời, người *Phạm hạnh*,

A Tu La, phàm, Thánh vô biên
Nghe **Phật, Pháp Hoa** giảng truyền
Đều rất thỏa dạ đẹp nguyên mừng vui./.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)
- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

(QUYỂN 6)



PHẨM

“DƯỢC VƯƠNG BỒ TÁT BỐN SỰ ”

(Thứ Hai Mười Ba)

1. Có Ngài **Tú-Vương-Hoa Bồ Tát!**

Lúc bấy giờ, thưa bạch **Phật** rằng:

“**Thế Tôn!** Bạc Đại Thánh Nhân!

Trời, Người tôn kính; Quý, Thần trọng kiên.

Trí huệ **Phật** tự nhiên liễu đạt

Sẽ rõ thông **Bồ Tát Dược-Vương**

Đạo trong ba cõi, sáu đường

Thế nào được vậy? **Phật** thương dạy rành.

Ngài **Dược Vương** tu hành đạo đặc

Có bao nhiêu muôn ức do-tha

Hạnh khổ khó làm vượt qua?

Cúi mong Đức **Phật** hải hà ban ân.

Giảng giải nói tường phân mọi lẽ

Cho Chư Thiên **Đế Thích** cùng là:

Rồng, Thần hay A Tu La,

Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Dạ Xoa,
Ca Lô La, Ma Hầu La Đà,
Nhơn, Phi nhơn cùng là .v.v...

Bồ Tát phương khác xa gần

Thanh Văn chư chúng vui mừng lắng nghe”. (lay)

2. Lúc đó, **Phật** vô cùng hỷ lạc

Bảo với Ngài **Bồ Tát Tú-Vương!**

Vì ông **Ta** tỏ tận tường

Về bốn sự của **Dược Vương** như vậy:

“ Thuở quá khứ sâu dày vô lượng

Hằng Hà sa kiếp trước đã qua

Có Đức **Phật** danh hiệu là:

“Nhật-Nguyệt-Tịnh-Minh-Đức Như Lai!” (*)

Ứng Cúng công đức chẳng ai sánh bằng,

Chánh Biến Tri thường hằng thấu biết,

Minh Hạnh Túc vốn thiết tròn đầy,

Thiện Thệ nguyện lớn sâu dày,

Thế Gian Giải ngộ chỉ bày chân tâm,

Vô Thượng Sĩ pháp thân tịnh diệu,

Bậc Trượng Phu Điều Ngự độ sanh,

Thiên Nhơn Sư đáng Cha lành,

Phật Đà toàn giác, đắc thành **Thế Tôn**”. (lay)

(*) *Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Như lai*: Xem phần Thích nghĩa.

Đức **Phật** đó có tám mươi ức
Đại **Bồ Tát** vốn bực Ma Ha,
Bảy mươi hai Hằng Hà sa
Thanh Văn Đại Đức thật là số đông.
Phật sống lâu trụ trong quốc độ
Bốn muôn hai nghìn kiếp lâu xa,
Bồ Tát sống đồng **Phật Đà**.
Nước đó không có ai là nữ nhơn,
Nói tóm chung không đường Địa ngục,
A Tu La, Ngạ quỷ, Súc sanh ...
Và các khổ nạn hoành hành.
Quốc độ **Phật** đó an lành vui thay!
Đất bằng như bàn tay chẳng khác,
Toàn lưu-ly tạo chất làm thành,
Cây báu trang nghiêm bao quanh,
Màng châu che thể mây lành phủ giăng,
Các phan lọng kết bằng vật quý,
Nào lò hương, bình báu cắm hoa,
Khắp cùng cả nước bao la,
Bảy báu sử dụng chường tòa dựng lên,
Mỗi cây có một đài tòa tháp,
Cây cách nhau chỉ một làn tên.
Các cây báu đó hoàn viên
Thanh Văn, Bồ Tát tọa thiền dưới cây.

Trên các đài báu đây đều có
Chúng chư Thiên trăm ức khó lường
Nhạc Trời vang trỗi du dương
Ca khen Đức **Phật**, cúng dường **Như Lai**. (lay)

3. Bấy giờ,

Đức **Phật** đó vì Ngài **Bồ Tát**
Nhứt-Thiết-Chúng-Sanh-Hỷ-Kiến (*) danh
Cùng chúng **Bồ Tát, Thanh Văn**
Pháp Hoa Kinh thuyết hàm ân sâu dày.
Bồ Tát đó thường hay nguyện lập
Hạnh Đầu Đà tu tập chính mình,
Ở trong Pháp hội nghe Kinh
Của Đức **Nhứt-Nguyệt-Tịnh-Minh Phật Đà**,
Luôn tinh tấn kinh hành vượt bậc,
Một lòng cầu thành **Phật** tự tâm.
Mãn một muôn hai nghìn năm
Đặng “**Hiện Nhứt Thiết Sắc Thân Tổng Trì**” (*).
Pháp Tam muội Vô vi đã được
Lòng vui mừng sau trước nghĩ rằng:
“ Ta đặng **Nhứt Thiết Sắc Thân**
Đều là do sức nơi phần nghe Kinh

(*) **Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát**: Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Hiện Nhứt Thiết Sắc Thân Tổng Trì**: Còn gọi: **Hiện Nhứt Thiết Sắc Thân Tam Muội**.
Xem phần Thích nghĩa.

Pháp-Hoa Phật Tịnh-Minh giảng thuyết
Vốn nhiệm mầu quyền thiết khó lường,
Ta nay nên nguyện cúng dường
Tịnh-Minh Đức Phật, lễ thường **Pháp Hoa**”.

Tức thời nhập sâu xa tam muội,
Giữa hư không cúng rưới hương hoa
Các thứ bông Mạn Đà La,
Chiên Đàn Kiên Hắc (*) thật là thơm lan
Đầy khắp trong không gian vũ trụ
Như mây bay giăng phủ lớp màn,
Lại rưới *Hải Ngạn Chiên Đàn* (*)
Hương này vô giá thế gian Ta bà
Dùng sáu *thù* (*) hương sa thơm ngát
Để cúng dường Đức **Phật Tịnh-Minh**.

Cúng dường thế đó chân tình
Mà chưa ứng nguyện tự mình nghĩ suy:
“*Ta đâu có phát huy thân lực*
Để cúng dường công đức Phật đây
Cũng chưa trọn vẹn ơn dày
Chi bằng dùng lấy thân này cúng dâng”.
Liền uống các chất phần thơm lạ

(*) *Chiên Đàn Kiên Hắc*: Còn gọi: *Kiên Hắc Chiên Đàn*. Xem Thích nghĩa vân K.

(*) *Hải Ngạn Chiên Đàn*: Gọi đầy đủ: *Hải Thử Ngạn Chiên Đàn*. Xem Thích nghĩa.

(*) *Thù*: Đơn vị đo lường thời cổ, một Thù bằng nửa lượng.

Nào *Chiên Đàn*, *Huân Lục* (*), *Đâu Bà* (*),
Trâm Hương Thủy (*), *Tất Lực Ca* (*),
Chiêm Bặc ... đủ loại hương hoa tinh dầu ...
Mãn một nghìn hai trăm năm chẵn,
Lấy dầu thơm xoa khắp thân hình
Ở trước Đức **Phật Tịnh-Minh**
Dùng Thiên y báu tự mình quấn thân
Rưới các thứ hương dầu thơm đó
Chuyển sức thần rồi tự đốt thân.
Ánh sáng soi chiếu rạng ngời
Đến tám muôn ức cõi trần nhân gian
Hằng Hà sa vô vàn thế giới
Các Đức **Phật** trong đó đồng thời
Ngợi khen: Hay thay! Hết lời,
Thiện nam tử đó đúng người đại căn.
Vô úy thí (*) tinh thần dũng mãnh,
Là chơn Pháp mật hạnh cúng dường.
Nếu dùng chuỗi ngọc hoa hương,
Hương bột, hương đốt, hoặc thường hương xoa,
Hay phan, lọng, gấm hoa cõi Phạm

(*) *Huân Lục (Hương)*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Đâu Bà*: Gọi đầy đủ: *Đâu Lôu Bà (Hương)*. Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Trâm Hương Thủy*: Cũng đọc: *Trâm Thủy Hương*. Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Tất Lực Ca*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Vô Úy Thí*: Xem phần Thích nghĩa.

Và hương *Hải Thử Ngạn Chiên Đàn*,
Dùng các vật báu cúng dâng
Như thế đều chẳng sánh bằng được đâu.

Giả sử đem cung lầu điện ngọc,
Hoặc quốc thành, vợ đẹp, con cưng,
Việc này cao quý chẳng bằng
Cúng dường trọn cả xác thân của mình.

Thiện nam tử! Hy sinh thật tánh,
Đó gọi là Đại hạnh đứng đầu
Ở trong các thí tối cao,
Rất tôn, rất thượng, thí nào sánh hơn,
Bởi dùng Pháp cúng dường Chư **Phật**
Không gì bằng chân thật mạng ta.

Các Đức **Phật** phán lời ra
Xong ngồi yên lặng chẳng mà nói thêm.
Thân **Bồ Tát** cháy tự nhiên
Đến một nghìn hai trăm niên mới ngừng. (lạ)

4. Ngài **Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến**
Pháp cúng dường như nguyện làm xong,
Sau khi sắp hết mạng chung
Bồ Tát luân chuyển cuối cùng hóa sinh
Trong cõi nước **Tịnh-Minh-Đức Phật**,
Vào nhà Vua **Tịnh Đức** tu nhân

Bồng nhiên ngồi lại xếp bằng
Bồ Tát thị hiện xuất trần sanh ra.

Bởi vì mến vua cha tài giỏi
Nên **Bồ Tát** tuyên nói kệ rằng:

*Đại Vương nay nếu biết điều này!
Tôi đã kinh hành chốn **Phật** lai
Nên dặng tức thời thân Nhứt Thiết
Hiện chư tam muội nhiệm mầu thay!
Siêng tu khổ hạnh thường tinh tấn
Lìa bỏ không màng thể xác đây
Ung nguyện cúng dường nơi Đức **Phật**
Để cầu Vô Thượng huệ không hai.*

Bồ Tát nói kệ đó rồi
Trình thưa Vương phụ bao lời thiết tha.
Hằng thường nhớ **Phật Đà Đại Lực**
Nhứt-Nguyệt-Tịnh-Minh-Đức Như Lai!

Hiện vẫn còn ở cõi này
Thuở trước tôi đã an bày nguyện xong.
Cúng dường **Phật** trọn lòng chơn thật
Đặng nên “Giải Nhứt Thiết Chúng Sanh
Ngữ Ngôn Tổng Trì” tựu thành
Lại nghe **Phật** thuyết giảng rành **Pháp Hoa**.
Nay trải qua lâu xa kiếp số

Tám trăm nghìn muôn ức *do-tha*,
Chân Ca La (*), *Tần Bà La* (*),
Cộng chung số *A Súc Bà* (*) vô biên.
Các bài kệ chân truyền thấu rõ
Dầu đời đời chẳng có lầm sai.

Đại Vương! Cho phép tôi nay
Cúng dường **Phật** đó, lành thay ơn dày.
Thưa xong, liền ngồi đài bảy báu
Bay lên không ước độ chẳng xa
Cao bằng bảy cây *Đa La* (*)
Qua đến chỗ nước **Phật Đà Tịnh-Minh**
Gieo năm vốc thân mình cúi lạy
Dưới chơn **Phật**, đứng dậy chấp tay.
Nói kệ khen **Phật Như Lai**:

Đức Phật dung nhan đẹp lạ thường
Quang minh soi sáng khắp mười phương
Thuở xưa con đã cúng dường Phật
Nay lại chuyển thân thấy tận tường. (lạy)

Lúc đó,

Đức Ngài **Nhứt-Thiết-Chúng-Sanh-**

(*) *Chân Ca La*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Tần Bà La*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *A Súc Bà*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Đa La (Thụ)*; Xem phần Thích nghĩa.

Hỷ-Kiến Bồ Tát tâm thành kệ xong
Liên bạch **Phật** trọn lòng mừng rỡ
Rằng: “**Thế Tôn!** Vẫn ở đời ư?”.

5. Lúc bấy giờ, **Tịnh-Minh-Đức Phật**
Bảo với Ngài **Bồ Tát** trên rằng:

“Thiện nam tử! Ông biết chẳng
Như Lai sắp nhập Niết Bàn rời xa
Nơi cõi thế Ta Bà vắng mặt
Ông hãy nên sắp đặt giường tòa,
Đêm nay trăng tỏ sáng lò
Liên Hoa đỡ bước chương tòa **Ta qui**”.

Phật dặn dò để di chúc nguyện
Cho **Bồ Tát Hỷ-Kiến-Chúng-Sanh**
Thiện nam tử! Đại căn lành.
Ta đem **Phật pháp** sẵn dành cho ông
Chư **Bồ Tát** và trong bốn chúng,
Cùng Pháp mâu quyền dụng vô biên,
Cũng đem thất bảo Tam Thiên,
Các cây báu thọ trang nghiêm bửu đài
Và chúng Trời đêm ngày hầu hạ,
Cung cấp theo tâm dạ sở cầu.

Khi **Ta** diệt độ về sau
Trọn phần Xá Lợi xin trao cho ngài

Nên lưu giữ rộng bày ban bố
Việc cúng dường tháp tạo dựng xây
Tùy theo sức nguyện mông dày
Bao nhiêu nghìn tháp do Ngài định phân.

Phật hết sức ân cần giao phó,
Vào khoảng trong đêm đó liễu viên.
Niết Bàn chứng đắc đại nguyên
Phật pháp trường cửu niên niên đời đời. (lay)

6. Lúc đó,

Đức **Hỷ-Kiến** khôn vơi buồn bã,
Chúng đệ tử tất cả Trời, người
Thấy **Phật** vắng dạng trên đời
Buồn cảm sâu khổ lệ rơi hai hàng,
Liên dùng lấy *Chiên Đàn Hải Ngạn*
Làm giàn hỏa thiêu táng nhục thân.
Sau khi lửa tắt nguội dần,
Xá Lợi tỏ chiếu sáng ngân lung linh,
Đựng tám muôn bốn nghìn bình báu,
Mỗi bình báu tháp tạo dựng xây
Tám muôn bốn nghìn tháp đây,
Cao ba thế giới đài mây chín tầng,
Trang nghiêm đủ muôn phần mọi mặt
Nào lọng treo các vật báu linh ...

Bấy giờ, **Nhứt-Thiết-Chúng-Sanh-**
Hỷ-Kiến Bồ Tát tâm thành sắt son
Việc cúng dường lòng còn chưa đủ
Nghĩ đến ơn Từ Phụ sâu dày
Thành tựu **Phật pháp** ngày nay
Công lao đền đáp không tày nào xong.
Lời tuyên bố khắp trong đại chúng,
Các **Bồ Tát** Trí Dũng song toàn,
Cùng hàng đệ tử bốn ban,
Trời, Rồng tám bộ ... ba ngàn Đại Thiên.
Hỡi các ông tâm nguyện ghi nhớ!
Tôi cúng dường Xá Lợi **Phật** đây
Nhứt-Nguyệt-Tịnh-Minh Như Lai
Nói rồi ở trước **Phật** đài uy linh
Nơi tám muôn bốn nghìn tháp báu
Đốt cánh tay trăm phước trang nghiêm
Mãn bảỵ muôn hai nghìn niên
Khiến cho vô số **Thanh Văn** quả cầu,
Người phát tâm đạo mầu Vô Thượng
Cũng vô biên tin tưởng đắc phần
Vào trong chánh định chơn tâm
Chứng “*Hiện Nhứt Thiết Sắc Thân Tổng Trì*”.
Ôi! Cao quý không gì so sánh,

Đúng thật là mật hạnh cúng dường,
Cả đại chúng đồng tán dương
Công đức thù thắng mười phương khó bì.
Thấy thân Ngài tứ chi thiếu khuyết
Đều buồn thương **Nhứt-Thiết-Chúng-Sanh-**
Hỷ-Kiến Bồ Tát xứng danh
Là Thầy bốn loại, bạn lành chúng ta.

Lúc ấy,

Đức **Bồ Tát** Ma Ha **Hỷ-Kiến**
Cũng đồng thời phát nguyện lời rằng:

*“ Tôi bỏ hai tay được thân
Sắc vàng của **Phật** tướng chân rõ ràng.
Nếu thiệt không dối gian sai trái
Khiến hai tay trở lại hoàn toàn”.*

Lời thề **Bồ Tát** vọng vang
Đôi tay tự mọc phục hoàn như xưa
Đó là do phước thừa trí huệ
Tâm thuần hậu nguyện thệ cảm nên.

Đương lúc đó, cõi Tam Thiên
Đại Thiên thế giới đất liền chuyển rung
Sáu diệu động vô cùng kinh ngạc,
Trời rải hoa, âm nhạc tấu hòa.
Tất cả trong cõi Ta Bà

Việc này chưa đặng xảy ra bao giờ . (lạy)

7. Đức **Phật** bảo Ngài **Tú Vương**

Ý ông nghe **Phật** tỏ tường nghĩ sao?

Bồ Tát đó nay nào lạ khác

Chính là Ngài **Bồ Tát Dược-Vương!**

Ông ấy bỏ thân cúng dường

Trăm nghìn muôn ức vô lượng kiếp qua.

Hỡi này **Tú-Vương-Hoa Bồ Tát!**

Nếu có người khởi phát tâm cầu

Muốn đặng Vô Thượng huệ sâu

Chánh Đẳng Chánh Giác đạo mầu tối linh

Có thể đem thân mình thiêu đốt

Một ngón tay hoặc một ngón chân

Cúng tháp Xá Lợi **Phật** thân

Còn hơn đem cả quốc thành, vợ con

Và đến cõi Tam Thiên thế giới

Có núi rừng cùng với đại dương,

Các vật trân bửu cúng dường

Như vậy so sánh chẳng bằng thí kia.

Nếu có người tâm thành đem hết

Bảy thứ báu đầy cõi Tam Thiên

Cúng dường nơi **Phật** trọn nguyện

Cùng Đại **Bồ Tát** Thánh hiền Ma Ha,

Hay **Duyên Giác** cùng A La Hán
Công đức người vô hạn sâu xa
Không bằng thọ trì **Pháp Hoa**
Nhấn đến nghe kệ chỉ là bốn câu
Phước của người rộng sâu vô lượng
Công đức này khó tưởng nghĩ ra. (lạy)

8. Này **Bồ Tát Tú-Vương-Hoa!**
Thế Tôn thí dụ phân qua hấn hời,
 Các dòng nước, sông ngòi kênh rạch,
 Thời biển là lớn nhất bao la,
 Như thế, tạng Kinh **Pháp Hoa**,
Trong các Kinh khác rất là sâu hơn.
- Lại như trong non Sơn phân định
 Nào Thổ sơn, nào đỉnh Hắc sơn,
 Tiểu Thiết-Vi, Đại-Vi sơn.
Nói chung mười núi so hơn chẳng bì
 Núi **Diệu Cao**, cao thì bực nhất,
 Kinh **Pháp Hoa** nghĩa thật như trên,
 Trong các Kinh Pháp liễu viên
Rất là Vô Thượng tối truyền, tối cao.
- Lại trong các vì Sao lớn, nhỏ,
 Mặt Trăng là sáng tỏ chiếu xa,
 Các Kinh của Đức **Phật Đà**

Dầu nghìn muôn ức, **Pháp Hoa** sáng ngời.

- Lại ví như mặt Trời cao độ
Thường sáng soi các chỗ tối tăm,
Kinh này cũng thế thậm thâm,
Hay phá trừ hết tánh tâm lỗi nghi.
- Lại như trong các vì Vua nhỏ,
Chuyển Luân Vương vua đó tốt cao,
Kinh này liễu nghĩa hiểu mau
Trong các kinh **Phật**, Kinh nào sánh hơn.
- Như **Đế Thích Đề Hoàn** cao cả
Là vua ba mươi ba cõi Trời,
Kinh này cũng thế tuyệt vời,
Là vua trong các Kinh thời trước đây.
- Lại như trời **Đại Phạm Thiên Vương**
Là cha của sáu đường chúng sanh,
Kinh này cũng thế viên thành
Là cha của cả nhân lành Thánh Tiên
Bậc Hữu học trọn nguyên Vô học
Cùng các hàng tâm mới phát tu.
- Lại như trong hạng phàm phu
Thời là có bậc **Dự Lưu** (*), **Nhất Hoàn** (*),

(*) **Dự Lưu**: Từ đồng nghĩa **Tu Đà Hoàn**. Xem Thích nghĩa **Tu Đà Hoàn**.

Bực Bất Lai, Vô Sanh, **Duyên giác**,
Là bực nhất đạo đạt sâu xa.

Tất cả **Như Lai** nói ra,
Hoặc **Bồ Tát** nói, hoặc là **Thanh Văn**,
Trong các Kinh xứng phần bực nhất.
Nếu có người thọ trì Kinh này,
Cũng lại như thế chẳng sai,
Ở trong sanh chúng muôn loài Thượng nhân.

Đối với bực **Thanh Văn, Duyên Giác**
Đứng trên là **Bồ Tát** Ma Ha!

Kinh này đệ nhất **Pháp Hoa**
Trong các Kinh khác rất là lành thay!

Tú Vương Hoa Kinh này có thể
Cứu tất cả cõi thế trần gian,
Chúng sanh ba cõi sáu đàng
Xa rời khổ não, sầu than, đọa đày,
Sự lợi ích Kinh này vô hạn,
Làm chúng nhơn thỏa mãn mong cầu,
Như nguồn nước mát trong sâu
Cho những người khát gọi đầu, giải lao,
Như kẻ lạnh nhờ vào ngọn lửa,
Như lúc đói hưởng bữa cơm phần,

(*) *Nhất Hoàn*: Cũng gọi *Nhất Lai*. Xem Thích nghĩa *Tư Đà Hàm*.

Như lưng trần đặng ấm thân,
Như đoàn buôn có chủ nhân dẫn đầu,
Như con xa cách lâu gặp mẹ,
Như qua sông suối sẻ gặp thuyền,
Như người bệnh gặp thuốc tiên,
Như đi đêm tối nhờ đèn đuốc soi,
Như nghèo khổn người cho của báu,
Như thảo dân gặp đấng vua hiền,
Như thuyền buôn gặp biển yên,
Như bình minh rọi muôn phiến xua tan.

Kinh **Pháp Hoa** khai đàn cũng thế,
Là Thuyền Từ vượt bể sông mê,
Đưa chúng sanh sớm dựa kê
An lành bến giác thoát bề lao lung.
Dứt bệnh tật khỏi vòng oan nghiệt,
Ắt đoạn trừ sanh tử, diệt sinh.

Nếu người nào đặng nghe Kinh
Pháp Hoa biên chép truyền in cho đời,
Hoặc khuyên bảo mọi người ấn loát
Công đức này rộng hoát vô ngần
Dùng trí huệ **Phật** định phân
Tính lưỡng nhiều ít, mé ngần khó thay!
Nếu biên chép Kinh này, tụng đọc
Dùng hoa hương, chuỗi ngọc cùng là:

Hương bột, hương đốt, hương xoa,
Phan, lọng, y phục, đèn hoa, đèn dầu,
Các thứ đèn thắp lâu thơm ngát
Đó là đèn Chiêm Bạc, *Tu Na* (*),
Đèn dầu *Bà Lợi Sư Ca* (*),
Na Bà Ma Lợi (*) đèn *Ba La La*
Đem cúng dường **Pháp Hoa** kinh điển
Công đức này hiển hiện khó lường. (lay)

9. **Tú Vương Hoa! Phật** tán dương!
Những người nghe đặng “**Dược Vương Phẩm**” này
Về Bốn Sự của Ngài **Bồ Tát**
Công đức này chứng đạt vô biên.
Nếu có người nữ đủ duyên
Nghe phẩm **Bồ Tát Dược-Vương** giảng bày
Về Bốn Sự của Ngài lập nguyện
Rồi thọ trì tinh tiến siêng năng,
Sau khi mạng chung lìa trần
Không còn chuyển lại kiếp thân nữ này.

Tính thời gian **Như Lai** diệt độ,
Năm trăm năm bể khổ Ta Bà,
Nếu có người nữ nghe qua

(*) *Tu Na*: Gọi đầy đủ: *Tu Mạn Na*. Xem Thích nghĩa *Tu Mạn Na (hoa)*.

(*) *Bà-Lợi-Sư-Ca*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Na bà Ma Lợi*: Xem phần Thích nghĩa.

Tặng Kinh **Diệu Pháp Liên Hoa** hiểu rành

Đúng như lời tu hành tạo phước

Thời khi thác liền được sanh qua

Cõi Cực Lạc **Phật Di-Đà**

Cùng chúng **Bồ Tát** Ma Ha sum vầy.

Thần thức đặng hoa khai Sen báu,

Chẳng còn bị lục đạo luân hồi,

Mọi khổ đau trên cõi đời

Không còn vay trả kiếp người đảo điên.

Dứt sạch hết não phiền, tham dục,

Các tánh nhớ dấy đục hoành hành,

Chứng đặng *Pháp Nhân Vô Sanh*,

Nhãn căn thanh tịnh viên thành từ nay.

Thấy bảy trăm muôn hai nghìn ức

Na-do-tha các Đức **Như Lai**.

Bấy giờ, các Đức **Phật** đây

Nói lời khen ngợi “Hay thay!” nhiều lần.

Thiện nam tử! Đại căn như thế

Được vào nơi trong Pháp hội này

Của Đức **Thích-Ca Như Lai**

Thọ trì, đọc tụng Kinh này gẫm suy

Vì người khác thích nghi giảng thuyết

Đặng công đức chơn thiệt vô biên.

Vào lửa không cháy an nhiên,
Nước chẳng trôi chảy trụ yên thân vàng.

Công đức đó dầu ngàn Đức **Phật**
Cũng khó bày sự thật kể ra.

Đánh đuổi oán địch giặc ma
Diệt quân sanh tử, cũng là tiêu tan.

Thiện nam tử! Trăm ngàn Đức **Phật**
Dụng thân thông nguyện lực hộ trì,
Trời, người trong chốn trần ni
Không ai có thể so bì Thiện Nam.

Chỉ trừ đáng **Cồ Đàm Đức Phật**
Hay **Thế Tôn** các bậc **Như Lai**,
Bao nhiêu thiền định huệ khai
Của bậc **Duyên Giác** các ngài **Thanh Văn**
Nhẫn cho đến đức năng **Bồ Tát**
Cũng không ai trí lạc sánh bằng.

Tú Vương Hoa! Có biết chằng!
Đức **Bồ Tát** đó tuệ năng siêu quần. (lay)

10. Nếu có người ở cõi trần
Nghe phẩm **Bốn Sự Dược Vương** của Ngài.
Rồi thể hiện an bày tùy hỷ
Khen ngợi hạnh Pháp thí **Dược Vương!**
Người đó hưởng sự phước đường

Hiện tại trong miệng thường thường thoảng ra
Mùi Sen xanh hương hoa thơm tỏa,
Nơi thân thì các lỗ chân lông
Thường thoảng ra mùi thơm nồng
Ngũ Đàn (*) hương diệu thật không thể lường.
Do công đức tán dương khen ngợi
Ngài **Dược Vương** cảm nguyện mà ra.

Vì thế, ông **Tú Vương Hoa!**
Như Lai phó thác giao mà cho ông
“**Phẩm Dược Vương**” hết lòng chân thật,
Năm trăm năm sau **Phật** tịch viên
Phải lưu giữ rộng tuyên truyền
Ta Bà thấu biết bốn nguyên **Dược Vương**
Chớ để mất đứt đường duyên sự
Nhớ ngăn ngừa bọn dữ ác ma,
Trời, Rồng, Dạ Xoa, **Bàn Trà** (*)...
Không cho chúng đặng phá mà bốn Kinh.
Tú Vương Hoa! Nguyên tin gắng sức
Dụng thần thông gìn giữ Kinh này.
Vì sao! Vì **Pháp Hoa** đây!
Là món lương dược rất hay trên đời.

(*) **Ngũ Đàn**: Gọi đầy đủ: **Ngũ Đàu Chiên Đàn**. Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Bàn Trà**: Gọi đầy đủ: **Cửu Bàn Trà**. Xem Thích nghĩa **Cửu Bàn Trà**.

Luôn cần dùng cho người có bệnh,
Cõi **Diêm Phù** (*) bách tính đa đoan,
Mang nhiều chứng bệnh khổ than
Nghe Kinh này đặng tâm an mạnh lành,
Sẽ đoạn diệt đường sanh nẻo tử,
Chẳng còn lo *bỉ, thử* (*) cách ngăn.

Tú Vương Hoa! Nên nhớ rằng:
Nếu ông thấy có người nào trì Kinh
Phải dùng hoa Sen xanh quý hái
Đựng đầy hương bột rải trên người.
Rải xong tâm lại nghĩ thời
“ Người này quyết định trụ đời thành công
Chẳng bao lâu trí thông tuệ mở
Dùng cỏ trái ngò giữa đạo tràng.
Các quân Ma phá dẹp tan,
Sẽ thổi ốc Pháp, đánh vang trống mầu,
Độ thoát cả tai sầu muôn loại
Rời khỏi nơi biển ái tử sanh”.

Nên ai cầu **Phật đạo** thành
Thấy người trì thọ phụng hành **Pháp Hoa**
Phải sanh lòng thiết tha cung kính,
Đó mới là chân chính chẳng sai. (lạy)

(*) **Diêm Phù**: Gọi đầy đủ: **Diêm Phù Đề**. Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Bỉ, Thử**: Viết đầy đủ: **Bỉ Ngạn, Thử Ngạn**. Xem Thích nghĩa **Bỉ Ngạn, Thử Ngạn**.

11. Lúc Đức **Phật** nói Phẩm này
“**Bốn Sự Bồ Tát** Đức Ngài **Dược Vương**”
Có tám muôn bốn ngàn **Bồ Tát**
Đặng Pháp “*Giải Nhứt Thiết Chúng Sinh*
Ngữ Ngôn Đà La Ni” thành
Tất cả đại chúng đều sanh phước dày.
Khi đó, Đức **Như Lai Đa-Bửu**
Trong tháp báu khen **Tú Vương Hoa**
“Hay thay! Hay thay! Thật là,
Ông xứng công đức sâu xa nghĩ bàn
Mới có thể hỏi qua **Phật Thích**
Việc Bốn Sự Bồ Tát Dược-Vương
Làm cho lợi ích khôn lường
Nhân lành ba cõi, sáu đường chúng sanh”. (lạy)

- **Nam Mô Bốn Sự Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)
- **Nam Mô Dược Vương Bồ Tát Ma Ha Tát.** (3 lần)
- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 6 (Hết)



Tạm trì Kinh tụng **Pháp Hoa** khai
Tùy hỷ truyền trao đủ số đây
Quên hết “Nhơn” kia hay “Pháp” buộc
Thể thường thanh tịnh các căn bày
Thần thông bủa khắp trong Trời Đất
Trao Phó ân cần Kinh Pháp này
Liều mạng xác thân không luyến tiếc
Báo ơn Đức **Phật** rộng sâu dày.

- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)

Di Lạc so lường hỏi sự nhơn
Sáu căn thanh tịnh hiện Thiên chơn
Bất Khinh bản thể thường còn mãi
Vì Pháp thiêu thân để cúng dường.

- **Nam Mô Tú Vương Hoa Bồ Tát.** (3 lần)
- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)



KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
(QUYỂN 7)



- PHẨM “DIỆU ÂM BỒ TÁT”, Thứ 24
- PHẨM “QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN”, Thứ 25
- PHẨM “ĐÀ LA NI”, Thứ 26
- PHẨM “DIỆU TRANG NGHIÊM VƯƠNG BỒN SỰ”, Thứ 27
- PHẨM “PHỔ HIỀN KHUYẾN PHÁT”, Thứ 28

**“Đời Diêu Tần Ngài Tam Tạng Pháp Sư
CỬU MA LA THẬP vưng chiếu dịch”**



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

(QUYỂN 7)



PHẨM “DIỆU ÂM BỒ TÁT”

(Thứ Hai Mười Bốn)

1. Lúc bảy giờ, Đức **Thích Ca**
Mâu Ni Giáo Chủ Ta Bà **Thế Tôn!**
 Từ *nhục kế*^(*) Thiên môn bách hội
 Tướng Đại Nhon phóng rọi hào quang,
 Và phóng ánh sáng muôn ngàn
 Từ nơi chính giữa đôi hàng bạch mao,
 Soi khắp cùng tám trăm muôn ức
 Hằng Hà sa cõi **Phật** phương Đông.

Qua khỏi số cõi đó xong
 Lại có thế giới tên thời sau đây:

Tịnh Quang Trang Nghiêm hiện bày,
 Nước đó có **Phật** hoàng khai đạo mẫu:

“*Tịnh-Hoa-Tú-Vương-Trí Như Lai!*”^(*)

Ứng cúng công đức chẳng ai sánh bằng,

^(*) *Nhục Kế (Tướng)*: Xem phần Thích nghĩa.

^(*) *Tịnh Hoa Tú Vương Trí (Như Lai)*: Xem phần Thích nghĩa.

Chánh Biến Tri thường hằng thấu biết,
Minh Hạnh Túc vốn thật tròn đầy,
Thiện Thệ nguyện lớn sâu dày,
Thế Gian Giải ngộ chỉ bày chân tâm,
Vô Thượng Sĩ pháp thân tịnh diệu,
Bậc Trượng Phu Điều Ngự độ sanh,
Thiên Nhơn Sư đấng Cha lành,
Phật Đà toàn giác, đấng thành **Thế Tôn**.
 Đặng vô lượng vô biên đại chúng
 Chư **Bồ Tát** cung kính vây quanh
 Mà vì chúng nói Pháp lành
 Hóa độ vô số nhơn sanh vạn loài.
 Ánh sáng giữa chạn mây lông trắng
 Của **Phật Thích** soi khắp cõi này. (lay)

2. Lúc đó,

Trong nước **Tịnh Quang Trang Nghiêm**
 Có vị **Bồ Tát** tên là **Diệu-Âm** (*),
 Từ lâu đã gieo trồng cội đức
 Cúng dường, hầu Chư **Phật** vô biên
 Trăm nghìn muôn ức phước điền
 Đặng nên trí huệ liễu viên nhiệm mầu:
 (•) **Diệu Tràng Tướng** cao sâu *tam muội*,

(*) *Diệu Âm Bồ Tát*: Xem phần Thích nghĩa.

- ◉ Hoặc **Pháp Hoa tam muội** khôn lường,
 - ◉ **Tịnh Đức tam muội** tinh tường,
 - ◉ **Tú Vương Hý tam muội** thường an nhiên,
 - ◉ Lại còn chứng **Vô Duyên tam muội**,
 - ◉ Hay **Trí Ấn tam muội** hiệp thành,
 - ◉ Môn **Giải Nhứt Thiết Chúng Sanh**
Ngũ Ngôn tam muội pháp hành trọn xong,
 - ◉ **Tập Nhứt Thiết Đức Công tam muội**,
 - ◉ **Đặng tam muội Du Hý thân thông**,
 - ◉ Thanh Tịnh tam muội chơn không,
 - ◉ **Huệ Cự tam muội** thể đồng tánh chân,
 - ◉ **Trang Nghiêm Vương pháp thân tam muội**,
 - ◉ **Tịnh Quang Minh tam muội** đại thiên,
 - ◉ **Tịnh Tạng tam muội** bí truyền,
 - ◉ **Bất Cộng tam muội, Nhật Toàn** (◉) .v.v...
- Đặng trăm nghìn vi trần muôn ức
Đại tam muội trí lực Hằng sa.

Quang Minh Đức **Phật Thích-Ca**
Soi đến thân tướng của Ngài **Diệu Âm**,
Liên bạch cùng **Tịnh-Hoa Đức Phật**:
“Con phải qua đến cõi Ta Bà
Cúng dường Đức **Phật Thích-Ca**,

(◉) *Thập Lục Tam Muội* của Bồ Tát Diệu Âm thành tựu: Xem Thích nghĩa văn T.

Lễ bái, gân gũ, cùng là gieo duyên,
 Với các bậc Thánh hiền **Bồ Tát**:
 Như **Văn Thù Sư Lợi** Pháp Vương,
 Dược-Vương Bồ Tát phi thường,
Dũng-Thí Bồ Tát kiên cường oai nghi,
Tú Vương Hoa thường tùy Đức **Phật**,
Thượng Hạnh Ý đạo đặc tinh hoa,
 Trang-Nghiêm-Vương Bồ Tát và
Dược-Thượng Bồ Tát (*) Ma Ha **Phật Đà**”.

Khi đó,

Đức **Như Lai Tịnh-Hoa-Trí Phật**
 Khuyên bảo Ngài **Bồ Tát Diệu-Âm**:
 “Ông đây chớ có khinh tâm
 Sanh lòng nghĩ tưởng vọng lầm điều sai.
 Đệ tử **Phật** không ai hạ liệt.
 Thiện nam tử! Nên biết cõi trần
 Diêm Phù cao, thấp không bằng,
 Núi non nhơ nhiễm, bụi trần xấu xa,
 Thân tướng **Phật** cũng là nhỏ tác,
 Chúng **Bồ Tát** không khác gì nhau,
 Mà thân **Diệu Âm** lại cao
 Tính đến bốn muôn hai ngàn do-tuần,

(*) *Dược Thượng Bồ Tát*: Xem phần Thích nghĩa.

Ta cũng thế tướng thân cao độ
 Sáu trăm tám mươi muôn do-tuần.
 Thân ông tốt đẹp nhất trần
 Trăm ngàn muôn phước sáng ngàn bao la.
 Cho nên ông có qua nước đó,
 Phải định tâm đừng có khinh lờn,
 Hoặc ở nơi **Phật** cúng dường,
 Ra mắt **Bồ Tát** khiêm nhường dưới trên”.

Ngài **Diệu Âm** ngộ liền ý chỉ
 Nên cúi đầu thưa bạch **Phật** rằng:
Thế Tôn! Con qua cõi trần
 Đều là nhờ bởi sức thần **Như Lai**,
 Nương oai **Phật** thần thông du hý.
 Do công đức **Phật trí** trang nghiêm. (lạy)

3. Lúc đó, **Bồ Tát Diệu-Âm**
 Chẳng rời tòa báu thân tâm tịnh thiền
 Vào Tam muội an nhiên bất động
 Linh-Thứu Sơn giây phút hiện ra
 Cách Pháp tòa chẳng bao xa
 Chỗ **Phật** thường trụ **Thích Ca** đạo tràng
 Hóa tám muôn bốn ngàn Sen báu,
Diêm Phù Đàn Kim (*) tạo cọng ra

(*) *Diêm Phù Đàn Kim*: Xem phần Thích nghĩa.

Màu bạc làm cánh của hoa
Kim cang làm nhụy, *Chân Ca* (*) làm đài.

Lúc bấy giờ, có Ngài **Bồ Tát**
Pháp Vương Tử nhìn thấy hoa Sen
Hiện ra điềm tốt chẳng hèn
Đến trước Đức **Phật** rồi bèn thưa qua:
“Bạch **Thế Tôn!** Thật là chẳng biết
Nhơn duyên gì sự việc thế này.
Có ngàn vạn đóa Sen khai
Ở đâu mà đặng hiện bày nơi đây:
Chân Thúc Ca làm đài Sen báu,
Diêm Phù Đàn Kim tạo cọng ra,
Màu bạc làm cánh của hoa,
Kim cang làm nhụy rất là tinh vi”.

Khi ấy,

Đức **Thích-Ca-Mâu-Ni Phật** bảo
Ngài **Văn Thù Sư Lợi** biết chẳng.
“Đó là **Bồ Tát Diệu-Âm**
Từ cõi nước **Phật** xa xăm khôn lường.
Đức **Tịnh-Hoa-Tú-Vương-Trí Phật,**
Cùng các Ngài xứng bậc minh quang
Bồ Tát tám muôn bốn ngàn

(*) *Chân Ca*: Gọi đầy đủ: *Chân Thúc Ca*. Xem phần Thích nghĩa.

Đồng đến quốc độ thế gian Ta Bà,
 Để cúng dường thân **Ta** như nguyện
 Và đặng nghe kinh điển **Pháp Hoa**”.

Văn Thù hỏi **Phật Thích-Ca**:

“**Diệu-Âm Bồ Tát** đó là ra sao?

Công đức gì mau lâu thành tựu
 Đại thân thông đầy đủ như trên?

Tu gì Tam muội vô biên?

Mong **Phật** vì chúng giáo truyền mở mang.

Danh tự bày diệu phương Tam muội,
 Thấy được sự ích lợi tu hành.

Chúng con cũng muốn đắc thành,

Đặng nhìn sắc tướng rõ ràng oai nghi

Và tôn chỉ của vì **Bồ Tát**

Để chúng con đạt đạo thêm hơn.

Cúi mong **Thế Tôn** xót thương!

Sức thần vận dụng rộng đường triển khai.

Bồ Tát đó đến đây kiến **Phật**

Khiến chúng con thấy thật tướng Ngài”.

Lúc ấy, **Thích-Ca Phật** đây

Bảo Ngài **Bồ Tát Văn-Thù Pháp Vương**:

“Sẽ có Đức **Như Lai Đa-Bửu**

Là thừa quyền đức độ mời Ngài

Bồ Tát thân tướng hiện bày

Các ông hãy đợi phút giây toại nguyện”.

Tức thời Đức **Như Lai Đa-Bửu**

Bảo với Ngài **Bồ Tát Diệu-Âm**:

“Thiện nam tử đến rồi chớ!

Văn Thù muốn đặng thấy thân của Ngài”. (lạy)

4. Bảy giờ, Đức **Diệu-Âm Bồ Tát!**

Nơi nước kia ẩn mặt dấu hình,

Cùng với tám muôn bốn ngàn

Bồ Tát vân tập thế gian Ta Bà,

Ở các nước trải qua rung chuyển,

Sáu diệu động vang tiếng âm thanh,

Thấy đều rải hoa Sen xanh,

Trăm ngàn Thiên nhạc thành linh tự ngân,

Mắt **Bồ Tát** sáng ngần rộng lớn

Như hoa Sen xanh gợn một màu.

Trăm ngàn muôn ánh Trăng, Sao

Giả sử hòa hiệp chẳng nào sánh hơn,

Bởi diện mạo chơn thường **Bồ Tát**

Không thể gì đo đạc được đâu.

Thân sắc vàng ròng siêu mầu

Vô lượng công đức từ lâu gieo trồng

Nên trang nghiêm tột cùng trí lực

Ánh sáng thường chói rực vô biên
 Các tướng thật dụng chơn nguyên
 Như thân của *Na La Diên* (*) chắc bền.

Ngài ngồi trong đài Liên thất bửu
 Bay lên không tạm trụ chẳng xa
 Cao bằng bảy cây Đa La.

Các chúng **Bồ Tát** cùng là vây quanh,
 Linh-Thứu Sơn mây lành đỡ bước
 Cõi Ta Bà thẳng hướng đến nơi,
 Đài Liên thất bửu đồng rời,
 Dùng chuỗi quý nhất trên đời nhân gian
 Giá trị bằng trăm ngàn ngân lượng,
 Để cúng dường Tôn Chủ **Thích Ca**,
 Đầu mặt lễ chơn **Phật Đà**,
 Dâng chuỗi ngọc quý thật là khiêm cung,
 Xong rồi lại bạch cùng Đức **Phật**:
 Những lời thăm sự thật khiêm nhường
 Của **Phật Tịnh-Hoa-Tú-Vương**
 Nhờ con chuyển hộ tỏ tường như sau:
 “Đức **Thế Tôn** ít đau, ít khổ,
 Đi đứng đều đặn chõ thanh nhàn
 Sở hành chắc cũng tâm an?”

(*) *Na La Diên*: Xem phần Thích nghĩa.

Bốn đại điều phục vững vàng Pháp thân?
 Việc đời nhần nên chẳng có được?
 Chúng sanh đây dễ hóa độ chẳng?
 Không có nhiều người tham, sân,
 Si mê ái dục, giận hờn, ghét ganh,
 Hay bòn xén, giựt giành, gian xảo,
 Không có người chẳng thảo mẹ cha,
 Bất kính Sa môn Tăng già
 Kiêu mạn, tà kiến sanh ra bất lành,
 Chẳng thọ nhiếp năm tình vọng tưởng
 Chắc lắm người nghiệp chướng lìa ra.

Thế Tôn! Xin được thưa qua!
 Chúng sanh hàng phục oán Ma chẳng là?
 Đức **Đa-Bảo Phật Đà** diệt độ
 Đã từ lâu bể khổ vắng xa,
 Ở trong yên tịnh tháp tòa
 Thường khi có đến nghe qua Pháp này?
 Lại hỏi thăm **Như Lai Đa-Bảo**
 Đặng an ổn ít khổ nhọc nhằn
 Kham nhần sống lâu được chẳng?
 Nay con cũng muốn kiến thân **Phật** Ngài.
 Mong **Thế Tôn** chỉ bày sau trước
 Cho con đây thấy được **Như Lai**”.

Lúc đó, Đức **Phật** an bày
 Nói với **Đa-Bảo Như Lai** lời rằng:
 “Đức **Bồ Tát Diệu-Âm** tâm nguyện
 Muốn ra mắt diện kiến **Phật** đây”.

Liền đó, **Đa-Bảo Như Lai**
 Nức lòng khen ngợi: Hay thay! Hay thay!
 Thật xứng danh **Diệu-Âm Bồ Tát**
 Vì cúng dường Đức **Phật Thích-Ca**
 Và để nghe Kinh **Pháp Hoa**
 Chào hỏi **Bồ Tát Văn-Thù .v.v...**
 Nên chẳng ngại khó khăn quá bước
 Cõi Ta Bà được phước thế này”. (lay)

5. Bấy giờ, trong hội có Ngài
Hoa-Đức Bồ Tát ^(*) bạch ngay **Phật** rằng:
 “**Thế Tôn!** Ngài **Diệu-Âm Bồ Tát**
 Trồng cội lành gì đạt hiệu năng,
 Tu công đức gì nên chẳng
 Mà có trí lực sức thần thông đây?”.
- Đức **Phật** bảo với ngài **Hoa Đức!**
 Thuở quá khứ có **Phật** hiệu là:
 “**Vân-Lôi-Âm-Vương Như Lai!**” ^(*)

^(*) *Hoa Đức Bồ Tát*: Xem phần Thích nghĩa.

^(*) *Vân Lôi Âm Vương Như Lai*: Xem phần Thích nghĩa.

Ứng cúng công đức chẳng ai sánh bằng,
Chánh Biến Tri thường hằng thấu biết,
Minh Hạnh Túc vốn thật tròn đầy,
Thiện Thệ nguyện lớn sâu dày,
Thế Gian Giải ngộ chỉ bày chân tâm,
Vô Thượng Sĩ pháp thân tịnh diệu,
Bậc Trượng Phu Điều Ngự độ sanh,
Thiên Nhơn Sư đáng Cha lành,
Phật Đà toàn giác, đắc thành **Thế Tôn**. (lạy)

Cõi nước đó có tên thường gọi
 Danh hiệu: **Hiện Nhứt Thiết Thế Gian**,
 Kiếp tên **Hỷ Kiến** nghiêm trang
 Có Đại **Bồ Tát Diệu-Âm** đứng đầu
 Bậc đại hạnh dày sâu công đức
 Trải qua một vạn hai ngàn năm
 Dùng mười muôn thứ nhạc Thần
 Cúng dường Đức **Phật Lô-i-Âm** chí nguyện
 Cùng dâng lên lòng thiêng cao cả
 Bao bình bát báu lạ quý thay!
 Tám muôn bốn ngàn số đây
 Nhơn duyên quả lớn Đức Ngài hóa sanh
 Nước **Tịnh-Hoa-Tú-Vương-Trí Phật**,
 Có sức thần thông nhất tột cao”.

Hoa Đức! Ý ông nghĩ sao?
Diệu-Âm Bồ Tát biết bao công dày.
 Thuở nơi chỗ **Lôi-Âm-Vương Phật**
 Đã cúng dường kỹ nhạc, bát dâng
 Đâu phải người nào lạ chẳng
 Chính Đại **Bồ Tát Diệu-Âm** hiện giờ.

Này **Hoa Đức!** Tri cơ thấu đạt
 Ngài **Diệu-Âm Bồ Tát** đã từng
 Gần gũi vô lượng **Phật** thân
 Trông nhiều cội đức gặp Hằng Hà sa
 Trăm ngàn muôn ức na-do-tha
 Các Đức **Phật**, trải qua tu hành. (lạy)

6. **Hoa Đức!** Chẳng phải thấy nhìn
Diệu-Âm Bồ Tát thân hình đây thôi,
 Mà **Bồ Tát** đó thời hóa hiện
 Các thứ hình luân chuyển nơi nơi,
 Vì hàng chúng sanh, Trời, người
 Rộng nói kinh điển giảng lời **Pháp Hoa**.
 Hoặc hiện thân hóa ra đủ hạng:
 Trời **Đế Thích**, **Đại Phạm** tột quyền,
Tự Tại, **Đại Tự Tại** thiên,
 Hoặc hiện thân bực Thánh hiền, Tướng quân,

Tỳ-Sa-Môn Thiên Vương ^(*) thân hiện,
 Hoặc hiện thân vị **Chuyển Luân Vương**,
 Hoặc hiện thân các Tiểu vương,
 Trưởng giả, Cư sĩ, hay Bà La Môn,
 Hoặc hiện thân Tể quan phẩm vị,
 Hay Sa Môn Tu sĩ tục ly,
 Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di,
 Hoặc hiện thân nữ con thì nhà quan,
 Hoặc hiện thân vào hàng phụ nữ
 Bà La Môn, đồng tử nữ, nam,
 Hoặc hiện thân rộng bao hàm
 Trời, Rồng, Thần, Quỷ, Thánh, Phạm .v.v...
 Vì độ chúng hóa thân vô ngại
 Biến trăm luân ban rải **Pháp Hoa**.

Bao nhiêu nạn khổ Ta Bà:
 Địa ngục, ngạ quỷ hay là súc sanh ...
Bồ Tát đều thân hành cứu rỗi
 Nhẫn đến trong triều nội hậu cung
 Biến làm thân nữ sống chung
Pháp Hoa Kinh giảng tột cùng thậm thâm. (lạy)

7. Nay **Hoa Đức! Diệu-Âm Bồ Tát**
 Ngài thệ nguyện độ thoát chúng sanh

^(*) Tỳ Sa Môn (Thiên Vương): Xem phần Thích nghĩa.

Từ bi giác ngộ nhân lành
 Hóa thân đủ hạng tướng hình như trên
 Kinh **Pháp Hoa** thuyết tuyên giảng dạy
 Mà không hề tổn hoại sức thần,
 Trí huệ sáng soi khắp trần
 Khiến cả bốn loại đặng phần hiểu qua.
 Ở khắp trong Hằng Hà cõi nước
 Cả mười phương nghe được Kinh này.

- Nếu có chúng sanh như loài
Thanh Văn cầu đặng thoát rày tử sinh,
 Ngài liền hiện thân hình như vậy
 Làm **Thanh Văn** chỉ dạy **Pháp** hành,
- Nếu cầu **Duyên Giác** quả thành
 Hiện thân **Duyên Giác** chỉ rành đạo sâu,
- Quả **Bồ Tát** muốn cầu chứng đạt
 Thời hiện thân **Bồ Tát** dạy người,
- Đáng làm thân **Phật** độ đời
 Liền hiện thân **Phật** tức thời giống y.
- Chỗ đáng độ tùy nghi sở nguyện
 Của chúng sanh Ngài hiện nhiều thân,
 Nhân đến đáng diệt độ trần
 Thị hiện diệt độ bỏ thân mạng này.

Nay **Hoa Đức!** Ông đây nên biết

Ngài **Diệu Âm** nguyện thiết vững bền
 Đại thần thông đặng trọn nên
 Trí huệ viên mãn sức nguyện sâu xa.

Kế **Hoa Đức!** Thưa qua cùng **Phật:**
 “**Thế Tôn!**

Ngài **Diệu Âm** tu thật Pháp gì?
 Trụ nơi Tam muội khó tri
 Biến hiện thân tướng nguyện vì chúng sanh?”.

Đức **Phật** khen tâm thành **Hoa Đức**
 Hỏi những điều hết sức lành thay!

Thiện nam tử! Hãy nghe đây:
 “Tam muội thần lực của Ngài **Diệu Âm**
 Do công đức lâu năm chứng đắc
 Pháp môn *Hiện Nhứt Thiết Sắc Thân*
 Đại **Bồ Tát** Đức **Diệu Âm**

Trụ Tam muội đó cao thâm khôn lường,
 Sự *nhieu ích* (*) sáu đường an lạc,
 Cứu chúng sanh độ thoát nản tai”. (lạy)

8. Lúc Đức **Phật** nói phẩm này
 “**Diệu-Âm Bồ Tát**” hiện bày vừa xong
 Những **Bồ Tát** đi chung đều đặng
 “*Hiện Nhứt Thiết Sắc Thân Tam Muội*”

(*) *Nhiều Ích*: Xem phần Thích nghĩa.

Vô lượng **Bồ Tát** Ta Bà
 Đặng Tam muội đó và Đà la ni.
 Đã đến lúc hồi qui bốn quốc
 Việc cúng dường Đức **Phật** dung thông
 Và tháp **Đa-Bảo Phật** xong
Diệu-Âm Bồ Tát tâm lòng hân hoan
 Qua các nước trên đàng trở lại
 Sáu diệu vang Sen rải nơi nơi,
 Trăm ngàn muôn ức nhạc trời
 Trỗi lên chúc tụng thay lời ngợi ca,
 Đến yết kiến **Tịnh-Hoa-Trí Phật**
 Ngài **Diệu Âm** thành thật thưa rằng
 “**Thế Tôn!** Con đến cõi trần
 Để làm lợi ích chúng nhân Ta Bà.
 Được ra mắt **Thích Ca Tôn Chủ**
 Và diện kiến **Đa-Bảo Như Lai**
 Đồng thời giao tiếp các Ngài:
Văn-Thù Bồ Tát xứng tài Pháp Vương.
 Đức **Dược Vương** cúng dường thân mạng,
 Công đức này vô hạn vô biên,
Đông-Thí Bồ Tát Thánh hiền,
Đắc-Cần-Tinh-Tấn-Lực kiên nguyện dày,
 Cũng làm cho các Ngài **Bồ Tát**

Có tám muôn bốn vạn ngàn người
 Nay đặng Tam muội tức thời
Hiện Nhứt Thiết Sắc Thân đồng như như”.

Lúc Đức **Phật** đại từ tuyên giảng
 Phẩm **Diệu Âm** lai vãng Ta Bà
 Ở trong đại hội **Pháp Hoa**
 Các vì Thiên tử thật là số đông
 Bốn muôn hai ngàn người chứng đặng
Quả Vô Sanh Pháp Nhãn sâu xa.
Hoa-Đức Bồ Tát cùng là ...
 Cũng đặng *Tam Muội Pháp Hoa* tổng trì.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)
- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)
- **Nam Mô Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật .** (3 lần)
- **Nam Mô Đức Diệu Âm Bồ Tát Ma Ha Tát.** (3 lần)



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA (QUYỂN 7)



PHẨM “QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN” (Thứ Hai Mươi Lăm)

1. **B**ấy giờ, **Vô-Tận-Ý Bồ Tát!** (*)
Từ đạo tràng tâm phát đứng lên
Trịch áo vai phải một bên
Chắp tay hướng **Phật** ơn trên bạch rằng:
“**Thế Tôn! Quán-Thế-Âm Bồ Tát**
Do duyên gì tên gọi **Quán Âm?**”
Cúi mong Đức **Phật** bi tâm
Vì chúng giảng nói, con cần muốn nghe.
Phật bảo **Vô-Tận-Ý Bồ Tát:**
Ta vì ông chân thật giải bày
Những điều lợi ích sau đây,
Về danh hiệu niệm của Ngài **Quán Âm**.
Thiện nam tử, lóng tâm nghe rõ!

(*) **Vô Tận Ý (Bồ Tát):** Xem phần Thích nghĩa.

Lời **Như Lai** bày tỏ thật chân.

- Nếu có vô lượng muôn ngàn

Chúng sanh chịu các khổ nần thương tâm.

Nghe danh hiệu **Quán-Âm Bồ Tát!**

Một lòng luôn ghi tạc xưng danh.

Quán Thế Âm! Xét thấu rành
Cảm ứng độ thoát tử sanh ách nần.

- Nếu có người trì danh hiệu niệm

Quán-Thế-Âm Bồ Tát độ cho,

Dầu vào trong biển lửa to

Lửa không cháy đặng vì do sức thần.

Của **Bồ Tát Quán-Âm** gia hộ

Sẽ thoát ra tai khổ qua hồi.

- Nếu bị nước lớn cuốn trôi

Xưng danh **Bồ Tát** tức thời bình an,

Liên được độ đưa sang chỗ cạn

Do thần lực vô hạn **Quán Âm**.

- Nếu có muôn ức chúng sanh

Đi tìm kho báu, bạc, vàng, lưu ly

Hay xa cừ, san hô, mã não ...

Gặp không may gió bão bất thường

Ghe thuyền trôi dạt đến phương

Nước quỷ La Sát cùng đường chơi vơi.

Trong lúc ấy có người xưng niệm
Quán-Thế-Âm Bồ Tát hiệu danh

Thời đặng tất cả an lành

Thoát nạn La Sát hoành hành mạng căn.

Do duyên đó thường hằng tên gọi

Quán Thế Âm vang dội khắp trần. (lay)

2. - Nếu có người biết nạn thân

Một lòng xưng niệm **Quán Âm** khẩn cầu

Thì đao gậy không sao gây hại

Do sức thần làm gãy gậy đao

Người ấy thoát khỏi nạn mau

Vui mừng khôn tả xiết bao chi là.

- Nếu gặp quỷ Dạ Xoa, La Sát

Đầy khắp trong các cõi Tam Thiên

Muốn đến hại mạng nhân hiền

Nghe người xưng hiệu cầu nguyện **Quán Âm**

Thời quỷ dữ không làm khốn ngặt

Do sức thần che mắt chúng đây

Không nhìn thấy đặng người này

Huống là làm hại tổn gây mạng phần.

Dẫu lại có người trần phạm tội

Hoặc không tội bị trói tay chân

Chí tâm xưng niệm **Quán Âm**

Xích xiềng đứt rã thoát thân nhẹ nhàng.

- Nếu có kẻ ác gian oán tặc

Đầy khắp trong cõi nước Tam Thiên.

Có một vị chủ thương thuyền

Dắt theo con lái bạc tiền nhiều thay

Trải qua nơi đường dài hiểm trở

Tâm hằng luôn lo sợ mất thân

Trong đó có người xưng rằng:

“Chớ nên sợ sệt phân tâm não nùng

Các ông phải một lòng xưng niệm

Quán Thế Âm danh hiệu thiết tha

Bồ Tát nguyện độ Ta Bà

Đem Pháp **Vô úy** (*) cứu mà chúng sanh,

Nếu tin tưởng xưng danh chân thật

Sẽ thoát nạn oán tặc trong đời.

Các người buôn lái nghe rồi

Đều vang tiếng niệm đồng thời nhiếp tâm

“**Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát!**”

Vì xưng danh giải thoát liền ngay.

Vô Tận Ý, ông nghe đây!

Quán Âm đại lực nghiêm oai sức thần

Đức bủa khắp cõi trần rộng lớn

(*) **Vô Úy**: Cũng gọi là **Vô Sở Úy**. Xe Thích nghĩa **Vô Sở Úy**.

Trải hết tâm vô lượng dường bao. (lạy)

3. - Nếu như có chúng sanh nào

Nhiều lòng dâm dục sắc màu đắm say.

Thường cung kính hằng ngày niệm tưởng

Quán Thế Âm! Dứt chướng dục ly.

- Nếu như có người ngu si

Ưa hờn, ưa giận ôm ghì mê tâm

Thường cung kính **Quán Âm** nguyện thiết

Sẽ ly sân đoạn diệt tối tăm.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm

Từ bi oai lực thậm thâm khôn lường

Làm lợi ích sáu đường, ba cõi

Nên chúng sanh thường khởi niệm danh.

- Nếu có người nữ muốn sanh

Con trai theo ý tâm thành cầu xin

Thường lễ bái đức tin như nhưt

Quán Thế Âm một mực xưng danh

Liền sau sanh đặng trai lành

Phước đức, trí huệ hiển danh trong đời.

Muốn cầu gái sanh thời được gái

Tướng đoan trang tánh lại hiền lương,

Trước trồng cội phước khôn lường

Mọi người kính mến nhĩn nhường khiêm cung.

Vô Tận Ý! Đại hùng **Bồ Tát**

Quán Thế Âm ban phát phước duyên. (lay)

4. - Nếu có chúng sanh thọ nguyện
Cung kính lễ lay nhật triền **Quán Âm**.
Thời phước đức hưởng phần chẳng mất
Đời đời gieo âm chất dày sâu
Cho nên thấy chỗ nhiệm mầu
Quán Âm nhớ tưởng mau mau thường hành.

Vô Tận Ý!

- Nếu có người trì danh tự niệm
Sáu mươi ức **Bồ Tát** Hằng sa
Trọn đời cúng dường thiết tha
Đồ ăn, thức uống hay là bố ban
Hoặc giường nằm, thuốc thang cung cấp.
Vô Tận Ý! Ông suy nghĩ sao!
Công đức Thiện nam đó nào,
Hoặc là Thiện nữ có nhiều hay chẳng?.

Vô Tận Ý! Thưa rằng với **Phật**.

“Bạch **Thế Tôn!** Sự thật rất nhiều”.

Đức **Phật** giảng dạy tiếp lời:

- “Nếu như lại có một người trì danh
Quán Thế Âm tâm thành lễ lay
Nhấn đến khi cúng vái một thời

Thì phước của cả hai người
Bằng nhau không khác trên đời bất phân,
Dù qua trăm ngàn muôn ức kiếp
Không thể gì cùng tận phước lành”.

Vô Tận Ý! Thọ trì danh
Quán-Âm Bồ Tát đặng thành thiện duyên,
Phước đức ấy niên niên còn mãi
Sự lợi ích tồn tại vĩnh hằng. (lay)

5. **Vô Tận Ý!** Bạch **Phật** rằng:
“**Thế Tôn! Bồ Tát Quán-Âm** thế nào!
Mà hiện thân đi vào bể khổ
Cõi Ta Bà chỗ chỗ nơi nơi.
Nói pháp gì để độ đời
Phương tiện vận dụng cứu người nạn tai?”
- Đức **Phật** bảo với Ngài **Bồ Tát**
Vô Tận Ý! Ông hãy nghe qua.
Chúng sanh thế giới Ta Bà
Hay các quốc độ khác mà chẳng phân,
- Nếu đáng dùng **Phật thân** độ thoát
Thời **Quán-Âm Bồ Tát** đương nhiên
Hóa ra thân **Phật** hiện tiền
Vì chúng nói Pháp thế nguyên không sai.

- Người đáng dùng thân đây **Duyên Giác**
Để được mau độ thoát cõi đời

Quán-Âm Bồ Tát tức thời

Hiện thân **Duyên Giác** vì người Pháp khai.

- Người đáng dùng **Thanh Văn** độ thoát
Quán-Thế-Âm Bồ Tát hiện thân

Thanh Văn nói Pháp ân cần

Vì người rộng nguyện không phân so lường.

- Người đáng dùng **Phạm Vương** thân độ
Quán Thế Âm cứu khổ bao nài

Phạm Vương thân hiện liền ngay

Vì đó nói Pháp chỉ bày đường tu.

- Người đáng dùng thân như **Đế Thích**,
Quán Thế Âm hiển hích hiện liền.

- Đáng dùng thân **Tự Tại Thiên**,
Quán Âm Bồ Tát hiện nguyên tướng hình.

- Vì độ thoát chúng sinh muôn loại
Cũng hiện thân **Thiên Đại Tướng Quân**.

- Đáng dùng thân **Tỳ Sa Môn**,
Tiểu Vương, Trưởng Giả, thủy đồng hiện ra.

- Vì muốn độ Ta Bà nhiều hạng,

Quán Thế Âm chẳng quản nhọc nhằn,
Tể Quan, Cư Sĩ hiện thân,
Vì đó nói Pháp chúng nhân hưởng nhờ.

- Người đáng dùng thân như phụ nữ,
Bà La Môn, Trưởng Giả, Tể Quan.
Hiện thân phụ nữ hoàn toàn,
Vì đó nói Pháp độ hàng nữ lưu.

- Người đáng dùng Tỳ kheo nam, nữ,
Ưu Bà Di, Bà Tắc tục gia,
Đồng nam, đồng nữ vậy mà
Quán-Âm Bồ Tát hiện ra độ liên.

- Người đáng dùng Chư Thiên, Phạm Chí
Hay Rồng, Thần, thân quý Dạ Xoa,
Càn Thát Bà, A Tu La,
Khẩn Na La và Ma Hầu La Đà,
Nhơn, Phi Nhơn không là giới hạn,
Hoặc đáng dùng Thần **Chấp-Kim-Cang** (*).

Quán Âm thị hiện rõ ràng
Không sao nói hết miến bàn nghĩ suy.

Vô Tận Ý! Khó tri hạnh quả
Quán Thế Âm đạo cả siêu nhiên,

(*) *Chấp Kim Cang (Thần)*: Xem phần Thích nghĩa.

Thành tựu công đức vô biên,
Dùng các thân tướng dạo miền trần lao.
Đã trải qua biết bao cõi nước
Độ chúng sanh vượt thoát trầm luân.
Vậy nên các ông thành tâm
Cúng dường **Bồ Tát Quán Âm** một lòng.

Quán Thế Âm thần thông quảng đại
Nếu chúng sanh gặp phải ách nàn
Tâm luôn sợ sệt bất an
Quán Âm cầu nguyện tiêu tan não phiền.
Cõi Ta Bà tín nguyện hết mực
Vô úy thí xứng bậc đại nhân.

6. **Vô Tận Ý!** Bạch **Phật** rằng:
“*Thế Tôn! Con phải cúng dường Quán Âm*”
Liên mở chuỗi ngọc trên nơi cổ
Đã từ lâu gìn giữ đeo mang
Giá trị trăm ngàn lượng vàng
Dâng lên **Bồ Tát Từ Hàng Quán Âm**.
“*Xin Ngài nhận với tâm hoan hỷ
Đó gọi là Pháp thí lòng này*”.

Khi ấy, **Quán Âm** Đức Ngài
Chẳng chịu nhận chuỗi tâm nay chối từ.
Vô Tận Ý bấy chừ thưa bạch

Quán-Thế-Âm Bồ Tát lời rằng:

*“Xin Ngài thương xót chúng nhân
Mà nhận chuỗi ngọc phước phần của tôi”.*

Bấy giờ,

Đức **Phật** mới dùng lời ban phát

Quán-Thế-Âm Bồ Tát bi thương:

“Vô Tận Ý nguyện cúng dường
Và hàng Tứ chúng nhẫn nhường cầu mong,
Cùng các chúng Trời, Rồng, Bát Bộ
Xin **Quán Âm** nhận chuỗi ngọc này”.

Tức thời **Quán Âm** vui thay!

Vì lời cầu thỉnh Đức Ngài nhận chia:

Một dăng **Phật Thích-Ca Tôn Chủ**

Hai **Ứng Cúng Đa-Bửu** tháp tòa.

Vô Tận Ý! Đã thấy qua

Quán Âm thần lực rất là cao thâm

Ngài đạo trong cõi trần khắp chốn

Luôn cứu người nguy khốn nản tai.

Vô Tận Ý, nói kệ bài

Thư hỏi Đức **Phật** về Ngài **Quán Âm:** (lay)

7. **Thế Tôn** đầy đủ tướng nghiêm thân
Trên dưới Trời, người chẳng sánh bằng

Xin hỏi **Quán-Âm Bồ Tát** đó
Nhơn duyên gì có đặng oai thần
Dạo trong thế giới Ta Bà vậy
Thị hiện muôn hình cứu chúng nhân
Công đức trang nghiêm thân tướng tốt
Vì sao tên gọi **Quán Thế Âm!**

Đức **Phật** từ bi đáp kệ bài
Những điều **Vô Tận Ý** nghe đây
Quán-Âm Bồ Tát tâm vô ngại
Khéo ứng các nơi gặp nạn tai
Thệ nguyện rộng sâu như bể cả
Cứu đời nhiều kiếp nghĩ bàn thay!
Hầu gần Đức **Phật** nghìn muôn ức
Thanh tịnh trí như đức phủ dày.

Ta sẽ vì ông lược nói bày
Nghe tên cùng thấy *Pháp thân* Ngài
Nhiếp tâm niệm niệm không ngưng nghĩ
Hay diệt khổ phiền các cõi này.

Giả sử có người muốn hại nhau
Xô vào hầm lửa khó bôn đào
Quán Âm niệm tưởng nhờ thần lực
Hầm lửa biến thành hóa bể ao.

Hoặc bị đắm thuyền giữa biển sâu
Cá, Rồng, Quỷ đói chịu tai sâu
Quán Âm một dạ luôn trì niệm
Sóng dữ lặng yên sức nhiệm mầu.

Hoặc ở Tu-Di Sơn đỉnh cao
Bị người xô rớt xuống trần lao
Quán Âm xứng hiệu không xao lãng
Như mặt Trời treo chẳng rớt nào.

Hoặc bị kẻ hung rất bạo tàn
Đuổi xô rớt xuống núi Kim Cang
Quán Âm chí thiết tâm cầu khẩn
Chẳng tổn mảy lông đặng vẹn toàn.

Hoặc gặp hung thần oán tặc vây
Cầm dao sát hại đến thân này
Quán Âm thành khẩn xưng danh niệm
Cảm hóa hung thần họa đổi may.

Hoặc bị oan tình khổ nạn vương
Chờ giờ hành huyết rất bi thương
Quán Âm nhớ tưởng tâm miên mật
Dao phủ gãy lìa thoát họa ương.

Hoặc bị tù đày cấm cố thăm
Xích xiềng khóa chặt cả tay chân

Quán Âm tha thiết từ bi niệm

Tháo rã gông cùm giải thoát thân.

Hoặc bị kẻ tà yếm rửa nguyên

Làm cho điên loạn lẩn thân tâm

Quán Âm chú nguyện thần gia hộ

Trở lại quay về hại bốn nhân.

Hoặc gặp La Sát hay Dạ Xoa

Các loài Rồng độc, Quỷ tinh ma

Quán Âm chấp thủ tâm kinh niệm

Không dám đến gần hại mạng ta.

Hoặc dạo lâm sơn gặp cọp, xà

Quây quanh chờ chực nuốt thân ta

Quán Âm lớn tiếng vang thình niệm

Nghe tiếng chúng liền chạy tránh xa.

Bò cạp, hổ mang loại độc trùng

Nướng theo lửa khói đến hành hung

Quán Âm ẩn chú trì danh hiệu

Nghe tiếng bỏ đi rất lạ lòng.

Nếu gặp sấm vang sét đánh rền

Mưa giăng, tuyết giá sợ không yên

Quán Âm quán tưởng cầu *tha lực* (*)

(*) *Tha Lực*: Xem phần Thích nghĩa.

Sẽ đặng tiêu tan biến mất liền.

Chúng sanh sáu nẻo chịu lầm than

Vô lượng ngàn muôn ách khổ nàn

Quán Thế Âm đây ra sức độ

Thường hay cứu khổ khỏi trần gian,

Thần thông đầy đủ nhiều phương tiện

Trí huệ viên thông chẳng nghĩ bàn

Các cõi mười phương đều thị hiện

Giáo truyền **Phật đạo** phép mầu ban.

Thanh tịnh quán, chơn quán diệu thường,

Từ bi oai lực quán khôn lường,

Chúng sanh thường nguyện, thường chiêm ngưỡng

Sáng tỏ không như bụi nhiễm vương

Huệ nhật (*) phá tan bao bóng tối

Tiêu tai biến lửa thoát đau thương

Chiếu soi muôn vật không ngăn ngại

Trí huệ quán thông khắp mọi phương.

Đức độ bi thương tợ sấm vang

Ý từ **Diệu Hữu** (*) dưỡng mây ngàn

Gội nhuần mưa Pháp mầu Cam Lộ

Trừ dứt não phiền tâm định an

(*) **Huệ Nhật**: cũng gọi: **Huệ Nhật**. Xem phần Thích nghĩa.

(*) **Diệu Hữu**: Xem phần Thích nghĩa.

Cãi kiện cửa quan đều thắng cuộc
Trong quân sợ sệt thấy qui hàng
Quán Âm sức niệm đều công hiệu
Cừ oán đều lui nghiệp chướng tan.

Diệu Âm vang dội khắp mười phương
Quán Thế Âm đây khó định lường
Nghe thấu *Phạm âm* thông suốt tận
Hải Triều âm (*) động sóng trùng dương,
Tiếng của thế gian không sánh đặng
Cho nên ta phải niệm thường thường
Định tâm nhiếp niệm không xao lãng
Chắc chắn tiêu trừ mọi họa ương.

Niệm niệm chớ sanh nghi vạy tà
Quán Âm bậc Tịnh Thánh hải hà
Sa vào khổ não hay sanh tử
Là chỗ cậy nương cứu độ ta.

Bồ Tát Quán-Âm đủ đức công
Mắt lành thương chúng mãi nhìn trông
Phước như biển lớn không lường đặng
Đảnh lễ **Quán Âm** phải hết lòng. (lạy)

8. Bảy giờ, Ngài *Trì-Địa Bồ Tát* (*)

(*) *Hải Triều Âm*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Trì Địa Bồ Tát*: Xem phần Thích nghĩa.

Từ chỗ ngồi tâm phát đứng lên

Bạch cùng với đấng bề trên

“**Thế Tôn!** Thương chúng giảng truyền Pháp trao.

Nếu có chúng sanh nào nghe Phẩm

“**Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn**”

Đạo nghiệp (*) tự tại trường tồn

Thị hiện thần lực Càn Khôn phủ trùm

Thời phải biết đức công người đó

Không thể nào bày tỏ gạn lường”.

Lúc **Phật** nói Phẩm **Phổ Môn**

Trong chúng hội có tám muôn bốn nghìn

Chúng sanh loài hữu tình giác nhận

Đều phát tâm *Vô đẳng đẳng* (*) cầu

Vô Thượng Chánh Giác tối cao

Phật đạo rất ráo ngày sau viên thành./.

- **Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát.** (3 lần)
- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)
- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)



(*) *Đạo Nghiệp*: Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Vô Đẳng Đẳng*: Xem phần Thích nghĩa.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA (QUYỂN 7)



PHẨM “ ĐÀ LA NI ” (Thứ Hai Mươi Sáu)

1. Lúc bấy giờ, **Dược-Vương Bồ Tát**
Cũng là bậc đạo đạt đại nguyên
Từ chỗ ngồi Ngài đứng lên
Trịch áo vai hữu một bên tỏ bày.
Liên cung kính chấp tay bạch **Phật**:
“Xin **Thế Tôn!** Sự thật phân qua.
Nếu có chúng sanh Ta Bà
Thiện nam, Thiện nữ **Pháp Hoa** thọ trì
Thường đọc tụng thấu tri hiểu tận
Hoặc chép biên, in ấn quyển Kinh
Đặng bao nhiêu phước của mình
Cúi mong Đức **Phật** thương sinh tỏ tường?”.
Phật bảo Ngài **Dược Vương** nghe rõ!
Ta vì ông phân tỏ rộng hàm.
“Nếu có Thiện nữ, Thiện nam
Cúng dường ứng nguyện trăm ngàn ức muôn

Hằng Hà sa mười phương Chư **Phật**
Ý của ông sự thật nghĩ sao?

Người đó có đặng phước cao
Nhiều chẳng hay ít là bao phân bày?”

Dược Vương thưa không tài tính đặng
Phước đức người thù thắng vô biên.

Đức **Phật** lại tiếp lời khuyên
“Nếu có nam, nữ thiện duyên Ta Bà.

Ở nơi Kinh **Pháp Hoa** trì thọ
Nhẫn một bài kệ ngộ bốn câu

Đọc tụng giải nghĩa rộng sâu
Đúng như lời dạy tu cầu thường xuyên
Thời công đức vô biên, vô lượng
Do lòng nguyên tin tưởng sâu xa”.

(lạy)

2. Lúc đó, **Dược Vương** nghe qua
Tâm từ bạch **Phật Thích-Ca** lời rằng:
“**Thế Tôn!**

Con xin nguyện lãnh phần điều khiển
Sẽ cho người nói diễn **Pháp Hoa**
Mật truyền Thần chú **Đà La**
Để giữ gìn mãi **Pháp Hoa** Kinh này”.

Nói xong, **Dược Vương** chú khai:

Phạn âm:

**Anilê maniê manê mamanê kítê carritê samê,
 samitavi, sântê múttê, múttatamê, samê avi
 samê, samasamê, gadê gadê, asinê, sântê sani,
 đàrani alôkabàsê, racha vêsani, nidini,
 abyantaravisitê út culê mút culê, asadê, paradê,
 sucãnsi, asamasamê, búđavilôkitê, đạcma
 parisitê, sanga nigôsàni, nigôsàni, bada bada,
 sôđàni, mantrê mantra sadatê, ruta côsaliê,
 asadê, asavanatàda, vaculê, valôda, amanyatàya.**

Hán âm:

**“An nhĩ,
 Mạn nhĩ,
 Ma nễ,
 Ma ma nễ,
 Chỉ lệ,
 Già lê đê,
 Xa mế,
 Xa lý đa vĩ,
 Chuyên đế,
 Mục đế mục đa lý,
 Ta lý,
 A vĩ ta lý,
 Tang lý,**

**Ta lý xoa duệ,
A xoa duệ,
A kỳ nhị chuyên đế xa lý,
Đà la ni,
A lư dà bà ta ky,
Đá tỳ xoa nhị,
Nễ tỳ thế,
A tiện đa la nễ lý thế,
A đàn dá ba lệ thấu địa,
Âu cứu lệ, mâu cứu lệ,
A la lệ,
Ba la lệ,
Thủ ca sai,
A tam ma tam lý,
Phật đà tỳ kiết lợi diệt đế đạt ma ba lợi sai đế,
Tăng già niết cù sa nễ bà xá bà xá thấu địa,
Mạn đá lã,
Mạn đá lã xoa dạ đa,
Bư lâu đá,
Bư lâu đá kiêu xá lược,
Ác xoa lã,
Ác xoa dã đa dã,
A bà lư,**

A ma nhã na đa dạ”.

“**Thế Tôn! Thiện Thệ!** Chứng minh
Đà La Ni Chú mâu linh vô cùng.
 Của Chư **Phật** hiện trong mười cõi
 Thủy đồng tâm trì nói diễn ra,
 Sáu mươi hai ức Hằng Hà
 Các Đức **Phật** đã lâu xa đắc thành.
 Nếu có người bất lành xâm hại
 Vị Pháp Sư giảng giải Kinh này,
 Tức là xâm hủy **Phật** đây
 Động đến các Đức **Như Lai** nhiều đời”.

Lúc đó, **Phật** hết lời khen ngợi
 Ngài **Dược Vương** làm lợi chúng sanh.
 “Hay thay! Ông có tâm thành
 Thương xót ủng hộ an lành Pháp Sư,
 Nên truyền dạy **Đà La Ni** Chú
 Thật lợi hành đầy đủ bốn môn”. (lay)

3. Lúc đó,

Bồ Tát Đông-Thí ôn tồn!
 Bạch trình Đức **Phật**: “**Thế Tôn!** An lòng.
 Con cũng nguyện ra công ủng hộ
 Và thường luôn cứu độ cho người
 Đọc tụng **Pháp Hoa** nơi đời,

Đà La Ni Chú trì thời nói ra.

Bọn Quý dữ, Dạ Xoa, La Sát

Phú Đơn Na (*), *Kiết Giá* (*), *Bàn Trà*

Nga quý .v.v... khó mà

Tìm ra chỗ hở của là Pháp Sư”.

Liên trước **Phật** Đại từ **Bồ Tát**

Ngài **Dũng Thí** truyền Mật Chú rằng:

Phạn âm:

**Valê mahavalê, útkê mútkê, adê adàvati, trichê
trichavati, itini vitini kitini, tritti tricha vati
xoaha.**

Hán âm:

“Toa lệ,
Ma ha toa lệ,
Úc chỉ,
Mục chỉ,
A lệ,
A la bà đệ,
Niết lệ đệ,
Niết lệ đa bà đệ,
Y trí nỉ,

(*) *Phú Đơn Na (Quý)*: Xem phần Thích giảng.

(*) *Kiết Giá (Quý)*: Xem phần Thích giảng.

**Vi trí nỉ,
 Chỉ trí nỉ,
 Niết lệ trì nỉ,
 Niết lệ trì bà đề”.**

Thế Tôn! Xin hãy chứng minh
Đà La Ni Chú mầu linh vô cùng.
 Hằng Hà sa khắp trong Chư **Phật**
 Đời đời đây chứng đắc Chú này
 Hộ trì **Pháp Hoa** Kinh đây
 Không cho xâm hủy đến Ngài **Pháp Sư**,
 Nếu hại người cũng như hại **Phật**,
 Sự lợi ích bí mật khôn lường. (lay)

4. **Bấy giờ,**

Có Tỳ Sa Môn Thiên Vương
 Vị Trời bảo hộ thường thường nhân gian.
 Liền bạch **Phật** nguyện rằng gắng sức
 Vì thương tưởng một mực chúng sanh,
 Ủng hộ **Pháp Sư** an lành
 Mà nói Thần Chú **Đà La Ni** này.

Tức thời liền nói Chú khai:

Phạn âm:

Áttê náttê vanáttê anadê, nadi cunadi xoaha.

Hán âm:

**“A lê,
 Na lê,
 Nâu na lê,
 A na lư,
 Na lý,
 Câu na lý”.**

Thế Tôn! Thiện Thệ! Như Lai!

Nay dùng Thần Chú độ Ngài Pháp Sư

Con cũng tự hộ người trì thọ

Kinh **Pháp Hoa** chẳng bỏ sót ai,

Một trăm do-tuần an bày

Không có nạn ách chịu rày tai ương. (lạy)

5. Bấy giờ, vị *Thiên Vương Trì Quốc* ^(*)

Ở trong hội ra mắt **Phật Đà**

Nghìn muôn ức na-do-tha

Các chư chúng Càn Thát Bà vây quanh

Đều cung kính tâm lành bạch **Phật:**

“Thưa **Thế Tôn!** Thành thật chứng tri.

Con dùng Chú **Đà La Ni**

Ứng hộ người đặng thọ trì **Pháp Hoa**

Liên nói Thần Chú truyền ra:

^(*) *Trì Quốc Thiên Vương*: Xem phần Thích nghĩa.

Phạn âm:

**Aganê ganê gôri gãndàri kãndàni matãnggi
pucasi sãnculê, rusali xoaha.**

Hán âm:

“A dà nễ,
Dà nễ,
Cù lợi,
Càn đà lợi,
Chiên đà lợi,
Ma đảng kỳ,
Thường cầu lợi,
Phù lâu tàu nỉ,
Át để”.

Thế Tôn! Xin hãy an bày
Đà La Ni Chú này đây diệu kỳ
Bốn mươi hai ức vì Đức **Phật**
Đều nói lên chứng thật trí như
Nếu có người hại Pháp Sư
Thời là xâm hủy các Chư **Phật Đà**”. (lạy)

6. Bảy giờ, có những La Sát nữ:
- Một, tên là thiện nữ **Lam Bà**;
 - Hai, tên gọi **Tỳ Lam Bà**;
 - Ba, tên **Khúc Xỉ**; - Bốn, là **Hoa Ni**;

- Năm, **Hắc Xi**; - Sáu, vì **Đa Phát**;
- Bảy, **Vô Yểm** La Sát nhân từ;
- Tám, tên **Trì Anh Lạc** như;
- Chín, tên **Cao Đế** tâm tư hiền lành;
- 10. **Đoạt Nhứt Thiết Chúng Sanh Tinh Khí**;

Cùng Tử Mẫu chúng quý toàn gia.

Đều đến chỗ **Phật Thích-Ca**

Đồng tiếng bạch **Phật** thật thà lòng son.

“Thưa **Thế Tôn!** Chúng con cũng muốn

Ủng hộ người đọc, tụng, thọ trì

Pháp Hoa tu niệm thực thi

Trừ sự khổ hoạn, hiểm nguy cho người.

Nếu có kẻ tìm nơi chỗ ở

Của Pháp Sư sơ hở hại người

Con làm cho chẳng tiện thời

Liên ở trước **Phật** nói lời Chú khai:

Phạn âm:

**Itimê itimê itimê itimê, nimê nimê nimê nimê
nimê, ruhê ruhê ruhê ruhê, stuhê stuhê stuhê
stuhê stuhê xoaha.**

Hán âm:

“Y đề lý,

Y đề dẫn,

Y đê lý,
A đê lý,
Y đê lý,
Nê lý, Nê lý, Nê lý, Nê lý, Nê lý,
Lâu hê, Lâu hê, Lâu hê,
Đa hê, Đa hê, Đa hê,
Đâu hê,
Nâu hê”.

Nay trước Đức **Như Lai Phật Tổ**
 Chúng con nguyên gia hộ người tu,
 Không cho nào hại Pháp Sư
 Thà trèo lên cổ, lên đầu chúng con.
 Việc như thế vẫn còn tha thứ
 Chớ hại người trì giữ **Pháp Hoa,**
 Hoặc La Sát hoặc Dạ Xoa
 Ngạ quỷ hoặc Phú Lô Na, **Kiết Già** (*)
Tỳ Đà La (*), **Ô Ma Lặc Đà** (*),
 Hoặc **Kiên Đà** (*), **A Bạt Ma La** (*),
 Hay hoặc Kiết Giá Dạ Xoa
 Hoặc nhưn Kiết Giá hoặc là nói chung ...

(*) **Kiết Già**: Tên gọi khác của **Kiết Giá (Quý)**. Xem **Kiết Giá Quý**.

(*) **Tỳ Đà La**: Loại ác quỷ giết hại người. Xem Thích nghĩa **Tỳ Đà La**.

(*) **Ô Ma Lặc Đà (Quý)**: Quỷ tà ác, mặt đen và sắc đen.

(*) **Kiên Đà (Quý)**: Còn gọi: **Kiên Đà**. Quỷ tà ác, mặt vàng và sắc vàng.

(*) **A Bạt Ma La**: Quỷ tà ác, mặt xanh và sắc xanh.

Hoặc quý làm hành hung bệnh nóng
 Chỉ một ngày hoặc đến bảy ngày
 Hoặc làm bệnh nóng kéo dài,
 Giả hình trai gái, gái trai thơ đồng
 Nhấn đến khi ở trong giấc ngủ
 Hay chiêm bao chẳng dụ hại người”.

Liên ở nơi trước **Phật** thời
 Đồng lòng cất tiếng nói lời kệ đây:

*Nếu chẳng thuận theo Chú của Ta
 Hại người nói **Diệu Pháp Liên Hoa**
 Dầu kia sẽ vỡ tan nhiều mảnh
 Nào khác nhánh cây A Lê Già
 Như tội giết cha hay giết mẹ
 Họa ương cho kẻ ép dầu ra
 Cân lường khi dối người lương thiện
Điều Đạt (*) phá Tăng khó thứ tha.
 Kẻ phạm Pháp Sư đây cũng vậy
 Mắc quả bất lành phải đọa sa.*

Những nữ La Sát kệ rồi,
 Bạch **Phật** y nguyện đời đời không thay.
 “**Thế Tôn! Đức Như Lai Ứng Cúng!**
 Chúng con đây xin ủng hộ người

(*) **Điều Đạt**: Tên gọi khác của **Đề Bà Đạt Đa**. Xem Thích nghĩa **Đề Bà Đạt Đa**.

Thọ trì, đọc, tụng Kinh này
 Làm cho an ổn ngày ngày vui tươi,
 Là mọi sự trong đời khổ nhọc
 Và ngăn ngừa thuốc độc tiêu trừ.” (lay)

7. Bấy giờ, Đức **Phật** khen rằng:
 “Hay thay! La Sát phát lời thệ trên.
 Các người đã lập nên nguyện lớn
 Gia hộ người trì tụng **Pháp Hoa**,
 Phước này chẳng thể lường ra
 Lại còn ủng hộ **Pháp Hoa** cúng dường
 Nào chuỗi ngọc, hoa, hương đủ loại,
 Này hương bột, hương đốt, hương xoa,
 Phan, lọng, kỹ nhạc tấu hòa,
 Đèn dầu, đèn nến, cùng là đèn thơm,
 Các thứ đèn dầu bông *Chiêm Bạc*,
Tô Ma Na (*) nồng nặc bay xa,
 Đèn dầu bông *Bà Sư Ca* (*),
 Đèn dầu bông *Ưu Bát La* thơm lừng,
 Nghìn trăm thứ cúng dường như thế
 Không thể gì đếm kể hết nào”.

Cao Đế! Các người trước sau
 Cùng quyến thuộc nhớ sớm mau thực hành

(*) *Tô Ma Na*: Tên gọi khác của *Tu Mạn Na (hoa)*. Xem Thích nghĩa *Tu Mạn Na (hoa)*.

(*) *Bà Sư Ca*: Tên gọi khác của *Bà Lợi Sư Ca*. Xem Thích nghĩa *Bà Lợi Sư Ca (hoa)*.

Nên ủng hộ nhân lành giác ngộ
Cùng Pháp Sư khởi khổ hiểm nguy.

Phật nói Phẩm Đà La Ni

Có sáu muôn tám nghìn người đắc thành
Đồng đặng quả *Vô Sanh Pháp Nhân*./.

- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)
- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA (QUYỂN 7)



PHẨM “DIỆU TRANG NGHIÊM VƯƠNG BỔN SỰ” (Thứ Hai Mười Bảy)

1. Lúc bấy giờ, Đức **Thế Tôn!**
 Bảo hàng đại chúng ôn tồn lắng nghe.
 Về thuở xưa, cách đây vô lượng
 Lại vô biên *bất khả tư nghì*
 Vô số kiếp A-tăng-kỳ
 Có Đức **Phật** hiệu danh thì sau đây:

 “**Vân-Lôi-Âm-Tú-Vương-Hoa-Trí Như Lai!**” (*)

 Ứng cúng công đức chẳng ai sánh bằng,
 Chánh Biến Tri thường hằng thấu biết,
 Minh Hạnh Túc vốn thật tròn đầy,
 Thiện Thệ nguyện lớn sâu dày,
 Thế Gian Giải ngộ chỉ bày chân tâm,
 Vô Thượng Sĩ pháp thân tịnh diệu,

(*) *Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí (Như Lai)*: Xem phần Thích nghĩa.

Bậc **Trượng Phu Điều Ngự** độ sanh,
Thiên Nhơn Sư đấng Cha lành,
Phật Đà toàn giác, đắc thành **Thế Tôn**. (lạy)
Quang Minh Trang Nghiêam tên Quốc độ,
Kiếp tên là **Hỷ Kiến** thấy vui.

Bấy giờ, trong Pháp hội thời
Của Đức **Phật** đó có người quyền cao,
Diệu Trang Nghiêam (*) tên vua mẫu mực,
Cùng hoàng hậu **Tịnh Đức** (*) quý danh.
Có hai người con trai lành
Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn (*) em anh tâm đồng,
Cả hai có thần thông bậc nhất,
Phước đức dày trí lực cao sâu,
Tu tập khổ luyện từ lâu
Hạnh đạo **Bồ Tát** nhiệm mầu Ma Ha,
Những *bố thí* chứng *Ba La Mật*,
Và *trì giới, nhĩn nhục* kiên trì,
Tinh tấn nguyện thệ phát huy,
Thiền định đạt đến vô vi thẳng vào,
Đắc *trí huệ* lâu lâu tỏ ngộ
Nên thành công sáu độ sâu xa,

(*) *Diệu Trang Nghiêam (Vương)*: Tiên thân của *Hoa-Đức Bồ Tát*. Xem phần Thích nghĩa.

(*) *Tịnh Đức (Hoàng hậu)*: Tiên thân của *Quang-Chiếu-Trang-Nghiêam-Tướng Bồ Tát*.

(*) *Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn (Hoàng tử)*: Tiên thân của *Dược Vương, Dược Thượng (Bồ Tát)*.

Phương tiện quyền biến Hằng Hà,
Từ, Bi, Hỷ, Xả cũng là công năng,
Ba Mười Bảy Phẩm phần Trợ Đạo (*)
Thảy đều rành thấu đáo viên thông.

Lại đặng Tam muội các môn
Của chư **Bồ Tát** thật không thể bàn,
Nào chứng đắc **Tịnh-Quang** tam muội ,
Nhật-Tinh-Tú chánh định công năng,
Tịnh-Sắc tam muội ly trần,
Đại-Oai-Đức-Tạng sức thần chứa thấu,
Trường-Trang-Nghiêm diệu mầu tam muội,
Tịnh-Chiếu-Minh tam muội tỏ khai,
Các môn Tam muội trên đây
Cũng đều thấu suốt hiện bày chân tâm. (lạy)

2. Lúc đó, **Vân-Lôi-Âm Đức Phật**
Cũng vì muốn dẫn dắt **Diệu Vương**
Và thấy chúng sanh đáng thương
Pháp Hoa tuyên thuyết rộng đường độ sanh.
Bấy giờ,
Đức **Tịnh Nhân** cùng anh **Tịnh Tạng**
Hai người đồng lai vãng triều ca

(*) *Ba Mười Bảy Phẩm Trợ Đạo* tức *Tam Thập Thất Đạo Phẩm*. Xem Thích nghĩa văn T.

Vấn an sức khỏe mẹ già
Xong rồi cung kính trình qua mẹ rằng:
“Mong mẹ sớm dời chân đến chỗ
Vân-Lôi-Âm Phật Tổ Tú-Vương!
Chúng con hộ giá lên đường
Để mà ra mắt cúng dường **Như Lai**.

Vì sao vậy? Con nay phân giải
Đức **Phật** đây hiện tại trong đời,
Vì tất cả chúng Trời, người
Hiện đang diễn thuyết Kinh thời **Pháp Hoa**
Nên phải đến nghe qua diệu lý
Và tin nhận ý chỉ **Phật** truyền.

Mẹ hai Ngài thốt lời khuyên
Rằng: Cha con chẳng ứng nguyên tin theo
Bởi ông đã đắm đeo ngoại đạo
Bà La Môn thọ giáo lâu dài
Hai con nên qua trình bày
Nếu cha ứng thuận ta rày đồng đi”.

Đức **Tịnh Tạng** cùng thì **Tịnh Nhân**
Vẫn một lòng không nản ý nguyên
Chấp tay thưa với mẹ hiền:
“*Con Pháp Vương Tử dòng thiên **Phật gia**
Mà lại sanh vào nhà tà kiến*

Như thế này xây chuyển khó khăn”.

Bà **Tịnh Đức** khuyên con rằng:

“Hãy nên thương tưởng phụ thân hết lòng

Sớm hiển pháp thân thông biến hóa

Để ông thấy hiệu quả công năng

Đặng tâm thanh tịnh trí thần

Chắc là truyền lệnh phước phần bố ban

Chúng ta đến *đạo tràng* Đức **Phật**

Để cúng dường lay bậc **Như Lai**”.

(lay)

3. Lúc ấy **Tạng, Nhãn** cả hai

Nghe mẹ khuyên bảo lòng nay thuận tình.

Muốn vua cha tâm linh giác chuyển

Nên hai Ngài thị hiện thân thông

Nhắc mình bay giữa hư không

Bằng bảy cây báu Đa-La cao vời

Hiện thân biến dạo chơi trong đó

Đi, đứng, ngồi, chẳng có ngại ngần

Trên thân tuôn nước trắng ngần,

Dưới thân ra lửa cháy rần đỏ rang,

Hoặc dưới thân chuyển sang ra nước,

Hoặc trên thân hóa lửa bao quanh

Hoặc hiện thân lớn chóng nhanh

Giây phút hóa nhỏ, nhỏ thành lớn ra,

Hoặc ở trong hư không ẩn mất,
Rồi bỗng nhiên trên đất hiện thân,
Vào đất như vào nước băng,
Hoặc đi trên nước, đất bằng khác chi.
Sự biến hiện tùy nghi như thế
Làm vua cha xiết kể ngạc nhiên
Diệu Trang Nghiêm tâm tịnh yên
Mới là tin nhận Pháp truyền **Phật gia**.

Bấy giờ, Đức Vua cha hoan hỷ
Thấy con mình hiển thị thần thông
Niềm vui trọn cả tâm lòng
Bấy lâu tăm tối nay hồng sáng ra.
Vua chấp tay hỏi qua con thảo:
*“Thầy các con giáo đạo là ai?
Đệ tử của ai bày khai
Cho cha biết rõ lẽ Ngài Tôn Sư”*.

Hai người con vui tươi trong dạ
Liên thưa rằng: Vâng ạ Đại Vương!
Thầy con liễu đạo chân thường
Giáo chúng ba cõi, sáu đường tai ương
“Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí!”
Nay đương ngồi an vị Pháp tòa
Dưới cây Bồ Đề rộng xa

Bằng bảy thứ báu thật là nghiêm trang
Chúng Trời, người thế gian ứng nguyện
Pháp Hoa nghe thuyết diễn Kinh này
Đó là Thầy chúng con đây
Con là đệ tử **Phật** Ngài **Vân Lôì**.

Nghe hai con khúc nôi tường tận
Diệu Trang Nghiêâm ứng thuận phán rằng:
“*Vậy chúng ta sớm dời chân
Để mà ra mắt **Phật thân** cúng dường”*

Từ hư không vui mừng hớn hở
Hai Ngài đồng hiện ở đất liền
Đến chỗ **Tịnh Đức** mẹ hiền
Chấp tay thưa mẹ trọn nguyện ước mong.
“Phụ vương đã giác lòng tin hiểu
Có thể kham phát liễu đạo tâm
Vô Thượng cầu chứng diệu thâm
Vì cha **Phật sự** ân cần làm xong,
Mong mẹ vui bằng lòng chấp nhận
Cho hai con đều đặn xuất gia
Nương nơi chỗ Đức **Phật Đà**
Tu hành giải thoát Ta Bà đảo điên”.

Kệ thưa trình với mẹ hiền:
Cầu mong ơn mẹ rộng từ bi

*Cho các con đây sớm tục ly
Cắt ái xuất gia vào cửa **Phật**
Sa Môn hành đạo học Vô Vi
Như hoa Ưu-Bát ngàn năm nở
Gặp **Phật** khó hơn đâu dễ gì
Sanh tử đoạn lìa càng khó nữa
Cầu mong ơn mẹ rộng từ bi.*

Tâm hai con muốn xuất gia
Mẹ không ngăn cản dù là phân ly
Vì ngàn kiếp dễ gì gặp **Phật**
Lòng mẹ đây sự thật vui mừng. (lạy)

4. Bấy giờ, hai vị tạ ân
Đồng quì lễ lạy dưới chân song đường
Ôn cha mẹ tợ dường non bể
Phật đạo thành nguyện thệ đáp đền.

Lành thay cha mẹ! Đồng thuyền
Vân-Lôi-Âm Phật xin liền đến nơi.
Cúng dường lễ lạy xong rồi.
Vì sao? Gặp **Phật** trong đời khó khăn
Như hoa Linh-Thoại thoát trần
Cả đời khó thấy một lần nở hoa
Lại như rùa mất mù lò
Gặp bọng cây nổi làm nhà chui vô.

Trăm năm câu chuyện mơ hồ
Phước đời trước có điểm tô sâu dày,
Sanh ra gặp **Phật pháp** đây,
Cúi xin cha mẹ con nay khẩn cầu
Xuất gia tu học đạo mầu
Thời kỳ gần **Phật** khó âu vô cùng. (lay)

5. Lúc đó, nơi hậu cung triều nội
Đã có tám muôn bốn ngàn người
Thảy đều thọ trì Kinh thời
Pháp Hoa này đặng ngộ lời **Phật** khuyên.
Đức **Tịnh Nhân** hoàn viên **Bồ Tát**
Đã từ lâu thông đạt nhãn quang
Pháp Hoa tam muội (*) hàm tàng,
Tịnh-Tạng Bồ Tát vô vàn trải qua
Muôn ức kiếp cũng là thông đạt
Môn **Ly Chư Ác Thú** tam muội.
Vì muốn làm cho cõi đời
Chúng sanh lìa dữ vào nơi đường lành.
Phu nơnh vua đắc thành liễu pháp
Môn **Chư Phật Tập** tam muội này
Pháp tạng bí mật **Như Lai**
Bà hay biết đặng chẳng sai ý lời

(*) *Pháp hoa Tam Muội*: Xem phần Thích nghĩa.

Hai người con dùng nơi phương tiện
Khéo hóa độ lay chuyển vua cha
 Khiến tâm vua giác nhận ra
Mến mộ **Phật pháp** sâu xa tin nguyện. (lạy)

6. Bấy giờ, **Diệu Trang Nghiêâm** vui dạ
Cùng đi chung với cả quần thần,
 Có bà **Tịnh Đức** phu nhân
Hậu cung thể nữ quyến thân đông vầy
Và hai người con trai ngộ đạo,
Với bốn muôn hai ngàn người hầu
 Đồng đến chỗ **Phật** chí thành
Cung kính lễ lạy đi quanh ba vòng.

 Lúc đó, **Phật Vân-Lôi-Âm**
Vì vua nói Pháp chơn tâm chỉ bày
Được lợi ích hơn rày châu báu
Vua vui mừng thọ giáo lý chân.

 Bấy giờ, vua cùng phu nhân
Mở chuỗi đeo cổ châu trân của mình
 Giá trị bằng trăm nghìn ngân lượng
Đồng rải trên thân tướng **Phật** Ngài
 Chuỗi đó bỗng hóa báu đài
Bốn trụ đứng vững giữa rày hư không
 Trong đài có đủ giường báu lớn

Trải trăm nghìn muôn lượng Thiên y

Trên đó có **Phật** tọa trì

Phóng hào quang sáng diệu kỳ màu thay ! (lạy)

7. Vua nhìn thấy lòng đây kinh ngạc

Nghĩ rằng sao thân **Phật** tinh tường

Trang nghiêm tốt đẹp phi thường

Vi diệu bậc nhất mười phương khó bằng.

Bấy giờ, **Phật Vân-Lôi-Âm-Tú-**

Vương-Hoa-Trí bảo bốn chúng rằng:

“Các người thấy **Diệu Trang Nghiêm**

Chấp tay đứng trước **Ta** rày đó chẳng?

Vị vua này lòng trần đoạn dứt

Trong Pháp **Ta** làm bậc Tử Khưu

Siêng năng tu tập công phu

Trợ **Phật** đạo pháp phước sâu trí dày

Đặng thành **Phật** đương lai độ chúng

Hiệu danh là: “**Ta La Thọ Vương!**” (*)

Nước tên **Đại Quang** phú cường

Tên kiếp gọi **Đại Cao Vương** miên trường.

Phật Ta-La-Thọ-Vương nước đó

Có vô lượng **Bồ Tát** bốn nguyên

Vô số **Thanh Văn** Thánh hiền

(*) *Ta La Thọ Vương (Phật)*: Xem phần Thích nghĩa.

Công đức thành tựu vô biên khó lường”. (lạy)

8. **Diệu Trang Nghiêm** ngôi vương thoái vị

Giao quyền em cai trị quân thần

Rồi cùng **Tịnh Đức** phu nhân

Hai người con trưởng và thân quyến mình

Đồng xuất gia ly tình thoát tục

Nương **Phật pháp** một mực tu hành.

Qua tám muôn bốn ngàn năm

Thường siêng tinh tấn đạo tâm không rời

Kinh **Pháp Hoa** ngộ lời hiểu tận

Rốt sau Ngài chứng đặng pháp môn:

“**Nhứt Thiết Tịnh Công Đức Trang Nghiêm** tam muội”.

Lúc đó,

Dùng thần lực bay lên Không giới

Độ cao bằng bảy cây *Đa La*

Chắp tay bạch với **Phật Đà**:

“**Thế Tôn!** Ôn rộng hải hà bao la

Hai người con thấy cha duyên lự

Nên nguyện làm **Phật sự** hết mình

Để cha dứt sạch vô minh

Tâm tà phá giải diệt sinh không còn,

Mới dùng sức thần thông biến hóa

Để cha tin đạo cả siêu nhiên

An trụ **Phật pháp** vô biên
Đặng thấy **Tôn Phật** hiện tiền như nay.
Hai người con trên đây xứng bực
Vốn là Thiện Tri Thức đạo thành
Vì muốn phát khởi căn lành
Đời trước lợi ích chuyển sanh thân phàm
Vào làm con **Diệu Trang Nghiêm** vậy
Thật bây giờ mới thấy tận tường.

Lúc đó,

Đức **Vân-Lôi-Âm-Tú-Vương-
Hoa-Trí Phật** bảo **Diệu Trang Nghiêm** rằng:

“Đúng như thế! Nguyên nhân đã rõ
Như lời ông nói đó chẳng sai
Nếu có Thiện nam tử đây
Hay là Thiện nữ đời này, đời sau
Trồng cội lành gieo sâu phước đức
Đời đời gặp Thiện Tri Thức này
Vị Thiện Tri Thức thường hay
Làm việc **Phật sự** không nài gian nan
Chỉ dạy cho vô vàn lợi hưởng
Khiến đặng vào Vô Thượng giác viên.

Đại Vương nên biết căn nguyên!
Thiện Tri Thức đó nhân duyên rất nhiều

Luôn giáo hóa dất dìu nhờn vật
Làm cho đặng thấy **Phật** đương lai
Phát tâm Vô Thượng không hai
Chánh Đẳng Chánh Giác **Như Lai** mau thành.

Đại Vương! Có biết rành đạo vị
Hai người con Thiện Trí này chẳng?
Trải qua số kiếp vô ngần
Cúng dường chư **Phật** trăm ngàn ức muôn
Hằng Hà sa không phương tính đặng
Thường hầu gần các đấng **Như Lai**
Thọ trì kinh **Pháp Hoa** này
Chúng sanh tà kiến Ngài hay hết lòng
Giáo dạy cho trụ trong chánh kiến
Tâm bình đẳng năng nguyện bi thương”.

Bấy giờ, **Diệu Trang Nghiêm Vương**
Từ nơi Không giới đạo trường hiện thân
Liên chấp tay bạch rằng với **Phật**:
“Đấng **Thế Tôn!** Xứng bậc tán dương!
Công đức trí huệ phi thường,
Ba hai tướng tốt đường đường nghiêm trang,
Trên nhục kế đánh quang chói rõ,
Mắt Phụng Rồng xanh tợ đại dương,
Cặp lông mày trắng màu sương

Như ngọc **Kha Nguyệt** (*) tinh tường đẹp thay!
Răng trắng ngần thường hay tỏa sáng,
Môi sắc đỏ như trái **Tân Bà** (*)”.

Những lời khen ngợi **Phật Đà**
Vô lượng công đức thật là lành thay!
Ân của **Phật** không tày đáp trả,
Dạy chúng con đạo quả sinh tồn
Chưa từng có vậy **Thế Tôn!**
Pháp của Chư **Phật** phương môn chỉ rành
Khuyên răn chỗ tu hành chơn chánh
Khiến người người **Phật tánh** kiến tri
Vi diệu bất khả tư nghì
Con từ nay nguyện thiết thi thực hành
Chuyển tâm mình chẳng sanh lòng ác
Dứt đoạn lìa tà kiến, tham, sân,
Bao điều trình bạch tỏ phân
Vua đây lễ lạy dưới chân **Phật Đà**. (lạy)

9. Đức **Phật** liền nhìn qua đại chúng
Ý các ông trong bụng nghĩ sao?
Vua **Trang Nghiêm** đâu lạ nào
Hoa-Đức Bồ Tát trước sau là Ngài.

(*) **Kha Nguyệt (Ngọc)**: Xem phần Thích giảng.

(*) **Tân Bà (Quả)**: Xem phần Thích nghĩa.

Bà **Tịnh Đức** không ai xa lạ
Hiện đương ở trước cả chúng đây,
Đồng dự **Pháp Hoa** hội này,
Chính là:
“**Bồ Tát Quang Chiếu Trang Nghiêm Tướng!**”
Phật nói đến hai người con cả
Đã có công cảm hóa vua cha
Vì lòng thương xót quyến gia
Nên mới sinh trưởng vào nhà Đế Vương
Đó chính là **Dược Vương Bồ Tát**
Cùng **Dược Thượng Bồ Tát** hiện nay.

Dược Vương, Dược Thượng công dày
Thành tựu đạo quả lớn thay vô cùng
Đã ở chỗ trăm ngàn muôn ức
Các Đức **Phật** gắng sức tu trì
Đặng công đức bất tư nghì
Miễn bàn luận nghĩ khó thì tính ra
Nếu có người nghe qua danh hiệu
Của hai vị **Bồ Tát** này thời
Tất cả chư chúng hàng Trời
Nhân dân lễ lạy trong đời sùng tôn.

Lúc **Phật** nói Phẩm:

“**Diệu Trang Nghiêm Vương Bản Sự**”

Có tám muôn bốn ngàn người
Đoạn lìa trần lụy, cắt rời ái tham
Ở trong các pháp rộng hàm
Chứng **Pháp Nhãn Tịnh** (*) tục phàm lìa xa./.

- **Nam Mô Ta La Thọ Vương Phật.** (3 lần)
- **Nam Mô Dược Vương, Dược Thượng Bồ Tát.** (3 lần)
- **Nam Mô Quang Chiếu Trang Nghiêm Tướng Bồ Tát.** (3 lần)
- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)
- **Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)



(*) **Pháp Nhãn Tịnh**: Gọi đầy đủ: **Pháp Nhãn Thanh Tịnh**. Xem phần Thính nghĩa.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA (QUYỂN 7)



PHẨM “PHỔ HIỀN KHUYẾN PHÁT” (Thứ Hai Mười Tám)

1. Bảy giờ, Ngài **Phổ-Hiền Bồ Tát!**
Dùng sức thần thông đạt hiệu năng
Tự tại oai đức danh văn
Bất khả xưng số^(*) biện phân nghĩ bàn
Cùng vô biên các hàng **Bồ Tát**
Từ phương Đông an lạc vãng lai.
Các nước đi qua trải dài
Thấy đều rúng động mầu thay vô cùng
Hoa Sen báu xanh, hồng, trắng rải
Trối vô lượng kỹ nhạc nghìn muôn.

Lại cùng đại chúng khôn lường
Trời, Rồng, Thần, Quỷ hay là Dạ Xoa
Càn Thát Bà với A Tu La
Khẩn Na La, Ma Hầu La Đà
Nhơn, Phi Nhơn, Ca Lâu La

^(*) *Bất Khả Xưng Số*: Xem phần Thích nghĩa.

Vây quanh **Bồ Tát** thật là đầy đông
Đều hiện sức thần thông oai đức
Đồng quang lâm đến cõi Ta Bà
Kỳ Xà Quật hóa hiện ra
Đầu mặt lạy **Phật Thích-Ca** chí thành
Đi bảy vòng chân thân Đức **Phật**
Ngài **Phổ Hiền** trình bạch **Phật** rằng:
“**Thế Tôn!** Bạc Đại Thánh Nhân
Xưa nay con vẫn hầu gần Bốn Sư
Bảo-Oai-Đức-Thượng-Vương Phật quốc (*)
Dầu ở xa sự thật nghe qua
Ta Bà **Phật** thuyết **Pháp Hoa**
Nên cùng vô lượng Hằng sa trăm ngàn
Các đại chúng bậc hàng **Bồ Tát**
Đồng đến đây tín thọ muốn nghe
Cúi mong oai đức **Thế Tôn**
Vì chúng con nói Pháp môn Kinh này”.

Nếu Thiện nam hay là Thiện nữ!
Sau khi **Phật** diệt độ trần ai
Làm thế nào có thể đây
Pháp Hoa đặng ngộ, **Như Lai** giải bày. (lạy)

2. **Phật** bảo Ngài **Phổ-Hiền Bồ Tát!**

(*) *Bảo Oai Đức Thượng Vương Phật* : Xem phần Thích nghĩa.

“Nếu có Thiện nam, Thiện nữ nào

Thành tựu bốn pháp như sau:

Khi **Phật** diệt độ trần lao Ta Bà

- Một là, được **Phật Đà** hộ niệm;
- Hai là, trồng công đức cội lành;
- Ba là, chánh định viên thành;
- Bốn là, phát nguyện độ sanh nhân loài.

Thành tựu bốn pháp này kham nhẫn

Thì chắc chắn ngộ đặng Kinh này”. (lay)

3. Lúc đó, **Phổ-Hiền** Đức Ngài

Bạch cùng với **Phật** phát nay nguyện rằng:

Thế Tôn!

Năm trăm năm **Phật** đây diệt độ,

Đời ác trược khắp chỗ họa tai,

Có người thọ trì Kinh này

Con sẽ gia hộ tháng ngày bình yên.

Trừ các sự muộn phiền hoạn nạn,

Khiến không ai đặng tiện hại mà,

Hoặc ma, hoặc con trai ma,

Hoặc là con gái, hoặc là dân ma,

Hoặc người bị ma tà dựa xác,

Hoặc Dạ Xoa, La Sát, Bàn Trà,

Hoặc Kiết Giá, Phú Đơn Na,

Tỳ Xá Xà, **Vi Đà La** ^(*) .v.v...

Không cho được đến gần quấy phá
Làm hại người **Pháp Hoa** thọ trì.

Người đó hoặc đứng, hoặc đi
Luôn luôn an ổn, kinh nguy không còn.
Bấy giờ, con cười Tượng Vương trắng
Rất hùng dũng có dạng sáu ngà

Cùng chư **Bồ Tát** Ma Ha
Đến chỗ người đó hiện ra tướng hình
Để thủ hộ bên mình an ủi
Tâm người đây phấn khởi niềm tin
Và cúng dường **Pháp Hoa** Kinh
Thường thường bảo vệ giữ gìn ngày đêm.

Người đó nếu ngồi tìm nghĩa lý
Kinh **Pháp Hoa** suy nghĩ không ra
Con cười Tượng Vương sáu ngà
Đến trước người đó hiện ra chỉ bày,
Người đó nếu đọc sai kinh kệ
Quên một câu đại thể một bài
Con sẽ dạy người đó ngay
Chung cùng đọc tụng ngày ngày thuộc thông.

Người thọ trì **Pháp Hoa** kinh điển

^(*) *Vi Đà La (Quý)*: Tên gọi khác của *Tỳ-Đà-La quý*. Xem Thích nghĩa *Tỳ-Đà-La quý*.

Thấy thân con hóa hiện rõ ràng
Lòng vui mừng dạ hân hoan
Nên càng tinh tấn, lại càng nguyện sâu.
Do thấy con không lâu chứng đắc
Đặng Tam muội và pháp Tổng Trì
Tên là “*Triền Đà La Ni*”
Trăm nghìn muôn ức “*Triền Đà La Ni*”,
Đặng những môn Tổng Trì như thế
“*Pháp Âm Phương Tiện Đà La Ni*” (*). (lạy)

4. **Thế Tôn!** Đấng Đại Từ Bi!
Vì thương sanh chúng chứng tri thật lời.
Năm trăm năm sau đời ác trước,
Hàng Tỳ Kheo nam, nữ tục ly
Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di,
Người cầu tìm Pháp, người trì, chép biên,
Người đọc tụng chú chuyên qui nạp
Muốn tu tập kinh **Pháp Hoa** này
Thời trong hai mươi mốt ngày
Một lòng tinh tấn giới trai thường hành,
Ba tuần lễ qua nhanh mau chóng,
Con sẽ cưỡi Tượng trắng sáu ngà,
Vô lượng **Bồ Tát** Ma Ha

(*) *Pháp Âm Phương Tiện Đà La Ni*: Xem phần Thích nghĩa.

Đến chỗ người đó hợp hòa vây quanh.
Dùng thân mà chúng sanh ưa thấy
Hiện trước mặt người ấy chẳng sai.
Vì đó nói Pháp chỉ bày
Làm cho lợi ích lòng nay vui hòa.

Cũng lại cho **Đà La Ni Chú**
Đặng Chú này lợi đủ rất nhiều
Không có Phi nhưn, Quý yêu
Chẳng thể phá hoại làm điều hại thân,
Cũng không bị nữ nhân mê hoặc,
Con đích thân thường mật hộ trì.
Cúi mong bậc **Chánh Biến Tri**
Nghe con nói Chú **Đà La Ni** này
Liên ở trước **Như Lai Đức Phật**
Mà triển khai nói mật Chú rằng:

Phan âm:

**Andandê dandapati, dandavactani, dandacuxalê
dandaxuadari dari xudarapati, búđapasyáni
àrani, avatani, samvatani sãngaparisitê
sãnganigatani đacmaparisitê sãcvasátva
rutacôsalya nugatê simaviriditê.**

Hán âm:

“A đàn địa,

**Đàn đà bà địa,
Đàn đà bà đế,
Đàn đà cư xá lệ,
Đàn đà tu đà lệ,
Tu đà lệ,
Tu đà la bà đế,
Phật đà ba chiên nễ,
Tát bà đà la ni a bà đa ni,
Tát bà bà sa a bà đa ni,
Tu la bà đa ni,
Tăng già bà lý xoa ni,
Tăng già niết dà đà ni,
A tăng kỳ,
Tăng già bà dà địa,
Đế lệ a nọa tăng già đầu lược,
A la đế ba la đế,
Tát bà tăng già địa,
Tam ma địa dà lan địa,
Tát bà đạt mạ tu ba lợi sát đế,
Tát bà tát đỏa lâu đà kiêu xá lược,
A nâu đà địa,
Tân a tỳ cát lợi địa đế”.**

Thế Tôn! Đức Đại Thánh nhân!

Nếu có Bồ Tát đặng phần nghe qua
Câu Mật Chú **Đà La Ni** đó,
Phải biết là thần lực **Phổ Hiền**. (lạy)

5. Nếu Kinh **Pháp Hoa** lưu truyền
Ta Bà có được người chuyên thọ trì,
Thời nên nghĩ do vì oai đức
Của **Phổ Hiền** nguyện lực chuyển xây.

Nếu có người trong cõi này
Thọ trì, đọc tụng Kinh đây thường thường
Ghi nhớ lời chánh chơn **Phật** dạy
Hiểu nghĩa sâu giảng giải trong Kinh
Đúng như lời rồi thực hành
Người đó tu hạnh **Phổ Hiền** không sai
Gần ở các **Như Lai** vô lượng
Trông cội lành đức chưởng sâu dày
Được các Đức **Phật Như Lai**
Hết lòng khen ngợi lấy tay xoa đầu.
Nếu như người mặc dầu biên chép
Gần đến giờ sắp hết mạng chung
Sanh lên trời Đao Lợi cung
Hưởng phần phước báu vô cùng nhàn an.

Bấy giờ,
Có tám muôn bốn ngàn Thiên nữ

Các kỹ nhạc đồng trời tấu vang
Rước về nơi chốn Thiên đàng
Đội mào bảy báu nghiêm trang rõ ràng,
Ở trong chỗ cửa hàng thể nữ
Sự khoái lạc đủ thứ an bày.
Huống là thọ trì Kinh này
Đọc tụng ghi nhớ điều hay **Phật** truyền
Hiểu nghĩa thật phát nguyện lập hạnh
Lo tu hành chơn chánh từ nay.
Người đó khi lìa trần ai
Được nghìn Đức **Phật** trao tay dắt về
Khiến chẳng sợ hôn mê điên đảo
Không đọa vào ác đạo luân hồi
Liên lên **Đâu Suất** (*) cung Trời
Diện kiến **Di Lạc** sanh nơi chốn này
Hàng quyền thuộc đông vầy vô số
Có trăm ngàn muôn ức nữ Thiên,
Đức **Di Lạc** thân trang nghiêm
Ba hai tướng tốt ứng điềm **Như Lai**
Đại **Bồ Tát** các Ngài họp mặt
Vây quanh Đức **Di Lạc** cầu nguyện.
Công đức lợi ích việc trên

(*) **Đâu Suất (Thiên)**: Xem phần Thích nghĩa.

Vì vậy người trí phải nên một lòng
Tự biên chép khuyến mong người chép
Và thọ trì tụng niệm cần chuyên
Ghi nhớ chánh pháp **Phật** khuyến
Đúng như lời dạy năng siêng tu hành.

Bạch **Thế Tôn!** Con dùng thần lực
Quyết hộ trì gìn giữ Kinh này.

Sau khi Đức **Phật Như Lai**
Thế Tôn diệt độ đời này vắng xa.
Con nguyện làm **Pháp Hoa** lưu bố
Rộng khắp nơi chỗ chỗ, gia gia.
Diêm Phù Đề, cõi Ta Bà
Khiến chẳng dứt mất **Pháp Hoa Phật Đà.** (lạy)

6. Lúc bấy giờ, **Thích Ca Đức Phật**
Hết lòng khen chân thật ý nguyện.
Hay thay! Hay thay! **Phổ Hiền**
Làm điều lợi ích nhân duyên sâu dày.
Ông hỗ trợ Kinh này ban phát
Cho chúng sanh thấu đạt tu trì
Thành tựu bất khả tư nghì
Công đức như thế khó gì bì so,
Lòng từ bi chẳng đo lường đặng,
Từ lâu xa kham nhẫn phát tâm

Vô Thượng **Phật đạo** thậm thâm
Nên nay hành nguyện sức thần ra oai
Để giữ gìn Kinh này truyền tụng
Đời đời sau quyền dụng phổ thông.

Ta sẽ dùng sức thần thông
Gia hộ người mãi một lòng chú chuyên
Trì danh hiệu **Phổ-Hiền Bồ Tát**
Được trọn lành chứng đạt chánh tri.

Phổ Hiền! Nếu người thọ trì
Đọc tụng, biên chép, khắc ghi qui điều
Kinh **Pháp Hoa** sớm chiều tu tập,
Phải biết thời người đặng gặp **Ta**
Tận mắt thấy **Phật Thích-Ca**
Như từ miệng **Phật** nghe qua Kinh này.
Người đó giữ giới trai tụng niệm
Thời cúng dường Đức **Phật Thích-Ca**.

Lại được **Thế Tôn Phật Đà**
Ngài đây khen ngợi thật là lành thay!
Và lại được **Như Lai** ấn chứng
Dùng tay Ngài xoa lấy đỉnh đầu
Phải biết người đó phước sâu
Phật lấy y báu ngỏ hầu trùm cho.
Người như thế chẳng lo riêng lợi,

Tâm không còn móng khởi thích ham
Chẳng ưa xem sách tục phàm,
Không gần ngoại đạo việc làm ác gian,
Hoặc những người bán hàng thịt thú,
Hay là người trại chủ chăn nuôi;
Dê, gà, heo, chó lấy lời
Sống trên sanh mạng kiếp đời mỏng manh,
Hoặc những kẻ thợ săn làm trái,
Hoặc những người bán gái buôn hương,
Người đó tâm ý chánh chơn
Có lòng nghĩ nhớ yêu thương muôn loài.
Phước đức gieo sâu dày rộng lớn,
Nên Tam độc, nã chướng tiêu trừ,
Tánh ganh ghét đã dứt chừa,
Ngã mạn, tà kiến ngăn ngừa trước sau.
Tăng thượng mạn khó nào nào hại,
Bởi người đó nhẫn nại chí bền,
Ít muốn, biết đủ trọn nguyên
Có thể tu hạnh **Phổ Hiền** liễu viên. (lay)

7. Nay **Bồ Tát Phổ-Hiền** nghe rõ!
Khi **Thế Tôn** diệt độ cõi đời
Năm trăm năm sau có người
Thấy ai trì tụng Kinh thời **Pháp Hoa**
Phải nghĩ rằng không xa lâu nữa

Người này đây ngồi giữa đạo tràng
Các chúng Ma phá dẹp tan
Thành tựu vô lượng đạo vàng **Như Lai**.
Chuyển Pháp Luân hoằng khai **Phật pháp**,
Đánh *Pháp cổ* vang khắp Tam Thiên,
Thối *Pháp loa* chánh đạo truyền,
Rưới rải *Pháp vũ* độ yên Ta Bà.
Sẽ ngồi trên Pháp tòa Sư Tử
Trong đại chúng qui tụ Trời, người.

Phổ Hiền! Ông hãy ghi lời!
Đời sau nếu lại có người trì Kinh
Pháp Hoa này vẹn gìn qui túc
Chẳng còn ham y phục giường nằm
Những vật nuôi sống bản thân
Danh lợi tiền của không cần cầu mong.
Hiện thời vẫn thông dong tự tại,
Đặng phước báu biển thái khôn lường.
Nếu có người nào xem thường
Khinh chê ngạo báng tội dướng lớn lao.
Rằng: “*Ông này điên cuồng lắm vậy,*
Chuyên làm hạnh chẳng thấy ích thời”.
Tội báo như thế đời đời
Sanh ra không có con người thấy đường.
Nếu có người cúng dường khen ngợi

Ở trong đời phước lợi khó bì.

Nếu lại thấy người thọ trì
Tìm cách bày lỗi quấy thì nói ra
Hoặc sự thật, hoặc là chẳng thật
Người này đây bệnh tật thân mang
Bạch Lại (*) chứng hủ khổ than
Tóc mày rụng hết sần sùi tróc da.

Nếu khinh người **Pháp Hoa** trì tụng
Sẽ đời đời rằng nướu thiếu thừa,
Môi xấu, mũi lại xẹp thời,
Tay chân cong queo tướng người khó coi,
Thêm mắt lé, tanh hôi thân thể
Ghẻ nhọt lan máu mủ thúi dơ,
Bụng thủng, hơi ngấn, ngu ngơ
Bị chịu quả khổ ngày giờ không yên.

Cho nên Ngài **Phổ-Hiền Bồ Tát**
Nếu thấy người thọ trì Kinh này
Từ xa đứng dậy chấp tay
Như kính Đức **Phật** lòng nay ứng nguyện. (lạy)

8. **Phật** nói Phẩm **Phổ-Hiền Bồ Tát**
Vì chúng sanh khuyến phát rộng ra
Có vô biên Hằng Hà sa

(*) **Bạch Lại**: Xem phần Thích nghĩa.

Vô lượng **Bồ Tát** nghe qua Phẩm này
Đều chứng đắc trăm ngàn muôn ức
Môn Tổng Trì thần lực sâu xa

“Triền Đà La Ni” **Phật Đà**

Tam Thiên thế giới Hằng sa vi trần.

Đại **Bồ Tát** chánh chân liễu đạt

Đủ đạo hạnh **Bồ Tát Phổ-Hiền**.

Phật nói Kinh **Pháp Hoa** tuyên

Các vị **Bồ Tát, Phổ Hiền** .v.v...

Xá Lợi Phất, chúng **Thanh Văn**

Trời, Rồng, Bát Bộ, Nhơn và Phi Nhơn.

Tất cả đại chúng vui mừng

Vâng theo lời **Phật** nguyện ứng thọ trì

Pháp Hoa rộng độ phát huy

Cùng nhau lễ **Phật** Từ Bi vãng hồi. (lạy)

- **Nam Mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát.** (3 lần)
- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)
- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 7 (Hết)



1. **Diệu Âm** hạnh nguyện khắp Tam Thiên
Thành trước nên sau liễu bốn nguyên
Hoằng hóa Kinh này trong chốn chốn
Toàn nhờ tam muội Tổng Trì yên
Tà ma kinh sợ đều qui phục
Ngoại đạo theo hơi gió khiếp kiêng
Chánh Pháp chơn thường khai thị tánh
Dung thông muôn pháp thủy đồng viên.
2. **Pháp Hoa** hải hội rộng tinh tinh
Đức **Phật** từ bi giảng thuyết trình
Chín dụ giải rành đầy đủ ý
Ba Châu bày nói độ nhân sinh
Trùm bao hơn sáu muôn lời dạy
Bảy cuốn kết thành Đại Tạng Kinh
Xướng tụng lời vàng chơn thiệt nghĩa
Trời, người đại chúng một lòng tin.
3. Một câu thâm nhập định tâm thần
Đều giúp về Tây cõi **Phật** chân
Suy nghĩ chánh chơn tu tập mãi

Làm thuyền đưa rước giác tha nhân
Thấy nghe tùy hỷ như nhau cả
Chủ khách không còn chỗ biệt phân
Lấy bỏ vào tai hay thuận, nghịch
Trợn nhờn được thoát khỏi mê trần.

Xin nguyện ngày tôi giải thoát đây
Đắc thành Y báo, Chánh báo này
Thường tuyên rộng nói Kinh **Diệu Pháp**
Một cõi, một trần độ hết thay
Vì lợi chúng sanh muôn sự vật
Cúi mong Chư **Phật** chứng lòng nay
Thâm nhờ gia hộ cho tròn nguyện
Bồ Tát các hàng giúp trợ oai.

Thần thông mầu kính sức oai linh
Quán xét nơi nơi chưa nói Kinh
Vì chúng sanh cầu tâm khuyến thỉnh
Chỗ nào nói Pháp độ khương ninh
Đích thân thời cúng dường nơi đó
Một kệ, một câu cũng chứng minh
Một sắc, một hương, tăng tấn đạo
Bồ Đề trọn giữ vẹn niềm tin.

4. Trời, Thần, chúng Quỷ, A Tu La
Muốn đến nghe Kinh lễ **Phật Đà**

Ủng hộ Pháp mầu không thối thất
Siêng tu lời dạy Pháp **Liên Hoa**.

Tất cả người nghe phải hết lòng
Hoặc từ dưới đất hoặc hư không
Tâm thành thường tưởng đời khai hóa
Sáng tối tự mình nương Pháp trong.

Nguyện cầu an ổn khắp Ta Bà
Phước trí vô biên lợi giác tha
Tội chướng xưa nay tiêu sạch nghiệp
Xa lìa các lỗi, liễu Ma Ha.

Giới hương xoa vóc sáng tinh thần
Định phục hằng trì để giúp thân
Hoa Pháp Bồ Đề gieo khắp chốn
Tùy theo chỗ ở thường an thân.

- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)
- **Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)
- **Nam Mô Hộ Pháp Chư Tôn Bồ Tát.** (3 lần)

-Chung-

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH



Trí Vô Thượng thình thình rộng lớn
 Sáng trong ngần, chẳng bợn mảy trần,
 Lầu lầu một tánh Thiên chân
 Bao trùm muôn loại chẳng phân Thánh phàm,
 Chân tâm vốn lặng trang sáng suốt,
 Cõi bờ kia một bước đến ngay,
 Trọn lòng đầy đủ xưa nay,
 Công thành quả chứng tỏ bày đích đang,
 Hàng **Bồ Tát** danh **Quán Tự Tại**,
 Khi tham thiên vô ngại ngoài trong,
 Thẳng vào trí huệ mở thông,
 Soi thấy năm uẩn đều không có gì,
 Nên tất cả không chi khổ ách,
 Trong thức tâm hiện cảnh sắc ra,
 Sắc không chung ở một nhà,
 Không chẳng khác sắc, sắc nào khác không.
 Sắc tướng đây cũng đồng không tướng,
 Không tướng y như tướng sắc kia;
 Thọ, tưởng, hành, thức phân chia
 Cũng lại như vậy quy về chơn không

Bởi Thiệt tướng **Nhơn Ông** sẵn có,
 Các Pháp kia thấy rõ trống trơn,
 Chẳng sanh, chẳng diệt thường chơn,
 Chẳng thanh, chẳng trước, chẳng tăng, giảm nào.
 Do nghĩa đó trùm bao Tam giới,
 Sáng tột cùng không ngại, không ngăn,
 Vốn không ngũ uẩn ấm thân
 Sáu căn chẳng có, sáu trần cũng không,
 Thấy rỗng không ngoài trong Pháp giới,
 Biết hoàn toàn thấu tới Pháp không,
 Tánh không sáng suốt viên thông
 Vô minh chẳng có, huệ lòng sáng ra,
 Vẫn không có sanh, già, bệnh, tử,
 Nên chẳng còn gìn giữ chấp câu.
 Tứ Đế cũng chẳng có đâu,
 Chỉ là phương tiện khác nào lối đi.
 Vô Sở Đắc đoạn ly tất cả,
 Tánh Pháp kia đều xả Nhị nguyên
 Tịnh lòng trí huệ hiển nhiên,
 Bờ kia mau đến Tam Thiên ngại gì
 Vô quái ngại sợ chi não chướng,
 Tức xa lìa mộng tưởng đảo điên,
 Tâm chơn rốt ráo liễu viên
 Niết Bàn chứng đắc, chơn nguyên hoàn toàn.

Tam Thế Phật, y đàn **Bát Nhã**,
 Đáo Bồ Đề chứng quả chánh chơn,
 Cho hay **Bát Nhã** là hơn,
 Pháp môn tối thắng, cõi chơn mau về.
 Thiệt Thần Chú phá mê hiệu lực,
 Thiệt Thần Chú đúng mực quang minh,
 Ấy Chú tối thượng oai linh,
 Ấy Chú vô đẳng thình thình oai thần,
 Trừ tất cả nguyên nhân các khổ,
 Thức tỉnh lòng giác ngộ vô Sư
 Thiên nhiên chơn thiệt bất hư,
 Án lam Thần Chú chơn như thuyết rằng:
Yết đế, Yết đế, Ba la yết đế, Ba la tăng yết đế,
Bồ đề Tát bà ha. (3 lần)



VÃNG SANH QUYẾT ĐỊNH CHỚN NGÔN



Nam mô a di đà bà dạ,
Đa tha dà đa dạ, đa điệt dạ tha,
A di rị đô bà tỳ,
A di rị đa tất đam bà tỳ,
A di rị đa tỳ ca lan đế,
A di rị đa tỳ ca lan đa,
Dà di nị dà dà na,
Chỉ đa ca lệ Ta bà ha.



NGUYỆN VÃNG SANH



Con nay xin phát lòng lành
Quy y theo **Phật**, tử sanh chẳng màng
Cầu nguyện về cõi Lạc Bang
Nghiệp duyên trần thế trái oan không còn
Một đời tròn giữ sắt son

Thủy chung chặt dạ làm con **Di Đà**
 Lời thề Đức **Phật** sâu xa
 Nguyện tu để sớm thoát ra tam đồ
 Hạnh tin con quyết điểm tô
 Sớm chiều Lục Tự, Nam Mô thường hằng
 Mòn tiêu lỗi ý, khẩu, thân
 Không còn vọng móng lăng xăng sáu đường
 Thấu nơi các Pháp chơn thường
 Quy về giác tánh chẳng vương nhiễm trần
 Trong thì hàng phục lục căn
 Ngoài nường thế tục đoạn lằn sắc thính
 Bản thể soi chiếu quang minh
 Dụng chơn trí huệ, mê tình xua tan
 Mong cầu **Vô Lượng Thọ Quang**
 Nhiếp tâm thọ ký Tây Phương chóng vào
 Lời thề như một trước sau
 Dù cho biển cạn không xao xuyên lòng
 Sắc không, không sắc, sắc không
 Xưa nay **Phật**, Chúng vẫn đồng như nhau
 Đây đang **Tịnh Độ** nêu cao
 Tín tin như nhứt, nguyện vào An Cư .

• **Nam Mô A Di Đà Phật.** (3 lần)



VĂN LỄ TÁN TỤNG KINH

PHÁP HOA



Tán thán ngợi khen nguyện cúng dường
Tụng xưng danh hiệu **Phật** mười phương
Công lao độ chúng dày vô hạn
Đức hóa nhân sinh khó gạn lường
Diệu lý chân thuyên gồm bảy cuốn
Pháp thừa **Phật** thuyết rộng khai đường
Liên tâm đại chúng đồng viên ngộ
Hoa thoại trong đời nở ngát hương.

Diệu mầu sâu kín nghĩa uyên thâm
Pháp mật chỉ truyền vốn tại tâm
Liên tụ mười phương quy hải hội
Hoa Đàm hương tỏa triệu muôn năm
Phật khai thị tánh không phân biệt
Thừa đủ tiện phương dứt nghĩ lầm
Vô lượng Hằng sa **Bồ Tát** khái
Thượng tôn diệu Pháp tối quyền thâm.

1. **Phẩm Tựa** mở đầu Kinh **Pháp Hoa**
Thế Tôn hiện tướng phóng quang ra
 Phương Đông chiếu khắp vô cùng tận
 Địa ngục A Tỳ chiếu sáng lò
Di Lạc chỗ nghỉ vì đại chúng
Văn Thù thấu biết giải trình qua
 Thuở xưa có Đức **Đấng Minh Phật**
 Hóa độ muôn loài giảng **Pháp Hoa**.

2. **Phương Tiện** độ sanh đốn, tiệm quyền,
 Nào là **Thí Dụ** rộng nhân duyên,
Khế Kinh, Cô Khởi, Vị Tăng Hữu,
Bốn Sự tùy nghi giáo pháp truyền,
Trùng Tụng, Bốn Sanh hay **Luận Nghị,**
 Kết thành chín bộ **Phật** bày tuyên
 Đại Thừa sau rốt không phân lập
 Vô Thượng tối cao vốn bốn nguyên.

3. Ví như Trưởng giả nọ giàu sang
 Nhà cửa lâu đời nọ bỏ hoang,
 Con của ông đây không rõ thấu
 Đại khờ đùa giỡn chạy nghinh ngang

Kèo xiêu, gỗ mục, thêm muôn thú
 Nền móng sụp dần lửa cháy lan
 Muốn cứu con mình nên dựng chước
 Không hề mắc lỗi chỗ nghi nan.

4. **Tín Giải** phân rành quyền thứ hai
 Có người làm mướn để sinh nhai
 Bôn ba khắp xứ thân lưu lạc
 Tần tảo khốn cùng chẳng đổi thay
 Nào biết cha mình giàu tốt bực
 Đâu tưởng trông đợi tháng năm dài
Như Lai cũng vậy thương sanh chúng
 Bủa đức ân lành chánh Pháp khai.
5. **Dược Thảo Du** đây **Phật** dạy rành
 Luôn thuần một vị giọt mưa lành
 Cỏ, cây lớn nhỏ đều nhuần đượm
 Cội gốc tốt tươi lẫn nhánh cành
 Đức **Phật** thương trần luôn diệu dụng
 Đại Thừa ban rải độ quần sanh
 Tùy theo căn tánh dày hay mỏng
 Giáo hóa làm cho **Phật đạo** thành.

6. **Ma Ha Ca-Diếp** đại nhân duyên
Được Đức **Thế Tôn Thọ Ký** truyền
Phật quả sau vào ngôi **Đẳng Giác**
Quang minh Tôn Thánh pháp trùng tuyên
Độ đời lập nguyện vì sanh chúng
Cứu thế thệ hoằng chẳng giảm thuyên
Chứng đắc **Như Lai** thành **Phật đạo**
Tu Bồ Đề với **Mục Kiên Liên**.
7. Đường dài hiểm trở muốn tâm châu
Cực nhọc gian lao chịu dãi dầu
Lười mỗi nản lòng không đến chốn
Đạo Sư quyền biến hóa thành lâu
Tạm dừng chừa nghỉ trong giây phút
Mục đích tâm châu chẳng ở lâu
Duyên Giác, Thanh Văn bày quả Thánh
Niết Bàn Chư **Phật** chứng cao sâu.
8. Năm trăm đệ tử Đức **Như Lai**
Thành **Phật Phổ-Minh** một hiệu bày
Tuần tự thẳng vào Vô Thượng Đạo
Lần lần Chánh Giác quả không sai

Kẻ nghèo được bạn ban châu báu
 Cùng khổ chẳng hay biết dụng xài
 Ôm chấp Tiểu Thừa cho diệt độ
 Chẳng cầu Như Thích Trí **Như Lai**.

9. Hai ngàn Vô hữu bậc Thanh Văn
 Được Đức **Thế Tôn** chứng quả phần
 Thọ ký ngày sau thành **Phật** hiệu
 Pháp danh **Bửu Tướng** đức vô ngân
 Đời đời độ chúng tâm bi nguyện
 Kiếp kiếp giác trần cứu thế nhân
 Ba cõi mười phương đều tán thán
 Nghe danh cảm thọ đức hồng ân.
10. **Như Lai** diệt độ cõi Ta Bà
 Nếu có người nào nghe **Pháp Hoa**
 Nhẫn đến một câu hay một niệm
 Hoặc là bày kệ hiểu sâu xa
 Thọ trì, đọc tụng cùng biên chép
 Thích nghĩa phân rành giải nói ra
 Cung kính Kinh này như Đức **Phật**
 Về sau **Phật đạo** đắc như **Ta**.

11. **Đa-Bảo Như Lai** hiện tháp tòa
 Vì nghe **Phật Thích** thuyết **Liên Hoa**
 Lành thay! Tôn Thánh còn như thế
 Hà hưởng chi người sớm bỏ qua
 Một kiếp tu hành sanh tử đoạn
 Ngàn đời cứu độ khách Ta Bà
Pháp Hoa diệu dụng năng trừ khổ
 Việc khó trên đời tự giác tha.
12. Quá khứ **Thế Tôn** cầu **Pháp Hoa**
 Siêng làm bố thí hạnh sâu xa
 Chẳng màng tiếc đến thân sanh tử
 Nào nghĩ Vương quyền nợ quốc gia
 Đánh trống bốn phương rền các cõi
 Lệnh truyền huấn thị được ban ra
 Đại Thừa **Phật pháp** ai khai thuyết
 Hầu hạ trọn đời hiến mạng ta.
13. **Bồ Tát** Hằng sa nguyện thọ trì
 Dầu cho đời khổ có gian nguy
 Những Tăng luyện nhĩ thường bày báng
 Hoặc kẻ vô tâm chẳng thấu tri
 Tìm cách mưu toan hay nã loạn

Kế gian sát hại để phân ly
 Nhớ lời **Phật** dạy tâm kiên định
 Nhẫn nhục từ bi nguyện khắc ghi.

14. **Hành Xứ** trụ yên tâm vững vàng
 Lòng không vụt chạc nhĩn hòa an
 Chẳng hề kinh sợ loài Ma đạo
 Đối với **Pháp Không** biết rõ ràng
 Quán tưởng thật chơn trong các Pháp
 Biệt phân vọng chấp chớ ôm mang
 Vì danh **Thân Cận** gần vua chúa
An Lạc Hạnh đây chứng vẹn toàn.
15. **Tùng** nương **Phật pháp** thưở lâu xa
Địa chắc dày sâu khó tính ra
Dũng trí thần thông oai đức lớn
Xuất bày thật tướng khắp Hằng sa
Thọ vâng lời **Phật** đồng Câu Hội
Trì hiện trang nghiêm lễ **Thích Ca**
Pháp tạng giữ gìn không để mất
Hoa mầu nở mãi cõi Ta Bà.

16. **Như Lai** Thọ Lượng kiếp khôn lường
 Từ thuở **Nhiên-Đăng Phật pháp** nương
 Diệt độ thật ra đâu diệt độ
 Niết Bàn tạm gọi chỉ môn phương
Thế Tôn nếu trụ dài lâu kiếp
 Sanh chúng chán nhàm chẳng nhớ thương
 Ý tưởng buông lung tâm cầu thả
 Không cầu **Phật đạo** dứt sâu vương.
17. Phân biệt đức công khó giải bày
 Người nào nghe Thọ Lượng **Như Lai**
 Hiểu sâu ý thú nơi ngôn ngữ
 Tưởng tận rõ ràng chẳng vọng sai
 Công đức đặng nhiều vô hạn lượng
 Trí mầu Vô Thượng quả không hai
 Huống là khuyến bảo người trì tụng
 Biên chép cúng dường diệu Pháp đây.
18. Tùy duyên truyền đạt **Pháp Hoa** Kinh
 Hỷ lạc vui mừng nguyện kính tin
 Công lớn không gì so sánh đặng
 Đức lành cao cả trí quang minh
 Khuyến trong cha mẹ hay thân hữu

Người thứ năm mươi kế tục gìn
 Giác nhận tán thành theo ý thuận
 Ngộ tri tứ cú kệ mâu linh.

19. Nam nữ thọ trì Kinh **Pháp Hoa**

Lục căn thanh tịnh đức sâu xa
 Đặng nghe khắp cõi trong Tam giới
 Đủ tiếng thính âm vọng phát ra
 Trên đến cung trời cao **Hữu Đảnh**
 Dưới A Tỳ ngục khổ rên la
 Thấu tri các Pháp không sai sót
 Đạt nghĩa liễu Kinh bốn **Pháp Hoa**.

20. Hạnh quả hiệu danh **Thường Bất Khinh**

Hết lòng cung kính lễ Tăng Sinh
 Quý ngài chắc chắn sau thành **Phật**
 Vô Thượng Bồ Đề đạt tối linh
 Dầu bị đui xô hay trách mắng
 Chúng nơn đánh đập chẳng thương tình
 Mạng chung sắp hết ông nghe thấu
 Kệ tạng **Pháp Hoa** muôn ức nghìn.

21. **Như Lai** thần lực rất vô biên
 Tướng lưỡi dài ra khắp Đại Thiên
 Vô lượng Hằng Hà tia sáng tỏa
 Trăm nghìn năm mới đặng hoàn nguyên
Thế Tôn tăng hắng mười phương động
 Đức **Phật** móng tay khảy khắp miền
Bồ Tát, Thanh Văn đồng thọ nhận
 Trời, người trì tụng **Pháp Hoa Liên**.
22. **Thiện Thệ** ba phen xoa đảnh đầu
 Vô vàn **Bồ Tát** đạo cao sâu
Như Lai ký thác xin giao phó
 Đức **Phật** hằng mong sớm lãnh hầu
 Truyền dạy **Pháp Hoa** trong chốn chốn
 Thọ trì kinh điển khắp đâu đâu
 Làm cho muôn loại đều nghe biết
 Lợi ích chúng sanh chỗ diệu mầu.
23. **Dược-Vương Bản Sự** khó ai bằng
 Vì Pháp cúng dường để báo ân
 Uống các chất thơm cây thuốc quý
 Tắm mình dầu lạ một nghìn năm

Y Thiên quán lấy nơi kim thể
 Tự nguyện sức thần để đốt thân
 Ánh sáng khắp soi cùng thế giới
 Là thay! Chư **Phật** thấy khen rằng.

24. **Bồ Tát Diệu-Âm** quảng đại nguyện
 Tổng Trì tam muội đặc vô biên
 Ta Bà lễ bái **Như Lai Phật**
 Linh Thấu viếng thăm bậc trí hiền
 Hóa vạn hoa Sen vàng sáng rực
 Hiện thân bền chắc Na-la-diên
 Độ đời sau trước không thay đổi
 Ứng hiện tùy duyên **Phật pháp** truyền.

25. Hoằng thệ độ trần **Quán Thế Âm!**
 Làm cho ngoại đạo, Quỷ, Thần khâm
 Đạo chơi ba cõi không ngăn ngại
 Lên xuống sáu đường cứu họa lâm
 Ứng hiện hóa thân vô số kể
 Nhiệm mầu thần lực rất cao thâm
 Chúng sanh thường niệm, thường chiêm ngưỡng
 Thoát khỏi nạn tai chứng huệ tâm.

26. **Đà La Ni** Chú được truyền ban
 Ủng hộ người trì **Diệu Pháp** an
Đông Thí, Dược Vương đồng thệ nguyện,
Tỳ Sa Môn vị hộ trần gian,
Dạ Xoa Cao Đế đều ưng thuận,
Trì Quốc Thiên Vương cũng bảo toàn,
 Thâm độ Pháp Sư không thối thất
 Dứt trừ Ma chướng nghiệp tiêu tan.
27. Vua **Diệu Trang Nghiêm** thoát tục trần
 Cùng bà **Tịnh Đức** đáng phu nhân
 Ly gia cắt ái qui y **Phật**
 Lìa bỏ Vương triều dứt ái ân
Tạng, Nhãn hai con oai lực lớn
 Thần thông phước huệ chẳng ai bằng
 Độ cha quyền dụng nhiều thần biến
 Sanh trưởng nhà vua hiện hóa thân.
28. **Phổ Hiền** khuyến phát **Pháp Hoa** Kinh
 Truyền mật Chú khai vốn tối linh
 Người đọc, thọ trì hay ấn tống
 Kẻ đây tu tập giới răn mình

Ba tuần lễ nhớ tâm tinh tấn
Hai một ngày nên chường đức tin
Bồ Tát hiện thân thường trước mặt
Dạy người trì tụng đúng chơn Kinh.

- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)
- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)



Cư Sĩ Thanh Lam

TÁN THÁN CÔNG ĐỨC PHẬT



Tây Phương trông đợi, mãi xòe tay
 Dõi mắt nhìn theo khắp bốn loài
Thế Chí đại hùng, quy thú dữ
Quán Âm thị hiện, cứu nạn tai
 Tòa Sen Cửu phẩm, lung linh tỏa
 Bát Đức diệu huyền, chẳng có hai
 Đệ nhất **Di Đà**, ai dám sánh
 Bốn mươi tám nguyện, độ trần ai .

Đấng Pháp Vương Cha lành bốn loại
 Thầy Trời, người hết thảy chúng sanh
 Con nay qui mạng tu hành
 Trái lòng tín nguyện tâm thành như như
 Luôn tán thán **Bổn Sư** Từ Phụ
 Độ cho con hội đủ căn lành
 Diệt trừ nghiệp ý vọng sanh
 Xa rời Tam giới viên thành quả tu.

• **Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại
 Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật.** (3 lần)

PHỤC NGUYỆN



Nhân ngày hiện tiền Đệ Tử chúng đấng chí thành thiết lễ cúng dường Chư **Phật, Bồ Tát, Thánh Chúng** trì tụng Kinh **Diệu Pháp Liên Hoa**.

Xin hồi hướng công đức này đến **Cửu Huyền Thất Tổ**, ông bà, cha mẹ, lục thân quyến thuộc trong nhiều đời kiếp hoặc hiện kiếp đã quá vãng cùng chư hương linh trong mười phương nhờ ơn Chư **Phật** phóng quang tiếp độ các thức thân thoát chốn mê đồ vãng sanh **Cực Lạc**.

Đồng cầu nguyện hồi hướng công đức kỳ an **Phật tử** (hoặc cha mẹ, ông bà ...) chư tai tiêu ách, nghiệp chướng dứt trừ, thân an thọ hưởng, xa rời bất nạn, tu hạnh trong sạch.

Ngưỡng mong Đức **Bi Tôn** nhủ lòng lương mẫn, ban bố Pháp mầu thành tựu tu học, lợi ích quần sanh, **Long Hoa Tam Hội** diện kiến **Từ Tôn**, nghe rõ Pháp lành, đoạn lìa sanh tử.

- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.**
- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.**

- **Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, Đại Từ, Đại Bi A Di Đà Phật.**
- **Nam Mô Long Hoa Giáo Chủ Đương Lai Hạ Sanh Di Lạc Tôn Phật.**
- **Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát.**
- **Nam Mô Đại Thế Chí Bồ Tát.**
- **Nam Mô Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.**
- **Nam Mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát.**
- **Nam Mô Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát.**
- **Nam Mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.**



HỒI HƯƠNG



Con xin hồi hương đức công
Cửu Huyền Thất Tổ thoát vòng trầm luân
 Vây Lạc Quốc pháp thân an hưởng
 Chốn **Liên Hoa** đức chưởng cao dày
 Mẹ Cha hiện thế ngày ngày
 Thọ hành Lục Tự nần tai không còn
 Sống thiện phúc mót bồn công quả
 Thác đồng cư thai hoá Sen vàng
 Dự ngôi **Bất Thối Từ Hàng**
 Xứng danh **Bồ Tát** đạo tràng trang nghiêm
 Cầu bốn loại giác tìm **Tịnh Độ**
 Sớm xa lìa nạn khổ thế gian
 Nướng vào ánh sáng hào quang
Di Đà oai lực chẳng bàn ngại nghi
 Mười phương nhiếp thọ trì tâm lực
Vô Lượng Thọ uy đức khôn bì
 Vững lòng như đá tu trì
 Trọn đời chánh niệm giác quy Liên đài
 Niềm tin giữ không thay đổi nguyện
 Hạnh tròn gìn tâm tiến chẳng phai

Mong rằng bá tánh đời nay
Phát tâm dũng mãnh giới trai thuần lòng
Niệm **Phật** đắc **Nhơn Ông** tự tánh
Chỉ một đời cứu cánh Niết Bàn
Hướng về nơi cõi Lạc Bang
A Di thọ nhiếp đồng vang niệm cầu.

• **Nam Mô A Di Đà Phật.** (3 lần)



TAM QUY Y



Tự qui y **Phật**: Lấy tâm làm chủ
 Phá não phiền hội đủ kế cơ
 Nương theo tâm **Định** phụng thờ
 Huệ lòng khai mở sang bờ giác ngan.



Tự qui y **Pháp**: Dụng trí làm đầu
 Trí là vô thượng nhiệm mầu cao siêu
 Nương Trí **Huệ** thấu điều **Phật** dạy
 Rành lý chơn diển giải rõ ràng.



Tự qui y **Tăng**: Lấy thân tịnh **Giới**
 Luôn luôn làm ích lợi chúng sinh
 Tự mình kiểm soát lấy mình
 Xa rời thế tục quang minh Tăng Già.

- **Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.** (3 lần)
- **Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát.** (3 lần)



THÍCH NGHĨA



- Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm (Viết tắt là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh):

• **Kinh:** Pháp thường, mười phương ba đời các đức **Phật** đều nói như vậy. Nói đủ là "Khế Kinh" nghĩa là "Pháp thường khế hiệp chân lý cùng khế hiệp căn cơ chúng sanh".

• **Diệu-Pháp Liên-Hoa:** Pháp mầu khó nghĩ lường, thắng hơn tất cả pháp. Kinh pháp này là bất nhất trong kinh pháp khác của **Phật** nói, dụ như hoa Sen, vì hoa Sen sánh với hoa khác có 5 điều đặc biệt:

1. Có hoa là có gương: nhân quả đồng thời.
2. Mọc trong bùn lầy mà vẫn trong sạch thơm tho.
3. Cọng hoa từ gốc tách riêng nhưng không chung cành với lá.
4. Ong và bướm không bu đậu.
5. Không bị người dùng làm trang điểm (xưa đàn bà Ấn-Độ quen dùng hoa kết thành tràng để đeo đội .v.v...).

• **Diệu Pháp Liên Hoa Kinh:** Nội dung chủ yếu là khai thị cho chúng sinh ngộ nhập Phật tri kiến, tức đề xướng thuyết Tam thừa quy Nhất Phật thừa, với tư tưởng tất cả chúng sanh đều có thể thành Phật. Kinh này dung hòa kiến giải Tiểu thừa và Đại thừa, dùng nhiều phương tiện để hiển bày giáo pháp vi diệu của Đức Phật.

Kinh này có đủ 12 thể loại như: Trường Hàng, Trùng Tụng, Cô Khởi, Thí Dụ, Nhân Duyên, Tự Thuyết, Bản Sinh, Bản Sự, Vị Tăng Hữu, Phương Đẳng, Luận Nghị và Ký Biệt.



A

* **A-Ba-Đà-Na kinh** : Phạn: *Avadāna*. Hán dịch: *Thí dụ, Xuất diệu, Giải ngữ*. Gọi tắt: *Bà-Đà*.

- *A-Ba-Đà-Na kinh* là thể loại kinh dùng phương pháp thí dụ, ngụ ngôn để nói về giáo nghĩa cực kỳ sâu xa mâu nhiệm; 1 trong 12 thể loại kinh.

* **A Dật Đa**: Phạn âm: *Ajita*. Ngài A dật Đa, gọi tắt là A dật, dịch là Vô Năng Thắng (không ai thắng được), đó là tên tự của đức Di Lặc Bồ Tát (*Mai-treya Bouddhisattwa*). Ngài A Dật Đa Bồ Tát có dự nghe Phật giảng kinh A Di Đà và hầu hết các kinh điển Đại Thừa.

Trong các pháp hội, mỗi khi phán với A Dật Đa thì Phật gọi bằng tên tự A Dật Đa (Vô Năng Thắng), có nhiều khi cũng gọi bằng tên Di Lặc (dịch nghĩa: Từ Thị, tức ông họ Từ, có lòng từ bi vô lượng).

Ngài A Dật Đa sẽ ra đời làm Phật kế tiếp đức Thích Tôn.

* **A Di Đà (Phật)**: Phạn âm: *Amitabhā*.

Hán dịch: **Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Quang Phật, Tây Phật**.

Theo lời đức Phật Thích Ca giảng trong quyển *A Di Đà Kinh*, thì cõi của Phật A Di Đà nằm về phương Tây cách cõi Ta bà là mười vạn ức cõi Phật. Cõi của Ngài gọi là Cực Lạc quốc *Soukhavati*.

Thật là một cõi đầy đủ các công đức trang nghiêm, nhà đất cây cối thủy đều là bửu châu. Lại có tiếng chim ca ngâm những bài thuyết pháp cho người ta nghe.

Đức Phật A Di Đà hào quang sáng suốt vô lượng, chiếu tới các cõi ở Thập phương mà không bị món gì che ngăn. Vì vậy nên người ta gọi Ngài là Phật A Di Đà (tức là Vô Lượng Quang Phật). Và chính là đời sống của Ngài với đời sống của chư Phật chư Thánh trong nước của Ngài dài đặc vô lượng, vô biên, dài đến cả triệu ức Kiếp, nên người ta mới gọi Ngài là Phật A Di Đà (tức là Vô Lượng Thọ Phật).

Ai muốn sanh về nước Cực Lạc của Ngài thì nên phát tâm mà trì niệm danh Ngài không xao lãng, dầu cho một ngày trở đi, thì khi thác cũng được Ngài với chư Thánh, chư Bồ Tát hiện lại mà rước về cõi Cực lạc.

Khi thuyết đến thời *kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, đức Phật Thích Ca có cho biết rằng, thuở xưa Ngài với Đức A Di Đà và mười bốn vị Phật khác hiện nay ở trong mười sáu cõi là mười sáu người con ruột của đức Phật

Đại Thông Trí Thắng (Mahâbhidjñâdjñânabhibbu) hồi đức Phật này còn làm thái tử, chưa đi xuất gia. Đến chừng đức Đại Thông Trí Thắng thành Phật thì 16 vị Vương tử ấy xuất gia, theo cha mà thọ trì và thành ra 16 vị Sa di Bồ Tát, được đức Đại Thông Trí Thắng truyền quả Phật cho. Tất cả đều thành Phật. Phương Đông: Phật A Súc và Phật Tu di Đảnh; Phương Đông Nam: Phật Sư Tử Âm và Phật Sư Tử Tướng; Phương Nam: Phật Hư Không Trụ và Phật Thường Diệt; Phương Tây Nam: Phật Đế Tướng và Phật Phạm Tướng; Phương Tây: Phật A Di Đà và Phật Độ Nhứt Thiết Thế Gian; Phương Tây Bắc: Phật Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Thần Thông và Phật Tu Di Tướng; Phương Bắc: Phật Vân Tự Tại Vô Úy và Phật Vân Tự Tại Vương; Phương Đông bắc có Phật Hoại Nhứt Thiết Thế Gian Bồ Úy và cõi Ta bà là Phật Thích Ca Mâu Ni.

Hoa sen tiêu biểu cho công đức của đức Phật A Di Đà, đức A Di Đà giáng xuống cõi thế đầy ô trược phiền não, ấy cũng như hoa sen mọc lên từ dưới bùn lầy.

Về sau này, sự niệm tưởng đức Phật A Di Đà rất thanh hành, Tịnh độ Tông là Tông phái của những nhà tu trì tin đức Phật A Di Đà và nguyện về cõi Cực Lạc thế giới của ngài. Muốn tiện bề tu học theo Tịnh độ Tông thì nên thọ trì ba bộ kinh này: *A Di Đà Kinh*, *Vô lượng Thọ kinh*, *Quán Vô lượng Thọ Kinh*.

Đức Phật A Di Đà thường hiện thân đi tiếp dẫn chúng sanh có duyên tu niệm, có hai vị Bồ Tát châu hai bên. Người ta gọi là A Di Đà Tam Tôn. Chính ở cõi Cực Lạc cũng thường có hai vị Bồ Tát châu theo Ngài: Tả Tôn là Quán Thế Âm Bồ Tát, Hữu Tôn là Đại Thế Chí Bồ Tát. Người tu Tịnh Độ Tông thường thờ tượng A Di Đà Tam Tôn.

Phái Mật Tông cũng có thờ Phật A Di Đà mà họ xưng là Cam Lộ Vương, chú của Phật A Di Đà, họ gọi là Cam Lộ chú, Cam Lộ minh.

* **A ĐỀ MỤC ĐA CA (Hoa)**: Phạn âm: *Atimuktaka*. Hán dịch: *Long thỉ hoa*, *Cự đằng*. Còn gọi: *A-địa-mục-đắc-ca hoa*. Tên khoa học: *Gaertra racemosa*.

Hoa của một loại dây leo, cánh hoa màu trắng hoặc đỏ, rất thơm, hạt có thể nấu lấy tinh chất làm dầu thơm.

* **A La Hán** : Gọi tắt: **La-Hán**. Danh vị cao nhất của Tiểu thừa đã giác ngộ. Có 3 nghĩa: **1**. Sát tặc: giết giặc phiền não; **2**. Ứng Cúng: xứng đáng được nhận sự cúng dường của trời và người; **3**. Bất sinh: mãi mãi vào Niết Bàn, không phải chịu quả báo sống chết lần thứ hai. Đắc quả A-La-

Hán thì có đủ 6 phép huyền diệu. Các bậc Bồ Tát khi giảng sinh xuống cõi trần vẫn phải thiền định lại mới đắc quả A-La-Hán. Bậc A-La-Hán đã thoát khỏi phiền não, được tự do tự tại, hoàn mỹ về mặt đạo lý, làm chủ được tư tưởng của mình, biết hết tất cả.

* **A Lan Nhã**: Phạn âm: *Aranya*. Hán dịch là: *Sơn lâm, Hoang dã, Viễn ly xứ, Tịch tĩnh xứ, Tối nhàn xứ, Vô tránh xứ*. Tên gọi khác là: *A-luyện-như, A-luyện-nhã, A-lan-na, A-lan-nhưỡng, A-lan-noa*. Tên gọi tắt là: *Lan-nhã, Luyện-nhã*.

Đó là nơi tĩnh mịch thích hợp với người tu hành, tức nơi vắng vẻ cách làng xóm khoảng 2,5 km. Theo Huệ Uyển Âm Nghĩa, thượng, có 3 loại A-lan-nhã:

1. *Đạt-ma A-lan-nhã* (Phạn: *Dharma-āraṇya*), là đạo tràng tu cầu Bồ-đề.
2. *Ma-dăng-già A-lan-nhã* (Phạn: *Mātanga-āraṇya*), là gò mả hoặc chỗ cách xa làng xóm 2,5 km, nơi không thể nghe tiếng rống của con bò lớn.
3. *Đàn-dà-già A-lan-nhã* (Phạn: *Dandaka-āraṇya*), là cồn cát không có người un khói.

Đến đời sau, tất cả Tự viện, Tịnh xá cũng gọi là A-lan-nhã, vì phần nhiều các nơi đó đều tọa lạc ở đồng ruộng, vùng ngoại ô vắng vẻ, cách xa thành thị ồn náo, lại tiện cho người xuất gia, tại gia lui tới. Ngoài ra, Tỳ kheo chọn hành đạo A-lan-nhã thì gọi là A-lan-nhã hạnh, thuộc về 1 trong 12 hạnh Đầu-đà. Còn nơi cư trú của người tu hành, gọi là A-lan-nhã-ca.

* **A Na Bà Đạt Đa (Long Vương)**: Một vị vua loài rồng (Nâga), cung điện ở dưới biển cả. Hồi Phật sắp diễn kinh Diệu Pháp Liên Hoa, A-na-bà-đạt-đa Long vương với bảy vị Long vương khác, mỗi vị đều có đất theo rất nhiều quyến thuộc, hiện đến dự nghe Phật thuyết pháp.

* **A-Nan**: *Ānanda* (Người) gọi đầy đủ là *A-Nan-Đà*. Dịch là *Hoan Hỷ, Khánh Hỷ*. Ngài là con vua Học Phạn, em ngài Đề-Bà-Đạt-Đa, em thúc bá của đức Phật Thích-Ca, là một trong 10 đại đệ tử. Ngài sinh vào đêm Phật thành đạo, xuất gia năm 25 tuổi. Lúc đó, đức Phật đã thọ được 55 tuổi. Ngài A-Nan được vinh dự theo hầu bên đức Phật suốt 25 năm liền. Nhờ vậy, ngài đã được thụ trì tất cả Phật pháp. Trong Hội kết tập lần thứ nhất, chính ngài A-Nan là người soạn ra Tạng kinh do Phật thuyết. Sau khi Tổ Ca-Diếp tịch, Ngài A-Nan lên làm tổ đời thứ hai. Ngài tịch giữa dòng sông Hằng và xá-lị của ngài được phân ra để thờ ở Tỳ-xá-ly

(Vaisâli) và Hoa thị (Patalipu-tra). Đức Phật có thụ ký cho A-Nan và phán rằng về sau sẽ thành Phật hiệu là Sơn Hải Tự Tại Thông Vương (Sâga-ravara-dhara-buddhi-vikridi-tâbhid-jina), cõi thế giới của Đức Phật này tên là Thường Lập Thắng Phan (Anavanâmi-tavaid yanta). Kiếp của Đức Phật này tên là Diệu Âm Biến Mãn (manô-djinaca-bdâbhi-gardjita).

* **A Nậu Lô Đà:** Còn gọi: *A-ni-lô-đà*, *A-lâu-đà*, *A-na-luật*. Phạn: *Aniruddha*. Hán dịch: *Vô Diệt*, *Như Ý*, *Vô Chướng*, *Vô Tham*, *Tùy Thuận Nghĩa Nhân*, *Bất Tranh Hữu Vô*.

Một vị A-la-hán, 1 trong 10 vị đệ tử lớn của **Phật**, em chú bác với **Phật**, thuộc dòng họ **Thích** ở thành *Ca-tỳ-la-vệ*, nước Ấn Độ cổ đại.

Theo *kinh Khởi Thế 10*, *Luật Ngũ Phần 15*, *kinh Chúng Hứa Ma Ha Đế 2* thì Tôn giả là con của vua Học Phạn. Còn theo *Phật Bản Hạnh Tập Kinh 11*, *Luận Đại Trí Độ 3* thì Tôn giả là con vua Cam Lộ Phạn.

Sau khi thành đạo, đức **Phật** trở về quê hương, ngài *A-na-luật* cùng các ngài *A-nan*, *Nan-đà*, *Ưu-ba-ly* .v.v... trong thời gian ấy xuất gia làm đệ tử **Phật**. Sau khi xuất gia, *A-na-luật* tinh tấn tu hành, xứng đáng làm gương mẫu. Trong khi **Phật** thuyết pháp, tôn giả có lần ngồi ngủ gật nên bị **Phật** quở trách, tôn giả bèn phát nguyện không bao giờ ngủ nữa, vì thế mà bị bệnh mất đến nỗi mù lòa. Nhưng nhờ tu hành ngày càng tinh tấn, mắt tâm sáng dần, cuối cùng thành bậc có thiên nhãn đệ nhất trong hàng đệ tử **Phật**, có khả năng thấy suốt tất cả chúng sanh trong 6 đường, từ cõi trời xuống đến địa ngục.

* **A Nhã Kiều Trần Như:** Phạn âm: *Ajnâ Kaundinya*.

Ông *A Nhã Kiều Trần Như* là vị Thanh văn La Hán trước nhất của đức Phật. Còn gọi: *A Nhã Đa Kiều Trần Na*. *A Nhã* là theo đạo hiệu: *Kiều Trần Như* là tên tộc. *A Nhã* dịch là *Dĩ Tri*, hay là *Tri bốn tế*, *Liễu bốn tế*. *Kiều Trần Như* dịch là *Hỏa khí*. Đó là bậc thượng thủ trong năm vị Tỳ Kheo thọ tế độ trước hết, khi đức Phật vừa ra đi truyền Đạo.

Hồi Phật thuyết pháp lần đầu tại Vườn Lộc, trong năm vị Tỳ Kheo dự nghe, ông *Kiều Trần Như* là người giải liễu trước nhất, thành La Hán trước nhất, cho nên Phật đặt đạo hiệu cho ông là *A Nhã* (*A Nhã Đa*), gọi trọn là: *A Nhã Kiều Trần Như*.

Ông chỉ nghe giọng thuyết pháp của Phật mà đủ tỉnh ngộ dứt lục căn, lục trần và đắc Đạo.

* **A Phù Đà Đạt Ma:** Hán dịch: *Vị Tăng Hữu Kinh, Hi Pháp, Thắng Pháp*. Phạn âm: *Adbhuta-dharma*.

Một trong các hình thái cơ bản của kinh điển Phật giáo Nguyên thủy. Sau khi đức Phật nhập diệt, các đệ tử y theo ngôn hạnh của Phật, dựa vào tính chất, phân loại thành 9 thể loại kinh, hoặc 12 thể loại kinh, “Vị Tăng Hữu” là 1 trong 9 loại, cũng là 1 trong 12 thể loại này.

Loại kinh này ghi chép những việc thần bí không thể nghĩ bàn về đức Phật, các cảnh giới kỳ lạ đặc biệt xưa nay chưa từng có hoặc khen ngợi công đức vĩ đại của Phật. Ví dụ như Phật đản sinh, từ thân Ngài phóng ra ánh sáng chiếu khắp thế giới Tam Thiên Đại Thiên và những chỗ tối tăm, lại soi khắp thế giới Tam Thiên Đại Thiên của vô lượng chư Phật trong 10 phương. Bấy giờ, ở trước Phật mẫu có ao nước trong sạch để tắm thái tử. Lại có vô lượng việc hy hữu như Phạm vương cầm lọng, Đế Thích tắm rửa, 2 con rồng phun nước, tất cả những việc này đều gọi là Vị Tăng Hữu.

* **A-Súc-Bà:** Một con số lớn về phép toán ở Thiên Trước.

Theo *Câu-Xá Luận*, có 50 con số lớn (đại số) mà A-súc-bà là con số thứ 20 trong 50 đại số ấy.

* **A-Súc Phật:** Phạn âm : *Aksobhya-buddha*. Hán dịch: *Bất Động Phật, Vô Động Phật, Vô Nộ Phật, Vô Sân Nhuế Phật*. Còn gọi: *A-súc-bệ Phật, A-sô-bệ-da Phật, Ác-khát-sô-tì-dã Phật*. Gọi tắt: *A-Súc*. *A-Súc Phật* là Đức Phật trụ tại cõi Vô Động ở Phương Đông.

Theo *phẩm Phát Ý Thụ Huệ* và *phẩm Thiện Khoái trong kinh A-Súc Phật Quốc, thượng*, cách thế giới Ta bà này 1000 cõi Phật về phương Đông, có thế giới *A-tì-la-đề (Abhinati)*. *Đại Mục Như Lai* xuất hiện nơi thế giới đó để nói hạnh *Lục độ vô cực (Lục Ba-la-mật)* cho các Bồ Tát nghe. Lúc ấy, có một vị Bồ Tát, sau khi nghe pháp liền phát Vô thượng chính chân đạo ý, nguyện đoạn sân nhuế, đoạn dâm dục, tu tập cho đến thành bậc Tối Chính giác, *Đại Mục Như Lai* hoan hỷ ban tặng ngài hiệu *A-Súc*. Về sau, Bồ Tát *A-Súc* thành Phật nơi thế giới *A-tì-la-đề* ở phương Đông; hiện nay Ngài vẫn còn thuyết pháp ở cõi ấy.

Theo *phẩm Hóa Thành Dụ* trong *kinh Pháp Hoa 3*, khi Đức Phật Đại Thông Trí Thắng chưa xuất gia, có 16 vương tử. Về sau, 16 vị này đều xuất gia làm Sa-di, vị thứ nhất tên *Trí Tích*, tức *A-Súc*, thành Phật ở nước *Hoan Hỷ phương Đông*.

Theo kinh *Bi Hoa 4*, Phật A-di-đà trong đời quá khứ, lúc còn làm vua tên là *Vô Trách Niệm*, có 1000 người con, người con thứ chín là *Mật Tô*, tức A-Súc, thành Phật ở phương Đông, tên nước là Diệu Lạc.

* **A Tăng Kỳ**: Gọi tắt: *Tăng kỳ*. Tên số theo bên Thiên Trước. Hán dịch: Vô số (A: Vô, Tăng Kỳ: Số). Một A Tăng Kỳ Kiếp. Một thời hạn vô số Kiếp (một Kiếp có cả trăm vạn năm).

Kinh A Di Đà có chép rằng: Đời sống của đức Phật A Di Đà với của nhơn dân trong nước Ngài thật là vô lượng, vô biên, vô số A Tăng Kỳ Kiếp. Vì vậy nên gọi Ngài là Phật A Di Đà. Muốn cho rõ nữa thì nên giải như vậy: một A Tăng Kỳ là một con số một có theo sau bốn mươi bảy con số không (Zéros).

Trong *Hoa Nghiêm Kinh*, Phật có nói mười con số lớn như dưới đây:

- A tăng kỳ: vô số,
- Vô lượng: không lường,
- Vô biên: không có bờ bến,
- Vô đẳng: không chi bằng,
- Bất khả số: không đếm được,
- Bất khả xưng: không xưng ra được,
- Bất khả tư: không thể nghĩ ra,
- Bất khả lượng: không thể đo lường,
- Bất khả thuyết: không thể nói,
- Bất khả thuyết bất khả thuyết.

Trong mười đại số ấy, A Tăng Kỳ tương đối nhỏ hơn hết.

* **A Tu La**: Phạn âm: *Asurà*. Hán dịch là Phi thiên, không phải chư Thiên, nhưng có thần lực, có cung điện, hình thể không đoan chính.

Có sách gọi A Tu La là hung thần (thần hung dữ). Vì họ có dáng điệu dữ tợn xấu xí và hay gây chiến với loài Trời và trong những cuộc chiến như vậy, có lúc họ thắng, có lúc thua. A Tu La có nhiều loại, được phân biệt theo hình thức sinh của chúng. Có loại sinh ra từ trứng, có loại sinh ra từ bào thai như loài người, có loại sinh ra từ các nơi ẩm thấp, cũng có loại hóa sinh. Có sách nói: loài A Tu La sống ở dưới biển phía Bắc núi Tu Di (*Sumeru*). Loại thấp kém nhất sống ở hang động thuộc dãy núi ở phía Tây núi Tu Di.

* **A Tỳ (Địa ngục)**: A-tỳ theo âm Phạn là *Avichi*, thông dụng thành chữ Hán. A-tỳ dịch nghĩa là Vô-gián (không lúc nào ngừng). A-tỳ Địa ngục

hay Vô-gián Địa ngục là cảnh trừng trị, nơi ấy tội nhân bị hành hạ mãi mãi không lúc nào ngừng, từ năm này kiếp kia họ chịu khổ mãi mãi, muốn thoát ra không bao giờ được, A-tỳ Địa ngục là cảnh Địa ngục thấp hơn hết, nguy hơn hết, khổ độc hơn hết trong tám cảnh địa ngục lớn (*Bát Đại địa ngục, Bát nhiệt địa ngục*). Những kẻ ở đời phạm tội ngũ nghịch và hủy báng Tam Bảo, chánh Pháp thì khi thác sa xuống A-tỳ địa ngục. Trừ Bồ Tát, vì lòng từ bi, vào ở A-tỳ địa ngục, nhưng không thấy khổ.

* **A Xà Thế:** Phạn âm: *Ajatasatru*.

Tên một ông vua vào thời Phật Thích Ca còn tại thế, trị vì nước Magadha (Ma Kiệt Đà), miền Trung Ấn. Ban đầu, vua hủy báng Phật và chống Phật. Về sau hối lỗi quay lại quy y Phật và trở thành một Phật tử rất sùng đạo. Khi còn là Thái tử, ông đã giết vua cha Bimbisara (Tần Bà Sa La) và chiếm ngôi. Ông lên ngôi được tám năm thì Phật nhập Niết Bàn. Nhưng ông lại bị con mình giết và chiếm ngôi. Con vua A Xà Thế Uddeyabadda ở tại ngôi được 16 năm.

* **Ái:** Phạn âm: *Tanha*.

Động từ, nghĩa là: thương yêu, tiếc, mến. Danh từ, nghĩa là: Ý ham muốn, ý ưa thích sự vật, ý nhiễm lấy, mắc lấy. Ái đối với Tăng (ghét).

Trong *Thập nhị nhơn duyên* khởi từ cái Vô minh. Ái là cái nhơn duyên thứ tám. Quen gần gũi với Ngũ dục, đó gọi là Ái. Do nơi Ái mà sanh ra Thủ: tham giữ các vật của mình.

Trong quyển *Tứ thập nhị chương kinh*, Phật có phán rằng cái Ái: sự thương mến và cái Dục: sự sa đắm vào cuộc ăn uống, chơi bời đều làm cho nhà sư và kẻ thế trở nên ngu tối và khuất lấp. Vì ham cái Ái và cái Dục nên người ta chẳng ngó thấy được Đạo. Tỷ như nước đã lóng trong mà mình lấy tay khuấy nó lên, rồi mọi người đồng đến đó mà soi vào thì không ai ngó thấy bóng mình, cũng như thế, người ta vì cái Ái và cái Dục xáo trộn nhau làm cho chất trước trong lòng phấn khởi lên, nên chẳng ngó thấy được Đạo. Con người ta trong lúc sắp lìa trần, trong tâm khởi lên ba mối tham ái (Tam ái), đó là:

- *Cảnh giới ái:* Mến tiếc cảnh giới như vợ con quyến thuộc, tiền của, ruộng vườn...

- *Tự thể ái:* Mến tiếc cái thân thể của mình, chẳng nỡ lìa đời.

- *Đương sanh ái:* Ham muốn cái chỗ nơi ấy mình sẽ sanh ra, mong mỗi vào sự luân hồi.

Ta có thể phân lòng thương (ái), ra làm hai tấm: Tấm lòng thương của hạng phàm phu và tấm lòng thương của bậc Thánh giả. Hạng phàm phu

thì thương mình, thương các vật thuộc về mình, đeo thương những ý kiến của riêng mình. Vì lòng thương (ái) ấy mà quên người, hai vật, làm khổ cho mình và cho kẻ khác.

Bực Thánh giả thì có lòng bác ái, thương rộng cả thủy loài người, cả thủy chúng sanh, thường quên mình mà làm sự lợi ích cho chúng sanh hoặc về cái tài vật hoặc về pháp lý. Nhờ lòng thương này mà Thiên hạ được hòa bình và mau tấn hóa trên đường Giải thoát.

Lại nữa, Bực Thánh giả có lòng yêu mến, ưa muốn những sự trong sạch, cao siêu, không vướng sầu khổ, như nói: *ái nhạo bố thí, ái nhạo tu hành, ái nhạo Đại Thừa kinh*.

* **An Lạc Hạnh:** Pháp an trụ thân tâm của Bồ tát hoằng dương kinh Pháp Hoa vào thời Mạt pháp trong đời ác.

Theo *Phẩm An Lạc hạnh, kinh Pháp Hoa 4*, có 4 pháp An Lạc hạnh: Thân an lạc hạnh, Khẩu an lạc hạnh, Ý an lạc hạnh và Thệ nguyện an lạc hạnh. Chính các vị Bồ Tát cũng phải xa lìa lỗi lầm của ba nghiệp: Thân, Khẩu, Ý và phát nguyện hướng dẫn, giáo hóa chúng sinh, thực hành hạnh an lạc lợi mình, lợi người.

Theo *Pháp Hoa Kinh An Lạc Hạnh Nghĩa* của ngài Huệ Tư, trong tất cả pháp, tâm an trụ bất động, gọi là An; không bị phiền não năm ấm trói buộc, gọi là Lạc; thân tâm an lạc, chính mình thực hành và giáo hóa người khác, gọi là Hạnh. Sách này chia An Lạc hạnh làm 2 hạnh:

- *Hữu tướng hạnh:* Pháp tu ở bên ngoài như nhất tâm tụng đọc kinh Pháp Hoa, gọi là Văn tự hữu tướng hạnh.

- *Vô tướng hạnh:* Pháp tu ở bên trong như tu Chỉ Quán, ngay trong tất cả pháp mà thể đạt tam muội, tâm tướng tịch diệt, rốt ráo không sinh khởi; tức chẳng cho An Lạc hạnh này là pháp tu hành mà trong trạng thái tự nhiên vô hành, tự hành và giáo hóa người khác.

* **An Lập Hạnh (Bồ Tát):** Phạn âm: *Supratichthitatchāritra*.

Một trong bốn vị Bồ Tát chưởng quản chư Bồ tát hiện đến nghe Phật giảng kinh Pháp Hoa còn ba vị kia là Thượng Hạnh (*Vicichtatchāritra*), Vô Biên Hạnh (*Anantachāritra*), Tịnh Hạnh (*Vicudratchāritra*).

Cả bốn vị Bồ Tát đạo sư ấy đều đối trước Phật, nguyện ủng hộ và truyền bá kinh Pháp Hoa sau khi Phật nhập diệt.



B

* **Ba Cõi: (Tam Giới)**

Tam giới là ba thế giới của chúng sanh phàm phu, còn sanh tử qua lại trong ba cõi ấy, Tam giới còn gọi là Tam hữu :

1. Dục giới : Dục giới là chỗ ở của loài hữu tình có dâm dục, thực dục ... gồm có ba bậc : Thượng giới đó là chư Tiên ở trên sáu cõi trời Dục giới, Trung giới là loài người trong bốn Châu thiên hạ, bậc Hạ giới là súc sanh, ngã quỷ và vô gián địa ngục.

2. Sắc giới : Là chỗ ở của hàng hữu tình không còn dâm dục, thực dục, nhưng có hình dáng tốt đẹp, có dung diện nguy nga (còn ở trong vật chất), nhưng tất cả sắc chất từ thân đến cảnh đều tinh hảo thù diệu. Cõi này có hai mươi tầng, từ Phạm Thiên lên đến Đại Tự Tại Thiên. Toàn cõi Sắc giới là của Ngài Phạm Thiên.

3. Vô sắc giới : Là cõi của bậc thượng nhân, không có hình dáng sắc chất, không có cung điện, quốc độ, duy chỉ có tâm thức mà thôi, các Ngài trụ trong thiền định thâm diệu. Thế giới này không có chỗ ở nhất định, chỉ căn cứ vào quả báo của công đức thiền định cao thấp mà hưởng sự an vui hơn kém nhau mà thôi, các Ngài sanh vào được cõi này ấy là nhờ vào công phu thiền định rất dày công.

* **Ba La La (Thụ):** Phạn âm: *Patali*. Hán dịch: *Trùng điệp thụ, Trùng sinh hoa, Thanh đồng*. Còn gọi: *Bà-tra-la thụ, Ba-tra-ly thụ, Ba-la-lợi thụ, Ba-la thụ*. Tên Khoa học: *Bignonia suaveolens*.

Loại cây có lá mọc đối nhau, thân cao lớn, cành lá rậm rạp mùa xuân trở bông màu đỏ, mùi thơm nồng nàn.

Theo *Đại Đường Tây Vực Ký* 8, lúc đầu, người thành Ba-tra-ly-tử (thủ đô nước Ma-kiệt-đà) gọi cây này là cây Nữ tế.

* **Ba La Mật:** Phạn âm: *Paramita*.

Gọi đầy đủ: Ba-la-mật-đa. Dịch nghĩa: Cứu cánh đáo bi ngàn, độ vô cực. Độ: tức là đại hạnh của bậc Bồ Tát. Đại hạnh của Bồ Tát là có thể làm cho trót các hạnh để giáo hóa người, qua đến mé bên kia: Bỏ ngàn, Niết Bàn, lại như cái đại hạnh ấy, độ hết các pháp rộng xa, nên gọi là độ vô cực.

Ba-la-mật của Bồ Tát hiệp lại là sáu nền đại hạnh:

- Đàn Ba-la-mật: Bồ thí,
- Thi Ba-la-mật: Trì giới,
- Sẵn đề Ba-la-mật: Nhẫn nhục,
- Tỳ lê da Ba-la-mật: Tinh tấn,
- Thiền Ba-la-mật: Thiền định,
- Bát nhã Ba-la-mật: Trí huệ.

Một vị Bồ Tát có khi cả muôn Kiếp làm một nền đại hạnh cũng chưa thấy tròn. Rồi cả muôn Kiếp mới làm xong một nền hạnh khác. Lần lượt như vậy cho đến hành xong sáu Ba-la-mật thì thành Phật. Đó là Lục Ba-la-mật hay Lục độ. Ba-la-mật lại là bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của chư Phật, chư Bồ Tát. Bốn đức này thi hành cho vững mãi thì đưa nhà học đạo Đại Thừa đến bờ bên kia, tức là Niết Bàn của bậc Phật.

Ba-la-mật lại là bốn đức: Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã (Khổ Không, Phi thường, Phi ngã). Ai tu hành theo bốn chơn lý ấy, đắc nhập bốn chơn lý ấy thì thoát khỏi biển mê mà đến bờ giác Niết Bàn.

Trong "*Quán Di Lạc Thượng Sanh Đâu Suất Thiên Kim*" có chép: Ở cõi Đâu Suất, tự nhiên có gió thổi động những cây bảy báu. Cây khua đung với nhau thành ra tiếng diễn thuyết những Ba-la-mật Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã.

Lại có mười Ba-la-mật của Bồ Tát: Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Bát nhã, Phương tiện, Nguyện, Lực, Trí.

* **Ba-La-Nại:** Phạn ngữ: *Vàranasi* (Đất). Còn gọi là *Ba-la-nại-tư*, *Ba-lai-ni-tư*, *Ba-la-nại-tả*. Tên nước, dịch là *Giang Nhiểu*, vì lẽ nước này ở lưu vực sông Hằng, vườn Lộc-Dã ở đây.

Theo *Huyền Ứng Âm Nghĩa*, q.21: “Ba-la-niệt-tư trước đây gọi là Ba-la-nại, hoặc là Ba-la-nại-tư, Ba-la-nại-tả, là đều như nhau cả”. *Pháp Hoa Khoa Chú*: “Phía đông bắc đô thành nước Ba-la-niệt-tư có sông, cùng tên là sông Ba-la-niệt. Phía đông bắc sông hơn 10 dặm, đến chùa Lộc-Dã, khu rừng lớn bên cạnh có tên là rừng Thi Lộc, cũng gọi là Lộc Uyển”. Tại đây đức Phật Thích Ca đã thuyết pháp lần đầu và sau đó liên tục giảng đủ về Kinh-Luật-Luận. Đức Phật Ca-Diếp sau khi thành đạo cũng đã từng ngự xuống thành Ba-la-nại, thuyết pháp ở vườn Lộc-Dã.

* **Ba-Lợi-Chất-Đa-La (thụ):** Còn gọi: *Ba-lợi-da-đát-la-câu-đà-la thụ*, *Ba-lợi-da-đa thụ*, *Bà-lợi-chất-đa-la thụ*, *Bà-nghi-chất-cấu thụ*, *Bà-lợi-da-đát-la-câu-đà-la thụ*, *Bà-rị-da-đát-la-câu-tì-đà-la thụ*, *Bà-lợi-xà-đa-ca*

thụ; Phạn: *Pārijāta, pārijātaka, pāriyātraka*; Hán dịch: *Viên-sinh thụ, Trú-độ thụ, Hương-biến thụ*. Gọi tắt: **Ba-lợi-đa-la**.

Là một loại cây ở cung trời Đao-lợi. Vì cây này lớn nhất trong các cây nên còn gọi là Thiên thụ vương. Cây này ở giữa vườn Tạp Loạn và vườn Hoan Hỷ, thuộc góc Đông Bắc thành Thiện Kiến, trời Đao-Lợi, chu vi 7 do-tuần, cao 100 do-tuần, cành lá giơ ra bốn phía 50 do-tuần. Gốc, thân, cành, lá, hoa, quả đều có mùi thơm, có thể xông khắp cung trời Đao-Lợi nên gọi là Hương-biến thụ. Cây này có vị thần tên Mạn-Đà, thường trỗi kỹ nhạc để tự vui, nên trở thành chỗ vui chơi của cõi trời Đao-Lợi.

* **Bà Lợi Sư Ca**: Hoa của cây Bà-sư-ca. Tàu dịch: *Hạ sanh hoa* (hoa nở vào mùa hạ). Hoa ấy rất thơm, mọc ở Thiên Trước. Người ta hái hoa ấy mà nấu ra dầu thơm để thắp đèn chong trên bàn thờ Phật. Cũng đọc: Bà ly sư ca (hoa).

* **Ba Thừa (Tam Thừa)**: Phạn âm: *Triyana*.

Ba cỗ xe dùng để chở chuyên. Tức là ba khoa giáo. Mỗi khoa giáo có thể đưa nhà tu học đến Niết Bàn, Cõi thanh tịnh. Tam thừa là: *Thinh văn thừa* (còn gọi là *Tiểu thừa*), *Duyên giác thừa* (*Bích Chi Phật thừa*) và *Bồ tát thừa* (tức là *Đại thừa*). *Tam thừa* đối lập với *Nhứt thừa*, *Phật thừa*. Những vị trong Thinh văn thừa thì tuân theo lời dạy của đức Như Lai mà hành Tứ diệu đế, bèn đắc đạo, thành La-Hán và nhập Niết Bàn. Những vị trong Duyên giác thừa thì tuân theo lời dạy của đức Như Lai mà tu hành và diệt Thập Nhị nhưn duyên, bèn đắc quả Duyên giác và nhập Niết Bàn.

Những vị trong Bồ tát thừa thì tuân theo lời dạy của đức Như Lai mà cầu cái Toàn giác, cầu cái an lạc cho mình, vừa tế độ các chúng sanh bằng Lục độ (Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí huệ) và quyết đưa họ đến Niết Bàn. Trong khi hành Lục độ, các vị ấy thành Bồ tát Ma-ha-tát.

Trong kinh Pháp Hoa, Phật Thích-Ca thuyết rằng ban đầu, ngài tạm dùng Tam thừa giáo mà độ chư đệ tử. Về sau, ngài thuyết giáo lý đầy đủ, dẫn Tam thừa thành một thừa duy nhất tức Nhứt thừa hay còn gọi là Phật thừa.

* **Ba Tuần**: Phạn âm: *Sreshtha*. Thiên ma Ba-Tuần. Tên thiệt của Ma vương, chúa loài ác ma thường thử thách Phật và người tu Phật. Lại cũng viết là: Ba Tuần Du hay là Ba Tỷ, dịch là Sát giả, Ác giả.

Đức Thích Ca tắm ở sông A-nậu-bạt-đề, kế ăn món cháo sữa do cô thôn nữ phụng hiến. Rồi ngài đi lại ngồi nơi cội cây Bồ đề, phá Ma Ba-Tuần, đắc thành *A nậu đa la Tam miệu Tam bồ đề*.

Ma Vương Ba-Tuần cũng ủng hộ Phật pháp và những người tu Phật. Như lúc Phật sắp vào Niết Bàn, Ba-Tuần có đem lễ lại cúng Phật, có truyền một câu Thần chú để bảo vệ những người tu Phật. Thần chú ấy như vậy: “**Trác chỉ, trá sá la trác chỉ, lô ha lệ, ma ha lô ha lệ, a la già la, đa la tá ha**”.

* **Ba-Xà-Ba-Đề**: Phạn âm : *Mahāprajāpati*; Tên gọi khác là: *Ma-ha-bát-thích-xà-bát-đề*, *Ma-ha-ti-da-hòa-đề*, *Ma-ha-pha-la-xà-bát-đề Cù-dàm-di* (Phạn: *Mahāprajāpati-gautami*); Tên gọi tắt là: *Ba-xa-ba-đề*, *Ba-đề phu nhân*, *Cù-dàm-di* ; Hán dịch là: **Đại Ái Đạo**, *Đại Thắng Sinh Chủ*, *Đại Sinh chủ*, *Đại thế chủ*. *Đại Ái Đạo Cù-dàm-di*, *Cù-dàm-di Đại Ái*.

Ba-Xà-Ba-Đề là Di mẫu của Thái tử Tất-Đạt-Đa và là em gái của Hoàng hậu Ma-ha Ma-Da, con vua Thiện-Giác thành Thiên-Tý ở Ấn-Độ thời xưa. Đức Thế Tôn sinh ra được 7 ngày thì mẹ Ngài là Ma-Da phu nhân tạ thế, Ngài được di mẫu thay thế dưỡng nuôi. Sau khi Đức Thích Tôn thành đạo 5 năm, vua Tịnh Phạn cũng mệnh chung, bà Đại Ái Đạo dẫn Da-du-đà-la và 500 người nữ thuộc chủng tộc Thích-Ca đến Đức Phật xin được xuất gia. Qua lời khẩn cầu của Ngài A-Nan, Đức Phật đã hứa khả. Đây là những vị Tỳ-kheo-ni đầu tiên trong giáo đoàn của Phật.

Sau khi xuất gia, chính bà đã quản lý các Tỳ-kheo-ni, trụ ở Ni Viện gần Tịnh-Xá, truyền giới Cụ túc cho nữ chúng, giúp đỡ Đức Phật rất nhiều trong việc hóa đạo. Về sau, do không nở nhìn thấy Đức Phật diệt độ, nên trước đó 3 tháng, Bà ngồi kiết già trong thành Tỳ-Xá-Lị, từ Sơ thiên thiên dần nhập vào Tứ thiên thiên và xả bỏ thân mạng; Lúc bấy giờ, chư Thiên trong cõi Dục đều buồn than.

* **Bà La Môn (Chủng)**: Phạn âm: *Brahmana*.

Một chủng phái trong hai chủng phái bực nhất ở Ấn Độ, có độc quyền về tôn giáo, giao thiệp với Thượng đế và Thần linh, cho đến nhà vua cũng phải kiêng nể và lễ bái. Cũng viết: Bà La Môn tánh.

Bên Ấn Độ, có bốn chủng phái, ai sanh vào chủng phái, giai cấp nào thì phải sống theo chủng phái ấy:

- Bà La Môn, hạng thầy tu.
- Sát đế ly, hạng vua và công hầu khanh tướng.
- Phệ xá, hạng thương mãi.

- Thú đà la, hạng làm ruộng và thợ thuyền.

Ngoài ra bốn chủng phái chánh thức ấy, còn một chủng phái nữa, Chiên-đà-la là hạng người làm các nghề hèn hạ: ở đợ, chèo ghe, giết thú vật.

Hồi Phật đi giáo độ, ngài rộng lòng thu các giai cấp vào hàng đệ tử của ngài.

Trong giai cấp Bà La Môn, có nhiều vị đệ tử thọ giới xuất gia làm Tỳ Kheo: Xá lý Phất, Mục kiên Liên, Đại Ca Diếp, Ca Chiên Diên ... và đều đắc quả Thánh.

Niết Bàn kinh, quyển 23, người trong giai cấp Bà La Môn cử ăn thịt bò.

* **Bà-Trĩ A Tu La Vương:** Phạn âm: *Bali*.

Một vị vua trong loài A Tu La (*Asuras*). Hồi Phật sắp diễn Kinh Diệu Pháp Liên Hoa tại núi Kỳ Xà Quật, Bà-Trĩ A Tu La vương với ba vị vua khác trong loài thần A Tu La, mỗi vị đều có dấy theo rất nhiều quyến thuộc hiện đến mà nghe Phật thuyết pháp.

* **Bạc-Câu-La:** Phạn âm : *Vakkula, Bakkula, Bakula, Vakula*. Hán dịch : *Trọng Tính, Mại Tính, Thiện Dung*. Tên gọi khác : *Bà-câu-la, Ba-câu-lô, Phạ-củ-la, Bạc-la*.

Một vị Thinh văn đệ tử của đức Phật, đắc quả La Hán. Bạc câu La là một vị trong hàng 1.250 vị Đại Tỳ Kheo thường hầu theo Phật trong khi Phật du hóa đến các nước, và có nghe Phật thuyết nhiều kinh Đại Thừa. Tên ông cũng viết: Bạc củ la. Dịch nghĩa: Diện vương: Mặt như mặt vua. Ông là một trong những bậc Thượng thủ dự nghe đức Phật giảng Vô lượng Thọ kinh.

Tên ông do theo tích dưới đây: Hồi mới sanh ra, đầu ông có hình mạo Thiên quan, mới trông qua như gương mặt của nhà vua. Cha mẹ ông rước một nhà sư xuất gia đạo Bà La Môn đến đặt tên. Nhìn thấy tướng ấy, nhà sư đặt tên là Diện Vương: *Vakkula*. Cũng có nghĩa: Thiện dung: Dung mạo đẹp.

Trong hội Pháp Hoa, Phật có thọ ký quả Chánh đẳng Chánh giác chung cho Bạc câu La và năm trăm vị Đệ tử La Hán. Phật mách rằng năm trăm vị La Hán ấy sẽ thành Phật, đồng một danh hiệu là Phổ Minh Như Lai.

- **Bạc câu La** lại là tên một ác quỷ. Hồi Phật còn trụ thế, tại thành Vương Xá, nước Ma Kiệt Đề, hễ đứa trẻ nào, con trai hoặc con gái, khóc mãi chẳng dứt, thì cha mẹ nó nhất rằng: "Nếu mây chẳng nín, tao đem giao cho quỷ Bạc câu La".

Đại Bát Niết Bàn kinh, quyển 33, Phật phán:

Thiện nam tử! Có một lúc, ta trụ tại thành Vương Xá, Thiện Tinh Tỳ Kheo làm kẻ cấp sử cho ta. Vào khoảng đầu trong đêm, ta diễn thuyết pháp yếu với Thiên Đế Thích. Phép của đệ tử là phải chờ thầy nghỉ rồi mới được đi nằm. Bấy giờ, Thiện Tinh thấy ta ngồi lâu, lòng sanh ác niệm ... Người tỏ lời dọa rằng: "Mau vào thiền thất, Bạc câu La lại kia kia!". Ta đáp: "Si nhưn! Người chẳng thường nghe rằng Như Lai Thế Tôn chẳng sợ gì hết sao?".

* **Bạch Lại (Bệnh)** : Tật bệnh. Đó là một phần trong Tứ khổ, Bát khổ.

Bệnh có hai thứ: một là y ác nghiệp đời trước mà chiêu lấy, hai là y lãnh, nhiệt, phong đời nay mà cảm nên.

Theo *Trí Huệ Luận*. Bệnh đối với: Dược. Bệnh cũng có nghĩa phiền não, trần lao. Cái bệnh khổ là một cái duyên cố khiến cho thái tử Tất Đạt Đa tỉnh ngộ mà đi tu. Như một buổi sáng kia, ngự trên xe du ngoạn ra cửa thành Nam, Thái tử trông thấy một người bệnh: mặt xanh xao, hình ghê gớm, mặt mày phù thũng, hơi thở hà hệt, vừa đi vừa té, rên la khổ sở. Thái tử nghĩ cho trong thế gian ai nấy đều chẳng thoát khỏi bệnh tật, ngài vì đó mà cảm động, xót thương, quyết tìm cách độ cho người ta thoát khỏi cảnh bệnh khổ.

Trong quyển *Phật Di Giáo Kinh* có chép: Trí huệ chơn thiệt là chiếc ghe chắc chắn chở qua biển già, bệnh, chết, là ngọn đèn rất tỏ soi chỗ vô minh hắc ám, là những thang thuốc lành trị hết thảy các thứ bệnh, là cái rìu bén để đốn cây phiền não vậy.

Bệnh khởi ra do sáu nguyên cố:

- Bởi bốn vật lớn: địa, thủy, hỏa, phong chẳng điều hoà,
- Bởi ăn uống mà chẳng dè dặt,
- Bởi ngồi thiền chẳng đúng cách,
- Bởi quý thân có chỗ quở trách,
- Bởi ma thần làm ra,
- Bởi nghiệp báo từ trước.

Bệnh có hai thứ: tâm bệnh và thân bệnh. Số người mang tâm bệnh nhiều hơn số người mang thân bệnh. Như Thái tử A Xà Thế đoạt ngôi và giết vua cha nên mang tâm bệnh, nhờ Phật dùng Chánh pháp mà trị cho hết.

Đối với chúng sanh vướng các phiền não, tức là vướng các tâm bệnh, thì Phật và Bồ Tát là bậc Thầy thuốc tài trị bệnh cho. Nhưng vì lòng từ bi, các vị Bồ Tát thường giáng sanh làm Thầy thuốc trị thân bệnh cho chúng sanh. Cho nên một vị Thầy thuốc có chơn tài, có công tâm, cũng là làm được Bồ Tát hạnh.

Trong *Niết Bàn Kinh* có chép: Có hai nhơn duyên làm cho chẳng sanh ra bệnh khổ. Hai nhơn duyên gì? Đó là: một là thương xót tất cả chúng sanh, hai là thí thuốc cho những người bệnh. Đức Phật trong vô lượng kiếp, đã từng làm hai hạnh ấy, cho nên trong mỗi đời, mãi cho tới khi thành Phật, Ngài không hề vướng bệnh khổ.

* **Bạch Y:** Phạn: *Avadāta-vasana*. Nguyên nghĩa là áo màu trắng, Phật giáo dùng từ Bạch y này để gọi người học Phật tại gia. Từ ngữ này phát xuất từ Ấn Độ, Tây Vực. Theo phong tục Ấn Độ, mặc áo trắng là sang trọng, nên mọi người đều mặc áo trắng, trừ hàng Tăng lữ, vì thế tiếng Bạch y dùng để chỉ cho người tại gia.

Theo *Phật Tượng Tiêu Xí Nghĩa Đồ Thuyết Ký*, ở Trung Quốc, người có thân phận thấp hèn, như tôi tớ mới mặc áo trắng. Đặc biệt ở *Nhật Bản*, phải là người cao sang mới mặc áo trắng. Theo phong tục *Nhật Bản*, mặc áo trắng trong lúc tế lễ, tang nghi, là biểu hiện sự trong sạch của trai nghi; nên Sa môn tuy đáp y nhuộm, nhưng khi lễ Phật, nhập chúng cũng dùng đồ trắng mặc dưới pháp y.

* **Bảo Oai Đức Thượng Vương Phật-*Atmatêdjobhyudgatarâdjatarâdja*.**

Một đức Phật Như Lai đồng thời với đức Phật Thích Ca. Cõi thế giới của ngài ở về phương Đông đối với cõi Ta bà. Hồi đức Phật Thích Ca giảng Kinh Pháp Hoa, ngài Phổ Hiền Bồ Tát từ bên cõi thế giới của Phật Bảo Oai Đức Thượng Vương có dắt theo vô số chư Bồ Tát, chư Tiên và chư Thần, hiện đến cõi Ta bà mà nghe thuyết pháp.

* **Bảo Tướng Như Lai:** Phạn âm: *Ratnakêtourâdja*.

Tên những đức Phật vị lai. Trong hội *Pháp Hoa*, đức Phật Thích Ca có thọ ký cho hai ngàn vị Thanh Văn đệ tử của Ngài, phán rằng về sau chư vị ấy sẽ thành Phật khắp nơi một lượt, đồng lấy một hiệu là Bảo Tướng Như Lai.

* **Bát Bộ:** Còn gọi: ***Bát Bộ Chúng***, theo thuyết Xá-Lợi-Phất vấn kinh thì tám bộ chúng gồm có: **1.** Thiên chúng; **2.** Long chúng; **3.** Dạ-Xoa; **4.** Càn-Thát-Bà; **5.** A-Tu-La, xưa dịch nghĩa là Vô tửu, nay dịch là Phi thiên, còn gọi là Vô đoan chính; **6.** Ca-Lâu-La, dịch là Kim xí điểu; **7.** Khẩn-Na-La, dịch là Phi nhân, mới dịch là Ca thần; **8.** Ma-Hầu-La-Già, dịch là Đại mãng thần, Đại phúc hành địa long.

* **Bát Chúng:** Tám loại hữu tình trong hàng Trời, người: Sát-lợi, Bà-la-môn, Cư-sĩ, Sa-môn, Tứ thiên vương, Đạo-lợi thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên (Ma vương), Phạm thiên.

* **Bát Giải Thoát (Tám Pháp Giải Thoát):** Phạn: *Astau vimokṣāḥ*. Còn gọi: *Bát bối xả, Bát duy vô, Bát duy vụ*.

Bát giải thoát là tám định lực giúp hành giả lìa bỏ tham dục của cõi Sắc và Vô Sắc. Tám định lực này là:

1. Trong có tướng về sắc dục, ngoài quán các sắc để giải thoát.
2. Trong không có tướng về sắc dục, ngoài quán sắc để giải thoát.
3. Thân thanh tịnh giải thoát chứng Cụ túc trụ.
4. Vượt các sắc tướng diệt hữu đối tướng, không suy nghĩ mọi cái tướng, nhập vào Không vô biên xứ, an trụ đầy đủ giải thoát.
5. Vượt tất cả Không vô biên xứ, nhập Thức vô biên xứ, an trụ đầy đủ giải thoát.
6. Vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, nhập vào Vô sở hữu xứ, an trụ đầy đủ giải thoát.
7. Vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, nhập vào Phi tướng phi phi tướng xứ, an trụ đầy đủ giải thoát.
8. Vượt qua tất cả Phi tướng phi phi tướng xứ, nhập vào tướng thụ diệt, thân tác chứng trọn vẹn, an trụ tròn đầy giải thoát.

Trong đây, điều 1 và 2 nương theo Sơ thiền và đệ nhị thiền, trị được tham đối với hiển sắc; điều 3 nương theo đệ tứ thiền tu quán tịnh, đều lấy vô tham làm tự tính; từ điều thứ tư cho đến điều thứ bảy, y theo thứ lớp, lấy định, thiện của tứ vô sắc làm tự tính; điều thứ tám nương theo Hữu đẳng địa, lấy tâm diệt hữu sở duyên làm tự tính.

Điều 1 và điều 2, mỗi điều chia làm 2; điều thứ ba chia làm 4, hợp lại gọi là **Bát Thắng xứ**.

* **Bát Thập Tiểu Tướng (80 tướng phụ):** Phạn âm: *Asity-anuvyānjanāni* ; Còn gọi: *Bát thập tùy hình hảo, Bát thập tùy hảo, Bát thập vi diệu chủng hảo, Bát thập chủng hảo, Chúng hảo bát thập chương*. Đây chỉ cho 80 vẻ đẹp của thân Phật, Bồ Tát.

Hình tướng dung mạo của Phật, Bồ Tát có đầy đủ, 32 thứ hiển lộ dễ thấy, gọi là 32 tướng và 80 thứ vi tế ẩn kín khó thấy gọi là 80 vẻ đẹp. Cả 2 gọi chung là tướng hảo. Riêng Chuyển Luân Thánh Vương thì chỉ có 32 tướng tốt.

* **Bạt Đà Bà La (Bồ Tát):** Phạn âm: *Bhadrapāla*.

Một vị Bồ Tát tu tại gia hồi đức Phật Thích Tôn ra đời. Tên ngài dịch nghĩa là: Hiền: *Bhadra*. Hộ: *Pāla*, tức Hiền Hộ. Hồi đức Phật giảng *Kinh Vô Lượng Thọ*, thì ngài Bạt Đà Bà La: Hiền Hộ theo sau ngài Phổ Hiền Bồ Tát và có hợp tất cả là mười sáu vị Bồ Tát đến nghe Phật giảng Kinh.

Lại khi Phật phóng ánh quang minh, sắp diễn *Quán Di Lặc thượng sanh Đâu suất Thiên Kinh* thì ngài Bạt Đà Bà La với quyến thuộc tất cả là 16 vị Bồ Tát tại gia đều hội lại nghe Kinh.

Đến khi Phật sắp giảng *Kinh Diệu pháp liên hoa* tại núi Kỳ xà quật, gần thành Vương Xá, ngài Bạt đà bà La là một vị Đại Bồ Tát trong số tám vạn Bồ Tát hiện đến dự nghe.

Bạt Đà Bà La và các bạn tất cả là 16 vị Bồ Tát: Khai sĩ có dự nghe Phật giảng *Thủ Lăng Nghiêm Kinh* tại thành Thất La Phiệt, nơi Tịnh xá Kỳ Hoàn. Đương khi Phật giảng giải kinh ấy, Bạt Đà Bà La có bạch rằng: Thuở xưa, hồi đời Phật Oai Âm Vương, trong khi tắm, ông nhờ quán tưởng nước mà đắc đạo: Nước vốn chẳng rửa bụi dơ, cũng chẳng rửa thân thể, không có vật chi mà rửa. Nhờ ông quán tưởng lẽ ấy mà thành đạo, Phật Oai Âm Vương bèn đặt danh hiệu cho ông là Bạt Đà Bà La.

* **Bạt Nan Đà (Long Vương):** Phạn âm: *Upananda*. Còn gọi: Bà-Nan-Đà. Bạt Nan Đà dịch nghĩa là: Đoan chính và Hoan hỷ. Hồi đức Phật giảng sanh, trong khi đức Đế Thích bồng Phật ra khỏi lòng bà Ma Da, thì vị Nan Đà Long Vương và vị Bạt Nan Đà Long Vương phun nước mà tắm cho Phật. Bạt Nan Đà Long Vương lại là một trong tám vị Long Vương có dất theo rất nhiều quyến thuộc, hiện đến núi Kỳ Xà Quật dự nghe Phật giảng *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*.

* **Bất-Hư-Tức Bồ Tát:** Phạn âm: *Nityôdhyukta*.

Một Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, ngài có hiện lại cõi thế giới Ta Bà, nơi núi Kỳ Xà Quật nghe đức Phật Thích Ca diễn kinh *Diệu Pháp Liên Hoa*. Bất-Hư-Tức Bồ Tát là đức Bồ Tát làm Phật sự không hề ngơi nghỉ, không hề biết mệt chán.

* **Bất Khả Tư Nghị (Bất Khả Nghĩ Bàn):** Phạn âm: *A-cintya*. Còn gọi: *Bất tư nghị, Nan tư nghị*.

Bất khả tư nghị là không thể nghĩ bàn, chủ yếu dùng để nói về cảnh giới giác ngộ cùng với sự nhiệm mầu của trí huệ và sức thần thông của

chư Phật và Bồ Tát. Thông thường người ta dùng từ *Bất khả tư nghị* dẫn từ trong kinh điển Phật giáo để giúp hình dung sự thâm diệu thần kỳ như *kinh Tăng Nhất A-Hàm 18* cho rằng : *vũ trụ, cõi chúng sinh, cõi rồng và cõi Phật* là 4 cảnh giới *bất khả tư nghị*. Còn *kinh Đại Bảo Tích 86* lại cho : *nghiệp, rồng, thiên, Phật* là 4 cảnh giới *bất khả tư nghị*.

* **Bất Khả Xưng Số** (Atulya): Một trong 10 số lớn của Ấn Độ thời xưa.

Theo *Phẩm A-Tăng-Kỳ* trong *kinh Hoa Nghiêm 45*, 10 số lớn theo thứ tự là: A-tăng-kỳ, vô lượng, vô biên, vô đẳng, bất khả số, bất khả xưng, bất khả tư, bất khả lượng, bất khả thuyết, bất khả thuyết bất khả thuyết.

Mười số lớn này từ A-tăng-kỳ lần lượt tăng lên đến bất khả thuyết bất khả thuyết được tính như sau:

Bất khả số x Bất khả số = Bất khả số chuyển (Aganeya-parivarta).

Bất khả số chuyển x Bất khả số chuyển = Bất khả xưng.

Bất khả xưng x Bất khả xưng = Bất khả xưng chuyển (Atulya-parivarta).

* **Bất Lai**: Còn gọi: *A-Na-Hàm (Anàgàmin ànagàmi)*. Dịch là *Bất hoàn*.

Tên gọi bậc Thánh đã cắt đứt hết phiền não của cõi Dục giới. Sau khi đã đắc quả Tu-đà-hoàn và quả Tư-đà-hàm thì đắc quả A-na-hàm dưới quả A-la-hán. Vị Thánh này sau này sẽ sinh ở Sắc giới và tiến thẳng lên đắc quả A-la-hán luôn chứ không sinh vào cõi Dục Giới nữa, cho nên gọi là Bất hoàn. Có người khi đã đắc quả A-na-hàm rồi thì tu rất tinh tấn mà đắc quả A-la-hán luôn, khi tịch thì nhập Niết Bàn. Có nghĩa khi đã đắc quả A-na-hàm rồi thì còn phải sinh lên cõi Thượng thiên rồi mới nhập Niết Bàn.

* **Bất Thoái Bồ Tát (Bất Thoái Bồ Tát)**: Hàng Bồ Tát không còn lui sụt đạo Bồ Đề. Bồ Tát trên đường đến quả vị Phật, được xếp vào giai vị Bất thoái chuyển tùy theo các thuyết về Bất thoái của các tông phái.

* **Bất Thoái Chuyển (Bất Thoái Chuyển)**: Phạn: *Avinivartaniya*. Hán âm: *A-duy-việt-trí, A-tì-bạt-trí, A-bê-bạt-trí*. Còn gọi: *Bất thoái, Vô thoái, Tát định*. Đối lại: *Thoái chuyển*.

Bất thoái chuyển tức không thoái chuyển. Chỉ sự tu hành không lui sụt cho đến khi thành Phật. Còn *thoái chuyển*, chỉ cho sự lui sụt rơi vào đường ác hoặc *Nhị thừa địa* (hàng Thanh văn, Duyên giác).

Bất thoái vị còn gọi là *Bất thoái chuyển địa*. Trong giai vị *Tứ thiện căn* của *Hữu Bộ*, đến *Nhẫn vị* thì không còn rơi vào đường ác, được xếp vào *Bất thoái vị*.

Theo kinh *Đại Bát Nhã 49*, vào giai vị *Kiến đạo*, được *Vô sinh pháp nhẫn*, ắt không còn rơi vào *Nhị thừa địa* nên được gọi là *Bất thoái*. Hơn nữa, trong giai vị *Bồ Tát*, *Đệ nhất trụ* trong *Thập trụ* gọi là *Bất thoái chuyển trụ*.

* **Bỉ ngạn**: Phạn âm: *Pāra*; Từ đối lại : *Thử ngạn*.

Theo *Thích Thiên Ba-La-Mật Thứ Đệ Pháp Môn 1*, thượng thì *bỉ ngạn* là bờ bên kia. Bờ bên này (cõi mê), gọi là *Thử ngạn*; bờ bên kia (cõi ngộ), gọi là *Bỉ ngạn*. Lấy nghiệp và phiền não làm giữa dòng, cảnh giới sinh tử là bờ bên này, *Niết-Bàn* là bờ bên kia.

Nếu xét theo nghĩa Phạn: *Pāramitā*, Hán dịch: Ba-la-mật-đa thì *Bỉ ngạn* gọi đầy đủ là **Đáo bỉ ngạn** ; tức là việc tu đạo cũng như đi từ cõi mê bờ bên này đến cõi ngộ bờ bên kia.

* **Bích Chi Phật** (*Pratyeka-bouddha*): Hán dịch: *Tất-lặc-chi-đề-ca* Phật (*Pratyeka-Bouddha*). Cũng viết là *Bích-Chi-ca* Phật Đà, viết tắt là *Bích-chi* Phật. Bực *Bích-chi* Phật sanh ra không nhằm lúc Phật Như-Lai ra đời, ở một mình mà tu học và giác ngộ, rồi nhập *Niết Bàn* nên cũng gọi là **Độc-giác Phật**.

Bực *Bích-chi* Phật suy nghĩ về *Thập nhị nhơn duyên*, diệt tận *Thập nhị nhơn duyên* ấy mà trở nên giác ngộ, nên cũng gọi theo nghĩa là *Duyên giác*.

Trong *Soạn tập bá duyên Kinh*, thái tử *Dacaciva* cạo hết râu tóc, mặc áo vàng, ngài đã thọ lễ xuất gia, bèn lánh những chỗ đông đảo, tìm những chỗ vắng lặng mà tham thiền. Không học nơi ai mà ngài thấu được 37 thể pháp hiệp thành quả *Bồ-Đề*. Quả *Bích-chi* Phật hiện lại cho ngài. Ngài đắc các pháp thần thông. Lúc không có Phật Như-Lai ra đời thì có *Bích-Chi* Phật giáng thế, thương xót những kẻ nhỏ nhoi bần khổ, thường hay nằm nghỉ và ngồi ngoài chân thành, đáng cho người đời cung kính cúng dường.

Trong quyển *Tứ Thập nhị Chương Kinh* có nói rằng: cúng dường cho một đức *Bích-chi* Phật, phước nhiều hơn cúng dường mười ức vị *A-La-Hán*.

Trong *Niết Bàn kinh* có chép: Nhà đạo diệt tất cả Tham, Sân, Si, đặc quả Bích-chi Phật và nhập Niết Bàn. Nhưng còn phải giáng thế mà làm hạnh Bồ-Tát, trải qua mười ngàn kiếp, sẽ thành Phật Như-Lai.

* **Biển Tịnh (Thiên)**: Phạn âm: *Subha-krtsna*. Hán âm: *Thủ-ha Ký-ba, Khất-lật-na, Tu-khất, Ma-thủ*. Còn gọi: *Vô-lượng-tịnh Thiên, Quảng-thiên Thiên, Tịnh-nan-đãi Thiên*. Cõi Trời cao nhất trong Đệ Tam thiên, 1 trong 18 tầng trời của cõi Sắc. Người sinh trên tầng trời này được thọ lạc đầy đủ nên gọi là biển tịnh.

Theo *Luận Lập Thế A Tỳ Đà* 7, do nghiệp tương ứng với thượng phẩm Tam thiên mà sinh được ở tầng trời này, tuổi thọ là 4 đại kiếp.

Theo *Luận Chương Sở Tri, thượng, Tạp A-tì-đàm Tâm Luận* 2, tuổi thọ ở đó là 64 kiếp và thân cao 64 do tuần.

* **Biệt Di**: Sự khác biệt. Từ ngữ *Biệt di* thường sử dụng trong kinh điển Phật giáo, nhưng tùy theo ngữ nguyên tiếng Phạn, Pàli mà có nhiều nghĩa như sau:

1. Phạn: *Nānātva* hoặc *prthaktva* hoặc *prabheda*: Chỉ cho mỗi sự vật khác nhau.
2. Phạn: *Paryāya-vacana*: Chỉ cho cái khác tên gọi, do thuộc tính khác nhau (đồng tính chất cơ bản).
3. Pàli: *Agatagamo pabhinnapatisambhido*: Chỉ các sự khác biệt hình thức như các thứ giải thích dưới dạng chương, đoạn, câu khác nhau.
4. Phạn: *Viparyaya*: Là nghĩa trái nghịch nhau.
5. *Trong Nhân Minh*: Hàm nghĩa của ngôn ngữ cùng với Pháp được lập chẳng đồng nhau, nên gọi là *Biệt di*.

* **Bồ Đề**: Phạn âm: *Bodhi*. Hán dịch là: Đạo, Giác, Tri, Trí. Thông đạo lý, giác ngộ đạo lý, hiểu rõ hai cảnh của pháp: lý và sự.

Đắc Bồ đề thì diệt hết phiền não, chứng Niết Bàn. Đắc Bồ đề đầy đủ thì thành Phật Như Lai, đó là *Đại Bồ đề, Vô thượng Bồ đề, Vô thượng Trí huệ, Chánh giác vô tướng*.

Bực đắc Bồ đề mà còn giáng thế để độ chúng sanh, gọi là Bồ đề tát đỏa (Bodhisattva), gọi tắt: **Bồ Tát**.

Khi thành Phật, đức Thích Ca có giải rằng ngài có đủ ba thể Bồ đề:

- *Ứng hóa Phật Bồ đề*, tức là cái thể Bồ-đề hiện lại trong đời ngài làm Thái tử Tất-đạt-đa mà tu hành,

- *Báo Phật Bồ đề*, tức là cái thể Bồ-đề mà ngài tự tạo ra nhờ các điều lành, các sự tu học trong những đời trước,

- *Pháp Phật Bồ đề*, tức là cái thể Chơn như nó đã có nơi Ngài tự bao giờ, nó vẫn thường trụ nơi các chúng sanh. Đó là *Tam Bồ đề (Tam Phật Bồ đề)*.

Bồ Tát cầu quả Bồ-đề nên làm bốn việc này:

- Gần gũi bạn lành,
- Giữ tâm kiên cố không hoại,
- Làm đặng việc khó làm,
- Thương xót chúng sanh.

Lại còn làm bốn việc này nữa:

- Thấy người có lợi, sanh tâm vui mừng.
- Thường ưa khen tặng công đức của người khác.
- Thường tu tập pháp lục niệm.
- Hay thuyết về chỗ lỗi lầm trong đường sanh tử.

Phải giữ tám việc ấy mới mau đặng quả Bồ-đề. Từ khi tu học phát tâm quyết thành Phật cho đến khi đắc quả Chánh đẳng Chánh giác, người ta trải qua năm bậc Bồ đề (*Ngũ Bồ-đề*):

- *Phát tâm Bồ-đề*: Phát tâm cầu quả Phật.
- *Phục tâm Bồ-đề*: Chế phục các phiền não, tu các hạnh Ba la mật.
- *Minh tâm Bồ-đề*: Quan sát, quán tưởng các pháp và tu các hạnh Ba-la-mật.
- *Xuất đạo Bồ-đề*: Tu xong các hạnh Ba-la-mật ở trong hạnh Bát nhã, được cái lực phương tiện, cái phép *Vô sanh pháp Nhãn*, ra khỏi Tam giới, đến cõi Bồ-đề tức là có đủ các mối trí.
- *Vô thượng Bồ-đề*: Bồ đề cao viễn không chi trên nữa. Ngồi nơi đạo tràng, dứt các phiền não, thành Phật Thế Tôn.

* **Bồ Tát**: Phạn âm : *Bodhisattva*. Hán dịch: Bồ đề Tát đỏa. Bồ đề (Bodhi): Chánh giác. Tát đỏa (Sattva): Chúng sanh.

Bực đắc quả Phật, song còn làm chúng sanh để độ đời. Bực đã được tự giác, đắc quả Bồ đề, song còn chờ lúc lên quả Phật Thế Tôn, bèn chuyển phương tiện ra đi cứu độ chúng sanh. Như đức Phật Thích Ca trải qua những đời trước làm Bồ Tát, đến đời sau rốt, ngồi nơi cõi Bồ đề mà lên bực Phật.

Từ xưa đến nay, và hiện thời trong các cõi, có vô số Bồ Tát.

• Có hạng Bồ Tát mới phát tâm, mới vừa thành Bồ Tát gọi là "*Tân phát ý Bồ Tát*".

• Có hạng Bồ Tát mạnh mẽ mà tấn tới ngôi Chánh giác, chẳng hề lui bước, gọi là "*Bất thối chuyển Bồ Tát*".

• Và cũng có những vị "*Bồ Tát Nhứt bồ Phật xứ*", tức là những vị Bồ Tát thường du hành đến các cõi Phật, chừng giáng thế đến cõi nào thì làm Phật Như Lai ở cõi đó. Như ở cõi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà, có rất nhiều vị *Bồ Tát Nhứt bồ Phật xứ*.

Bồ Tát cũng là tiếng tôn kính để xưng người có đại hiệu đại hạnh dẫn người ấy đương thời chưa tu hành. Như trong *Địa Tạng kinh*, quỷ Vô Độc xưng người Bà La Môn nữ đi tìm mẹ ở Địa Ngục là Bồ Tát.

Bồ Tát cũng là tiếng gọi người tu học có thọ trì *Bồ Tát giới*. Ấy là tiếng nói tắt để gọi *Bồ Tát Tỳ Kheo*, *Bồ Tát Ưu bà tắc* ...

Trong quyển *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh*, có kể sơ ít công đức của chư *Bồ Tát Ma Ha Tát* như thế này: Các ngài đều không thối chuyển, đều theo một mục đích, quyết tới quả Phật. Các ngài có phép Đà La Ni thần chú. Các ngài từng nẩy sanh cội đức trước mặt cả trăm ngàn đức Phật. Các ngài từng nghe cả trăm ngàn đức Phật mở miệng mà khen tặng mình. Các ngài thông đạt Đại trí. Các ngài hằng độ vô số chúng sanh.

* **Bồ Tát Đạo:** bao hàm hai khái niệm:

1/. *Bồ Tát Đạo* (Phạn: *Bodhisattva-carya*) là con đường tu hành lục độ muôn hạnh tự lợi, lợi tha của Bồ Tát để thành tựu Phật quả. Cho nên, Bồ Tát Đạo là cái nhân chính thành Phật.

2/. *Bồ Tát Đạo* là giáo lý Phật giáo Đại Thừa, tức là giáo pháp trên cầu thành Phật, dưới độ chúng sinh.

* **Bố Thí:** Hán dịch: *Đàn na*. Phạn âm: *Dāna*. Gọi tắt: Thí. Một nền hạnh lớn, đứng đầu trong Lục độ: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí huệ.

Chính nhờ bố thí trong những đời đã qua, mà đức Thích Ca mau lên quả Phật. Lòng nhơn từ bố thí rất có công hiệu để trừ lòng khan tham, keo lặn, duy kỷ.

Sự Bố thí có ba đường:

- Tài thí: thí tiền bạc của cải,
- Pháp thí: thí pháp lý,
- Vô úy thí, thí cho chẳng sợ.

Hễ đứng ra bố thí thì không cần sự báo đáp của người được bố thí, mà cũng không cần cái phước báo của việc bố thí.

- *Kinh Kim Cang*: Phật có dạy rằng Bồ Tát có bố thí thì đừng có kể chi là Sắc, Thinh, Hương, Vị, Xúc, Pháp. Tức là đừng có chấp tướng ...
- Một trăm bài kinh Phật (*Soạn Tập bá duyên kinh*): Ai bố thí thì sẽ được sung túc, an lạc, phong lưu. Mà ai không bố thí hoặc cản người bố thí thì phải chịu nghèo hèn, khổ cực. Gương bà Ca-can-ga-lác (Kâkangalâ), bà mẹ của đức Phật trong mấy đời trước, vì cản không cho đức Phật bố thí nên bà sanh ra chịu phần nghèo hèn, tủi hổ, ra thân gánh nước làm công.
- *Địa Tạng Kinh*: Về sự so sánh công đức bố thí, đức Phật có phán với ngài Địa Tạng rằng: Như có hạng vua, quan, Sát ly, Bà La Môn, Trưởng giả đối với người hèn hạ, ốm yếu, tàn tật, câm, ngọng, điếc, ngậy, đui mà muốn bố thí hoặc sai người bố thí, dùng lời dịu ngọt mà an ủi khuyến dụ, thì phần phước rất lớn, chẳng khác nào bố thí cho chư Phật đồng bằng số cát một trăm sông Hằng ...

* **Bố Thí Ba La Mật**: Cũng gọi là **Đàn Ba la Mật**. Tức là hạnh bố thí được thực hiện đến chỗ hoàn thiện, viên mãn. Bố Thí đáo bỉ ngạn, là một trong sáu đại hạnh của bậc Bồ Tát.

* **Bốn Bộ Chúng**: Gọi tắt: Bốn Chúng (Tứ Chúng), gồm các nghĩa như sau:

1. Xét theo cơ duyên chứng ngộ trong Pháp hội, thì bốn chúng là:

- *Phát khởi chúng*: Chúng phát khởi, như tòa hội Pháp Hoa Kinh, kích dương phát động, khiến cho đức Như Lai Ngài thuyết vậy.

- *Đương cơ chúng*: Chúng đương cơ, là nhóm chánh nhằm cái cơ đương tòa ấy, như chư Thinh văn chánh văn bốn kinh, được sự ích chứng ngộ đó.

- *Ứng hưởng chúng*: Chúng ứng theo vang dội, như Văn Thù, Quan Âm các ngài từ phương xa lại, giúp Phật giáo hóa, làm cho trang nghiêm tòa Pháp đó.

- *Kết duyên chúng*: Chúng kết duyên, những chúng sanh bạc phước hiện nay không có sự ích chứng ngộ, mà kết cái nhơn duyên thấy Phật và nghe Pháp, được nhơn duyên đắc Đạo về sau này.

2. Bốn Chúng Tăng già: là hàng đệ tử của Phật, Bồ Tát.

- Hàng xuất gia nam: Tỳ Kheo,
- Hàng xuất gia nữ: Tỳ Kheo ni,
- Hàng tại gia nam: Ưu bà tặc,
- Hàng tại gia nữ: Ưu bà di.

3. Lại bốn chúng xuất gia là:

- Tỳ Kheo,
- Tỳ Kheo ni,
- Sa di,
- Sa di ni, đó là bốn chúng xuất gia.

4. Lại bốn chúng là:

- *Long tượng chúng*, là hạng trong cõi Đại Thiên,
- *Biên bỉ chúng*, là hạng môn đồ Đại Thiên,
- *Đa văn chúng*, là người học trong hạng phàm phu tùy thuận bậc Thánh giả mà nghe được nhiều phép,
- *Đại đức chúng*, tức là Thánh chúng trong bốn quả.

5. Bốn Chúng giai cấp trong xã hội Ấn Độ:

- *Bà La Môn chúng (Brahmana)*. Dòng giống nhà đạo đức, thông minh.
- *Sát đế lý chúng (Kshatriya)*, cũng viết: *Sát lý chủng*. Dòng giống nhà vua, nhà tướng.
- *Phệ xá chúng (Vaisya)*, cũng viết: *Tỳ xá chủng*: Dòng giống nhà thương mại. Dịch nghĩa: Dòng Trưởng giả.

Thủ đà la chủng: Sūdra, cũng viết: Thủ đà chủng: Dòng giống nhà làm ruộng. Dịch nghĩa: Dòng Cư sĩ.

Hai chủng trên có đặc quyền. Chủng Bà La Môn chuyên việc đạo đức. Chủng Sát Đế Lý chuyên việc trị nước.

Ngoài bốn chủng ấy, còn một giai cấp nữa là hạng cùng dân mạt chủng, tức là bọn nô lệ mãi đời, chịu trăm bề khổ cực. Bên Ấn Độ, người ta coi hạng này là ô trược, bốn hạng trên không rờ tới mình họ. Đó là giai cấp *Chiên Đà La (Candala)*, ngày nay người ta thường kêu là Ba Ly a (Parihs).

* **Bổn lai**: Vốn thuở nay, nghĩa là vốn từ thuở bắt đầu tới nay. Phàm bắt từ cái thời kỳ trước hơn hết của vậy gì, kêu là bổn lai, như nói "*Tự vô thủy dĩ lai*": Từ thuở vô thủy tới nay vậy.

* **Bổn Nguyên**: Điều thệ nguyện cội rễ. Tâm lượng của Bồ Tát quảng đại, thệ nguyện cũng vô lượng. Chỉ về cái nguyện lực vốn sẵn có ấy, cho nên kêu là Bổn nguyện như 48 nguyện của đức A Di Đà Phật, 12 nguyện của đức Dược Sư Như Lai vậy.

* **Bửu Chưởng Bồ Tát**: Còn gọi: Bảo Chưởng Bồ Tát, Bảo Chủng Bồ Tát. Chủng tánh, chủng tộc quý báu. Là tên một đức Bồ Tát Ma Ha tát trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

* **Bửu Nguyệt (Bồ Tát)**: Còn gọi: **Bảo Nguyệt (Bồ Tát)**. Phạn âm: *Ratnacandra, Ratnachandra*. Tên một đức Bồ Tát Ma Ha Tát trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

* **Bửu Quang Thiên Tử**: Còn gọi: **Bảo Quang Thiên Tử**. Phạn âm: *Ratnaprabha*. Một vị Tiên ở cõi Lục Dục Thiên, nội thần của đức Đế Thích. Khi đức Phật giảng kinh Diệu Pháp Liên Hoa trong núi Kỳ Xà Quật, đức Đế Thích có hiện đến dự nghe với hai vạn vị Thiên Tử.

Đứng đầu trong hai vạn vị Thiên Tử ấy, có: Minh Nguyệt (*Srya*) Thiên tử, Phổ Hương (*Samantagandha*) Thiên tử, Bảo Quang (*Ratnaprabha*) Thiên tử.

* **Bửu Tích (Bồ Tát)**: Còn gọi: **Bảo Tích (Bồ Tát)**. Phạn âm: *Ratnakara*. Những của quý báu tích tụ; Những pháp môn vô giá gom lại.

Bảo-Tích Bồ Tát là một vị Bồ Tát có hiện lại nghe Phật Thích Ca giảng kinh Diệu Pháp Liên Hoa.



C

* **Ca-Chiên-Diên**: Phạn âm : *Mahakatyayana*; Tên gọi khác là: *Ma-ha-ca-đa-diễn-na, Ma-ha-ca-để-na-dạ-na, Đại Ca-Chiên-Diên, Ma-ha Ca-Chiên-Diên* . Hán dịch : *Đại Tiễn Dịch Chúng Nam*.

Một bậc Đại Thánh văn, Đệ tử của Phật. Tên ông cũng viết là Ca Đa Diễn na: Kâtyâyana, có nghĩa là: Văn Sức tức Văn Sức Tôn giả. Vì Tôn trọng ông là bậc Đại thánh nên trong kinh thường gọi ông là Ma ha Ca Chiên Diên. Ông là dòng Bà La Môn, quê ở miền Nam Thiên Trúc, con của ông Ca Chiên: Kâtyâ. Hồi đức Phật độ ông thì Ngài giảng với ông Trung Đạo, Tứ Diệu Đế và Thập nhị nhơn duyên.

Đức Thích Tôn có phái ông đi với 500 vị Sa Môn khác đến thành Pradyota, viếng vua Videha, ông có đi ngang thành Kampakubja. Tại thành này, ông có một người bạn, con gái của người bạn ông sau gả cho vua Videha. Vua này có cất nhiều Tịnh xá: Vihâras và cúng dường nhiều món cho mấy bạn đồng hành của ông Ca chiên Diên.

Ông là cháu của ông A Tư Đà: Asita, chính ông này có ra mắt đức Thế Tôn hồi Ngài mới giáng sanh và ông nhìn biết những tướng Phật nơi mình của Ngài. Ca Chiên Diên thọ giáo với ông A tư Đà, chứng được Tứ thiền, Ngũ thông. Sau khi ông A Tư Đà tịch, ông Ca Chiên Diên được vua nước Ma Già Đà: Ma Kiệt Đề thỉnh về làm đạo sư. Về sau, vì không hiểu nghĩa hai câu kệ, ông tầm đến Phật và xin giải giúp. Như dịp ấy, ông qui y và đắc quả La Hán. Ông Ca Chiên Diên được Phật công nhận là bậc luận nghĩa đệ nhất trong hàng chư Đệ tử. Ông thường hầu theo Phật và được nghe Phật thuyết pháp nhiều thời Kinh Đại Thừa.

Trong hội Pháp hoa, đức Phật có thọ ký cho ông Ca Chiên Diên, phán rằng về sau, Ca Chiên Diên sẽ thành Phật, hiệu là Diêm Phù Na Đề Kim Quang: *Djambunadaprabha*.

* **Ca Lãng Tân Già (diểu)**: Phạn âm: *Kalavinka*. Hán dịch : *Hảo thanh diểu, Mĩ âm diểu, Diệu thanh diểu*. Còn gọi: *Ca-la-tân-già diểu, Yết-la-tân-ca diểu, Ca-lan-tân-già diểu, Ca-lãng-tì-già diểu*. Gọi tắt: *Ca lãng, Ca-lãng-tân diểu, Ca-lâu-tân diểu, Ca-lãng diểu, Yết-tì diểu, Tân-già diểu*
Ca-lãng-tân-già diểu là loài chim sống trong hang núi và đồng nội ở Ấn Độ, gốc ở Tuyết sơn. lông chim màu đen, giống như chim sẻ, rất

đẹp, mỏ màu đỏ, khi còn trong trứng đã biết hót ; tiếng hót trong trẻo, êm ái, véo von hơn cả tiếng trời, người, khấn-na-la (thần âm nhạc) và tất cả các loài chim . *Kinh điển Phật giáo* thường dùng tiếng hót của loài chim này để dụ cho pháp âm nhiệm mầu của Phật, Bồ tát . Có kinh điển cho đây là một loài chim ở Tịnh Độ Cực Lạc. Trong *Mạn-đồ-la Tịnh độ*, hình tượng chim Ca-lăng-tần có đầu người mình chim .

* **Ca Lô La:** Phạn âm: *Garudas*.

Loài Thần điểu có cánh vàng (Kim sí điểu). Mỗi khi Phật thuyết Kinh, thường có các hạng chúng sanh tựu đến để nghe Phật thuyết pháp.

Trong các hạng chúng sanh ấy, có một hạng là Ca Lô La. Các hạng chúng sanh ấy là: Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, Thiên, Long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khấn Na La, Ma Hầu La Già, Nhơn, Phi Nhơn.

Hồi đức Phật Thích Ca sắp diễn kinh Diệu Pháp Liên Hoa, có bốn vị vua trong loài Ca Lô La đến dự với quyền thuộc của mình. Bốn vị vua ấy là: **Đại Oai Đức Ca Lô La Vương** (*Mabêtiêdias*), **Đại Thân Ca Lô La Vương** (*Mahâkâya*), **Đại Mãn Ca Lô La Vương** (*Mahâpurna*), **Như Ý Ca Lô La Vương** (*Mahârdhiprâpta*).

Những hạng Ca Lô La (Kim sí điểu) và Long (rồng) nếu không tu hành thì thường hay nghịch nhau, nhất là loài Ca Lô La hay sát hại loài Long. Hồi đức Phật Thích Ca còn trụ thế, một hôm có loài Long (rồng) đến bạch với Phật rằng loài Ca Lô La (Kim sí điểu) thường sát hại chúng nó, ăn thịt vợ và con chúng nó, chúng nó cầu Phật giúp cho chúng nó được an ổn.

Đức Phật cởi cái áo tràng của Ngài, Ngài ban cho bốn vị vua loài Long và phán rằng: Các người hãy phân chia cái áo đó ra đi. Trong loài Long, cứ mỗi con giữ lấy một chút vải của cái áo ấy thì khỏi sự sát hại của loài Ca Lô La (Kim sí điểu).

* **Ca Lưu Đà Di:** Phạn âm: *Kâlodâyin*. Hán dịch: *Đại Thô Hắc, Hắc Điểu, Thời Khởi, Hắc Thượng*. Còn gọi: *Ca-lâu-đà-di, Ca-lô-đà-di, Ca-lô-na, Ca-lô, Hắc-utu-đà-di*.

Một trong nhóm 6 vị Tỳ kheo (6 vị Tỳ kheo thị hiện có nhiều ác hạnh) trong các đệ tử của Phật.

Theo *kinh Tăng Nhất A Hàm 47, Luật Tứ Phần 14*, thân thể ngài Ca-lưu-đà-di rất đen đúa, thường đi khát thực vào ban đêm. Một hôm, trời tối mịt, Ngài đứng trước nhà một phụ nữ đang mang thai. Trong bóng đêm

mờ ảo lúc khát thực trời chớp, vì chợt thấy Ngài mà ngỡ là quý, nên bà sợ hãi té ngã và bị sẩy thai. Sau đó, biết Ngài là đệ tử Phật, bà liền nổi giận mắng chửi Ngài. Như Lai biết việc này liền chế giới quá giờ Ngọ không được đi khát thực.

* **Cam Lô (Cam Lộ):** Phạn âm: *Amṛta*. Hán âm: *A-mật-ri-da*. Hán dịch là *Cam-lộ* (nước móc ngọt). Cũng dịch là *Bất tử tửu* (Thuốc rượu uống chẳng chết), Trường sanh tửu (Thuốc rượu uống vào sống mãi), Thiên tửu (Thuốc rượu của chư thiên). Đó là thứ thuốc nước ngon ngọt, thơm tho, linh diệu, để làm đồ uống của chư Thiên, chư thần. Cam-lộ có 4 màu: xanh, vàng, đỏ, trắng. Cam-lộ là chất thuốc Tiên, thuốc Phật, ngon ngọt và linh diệu hơn các thứ thuốc phàm, hễ rưới lên mình ai thì người ấy dứt hết bệnh tật, dầu sắp chết cũng được sống lại, vì thế so sánh, nên người ta gọi Pháp Phật, Niết Bàn là Cam-lộ.

* **Căn:** Phạn âm: *Indriya*.

Rễ, cội rễ, nguồn gốc, bản nguyên, cốt yếu. Vật chi có sức sanh nảy, có sức làm cho thêm ra, lớn lên, gọi là Căn.

Cũng như rễ (căn) cây có sức làm cho cây lớn lên, có sức sanh nảy ra thân cây, nhánh cây, lá cây, nhũn (mắt) có sức làm người ta thấy rõ mọi vật, nên kêu là nhãn căn. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, sáu món có sức phát sanh sự thấy, sự nghe, sự ngửi, sự nếm, sự xúc động, sự biết, gọi là lục căn.

Lại, căn của đàn ông, của đàn bà có sức phát sanh và tăng thêm chủng tộc, nên gọi là nam căn, nữ căn.

Lại nữa, trong ngũ căn:

- Lòng tin có thể làm cho mộ Tam bảo, hoan nghênh chơn lý, Tứ đế, đó là *Tín căn*.

- Lòng tinh tấn có thể làm cho đồng mãnh mà tu tập các pháp lành, nên gọi là *Tấn căn*.

- Lòng niệm có thể tăng thượng sự tưởng nhớ Chánh pháp, nên gọi là *Niệm căn*.

- Lòng định có thể tăng thượng sự nhứt tâm về Đạo lý, dứt tán loạn, nên gọi là *Định căn*.

- Trí Huệ có thể mở mang việc giác ngộ, nhờ nó mà người ta thông đạt, nên gọi là *Huệ căn*.

Lại nữa, Căn là tánh thiện hoặc tánh ác của người, tánh ấy có sức tăng thượng việc lành hoặc việc ác. Tức là cái tánh, sự quen thuộc từ những đời trước. Như: Căn cơ, Căn tánh, Thiện Căn. Về Thiện căn thì vô lượng,

vô số. Vì nhà đạo tu tập rất nhiều đức tánh, mỗi đức tánh khi được sâu rộng, vững chắc, thì trở nên một Thiện căn vậy. Cho nên nhà Đạo đức, trang Thánh giả có vô lượng Thiện căn, tức vô lượng đức, tánh sâu rộng, tất cả đều nâng đỡ cho cái căn to lớn nhất là *A nậu đa la Tam miệu Tam bồ đề căn*.

Căn có ba thứ: độn căn, trung căn, lợi căn. Bồ Tát đối với bậc độn căn, căn tánh ngu, cùn, nhỏ mọn, thấy cạn, thì dạy cho sanh tinh tấn. Đối với bậc trung căn, thì dạy cho thuần thực. Đối với bậc lợi căn, căn tánh sắc sảo, có thể thọ lãnh cái Pháp lớn, đã từng tu tập điều lành, thì dạy cho được giải thoát.

Trong hàng đệ tử của Phật, có hai bậc: độn căn và lợi căn. Bậc độn căn thì ưa Pháp cỡ nhỏ, tham trước vòng, sanh tử, tuy đã gặp qua chư Phật mà chưa thành Đạo thâm diệu, còn bị các mối khổ làm cho não loạn thân tâm. Đối với bậc này Phật dạy cách tu cho nhập Niết Bàn, dứt khổ não. Đó là Ngài độ cho bằng hai phương tiện: Thinh văn thừa và Duyên giác thừa. Bậc lợi căn thì tâm tính đã sẵn thanh tịnh, nhu nhuyễn, thuần thực, đã từng hành đạo thâm diệu theo chơn chư Phật, thì Phật dạy cho lý thuyết Đại Thừa để thành Phật.

* **Càn Thát Bà:** Phạn âm: *Gandharva*. Còn gọi: Kiện Thát Bà, Kiền Đà La, dịch nghĩa: Hương thần.

Hạng thần lo về âm nhạc trên trời. Hạng thần Càn Thát Bà không ăn thịt, không uống rượu, chỉ thích mùi thơm (hương), ngửi mùi cũng đủ no, vì vậy nên trong mình xông ra mùi thơm, và chính vì thế nên gọi là Hương thần. Trên cung trời đức Đế Thích, có hai hạng thần lo về âm nhạc châu ngài: hạng Càn Thát Bà thì sửa chữa nhạc và bài nhạc, hạng Khẩn Na La thì lo về Pháp nhạc.

Càn Thát Bà là một bộ trong tám bộ chúng sanh thường hiện đến nghe Phật mỗi khi Phật giảng kinh Đại Thừa.

Hồi Phật giảng kinh Diệu pháp Liên hoa, có bốn vị vua Càn Thát Bà hiện lại nghe: *Nhạc Càn Thát Bà vương, Nhạc âm Càn Thát Bà vương, Mỹ Càn Thát Bà vương, Mỹ âm Càn Thát Bà vương (Manôdjna, Manôdjnasvara, Madhura, Madhurasvara)*. Bốn vị này có dắt theo cả trăm ngàn quyến thuộc.

Trong Soạn Tập Bá Duyên kinh, lúc Phật ngự gần thành Xá Vệ, trong vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, có một nhà nhạc sĩ đại danh trong toàn cõi Ấn Độ đến thành Xá Vệ. Nhạc sĩ muốn trưng tài mình ra cho Phật biết. Sau khi nhạc sĩ khảy đàn và được công chúng khen tặng, Phật bèn niệm tưởng đến vị Càn Thát Bà từ *Pâncasikha* (năm cái lông hạc) có bảy ngàn

Cần Thát Bà hầu theo và khiến vị ấy đem cây đờn cán bằng lưu ly trên cung trời Đế Thích xuống cho Ngài. Phật khảy đờn ấy, làm cho nhà nhạc sĩ đại danh tin phục. Nhưn đó, Phật thuyết pháp độ người. Nhà nhạc sĩ đại danh ấy bèn thọ giới xuất gia và đắc quả A La Hán.

* **Cận Sự Nam:** Phạn âm: *Upāsaka*.

Trai cận sự. Bồn cũ xưng là Ưu Bà Tắc, bồn mới xưng là Ô Ba Sách Ca, dịch là Cận Sự Nam, là tiếng kêu người thiện nam tại gia thọ ngũ giới.

- **Cận Sự Nữ:** Phạn âm: *Upasika*.

Nữ cận sự. Bồn cũ xưng là Ưu Bà Di, bồn mới xưng là Ô Ba Tư Ca, dịch là Cận Sự Nữ, nghĩa là thân cận nơi Tam bảo, phụng sự đức Như Lai vậy.

* **Câu Bệ Đà La (Thụ):** Phạn âm: *Kovidāra, Kudāra*. Hán dịch: *Địa-phá thụ*. Còn gọi: *Câu-tỳ-đà-la thụ, Câu-bi-la thụ*. Tên khoa học: *Bauhinia variegata*.

Một trong những loại cây hắc đàn, sống ở phía Tây chân núi Hymalaya và mọc rải rác ở Trung Quốc và Miến Điện.

Theo *Luận Lập Thế A Tỳ Đàm 3*, cây Câu-tỳ-đà-la, thân cao lớn, cành lá sum sê, không bị thời tiết gió mưa làm héo tàn.

Theo *Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký 20*, cây Ba-lợi-chất-đa là cây Câu-bệ-đà-la nhưng thật ra 2 cây này khác nhau.

* **Câu Hi La :** Phạn: *Kausthila*. Hán dịch: *Đại Tát, Đại Đổ Trì, Đại Thắng*. Còn gọi: *Ma-ha Câu-hi-la* (Phạn: *Mahākausthila*), *Ma-ha Câu-sắt-chỉ-la, Câu-sắt-đế-la*.

Một vị A-la-hán, đệ tử lớn của Phật, chứng được lý năm uẩn đều không, nên gọi ngài là Ngộ Không. Theo *kinh Tạo A-Hàm 12*, ngài Câu-hi-la ở núi Kỳ-xà-quật, ngài Xá-lợi-phất đến hỏi nghĩa mười hai nhân duyên, ngài Câu-hi-la đều giải đáp thông suốt nên ngài Xá-lợi-phất khen ngài là bậc trí huệ biện tài, khéo hàng phục và không sợ hãi khi có người vấn nạn. *Phẩm Đệ Tử trong kinh Tăng Nhất A Hàm*, ghi: Ma-ha Câu-hi-la có 4 biện tài.

Soạn Tập Bách Duyên 10, Luận Đại Trí Độ 1, Hữu Bộ Tì-nại-da Xuất gia Sự 1,2 đều cho rằng Câu-hi-la tức Phạm Chí Trường Trảo, cậu của ngài Xá-lợi-phất.

* **Câu Danh (Bồ Tát):** Phạn âm: *Yacaskāma*.

Một đời trước của đức Di Lạc Bồ Tát. Hồi đức Phật Nhựt Nguyệt Đăng Minh sau rốt ra đời, có một ông sư kêu là Cầu Danh Bồ Tát. Ông rất háo sữ lợi, danh, ưa người ta tôn trọng và cung kính mình, chịu người ta gọi mình là người thông thái. Đó là Di Lạc Bồ Tát thuở ấy.

Còn thuở ấy, Diệu Quang Bồ Tát đứng ra giáo hóa chúng sanh, là đức Văn Thù Sư lý bây giờ.

Cầu Danh Bồ Tát là một vị trong 800 đệ tử của Diệu Quang Bồ Tát.

✱ **Chân Ca La** (Kankara): Hán âm: *Cãng-yết-la, Hằng-ca-la*.

Một trong các số mục của Ấn Độ thời xưa, tương đương với nghìn vạn ức. *Kinh Pháp Hoa 6*, ghi : “Lại nghe bài kệ trong kinh Pháp Hoa này đến tám trăm nghìn vạn ức na-do-tha, chân-ca-la, tần-bà-la, a-súc-bà”.

✱ **Chân Thúc Ca (Bảo)**: Châu báu Chơn-thúc-ca.

Đó là một thứ ngọc màu đỏ (xích). Bên Thiên Trước, có cây Chơn-thúc-ca, hoa nó màu đỏ, lớn bằng bàn tay. Bởi thứ ngọc ấy màu đỏ tựa màu hoa chơn-thúc-ca, cho nên người ta gọi như vậy.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Diệu Âm Bồ Tát phẩm: “Khi Diệu Âm Bồ Tát từ cõi Tịnh Quang Trang Nghiêm của Phật Tịnh Hoa Túc Vương Trí, sắp hiện lại cõi Ta bà của Phật Thích Ca Mâu Ni với chư Bồ Tát do ngài dẫn đầu, ngài bèn cho hiện ra trước Pháp hội tại núi Kỳ Xà Quật vô số tòa Sen, cọng bằng vàng, lá bằng bạc, nhụy bằng kim cương, đài bằng chơn-thúc-ca bảo”.

✱ **Chánh Đẳng Chánh Giác**: Âm theo Phạn là *Samyaksambodhi*; Âm Hán: *Tam-Miệu Tam-Bồ-Đề*; Hán dịch: *Chánh đẳng chánh giác*. Đó là quả vị đáng bậc chơn chánh, giác ngộ chơn chánh. Có khác với Chánh Biến Tri (Chánh Biến Giác: Tam-Miệu Tam-Phật-Đà) ở chỗ: Chánh Biến Tri chỉ về người thành Phật, cũng là 1 trong 10 danh hiệu của Đức Phật; còn Chánh đẳng Chánh giác chỉ về quả vị Phật, cũng viết là Đẳng Chánh Giác. Cái quả Chánh đẳng Chánh giác hiện đến cho Đức Thế Tôn (Thích-Ca) hồi Ngài nhập định nơi cõi cây Bồ-Đề. Cũng viết: Cực quả.

✱ **Chánh Định**: Phạn âm: *Samyak*.

Sự thiền định chơn chánh của nhà tu học chánh thống quyết đặc đạo, giải thoát. Chánh định là con đường cao rốt trong Bát Chánh đạo. Trái với: Tà định, Bất chánh định. Sự tu Chánh định có rất nhiều từng bậc, nhưng đại để gom vào hai bậc:

- Bực ở trong cảnh Định gần (Upacara Samadhi) lo trừ lần vào những mối tham, sân, si.

- Bực ở trong cảnh Định cao (Appana Samadhi) nhập những cảnh: Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền và cao hơn nữa.

Về Tiểu Thừa, bực Chánh định đắc lần từng quả: Tu đà huờn, Tư đà hàm, A na hàm, A La Hán hay là Duyên giác.

Về Đại Thừa, bực Chánh định đắc lần từng quả vị trong Thập địa của Bồ Tát, cho đến quả rốt ráo là quả Phật Thế Tôn.

Do Thiếu dục mà được Tinh tấn. Do Tinh tấn trì giới mà được Chánh niệm. Do Chánh niệm mà được Chánh định. Do Chánh định mà được Chánh huệ. Do Chánh huệ mà được Giải thoát. Đó là các trình độ tu chứng chung cho cả Tiểu Thừa và Đại Thừa.

* **Chánh Giác:** Phạn âm: *Samyaksambouddha*. Hán dịch: *Tam miệu Tam Phật Đà*. Dịch nghĩa: *Chánh biến giác*. Gọi tắt: **Chánh giác**.

Bực giác ngộ hoàn toàn, hiểu biết tất cả, tức là Phật Thế Tôn.

Vô lượng Thọ kinh, ngài Pháp Tạng Tỳ Kheo khi phát Bồ đề tâm, có lập 48 điều nguyện. Trong 48 điều nguyện đó, nếu có điều nào không thành tựu thì ngài sẽ chẳng giữ lấy ngôi Chánh giác.

Di Lặc hạ sanh thành Phật kinh, Phụ chiêm sát pháp, Tri tử hữu nhị tướng: Xử tục tác Luân Vương, Xuất gia thành Chánh giác. (Khi Bồ Tát Di Lặc sẽ hạ sanh, cha ngài chiêm quẻ, biết rằng con mình sẽ có hai địa vị mà lựa lấy: nếu ở tại thế thì làm bực Chuyển luân vương, bằng xuất gia tu hành thì thành Chánh giác (Phật).

Chữ Chánh giác lại cùng có nghĩa: Trí huệ sáng suốt hoàn toàn. Phạn: Tam Bồ Đề (Sambodhi) trong chữ Tam miệu tam bồ đề (Chánh đẳng chánh giác: Samyakrambodhi). Đó là cái trí chứng ngộ chơn thật hoàn toàn của đức Như Lai. Đó là quả vị rốt ráo của đức Thế Tôn. Như: Chứng Chánh giác, Thành Chánh giác.

* **Chánh Pháp:** Đạo pháp chơn chánh, cao trổi, trong sạch. Chánh pháp có hai phần: lý và thể.

- Lý: ý nghĩa không sai chạy, không tà, ngụy, đạo lý từ lúc ban sơ đến lúc cuối cùng đều có tánh cách trong sạch. Vì vậy nên gọi là chánh.

- Thể: pháp, tức là nền Pháp bảo ở trong Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng).

Thể của Chánh pháp lại cũng gom vào trong bốn pháp (Tứ pháp):

- Giáo: tiếng nói câu văn của chư Phật, Thánh có tánh cách phá vô minh, trừ phiền não.

- Ly: nghĩa lý trong giáo pháp.

- Hạnh: y theo nghĩa lý trong giáo pháp mà thi hành Giới, Định, Huệ.
- Quả: Nhờ thi hành Giới, Định, Huệ mà chứng đắc những quả hữu vi và vô vi.

Câu Xá Luận, quyển 29 có nói: Về nền Chánh pháp của đức Thế Tôn, Thế có hai thứ: giáo và chứng.

- Giáo là giáo pháp trong Kinh có tánh cách ứng đối và điều phục.
- Chứng là nhờ tu hành theo giáo pháp của Phật dạy mà chứng quả vị trong ba thừa (Thinh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ Tát thừa).

Vô lượng Thọ Kinh, có chép: Trong những vị Bồ Tát sanh qua cõi Phật A Di Đà, những vị nào có biện tài thì thường tuyên thuyết Chánh pháp, tùy thuận trí tuệ, không trái, không thất. Chánh pháp lại có nghĩa: Cái Pháp chơn chánh, tỏ rõ, trong trẻo của mỗi đức Phật vừa thành Đạo và truyền ra. Cái Pháp của mỗi đức Phật trải qua ba thời kỳ: thời kỳ Chánh pháp, thời kỳ Tượng pháp và thời kỳ Mạt pháp.

- Thời kỳ Chánh pháp (đạo lý chơn chánh) của đức Phật Thích Ca là 500 năm sau khi ngài tịch.
- Thời kỳ Tượng pháp (đạo lý tương tự với chánh pháp), 1000 năm.
- Thời kỳ Mạt pháp (đạo lý lúc sau cùng) là 10.000 năm.

Trong Luật tạng có ghi mấy lời của đức Phật như vậy: “Nền Chánh pháp của ta đáng lẽ trụ thế 1000 năm, hoặc lâu hơn nữa. Nhưng trót vì Ta đã cho hàng phụ nữ xuất gia, nên nền Chánh pháp bị giảm bớt, chỉ trụ thế 500 năm mà thôi”.

Trong Kinh Luật ghi ba thời kỳ Chánh pháp, Tượng pháp và Mạt pháp, đặt cho biết rằng: Trong thời kỳ Chánh pháp, dễ tu chứng và rất nhiều người tu chứng, vì nền Chánh pháp đương thịnh hành. Trong thời kỳ Tượng pháp, hơi khó tu chứng và số người tu chứng ít hơn, vì đạo pháp mờ nhạt với Chánh pháp. Đến thời kỳ Mạt pháp, rất khó tu chứng và rất ít người tu chứng, vì là lúc cuối cùng của nền Đạo.

Nhưng mà, đứng về phương diện Đại Thừa, Ta thấy rằng: Lúc nào cũng có Chánh pháp, đều ở trong thời kỳ Chánh pháp, Tượng Pháp hay Mạt pháp. Lại nữa, lúc nào cũng có Phật, sức ủng hộ của Phật, tuy là Phật đã thị hiện tịch diệt. Và lúc nào cũng có Tăng bảo, Chơn Tăng, Thánh Tăng. Cho nên người thiện tín nên cố gắng mà tu tập.

* **Chánh Sử (Chính Sử)**: Những mối phiền não chánh đáng. Sử (sai khiến) tức là phiền não, tham dục, ham mê, trù mến, những mối ấy phát hiện nơi tâm do tham sân si, có sức sai khiến người ta làm bậy, phạm tội, luyến ái mà chẳng thoát ra khỏi Tam giới.

Phụ thuộc theo chánh sử, có những mối phiền não nhỏ vật gọi là tập khí, tức là những thói quen, những tập tục. Bực La Hán diệt hết các mối chánh sử chớ chưa dứt xong tập khí.

✳ **Chấp Kim Cang (Thần):** Còn gọi: *Chấp Kim Cang Dạ Xoa, Kim Cang Thủ, Kim Cang Lực Sĩ.*

Vị thần Dạ Xoa, tay cầm gậy Kim Cang đứng bảo vệ cửa cung trời Đế Thích. Khi đức Phật xuất thế, vị thần này liền xuống cõi Diêm-phù-đề để hộ vệ và canh phòng đạo tràng của Thế Tôn.

✳ **Châu Đà Sa:** Gọi tắt: **Châu Đà.** Phạn âm: *Suddhipanthaka.*

Một vị Thanh văn đệ tử của Phật Thích Ca. Ông theo Phật tu đắc quả A La Hán. Tên ông cũng viết: *Châu-lợi-bàn-đà-già, Châu-lợi-bàn-đặc-ca.* Hán dịch: *Kế đạo, Đại lộ biên* (vì bà mẹ ông sinh ra ông bên đường cái). Ông có một người em tên là Tá-già-đà. Hán dịch: *Tiểu lộ biên, cả hai đều tu đắc quả A-la-hán.*

Trong hội *Pháp Hoa*, ông Châu Đà và một nhóm 500 đệ tử La hán được Phật thọ ký chung cho quả Chánh đẳng Chánh giác. Phật bảo 500 vị La hán ấy sẽ lần lượt thành Phật, đồng một danh hiệu là Phổ Minh Như Lai (*Samantaprabhâsa*).

✳ **Chiêm Bặc (Hoa):** Phạn: *Campaka.* Còn gọi: *Chiêm-Bà hoa, Chiêm-ba hoa, Chiêm-bác-ca hoa.* Hán dịch: *Kim sắc hoa thụ, Hoàng hoa thụ.*

Một loại cây mọc trong rừng sâu và trên đồi núi ở vùng nhiệt đới Ấn Độ. Thân cây cao lớn, lá dài từ 0,18m đến 0,21m, mặt trên bóng láng, mặt dưới có phần trắng và lông mịn. Hoa màu vàng óng, mùi thơm bay xa đến vài dặm. Vỏ cây có thể ép ra nước thơm; vỏ, lá và hoa đều có thể dùng để chế thuốc hoặc làm dầu thơm.

✳ **Chiên Đàn:** Phạn âm: *Gandha, Candana.* Gọi đầy đủ: *Chiên-đàn-na.*

Tên một loại cây thơm mà người ta đốt lấy hương cúng Phật. Chiên Đàn có nhiều màu: đỏ, trắng, tím, có thể dùng làm thuốc trị bệnh. Chiên Đàn có nhiều thứ. Những thứ quý vô giá là: *Chiên Đàn Kiên hắc (Kalânusârin)* và *Chiên đàn Hải thử ngọc (Uragasâra).* Cũng có các thứ Chiên Đàn quý giá nữa là: *Huân lực, Đâu lâu bà, Tất lực ca, Trầm thủy.*

Ngoài sự đốt, sự tán để có mùi thơm cúng Phật người ta còn dùng trị bệnh và nhiều công dụng khác như lên cốt Phật bằng cây Chiên Đàn, làm cột, kèo chùa tháp bằng cây Chiên Đàn.

Lại như thứ *Ngưu đầu Chiên đàn* sản xuất ở núi Ma La Da (Himalaya) tán ra mà bôi vào mình thì khi vào hầm lửa, lửa chẳng đốt cháy. Nhiều thầy tu dùng thứ Chiên Đàn này mà trét nơi bàn chơn, rồi đi qua đi lại trên than đờng cháy một cách tự nhiên. Những người thế tục thấy vậy tưởng là họ có thuật thần thông.

- Chiên Đàn đối với phàm mộc (những cây tầm thường chỉ dùng làm củi mà thôi). Chiên Đàn tử như kinh pháp, phàm mộc tử như những đồ cúng dường.

Niết Bàn kinh, quyển 26: Bực đệ tử xuất gia của Phật, nếu vì sự cúng dường mà diễn kinh thuyết pháp với người tại gia thất lễ. Họ buồn ý chẳng muốn nghe, họ ngồi trên cao mà mình ngồi dưới thấp, như vậy có khác nào kẻ đem Chiên Đàn mà đổi lấy phàm mộc.

- Chiên Đàn lại đối với Y lan: cây Chiên Đàn thì có mùi thơm (hương khí) cây Y lan thì xông ra mùi thúi (xú khí). Đó tử như thiện đối với ác. Bồ đề đối với phiền não.

* **Chín Bộ Pháp**: Còn gọi: **Cửu bộ kinh**. Những phân loại giáo pháp do đức Phật thuyết. Tức là chín bộ trong mười hai bộ kinh mà trong đời Phật, ngài lần lượt diễn giảng. Cửu bộ pháp là:

1. Trường hàng (Tu đa la/ Sutra), cũng dịch là Pháp bản, Khế kinh.
2. Trùng tụng (Kỳ dạ/ Geya), cũng dịch là Ứng tụng.
3. Cô khởi kệ (Già đà/ Gāthā), cũng dịch là Phúng tụng.
4. Nhơn duyên (Ni đà na/ Nidāna).
5. Thí dụ (A ba đà na/ Avadāna).
6. Bồn sự (Y đế mục đa già/ Itivrtaka).
7. Bồn sanh (Xà đà già/ Jātaka).
8. Vị tầng hữu (A phù đà đạt ma/ Adbhutadharma).
9. Luận nghị (Ưu ba đề xá/ Upadēsa).

Nếu thêm ba bộ:

1. Thọ ký (Hoà ca la na/ Vyakarana).
2. Tư thuyết (Ưu đà na/ Udana).
3. Phương quảng (Tỳ phật lược/ Vaipulya) thành 12 bộ.

Ban đầu Phật thuyết chín bộ, sau Phật thuyết thêm ba bộ. Ai nghe đủ 12 bộ, tức được Phật huệ, vào Phật thừa.

* **Chín Kinh** : Chín bộ Kinh. Chín bộ này có biên trong *phẩm Kim Cang Thân, Niết Bàn Kinh*:

- Tu Đa La (Sutra),
- Kỳ Dạ (Geyal),

- Thọ Ký (Vyakarana),
- Già Đà (Gāhā),
- Ưu Đà Na (Udana),
- Y Đế Mục Đa Già (Itivrtaka),
- Xà Đà Già (Jātaka),
- Tỳ Phật Lược (Vaipulya),
- A Phù Đà Đạt Ma (Adbhura-dharma).

Tam tạng Kinh của đạo Phật có tất cả 12 bộ mà trên đây là 9 bộ.

* **Chúc Lụy:** Trao trách nhiệm cho người khác để tiếp nối gánh vác.

Trong Tông môn, người trước truyền trao Đại pháp của Phật Tổ cho người sau, nhờ họ hộ trì, gọi là Chúc lụy.

* **Chúng sinh (Chúng sanh):** Phạn âm : *Bahu-jana, Jantu, Jagat, Sattva*, Hán âm : *Bộc-hô-thiện-na, Thiên-dầu, Xả-già, Tát-đỏa*; Hán dịch : *Hữu tình, Hàm thức, Hàm sinh, Hàm tình, Hàm linh, Quân sinh, Quân manh, Quân loại*.

Chúng sinh là từ thường dùng để chỉ cho tất cả loài hữu tình ở cõi mê. Theo Kinh Tạp A-Hàm 6, “*Những loài hữu tình đắm nhiễm sắc, thọ, tưởng, hành, thức gọi là chúng sinh*”.

Theo Phẩm Thế Bản Duyên trong Kinh Trường A-Hàm 22, không luận nam nữ, sang hèn, cao thấp hay các loài khác, hễ cùng sống trên thế gian này thì đều gọi là Chúng sinh.

Câu-Xá Luận Quang Ký 1 giải thích: Vì chịu nhiều sinh tử nên gọi là chúng sinh.

Theo *Luận Đại Trí Độ 31, Kinh Đại Thừa Đồng Tính, thượng*, chúng sinh là do các duyên 5 uẩn giả hợp mà sinh.

Theo kinh *Bất Tăng Bất Giảm*, pháp thân bị phiền não trói buộc, qua lại sinh tử, nên gọi là Chúng sinh. Thông thường những loài bị vô minh phiền não che đậy, lưu chuyển trong sinh tử là Chúng sinh.

Nếu nói rộng chúng sinh bao gồm Phật và Bồ Tát. *Ma-ha Chỉ Quán 5, thượng*, ghi: “*Hễ có 5 ấm thì gọi là chúng sinh. Chúng sinh chẳng đồng: Năm ấm tam đồ là chúng sinh tội khổ. Năm ấm nhân thiên là chúng sinh được vui. Năm ấm vô lậu là chúng sinh chân thánh. Năm ấm từ bi là chúng sinh Đại sĩ. Năm ấm thường trụ là chúng sinh Tôn Cực*”.

* **Chuyển Luân Thánh Vương:** Phạn âm: *Tchakravartin*. Còn gọi: *Chuyển luân Vương, Chuyển luân thánh đế, Luân Vương*.

Tên cha của đức Phật Đại Thông Trí Thắng (Mahâ-bhidjñâ djnâna bhîbhu), một đức Phật đời quá khứ, là bực Thánh Vương vì pháp lý mà cai trị khắp toàn cầu (Tứ châu). Ngài có 32 tướng cũng như Phật, song ít tỏ rõ hơn.

Bực *Chuyển Luân Thánh Vương* khi tức vị thì có đủ bảy báu này:

- Luân bảo (Xe báu),
- Tượng bảo (Voi báu),
- Mã bảo (Ngựa báu),
- Ma ni châu (Châu báu),
- Nữ bảo (Ngọc bảo),
- Chủ tạng thần (vị quan lo giữ gìn kho tàng),
- Chủ binh thần (vị quan nắm giữ binh quyền).

Ngài ngự trên xe báu (Luân bảo), đi hàng phục tứ phương, vì vậy nên gọi ngài là *Chuyển luân vương*. Ngài cũng đi đứng trên không được, nên gọi ngài là *Phi hành Hoàng đế*. Hồi thuở tăng kiếp, lúc người ta sống tám vạn tuổi trở lên, ngài có ra đời. Lại hồi thuở giảm kiếp, lúc người ta còn sống vô lượng năm cho chí tám vạn năm, ngài cũng có ra đời. Theo các Kinh điển chẳng những một vị *Chuyển Luân Thánh Vương* có đủ thất bảo mà ngài lại có đến một ngàn người con.

Về bánh xe báu (luân bảo), có bốn thứ: vàng, bạc, đồng, sắt.

- Đức vua ngự trên bánh xe vàng thì thống trị cả bốn Đại châu.
- Đức vua ngự trên bánh xe bạc, lãnh phần cai trị ba châu: Đông, Tây, Nam.
- Đức vua ngự trên bánh xe đồng, lãnh phần cai trị hai châu: Đông, Nam.
- Đức vua ngự trên bánh xe sắt, lãnh phần cai trị châu phương Nam, Diêm phù đề.

Theo *Niết Bàn Kinh*, hồi thuở quá khứ, người ta sống đời vô lượng năm, có vị vua tên là Thiện Trụ. Khi vua lên trị vì, như dân sống đến tám muôn bốn ngàn tuổi. Lúc ấy, nơi đỉnh đầu vua nảy lên một cái bọc thịt. Cái bọc ấy lớn dần ra, sau rớt nứt hai, trong ấy hiện ra một người trai sắc tướng đẹp đẽ phi thường. Vua đặt tên là Đỉnh Sanh. Khi thái tử Đỉnh Sanh lớn lên, vua giao quyền cai trị và vào núi mà tu. Lần lượt hiện tới cho vua Đỉnh Sanh đủ Thất bảo, vua dùng Thất bảo mà thống nhiếp tứ châu, trở nên vị *Chuyển Luân Thánh Vương*. Vị *Chuyển Luân Thánh Vương* này là tiền thân của Phật Thích Ca. Hồi đức Thích Tôn giáng sanh, ông đạo tu Tiên tên A Tư Đà có đến châu vua Tịnh Phạn và viếng thái tử. Như thấy thái tử có đủ 32 tướng. Và tám chục tướng phụ của bực Đại sĩ, ông A Tư Đà tâu với vua rằng: " Nếu thái tử ở tại thế thì ắt hẳn

làm bực *Chuyển Luân Thánh Vương*. Còn nếu xuất gia đi tu thì thành Phật Thế Tôn".

✱ **Chuyển Pháp Luân**: Phạn âm: *Dhammachakkappavattanasoutta*.

Quay bánh xe Pháp, thuyết Pháp lần đầu. Bánh xe Pháp mà lăn đi thì hạ được những tư tưởng lằm lạp, cũng như bánh xe sắt đi đến đâu thì cán hết các vật theo đường.

Đức Phật, khi thành Đạo, chưa định truyền giáo. Có đức Phạm Thiên cầu khẩn lằm, Ngài mới định đi ra khai hóa cho đời. Ngài độ ông A La La (*ArataKâlama*) thì ông này đã thác. Ngài nhớ lại ông Uất Đầu Lam Phất (*Udraka*), thì ông này cũng đã tịch, Ngài bèn lần đến thành Ba La Nại (*Bénarès*) trong vườn Lộc mà thuyết pháp độ năm vị chơn nhơn. Kể từ nay Ngài mở nền Pháp lý độ đời, nên gọi là ngài Chuyển pháp luân.

Lúc Chuyển Pháp luân thì ngài thuyết Tứ diệu đế cho năm anh em ông Kiều Trần Như nghe. Nghe rồi, năm ông tự giải thoát khỏi sự lằm lạp mà đắc đạo, thành La Hán.

Trong hội Pháp Hoa, đại chúng có bạch với Phật rằng: "Trong đời Phật, ngài có chuyển pháp luân hai lần: một lần ở Ba La Nại trong vườn Lộc độ bọn ông Kiều Trần Như và kế đó chư Thánh văn đắc quả La Hán, một lần nữa, Ngài chuyển Vô thượng Pháp luân trong hội Pháp Hoa, độ đại chúng hóa thành Bồ Tát, đắc quả Chánh giác.

Sự chuyển Pháp luân có hai đức tánh:

- Vận chuyển cái tâm của chúng sanh, đưa đến nẻo sáng.

- Đè nát các mối mê hoặc, phiền não. Đó cũng như cái bánh xe của bực vua chúa lăn đến đâu thì có hai đức tánh:

• Làm cho an lạc nhơn tâm, khuyến khích kẻ lành.

• Tảo trừ kẻ ác, bọn phản nghịch. Lần nữa, chẳng những kỳ thuyết pháp ban sơ ở thành Ba La Nại, gọi là Chuyển Pháp luân, mà mỗi khi một đức Phật giảng thuyết để dạy chúng sanh cũng đều gọi là Chuyển pháp luân cả. Khi Phật giảng thuyết với hàng trung căn, trung trí, trung tinh tấn, hàng Thánh văn và Duyên giác, như kỳ thuyết pháp ban sơ ở thành Ba La Nại, thuyết về Tứ diệu đế, Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã, thì gọi là Chuyển Pháp luân. Còn khi ngài giảng thuyết, mà Đại chúng phần đông là Thượng căn, Thượng trí, Thượng tinh tấn, tức là hàng Bồ Tát, như thuyết kinh Pháp Hoa, Kinh Niết Bàn, giảng Phật tánh, Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, thì gọi là Chuyển Đại Pháp luân.

✱ **Cồ Đàm (Cù Đàm)**: Phạn: Gautama, Gotama. Còn gọi: Cừu-đàm, Kiều-đáp-na, Cù-đáp-ma, Câu-đàm, Cu-đàm, A-nghĩ-ra-ta. Hán dịch:

Địa tối thắng, Nê thổ, Địa chủng, Âm ngư, Ngư phần chủng, Diệt ác, Nhật chủng, Cam giá chủng.

Cù Đàm là một họ trong các chủng tộc Sát-đế-lợi ở Ấn Độ, dòng dõi tiên nhân Cù-đàm và cũng là họ gốc của đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

* **Công đức:** Công phu và đức hạnh cùng hợp với nhau. Sự nghiệp của mình có ích cho người ta, tự mình ra sức làm điều lành, gọi là Công. Nết na chứa ở trong mình, lòng dạ mình mộ điều lành, gọi là Đức.

Trong kinh Phật, thường nói rằng những việc tụng Kinh, niệm Phật, bố thí, cúng dường của người ta đều là những việc có công đức. Tiền bạc, lễ vật đền đáp nhà sư hộ niệm cho kẻ tại gia, cũng gọi là công đức. Cho nên các công hạnh tu trì lục độ trong vô số Kiếp, cũng gọi là công đức. Như nói: Công đức vô lượng, vô biên của Như Lai. Đồng nghĩa: Phước, Phước đức.

Trong "*Kim cang Kinh*", Phật phán với Tu Bồ Đề: "**Ta** đã cúng dường vô số chư Phật trong các đời quá khứ của **Ta**. Nhưng về sau này, nếu có người ra sức thọ trì đọc tụng kinh Kim Cang này, sẽ đắc công đức nhiều hơn công đức **Ta** cúng dường chư Phật cả trăm lần, cả ngàn lần, cả ngàn vạn lần, cho đến cả vô số lần đếm không xuể và thí dụ không cùng. "

Trong "*Diệu Pháp Liên Hoa Kinh*", Trí tích Bồ Tát có nói với Văn Thù Bồ Tát rằng: "Tôi thấy đức Thích Ca Như Lai trong vô lượng Kiếp, đã từng chịu khó mà tu khổ hạnh, tích lũy công đức, cầu đạo Bồ đề chẳng hề biết ngừng nghỉ".

* **Cộng Mạng (điểu):** Phạn âm: *Jivam-jivaka*. Hán âm: *Kì-bà kì-bà, Kì-bà kì-bà-ca, Thời-bà thời-bà-ca*. Còn gọi: *Mạng mạng diểu, Sinh sinh diểu*

Cộng mạng diểu là loài chim Phượng sống ở Bắc Ấn Độ, được người đời đặt tên theo tiếng hót. Loài chim này có hình dáng kỳ lạ, gồm 1 thân 2 đầu, mặt người hình chim, bay nhanh, tiếng hót rất hay, được ví với tiếng chim Ca-lăng-tần-già. Vì 2 đầu chung 1 thân cùng sống chết, nên còn gọi là *Cộng mạng diểu*.

* **Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai** (Racmicatasahasraparipūrna-Dhvadla).

Một đức Phật vị lai. Đức Phật Thích ca Mâu Ni trong hội Pháp Hoa, có thọ ký cho bà Da-du-đà-la, dạy rằng về sau, bà sẽ thành Phật hiệu là Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng (Như Lai) nghĩa là đức Phật Như Lai có đủ ngàn vạn hào quang.

* **Cực Lạc:** Vui sướng hơn hết, không hề có khổ. Như những sự vui sướng vô cùng của những người sanh lên Thiên cung Đâu-suất, Cực Lạc, Cực Lạc quốc là cõi thế giới sung sướng của đức Phật A-Di-Đà.

* **Cưu Bàn Trà (Quý):** Phạn âm: *Kumbhānda*.

Thần quỷ hung dữ. Cũng viết: *Câu bàn trà*. Đó là loài quỷ ăn lấy tinh khí của người.

Trong *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh*, phẩm Thí dụ nói rằng: Trong cảnh nhà cửa (Tam giới), loài rắn chạy tứ tung, thì loài *Cưu bàn trà* lướt lại mà ăn thịt.

Trong một bộ *Kinh chữ Tây Tạng* luận về nhơn quả, có nói rằng: “Ai mà làm chủ trong một làng xóm, chính mình lo bố thí và cúng dường để tạo công tác phước, song cản không cho kẻ khác bố thí và cúng dường, chùng thác sẽ sanh vào hạng thần *Cưu bàn trà*, hình tướng dị hợm, song được người thờ cúng.



D

* **Dã Can**: Còn gọi: *Xạ Can*. Phạn âm: *Srgāla*. Hán âm: *Tất-già-la*.

Theo *Nhất Thiết Kinh Âm Nghĩa 24*, dã thú này giống chồn, nhưng nhỏ hơn; lông màu vàng pha xanh giống chó, sống thành đàn, ban đêm cất tiếng kêu như sói,

* **Da Du Đà La** : Phạn âm : *Yasodhara* . Hán dịch : *Trì Dục, Trì Xưng, Hoa sắc* . Còn gọi: *La-hầu-la mẫu* (Phạn : *Rahula-matr*); *Da-du-đa-la, Da-duy-đàn* .

Da Du Đà La là con gái của Chấp Trượng (Phạn : *Dandapani*), dòng họ Thích, thành Ca-tì-la Trung Ấn Độ, Chính Hậu của thái tử Tất-đạt-đa, mẹ ruột của La-hầu-la.

Có thuyết cho *Da Du Đà La* là con gái của Đại thần Ma-ha-ma-na (Phạn: *Mahamana*) thuộc chủng tộc Bà-tư-tra (Phạn: *Vasistha*) dòng họ Thích . Có thuyết cho *Da Du Đà La* là em gái của Đề-bà, con gái của vua Thiện Giác (Phạn : *Suprabuddha*) ở thành Thiên Tí (Phạn : *Devadaha*). Bà đoan trang, xinh đẹp bậc nhất, hội đủ các đức tướng tốt. Sau khi Đức Thích Tôn thành đạo 5 năm, bà và di mẫu của Đức Thích Tôn là Ma-ha Ba-xà-ba-đề (Phạn : *Maha-prajapati*) đều xuất gia thụ giới cụ túc làm Tỳ-kheo-ni.

* **Dà Đà kinh** : Hán dịch: *Cô Khởi kệ* (Phạn: *Gāthā*), *Cô Khởi tụng*. Hán âm: *Dà Đà, Kệ đà*.

Dà Đà kinh thường gọi tắt là *kệ*, là một trong 9 thể loại kinh của Tiểu thừa, 1 trong 12 thể loại kinh của Đại thừa.

Dà Đà kinh (*Cô khởi kệ*) là dùng thể loại văn vần 4 câu, ghi trực tiếp lời Phật dạy. Trước bài kệ này không có văn Trường Hàng (văn xuôi) hoặc có những nội dung không liên quan đến ý chứa đựng trong văn kệ.

* **Dạ Xoa**: Phạn âm: *Yaksa*.

Một loài quỷ hung ác, thân hình xấu xí, ghê sợ.

Có ba loài Dạ Xoa: loài sống trên mặt đất, loài sống trong hư không và loài sống trên các cõi trời.

Kinh Phật cho biết loài quỷ Dạ Xoa thường rất độc ác, nhưng một khi đã quy y Phật trở thành hiền lành và ủng hộ người thiện lành, người tụng Kinh Phật, như trong Kinh “Như Lai bốn nguyện công đức” có nói tới 12 thần Dạ Xoa ủng hộ che chở người tụng kinh Dược Sư.

Mười hai vị Dược xoa ấy là:

- Cung tỳ la đại tướng,
- Phạt chiết la đại tướng,
- Mê xí la đại tướng,
- An đề la đại tướng,
- Át nễ la đại tướng,
- San đễ la đại tướng,
- Nhơn đạt la đại tướng,
- Ba di la đại tướng,
- Ma hổ la đại tướng,
- Chơn đạt la đại tướng,
- Chiêu đồ la đại tướng,
- Tỳ yết la đại tướng.

✳ **Danh-Tướng Như Lai:** Phạn âm: *Cacikêtu*.

Một đức Phật vị lai. Tu Bồ Đề (*Subhuti*), theo lời thọ ký của đức Phật Thích Ca, sẽ thành Phật hiệu là Danh Tướng Như Lai. Cõi thế giới của ngài sẽ gọi là Bảo Sanh (*Ratnâsambhava*), Kỳ Kiếp của Ngài sẽ đặt tên là Hữu Bảo (*Ratanâvabhâsa*).

✳ **Di-Lặc Bồ Tát:** Gọi tắt: **Di Lặc**. Phạn âm: *Maitreya*; Hán âm: *Mai-đát-lệ-da Bồ Tát*, *Mạt-đát-lợi-da Bồ Tát*, *Mê-đễ-lũ Bồ Tát*, *Di-đế-lễ Bồ Tát*; Hán dịch là: **Từ Thị**.

Di Lặc Bồ Tát là vị Bồ Tát Nhất sinh bổ xứ được Đức Phật thọ ký thành chính giác ở tương lai. Theo Kinh *Di Lặc thượng sinh*, kinh *Di Lặc hạ sinh*: Di Lặc xuất thân từ gia đình Bà-la-môn, sau làm đệ tử Phật, nhập diệt trước Phật, dùng thân Bồ Tát trụ ở cõi trời Đâu-Suất thuyết pháp giáo hóa các vị trời cõi này. Theo truyền thuyết, Bồ Tát vì muốn giáo hóa chúng sinh, nên không ăn thịt từ lúc mới phát tâm, do nhân duyên ấy mà có tên là Từ Thị.

Theo Đại Nhật Kinh Sớ 1, Bồ Tát Từ Thị ấy là lấy chữ Từ trong Tứ vô lượng tâm của Phật làm đầu. Lòng từ đó sinh ra từ chủng tính Như Lai, khiến hết thảy thế gian không mất Phật tính. Đức Thích Tôn từng thọ ký: Hết thời kỳ tuổi thọ con người là 4.000 tuổi, ước vào khoảng 57 tỉ

60 triệu năm nữa, lúc ấy Bồ Tát hạ sinh xuống cõi này thành Phật dưới cội Long Hoa, chia làm 3 hội thuyết pháp.

Do ý nghĩa Ngài thay Phật Thích-Ca thuyết giáo nên gọi là Bồ Tát Nhất sinh bổ xứ, Bồ Tát bổ xứ, Bổ xứ Tát đỏa. Khi Ngài thành Phật thì gọi là Di Lạc Như Lai, Phật Di Lạc.

Ở Trung Quốc, phần lớn các chùa thờ phụng tượng Di-Lạc miệng cười, bụng phơi ra, đó là chân dung hòa thượng Khế Thử (Bồ Đai) đời Ngũ Đại vì theo truyền thuyết, vị Bồ Tát này là hóa thân của Bồ Tát Di Lạc. Tín ngưỡng vãng sinh cõi trời Đâu-Suất cũng như tín ngưỡng A-Di-Đà từ xưa đều được tín đồ Phật giáo coi trọng.

* **Di-Lâu Sơn:** Còn gọi: *Ni-dân-dà-la-sơn, Trì địa sơn*. Núi ở phía Bắc thành Vương Xá, Ấn Độ, là trụ xứ của Tiên nhân *Alala-kalama*.

Là một trong 7 Kim sơn. Thế giới này lấy núi Tu Di làm trung tâm, chung quanh núi Tu Di có 7 vòng núi vàng, vòng ngoài cùng là núi Di Lâu. Bảy vòng núi vàng cùng với núi Thiết Vi và núi Tu Di hợp thành 9 núi. Khoảng giữa các vòng núi đó có 8 biển gọi là *Cửu Sơn Bát Hải*.

Pháp Hoa Huyền Nghĩa 2, thượng, ghi: “Chỉ nhìn bằng mắt mẹ sinh thì gọi là Nhục nhãn, thấu suốt trong ngoài núi Di Lâu là Thiên nhãn, thấy suốt các sắc pháp mà không vướng mắc là Huệ nhãn”.

Theo *Pháp Hoa Kinh Nghĩa Số 1, Huệ Lâm Âm Nghĩa 15* thì núi Di Lâu tức là núi Tu Di. Tu Di tên Phạn là *Sumeru*, gọi tắt là Meru, dịch âm là Di Lâu sơn, Di Lư sơn.

* **Diêm Phù Đàn Kim:** Phạn âm: *Jambūnada-suvarna*. Còn gọi: *Nhiễm-bộ-nại-dà kim, Thiệm-bộ-nại-dà kim, Diêm-phù-na-tha kim, Diêm-phù-na-dà kim, Thăng kim*.

Loại vàng từ dòng sông chảy qua rừng cây Diêm-phù có màu vàng đỏ ánh lên như tia lửa. Loại này quý nhất trong các loại vàng.

Ở giữa núi Hương Túy (Gandhamadana) và dãy Hymalaya có dòng sông chảy qua rừng cây Diêm-phù, vàng nhạt ra từ sông này gọi là Diêm-phù-đàn kim.

Theo thần thoại Ấn Độ, sông Diêm-phù (Jambū) là một trong 7 nhánh của sông Hằng, sông này không có thật, cho nên Diêm-phù-đàn kim và Diêm-phù đại thụ vương có thể là những vật tưởng tượng để phụ họa cho thuyết Tu-Di bốn châu.

* **Diêm Phù Đề** (*Jambudvīpa*):

Một châu trong bốn châu ở Địa cầu. Nó ở về phía Nam núi Tu Di, cũng gọi là Thiêm bộ châu, tức là Trái đất chúng ta ở mà cõi Thiên Trước choán một phần rộng lớn. Tên Diêm phù đề có bởi cây Diêm phù (Jambud) vì ở cõi này có cây linh gọi là Diêm phù, dưới bóng cây ấy, Thái Tử Tất đạt Đa (Siddharta) tham thiền nhằm khi người ta cày ruộng. Người ta cũng gọi Diêm phù đề là cõi Thiên Trước (Ấn Độ).

Theo Kinh, cõi Diêm phù đề của chúng ta bề vòng là 30.000 do tuần, hình phân nửa mặt trăng, dân sống đến trăm tuổi là cùng. Cõi của ta kém sút hơn ba cõi kia, dân chúng phải làm cực khổ mới có cái mà ăn. Cõi này lại chứa đầy những kẻ bệnh khổ. Tuy vậy ta cũng được vui vì chính ở cõi Diêm phù đề, đức Phật Thích Tôn giáng sanh vậy. Ở cõi Diêm phù đề, có dãy núi Hymalaya, phía trên Thiên Trước là cao hơn hết.

Còn ba cõi kia trong Hoàn cầu là: Bắc Cu lư châu (Uttra Kuru), Tây ngu hóa châu (Godana), Đông Thắng thần châu (Purva vidcha).

✳ **Diêm Phù Na Đề Kim Quang Như Lai** (*Djambunadaprabha*).

Một đức Phật vị lai. Theo lời thọ ký của đức Thích Ca Mâu Ni, thời Ca Chiên Diên (Kâtyayana) sẽ thành Phật, hiệu là Diêm Phù Na Đề Kim Quang (*Djambunadaprabha*).

✳ **Diệu Âm Bồ Tát** (*Gadgadasvara*): Một vị Đại Bồ tát theo hầu Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí ở cõi Tịnh Quang Trang Nghiêm.

Hồi đức Phật Thích Ca giảng kinh Diệu Pháp Liên Hoa tại cõi ta bà, đức Diệu Âm Bồ Tát có bạch với Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí cho mình hiện qua cõi thế giới Ta bà cúng dường Phật Thích Ca và nghe giảng Pháp Hoa kinh.

Ngài Diệu Âm Bồ Tát là bậc Bồ tát rất oai mãnh, tu đắc nhiều phép thiền định tam muội, từ trước đã có cúng dường và phụng sự vô số chư Phật. Ngài có nhiều hơn duyên ở cõi ta bà, thường hiện đến cõi Ta bà mà hóa độ chúng sanh bằng đủ loại hình tướng muôn loài.

✳ **Diệu Hữu** : Cái hữu phi hữu (cái có mà không phải là có) gọi là *Diệu hữu*, để đối với cái không phi không (cái không mà không phải là không) gọi là *Chân không* .

Theo *Nghiệp Sở Tế Duyên ký, Q.1* : “Biết đó là cái diệu hữu thì một sợi lông tơ cũng chẳng lập, còn cái chân không là do nhân quả dẫn tới như vậy”.

* **Diệu Pháp:** Phạn âm: *Saddharma*.

Giáo pháp hay là pháp môn kỳ diệu. Đồng thời cũng chỉ cho cái tâm vốn xưa nay thanh tịnh, tức là Phật tính hay chân tâm có sẵn trong mỗi chúng sinh.

* **Diệu pháp đường:** Là tên một pháp đường, cũng gọi là Thiện Pháp đường, tại góc Tây Nam cõi trời Đao Ly, 33 vị trời thường khi nhóm tại đó đặng luận tưởng những việc nào như pháp và chẳng như pháp.

Đức Đế Thích (Indra) vua chư Thiên 33 cảnh trời, thỉnh thoảng ngự lại Diệu Pháp đường mà thuyết pháp, dạy đạo lý cho chư Thiên (Tiên) ở miền Đao ly (Tam thập Tam thiên).

* **Diệu Quang (Bồ Tát):** Phạn âm: *Varaprabha*.

Diệu quang (Ánh sáng kỳ diệu), Diệu Quang Bồ Tát là hóa thân thời quá khứ của Bồ Tát Văn Thù Sư Lý.

Hồi đức Nhựt Nguyên Đãng Minh Như Lai ra đời, có một đức Bồ Tát theo học đạo với Phật tên là Diệu Quang, ông này có dất theo 800 đệ tử. Ngài Diệu Quang Bồ Tát khai hóa cho 800 đệ tử ấy, trong số 800 vị đệ tử, có một vị tên là Cầu Danh Bồ Tát, ưa sự lợi danh, ưa người ta cúng dường và ưa giao du với hàng sang trọng Cầu Danh Bồ Tát tức là Di Lặc Bồ Tát vậy.

Diệu Quang Bồ Tát cũng có khai hóa cho tám vị Vương tử con của Phật Nhựt Nguyệt Đãng Minh. Tám vị này đều lần lượt thành Phật, và vị sau rốt đã thành Phật hiệu là Nhiên Đãng.

* **Diệu Trang Nghiêm (Vương):** Phạn âm: *Cubhavyuha*.

Một vị vua hồi đời quá khứ, cách nay vô lượng, vô biên kiếp, lúc ấy có Phật Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí ra đời. Nhờ hai hoàng tử Tịnh Tạng (Vimalagarbah) và Tịnh Nhãn (Vimalanêtra) biến phép thần thông mà khuyến khích, vua và hoàng hậu bỏ ngôi mà xuất gia đầu Phật. Vua và hoàng hậu có cõi bảo châu nơi cổ mà cúng dường Phật Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí. Nhờ dịp ấy, được Phật thọ ký cho rằng về sau vua sẽ thành Phật, hiệu là Ta La Thọ Vương (Calendrarâdja)...

Trong khi chờ lên địa vị Phật, vua Diệu Trang Nghiêm thành Bồ Tát Bất Thối Chuyển, hiệu là **Hoa Đức** (Padmacri). Trong hội Pháp Hoa, ngài Hoa-Đức Bồ Tát có châu Phật Thích Ca và được Phật Thích Ca tán thán công đức tu trì.

✳ **Do Tuần:** Phạn âm: *Yojanna*.

Một đơn vị đo chiều dài ở xứ Ấn Độ cổ đại. Một do tuần bằng 9.216m ngày nay. Nhưng có nhiều cách tính khác.

Theo hai học giả hiện đại Fleet và Vost, thì một do tuần bằng 19,5 km.

Có những cách tính khác: một do tuần bằng 14,6 km, bằng 7,3 km (sách Phật giáo) .v.v... Như vậy, cho đến nay, người ta vẫn chưa nhất trí về chiều dài của một do tuần đích xác là bao nhiêu.

✳ **Dống Thí Bồ Tát:** Phạn âm: *Pradânacura*.

Một đức Bồ Tát Ma Ha Tát. Hồi đức Phật Thích Ca sắp tịch, đức Dong Thí Bồ Tát có hiện lại nghe thuyết kinh Diệu pháp liên hoa.

Trong hội Pháp Hoa, do đức Phật chứng minh, ngài Dong Thí Bồ Tát muốn ủng hộ bậc Pháp Sư trì Kinh, có truyền mấy câu Thần chú.

✳ **Dục nhiễm:** Nhiễm trước vào các sở dục. Vì bị nhiễm ngũ dục mà chẳng có ý kiến chơn chánh, chẳng tinh tấn thọ trì Chánh pháp. Bởi dục nhiễm cho nên người ta giải đãi với sự Trì Giới, Tu Định và Tu Huệ.

✳ **Duyên Giác :** Phạn âm: *Prateyka Buddha*.

Bậc tu hành nhờ suy tư và thông đạt đạo lý mười hai nhân duyên mà giác ngộ. Những bậc tu hành như vậy, xuất hiện vào thời không có Phật và Phật pháp, thì gọi là Độc giác. Nghĩa là tự lực giác ngộ, nhờ quan sát và suy tư đúng đắn mà thông đạt lý nhân duyên sinh.

✳ **Duyên Giác Thừa:** Phạn âm: *Pratyekabuddha-yāna*. Còn gọi: Bích Chi Phật thừa, Độc Giác thừa.

Pháp môn phương tiện quán mười hai nhân duyên để đạt đến quả vị Duyên Giác.

✳ **Duyên Lự:** Gọi đầy đủ: *Duyên Lự Tâm*. Còn gọi: *Lự tri tâm, Lự tri duyên lự tâm*.

Tâm phân duyên theo cảnh giới, nghĩ tưởng sự vật. Tức là 8 thức tâm vương: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, mạt-na và A-lại-da.

✳ **Dược Thượng Bồ Tát:** Phạn âm: *Bhaichadjyrâdjasamudgata*.

Một bậc Bồ Tát Ma-Ha-Tát du hành. Ngài có hiện đến hội Pháp Hoa mà ủng hộ đức Phật Thích Ca và nghe đức Phật Thích Ca thuyết pháp. Thuở xưa, ngài Dược Thượng Bồ Tát có sanh làm hoàng tử Tịnh Nhãn

(Vimalanêtra), con vua Diêu Trang Nghiêm (Cubhavyuha), cùng với anh là hoàng tử Tịnh Tạng (Vimalagarbha) tức là Dực Vương Bồ Tát (Bhaichadyarâdja) biến phép thần thông mà giáo độ cho cả triều đình vua Diêu Trang Nghiêm và nhơn dân trong nước qui y theo Phật Vân-Lôi-Âm-Túc-Vương-Hoa-Trí (Djaladbara gardjjtaghôchasmusvara nakchatrarâdja samkusumitâ bhidjna) ra đời thuở ấy.

Vì nguyện lực xưa, nên hai ngài Dực Vương và Dực Thượng Bồ Tát thường cùng nhau ra đời trong một nhà đặng ủng hộ Phật Pháp.

Lại có một tích nầy: Hồi đời quá khứ, cách nay rất xa, có đức Phật ra đời, hiệu Lưu ly Quang Chiếu Như Lai. Kỳ kiếp ấy tên là Chánh An Ổn, Quốc độ tên là Huyền Thắng Phan. Đức Phật ấy nhập Niết Bàn rồi, vào thời kỳ Tượng pháp, có một ngàn vị Tỳ Kheo phát tâm tu hành. Trong đó có một vị tên là Nhứt Tạng, thông minh đa trí, thuyết pháp Đại Thừa Đại huệ bình đẳng cho đại chúng nghe. Trong chúng hội, có một vị trưởng giả tên là Tinh Tú Quang, nghe pháp Đại Thừa sanh lòng hoan hỷ. Bèn đem chất A lê lặc (một thứ cây làm thuốc) và các thứ thuốc khác và cúng dường ngài Nhứt Tạng Tỳ Kheo và chư chúng. Rồi phát tâm Đại Bồ đề.

Lúc đó, em của ông Tinh Tú Quang là Điện Quang Minh cũng theo anh mà cầm các thứ lương dực cúng dường ngài Nhứt Tạng với Đại chúng và phát đại thệ nguyện. Lúc ấy, Đại chúng hoan hỷ, bèn gọi ông anh là Dực Vương Bồ Tát và ông em là Dực Thượng Bồ Tát. Từ đó đến các đời sau, hai anh em ngài Dực Vương Bồ Tát và Dực Vương Bồ Tát hằng ra đời với nhau một lúc trong một nhà hoặc cùng nhau du hành đến chỗ Phật mà ủng hộ Phật Pháp, giáo hóa chúng sanh.

* **Dực Vương Bồ Tát** : Phạn âm: *Bhaichadyarâdja*.

Một vị Đại Bồ Tát. Ngài không có giảng sanh hồi đức Phật Thích Ca ra đời, mà ngài có du hành đến nghe đức Thích Tôn giảng Kinh, như là Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Thuở xưa, cách nay chẳng biết bao lâu, có ra đời đức Phật Nhứt Nguyệt Tịnh Minh Đức. Lúc ấy, có Bồ Tát Nhứt thiết chúng sanh Hỷ Kiến đem thân mình ra thiêu mà cúng dường Phật Nhứt Nguyệt Tịnh Minh Đức. Tới chùng sanh ra trở lại, làm thân hoàng tử, thế mà Bồ Tát cũng xin phép cha mẹ, xuất gia hầu theo Phật Nhứt Nguyệt Tịnh Minh Đức và khi Phật ấy tịch rồi thì Bồ Tát đốt cánh tay mình trước tro tàn xá lỵ của Phật ấy mà cúng dường. Bồ Tát ấy thuở xưa, tức là Dương Vương Bồ Tát vậy.

Đức Phật Thích Ca có dạy rằng: Ai nghe giảng về sự tu hành tướng đạo của Dực Vương Bồ Tát thuở trước mà phổ truyền ra thì được công

đức rất lớn, đàn bà thì về sau khởi làm thân phụ nữ. Và ai nghe mà thấu nhập, ắt sẽ được sanh ra ở cõi Cực Lạc của Phật A Di Đà.



Đ

* **Đa Bảo (Phật):** Phạn âm: *Prabhutaratna*.

Một đức Phật quá khứ. Ngài ở một cõi thế giới gọi là Bảo Tịnh (*Ratnavicuddha*). Thuở xưa, ngài có nguyện rằng về sau, bao giờ có đức Phật nào diễn Diệu Pháp Liên Hoa Kinh thời ngài hiện lại trong Bảo tháp mà nghe đức Phật ấy. Ngài có nghe đức Thích Ca Mâu Ni diễn kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Và ngài có phán ra những lời xưng tán đức Phật Thích Ca.

Trong *Địa Tạng Kinh* có chép: “Lại thuở xưa, cách nay vô lượng, vô số, Hằng hà sa số kiếp, có đức Phật ra đời, hiệu là Đa Bảo Như Lai. Như có nam tử, nữ nhơn nghe danh hiệu đức Phật ấy, không bao giờ phải đọa nẻo ác, thường ở cảnh Thiên thượng, hưởng các sự vui thắng diệu”.

* **Đà Đà La (Hương):** Còn gọi: *Đa-già-la hương*. Phạn âm: *Tagara*. Hán âm: *Đa-yết-la hương, Đa-già-lưu hương, Đa-già-lâu hương, Đa-kiếp-la hương*. Hán dịch: *Căn, Bất một, Mộc hương*.

Loại hương liệu chế từ cây Đa-già-la. Nhưng cũng có thuyết cho rằng hương Đa-già-la giống như hương Linh lăng (hương được chế từ một loại cây cỏ thơm trong hang núi Linh Lăng). Một số người lại cho hương Đa-già-la là hương Già-la.

Phẩm Tứ Thiên Vương Hộ Quốc trong kinh *Kim Quang Minh Tối Thắng Vương 6*, lúc tu pháp phải dùng hương này cùng các thứ hương như: An-túc, Chiên-đàn, Long não .v.v... mỗi thứ một phần bằng nhau trộn chung lại, đốt lên để cúng dường. Hương Đa-già-la được xếp hàng thứ 15 trong 32 loại hương được.

* **Đa La (thụ):** Âm theo Phạn: *Tāla*; Hán dịch: *Ngạn thụ, Cao Tủng thụ*.

Là loại cây miền nhiệt đới, thuộc họ Cọ, cao chừng 20 m, là dài rộng, bằng phẳng cứng chắc, trơ láng, từ thuở xưa được dùng để chếp kinh, gọi là *Bối-đa-la-diệp (lá bối)*. Quả chín màu đỏ như quả thạch lựu, ăn được; mọc nhiều ở vùng đất cát ven biển các nước Ấn-Độ, Miến-Điện, Tích-Lan, Madras ...

Cây này nếu bị đốn ngang thân thì không mọc lại được, cho nên trong các kinh thường lấy cây này để dụ cho các Tỳ-kheo phạm tội Ba-la-di.

* **Đà La Ni:** Còn gọi : *Đà La Tổng Trì, Đà-lân-ni*. Phạn âm: *Dharani*. Hán dịch: *Tổng trì, Năng trì, Năng giá*. *Đà-la-ni* là năng lực của trí tuệ tóm thâu, gìn giữ vô lượng Phật pháp không để cho quên sót.

Theo *Luận Đại Trí Độ 5, Luận Phật Địa Kinh 5*, *Đà-la-ni* là một phương pháp ghi nhớ, tức là trong một pháp có tất cả pháp, trong một lời có tất cả lời, trong một nghĩa có tất cả nghĩa, thâu tóm gìn giữ vô lượng Phật pháp. Ngoài ra, *Đà-la-ni* còn có năng lực giữ gìn các pháp lành, ngăn chặn các pháp ác. Vì Bồ Tát lấy hạnh lợi tha làm đầu để giáo hoá người khác, nên cần phải chứng đắc *Đà-la-ni*, chứng đắc *Đà-la-ni* thì không quên mất vô lượng Phật pháp, từ đó ở giữa đông người không e sợ mà còn có khả năng thuyết pháp giáo hoá một cách tự tại.

Về *Đà-la-ni*, các kinh luận nói đến rất nhiều. Đời sau, vì hình thức *Đà-la-ni* giống như chú tụng, nên thường lẫn lộn chú là *Đà-la-ni*. Căn cứ vào câu: câu dài là *Đà-la-ni*, câu ngắn là chân ngôn, 1 hoặc 2 chữ là chủng tử.

* **Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Như Lai :**

(*Tamâlapatrachandanagandha*).

Một đức Phật vị lai. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có thọ ký cho Ma Ha Mục Kiền Liên (*Mahâmaudgalyâyana*), dạy rằng về sau, Mục Kiền Liên sẽ thành Phật hiệu là Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Như Lai. Cõi thế của Phật ấy tên là Ý Lạc (*Manôbhirâma*), kỳ kiếp của ngài gọi là Hỷ Mãn (*Ratiprapurna*).

* **Đa Ma La Bạt Hương (Thụ):** Phạn âm: *Tamâlapatra, Tamâla, Tamâlapattra, Tamâlaka, Tama, Patra*. Hán âm: *Đa-ma-la-bạt-thụ, Đa-ma-la thụ*. Hán dịch: *Hoắc Hương, Hoắc Diệp Hương, Căn Hương, Xích Đồng Diệp* .v.v... Tên khoa học: *Cinnamomum Nitidum*.

Loại cây hương thuộc họ Chướng, sinh trưởng ở các vùng Trung Quốc, Nam Ấn Độ, Tích Lan. Cây mọc từng bụi, hoa màu vàng nhạt, vỏ cây có hương vị nhục quế, lá có thể dùng làm thuốc xông, thuốc trị bệnh bao tử.

Thiên Chúng hương trong *Phiên Dịch Danh Nghĩa Tập 8*, *Đa-ma-la-bạt* dịch là Tính Vô cấu hiền.

* **Đắc Đại Thế:** Phạn âm: *Mâhasthâ maprâpta*.

Tức là ngài **Đại Thế Chí Bồ Tát**. Đắc đại thế: Được cái thế lực, oai thần to lớn. Kêu theo Phạn: Ma ha Na Bát (*Mâhasthâmaprapta*).

Trong kinh Dược sư, đức Phật có phán với ngài Mạn thù thất Ly (Văn Thù Bồ Tát) rằng: Nếu được nghe thấy danh hiệu của đức Dược sư lưu ly quang Như Lai thì lúc sắp chết, có tám vị Bồ Tát tên là: Văn Thù Sư Ly Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đắc Đại Thế Bồ Tát, Vô Tận Ý Bồ Tát, Bảo Đàn Hoa Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Dược Thượng Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát, tám vị Bồ Tát ấy cõi mây ở trên không lại, chỉ bảo đường lối, liền được tự nhiên hóa sanh ở trong các thứ hoa báu nhiều màu ở cõi Phật A Di Đà, (nếu người mạng chung muốn sanh về cõi ấy).

* **Đại Ái Đạo** (Tỳ kheo ni): Hán dịch: Ma-ha Ba-xà-ba-đề (*Mahâ-pradjâpati*). Bà là dì ruột của đức Phật. Mẹ của đức Phật, bà Ma Da sanh Phật ra bảy ngày thì quy Tiên. Bà Đại Ái Đạo nhờ có A Nan giới thiệu, Phật truyền giới xuất gia cho bà. Bà là người phụ nữ xuất gia trước nhất. Kế có nhiều phụ nữ khác xuất gia, noi gương bà. Bà thường ở tại thành Ca-tỳ-la-vệ mà tiếp nhận và truyền giới cho những người phụ nữ muốn xuất gia tu Phật.

* **Đại Bi**: Phạn âm: *Kârunika*.

Đức đại bi. Tiếng Tôn xưng Phật. Bi là thương xót, là nghĩa nguyện cứu sự khổ cho kẻ khác. Lòng thương xót của Phật và của Bồ Tát đối với chúng sanh rất rộng lớn, cho nên gọi là Đại bi. Đại bi là một mối lòng lớn trong bốn mối lòng của Phật và của Bồ Tát: *Đại từ Đại bi, Đại hỷ, Đại xả*. Bốn mối lòng quảng đại, vô cùng, vô tận, vô lượng ấy gọi là *Tứ vô lượng, Tứ vô lượng tâm*.

Chư Phật và chư Bồ Tát lại có cả hai đức này, *Đại bi* và *Đại trí*. Hai đức tu ấy gọi là: Phước Huệ song tu, hoặc là Bi Trí nhị môn.

Vì lòng Đại bi, nên các ngài chẳng nỡ trụ ở cảnh Niết Bàn. Mà bởi sức Đại trí, nên các ngài không ở trong vòng sanh tử, luân hồi.

-*Đại nhứt kinh* có chép: “Tâm bồ đề làm nhơn, lòng Đại bi làm căn bản”.

-*Phổ Hiền Hạnh nguyện kinh* có chép: “Đại bi làm thân, Đại bi làm cửa (môn), Đại bi làm đầu (thủ), dùng pháp Đại bi mà làm phương tiện”.

-*Kinh Niết Bàn phẩm mười một* có chép: “Chư Phật Thế Tôn trong ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai đều lấy lòng Đại bi làm căn bản. Giả như không có lòng đại bi, thì các ngài đâu có được gọi là Phật”.

• **Đại Bi** (Adhimâtra-kârunika) lại là tên một đức Phạm Thiên Vương ở về phương Đông Nam (theo kinh Diệu Pháp Liên Hoa).

• **Đại Bi Bồ Tát**. Tiếng thông dụng để gọi ngài Quán Thế Âm Bồ Tát (Avalôkitêvara Bodhisattva). Là vì trên từ chư Phật, chư Đại Bồ Tát,

dưới các chúng sanh đều công nhận đức Quán Thế Âm là bực Bồ Tát Đại bi. Ngài chuyên tâm thi hành pháp môn từ bi, cứu nạn cứu khổ cho tất cả chúng sanh.

• **Đại Bi Ngưu.** Tiếng so sánh, dùng để Tôn xưng Phật. Chúng sanh tử như những bò con (độc tử) khờ dại, lầm lạc, Phật tử như Bò cha hoặc Bò mẹ, đem lòng thương xót mà điều dắt con, cho nên gọi là Đại bi ngưu. Cũng như nói: Ngưu vương.

- *Niết Bàn kinh, quyển 38:* “Phật tùy thế gian như độc tử.

Thị cố đắc danh Đại bi Ngưu”.

• **Đại Bi Tam Muội:** Phép thiền định về lòng Đại bi. Phép này gồm thâm các công đức về lòng Đại bi. Chư Phật và chư Bồ Tát, nhờ nhập định phép ấy, đắc lòng Đại bi, đi trong Tam giới cứu độ tất cả chúng sanh khổ não, hoạn nạn.

• **Đại Bi Tâm.** Lòng đại bi. Đó là lòng thương xót của Phật và chư Bồ Tát, muốn cứu khổ tất cả chúng sanh. Gọi tắt: Đại bi.

* **Đại Đức :** (Phạn âm: *Bhadanta*), Hán âm: *Bà-đàn-đà*.

Đại đức là từ tôn xưng Phật, Bồ Tát hoặc cao Tăng ở Ấn-Độ. Trong các bộ luật thì từ “Đại đức” và “Đại tử” dùng để chỉ cho chúng Tì-kheo và Tì-kheo-ni hiện tiền.

Ở Trung Quốc từ “Đại đức” dùng tôn xưng các vị cao Tăng để tỏ sự cung kính. Nhưng vào thời đại Tùy, Đường, những người làm công tác phiên dịch, đặc biệt được gọi là Đại đức.

Theo *Đại Từ Ân Tự Tam Tạng Pháp Sư Truyện 6*, năm 645, trong Ban phiên dịch Kinh của ngài Huyền Trang ở Hoàng Phước, có: 12 vị Đại đức chứng nghĩa, 9 vị Đại đức nhuận sắc văn, 1 vị Đại đức nghiên cứu văn tự, 1 vị Đại đức chứng Phạn ngữ, Phạn văn .v.v...

Ngoài ra, vị Tăng thống lãnh tăng, ni, cũng gọi là Đại đức. Theo *Truyện Cát Tạng* trong *Tục Cao Tăng Truyện 11*, đời Đường, năm 618, vì Tăng chúng quá đông nên cử ra 10 Đại đức để duy trì Pháp vụ. Sau này, từ “Đại đức” được sử dụng rộng rãi, hễ là người có đức hạnh, chẳng kể xuất gia hay tại gia cũng đều tôn xưng là Đại đức hoặc chẳng hạn cuộc ở chỗ đầy đủ đức hạnh hay không mà đã trở thành một lối xưng hô tôn kính, lễ phép phổ thông trong giới Phật giáo.

* **Đại Hùng:** Phạn: *Maha-vira*. Đại Hùng là đức hiệu của Phật. Vì Đức Phật có đầy đủ đại trí lực, để hàng phục ma chướng.

Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất trong kinh *Pháp Hoa*, ghi: “Lành thay! Lành thay! Đấng Đại Hùng Thế Tôn”.

Đại điện thờ phụng Đức Phật tại các chùa viện ở Trung Quốc, Việt Nam gọi là Đại Hùng Bảo điện. Ngoài ra, Giáo chủ Kỳ-Na giáo là Phiệt-đà-ma-na (*Vardhamàna*) cũng được hàng giáo đồ tôn xưng là Đại Hùng.

* **Đại Lực (Bồ Tát):** Phạn âm: *Mahāvīkramin*. Sức lực thần thông lớn.

Một đức Bồ Tát du hành. Ngài có hiện lại nghe đức Phật Thích Ca diễn Kinh Diệu Pháp liên hoa.

* **Đại Nguyện:** Sở nguyện lớn.

Lòng nguyện cho chúng sanh đều thành Phật. Lại là lòng của Phật, của Bồ Tát, muốn cứu độ tất cả chúng sanh. Lòng muốn đó rất lớn, phổ cập tất cả chúng sanh, cho nên gọi là Đại nguyện.

Đại nguyện cũng gọi là Nguyện vương. Như 48 điều nguyện của đức Phật A Di Đà hồi làm vị Tỳ Kheo tên là Pháp Tạng, 12 điều nguyện của Phật Dược Sư Lưu Ly Quang hồi còn làm Bồ Tát, đều là Đại Nguyện.

* **Đại Sĩ :**

1. Phạn âm: *Mahāpurusa*; Từ đồng nghĩa: *Vô thượng sĩ* ; *Đại sĩ* là từ tôn xưng Phật. Theo *Kinh Tạp A-Hàm 18*, trong 8 vị Thiên thần từng khen ngợi Sa-môn Cù Đàm. Vị Thiên thần thứ hai khen rằng: “*Đại sĩ là rồng lớn, Đại sĩ là ngưu vương*”.

2. Phạn âm: *Mahāsattva*; Hán dịch: *Ma-ha-tát-đỏa*; Còn gọi :*Ma-ha-tát*; Từ đồng nghĩa: Bồ Tát nên Đại sĩ cũng là từ tôn xưng Bồ Tát, vì Bồ Tát là bậc có đại hạnh, đại nguyện cứu độ chúng sanh.

* **Đại Thông Trí Thắng Như Lai:** Phạn âm: *Mahābhīdjanābhibhu*.

Một đức Phật quá khứ. Cõi thế giới của Ngài tên là Đại Tướng (Mahārūpa). Hồi ngài chưa đi xuất gia, ngài là Thái Tử con vua Chuyển Luân Thánh Vương (Tchakravartin). Ngài có 16 người con trai. Khi ngài thành Phật, 16 vị Vương tử ấy đi xuất gia và thành ra 16 Sa Di Bồ Tát.

Hiện nay, 16 vị ấy đã thành Phật hết. Trong 16 vị Phật này, có đức A Di Đà và đức Thích Ca Mâu Ni. Vậy đức Phật của chúng ta, xưa kia là con ruột của Phật Đại Thông Trí Thắng.

* **Đại Thừa:** Phạn âm : *Mahā-yāna* . Hán âm là *Ma-ha-diễn*. Hán dịch là *Đại thừa*. Đại là đối với Tiểu mà nói. Thừa (xe) có nghĩa là phương tiện

để vận tải. Dùng để gọi giáo pháp, đó tức là Đại giáo vậy. Giáo pháp khiến người ta cầu Niết Bàn không tịch, quên mình hết trí, đó gọi là Tiểu thừa. Trong đó có sự phân biệt giữa Thanh Văn và Duyên Giác. Giáo pháp khiến người tu được mở mang Nhứt thiết trí, gọi là Đại thừa, trong đó có sự phân biệt nhất thừa, tam thừa.

Theo *Phẩm Thí Dụ – Kinh Pháp Hoa*: “Nếu có chúng sinh nào theo đức Phật Thế Tôn, nghe pháp tín thụ, siêng tu tinh tiến, cầu nhất thiết trí, Phật trí, Vô sư trí, Cầu tri kiến, Lực, Vô sở úy của Như Lai, xót thương làm cho vô lượng chúng sanh được an lạc, làm lợi ích cho Trời, Người độ thoát hết thảy thì đó gọi là Ma-ha-Tát”.

* **Đại Tự Tại** (Thiên): Phạn âm: *Mahamahesvara*.

Từng trời Đại Tự Tại Thiên ở bậc cao hơn hết trong cõi Sắc giới (Rupadhatu). Ở đó, có ngài Đại Tự Tại Thiên chủ quản trị cõi Tam Thiên thế giới. Đạo Bà La Môn rất thờ trọng ngài. Người ta cũng gọi ngài là Vi Nữ (Vishnou). Đại Tự Tại Thiên thần, gọi tắt: **Đại Tự tại Thiên**.

Trong *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh*, giảng về sự từ bi cứu thế của ngài Diệu Âm Bồ Tát và ngài Quán Thế Âm Bồ Tát, Phật có phán rằng vì sự hóa độ chúng sanh, ngài Diệu Âm Bồ Tát và ngài Quán Thế Âm Bồ Tát khi thì hiện ra làm Phật, làm Bích chi Phật, làm Thinh văn La Hán, khi thì hiện ra làm Phạm Vương, Đề Thích, Tự Tại thiên, Đại Tự Tại thiên, Thiên đại tướng quân, Tỳ sa môn Thiên Vương. Có khi hiện ra các thân khác trong các hạng chúng sanh. Hai ngài cũng chẳng nề sự khổ hạnh mà hiện thân vào các chỗ nguy như Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Như vậy để giáo hóa chúng sanh cho thấu nhập Phật lý.

Trong *Thụy Ứng Kinh* có chép rằng: “Một hôm, vua Tịnh Phạn cùng ngự với thái tử đến viếng đền thờ vị thần Đại Tự Tại thiên. Thái tử vừa đến trước chánh điện thì tượng chư thần đều một lượt lễ bái ngài. Vua kinh khủng, khen rằng: Con ta được chư Thiên thần tôn trọng rất mực, chắc là bậc Phật chớ chẳng sai!”.

* **Đẳng Giác**: Còn gọi : *Đẳng Chính Giác*. Là tôn hiệu của chư Phật, chỉ cho sự giác ngộ bình đẳng chân chính, tức giác ngộ chân lý hoàn toàn

Theo *Vãng Sinh Luận Chú, hạ* ; vì các pháp bình đẳng nên các Như Lai bình đẳng, do đó, Chư Phật được gọi là *Đẳng giác* .

Ngoài ra, *Đẳng giác* còn dùng để chỉ giai vị cùng tột của hành giả tu hạnh Bồ Tát sau khi trải qua 3 A-tăng-kỳ kiếp nên còn gọi là *Đẳng chính giác, Hữu thượng Sĩ, Nhất sinh bổ xứ, Kim cương tâm, Luân cực* . Hàng *Bồ Tát Biệt giáo* đoạn 11 phẩm vô minh, *Bồ Tát Viên giáo* đoạn 41 phẩm vô

minh thì sắp được Phật quả Diệu giác. Trí tuệ và công đức của các Ngài gần giống diệu giác, cho nên gọi là *Đẳng giác*. *Bồ Tát Đẳng giác* khi chưa thành Phật, theo chân lý tu hành thì gọi là “Nhập trùng huyền môn”.

* **Đạo-Lợi Thiên (Trời Đạo-Lợi):** Còn gọi: Tam thập tam thiên (33 cảnh trời), là cõi trời thứ hai trong sáu tầng trời của cõi trời Dục giới, ở chót núi Tu-Di, nơi tám muôn do-tuần trên cõi Diêm-phù-đề, bốn phía đều có 8 cảnh trời ($4 \times 8 = 32$), thêm vào cảnh trời Hỷ-kiến-thành của Vị Trung ương Đế-Thích Ngài ở, cộng là 33 cảnh trời.

* **Đạo Nghiệp:** Còn gọi: *Đạo hành*. Chỉ sự tu hành Phật đạo hoặc là nhân hạnh thành tựu Phật quả. Ngoài ra, chữ Đạo cũng bao gồm 2 nghĩa:

1/. *Quả đạo:* đồng nghĩa với Bồ đề, chỉ cho hạnh nghiệp đắc quả Bồ đề.

2/. *Nhân đạo:* Hạnh nghiệp dẫn đến Phật quả.

* **Đạo Sư (Bồ Tát):** Phạn âm: *Simha-Boḍgisattva*. Còn gọi: **Đạo Thủ**.

Một vị Bồ Tát Ma Ha Tát. Chữ *Simha* có nghĩa là Sư Tử. Sư Tử là vua thú, dắt đường cho chúng thú, vì vậy nên dịch giả phiên *Simha* là Đạo Sư. Khi Phật diễn kinh Diệu Pháp Liên Hoa tại núi Kỳ Xà Quật, gần thành Vương Xá, ngài Đạo Sư Bồ Tát có hiện lại dự nghe.

* **Đạo Thánh Đế:** Phạn: *Mārgārya-satya* ; Còn gọi : **Đạo Đế** (*Mārga-satya*), *Thú khổ diệt đạo thánh đế, Khổ diệt đạo thánh đế, Khổ xuất yếu đế*.

Đạo đế là con đường chân thật đưa đến cảnh giới diệt khổ, tức là giáo thuyết lý luận và phương pháp tu tập để vượt qua sự quan hệ nhân quả thế gian “khổ”, “tập” mà đạt được Niết Bàn tịch tĩnh xuất thế gian, là 1 trong 4 Thánh đế thuộc giáo nghĩa cơ bản của Phật giáo.

Về nội dung của Đạo đế, các kinh luận nói khác nhau, nhưng tựu trung có 2 thuyết:

1. Theo Kinh A-Hàm Thánh điển của Phật giáo Nguyên thủy, cho rằng Đạo đế tức là Bát Chính Đạo: Chính kiến, Chính chí, Chính ngữ, Chính nghiệp, Chính mạng, Chính phương tiện, Chính niệm, Chính định.

2. Luận Đại Trí Độ 19, Luận Thành Thật 2, Luận Tứ Đế 4 cho rằng Đạo đế bao gồm cả 37 phẩm trợ đạo: Tứ niệm trụ, Tứ chính đạo, Tứ thần túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi và Bát Thánh đạo chi.

* **Đạo Tràng:** Âm theo Phạn : *Bodhi-manda*; Tên gọi khác: *Bồ-đề đạo tràng*, *Bồ-đề tràng*. Đạo tràng được hiểu theo các nghĩa sau:

- Là nơi đức Phật thành đạo, tức nơi cội Bồ-đề ở Bồ-đề-già-đa (Phạn: *Buddha गया*) Trung Ấn Độ.
- Là nơi tu hành Phật đạo. *Phẩm Như Lai Thần Lực, Kinh Pháp-Hoa 6 (Đại 9, 52 thượng)* ghi: “Nơi cội nước đang ở, nếu có người thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, như lời dạy tu hành hoặc trong vườn, trong rừng, dưới cội cây hoặc nơi tảng phướng, nhà bạch y, điện đường, nơi núi hang đồng trống mà có quyển kinh thì nên xây tháp cúng dường. Vì sao? Vì chỗ đó tức là Đạo tràng”.
- *Sư An Nhiên thuộc tông Thiên Thai* gọi nơi thọ giới là Đạo tràng.
- Là sự phát tâm và tu hành thành tựu Bồ-đề. *Theo Phẩm Bồ Tát, Kinh Duy-Ma, thượng*, thì Trực tâm là đạo tràng, thâm tâm là đạo tràng, Bồ-đề tâm là đạo tràng, bố thí là đạo tràng, tam minh là đạo tràng, một niệm biết tất cả pháp là đạo tràng.
- Ngoài ra, Đạo tràng còn là phạm vi đã được kết giới để thành lập Đạo tràng Bản tôn, tu Đạo tràng quán của hành Giả Mật Giáo.

* **Đâu Lô Bà (Hương):** Phạn âm: *Turushka*. Một thứ cỏ bên Thiên Trước, mùi rất thơm. Người ta dùng cỏ ấy mà chế ra dầu thơm. Cỏ ấy lại là món thuốc rất quý.

Trong *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Bồ Tát Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến* sắp sửa thiêu thân mà cúng Phật. Người bèn ăn vào chất Đâu-lô-bà và nhiều chất khác có mùi thơm, như: Chiên đàn, Huân lục, Tất lực ca, Trầm thủy, Giao hương.

* **Đầu Đà:** Phạn âm: *Dhuta-guna*; Hán dịch: *Đầu Đà hạnh, Đầu đà sự, Đầu đà công đức*, nghĩa là Khổ hạnh tu tập để dứt bỏ sự tham trước y phục, uống ăn, chỗ ở .v.v... ngõ hầu điều phục thân tâm. Người tu hạnh Đầu đà phải tuân thủ 12 hạnh sau đây:

1. *Ở A Lan Nhã:* Xa lìa chỗ đông đảo, chọn nơi yên tĩnh.
2. *Thường hành khát thực:* Thường đi khát thực.
3. *Thứ đệ khát thực:* Theo thứ tự đi từng nhà khát thực, không phân biệt giàu nghèo.
4. *Thụ pháp nhất thực:* Ngày ăn một bữa.
5. *Tiết lượng thực:* Không ăn quá nhiều, chỉ thụ một nắm cơm trong bát.
6. *Trung hậu bất đắc ẩm tương:* Sau buổi ngộ trai không được uống nước trái cây.

7. *Trước tỳ nạp y*: Đắp ca-sa được chấp vá bằng những vải vụn bỏ.
8. *Đã tam y*: Chỉ có 3 y.
9. *Trùng gian trụ*: Ở trong nghĩa địa.
10. *Thụ hạ chỉ*: Ngủ dưới gốc cây.
11. *Lộ địa tọa*: Ngồi ở chỗ đất trống.
12. *Đã tọa bất ngọa*: Thường ngồi không nằm.

* **Đâu-Suất thiên** : Âm theo Phạn: *Tusita*. Còn gọi: *Đô-suất Thiên*, *Đâu-thuật Thiên*, *Đâu-suất-dà Thiên*, *Đâu-suất-đa Thiên*, *Đâu-sư-dà Thiên*, *Đồ-sử-đa Thiên*, *Đâu-sử-đa Thiên*. Hán dịch: *Tri Túc Thiên*, *Diệu Túc Thiên*, *Hỉ Túc Thiên*, *Hỉ Lạc Thiên*.

Đâu-suất Thiên là cõi trời thứ 4 trong 6 tầng trời cõi Dục, rộng 8 vạn do-tuần, vị trí ở giữa trời Dạ-Ma và trời Lạc Biến Hóa, cách trời Dạ-ma 16 vạn do-tuần.

Về tên gọi cõi trời này, theo *Luận Lập Thế A-Tì-Đàm 6*, vì chư Thiên ở cõi trời này luôn hỉ lạc, vật chất sung mãn, tinh tấn tu tập Bát Chính Đạo, cho nên gọi là Đâu-suất-đa Thiên.

Theo *Phật Địa Kinh Luận 5*, hậu thân Bồ Tát giáo hóa cõi trời này, phần đông tu Hỉ túc cho nên gọi Hỉ Túc Thiên.

Cõi trời này có 2 viện:

1/. *Đâu-suất nội viện*: Trụ xứ của Bồ Tát sắp thành Phật (Bồ Tát bồ xứ), nay là Tịnh-độ của Bồ Tát Di-Lặc. Ngài Di-Lặc đang thuyết pháp ở cõi trời này và đủ 4000 năm sẽ hạ sinh vào nhân gian, thành Phật dưới cõi Long Hoa. Đức Phật Thích-Ca trước khi hạ sanh vào nhân gian cũng là một vị Bồ Tát ở cõi trời này.

2/. *Đâu-suất ngoại viện*: thuộc cõi Dục, là nơi cư trú của thiên chúng hưởng thụ nhiều dục lạc, nhưng ít được nghe pháp. Tuổi thọ của chư Thiên ở cõi này khoảng 4000 năm, một ngày một đêm ở đây tương đương 400 năm ở cõi nhân gian. Ngoài ra, chúng sinh ở cõi này, khi khởi dục tình, chỉ cần nắm tay nhau liền thụ thai. Trẻ sơ sinh ở cõi trời Đâu-suất bằng trẻ 8 tuổi ở cõi nhân gian, 7 ngày thành người, thân cao 4 do-tuần, nặng 1 thù rưỡi.

* **Đê Bà Đạt Đa**: Phạn âm: *Dêvadatta*.

Một vị đệ tử của Phật, dòng họ Thích, con nhà chú đối với đức Thích Tôn, anh ruột của A nan đà (Ananda).

Viết tắt: Đê-bà. Cũng gọi: **Điều đạt**, *Điều bà Đạt*, *Điều đà đạt đa*. Dịch nghĩa: Thiên Thọ (chữ Thiên truyền cho), Thiên Dữ (chữ Thiên đem cho), Thiên Nhiệt (chữ Thiên lấy làm nóng nảy, bứt rứt).

Số là bà mẹ của ông Đê-bà-đạt-đa chẳng có thai, bèn đến các đền mà cầu khẩn với chữ Thiên đặng sanh con. Nhon cuộc cầu đảo mà được có thai, sanh ra con trai, nên đặt tên là Thiên thọ, Thiên dữ.

Lại một nghĩa nữa: Hồi ông Đê-bà-đạt-đa sắp ra khỏi lòng mẹ, thì chữ Thiên lấy làm nóng nảy, bứt rứt, vì biết trước rằng sau này ông sẽ làm việc hại Phật, phá Tăng. Nhon biết như vậy, nên các thầy đoán số khiến cha của ông là Bạch Phạn Vương đặt tên là Thiên Nhiệt.

Đê-bà-đạt-đa vốn là một vị Vương tử đa văn, túc trí, nghề văn nghiệp võ song toàn. Song tánh hay đố kỵ. Từ khi chưa xuất gia, đã có dịp gây ác cảm với đức Phật rồi. Lúc ấy, các vị công tử đương chơi trong một cảnh vườn hoa. Có một bầy Nhạn bay qua. Đê-bà-đạt-đa vốn cao tài, dương cung bắn sa một con Nhạn. Nhạn ấy rớt vào vườn hoa của Thái tử. Ngài lượm con Nhạn lên an ủi và rịt thuốc. Đê-bà-đạt-đa sai người qua đòi con Nhạn do mình bắn sa. Thái Tử chẳng khứng, vì lòng từ bi nên thả con Nhạn bay đi.

Về sau, thấy Thái Tử tu thành Phật, Đê-bà-đạt-đa đi theo mấy vị Thích tử mà xuất gia đầu Phật. Nhưng thường hay đố kỵ và ngạo mạn, tự cho mình chẳng kém Phật. Chính Đê-bà-đạt-đa đứng ra phá sự hòa hiệp nơi Giáo Hội Tăng già, phân rẽ Tăng chúng, tách mình ra toan lập một Giáo hội khác. Ông lại xúi Thái Tử A Xà Thế (Ajâtasatrou) giết vua cha mà soán ngôi. Ông phái người đến toan giết lén Phật, song đến nơi thì người ấy quy y đầu Phật. Ông lại thả Tượng dữ ra để hại Phật, song Tượng cũng cảm sức lành của Phật mà đánh lễ và lui về. Sau rốt, ông đứng dưới núi mà quăng đá lên, trúng chơn Phật chảy máu. Đối với những sự hại Phật, phá Tăng ấy, ở về người khác thì phải đọa nơi Địa Ngục vô gián. Nhưng ông Đê-bà-đạt-đa vốn có công đức vô lượng từ các đời trước, nên được Phật từ bi hỷ xả cho, mà Phật lại còn thọ ký cho nữa.

Trong *hội Pháp Hoa*, đức Phật có thuật rằng: Hồi kỳ Kiếp quá khứ, Đê-bà-đạt-đa làm một vị Tiên nhon biết diệu lý Đại Thừa. Còn ngài làm một ông vua, song mến Đạo nên bỏ ngôi đi tu, theo hầu hạ vị Tiên nhon ấy. Ngài đi hái trái, lượm củi về nấu nướng cho vị Tiên nhon đó ăn, tối lại thì đốt bốp. Nhờ cái công hạnh vì Pháp quên mình ấy nên Ngài mau thành Phật.

Cũng trong *hội Pháp Hoa*, đức Thích Tôn có thọ ký quả vị Phật cho Đê-bà-đạt-đa. Ngài phán rằng: "Về sau, Đê-bà-đạt-đa sẽ thành Phật,

hiệu là Thiên Vương (Dêvarâdja), cõi thế giới của Phật ấy tên là Thiên Đạo (Dêvasôppâna).

Trong *Niết Bàn kinh*. Phật có phán: Tùy thuận thế gian. Đê-bà-đạt-đa (Điều Bà Đạt) thị hiện ra việc hoại Tăng, hóa tác rất nhiều hình mạo sắc tượng, đó là vì giúp cho Phật chế định Giới luật. Những hàng trí giả liễu đạt, đối với việc ấy, chớ nên đem lòng sợ sệt.

* **Đệ Nhất Nghĩa**: Phạn âm: *Paramartha-satya*; Gọi đầy đủ: **Đệ Nhất Nghĩa Đế**; Tên gọi khác là: *Thắng nghĩa đế, Chân đế, Thánh đế, Niết-Bàn, Chân như, Thật tướng, Trung đạo, Pháp giới*; Từ đối: *Thế tục đế*.

Đệ nhất nghĩa đế là chân lý sâu xa huyền diệu, vượt hơn tất cả pháp; là 1 trong 2 đế của Nhị đế. Các tông phái Phật giáo định nghĩa “Đệ nhất nghĩa đế” khác nhau. Như *Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ của Tiểu thừa* thì cho sự nhận thức tồn tại trên đối tượng đơn nhất không còn phân giải được nữa là “Thắng nghĩa đế”. *Học phái Trung Quán* thì cho rằng các bậc Thánh hiền hiểu rõ lý duyên khởi “Tính Không” và thấu suốt cả sự nhận thức điên đảo của thế tục là Chân đế. *Kinh Bộ của Tiểu thừa và Du-Già* dựa trên trí tuệ để lý giải đối tượng gọi là “Thắng nghĩa đế”.

Theo tư tưởng Đại thừa thì “Đệ nhất nghĩa đế” (Trung đạo) là dung hợp cả Chân đế lẫn Tục đế. Còn *Thiền Tông* thì cho “Đệ nhất nghĩa đế” là cảnh giới dứt bật mọi đối đãi, ly ngôn tuyệt tướng.

* **Đế Thích**: Phạn âm: *Indra*.

Đức Đế Thích là vua ở trời Đạo Ly, cõi Dục giới. Đạo Bà La Môn rất sùng bái ngài. Tiếng Phạn thường gọi ngài là *CaKra* và *Cata Kratu* (Đế Thích), cũng có khi gọi là *Kaucika* (Kiều Thi Ca). Bộ Diệu pháp Liên Hoa Kinh tiếng Pháp chép tên ngài: CaKra, l'Indra des Dêvas. Biểu hiệu của ngài là Sét (foudre, vajra).

Đức Đế Thích là vua chư Tiên ở miền Đạo ly, miền này có 33 cảnh. Miền của đức Đế Thích ở thượng tầng cõi Trung giới cao hơn miền của Tứ Thiên Vương và thấp hơn miền Dạ Ma. Ngài ngự trong cảnh đền đài bằng ngọc, gọi là Hỷ Kiến Thành.

Hồi đức Thích Ca giảng sanh tại thành Ca Tỳ La Vệ, đức Đế Thích có ngự xuống rước mừng.

Chính ngài khuyến khích đức Thích Ca xuất gia, ngài đến thọ trì Giáo lý nơi Phật hồi đức Phật thắng bọn Ma Vương. Ngài có nghe pháp và vấn đạo về đức cao cả hơn hết, ngài hỏi về những phương pháp để thoát khỏi địa ngục, ngài có khuyên người *Sukasika* qui y theo Phật. Lúc Phật gần

tịch, đức Đế Thích có ngự đến với Bốn vì Đại Thiên Vương, ngài lấy làm buồn mà thấy Phật sắp tách khỏi cõi đời. Đức Phật có dặn bọn thân A Tu La (Asuras) đừng phá rối đức Đế Thích.

Vừa là một vị Thiên đế theo đạo Bà La Môn và theo đạo Phật, đức Đế Thích có nguyện với Phật rằng ngài hằng hộ trợ Tam bảo.

Chẳng những là trong đời hóa thân làm Phật, mà trong các tiền thân của đức Thích Ca làm Bồ Tát độ đời, chuyển thân trong các hạng chúng sanh thì đức Đế Thích cũng đã từng hiện ra mà thử hạnh tu của đức Bồ Tát và hộ trợ ngài luôn.

Niết Bàn Kinh, có chép: “Đức Đế Thích thấy nơi mình hiện ra Ngũ suy tướng. Ngài biết rằng mình sắp mất ngôi vị Thiên chủ và sắp đọa lạc xuống những cảnh dưới. Ngài liền ngự đến thành Vương Xá, tại núi Kỳ Xà Quạt mà chiêm bái đức Phật. Đức Thế Tôn liền diễn giải, trừ những mối buồn rầu, nghi ngại, điên đảo, tham mến của đức Đế Thích.

Tỉnh ngộ, đức Đế Thích liền phát tâm cầu Pháp thân Phật và Trí huệ Phật. Như đó, đức Phật thọ ký cho. Liền đó, đức Đế Thích tự nhiên được tăng mạng, được thêm phước đức trí huệ và được trở về ngôi vị của mình”.

Lại trong *Niết Bàn Kinh*, quyển 33 có chép: “Người ta có thể dùng rất nhiều danh từ để gọi đức Đế Thích: Phú lan đà la, Đế Thích, Kiều Thi Ca, Bà sa bà, Ma Pháp Bà, Nhơn đà la, Thiên nhân, Xá chỉ Phu, Kim Cang, Bảo đỉnh, Bảo tràng”.

* **Đốn**: Tức khắc, mau lẹ, không chần chờ. Đối với **Tiệm** là lần lượt theo thứ tự bậc, theo trình độ.

Pháp Bảo Đàn Kinh, phẩm Định Huệ: Chánh giáo xưa nay vốn không có đốn, tiệm. Mà tánh người ta có lanh lợi, có khờ khạo. Người mê tu theo phép tiệm, người tỉnh hạp với phép đốn, tự nhiên biết đặng bốn Tâm, thấy đặng bốn Thán.

- **Đốn chỉ**: Ý nghĩa, Tôn chỉ đốn ngộ, ý tứ bày ra dạy cho người ta tu hành một cách tấn tốc. Như đốn chỉ của những Kinh: Hoa Nghiêm, Kim Cang, Pháp Bảo Đàn.

- **Đốn cơ**: Căn cơ, căn tánh mau lẹ, lớn lao, có thể nghe đốn giáo mà đốn ngộ Phật đạo. Như đốn cơ của Long nữ Ta Kiệt La vừa nghe Phật thuyết pháp thì thành Phật.

- **Đốn đoạn**: Đoạn diệt tức thì. Các phiền não tức khắc đều bị đoạn tuyệt.

- **Đốn giác**: Giác ngộ tức khắc. Bực người chẳng cần tu tập lần hồi như kẻ thường, mà có thể giác ngộ tức tốc một cách trọn vẹn.

* **Độn căn:** Kẻ căn cơ ngu độn, chậm lụt, không hiểu nổi, không thọ trì nổi Phật đạo. Đối với kẻ độn căn thì nên truyền khóa Tiệm giáo, dạy cho họ tu tập lần lần. Còn đối với bậc lợi căn thì nên truyền khoa Đốn giáo, giúp họ ngộ nhập mau lẹ, tức tốc.

Theo *Tông Thiên Thai*, Bồ Tát có hai hạng: hạng độn căn và hạng lợi căn. Hạng độn căn tu tập theo hai môn Tiểu Thừa: Thinh văn thừa và Duyên giác thừa. Hạng lợi căn thì hành theo môn Đại Thừa, Nhứt thừa để thành Bồ Tát Ma Ha Tát hay là Phật.

* **Độn Si:** Ngu độn, chậm lụt, không sáng, không sắc. Đối với lợi là thông thái minh mẫn, mau lẹ, sáng suốt, sắc sảo.

* **Đức Tạng Bồ Tát:** Phạn âm: *Crigarbha*.

Một vị Bồ Tát vào thời quá khứ. Ngài Đức Tạng Bồ Tát được Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh thọ ký. Đức Phật này phán rằng Đức Tạng Bồ Tát sẽ thành Phật tiếp theo Ngài, hiệu là Tịnh Thân Như Lai (Vimalanêtra).

* **Đức Xoa Ca (Long Vương):** Một vị Long vương, cung điện ở nơi biển cả. Hội Phật sắp diễn kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Đức-Xoa-Ca Long vương với bảy vị Long vương khác, mỗi vị đều dắt theo rất nhiều quyến thuộc, hiện tại núi Kỳ Xà Quạt nghe Phật thuyết pháp.



G

* **Già Da Ca Diếp:** Phạn: *Gaya-kasyapa*. Còn gọi: *Nga-da Ca-diếp, Ca-di Ca-diếp, Kiệt-di Ca-diếp*.

Đệ tử Phật, người ở ngoại ô thành Già Da, nước Ma-kiệt-đà, Ấn Độ, em của 2 ngài Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp và Na-đề Ca-diếp. Khi chưa xuất gia, Ngài vốn là ngoại đạo thờ lửa, có 250 người đệ tử, về sau đều quy y đức Phật.

* **Già Da (thành):** Phạn âm: *Gaya*. Đô thành của nước Ma-kiệt-đà thuộc Trung Ấn Độ thời cổ. Tức là thành phố Già Da cách phía Tây Nam thành phố Patna, Bangladesh 96 km, gần sông Ni-liên-thiên (nay là sông Phalga) thuộc chi nhánh sông Hằng.

Theo *Đại Đường Tây Vực Ký* 8, thành này chỉ có hơn nghìn hộ dân Bà-la-môn. Hiện nay thành phố Già Da được chia làm 2:

- *Một là Cựu Già-da*, gọi là Bà-la-môn Già-da (Brahma Gaya) để phân biệt với Phật đà Già-da. Đây là nơi cư trú của tín đồ Ấn Độ giáo.

- *Hai là Tân thị* (thành phố mới), gọi là Sahibganj, có các cơ quan hành chính và những công trình kiến trúc công cộng do Chính phủ Anh xây dựng, có rất nhiều người dân Châu Âu cư trú.

Ngoài ra, vùng phụ cận Già-da có các di tích như: Nơi ở của 3 anh em Ca Diếp thờ lửa, núi Tiên Chính Giác, cây Bồ đề, tòa Kim cương .v.v... các động đá và các bài minh được khắc vào thời vua A Dục .v.v...

* **Giác Ngộ:** Hội được Chơn lý, Mở mang Chơn trí.

Về giác ngộ, có nhiều trình độ. Như kẻ phàm phu tỉnh ra, nhận rằng thân này là cội khổ, đời mình là khổ, bèn tinh tấn tu hành phép tại gia hoặc phép xuất gia, đó là giác ngộ. Đến như đức Phật thành Đạo nơi cội Bồ Đề, lên bậc Chánh đẳng Chánh giác, cũng là Giác ngộ, tức Đại giác Đại ngộ.

* **Giải thoát:** Phạn âm : *Moksa, Mutti*. Hán âm : *Mộc-đề, Mộc-xoa*. Hán dịch : *giải thoát*, có nghĩa là lia bỏ mọi trói buộc mà được tự tại. Cởi bỏ sự trói buộc của hoặc nghiệp, thoát ra khỏi khổ quả của tam giới. Còn chỉ tên gọi khác của Thiền định, như Tam giải thoát, Bát giải thoát, Bất tư

ngộ giải thoát. Thoát ràng buộc và được tự tại là đức tính của Thiên định. Còn chỉ một trong Ngũ phần pháp thân là Nhị giải thoát và Tam giải thoát.



H

* **Hải Thử Ngạn Chiên Đàn:** Phạn âm: *Santa Uragasâra*.

Thứ Chiên Đàn rất quý. Lại có thứ Kiên Hắc Chiên Đàn (*Santal Kalânusârin*) cũng quý như vậy.

Theo *Kinh Pháp Hoa phẩm 23*, một phần nhỏ nhất là sáu thù (một thù bằng nửa lượng) của hai thứ Chiên Đàn ấy giá trị bằng trọn cõi thế giới Ta bà này. Thế mà đức Bồ Tát Nhứt Thiết chúng sanh Hỷ kiến (tiền thân của đức Dược Vương Bồ Tát) hóa ra trên không trung đầy những mặt Chiên Đàn ấy mà đổ thành mưa để cúng dường Phật Nhứt Nguyệt Tinh Minh Đức.

Trong *Quán Di Lặc Thượng Sanh Đâu Suất Thiên Kinh*, có chép: “Có vị Đại Thần tên là Hương Âm, từ trong các lỗ chơn lông nơi thân, phóng ra hương thơm vi diệu của chất Chiên Đàn Hải Thử Ngạn, hương thơm ấy như mây, làm thành trăm sắc báu và bao phủ theo cung điện bảy rông”.

* **Hải Triều Âm:** Âm thanh vang rền như tiếng sóng biển, thường dùng để ví dụ cho âm thanh của Phật và Bồ Tát hoặc chỉ cho sự ứng hóa của Phật Và Bồ Tát.

Kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm 2, ghi: “Đức Phật phát khởi lòng từ bi, thương xót A Nan và đại chúng, dùng tiếng như hải triều, dạy bảo khắp cả chúng hội”.

Đây là ví dụ âm thanh của Phật giống như tiếng hải triều.

* **Hành Xứ:** Đối tượng quán tưởng tu tập. Theo *Phẩm Phân Biệt Hành Xứ, Luận Giải Thoát Đạo 3*, Hành Xứ có 38 loại :

1. *Thập Nhất thiết nhập:* Đất, nước, gió, lửa, xanh, vàng, đỏ, trắng, không xứ, thức xứ.

2. *Thập bát tịnh tướng:* Tướng thân chết sinh chướng, bầm xanh, nứt nẻ, vứt bỏ, chim thú đến ăn thịt, mủn nát, chém chặt ly tán, máu đỏ chảy lan, trùng vòi đục khoét, xương mục.

3. *Thập niệm:* Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm Thiên, niệm tử, niệm thân, niệm hơi thở, niệm tịch tịnh.

4. *Tứ vô lượng tâm:* Từ, bi, hỷ, xả.

5. *Tứ hạnh*: Quán tứ đại, Thực bất tịnh tướng, Vô sở hữu xứ, Phi phi tướng xứ.

* **Hiền kiếp**: Phạn âm: *Bhadra Kalpa*.

Kỳ kiếp tên Hiền. Kỳ kiếp lớn hiện tại. Trong Kỳ kiếp này, có rất nhiều vị Thánh, Hiền ra đời, vì vậy nên gọi là Hiền kiếp. Đối với kiếp đã qua là Trang Nghiêm kiếp. Và kiếp sẽ tới là Tinh Tú kiếp. Hiền kiếp cũng gọi là Thiện kiếp.

Trong Kỳ kiếp hiện tại này (Hiền kiếp), có ra đời 1000 đức Phật, trong số ấy, đã ra đời bốn đức Phật rồi:

- Phật Ca La Ca Tôn Đại (Krakucchanda) hay Câu Lưu Tôn Phật ra đời hồi thuở con người hưởng thọ 40 ngàn tuổi (Có chỗ nói 60 ngàn tuổi).
- Phật Câu Na Hàm Mâu Ni (Canakamouni) ra đời hồi thuở con người hưởng thọ 30 ngàn tuổi (Có chỗ nói 40 ngàn tuổi).
- Phật Ca Diếp (Kacyapa) ra đời hồi thuở con người hưởng thọ 20 ngàn tuổi.
- Phật Thích Ca Mâu Ni (Cakyamouni), thầy của chúng ta ra đời nhằm lúc con người sống đời 100 tuổi.
- Đức Phật Di Lặc (Maitreya) sẽ ra đời vào lúc con người sống đời 80 ngàn tuổi.

Đó là năm đức Phật đầu trong Hiền kiếp này.

Quán Di Lặc Thượng Sanh Đâu Suất Thiên Kinh, có chép: “Nay ở cõi này, có một ngàn vị Bồ Tát, vị Bồ Tát thành Phật trước nhất tên là Câu Lưu Tôn (Ca La Ca Tôn Đại), và vị sẽ thành Phật sau rốt là ngài Lô Lô Chí”.

"*Đại bi kinh*", Phật nói: “Này A Nan, tại sao gọi là Hiền kiếp? Này A Nan, trong Tam Thiên Đại Thiên thế giới này, hồi Kỳ kiếp sắp thành, toàn cả đều là nước. Thuở ấy, ngài Tịnh Cư Thiên dùng Thiên nhãn mà trông xuống, chỉ thấy toàn là Đại thủy. Ngài lại thấy một ngàn tòa sen, mỗi tòa sen có cả ngàn đèn, tòa sen màu vàng ròng, ánh hào quang cũng màu vàng, chói sáng khắp nơi, mùi hương xông lên thơm phức. Thật lấy làm ưa mến, vui sướng. Thấy vậy, ngài Tịnh Cư Thiên lấy làm hoan hỷ, nhảy nhót, bèn khen rằng: "Kỳ thay! Kỳ thay! Thật chưa từng có! Như vậy chắc ở cõi này sẽ có một ngàn đức Phật ra đời" Vì nhơn duyên ấy, nên gọi kiếp này là Hiền kiếp”.

Địa tạng kinh: “Nếu có kẻ ác nhơn cùng ác thần, ác quỷ thấy có thiện nam nữ, thiện nữ nhơn qui kính, cúng dường tán thán, chiêm lễ hình tượng ngài Địa Tạng Bồ Tát, bèn sanh lòng bậy chệch, gièm pha là việc không có công đức và lợi ích, hoặc nhạo cười, hoặc quay mặt chệch,

hoặc khuyên người cùng chê, hoặc một người chê, hoặc nhiều người chê, cho chí trong một niệm đem lòng chê bai, những người như vậy, mãi cho tới khi một ngàn đức phật trong Hiền kiếp này diệt độ rồi, vì cái tội báo chê bai, hãy còn bị đọa ở địa ngục A tỳ, chịu tội rất nặng”.

✱ **Hiện Nhất Thiết Sắc Thân Tam Muội:** Còn gọi: *Phổ Hiện Sắc Thân Tam Muội, Phổ Hiện Tam Muội.*

Tam muội mà chư Phật, Bồ Tát an trụ khi thị hiện các Sắc thân.

Phẩm Diệu Âm Bồ Tát, kinh Pháp Hoa, ghi: “Bồ Tát Hoa-Đức bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bồ Tát Diệu-Âm trụ trong tam muội gì mà có thể hiện độ thoát chúng sinh như thế?”

Phật bảo Bồ Tát Hoa-Đức: Thiện nam tử! Tam muội này tên là *Hiện Nhất Thiết Sắc Thân*, Bồ Tát Diệu-Âm trụ trong tam muội này, có năng lực làm lợi ích vô lượng chúng sanh như thế”.

✱ **Hóa Duyên:** Bao hàm 3 nghĩa:

1/. *Nhân duyên giáo hóa.* Vì chúng sinh có *nhân duyên* lãnh thọ giáo pháp, nên Đức Phật, Bồ Tát mới thị hiện ra đời để thuyết pháp. Khi *nhân duyên* hết, Phật và Bồ Tát liền nhập diệt.

2/. Căn cơ của chúng sinh lãnh thọ giáo pháp của chư Phật và Bồ Tát đạt được lợi ích, tạo thành *nhân duyên thuyết pháp.*

3/. Khuyến hóa, mộ hóa. Là tên gọi khác của *Nhai phùng hóa chủ.*

✱ **Hoa Đức (Bồ Tát):** Hoa: *Hoa Sen.* Đức: *Đức tánh.* Đức tánh của hoa Sen. Một vị đại Bồ Tát du hành. Ngài thường hiện đến nghe Phật Thích Ca giảng kinh Đại thừa. Trong hội Pháp Hoa, như khi Diệu Âm Bồ Tát từ thế giới Tịnh Quang Trang Nghiêm hiện lại cõi Ta bà cúng dường Phật, thì Hoa-Đức Bồ Tát có hỏi Phật về căn cội tu hành của Diệu Âm và phép thiền định tam muội mà Diệu Âm dùng để độ thế.

Phật mới giảng với Hoa Đức rằng: “Diệu Âm Bồ Tát từ thuở xưa, hồi Phật Vân Lô Âm Vương ra đời có cúng dường kỹ nhạc cho Phật Vân Lô Âm Vương và có làm ra 84.000 cái bát bằng thất bảo cúng cho Phật ấy. Còn Diệu Âm Bồ Tát dùng phép tam muội “Hiện Nhất Thiết Sắc Thân” mà giáo hóa chúng sanh”.

Hoa Đức Bồ Tát là hậu thân của vua Diệu Trang Nghiêm (Cubhavyūha) cách nay vô lượng vô biên kiếp, hồi Vân Lô Âm Túc Vương Hoa Trí (Djaladhara-Gardjtaghōchāsusvara-nakchatrarādja

samkusumitâbhidjna) ra đời. Về sau, Hoa Đức Bồ Tát sẽ thành Phật, hiệu là Ta La Thọ Vương (Câlêndrarâdja).

✱ **Hoa-Quang Như Lai:** Phạn âm: *Padmaprabha*.

Một đức Phật vị lai, tối hậu thân của Xá ly Phất. Đức Phật Thích Ca có thọ ký cho Xá Ly Phất, ngài phán rằng sau này, Xá ly Phất sẽ thành Phật, hiệu là Hoa-Quang Như Lai, cõi thế của Phật này tên là Ly Cấu (Viradja) và Kỳ kiếp của Phật Hoa Quang gọi là Đại Bảo Trang nghiêm (Mahâratnapratimandita). Kỳ kiếp của Phật Hoa Quang gọi là Đại Bảo Trang nghiêm là vì trong kỳ kiếp ấy, trên cõi Ly Cấu, chư Bồ Tát đều lấy tên là Đại Bảo (Mahâratna). Chư Bồ Tát này đông vô số.

Đời sống của Phật Hoa Quang là mười hai Tiểu kiếp, không kể lúc Ngài còn là Vương tử, chưa thành Phật. Nơon dân trong cõi của Ngài sống đến tám Tiểu kiếp.

Khi gần tịch, Phật Hoa Quang sẽ thọ ký cho Bồ Tát Kiên Mãn (Dhritiparipūrṇa), phán rằng Bồ Tát Kiên Mãn sẽ thành Phật tiếp theo ngài, hiệu là Hoa Túc An Hành (Padmavriṣa Chabhavi Krâmin). Sau khi Phật Hoa Quang tịch, chánh pháp sẽ còn trụ ở thế trong 32 Tiểu kiếp, Tượng Pháp lại trụ trong 32 Tiểu kiếp nữa.

✱ **Hóa Sanh:** Phạn âm: *Aupapâduka*.

Chuyển hóa mà sanh ra, chớ chẳng vào trong thai bào như con người ở cõi này. Hóa sanh là một loại, một cách trong Tứ sanh. Những loài hóa sanh bậc thấp như bướm, rầy, cùng các hạng địa ngục, ngạ quỷ, bậc cao thì như chúng sanh ra đời hồi sơ kiếp cùng các hạng Thần, Tiên (Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới). Hóa sanh vào cảnh giới nào thì liền có đủ căn tánh, thân tướng của chúng sanh trong cảnh giới đó. Như hóa sanh vào hàng Tiên Thiên thì thân hình đẹp đẽ, sáng suốt, muốn hưởng chi cũng có, muốn đi đâu cũng được, có Thiên nhãn, Thiên nhĩ và phép thần thông biến hóa. Còn như những chúng sanh tu tập các thiện căn, làm các công đức, cầu vãng sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Di Đà, khi thác liền hóa sanh đến cõi ấy, được thân tướng trang nghiêm, được thấy Phật, được nghe thuyết pháp, được vãng lai với Thánh chúng, được đi châu chư Phật ở các thế giới khác.

✱ **Hóa Thân:** Theo Phật giáo Đại thừa, mỗi vị Phật đều có ba thân: **1.** Pháp thân; **2.** Báo thân; **3.** Ứng thân.

Pháp thân của Phật là Chân như, Phật tính, Niết Bàn, siêu việt mọi hình tướng, danh ngôn. Sức người, trí người không thể hình dung được.

Báo thân là hình tướng đẹp đẽ của Phật, dưới con mắt của các bậc Bồ Tát, bậc Thánh. Người phàm khó hình dung được báo thân của Phật như thế nào.

Hóa thân là cái thân Phật hiển hiện ra để tiện giáo hóa chúng sinh. Vd, Phật Thích Ca cũng là một hóa thân của Phật, một vị Hóa Phật.

“Cho hay đức Bụt Thích già,
Hóa thân bách ức khắp hòa mười phương.”
(Chân Nguyên –Thiền Tông bản hạnh)

* **Hòa-Tu-Kiết (Long Vương)**: Phạn âm: *Vâsuki*. Một vị vua loài rồng (*Nâga*), cung điện ở dưới biển. Hồi Phật Thích Ca sắp diễn kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Hòa-Tu- Kiết Long vương với bảy vị Long vương khác, mỗi vị đều dắt theo rất nhiều quyến thuộc, hiện đến núi Kỳ Xà Quật nghe Phật thuyết pháp.

* **Hoa-Túc-An-Hành Như Lai**: Phạn âm: *Padmavrichabhavi krâmin*.
Một đức Phật vị lai.

Đức Phật Thích Ca có thọ ký cho Bồ Tát Kiên Mãn (*Dhriti paripurna*), ngài phán rằng Bồ Tát Kiên Mãn sẽ thành lập hiệu là Hoa Túc An Hành (*Fadmavrichabhavikrâmin*). Phật Hoa-Túc-An-Hành sẽ ra đời kế tiếp Phật Hoa-Quang (*Padmaprabha*).

* **Hoặc**: Mê lầm phiền não. Trạng thái thân tâm não loạn, làm chướng ngại tâm giác ngộ.

Theo *Luận Thành Duy Thức 8*, sinh tử tiếp nối do *Hoặc, Nghiệp, Khổ*. Phiền não phát nghiệp và Nhuận sinh đều gọi là *Hoặc*. Bởi chúng sinh mê lầm đối với sự lý, phát khởi nghiệp hữu lậu, làm tăng trưởng Hữu ở tương lai, thành cái nhân cho sự sinh tử tiếp nối, gọi là *Hoặc*. *Hoặc* gần giống với các nghĩa vô minh. Do phiền não kết hợp với nghiệp tướng làm nhân chung cho quả báo luân hồi nên *Hoặc* và *Nghiệp* thường đi đôi với nhau.

Trong 12 Duyên khởi, Vô minh là *Hoặc* phát nghiệp, gọi là Nhân đặng khởi; 2 món Ái, Thủ là *Hoặc* nhuận sinh, gọi là Nhân sinh khởi.

Do sự tu hành có nhiều giai đoạn khác nhau nên *Hoặc* có 2 loại là Kiến hoặc và Tư hoặc. Nếu mê lý Tứ đế, gọi là Kiến hoặc; còn mê tất cả sự lý thì gọi là Tư hoặc.

Trong 10 Tùy miên thì 5 món: Tham, sân, si, mạn, nghi là Tu hoặc ; 5 món: Thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ thuộc về Kiến Hoặc. Ba món: Tham, sân, mạn trong 5 món Tu hoặc chỉ duyên từng việc mà sinh, không thể trùm khắp các việc trong 3 đời, nên gọi là Tự tướng hoặc; 5 Kiến hoặc, Nghi và Vô minh thì duyên các pháp mà sinh, có khả năng trùm buộc khắp các pháp trong 3 đời, nên gọi là Cộng tướng hoặc.

* **Huân Lục (Hương)**: Một thứ hương bên Ấn Độ. Đó là chất nhựa cây, mùi rất thơm, rất quý giá.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Dược Vương Bồn Sự phẩm: “Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến nghĩ rằng: "Tuy Ta đã dùng Thần lực mà cúng dường Phật với Kinh Pháp Hoa, song chẳng bằng Ta đem thân Ta mà cúng dường ..." Người bèn ăn vào các thứ hương: Chiên đàn, Huân lục, Đầu lâu bà, Tát lực ca, Trầm thủy, Giao hương ...”.

* **Huệ Mạng (A La Hán)**: Phạn âm: *Āyusmat*. Hán dịch: *Cụ thọ mạng* (Thọ mạng đầy đủ). Gọi tắt: *Cụ thọ*.

Danh từ tôn xưng vị Tỳ kheo có đức hạnh.

Luật Ma Ha Tăng Kỳ 13, ghi: “Khi đức Phật ở tại thành Xá Vệ thì có Huệ Mạng A La hán đến”.

* **Huệ Nhãn**: Phạn âm: *Prajñā-caksus*. Huệ nhãn là mắt trí huệ mà hàng Nhị thừa chứng được, cũng tức là trí huệ rõ suốt được các pháp bình đẳng, tính không, chiếu rõ được chân tướng của các pháp, cứu độ chúng sinh đến bờ giác .

Luận Đại Trí Độ 33, ghi : “Vì thật tướng cho nên cầu *Huệ nhãn* Bồ Tát, đắc *huệ nhãn* chẳng thấy có chúng sinh, diệt hết các tướng nhất hay dị, xa lìa các chấp trước, chẳng thụ tất cả pháp, trí huệ tận diệt bên trong cho nên gọi là *Huệ nhãn*”.

* **Huệ nhựt**: Mặt trời Huệ. Tiếng thí dụ để gọi cái Trí huệ của Phật, Bồ Tát. Cũng như mặt trời chiếu dẹp sự tối tăm ở thế gian, cái Trí huệ của Phật, Bồ Tát chiếu khắp Pháp giới, phá tan mê muội, lầm lạc của chúng sanh, nên gọi là Huệ nhựt.

Vô Lượng Thọ Kinh: Huệ nhựt lãng thế gian

Tiêu trừ sanh tử vân.

(Nghĩa: Mặt trời Huệ chiếu thế gian, tiêu trừ đám mây luân hồi)

Huệ Nhật hay Thích Huệ Nhật là danh hiệu một vị cao Tăng nhà Đường, rất có công trong cuộc hoằng pháp, vì ngài có qua Thiên Trúc mà học Đạo. Ngài đi Tây Vực sau hai ngài Huyền Trang và Nghĩa Tín. Đi bằng đường biển, theo bờ biển Đông Dương mà ghé miền Nam Ấn Độ. Chừng về, ngài đi đường bộ, trải qua 19 năm, vào năm thứ bảy triều Khai Nguyên đời vua Huyền Tông (năm 719 dương lịch) về tới Trường An. Được vua ban pháp hiệu là Từ Mẫn Tam Tạng Sanh Pháp Sư. Ngài có soạn bộ "Vãng Sanh Tịnh Độ tập" truyền ra đời.

* **Huệ-Nhật Như Lai (Huệ-Nhật Như Lai)**: Tiếng tôn xưng đức Phật. Trí huệ của Phật tử như mặt trời, soi sáng cõi thế gian ô trược, u ám, làm cho sáng suốt, trong sạch, gọi là Huệ nhật.

Lại Phật là bậc Đại thánh, được thần tiên và loài người tôn trọng nhất, nên xưng là Đại Thánh Tôn.

Pháp hoa Kinh: Huệ Nhật Đại Thánh Tôn cứu nãi thuyết thị Pháp: Đã lâu lắm rồi, đến nay đức Huệ Nhật Đại Thánh Tôn mới thuyết diễn Pháp này.

* **Hữu Dư Niết Bàn** : Phạn: *Sopadhi-sesa-nirvana*. Gọi đầy đủ: *Hữu dư y Niết bàn*. Đối lại: *Vô Dư Niết Bàn*.

Hữu dư Niết bàn là Niết Bàn chứng đắc chưa được rốt ráo, vẫn còn thân do hoặc nghiệp đời trước tạo thành. Tức Nhân sinh tử đã đoạn, nhưng Quả sinh tử đời trước chưa đoạn hết. Trái lại, đã đoạn hết Nhân sinh tử, lại không còn Quả sinh tử, đạt đến cảnh giới Niết Bàn rốt ráo (khô thân diệt trí) gọi là *Vô dư Niết bàn*. Đây là kiến giải của Tiểu thừa.

Theo *Đại Thừa Nghĩa Chương 19*, Ứng thân, Hóa thân của Phật là *Hữu dư Niết Bàn*; Chân thân của Phật là *Vô dư Niết bàn*.

Theo *Thắng Man Bảo Quật, hạ*, phần đầu khi Nhân Quả sinh tử của Tiểu thừa dứt sạch gọi là *Hữu dư Niết bàn*, khi Nhân Quả sinh tử của Đại thừa dứt sạch gọi là *Vô dư Niết bàn*.

* **Hữu Đảnh (Thiên)**: Phạn âm: *Akanisatha*; Hán âm: *A-ca-ni-tra*; Còn gọi : **Sắc Cứu Cánh Thiên**.

Theo *Phẩm Tự, Kinh Pháp-Hoa 1*; *Luận Đại Tì-bà-sa 74*; *Luận Câu-Xá 24*; *Pháp-Hoa Nghĩa Số 2 (Cát Tạng)* thì *Hữu Đảnh Thiên* là tầng trời thứ 9 thuộc Tứ Thiên Thiên của cõi Sắc, là đỉnh cao nhất của thế giới hữu hình.

Ngoài ra, *Hữu dẫn thiên* cũng chỉ cho tầng trời thứ 4 của cõi Vô Sắc, tức là cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, vì tầng trời này là đỉnh cao nhất của 3 cõi, vẫn Trường hàng, Trùng tụng của Kinh Pháp-Hoa bản tiếng Phạn hiện còn, đều dùng từ Bhavāgra (Hữu Đảnh) chứ không dùng từ Akanistha.

✱ **Hữu Học:** Phạn: *Saiksa*.

Các quả vị trước khi chứng quả A-la-hán, đều là những quả vị hữu học như Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm. Nghĩa là còn phải học, tu dưỡng liên tục. Chỉ sau khi chứng quả A-la-hán, mới trở thành bậc Thánh vô học, cũng như vàng ròng không cần tinh luyện nữa.

✱ **Hữu Lộ:** Phạn âm: *Sāsrava* (Đối lại: Vô lộ). Phiền não sinh ra làm cho con người trôi lăn không dừng trong thế giới mê vọng, khó có thể ra khỏi biển khổ sinh tử.

Trong 4 Thánh đế: Khổ đế và Tập đế thuộc về quả và nhân mê vọng, là pháp hữu lộ; còn Diệt đế và Đạo đế là quả và nhân giác ngộ, thuộc về pháp vô lộ. Pháp hữu lộ, vô lộ có vị trí rất quan trọng trong nhân và quả của sự tu hành.

Hữu lộ có nhiều tên gọi khác như: Thủ uẩn, Hữu tránh, Khổ, Tập, Thế gian, Kiến xứ, Tam hữu, Hữu nhiễm, Hữu nhiễm ô, Hữu phú, Trần cấu .v.v...

Theo *Đại thừa A-tì-đạt-ma Tap Tập Luận 3*, Hữu lộ có 6 loại: Lộ tự tính, Lộ tương thuộc, Lộ sở phước, Lộ sở tùy, Lộ Tùy thuận, Lộ chủng loại.

Theo *Luận Câu-Xá 20*, thì Hữu lộ còn là 52 loại phiền não ở cõi Sắc và Vô Sắc.

✱ **Hữu Vi:** Phạn âm: *Samskrta*.

Có tạo tác, có nhơn duyên tạo tác, cố ý tạo tác, chớ không chiều theo cái tự nhiên. Trái với Vô vi thì có tánh bất thường, vô thường, chớ nó không có cái tánh thường, cái Chơn tánh, cái tánh Niết Bàn. Như cố ý mà thuyết pháp cho hay, sắp đặt trước bài tuyệt pháp của mình đặng cho người nghe khen tặng, đó là Hữu vi. Còn đột nhiên tùy cơ, tùy dịp mà hóa độ một cách bình đẳng, đó là Vô vi.

Bố thí mà trông phước về sau, đó là Hữu vi. Còn bố thí một cách an nhiên, không hề tưởng đến quả báo sẽ tới, ấy là Vô vi.

Hữu vi tức là Hữu lậu, còn phiền não, trù mẩn. Còn Vô vi tức là Vô lậu, tự nhiên không phiền não.



K

* **Kha Nguyệt (Ngọc)**: Màu trắng của ngọc và ánh sáng của mặt trăng.

Phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương, kinh Pháp Hoa, ghi: “Tướng lông trắng giữa chân mày của đức Phật như kha nguyệt”.

* **Khẩn Na La**: Phạn âm: *Kinnaras*. Dịch nghĩa: Nửa giống người, nửa giống thần. Người không phải người.

Một hạng chúng sanh có tài tấu nhạc, thường tấu nhạc Pháp, tấu những bài nhạc về đạo lý. Khẩn Na La một trong tám bộ chúng sanh, Thiên Long Bát Bộ thường hầu theo nghe Pháp một cách cung kính mỗi khi Phật giảng Kinh Đại Thừa.

Hồi đức Phật Thích Ca giảng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, có bốn vị vua Khẩn Na La đến châu nghe Pháp, có dắt theo cả trăm ngàn quyến thuộc trong loài Khẩn Na La. Bốn vị vua ấy là: **Pháp**: *Dharmadhara Khẩn Na La vương*; **Diệu** pháp: *Sudharma Khẩn Na La vương*; **Đại** pháp: *Mahâdharma Khẩn Na La vương*; **Trì** pháp: *Druma Khẩn Na La vương*.

* **Khổ Diệt Đế**: Còn gọi: Khổ tận đế, Khổ diệt thánh đế, Thụ diệt khổ diệt Thánh đế, **Diệt đế** (Phạn: *Nirodha-satya*; gọi đầy đủ: *Thánh diệt đế*).

Khổ diệt đế (Diệt đế) là Chân đế về sự diệt tận Khổ và Tập; tức chân lý về giải thoát, 1 trong 4 Thánh đế, giáo nghĩa căn bản của Phật Giáo. Loài người nếu dứt trừ được nguồn gốc của khổ đau (ái dục) thì có thể từ trong khổ đau triền miên đó mà chứng được sự giải thoát, hiểu biết chắc chắn đúng như thật giáo nghĩa mà không mảy may lầm lạc, đó là Diệt đế.

Các kinh luận giải thích Diệt đế đều khác nhau nhưng giáo nghĩa cơ bản đều xét rõ sự thật và đoạn trừ cội gốc các khổ cùng ái dục thì được khổ diệt, nhập vào cảnh giới Niết Bàn.

* **Khổ Đế**: Phạn âm: *Duhkha-satya*; Còn gọi: **Khổ Thánh Đế** (*Duhkharya-satya*).

Khổ đế là sự thật về các khổ hữu lậu trong 3 cõi, như tam khổ, bát khổ .v.v... *Thuyết Nhất thiết Hữu Bộ* cho Lạc khổ là thật có và lấy khổ

nhiều vui ít làm nghĩa của Khổ đế. Nhưng Kinh Bộ thì cho rằng, trong các Uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) hoàn toàn không có Lạc thụ.

Luận Đại Thừa A-Tì-đạt-ma Tập Tập 6 (Đại 31, 719 trung) ghi: “Từ sinh khổ đến Oán tắng hội khổ thuộc về khổ khổ, vì đó là pháp Thuận khổ thụ, là nghĩa tự tướng của khổ; Ái biệt ly khổ, cầu bất đắc khổ thuộc Hoại khổ, vì đã được lại mất, mong cầu thì chưa được, là pháp Thuận lạc thụ, là tự tướng của Hoại. Tất cả những khổ thuộc về năm thủ uẩn thì thuộc hai vô thường. Từ sinh khổ đến cầu bất đắc khổ là khổ thuộc về Thế tục đế, vì đó là cảnh giới trí thế gian; Tất cả các khổ về năm thủ uẩn là khổ thuộc về Thắng nghĩa đế”.

* **Không:** Phạn âm: *Sūnya*; Hán âm: *Thuấn-Nhã*; Hán dịch: *Không vô, Không hư, không tịch, Không tịnh, Phi hữu*; Đối với “Không” là “Hữu”.

“Không” là sự hư huyền không thật của sự vật hoặc sự rỗng lạng trong sáng của lý thể. Quan niệm cho tất cả sự vật tồn tại đều không có tự thể, thật ngã .v.v... được gọi là tư tưởng “Không”. Tư tưởng này có từ thời Phật còn tại thế, rõ ràng nhất là trong Phật giáo Đại thừa, tư tưởng “Không” còn là tư tưởng căn bản của hệ thống Kinh Bát-Nhã.

1. Nhị Không:

a/ Theo Phẩm Quán Tà Kiến, Trung Luận 4, Luận Thành Duy Thức 1 thì “Không” gồm có 2 loại: *Nhân không* và *Pháp không*. *Nhân không* nghĩa là trong cá thể của hữu tình không có sự tồn tại của thật ngã, cho nên *Nhân không* còn gọi là *Ngã không, Chúng sinh không, Sinh không, Nhân vô ngã* .v.v... *Pháp không* nghĩa là tất cả pháp do nhân duyên sinh đều không có thật thể tồn tại, nên còn gọi là *Pháp Vô Ngã*. Tiểu thừa chỉ nói *Nhân không* mà không nói *Pháp không*, còn đại thừa thì chủ trương *Nhân-Pháp nhị không*.

b/ Theo Phẩm Thân Kiến, Luận Thành Thật 10, “Không” được chia làm 2 loại: *Tích không* và *Thể không*. *Tích không* tức là phân tích sự vật tồn tại đến khi không còn phân tích được nữa thì gọi là Không, còn *Thể không* nghĩa là ngay nơi bản thân của tất cả sự vật tồn tại là Không, đương thể tức là Không. Tiểu thừa và Tông Thành Thật chủ trương *Tích không*, còn Đại thừa thì chủ trương *Thể không*.

c/ Theo Tam Luận Huyền Nghĩa, “Không” có 2 loại: *Đản không* và *Bất đản không*. *Đản không* nghĩa là chấp Không mà không biết Chân không và Diệu hữu; *Bất đản không* chính là *Trung đạo không*, nghĩa là biết rõ Chân không và thừa nhận Diệu hữu.

2. Tam Không:

a/ Theo Luận Biện Trung Biên, trung; Luận Hiển Dương Thánh Giáo 15 thì ba tính: *Biển kế sở chấp*, *Y tha khởi* và *Viên thành thật* đều có nghĩa “Không”, cho nên gọi đó là *Tam Không*. Cảnh mà phạm phu vọng chấp thuộc về tính *Biển kế sở chấp*, tính này xưa nay là Không, cho nên gọi là *Vô tính không*; Pháp do nhân duyên sinh thuộc về tính *Y tha khởi*, khác với tính *Biển kế sở chấp*, nhưng chẳng phải hoàn toàn Vô mà cũng chẳng phải là Hữu. Nhưng do chúng sinh chấp trước cho nên gọi đó là *Dị tính không*; còn Chân như là tính *Viên thành thật*, là tự tính do quán nhân và pháp đều không mà hiển hiện, đó là tự tính không.

b/ Theo Kim Cương Kinh Toản Yếu San Định Ký 1, “Không” có 3 thứ: *Nhân không*, *Pháp không* và *Câu không*.

3. **Tứ Không**: Theo Kinh Đại tập 54; Kinh Đại Phẩm Bát-Nhã 5, “Không” có 4 loại: Pháp pháp tướng không, Vô pháp vô pháp tướng không, Tự pháp tự pháp tướng không và Tha pháp tha pháp tướng không.

4. **Lục Không**: Theo Luận Xá-Lợi-Phát A-tì-dàm 16, “Không” có 6 loại:

a/ *Nội không*: còn gọi *Thụ giả không*, *Năng thực không*, nghĩa là 6 nội xứ (6 căn) đều là Không.

b/ *Ngoại không*: còn gọi *Sở thụ không*, *Sở thực không*, nghĩa là 6 ngoại xứ (6 cảnh) đều là Không.

c/ *Nội ngoại không*: còn gọi *Thân không*, *Tự thân không*.

d/ **Không không**: Không sở quán cũng Không, cho nên còn gọi là *Năng chiếu không*.

e/ *Đại không*: còn gọi *Thân sở trụ xứ không*, nghĩa là các thế giới trong 10 phương đều là Không

g/ *Đệ nhất nghĩa không*: còn gọi *Thắng nghĩa không*, *Chân thật không*, *Chân cảnh không*, nghĩa là ngoài các pháp thì không có gì gọi là Tự tính thật tướng.

5. **Thất Không**: Theo Kinh Lăng-Già 1 (bản 4 quyển), “Không” có 7 thứ:

a/ *Tướng không* (hay *Tự tướng không*): là *Tự tướng* và *Cộng tướng* của các pháp đều Không.

b/ *Tính tự tính không* (còn gọi: *Tự tính không*): nghĩa là tự tính các pháp là Không.

c/ *Hành không*: Năm uẩn xa lìa ngã và ngã sở, vì do nhân duyên sinh.

d/ *Vô hành không* (còn gọi: *Bất hành không*): Trong 5 uẩn không hề có Niết Bàn.

e/ *Nhất thiết pháp lý ngôn thuyết không*: Tất cả pháp Không, không thể diễn tả bằng ngôn ngữ

g/ *Đệ nhất nghĩa thánh trí đại không*: “Đệ nhất nghĩa không” thấy được từ quả vị Thánh trí.

h/ *Bỉ bỉ không*: Minh, người, kia, đây, đều Không, là Không theo nghĩa hẹp.

6. *Thập Không*: Theo Luận Đại Tì-bà-sa 8, “Không” có 10 loại: Nội không, Ngoại không, Nội ngoại không, Hữu vi không, Vô vi không, Tán hoại không, Bản tính không, Vô tế không, Thắng nghĩa không và **Không không**.

7. *Thập nhất không*: Theo Kinh Niết Bàn “Không” có 11 loại: Nội không, Ngoại không, Nội ngoại không, Hữu vi không, Vô vi không, Vô thủ không, Tính không, Vô sở hữu không, Đệ nhất nghĩa không, **Không không** và Đại không. Trong đó, Vô sở hữu không còn gọi là Bất khả đắc không.

8. *Thập lục không*: Theo Luận Biện Trung Biên, thượng, “Không” có 16 loại: Nội không, Ngoại không, Nội ngoại không, Đại không, **Không không**, Thắng nghĩa không, Hữu vi không, Vô vi không, Tất cánh không, Vô tế không, Vô tán không, Bản tính không, Tướng không, Nhất thiết pháp không, Vô tính không và Vô tính tự tính không. Trong đó, Tất cánh không là cái Không cùng cực nhất. Vô tính không còn gọi là Bất xả ly không, Bất xả không.

9. *Thập bát không*: Theo Kinh Đại Phẩm Bát Nhã 3, Kinh Đại Tập 54, Luận Đại Trí Độ 31, “Không” có 18 loại: Nội không, Ngoại không, Nội ngoại không, Đại không, **Không không**, Đệ nhất nghĩa không, Hữu vi không, Vô vi không, Tất cánh không, Vô thủ không, Tán không, Tính không, Tự tướng không, Chư pháp không, Bất khả đắc không, Vô pháp không, Hữu pháp không và Vô pháp hữu pháp không.

* **Không Giới**: Còn gọi: *Không Đại*. Không giới tức Hư không, là một trong 5 đại, 6 đại.

Năm đại gồm: Đất, nước, lửa, gió, không (thuộc sắc pháp), nếu thêm Thức đại (thuộc tâm pháp) thì thành 6 đại. Đây là những nguyên tố cơ bản tạo thành hữu tình hoặc thế giới vô tình. Vì thể tính của chúng rộng lớn, trùm khắp tất cả mọi nơi nên gọi là Đại. Không giới bao hàm hư không và tất cả những kẽ hở, lỗ hổng trong và ngoài thân như khe cửa, những khoảng trống trong miệng, mũi .v.v...

* **Không, Vô Tướng, Vô Tác**: Còn gọi: *Không, Vô tướng, Vô Nguyên Tam Muội*. Pháp thiên định về lý không, không sắc tướng, không nguyên cấu tạo tác. Vì thiên định về ba cái lý không ấy, nên cũng gọi là: Tam

tam-muội, Tam tam-ma-địa, Tam định, Tam đẳng trì, Tam không, Tam giải thoát môn.

- **Không**: Quán tưởng tất cả các pháp đều do nhơn duyên hòa hiệp mà sanh ra, tự tánh vốn không. Không có cái ta, không có cái gì là của ta. Đó là Không tam muội.

- **Vô tướng**: Đã quán tưởng thấy các pháp đều không, kể quán tưởng không thấy tướng nam, tướng nữ, không còn phân biệt tướng nữa. Đó là Vô tướng tam muội.

- **Vô nguyện**: Đã biết rất rõ tất cả các pháp đều không tướng, thì trong Tam giới có chi đâu mà cầu, mà nguyện. Đó là Vô nguyện tam muội.

Đã không có chi mà cầu, mà nguyện thì đâu còn cố ý tạo ra nghiệp sanh tử. Ai khéo nhập định vào ba pháp tam muội Không, Vô tướng, Vô nguyện thì có thể đắc đạo, nhập Niết Bàn. Đối với bậc đắc đạo, Tam tam-muội được gọi là Tam giải thoát môn. Ba pháp tam muội ấy rất bao la, thâm diệu. Bậc hữu lậu chưa đắc đạo thắm định cũng được cho đến các bậc Thanh văn la hán, Duyên giác, Bồ tát đều có thể thiền định vào ba pháp ấy, tức là ba pháp định chung cho cả Tiểu thừa và Đại thừa.

Vô Lượng Thọ kinh, ghi: “Bồ Tát trụ vào pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, bèn không cố ý tạo tác, không khởi ra nhơn duyên, xem các pháp đều như ảo hóa”.

Niết Bàn kinh, ghi: “Thánh đạo tức là: Không, Vô tướng, Vô nguyện. Ai tu đạo ấy rồi, có thể diệt hết tất cả quả báo phiền não”.

* **Khur-La-Khiên-Đà A Tu La vương**: Phạn âm: *Suraskandha*.

Một vị vua trong loài thần A Tu La (*Asuras*). Hồi đức Phật Thích Ca sắp diễn Kinh Diệu pháp Liên Hoa tại núi Kỳ XàQuật, Khur La Khiên Đà A Tu La vương với ba vị vua khác trong loài thần A Tu La, mỗi vị đều có dất theo rất nhiều quyến thuộc A Tu La, hiện lại mà dự nghe Phật thuyết pháp.

* **Kiên Đà (Quý)**: Còn gọi: **Kiên Đà**. Quý tá ác, mặt vàng và sắc vàng. Tuy vậy, cũng có một số biết tu trì, ủng hộ Phật pháp, thường hiện lại nghe Phật thuyết pháp, nghe Pháp Sư giảng kinh.

* **Kiên Hắc Chiên Đàn** (*Santal Kavânusârin*): Thứ Chiên Đàn rất quý.

Lại có thứ Hải Ngạn Chiên Đàn (*Satal Uragasâra*) cũng quý như vậy.

Theo *kinh Pháp Hoa. Phẩm 23*, một phần nhỏ nhít là sáu thù (một thù bằng nửa lượng), của 2 thứ Chiên Đàn này giá trị bằng trọn cõi thế giới

Ta bà này. Thế mà đức *Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến* (tiên thân của đức *Dược Vương Bồ Tát*) hóa ra trên không trung đầy những mặt Chiên Đàn ấy mà đổ thành mưa để cúng dường Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức.

* **Kiết Giá (Quỷ)**: Cũng gọi: Kiết Già. Một loại quỷ thần ác. Quỷ thần này hay nhập vào thân người chết, dùng thân ấy mà hành động theo sở dục của mình.

* **Kiều Đàm Di**: Phạn âm: *Gautami*. Còn gọi: *Kiều-đáp-di, Câu-đàm-di, Cù-đàm-di, Cù-di, Câu-di*. **Kiều Đàm Di** là bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề, dì của Đức Phật.

Pháp Hoa Huyền Tán 9 ghi : “Tiếng Phạn là Kiêu-đáp-di, Hán dịch là Nhật Chích chủng, còn gọi là Cam Giá chủng . “Di” là Dì, tức Di mẫu của Đức Phật”.

* **Kiều Phạm Ba Đề**: Phạn: *Gavāmpati*. Còn gọi: *Kiều-phạm-bạt-đề, Cáp-phòng-bát-đế, Già-bà-bạt-đế, Già-phạm-ba-đề, Già-bàng-pha-đế, Ca-vi-bạt-đế, Kiêu-hằng-bát, Phòng-bát-đế*.

Một đệ tử của đức Phật, Thuở quá khứ kiếp xa xưa, ngài Kiêu-phạm-ba-đề hái một cọng lúa, có vài hạt rơi xuống đất, nên phải chịu sinh làm kiếp trâu trong 500 đời, nay vẫn còn thói quen, sau khi ăn thường nhai đi nhai lại nên có tên là “Ngưu Tướng Tỳ Kheo”. Vì ngài có cử chỉ, dáng vẻ chậm lụt nên được biểu hiện cho phong thái khoan dung điềm đạm, không tranh cãi. Đức Thích Tôn thương xót những người hủy báng ngài, sợ họ phải chịu quả báo khổ, nên bảo Ngài trụ trong vườn Thi-lợi-sa ở cung Trời Đao-Lợi để tu tập thiền định. Sau khi đức Phật nhập diệt, lúc các tôn giả như Ngài Ca Diếp .v.v... kiết tập Pháp tạng có phái người đến Thiên Cung thỉnh Ngài trở lại nhân gian, Ngài mới biết đức Thế Tôn và tôn giả Xá Lợi Phất đã nhập diệt. Không bao lâu, Ngài cũng nhập diệt.

* **Kiều Trần Như** : Gọi tắt: **Kiều Trần**. Phạn: *Kaundinya*; Tên gọi khác: *A-nhã Kiêu-trần-như, A-nhã Câu-lân, Kiêu-trần-na, A-nhã Kiêu-lân, Cù-lân*. Hán dịch: *Sơ Tri, Dĩ Tri, Liễu Giáo, Liễu Bản Tế, Tri Bản Tế*. Là 1 trong 5 vị đệ tử Tỳ kheo được Phật độ trong lần chuyển pháp luân đầu tiên.

Theo *Phẩm Đệ Tử*, kinh *Tăng Nhất A-Hàm* thì Kiêu-Trần-Như là một trong các vị đệ tử Thanh văn của Đức Phật, là người có lòng nhân và

sự hiểu biết sâu rộng, có tài khuyến cáo khéo léo, dắt dìu Thánh chúng, không mất oai nghi, là người đầu tiên thụ pháp và tư duy Tứ Đế. *Theo Phật Bản Hạnh Tập Kinh 25*, khi thái tử Tất-Đạt-Đa mới xuất gia cầu đạo thì Ngài Kiều-trần-như và 4 vị khác vâng lệnh vua Tịnh Phạn gởi giúp đỡ Thái tử tu khổ hạnh, về sau thấy Thái tử bỏ lối tu khổ hạnh thì Ngài Kiều-trần-như và 4 vị này bỏ đi, đến khi Đức Thích Tôn thành đạo thì các vị này mới được giáo hóa.

✱ **Kinh Hành:** Kinh: Đi thẳng suốt. Hành: Đi. Đi dạo mát.

Lấy một chỗ đất nào đó làm chỗ nhứt định, rồi đi vòng tròn theo trong đó, hoặc là đi lại, đi qua, đó gọi là kinh hành.

Nhà sư tu thiền định, thường khi hay buồn ngủ. Muốn tránh cái nạn ngủ gục, thì nên kinh hành, đi bách bộ nơi khoảng đất chỗ mình tham thiền. Lại nữa, nhà sư ăn vừa xong, nếu nhập định liền thì chẳng tiêu cơm, lại e sanh ra bệnh, tật, cho nên sau khi ăn ngọ, thì kinh hành. Vậy thì, đối với nhà sư, kinh hành là một phép trừ buồn ngủ và để trường dưỡng thân thể.

A Di Đà Kinh: Trời vừa rạng sáng, chúng sanh ở cõi Cực Lạc đi lượm hoa, để vào đĩa và đem đi cúng dường cả chục vạn đức Phật ở mười phương. Đến giờ ăn, những chúng sanh trở về, dùng cơm rồi kinh hành.

Thích Thị Yếu Lãm: Kinh hành có năm điều lợi:

- Vận động cho tráng kiện
- Có sức lực
- Chẩn bệnh hoạn
- Tiêu cơm
- Ý chí kiên cố

Có năm chỗ nên kinh hành:

- Chỗ thanh nhàn u nhã
- Phía trước cửa
- Trước giảng đường
- Nơi phía dưới tháp
- Dưới tầng lầu.

✱ **Kỳ Dạ kinh :** Phạn: *Geya*. Hán cựu dịch: *Trùng tụng*, *Trùng tụng kệ*. Tân dịch: *Ứng tụng*.

Kỳ Dạ kinh là phần kệ tụng lặp lại ý nghĩa của đoạn văn Trường hàng ở trước. Một trong 9 thể loại kinh, 1 trong 12 thể loại kinh.

* **Kỳ Xà Quạt sơn** : Phạn: *Grdhrakūta*. Còn gọi: *Kỳ-xà-đa sơn, Quạt sơn*. Hán dịch: *Linh Thửu sơn, Thửu Đầu Linh sơn*. Đây là ngọn núi ở phía Đông Bắc thành Vương Xá, thủ đô nước Ma-kiệt-đà thuộc Trung Ấn Độ, là nơi Đức Phật thường đến thuyết pháp, rất nổi tiếng.

Có thuyết cho rằng đỉnh núi giống hình chim Thửu, lại có thuyết cho rằng trên đỉnh núi có rất nhiều chim Thửu trú ngụ, nên có tên là núi Thửu. *Linh Thửu sơn* còn có rất nhiều di tích như nơi ông *Đề-bà-đạt-đa* lăn đá hại Phật; Thạch thất, là nơi Đức Phật và ngài *Xá-lợi-phất* cùng hàng Thanh văn nhập định; chỗ *Tôn giả A-Nan* gặp Ma vương nhiễu loạn; nơi Đức Phật tuyên thuyết *kinh Pháp Hoa, kinh Đại Phẩm Bát Nhã, kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương, kinh Vô Lượng Thọ*.



L

* **La-Hầu A Tu La vương:** Phạn âm: *Rāhu*.

Một vị vua trong loài thần A Tu La (*Asuras*), tên là La Hầu.

Hồi Phật Thích Ca sắp diễn kinh Diệu pháp Liên Hoa, La-Hầu A Tu La vương với ba vị vua khác trong loài thần A Tu La, hiện đến núi Kỳ Xà Quật mà nghe Phật thuyết pháp.

Trong Niết Bàn Kinh, quyển 24, có lời Phật phán: Như trong các loại chúng sanh thân thể to lớn, thì La-Hầu A Tu La vương là trội hơn hết. Pháp chẳng phóng dật cũng như thế, trong các thiện pháp, pháp ấy là cao trội hơn hết.

* **La Hầu La:** Phạn âm: *Rahula*.

1. Che lấp chướng ngại. Hán dịch là *Phú Chướng*.

2. Tên người con đầu lòng của đức Phật Thích Ca, ở trong thai 6 năm, sinh ra trong đêm đức Phật thành đạo (Ngày 8 tháng Chạp Âm Lịch), 15 tuổi xuất gia, khi ngài Xá Lợi Phất là hòa thượng thì La Hầu La làm Sa-di, rồi chứng quả A-La-Hán. Ngài là người tu mật hạnh (mật hạnh là hạnh tu có thực, nhưng không lộ ra ngoài) đệ nhất trong 10 đại đệ tử của đức Phật. Về sau trong Hội Pháp Hoa, ngài theo về Đại thừa, được đức Phật thọ ký thành vị Phật hiệu là: “Đạo Thất Bảo Hoa Như Lai”.

* **La sát:** Phạn âm: *Rakchasas*.

Loài hung thần ác quỷ. Dịch nghĩa: Bạo ác, khả úy (đáng ghê sợ). Loài này hình tướng và mặt mày rất ghê gớm, thích ăn thịt người. Cảnh giới của chúng ở biển cả và cũng ở rải rác khắp nơi trên đất liền. Giống đực gọi là La-sát-bà (*Rākchasas*), gọi tắt: La Sát. Giống cái gọi là: La-Sát-tu (*Rôkechosis*), La Sát nữ.

Hồi đức Phật Thích Ca ra đời, tại xứ Na-càn-ha-la (*Nagarahāra*), có năm con quỷ La Sát cái thường biến ra loài rồng mà phá hại người. Nhơn dân đến thỉnh cầu Phật hàng phục. Đức Phật giáo độ, làm cho bọn La Sát nữ ấy qui y và trở nên hiền lành.

Trong *Diệu pháp liên hoa Kinh, phẩm Phổ Môn*, có nói rằng: Giả như trong cõi Tam Thiên Đại Thiên này choán đầy bọn quỷ Dạ Xoa (*Yokchas*) và La Sát (*Rākchasas*), có ai gọi tới tên Quán Thế Âm Bồ Tát,

liền được tránh khỏi bọn quỷ ấy, bọn hung ác tàn bạo này chẳng thấy được mình:

Gặp khi La Sát ám mê
Độc long, thần dữ ham bề phá nguy
Quán Âm niệm vái thường khi
Hung thần, ác quỷ làm gì được đâu...

Như vậy, cũng có những quỷ La Sát, có Bồ đề tâm (tuy mang lột quỷ, chớ không còn có lòng quỷ), thường chớ che hộ trợ những bậc tu hành. Như trong hội Pháp Hoa, có mấy bà La Sát: Lam bà (Lambâ), Tỳ lam bà (Pralambâ), Khúc xỉ (Mâlâkutadanti), Hoa xỉ (Puchpadanti), Hắc xỉ (Matutatchandi), Đa phát (Kêcini), Vô yểm túc (Atchalâ), Trì anh lạc (Mâlâdhari), Cao đế (Kurti), Đoạt nhưt thiết chúng sanh tinh khí (Sarvasattvândjôhâri), Ha ly đế (Hâriti) đều đến trước Phật, nguyện ủng hộ những vị trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Và mấy bà có truyền ra mấy câu thần chú. Hể nhà trì Kinh đọc mấy câu thần chú dưới đây, thì khỏi ai phá hại được, dầu là người, thần, yêu quỷ.

* **Lậu** : rỉ ra, tiết lộ ra làm cho dơ dáy. Như trong thân người có Cửu lậu (9 chỗ từ nơi ấy chảy ra chất dơ: 2 tai, 2 lỗ mũi, 2 mắt, 1 miệng, 1 chỗ đại tiện, 1 chỗ tiểu tiện). Sự tiết lộ dơ dáy vì Phiền não. Lậu tức là Phiền não. Thân tâm thấm trước vì phiền não (tham, sân, si), sự tiết lộ làm cho thân tâm dơ dáy vì cảm xúc do Lục căn mẩn trứ Lục trần.

Lậu cũng viết: Hữu lậu. Đối với: Vô lậu. Bực hữu lậu còn trù mẩn, còn tham dục, tức còn sa đọa vào ba nẻo ác lụy: Địa Ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, còn luân chuyển trong vòng Thiên, Nhơn. Trái với Vô lậu là bực giải thoát, không còn dính trước vì phiền não.

Những chữ: Lậu, Phiền não, Sứ, Cấu, Nhiễm, Kết, Hoặc đều là đồng nghĩa. "*Niết Bàn kinh*": Phiền não, gọi là các mối lậu. Đức Như Lai dứt hết mãi mãi các phiền não.

* **Lậu tận**: Dứt lậu, dứt phiền não. Những bậc tu học trong ba thừa đắc những quả La Hán, Duyên giác, Phật thì dứt phiền não, dứt những sự tiết lậu đã từng nhiễm trước thân tâm.

Sáu cửa của lục căn không còn tiết lậu vì sự xúc động với lục trần Lậu tận cũng gọi là **Vô lậu**.

* **Long Hoa Tam Hội**: Còn gọi: *Long Hoa hội, Long Hoa tam đình, Di Lạc tam hội, Từ Tôn tam hội*. Gọi tắt: *Long Hoa*.

Ba hội thuyết pháp của Đức Phật Di Lặc dưới cội Long Hoa. Sau khi Đức Phật Thích Ca nhập diệt 56 ức 7 nghìn vạn năm (có thuyết nói 57 ức 6 nghìn vạn năm, 56 ức vạn năm), Bồ Tát Di Lặc từ cõi trời Đâu Suất hạ sinh xuống nhân gian, xuất gia học đạo, ngồi dưới cội Long Hoa trong vườn Hoa Lâm, thành Sí Đầu, thành bạch Chánh Đẳng Chánh Giác, trước sau 3 lần thuyết pháp.

Phẩm Tam Thế Đẳng, kinh Bồ Tát Xứ Thai 2, trong Long Hoa tam hội, hội thứ nhất thuyết pháp độ 96 ức người thành đạo quả, hội thứ hai độ 94 ức người và hội thứ ba độ 92 ức người.

Trong các chùa, vào ngày vía Đức Di Lặc, chư Tăng, Ni thường đọc bài tán, trong ấy có câu: “*Long Hoa Tam Hội nguyện tương phùng*” (*Ba hội Long Hoa nguyện được gặp*). Câu này chỉ cho 3 Pháp hội nói trên. Nhưng thật ra, Đức Di Lặc thuyết pháp rất nhiều hội, chứ không phải chỉ có 3 hội này. Sở dĩ trong kinh nói có ba là muốn nêu ra tính cách quan trọng và lớn lao nhất của ba hội trong nhiều pháp hội đó thôi.

Người nào muốn dự ba hội Long Hoa, nên thực hành đúng ba điều kiện, theo lời nguyện của Đức Di Lặc như sau:

1. Những Tăng, Ni xuất gia trong giáo pháp của Phật Thích Ca, nếu có thể giữ gìn giới hạnh trang nghiêm, tương lai sẽ được tham dự và độ thoát trong pháp hội đầu tiên của ta.
2. Hàng Phật tử tại gia, nếu giữ đúng ngũ giới, Bát quan trai giới, phụng thờ và cung kính cúng dường ngôi Tam Bảo sẽ được độ thoát trong pháp hội thứ hai của ta.
3. Những kẻ tuy chưa giữ giới, nhưng có lòng chính tín đối với ngôi Tam Bảo, biết kính lễ Phật và đem tâm thành kính cúng dường Phật, Pháp, Tăng, sẽ được độ thoát trong pháp hội thứ ba của ta.

* **Long Nữ Thành Phật:** Long nữ 8 tuổi, nhờ công đức thọ trì kinh Pháp Hoa mà thành Phật.

Phẩm Đề Bà Đạt Đa, kinh Pháp Hoa 4, Long nữ là con gái của vua rồng Sa-kiệt-la (Sa-dà-la), mới 8 tuổi mà trí huệ bén nhạy, có khả năng thọ trì bí tạng sâu xa của chư Phật, trong khoảng sát-na phát tâm Bồ Đề, liền được Bất Thối chuyển. Long nữ dâng cúng đức Phật một hạt bảo châu, nhờ công đức này được chuyển thân nữ thành thân nam, đầy đủ hạnh Bồ Tát. Trong khoảng sát-na trụ thế giới Vô Cấu ở phương Nam, Ngài ngồi trên hoa Sen báu, thành Đẳng Chính Giác, đủ 32 tướng quý, 80 vẻ đẹp, nói pháp cho tất cả Trời, người, Bồ Tát, Thanh văn, Thiên long

Bát bộ, nhân, phi nhân .v.v...ở thế giới Ta bà, mọi người từ xa trông thấy ngài, đều hoan hỷ kính lễ.

Phật giáo Tiểu thừa cho rằng thân nữ nhơ uest, không thể thành Phật, còn Phật giáo Đại thừa chủ trương chúng sinh đều có khả năng thành Phật, cho nên trong kinh nói người nữ có thể chuyển thành thân nam và thành Phật. Do đó, thuyết “**Long Nữ Thành Phật**” đã nói lên sự phát triển của Phật giáo Đại thừa.

* **Long Vương:** Phạn âm: *Nāgārajah* ; Hán âm: *Na-già-la-nhạ*.

Theo *Kinh Hoa-Nghiêm 43 (bản Tân dịch); Phần Tu-Di Tạng, Kinh Đại Tập 58* thì Long Vương là Vua Rồng. Tương truyền, khi đức Thích Tôn đản sinh, có 2 vua rồng là *Nan-đà* và *Bạt-nan-đà* phun nước tắm gội cho Ngài.

Theo *Phẩm Tự, Kinh Pháp-Hoa 1*, 8 vị đại Long Vương là : *Nan-đà, Bạt-nan-đà, Ta-già-la, Hòa-tu-cát, Đức-xoa-ca, A-na-bà-đạt-đa, Ma-na-tư và Ưu-bát-la* ; còn *Kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương 1*, thì có 7 vị Long vương.

Ngoài ra, theo *Kinh Tăng Hộ*, Hải Long Vương biến thành hình người, xuất gia tu hành, nhưng trong khi ngủ quên, nên lộ thân rồng ra, vì thế Phật dạy: *Khi mới sinh, lâm chung, giao cấu, sân nộ, ngủ .v.v... thì rồng sẽ trở lại thân rồng, không thể hóa thành thân loài khác.*

* **Lộ Già Da Đà** (*Lokāyata, Lokāyatika*): Còn gọi: *Lộ-già-da phái, Lô-ca-da-đa phái, Lộ-ca-da-đa phái, Lộ-ca-dã-để-ca phái*. Hán dịch: *Thuận Thế ngoại đạo, Thuận thế phái*.

Chi phái thuộc Bà-la-môn giáo ở Ấn-độ thời xưa, chủ trương tùy thuận theo thế tục, đề xướng chủ nghĩa khoái lạc Duy Vật Luận. Phái này và phái A-kỳ-tỳ-già đều là những học phái đại biểu cho tư tưởng Tự Do của Ấn-độ thời xưa. Phái này đứng trên lập trường Duy Vật Luận, chủ trương bốn nguyên tố đất, nước, gió, lửa hợp thành thân tâm con người, nếu người mạng chung thì tứ đại cũng tan rã theo, năng lực của ngũ quan cũng trở về với hư không, cho nên sau khi con người chết đi thì tất cả đều trở về không, linh hồn cũng không tồn tại. Do đó, phái này phủ nhận thuyết luân hồi, nghiệp báo, phủ nhận luôn các ý nghĩa tế tự, cúng dường, bố thí.

Về mặt nhận thức luận, phái này chủ trương Cảm giác luận, về mặt sinh hoạt thực tiễn thì chủ trương Khoái lạc luận; đồng thời phản đối chủ nghĩa Tế Tự Vạn Năng do Bà-la-môn chủ trương, tư tưởng của họ có khuynh hướng nguy hiểm.

* **Lợi Căn** : Phạn: *Tikṣa-indriya*. Căn cơ nhạy bén. Người có căn cơ nhạy bén có thể hiểu được Phật pháp mà đạt đến giải thoát. Theo *Luận Đại Tỳ-bà-sa*, hạng lợi căn không tin lời người khác, chỉ tự mình nghiên cứu giáo điển mà được ngộ đạo, theo pháp mà tu, nên gọi là Tùy pháp hạnh.

* **Lợi Tha**: Còn gọi: *Hóa tha*. Một trong hai lợi. Lợi tha là mang lại lợi ích cho người khác như Chư Phật và Bồ Tát giáo hóa chúng sinh, khiến họ xa lìa điều ác, hướng về việc lành; còn Lợi kỷ thì chỉ lợi ích riêng cho bản thân mình.

* **Lục Ba La Mật**: Hạnh thanh tịnh của hàng Bồ Tát, đều lưu xuất từ quan điểm không vướng mắc vào lợi lạc của riêng mình (dựa trên trí huệ về tính không). Đó là: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tiến, Thiền định, và Trí huệ. Còn gọi là **Lục Độ**. Kinh văn đề cập sâu đến Lục Ba-la-mật là Thủ-lăng-nghiêm tam-muội kinh.

* **Lục Căn (Sáu Căn)**: Phạn âm : *Sad indriyāni*; Còn gọi : *Lục tình* .

Theo *Luận Câu-Xá 1 đến 3*; *Luận Thành Duy Thức 1*; *Luận Thuận Chính Lý 6*; *Đại Thừa A-Tỳ-Đạt-Ma Tập Tập Luận 1* thì Lục căn là sáu cơ quan cảm giác, 6 xứ trong 12 xứ, 6 căn giới trong 18 giới. Sáu căn là:

1. Nhãn căn: Cơ quan thị giác và năng lực thấy sắc của nó.
2. Nhĩ căn: Cơ quan thính giác và năng lực nghe biết của nó.
3. Tỷ căn: Cơ quan khứu giác và năng lực ngửi mùi của nó.
4. Thiệt căn: Cơ quan vị giác và năng lực nếm vị của nó.
5. Thân căn: Cơ quan xúc giác và năng lực xúc chạm của nó.
6. Ý căn: Cơ quan tư duy và năng lực tư duy của nó.

- Năm căn trước còn gọi là Ngũ căn thuộc về sắc pháp (tồn tại về mặt vật chất), cho nên gọi là Sắc căn. Có 2 loại:

1. Phù trần căn: Cơ quan sinh lý, lấy tứ đại làm thể, khi đối cảnh thì sinh ra thức, nhưng chỉ có tác dụng phụ trợ khi căn đối cảnh sinh ra thức.
2. Thắng nghĩa căn: lấy tịnh sắc do tứ đại sinh ra làm tính, có tác dụng chính trong việc căn đối cảnh sinh ra thức.

- Trái lại, ý căn thuộc tâm pháp, là sở y của tâm để sinh khởi tác dụng tâm lý, tức Vô sắc căn.

* **Lục Đạo (Sáu Đường)**:

Sáu đường, Sáu nẻo, Sáu chốn luân hồi. Cũng gọi: Lục thú.

Theo đạo Phật, chúng sanh tùy theo căn quả thiện hay ác của mình mà chuyển vào trong Lục đạo luân hồi:

- Thiên: Tiên.
- A tu la: Thần.
- Nhơn: Người.
- Địa Ngục
- Ngạ quỷ: Ma đói.
- Súc sanh: Thú vật.

Ba đường trên thì vui sướng, dễ chịu, nên gọi là Ba đường lành (Tam thiện đạo). Ba đường dưới thì cực khổ, nguy nan, nên gọi là Ba đường dữ (Tam ác đạo).

Người ta bao giờ cũng không lọt khỏi Lục đạo ấy, khi thì đầu thai làm người, khi có công đức thì được làm Thần, làm Tiên, rồi có khi phạm tội, làm ác, bèn sa xuống Địa Ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh.

Muốn thoát khỏi Lục đạo luân hồi ấy, phải tu đạo Phật cho đắc những quả: La Hán, Duyên giác, Bồ Tát, Phật. Chừng ấy, sẽ được tự tại, khỏi bị nghiệp quả lôi cuốn.

Theo "Địa tạng Kinh", hồi đời Phật Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai, con của một vị trưởng gia: Tiên thân Địa Tạng Bồ Tát có phát nguyện trước Phật rằng: "Nay tôi nguyện từ đây cho tới vô số kiếp chẳng có thể kể ra cho được, rộng mở phương tiện độ chúng sanh tội khổ trong Lục đạo, khiến cho họ giải thoát hết cả, rồi tự thân tôi mới thành Phật sau".

✳ **Lục Thần Thông** : Gọi tắt: *Lục thông*. Phạn âm: *Sad-abhijnah*.

Lục thông là sáu diệu dụng vô ngại tự tại của Phật, Bồ Tát do nương sức định huệ mà thị hiện. Đó là: *Thần túc thông, Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Thiên nhãn thông* và *Lậu tận trí chứng thông*.

✳ **Lục Thập Nhị Sử (Sáu Mươi Hai Sử)**: Sáu mươi hai ý kiến của những kẻ ngoại đạo, của những kẻ còn lầm lạc.

Sáu mươi hai ý kiến ấy đều thâm vào ba ý Kiến này:

- *Ngã kiến*: Chấp có ta. Cũng viết: Thân kiến.
- *Đoạn kiến*: Kể chẳng có thân tâm, chẳng có luân hồi, tức là Vô kiến
- *Thường kiến*: Kể cho thân tâm là còn mãi, tức là Hữu kiến

Có sáu chục kiến thuộc về ngã kiến. Đối với mỗi uẩn đều có bốn cách kể. Như về sắc:

- Kể rằng sắc là ta

- Kể rằng lia sắc là ta
- Kể rằng sắc lớn ta nhỏ, ta lớn sắc nhỏ
- Kể rằng ta lớn sắc lớn, ta nhỏ sắc nhỏ.

Đối với thọ, tướng, hành, thức, cũng kể như vậy. Tức là: $5 \times 4 = 20$

Nhơn cho ba đời: quá khứ, hiện tại, vị lai thành 60 kiến, 60 kiến thuộc về ngã kiến hiệp với đoạn kiến và thường kiến, tất cả 62 kiến

Nhà học Phật trừ được sáu mươi hai kiến, thì các mối tà ngụy không có chỗ dung (*Qui nguyên trực chỉ: Trừ lục thập nhị kiến, nhi tà ngụy vô sở dung*).

* **Lực:** Phạm âm: *Bala*.

Sức, sức mạnh về thể chất, nhưt là về tinh thần. Sức mạnh để phá những chướng ngại, tu bỏ những thiện căn, để thủ hộ mình và cứu giúp người. Như có năm sức mạnh (ngũ lực):

- Sức mạnh của đức tin: Tín lực
- Sức mạnh của đức tinh tấn: Tấn lực
- Sức mạnh của lòng niệm: Niệm lực
- Sức mạnh của thiền định: Định lực
- Sức mạnh của trí huệ: Huệ lực

Người tu Phật, nhờ hai sức (nhị lực) hộ trợ cho mình: Tự lực và Tha lực. *Tự lực* là sức riêng của mình để tấn lên đường Giới Định Huệ, nẻo Giải thoát. *Tha lực* là sức hộ niệm của chư Phật, Bồ Tát và của chư thiện Thần. Sức oai thần, sức oai thế của Phật, Bồ Tát cũng gọi là Lực, như Phật lực. Đức Phật có đủ mười sức mạnh về trí huệ mà không chúng sanh nào có đủ, gọi là Thập lực.

* **Lưỡng Túc Tôn:** Còn gọi: *Lưỡng Túc Như Lai, Nhị túc Tôn, Vô thượng Lưỡng túc Tôn*. Phạm: *Dvipadottama*.

Đây là danh hiệu của Phật. Vì Phật có đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, thành tựu các pháp vô học vô lậu như Tận trí, Vô sinh trí và các pháp bất cộng như 10 lực, 4 vô úy nên tôn hiệu này có 2 nghĩa:

1. Phật là bậc tôn quý nhất trong tất cả các loài Chúng sinh 2 chân mà đại biểu là trời và người. Theo *Phẩm Báo An, kinh Đại Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán 2, Luận Đại Trí Độ 27*, Phật là bậc nhất trong tất cả các Chúng sinh không chân, 2 chân, 4 chân, nhiều chân, hữu sắc, vô sắc, hữu tướng, vô tướng, phi hữu tướng, phi vô tướng.

2. Đức Phật đầy đủ quyền và thật, giới và định, phước và huệ, giải và hành nên gọi là Lưỡng Túc.

* **Lưu Ly:** Lam ngọc, một loại đá quý màu xanh da trời, còn gọi là beryl, hình thành trong một loại trai sò lớn. Là một bảo vật trong Tứ bảo: Kim, Ngân, Lưu ly, Pha lê; Lại là một bảo trong Thất bảo (theo kinh Pháp Hoa): vàng, bạc, lưu li, xa cừ, mã não, trân châu và mai khô.

A Di Đà Kinh: Bốn phía ao hồ ở cõi Cực Lạc đều có những bậc thang xây bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê hiệp lại với nhau; Phía trên ao, có những lầu các lại cũng dùng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não mà trang nghiêm lộng lẫy cho cảnh ấy.

* **Ly Bà Đa:** Phạn: *Revata*. Còn gọi: *Ly-việt-đa, Lệ-bà-đa, Lý-phạ-đế, Ly-bà, Ly-niết, Ly-việt, Hiệt-ly-phạt-đa, Hạt-ly-phiệt-đa*. Hán dịch: *Thường Tác thịnh, Sở cúng dường, Kim, Thất Tinh, Thích thời*.

Ly Bà Đa là một vị đệ tử Phật, em Ngài *Xá Lợi Phất*. Tương truyền, cha mẹ ngài cầu sao *Ly-bà-đa* mà sinh được ngài, cho nên lấy tên vì sao này đặt cho ngài. Có lần, ngài gặp mưa, ngủ lại ở miếu thần, đến khuya thấy 2 con quỷ dành nhau ăn thầy chết, ngài suy nghĩ về thân người hư huyễn, liền đến chỗ Đức Phật, được nghe đạo lý về thân người do Tứ đại giả tạm hòa hợp, liền xuất gia vào đạo. Ngài thường ngồi thiền nhập định, tâm không tán loạn.

Khi du hành đến nước Đà-Bà, ngài gặp tuyết lạnh, vì không mang giày dép, nên chân ngài bị thương tích; Đức Phật khen ngài là người thiếu dục tri túc. Từ đó về sau, Đức Phật cho phép các thầy Tỳ kheo ở xứ lạnh được mang Phú-la (giày ủng) hoặc giày dép.

* **Ly Cấu:** Phạn âm: *Vita-mala*. Còn gọi: *Viễn trần ly cấu*.

Xa lìa mọi nhớ bấn phiền não. Lý Tứ đế và duyên khởi là nhân sinh quan, thế giới quan của Phật giáo. Nếu có thể lý giải đúng đắn, thì có thể thấy được chân lý, đạt pháp nhãn, tức là đạt được quả Tu Đà Hoàn. Dùng pháp nhãn này có thể xa lìa Kiến hoặc, cho nên gọi là *Viễn ly trần cấu (Viraja-vitamala)*.

Trong *Kinh điển Phật giáo Nguyên thủy*, có nhiều người nghe đức Phật và đệ tử Ngài thuyết pháp mà đắc pháp nhãn *Viễn ly trần cấu*, như Tỳ kheo Sai Ma trong *kinh Tạp A Hàm 5; Am-bà-bà-lê Nữ* trong *kinh Trường A Hàm 2*. Kinh điển Đại thừa cũng có sử dụng từ ngữ này như *Phẩm Phật Quốc, kinh Duy Ma Sở Thuyết 1*, ghi: “Viễn ly trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh”.

* **Ly Cấu Thế Giới:** Thế giới trang nghiêm thanh tịnh, xa lìa mọi cấu nhiễm, là thế giới mà đức Thế Tôn đã thụ ký cho Ngài Xá Lợi Phất thành Phật và làm giáo chủ trong đời vị lai.

Phẩm Thí Dụ, kinh Pháp Hoa, ngài Xá Lợi Phất ở đời vị lai, qua vô lượng vô biên bất khả tư nghì kiếp, cúng dường nghìn vạn ức Phật, phụng trì chánh Pháp, đầy đủ đạo tu hành của Bồ Tát, sẽ được thành Phật hiệu là Hoa Quang Như Lai, nước tên Ly Cấu. Cõi đó bằng phẳng thanh tịnh, an lạc phong nhiêu, trời người đông đảo. Lúc ấy, Đức Hoa Quang Như Lai dùng cả ba thừa để giáo hóa chúng sinh.



M

* **Ma Ha:** Còn gọi : Mạc-Ha, thường dịch là Đại (lớn), cũng dịch là Đa (nhiều), Thắng (trỗi). Tiếng Ma-Ha đứng trước tên người, đứng trước Pháp hiệu để tôn xưng những vị có Huệ đức lớn trên đường đạo. Nhứt là để tôn xưng những vị Đại Thánh như: Ma Ha Ca-Diếp, Ma ha Ca-Chiên-Diên, Ma ha Mục-Kiền-Liên .v.v...

Trong *Pháp Bảo Đàn Kinh*, phẩm thứ hai, đức Lục Tổ có giảng rằng: Sao gọi là Ma-ha? Ma ha tức là lớn (Đại), tâm lượng quảng đại dường như hư không, không có bờ lề; cũng không vuông tròn, lớn, nhỏ; cũng không xanh, đỏ, trắng ,vàng; cũng không trên, dưới, vắn, dài; cũng không giận, không mừng, không phải, không quấy, không lành, không dữ, không có đầu, đuôi; cho đến các cõi đất nơi ấy chư Phật hóa độ đều là hư không. Như tiếng Ma ha Bát nhã ba la mật đa (Trí huệ rộng lớn) bao gồm hết các đức tánh trên ấy.

* **Ma Ha Ca-Diếp:** Gọi tắt: **Ca Diếp**. *Ca-Diếp* là âm theo Phạn , đọc trọn: *Ca-Diếp-ba*, dịch nghĩa: *Ám quang* (uống hào quang), Ca-Diếp là tên người; trong kinh điển đạo Phật, có nhiều vị tên Ca-Diếp. Ca-Diếp trong kinh Đại Bát Niết Bàn là **Ma-Ha Ca-Diếp**, hay Đại Ca-Diếp là một vị Đại đệ tử của Phật, được Phật khen là Đầu Đà đệ nhứt (tu thượng hạnh, khổ hạnh đệ nhứt), được Phật truyền Y Bát làm Sơ Tổ, tức là vị tổ thứ nhứt trong 28 đời tổ ở Thiên Trúc.

* **Ma Ha Kiếp-Tân-Na:** Phạn: *Mahakalpina*. Còn gọi: *Ma-ha Kiếp-tân-ninh*, *Ma-ha Kiếp-tử-noa*, *Ma-ha Kế-tân-na*, *Ma-ha-ca-thất-na*, *Ma-ha-kim-tì-la*, *Đại Kiếp-tân-na*. Gọi tắt: *Kiếp-Tân-Na*.

Vị A La Hán đệ tử của đức **Phật**, tinh thông thiên văn, toán số bậc nhất trong chúng Tăng.

Theo phẩm *Đại Kiếp-tân-ninh* trong kinh *Hiền Ngụ* 7, Ngài là con của vua Kiếp-Tân-Ninh nước Kim Địa, bẩm tính thông minh, thân thể trắng kiện, sau khi phụ vương băng hà, Ngài nối ngôi, tổ chức quân đội hùng mạnh, oai phong vang dội xa gần; vì định áp chế Trung Ấn Độ, Ngài bèn sai Sứ đến nước Xá Vệ xin triều cống vua Ba Tư Nặc. Bấy giờ, đức **Phật** đang ngự tại Tịnh Xá Kỳ Hoàn, hóa thành Chuyển Luân Thánh Vương,

dùng thần thông biến hiện làm cho vua Kiếp Tân Na tin phục. Sau đó, vua xuất gia, đồng nãi tinh tấn tu tập, thường nhập thiền định, chứng được Pháp Nhân Thanh Tịnh và đắc quả A la hán.

Theo *Pháp Hoa Nghĩa Sớ 1, Pháp Hoa Huyền Tán 1* của ngài Quang Trạch, **Như Lai** tiên đoán nhân duyên thành đạo của Kiếp Tân Na, nên hóa hiện thành 1 vị Tỳ kheo già ngủ trong Tăng phòng và nói Pháp cho Kiếp Tân Na nghe, ngay đêm đó ngài đắc đạo nên gọi ngài là Phòng Túc.

Theo *Pháp Hoa Văn Cú 1, thượng*, vì cha mẹ ngài cầu nguyện Sao Phòng mà sinh được ngài nên đặt tên là Phòng Tú.

* **Ma Ha Tát:** Gọi đầy đủ: **Ma Ha Tát Đỏa**. Phạn: *Mahāsattva*. Hán dịch: *Đại hữu tình, Đại chúng sinh*.

Đây là từ gọi chung Bồ Tát hoặc Đại Sĩ. Tức là bậc có Nguyện đại, Hạnh đại, Độ Chúng Sinh đại, tôn quý nhất trong tất cả chúng sinh ở thế gian và không bao giờ lui sụt đại tâm ấy.

* **Ma Hầu La Đà (Ma Hầu La Già):** Gọi tắt: **Ma Già, Ma La** (Dị loại). Còn gọi: *Ma-hộ-la-nga, Ma-hộ-lạc-già, Hưu-Lặc* là một trong tám Bộ chúng, là một loài đại mạng thần (thần rắn lớn), một vị tôn ở viện thứ ba thuộc Thai tạng giới, cũng là quyến thuộc của đức Thích-Ca Như Lai. Đó cũng là một pháp môn *thân thị hiện* của đức Đại Nhật Như Lai. Một loại chúng sinh nhờ có pháp đó mà được toại nguyện tới cõi nhất thiết trí địa.

Theo *Kinh Đại Nhật* (q.1) và *Tuệ Lâm Âm Nghĩa* (q.11) nói: “Ma-hưu-Lặc sách cũ dịch là chất phác, cũng gọi là Ma-Hầu-La-Già, cũng là một loại nhạc thần. Hoặc gọi là phi nhơn, hoặc gọi là Đại mạng thần. Đó là vị thần mình người đầu rắn”.

* **Ma Na Tư (Long Vương):** Phạn âm: *Manasvin*. Vị vua rồng (Nâga) coi về việc làm mưa, một trong 8 vị Đại long vương. Rồng này thân dài có thể quấn chung quanh núi Tu Di 7 vòng, nên còn gọi là **Đại Thân Long vương**. Lúc sắp làm mưa thì rồng giăng mây đen trước 7 ngày, đợi cho nhân gian lo liệu sắp xếp các việc đã xong rồi mới cho mưa xuống. Lúc kéo mây cho đến làm mưa đều có tâm từ, nên còn gọi là **Từ Tâm Long vương**.

Hồi đức Phật Thích Ca sắp diễn Kinh Diệu Pháp liên hoa tại núi Kỳ Xà Quật, Ma-Na-Tư Long vương với bảy vị Long vương khác, mỗi vị đều có dắt theo rất nhiều quyến thuộc, hiện đến dự nghe Phật thuyết pháp.

* **Mã Nã**: Tiếng Pháp: Agate. Một loại ngọc màu đỏ hồng rất đẹp. Kinh Phật khi nói bảy châu báu, thì *mã nã* là một trong bảy báu đó.

* **Ma Sứ**: Là những tư tưởng hành vi làm chướng ngại sự tu hành và xa lìa chính đạo. *Kinh Ma Nghịch (đại 15, 112 trung)* ghi : “Do khởi nghiệp mà có tạo tác, đó là *Ma sứ*. Nếu để cho chí nguyện bị chướng ngại, bị cướp đoạt thì đó là *Ma sứ*. Nếu khiến tư tưởng tham dục, các thứ niệm chấp trước sinh khởi sự mong cầu thì đó là *Ma sứ*”.

* **Ma Vương**: Phạn âm: *Mâra*.

Vua loài Thiên ma. Chủ cảnh trời Tha Hóa Tự Tại Thiên (Paranirmitavasavartin), là cảnh trời thứ sáu trong cõi Dục giới. Ngài và các Thiên ma ở cảnh trời ấy có phép thần thông tự tại, thường dùng các ảo thuật ngăn cản những nhà tu học thành Thánh, thành Phật.

Ma Vương từng khuấy rối đức Thích Ca hồi ngài sắp thành Phật. Và trong đời của Phật, thỉnh thoảng Ma Vương có đến ám phá Phật. Lúc đức Bồ Tát sắp lên quả vị Chánh giác, hào quang rực rỡ của ngài động đến cảnh giới Ma. Ma Vương quyết ngăn cản, bèn dắt binh tướng đến cây Bồ Đề mà đánh phá tung bưng. Ma Vương lại kêu gió, bão đến tấn công đức Thích Ca, gọi mưa đến xối Ngài và lôi cuốn Ngài, cho các hòn đá to lăn trên mình Ngài. Song đức Phật nhập định (Tứ Tâm Tam Muội), các vật ấy chẳng đụng đến chéo áo của Ngài. Các đồ binh khí đến gần Ngài đều hóa thành hoa.

Ma Vương thất trận, trở về. Khi binh tướng của Ma Vương đi hết rồi, đức Bồ Tát êm tỉnh mà ở trong cảnh Định. Ngài hoát nhiên đại ngộ, thành Phật.

Ma Vương bèn hiện đến, xúi Phật nhập Niết Bàn vô dư. Nhưng Phật không nghe, định đi truyền bá đạo lý.

Ma Vương sai ba cô gái đến mê hoặc Phật. Ba cô khêu gợi đủ cách, song đức Thích Ca chẳng động lòng. Ngài đã giữ sạch lòng trần rồi.

Chừng Phật thành đạo rồi, hết thế khuấy rối và cám dỗ được nữa, Ma Vương lại từng phục và quy y nơi Phật.

Người ta cũng gọi là Ma Vương Ba Tuần (Sreshtha) tức là tên của Ngài Tha hóa tự tại Thiên Vương vậy.

* **Mạn Đà La (hoa)**: Hoa quý ở cảnh Tiên, cảnh Phật. Tức là hoa Sen trắng: Bạch Liên hoa, gọi tắt: Bạch hoa. Dịch nghĩa: Thích Ý hoa.

Mạn Đà La hoa là hoa Sen trắng màu nhiệm, màu trắng tinh, mùi rất thơm. Ai thấy màu và ngửi mùi thì lấy làm thích ý. Hội Phật nhập định, sắp giảng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, các vị Tiên rải xuống bốn thứ hoa để cúng dường Phật:

- Mạn Đà La hoa (Mandaravas).
- Ma ha Mạn Đà La hoa (Mahamandâravas).
- Mạn Thù Sa hoa (Mandjachakas).
- Ma ha Mạn Thù Sa hoa (Mahamandjuchakas).

Trong A Di Đà Kinh, Phật Thích Ca nói với Xá Ly Phất rằng: Ở cõi Cực lạc, ngày đêm sáu thời, đều có hoa Mạn Đà La đổ xuống như mưa. Trời vừa rạng sáng, chúng sanh ở cõi ấy đi lượm hoa, để vào đĩa và đem đi cúng dường cả chục vạn ức đức Phật ở thập phương.

* **Mạn-Thù-Sa (Ma Ha):** Mānjūsaka (Maha); Còn gọi là Mạn-thù-nhan, là tên một loài hoa, dịch là Xích đoàn hoa, Lam hoa, Nhu nhuyễn hoa. Theo *Quang trạch Pháp Hoa sơ* (q.1): “Hoa Mạn-thù-sa dịch là Tiểu xích đoàn hoa, hoa Ma-ha Mạn thù-sa dịch là Đại xích đoàn hoa”.

* **Mãn Nguyệt Bồ Tát :** Phạn âm: *Purnachandra*.

Một đức Bồ Tát Ma Ha Tát. Ngài có hiện lại cõi thế giới Ta bà, nơi núi Kỳ Xà Quật mà nghe đức Phật Thích Ca diễn Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

* **Mạng Căn:** Phạn: *Jivitendriya*. Thọ mạng của loài hữu tình, cũng thuộc về tâm Bất tướng ứng hành pháp, một trong 75 pháp của Câu-Xá, một trong 100 pháp của Duy Thức.

Do sự dẫn sinh của nghiệp ở quá khứ, thân tâm của hữu tình duy trì hơi ấm (hơi ấm của thân) và thức liên tục trong một thời gian (từ khi thụ sinh thân này đến khi chết), thân ấy là mạng. Tóm lại, cái nương hơi ấm và thức để duy trì trong một thời gian gọi là mạng căn.

Mạng căn là giả hay thật thì các Tông phái Phật giáo không đồng quan điểm. *Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ* cho rằng mạng căn là thật có, còn *Kinh Bộ* và *Phật giáo đại thừa* thì cho mạng căn là giả pháp. Như *Luận Thành Duy Thức 1* ghi: Nương vào “Danh ngôn chủng tử” của Thức thứ 8, cùng với sự dẫn khởi của nghiệp quá khứ mà chấp trì, giữ gìn thân mạng ở đời này, công năng ấy quyết định sự dài ngắn khác nhau về thời gian tồn tại của sắc, tâm vì thế nên giả lập là mạng căn.

* **Mạt Lợi (Hoa):** Là tên một loài hoa bên Thiên Trước, mùi rất thơm. Hán dịch: Nại (làm sao?), Man (đồ trang điểm kết thành dây).

* **Mạt Pháp** (*Saddharma-vipralopa*). Còn gọi: *Mạt thế*, *Mạt đại*.

Mạt pháp là thời đại Phật pháp suy đồi, 1 trong 3 thời kỳ: Chính, Tượng và Mạt.

Đại Thừa Pháp Uyển Nghĩa Lâm Chương 6, phần đầu căn cứ vào việc đầy đủ hay không đầy đủ giáo (giáo pháp), hạnh (tu hành), chứng (chứng quả) để luận về 3 thời Chính, Tượng, Mạt. Trong đó, thời kỳ có nhiều người lãnh thụ giáo pháp tu hành, nhưng không thể chứng ngộ gọi là thời Mạt pháp; lúc bấy giờ Phật pháp suy đồi, tăng chúng trước loạn. Trong *Ngũ Trước Bộ của Pháp Uyển Châu Lâm 98*, ghi: Sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, sẽ có 5 thứ loạn:

1. Tỳ kheo đời vị lai học pháp với hàng bạch y.
2. Kẻ bạch y ngồi trên toà, hàng Tỳ kheo ngồi ở dưới.
3. Tỳ kheo thuyết pháp, người nghe không tuân hành vâng thụ, còn kẻ bạch y thuyết pháp lại cho là vô thượng.
4. Tỳ kheo sinh điên đảo, cho pháp thế gian là chân đạo để mà không thấu hiểu chính pháp của Phật giáo, lấy sự trá ngụy làm tin.
5. Các Tỳ kheo đời vị lai nuôi dưỡng vợ con, tội tở, chỉ thích tranh cãi với nhau mà không vâng theo lời Phật dạy.

Về thời hạn của 3 thời kỳ, có nhiều thuyết khác nhau. Có thuyết cho rằng sau khi đức Phật diệt độ, Chính Pháp trụ thế 500 năm, Tượng Pháp 1.000 năm; có thuyết cho rằng Chính Pháp và Tượng Pháp đều trụ thế 1000 năm, rồi mới đến thời kỳ Mạt Pháp, thời kỳ này trải qua 10.000 năm, sau đó thì Phật pháp diệt tận; có thuyết cho rằng Chính Pháp 1.000 năm, Tượng Pháp và Mạt Pháp mỗi thời kỳ 10.000 năm. Nhưng nhìn chung các kinh luận đều cho thời kỳ Mạt Pháp là 10.000 năm.

* **Mật Hạnh:** Nghiêm cẩn giữ gìn tất cả các giới hạnh, tức là có khả năng giữ gìn đầy đủ 3.000 oai nghi, tám muôn tể hạnh không thiếu sót.

Ngài La-Hầu-La do giữ gìn giới luật kiên cố đã trở thành người giữ mật hạnh thứ nhất trong hàng đệ tử Đức Phật. Đây là nghĩa mật hạnh của Tiểu thừa. Nhưng *tông Thiên Thai*, căn cứ theo nghĩa của *kinh Pháp Hoa* cho ngài La-Hầu-La vốn là Bồ Tát Pháp Thân, trụ trong giới vi diệu viên đốn, mà nay thị hiện thân Thanh Văn, giữ giới Tiểu thừa, ẩn kín (mật) giới hạnh vi diệu của Bản địa, cho nên gọi là mật hạnh.

* **Mâu Ni** : Phạn âm : *Muni*. Còn gọi: *Văn-ni, Mậu-nê*. Hán dịch: *Tịch mặc, Tịch, Hiền nhân, Nhân, Tiên*. Mâu ni dùng chỉ bậc Thánh hoặc Tiên nhân tôn quý thù thắng.

Vào thời hậu kỳ của Ấn Độ cổ đại từ “Mâu Ni” đã có trong Lê-câu Phệ-đà, nghĩa là lãnh thụ linh cảm hoặc chỉ cho người đi vào trạng thái giác ngộ hoặc chỉ cho bậc Thánh, người ở ẩn, tiên nhân, hành giả tu hành vắng lặng ... Đến thời đại *Áo Nghĩa Thư* thì từ “Mâu Ni” được chỉ cho người tu hành ở thời kỳ lâm thê (ẩn tu ở núi rừng) thứ 3 và đặc biệt là chỉ cho bậc Thánh đã khai ngộ ở thời kỳ du hành khát thực thứ 4 trong 4 trụ kỳ (Phạn: *Asrama*) của Bà-la-môn giáo. Trong Phật giáo, từ ngữ “Mâu Ni” cũng có các nghĩa: Bậc Thánh, Tiên nhân, người tu hành vắng lặng.

Theo *Huyền Ứng Âm Nghĩa 18*, Mâu Ni là người tu tâm học đạo, đã thông đạt nội ngoại, ẩn cư lâu ngày trong rừng núi. Trong Pháp sắc vua A-Dục có khuyên người xuất gia, tại gia đọc tụng 7 kinh, trong đó Mâu Ni kệ (Phạn: *Muni-gatha*) có lẽ là Mâu Ni kinh (*Muni-sutta*) trong “Kinh Tập” bản Pali, cho rằng Mâu-ni nghĩa là Tỳ kheo chân thật. *Kinh Pháp Cú* thứ 268, 269 bản Pali gọi hành thiện bỏ ác là Mâu-ni. *Tiểu Bộ Kinh Nghĩa Thích* bản Pali cho rằng người trí có huệ, tri giải, là Mâu-ni, đồng thời nêu 6 bậc Mâu-ni : Tại gia mầu-ni, Phi gia mầu-ni, Hữu học mầu-ni, Vô học mầu-ni, Bích chi mầu-ni và Mâu-ni mầu-ni.

* **Minh Nguyệt Thiên Tử**: Phạn âm: *Surya*. Gọi tắt: *Nguyệt Thiên Tử*.

Vị đại vương trụ trong cung điện nơi mặt trăng, thống trị thế giới mặt trăng. Nội thân của đức Đế Thích. Lúc Phật Thích Ca giảng Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, có đức Đế Thích với quyến thuộc là hai vạn vị Thiên tử đến dự nghe như *Minh Nguyệt Thiên Tử, Phổ Hương Thiên Tử, Bảo Quang Thiên Tử* là mấy vị đứng đầu trong hai vạn vị Thiên tử ấy.

* **Mục Kiền Liên** : Phạn: *Maudgalyāyana*. Còn gọi: *Ma-ha Mục Kiền Liên, Đại Mục Kiền Liên, Đại Mục-Liên, Mục liên, Mục-gia-lược, Vật-gia-la, Mục Kiền Liên diên, Mục-kiền-la-da-na, Một-đặc-gia-la, Mao-già-li-da-da-na, Câu-luật-đà (Kolita), Câu-luật, Câu-li-đa, Câu-li-ca, Câu-lí-ca*. Hán dịch: *Thiên bảo*.

Mục Kiền Liên là vị A-la-hán, một đệ tử thần thông bậc nhất của đức Phật, người Câu-luật-đà ngoài thành Vương Xá, nước Ma-kiệt-đà thời cổ Ấn Độ, thuộc dòng Bà-la-môn.

Ngài có dung mạo đoan chính, từ nhỏ đã giao du rất thân mật với ngài Xá-Lợi-Phất và cùng là đệ tử của ngoại đạo San-xà-da (Sanjaya), mỗi vị thống lãnh 250 đồ chúng. Cả hai từng giao ước rằng, nếu người

nào đắc ngộ giải thoát trước thì sẽ hướng dẫn cho bạn mình để cùng tinh tấn tu hành. Sau đó, ngài Xá-Lợi-Phất gặp được đệ tử Phật chỉ dạy, ngộ lý “*các pháp vô ngã*” nên về thuật lại cho ngài Mục-Liên, Ngài liền đem cả đệ tử đồng đến bái yết Đức Phật cầu xin được giáo hóa. Sau một tháng, ngài chứng quả A-la-hán, trở thành bậc Thượng thủ trong hàng đệ tử Phật, phụ giúp Đức Phật trong việc giáo hóa hoặc có lúc thay thế đức Phật thuyết pháp cho đại chúng nghe.

Kinh Tạp A-Hàm 23, Trung A-hàm 48, kinh Ngưu Giác Ta-la-lâm, kinh Tăng Nhất A-Hàm 36, luận Đại Trí Độ 41, gọi ngài Mục Kiền Liên là Thần Túc đệ nhất.

Theo kinh *Vu Lan Bồn*, ngài Mục Kiền Liên vì cứu mẹ thoát khỏi đường ngạ quỷ, nên vào rằm tháng 7, ngày chُر tăng tự tứ, thiết trai cúng dường 10 phương Đại đức chúng tăng, đó là nguyên do của hội Vu Lan Bồn sau này.

Về già, khi đi khất thực trong thành Vương Xá, Ngài bị bọn Chấp Trưởng Phạm Chí, môn đồ Bà-la-môn giáo ganh ghét, dùng gạch đánh chết, Đức Phật cho xây tháp thờ ngài bên cổng Tịnh Xá Trúc Lâm. Ngoài ra, trong viện Thích Ca thuộc *Hiện đồ Mạn-đồ-la Thai Tạng* giới của Mật giáo, ngài Mục Kiền Liên ngồi ở tòa thứ 4 hàng trên, bên phải của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, hình dáng Sa-môn, ngồi trên tòa hoa sen đỏ, tay phải nắm lại, duỗi ngón tay trở, tay trái cầm chéo y cà-sa, mặt hơi hướng về bên trái.



N

* **Na Do Tha:** Phạn âm: *Nayuta*, Hán dịch: Na-du-đa, Na-do-đa, Na-thuật. Gọi tắt: **Do tha**. Tên số đếm, tương đương với một ức. Một ức có 3 cấp: 10 vạn, 100 vạn, 1000 vạn. Vì vậy, sự xác định số đếm của Na-do-tha cũng không giống nhau.

- *Kinh Bản Hạnh* (q.12): “Na-do-tha, tiếng đời tùy nghĩa là mấy nghìn vạn”.

- *Huyền ứng âm nghĩa* (q.3): “Na-thuật cũng gọi là Na-do-tha, chính âm là Na-du-đa, tương đương với 10 vạn của Trung Quốc”.

- *Kinh Quang Tán*: “Ức là Na-thuật kiếp”.

* **Na Bà Ma Lợi :** Một thứ dầu rất thơm ở Thiên Trước. Những nhà thiện tín dùng dầu ấy mà cúng Phật, chong đèn nơi bàn thờ Phật. Na-Bà (Tạp hoa), Ma-Lợi (Mạt ly). Đó là các thứ hoa Mạt Ly trộn lẫn với nhau mà chế ra dầu ấy.

* **Na Đê Ca Diếp :** Phạn: *Nadi-kāsyapa*. Còn gọi: *Nan-đê Ca-diếp*, *Năng-đê Ca-diếp*, *Nại-địa Ca-diếp-ba*, *Giang Ca-diếp*, *Hà Ca-diếp*, *Trị Hằng Ca-diếp*. Gọi tắt: **Na-đê**. Hán dịch: *Giang*, *Hà*, *Trị Hằng*.

Đệ tử của Đức Phật, là em của ngài **Ưu-lâu-tân-loa Ca-diếp** và là anh của ngài **Già-da Ca-diếp**. Lúc đầu, Ngài là ngoại đạo thờ lửa, thống lãnh 300 đệ tử trụ ở vùng hạ lưu sông *Ni-liên-thiền* (Phạn: *Nairānjāna*). Bấy giờ, Đức Phật đã thành đạo và du hóa đến rừng Khổ Hạnh, đệ ngài **Ưu-lâu-tân-loa Ca-diếp**, ngài **Na-đê Ca-diếp** biết được liền cùng ngài **Già-da Ca-diếp** dẫn các đệ tử quy y Phật.

* **Na-La-Diên:** Phạn âm: *Nārāyana* (trời). Tên vị lực sĩ ở Thượng Thiên, cũng có người nói là một tên khác của Phạm Thiên Vương.

Theo *Gia tường Pháp hoa nghĩa sơ* (q.12): “Na-la (Nà-rà) là người, diên (yana) là sinh bản (gốc của sự sống). Phạm Vương là Tổ phụ của chúng sanh, cho nên gọi là sinh bản. Ngài Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva) nói: Thiên lực sĩ Na-la-diên chính trực, dũng mãnh”.

* **Nan-Đà Long Vương:** Phạn âm: *Nanda*. Một trong 8 vị Đại Long vương, là anh em với Ưu-ba-nan-đà (Bạt-nan-đà), cho nên thường gọi chung 2 vị này là *Nan-đà Bạt-nan-đà Long vương* hay *Nan-đồ Bạt-nan-đồ Long vương*. Vị này khéo tùy thuận tâm người, do thường điều hòa mưa gió, nên được người thế gian ưa thích, cho nên có tên là *Hỷ Long vương*.

Theo *kinh Tăng Nhất A Hàm 28*; *kinh Đại Bảo Tích 14*, vị Long vương này có 7 đầu, tính tình rất hung ác, sau được ngài Mục Kiền Liên hàng phục.

Còn theo *kinh Quá Khứ Hiện Tại Nhân Quả 1* và *Phẩm Tựa kinh Pháp Hoa* thì Nan-đà Long vương là bậc Thượng thủ trong các vị Long Thần Hộ Pháp.

* **Nan Đà Tôn Giả:** Còn gọi: **A Nan Đà**.

Một trong mười đại đệ tử của Phật Thích-ca Mâu-ni. Cùng họ với Phật, A-nan-đà gia nhập giáo hội hai năm sau ngày thành lập, trở thành người hầu cận của Đức Phật. Tôn giả nổi tiếng với trí nhớ phi thường về những lời Phật dạy. Tôn giả là người xây dựng cơ bản giáo pháp trong lần kết tập thứ nhất và được xem là Nhị tổ của Thiên tông Ấn Độ.

Theo kinh sách, A-nan-đà được xem là người rất nhẫn nhục, hết lòng phụng sự đức Phật. Tôn giả chỉ chấp nhận làm người hầu cận cho Phật khi được Phật hứa rằng, không vì thế mà được quan tâm hơn các vị khác. A-nan-đà cũng chính là người khám phá và trừ bỏ âm mưu giết Phật của Đề-bà Đạt-đa. Hơn ai hết, A-nan-đà bênh vực cho việc nữ giới được học hỏi giáo pháp. Nhờ sự can thiệp của Tôn giả mà Phật chấp nhận thành lập ni đoàn. Chính vì điều này mà trong lần kết tập thứ nhất, A-nan-đà bị Tăng-già chê trách. Tương truyền rằng, sau khi Phật nhập Niết-bàn, A-nan-đà mới giác ngộ, đắc quả A-la-hán trong đêm trước lần kết tập thứ nhất.

* **Ngã Mạn :** Ngã: Ta, Mình, Kể lấy mình. Mạn (Moanô): kiêu ngạo, tự cao, khoe mình. Ngã mạn là lòng tự cao khoe khoang tài mình mà khinh lờn người khác. Ý tài ý sức mình mà khinh khi, lấn ép người ta. Một trong bảy tánh mạn.

* **Ngạ quỷ:** Cũng gọi Ngã quỷ – Preta (Dị loại). Phạn âm: Tiết-Lê-đa, dịch là Ngã quỷ hay cũng gọi là Ngạ quỷ, một trong 3 đường (tam đồ); Đó là loài ngạ quỷ mà *Kinh Pháp Hoa* nói là “*chịu cái khổ của súc sinh, ngạ quỷ nơi địa ngục*”. Còn là 1 trong 6 thú (lục thú). Cõi ngạ quỷ thường

chịu nổi khổ bị đói khát. Do chịu quả báo khác nhau mà thành ra hơn kém khác nhau. Người có phúc đức thì làm thần ở chốn núi rừng, miếu mã. Dưới nữa thì ở nơi hoang vắng, không được ăn uống, lại thường bị đánh bằng dao gậy rất khổ sở.

Các sách *Luận Bà-Sa* (q.172), *Đại thừa Nghĩa Chương* (q.8) luận giải trong loài quỷ này có hạng đại uy đức như Dược-Xoa, La-Sát, được dịch là quỷ chứ không nói là ngã (đói), nhưng kinh luận dịch trước kia phần nhiều gọi là ngã quỷ, vì ngã quỷ là loài đông nhất trong các loài quỷ.

Theo *Chính Lý Luận* (q.31) thì ngã quỷ có 9 loài quỷ (Cửu Quỷ).

Theo *Chính Pháp Niệm Kinh* (q.16) thì Ngã quỷ có 36 loài quỷ (Tam Thập Lục Quỷ).

* **Ngũ Căn:** Năm giác quan của người: Nhãn căn (mắt), nhĩ căn (tai), tỷ căn (mũi), thiệt căn (lưỡi), thân căn (thân thể có thể cảm xúc được).

Nhờ có năm căn, tiếp xúc với năm trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc) mà phát sinh ra năm thức: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức.

* **Ngũ Dục :** Ngũ dục là 5 sự ham muốn, là năm thứ dục lạc của trần cảnh nên cũng gọi là Ngũ trần.

1. Sắc dục : Ham muốn sắc đẹp, ưa thích tướng tốt.

2. Thính dục : Ham muốn tiếng hay, dịu ngọt...

3. Hương dục : Ham muốn mùi thơm ngọt ngào...

4. Vị dục : Ham muốn đồ ăn thức uống ngon ngọt...

5. Xúc dục : Ham muốn sự đụng chạm mềm dịu...

+ Ngũ dục còn có 5 thứ sau :

1. Tài dục : Ham muốn của, vàng ngọc.

2. Sắc dục : Tham sắc đẹp mỹ miều.

3. Danh dục : Tham muốn địa vị cao sang, tiếng tốt.

4. Thực dục : Tham muốn thức ăn ngon nhiều.

5. Thù dục : Tham muốn ngủ nghỉ nhiều.

Ngũ dục cũng gọi là Ngũ độc tiển (năm mũi tên độc hại), ngũ dục là 5 món dục của chúng sanh, từ súc sanh đến nhưn loài thần tiên, nếu mình không điều phục ngũ căn (Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân) để cho sa đắm ngũ dục thì thất lạc thiện căn, sa vào nẻo ác lụy. Tham đắm ngũ dục tức cuộc đời bị trói buộc bởi năm thứ độc hại ham muốn.

* **Ngũ Hương:** bao hàm các nghĩa sau đây:

1. Năm thứ hương cùng chôn với 5 vật báu, 5 loại hạt ... lúc lập đàn trong Mật Giáo, đó là: *Trầm hương, Bạch đàn hương, Đinh hương, Uất kinh hương và Long não hương.*
2. Năm loại hương quý được các hành giả Mật Giáo chuẩn bị đầy đủ để giúp cho việc trì niệm các chân ngôn được thành tựu, đó là: *Trầm thủy hương, Bạch đàn hương, Tử đàn hương, Ta la hương và Thiên mộc hương.*
3. Năm loại hương thường được sử dụng trong Phật bộ, Liên Hoa bộ, Kim Cương bộ của Mật giáo. Đó là: *Sa đường, Thế-lệ-đức-ca, Tát-chiết-la-ta, Ha-lê-lặc và Thạch mật.*
4. Năm loại hương đốt lên trong lúc tu pháp Khổng Tước Kinh của Mật giáo. Tức: *Trầm hương, Bạch giao hương, Tử hương, An tức hương, Huân lục hương.*
5. Hương thanh tịnh của năm phần pháp thân, tức chỉ cho *Giới hương, Định hương, Huệ hương, Giải thoát hương, Giải thoát tri kiến hương.* Còn gọi: *Ngũ phần hương, Ngũ phần pháp hương.*

* **Ngũ Lợi Sử:** Còn gọi: *Ngũ kiến.* Là năm món phiền não trói buộc. Thân kiến, Biên kiến, Kiến Thủ kiến, Giới Thủ kiến và Tà kiến. Nó có tính chất lạnh lẽ, nhưng sanh khởi cạy cột trên bề mặt ý thức và dễ dứt trừ hơn *Ngũ độn sử.* *Ngũ lợi sử* bao gồm:

1. *Thân kiến:* Tức mê chấp thân ngũ uẩn (ấm) là thường còn. Do đó sanh ra lắm chứng bệnh, như đam mê cái tôi (ngã ái) tự kiêu tự phụ (ngã mạn)
2. *Biên kiến:* Biên là một bên. Thấy có một bên hoặc nhận thức lệch lạc như chấp có cái ta còn mãi mãi, tin có linh hồn bất diệt hoặc nhận thức sau khi chết là hết.
3. *Tà kiến:* Nhận thức sai lầm không đúng chánh pháp. Ví dụ: Không tin lý nhân quả, không có đời sau.
4. *Giới Thủ kiến:* Không tin theo những giới luật chân chính của Đức Phật chế ra như 5 giới cho người tại gia, 10 giới cho người xuất gia ... mà tin theo những tà đạo, như bôi keo vào người, ăn phân ...
5. *Kiến Thủ kiến:* Đã có những nhận thức sai lầm nhưng không hối cải, cứ khư khư cố chấp. (chữ kiến có hai nghĩa: sự nhận thức và thái độ chấp thủ kiến của bản thân mình là đúng).

* **Ngũ Lực:**

Lực là sức mạnh, ngũ lực là năm loại sức mạnh tiến tu đạo nghiệp thực hành tất cả các thiện pháp, bao gồm như sau:

1. *Tín lực*: Có sức mạnh lòng tin chánh pháp không chịu tin theo các tà pháp của ngoại đạo, làm mê hoặc cảm dỗ, không vì hoàn cảnh đổi thay mà ngã lòng thối chí.
2. *Tấn lực*: Là sức mạnh của tinh tấn, không ngại gian nan khổ nhọc, đã phá mọi hủ tục dị đoan và mạnh mẽ tiến lên đường giải thoát.
3. *Niệm lực*: Sức mạnh của chánh niệm, hể tạp niệm nổi lên lập tức dứt bỏ, không để nó tiếp tục sanh khởi trong tâm.
4. *Định lực*: Sức mạnh của tâm định, trong tâm không loạn động và ly khai hết quấy rối của hoàn cảnh bên ngoài.
5. *Tuệ lực*: Sức mạnh của trí tuệ, dùng trí tuệ trừ vô minh, khiến tâm thân hoàn toàn sáng suốt.

* **Ngũ Thông**: Có 2 nghĩa:

I. *Ngũ thông* là 5 năng lực siêu việt tự nhiên đạt được do tu 4 tĩnh lực căn bản, còn gọi là *Ngũ thân thông* (Âm theo Phạn : *Pancābhijnā*). *Thân* nghĩa là không thể nghĩ bàn ; *Thông* nghĩa là tự do tự tại. Năm thân thông là:

1. *Thần cảnh trí chứng thông* (Phạn : *Rddhi Visaya jñāna sākṣātkriyābhijnā*) còn gọi: *Thần cảnh thông*, *Thần túc thông*. Có thể tự tại đi đến bất cứ nơi nào.
2. *Thiên nhãn trí chứng thông* (Phạn : *Divyacakṣur jñāna sākṣātkriyābhijnā*) còn gọi: *Thiên nhãn trí thông*, *Thiên nhãn thông*. Có thể thấy những cái mà mắt người thường không thể thấy được.
3. *Thiên nhĩ trí chứng thông* (Phạn : *Divya śrotra jñāna sākṣātkriyābhijnā*) còn gọi: *Thiên nhĩ trí thông*, *Thiên nhĩ thông*. Có thể nghe được những âm thanh mà người thường không thể nghe được .
4. *Tha tâm trí chứng thông* (Phạn : *Cetaḥ paryāyā jñāna sākṣātkriyābhijnā*) còn gọi: *Tha tâm trí thông*, *Tri tha tâm thông*, *Tha tâm thông*. Có thể thấu rõ ý nghĩ trong tâm người khác.
5. *Túc trụ tùy niệm trí chứng thông* (Phạn : *Pūrve nivāsānasmṛti jñāna-sākṣātkriyābhijnā*) còn gọi: *Túc trụ trí thông*, *Thức túc mạng thông*, *Túc mạng thông*. Có thể biết rõ việc quá khứ.

Trong 5 thông, 4 thông trước chỉ chung cho hữu lậu, thuộc về trí thế tục. Còn *Tha tâm trí thông* thì chung cho cả vô lậu, thuộc về 5 trí: *Pháp trí, loại trí, đạo trí, thế tục trí* và *tha tâm trí*.

Ngũ thông sinh khởi từ 4 tĩnh lực căn bản nên không những ở bậc Thánh mà ngoại đạo nà phạm phu dị sinh cũng có thể đạt được. Tiên nhân đạt được 5 thứ thân thông này gọi là *Ngũ Thông tiên* .

III. Ngũ thông còn chỉ 5 lực dụng của thần thông.

1. *Đạo thông*. Sau khi chứng lý trung đạo có thể khởi đại dụng, trong vô tâm ứng hợp muôn vật, tùy duyên biến hóa muôn hình, không có định thể giống như trăng đáy nước, hoa đóm hư không.
2. *Thần thông*. Trong tâm vắng lặng có thể chiếu rõ được muôn vật tùy theo sức định, có thể nhớ kỹ và phân biệt được những việc đời trước.
3. *Y thông*. Biết tất cả những pháp thuật mà ứng dụng nơi thân, cho nên có thể đến đi ứng hợp hoặc nhờ vào sức thuốc mà phát sinh sự linh biến.
4. *Báo thông*. Tức sức thần thông do nương vào quả báo mà có, đoán được những việc của quý thân, biến hóa thành hình chư thiên, đồng thời có thể ẩn hiện như thần long.
5. *Yêu thông*. Sự biến hóa của loài hồ ly (chồn tinh), cây, đá có thể gá vào người, đồng thời có sức thông huệ kỳ lạ.

* **Ngũ Trước**: Năm thứ dơ ở cõi Ta bà này: *Kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng trước*. Đức Phật Thích-Ca thường gọi Ta bà này là một cõi ác lụy, choán đầy năm thứ trước, kỳ *kiếp trước, sở kiến trước, sự mê dục trước, chúng sanh trước, mạng sống trước*. Song ngài vì nguyện lực, vì lòng từ bi, chẳng nệ cõi ác lụy ấy và ngũ trước ấy, nên giáng sanh mà giáo hóa chúng sanh, thuyết pháp cho họ biết cõi Tịnh độ của đức Phật A-Di-Đà đặng cho nguyện sanh về đó.

1. *Kiếp trước (Kỳ kiếp trước)* : Vào thời gian giảm kiếp, con người ta tuổi thọ giảm lần, cho đến khi số thọ còn mười tuổi thì hết cái giảm kiếp. Trong thời kỳ ấy, con người có đủ bốn thứ ô trước là: Kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng trước.
2. *Kiến trước (Ý kiến, sự thấy biết ô trước)*. Con người có cái kiến thức tà vạy, chấp quấy bỏ phải, theo tà bỏ chánh, điên đảo, thiên lệch.
3. *Phiền não trước (Các mối mê dục ô trước)* : Con người trong tâm chứa đầy những sự tham lam, hờn giận, mê muội, ngu si.
4. *Chúng sanh trước*: Con người ta và vạn vật sinh ra ở cõi ô trước này, hằng bị khổ não, tai nạn, không mấy lúc được sung sướng thanh nhàn.
5. *Mạng trước (Đời sống ô trước)*: Bởi đời sống con người giảm lần, cho nên trong đời họ phạm rất nhiều tội lỗi, họ lo tầm hưởng các điều thỏa thích về vật chất, chớ chẳng lo tu hành.

* **Ngũ Tỳ Kheo**: Phạn âm: *Pānca bhiksavah*. Còn gọi: *Ngũ quần Tỳ kheo*. Năm ông Tỳ kheo, đệ tử xuất gia của Phật Thích Ca:

1. A Nhã Kiều Trần Như (*Ajnata Kaundinya*),

2. Át Bê (*Asvajit*),
3. Bạt Đề (*Bhadrika*),
4. Thập Lực Ca Diếp (*Dasabala Kàsyapa*),
5. Ma Nam Câu Lợi (*Mahanama Kulika*).

Về vị Tỳ kheo thứ tư, có chỗ biên là Bà Sa Ba (*Vâshpa*).

Năm ông này, trước kia tu trong xứ Ưu-lâu-tần-loa (Uruvilvâ). Đức Thích Ca bấy giờ chưa thành Phật, có đến tại xứ ấy, năm ông bèn theo thọ giáo nơi ngài. (*Cũng có chỗ nói rằng: Lúc thái tử chẳng chịu về, năm người ấy cũng chẳng dám về, bèn ở trong rừng mà tu theo thái tử*). Ngài trải qua 6 năm khổ hạnh, một ngày chỉ ăn một hột mè hay một hột cơm thối. Ốm lảm và chưa thấy đắc đạo, ngài bèn bỏ lối tu khổ hạnh mà lo bổ dưỡng thân thể.

Bấy giờ, năm vị đệ tử chán ngán vì cử chỉ của ngài mà họ cho là lầm, bèn bỏ ngài mà dắt nhau đến thành Ba La Nại (*Bánarès*) và vào tu trong vườn Lộc Dã. Khi ngài tu đắc đạo, thành Phật nơi rừng Già Da tại xứ Ưu-lâu-tần-loa, ngài định xuống thành Ba La Nại, vào vườn Lộc Dã mà thân phục năm đệ tử cũ. Đó là lần đầu tiên mà Ngài thuyết pháp, giảng về Tứ diệu đế, Bát Chánh đạo và Thập nhị nhơn duyên, cho nên người ta gọi cuộc thuyết pháp này là “Quy y Phật! Quy Y Pháp!”. Vừa lúc ấy, năm ông thành ra năm ông Tỳ kheo đầu tay của Phật, liền đắc quả La hán. Đó là năm ông La Hán ban sơ được Phật hóa độ vậy.

* **Ngũ uẩn**: Là năm món tích tụ hòa hợp mà thành thân tâm của người ta, của chúng sanh, chúng nó che khuất chơn lý, khiến chúng sanh luân hồi thọ khổ. Cũng gọi là **Ngũ ấm**.

1. *Sắc uẩn*: Là ngũ căn, ngũ trần và những vật hữu hình là nhóm yếu tố vật chất tạo nên thân vật chất.
2. *Thọ uẩn*: Đối cảnh bèn cảm thọ vui sướng, buồn khổ, trơn nhám, là nhóm yếu tố tinh thần, cảm thọ và cảm xúc.
3. *Tưởng uẩn*: Đối cảnh nhận ra sự đen trắng, nhỏ to, dài ngắn ... là nhóm yếu tố tinh thần làm chức năng tưởng tượng hình dung ngoại cảnh.
4. *Hành uẩn*: Đối cảnh đem lòng ham muốn hoặc ghét giận ... là nhóm yếu tố tinh thần mà công năng chủ yếu là ý muốn, ý muốn quyết định.
5. *Thức uẩn*: Đối cảnh bèn sanh hiểu biết, phân biệt sự vật là nhóm yếu tố tinh thần, làm công năng hay biết và phân biệt.

Con người chúng ta chỉ tập hợp năm nhóm yếu tố, gồm vật chất và tinh thần nói trên. Trong đó không có một thực thể nào là hơn nhất, bất diệt và bất biến được gọi là cái Ta hay linh hồn, nhưng vì si mê con người chấp năm uẩn là mình, là của mình (ngã và ngã sở) và luân hồi

sinh tử cùng với thân năm uẩn đó. Bậc Thánh giác ngộ được cái thân năm uẩn vốn không có ngã, không có chủ thể, không bị ràng buộc chi phối bởi cái thân năm uẩn và được tự tại giải thoát.

Trong *Đốn Ngộ nhập đạo yếu môn* có giải rằng:

“Đối với Sắc mà nhiễm, bèn tùy Sắc mà thọ sanh thì gọi là *Sắc uẩn*.

Lãnh nạp lấy lâm vào bát phong, ưa tập hội những tinh tà, bèn tùy sự lãnh thọ mà sanh ra thì gọi là *Thọ uẩn* vậy.

Mê tâm mà giữ lấy cái tướng bèn tùy tướng mà thọ sanh thì gọi là *Tướng uẩn*.

Kết tập các mối hành, tùy hành mà thọ sanh thì gọi là *Hành uẩn*.

Đối với thể tánh hằng bình đẳng mà vọng khởi ra sự phân biệt, bị buộc mắc vào cái thức hư dối mà thọ sanh gọi là *Thức uẩn*”.

* **Nguyện lực:** Gọi đầy đủ: *Bản nguyện lực*. Còn gọi: *Túc nguyện lực*, *Đại nguyện nghiệp lực*.

Bản nguyện lực là lực dụng của bản nguyện do Bồ Tát phát thệ khi còn ở giai vị tu nhân vào đời quá khứ lúc chưa thành Phật.

Theo *Luận Vãng Sanh* của *Bồ Tát Thiên Thân* thì sức bản nguyện của chư Phật có năng lực thành tựu một cách nhanh chóng và đầy đủ vô lượng công đức thù thắng như biển bấu lớn.

Theo *Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ 1* của *đại sư Thiện Đạo* đời Đường thì tất cả phàm phu thiện ác, không ai mà chẳng nhờ vào sức đại nguyện của Phật A-di-đà làm tăng thượng duyên để được vãng sinh Tịnh-độ. Có người còn chia Bản nguyện lực ra làm 2 phần: *Bản nguyện* và *Lực*, cho rằng *Bản nguyện* là thệ nguyện ở nhân vị, còn *Lực* là thần lực ở quả vị.

Ngài *Đàm-Loan* trong *Vãng Sanh Luận Chú*, giải thích câu *Bản nguyện lực* của Phật (Đại 40, 840 thượng): “Nhờ 48 lời nguyện của Bồ-Tát Pháp Tạng khi xưa mà ngày nay A-di-đà Như Lai có thần lực tự tại. *Nguyện* làm cho thành tựu *Lực*, *Lực* làm cho thành tựu *Nguyện*; *Lực* không luống uổng, *Nguyện* chẳng lập suông; *Lực Nguyện* rất ráo phù hợp nhau, nên gọi là thành tựu”.

* **Nguyệt Quang Bồ Tát:** Phạn âm: *Candra-prabha*. Còn gọi: *Nguyệt Quang Biến Chiếu Bồ Tát*, *Nguyệt Tịnh Bồ Tát*. Vị Bồ Tát thị giả của Đức Dược Sư Như Lai, cùng với **Bồ Tát Nhật Quang** (Phạn: *Sārya-prabha*) đồng là Thượng Thủ của vô lượng vô số Bồ Tát lần lượt được bổ xứ làm Phật.

Theo *Tu Dục Sư Nghi Quyển Bồ Đề Pháp*, vị Bồ Tát này thân màu trắng, ngồi trên tòa hình con ngỗng, tay cầm mặt trăng.

* **Ngưu Đầu Chiên Đàn:** Phạn âm: *Gosirsa-candana*. Loại Chiên đàn có mùi thơm nhất trong các loại Chiên đàn, sinh trưởng ở Ấn độ. Thân cây thường màu xanh, cao khoảng 9m, gỗ Chiên đàn rất thơm, màu vàng xám hoặc màu đồng đỏ, có thể dùng để điêu khắc, rễ của cây xay thành bột để làm nhang hoặc chế thành dầu thơm.

Theo *kinh Hoa Nghiêm 67*, Ngưu đầu Chiên đàn là thổ sản ở vùng Malaya (Nam Ấn Độ), cho nên gọi là Ma-la-da sản (Malaya-ja).

Theo *kinh Chính Pháp Niệm Xứ 69*, Uất-đơn-việt có 10 núi lớn, núi thứ 5 là Cao Tụ sơn, núi này có 5 ngọn núi lớn, ngọn thứ 2 tên là Ngân Phong, có nhiều Chiên đàn và hình dạng giống như đầu trâu, cho nên gọi là Ngưu đầu Chiên đàn.

* **Nhân Duyên (Nhơn Duyên):**

Nhân: chính nhân, là nguyên do chính. Ví dụ: phát sinh ra cây lúa, thì nhân chính là hạt lúa giống. Nhưng để có cây lúa mà chỉ có hạt giống không thì không đủ. Phải có sự tác động của các nhân tố phụ nữa như ánh sáng, nước, đất, sự chăm sóc .v.v... Những nhân tố phụ này gọi là duyên.

Theo đạo Phật, mọi sự vật trong thế gian này đều do nhiều nhân duyên hòa hợp mà sinh ra, chứ bản thân nó không có thực thể (không có ngã).

* **Nhẫn Nhục:** Phạn âm: *Ksanti*. Là một trong những đức tính quan trọng của tu sĩ Phật giáo, dùng để đối trị tính sân giận.

Trong sáu hạnh của Bồ Tát, thì nhẫn nhục thuộc về hạnh thứ ba

1. *Sinh nhẫn:* Giữ được thái độ bình thản, không sân giận, oán thù khi gặp những người khác chửi mắng hay bức hại mình.
2. *Pháp nhẫn:* Gặp các nghịch cảnh thiên nhiên như mưa rào, gió lạnh, nóng bức v.v... đều xem như không, không chút than vãn, oán trách.
3. *Vô sinh pháp nhẫn:* Đức nhẫn thành đạt của các bậc Thánh, trở thành bản tính tự nhiên của họ, không cần cố gắng, ra vào mọi nghịch cảnh như ra vào hư không.

“Chữ rằng nhẫn nhục nhiệm hòa.
Nhẫn điều khó nhẫn mới là chân tu.”

(Quán Âm Thị Kính)

* **Nhẫn Nhục Ba La Mật:** Nhẫn nhục tất cả mọi chướng nghiệp, mọi nghịch cảnh lòng không giận hờn được từ tâm tam muội không hủy nhục chúng sanh mà khuyên người phát tâm Bồ Đề.

* **Nhạo Thuyết Vô Ngại Biện Tài:** Phạn âm: *Pratibhāna-Pratisamvid*. Còn gọi: *Biện vô ngại giải, Biện vô ngại trí, Nhạo thuyết vô ngại trí*.

Biện tài tùy thuận những pháp chúng sinh ưa muốn nghe mà thuyết pháp vô ngại, một trong Tứ vô ngại biện. Căn cứ vào tâm thì gọi là *Nhạo thuyết vô ngại trí*, căn cứ vào miệng thì gọi là *Nhạo thuyết vô ngại biện*.

Nhạo thuyết có 2 nghĩa:

1. *Giải thích theo tâm vui thích của người nói:* Bồ Tát được pháp thù thắng, vui thích nói cho mọi người nghe, như cha mẹ có việc gì tốt, muốn đem ban phát cho con cháu.
2. *Giải thích theo ý muốn của người nghe:* Bồ Tát biết chúng sinh thích nghe pháp thì theo ý muốn của họ mà tuyên thuyết cho họ nghe.

Đại thừa Nghĩa Chương 11, ghi: “Lời nói hợp với ý thích của chúng sinh gọi là *Nhạo thuyết*.”

Phẩm *Phân Biệt Công Đức*, kinh *Pháp Hoa 5*, ghi: “Có một thế giới có vi trần số đại Bồ Tát được *Nhạo thuyết Vô Ngại Biện Tài*”.

* **Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật:** Gọi tắt: *Đăng Minh Phật*. Phạn âm: *Canda-sūrya-pradīpa*.

Danh hiệu của một đức Phật ở vào thời quá khứ. Ánh sáng của đức Phật này sáng như mặt trời, mặt trăng, đèn, nên được gọi là **Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh**.

Phẩm Tự, kinh *Pháp Hoa 1*, vào thời quá khứ có 2 vạn đức Phật cùng hiệu là **Nhật Nguyệt Đăng Minh** kế tiếp nhau ra đời đều nói kinh *Pháp Hoa*.

Kinh Ngũ Thiên Ngũ Bách Phật Danh và Thần Chú Trì Chương Diệt Tội, cho rằng nếu trì danh hiệu Đức **Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh** thì sẽ không bị đọa vào các ác thú (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh).

Phật Bản Hạnh Tập Kinh 1, sáu vạn Đức Phật đều cùng hiệu là **Đăng Minh Như Lai**.

Kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm 5, ghi: “Vào kiếp quá khứ, ngài Di Lặc từng xuất gia với Đức **Nhật Nguyệt Đăng Minh**”.

* **Nhất Thiết Trí:** Còn gọi: *Nhất Thiết Chủng Trí*. Trí tuệ hiểu biết tất cả, không có gì không biết. Thành ngữ chỉ trí tuệ của Phật.

Trong *Kinh Niết Bàn*, có hàng loạt danh hiệu ca ngợi trí tuệ Phật như: “*Giải thoát trí*: Trí tuệ đã cởi bỏ mọi phiền não và nhận thức sai lầm.

Tất cánh trí: Tất cánh là hoàn thiện, cùng tột, không gì hơn nữa.

Lợi trí: Trí tuệ sắc bén.

Thâm trí: Trí tuệ sâu xa.

Tật trí: Trí tuệ mau lẹ .v.v...”

* **Nhiên Đăng:** Phạn âm: *Dipankara*.

Vị cổ Phật từng sống cách thời đại chúng ta vô lượng kiếp. Đức Phật này là vị đầu tiên của 24 vị Phật trước Đức Phật lịch sử Thích-ca Mâu-ni.

Tương truyền dưới thời Nhiên Đăng Phật thì đức Thích-ca là một nhà sư khổ hạnh tên là Thiện Huệ (s: sumedha). Với thiên nhãn thông, Nhiên Đăng Phật nhận ra Thiện Huệ sẽ thành Phật dưới tên Cồ-đàm (gautama) và thụ kí cho Thiện Huệ. Phật Nhiên Đăng được xem là vị Phật quan trọng nhất trong các vị trước Thích-ca. Ngài là vị đại diện cho Phật quá khứ tương tự như trường hợp Di-lặc được xem là đại diện cho Phật vị lai.

Tại Trung Quốc và Việt Nam, người ta thờ **Tam Thế Phật** là thờ ba vị này. Theo truyền thuyết, thân Phật Nhiên Đăng cao 80 trượng, giáo hóa 84.000 vị A-la-hán, Ngài sống 100.000 năm. Tháp dựng xá-lị Phật Nhiên Đăng cao 36 do-tuần (s: yojana 15-20km).

* **Nhiêu Ích:** Ban phát lợi ích cho người.

Phẩm Phật Quốc, kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết, thương, ghi: “Bồ Tát ở cõi nước thanh tịnh đều nhiều ích cho các chúng sinh”.

Ngoài ra, Nhiêu ích cũng có nghĩa là giàu có, đầy đủ, là tên của một thế giới. *Phẩm Như Lai Danh Hiệu, kinh Hoa Nghiêm*, ghi: “Này chư Phật tử! Ở phích Đông Nam thế giới Ta-bà này có một thế giới tên là Nhiêu Ích. Như Lai ở cõi đó có tên gọi là Hiện Quang Minh”.

* **Nhơn, Phi Nhơn:**

Nhơn: Người là Tứ chúng: Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di. Phi nhơn là Bát Bộ Thiên Long: Thiên, Long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già.

Những vị Sa Môn, bậc xuất gia lánh tục, cũng kêu Phi nhơn. Những kẻ nghèo cùng xin ăn, cũng kêu là Phi nhơn. Vì tuy là người, những chẳng

phải là người thường. Phi Nhơn (Kumâra). Chẳng phải người, chẳng giống người, chẳng phải người thường. Đối với: nhơn.

Những chúng sanh đường âm, chẳng có cái thể xác như người. Như các hạng Tiên: Thiên, Thần, Quỷ, thì kêu là Phi nhơn, tức là những chúng sanh chẳng phải người.

Những thú vật thường và những thú vật biết biến hóa, cũng kêu là Phi nhơn, vì chẳng giống người.

Như trong Pháp hội của Phật, gồm có hai hạng: Nhơn và Phi nhơn. *Niết Bàn Kinh, quyển 22*: Như Lai là Phi nhơn: bực chẳng phải người, mà ngài cũng là người: nhơn. Ngài là Phi nhơn, vì trong vô lượng kiếp đã qua, ngài đã rời khỏi cõi người. Ngài lại cũng là người, vì chính ngài sanh ra ở thành Ca Tỳ La vậy.

* **Nhơn Tướng (Nhân Tướng)**: Tướng nguyên nhân của vạn pháp, là 1 trong 3 tướng của thức A-lại-da. Thức A-lại-da có công năng thu giữ tất cả chủng tử, là nguyên nhân sinh khởi muôn pháp, đó là Nhân tướng. Nhân tướng có 2 nghĩa:

1. **Y trì nhân**: Giữ gìn chủng tử các pháp không cho mất.
2. **Sinh khởi nhân**: Chủng tử chính là pháp nhân duyên gần để hiện khởi ra các Pháp.

* **Nhục Kế (Tướng)**: Phạn âm: *Usnisa*. Búi tóc bằng thịt. Hán dịch: Ô-sắt-ni-sa. Trên chót đầu đức Phật, có một cục thịt nổi lên hình như búi tóc, tướng ấy do lòng kính trọng Sư trưởng mà mọc ra vậy. *Nhục kế* là tướng thứ 32 trong 32 tướng (*Tam thập nhị tướng*) của Phật, Bồ tát. Nơi đỉnh đầu, *Nhục kế* là tướng chánh, còn *Vô kiến đỉnh* là tướng tùy hình hảo.

Quán Vô Lượng Thọ Kinh: (*Về sự quán tưởng thân thể của đức Bồ tát Quán Thế Âm*), kỳ dư các tướng chánh nơi thân với các tướng phụ thì đều đủ cả, cũng như Phật không khác gì. Duy cái *nhục kế* trên đỉnh đầu cùng tướng *Vô kiến đỉnh* chẳng bằng đức Thế Tôn mà thôi.

* **Nhục Nhãn**: Phạn âm: *Māmsa-caksua*. Nhục nhãn là mắt thịt của con người. Phạm phu nhờ nhục nhãn này nhìn thấy sắc cảnh rõ ràng.

Kinh Vô Lượng Thọ, hạ (Đại 12, 274 thượng) ghi: “Nhục nhãn trong suốt, nhìn thấy rõ ràng tất cả”. Nhưng nhục nhãn có nhiều chướng ngại, theo *Luận Đại Trí Độ 33* thì nhục nhãn có khả năng nhìn thấy rõ ràng các cảnh vật ở chỗ gần, còn ở chỗ xa thì không; khi nhìn thấy những cảnh vật

ở trước mắt thì không thể nào đồng thời nhìn thấy những cảnh vật ở sau lưng; mắt có khả năng nhìn thấy cảnh vật bên ngoài chứ không thể nhìn thấy những vật bên trong thân, ban ngày thì nhìn thấy các vật còn đêm tối thì không. Trái lại, do công đức tu hành, mắt của Phật và Bồ Tát có khả năng nhìn thấy tất cả các pháp và thật tướng của nó.

* **Như Lai:** Một trong 10 danh hiệu của Phật. Vì vậy mà có hợp từ “Phật tổ Như Lai”.

Kinh Kim Cương giải thích Như Lai là “Không từ ở đâu đến, mà cũng không đi đâu”. Như vậy, Như Lai là tính thường trụ, thường hằng của vạn pháp vậy. Phật chính là sự thể hiện của tính thường trụ, thường hằng đó, chứ không phải là cái gì khác.

* **Như Lai Tạng:** Phạn: *Tathagata-garbha*. Pháp thân Như lai xưa nay thanh tịnh (tức tự tính thanh tịnh) ẩn tàng trong thân phiền não của tất cả chúng sinh, nhưng không bị phiền não làm ô nhiễm, bản tính xưa nay tuyệt đối thanh tịnh, vĩnh viễn bất biến.

Ngoài ra, giáo pháp nói về tất cả hiện tượng nhiễm ô và thanh tịnh đều duyên theo Như Lai tạng mà khởi, gọi là Như Lai tạng duyên khởi. Trong kinh luận thường dùng tư tưởng này để nói về ý nghĩa mê ngộ đối lập của con người như trong *Phẩm Tứ Đế*, *kinh Đại Bát Niết Bàn*.

Như Lai tạng cũng còn có nghĩa chỉ tất cả kinh tạng do Đức Phật nói ra. *Kinh Tăng Nhất A Hàm 1*, ghi : “Người nào chuyên tâm trì tụng *Tăng Nhất* tức là *Tổng trì Như Lai tạng*”.

* **Nhật-Nguyệt-Tịnh-Minh-Đức Như Lai:** Phạn âm:

Tchandravimala sūryaprabhāsacri. Một vị Phật đời quá khứ.

Theo *kinh Pháp Hoa*, *phẩm 23*, ngài Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Như Lai ra đời cách nay hằng hà sa số kiếp. Đại chúng dự nghe pháp của ngài có 80 ức chư Đại Bồ Tát và chư Thanh Văn nhiều bằng số cát 72 sông Hằng, 110 ức chư Thiên đứng trên các cung điện mà trỗi nhạc và ca tụng, cúng dường đức Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Như Lai.

Ngài thuyết pháp không có đàn bà dự nghe. Cõi thế giới Phật của ngài không có những hạng: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và ác thần A-tu-la. Cõi ấy tốt tươi, đều đặn như lòng bàn tay. Một phần đất toàn bằng lưu ly ở cảnh Tiên. Cây quý bằng kim cương và cây Chiên Đàn mọc rất đẹp.

Đời của Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức là bốn mươi ngàn kiếp, đời của chư Bồ Tát và Thanh Văn của ngài cũng như vậy.

* **Nhứt-Thiết-Chúng-Sanh-Hỷ-Kiến Bồ Tát** : Phạn âm:

(*Sarvasattvapriyadarcana*). Tên một đức Bồ Tát Ma-ha-tát, tiền thân của Đấng Vương Bồ Tát (Bhàichadjyarādja). Hồi đức Phật Nhứt Nguyệt Tịnh Minh Đức (*Tchandravimala sūryaprabhāsacr*) ra đời, *Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát* tọa thiền trong 12 ngàn năm và đắc phép thiền “*Hiện nhất thiết sắc thân tam muội*”. Ngài liền đổ mưa hoa Mạn-đà-la và Ma ha Mạn-đà-la mà cúng dường Phật *Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức*. Ngài lại hóa ra 2 thứ Chiên Đàn rất báu: *Kiên Hắc Chiên Đàn* (Santal kalānusārin) và *Hải Thử Nhạn Chiên Đàn* (Santal Uragasāra) mà cúng dường Phật. Kế ngài thiêu thân mà cúng dường Phật. Sự cúng dường này khó khăn hơn các sự cúng dường khác bằng tài vật và bằng pháp lý.

Rồi đó, ngài sanh ra làm Hoàng tử con vua Tịnh Đức (Vimaladatta). Bấy giờ, Phật *Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức* còn trụ tại thế. Hoàng tử xin phép cha và nương đài thất bảo bay đến châu Phật. Bồ Tát *Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến* được Phật giao phó cho Pháp và tất cả chư đệ tử Bồ Tát và Thanh Văn.

Lo việc thiêu xác Phật và phân phát tro tàn Xá Lợi xong. Bồ Tát bèn cúng dường tháp miếu của Phật. Ngài đốt cánh tay của mình trước 84.000 cảnh tháp chứa Xá Lợi của Phật.

Sự đốt ngón chân cái, ngón tay cái, hay ngón chân nào, ngón tay nào, hay trọn cái tay, cái chân mà cúng dường Phật, sự ấy khó đệ như. Thế mà đức Bồ Tát Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến làm được.

* **Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Như Lai** (*Sarvastvapriyadarcana*).

Một đức Phật vị lai, Phật Thích Ca Mâu Ni có thọ ký cho bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề (*Mahāpradīpātī*), dạy rằng về sau bà sẽ thành Phật, hiệu là Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Như Lai.

* **Nhứt Thiết Pháp Không**: Tất cả các Pháp đều là không. Các Pháp là những sự vật mà con mắt thấy, lỗ tai nghe ..., cho đến ý nghĩ. Nhưng luận xét đến chỗ thật của nó, thấy đều là không không, chẳng có. Vì vậy nên nói: *Nhứt Thiết Pháp Không*. Chỗ không không, chẳng có, đó mới là cái Thật Tướng, cái Chơn Như vậy.

* **Nhứt Thừa**: Là “Cỗ xe duy nhất” đưa chúng sinh đến Giác ngộ, thành Phật; danh từ này bao hàm hai ý nghĩa. Với cái nhìn tương đối thì danh từ Nhất thừa chính là Phật thừa, Bồ Tát thừa hoặc Đại thừa, được dùng đối

ngược với Tiểu thừa hoặc Độc giác thừa. Với ý nghĩa tuyệt đối, Nhất thừa bao gồm cả ba cỗ xe, bao gồm giáo lí có tính chất tạm thời của chúng và chuyển hoá chúng.

Sau sự xuất hiện của khái niệm Nhất thừa, không còn giáo pháp nào của Phật pháp trước đó có thể tồn tại được vì giáo pháp tối thượng đã là nội dung của Nhất thừa. Khái niệm Nhất thừa được đề xướng trong kinh Diệu pháp liên hoa, trong kinh được Phật cho là cao siêu nhất.

Theo giải thích của Khuy Cơ, giáo lí Nhất thừa của *Pháp tướng tông* có hai bậc, *Nhiếp nhập đại thừa* và *Xuất sinh đại thừa*. *Nhiếp nhập đại thừa* là phương tiện tiếp dẫn người có căn tính bất định đến với Nhất thừa, vì thức thể của mỗi chúng sinh khó có khả năng nhận ra Phật tính, cho nên giáo lí này khó tương ứng toàn diện với ý nghĩa Nhất thừa. Nhưng vì tất cả đương cơ trong pháp hội kinh Pháp Hoa đều có khả năng thành Phật, nên giáo lí này trở nên rất chân xác và thiết thực trong trường hợp đó. *Xuất sinh Đại thừa* có nghĩa là tất cả các pháp môn của Phật đều chỉ xuất sinh từ giáo lí Đại thừa. Khuy Cơ cho rằng đây là giáo lí trong kinh Thắng-man và kinh Niết-bàn.

Theo *Hoa Nghiêm tông* và *Thiên Thai tông* thì có sự phân biệt giữa Nhất Phật thừa này với Bồ tát thừa trong hệ thống Tam thừa.

* **Nhứt Xoa Câu Vương** hay **Nhất Xoa Cửu Vương**: Hán dịch: Cam Giá thị. Phạn ngữ: *Iksvāku*. Họ Cam Giá, tức là tổ tiên của dòng họ Thích Ca, sống ở thành Phù-đà-lạc thuộc lưu vực sông Ấn Độ.

* **Ni-Đà-Na kinh** : Phạn: *Nidāna*. Hán dịch: *Nhân Duyên, Duyên Khởi*. Tức là nguyên do, khởi nguyên, là 1 trong 12 thể loại kinh của Đại thừa, tức là phần thuyết minh nguyên nhân, duyên khởi để Phật thuyết pháp và chế định giới luật trong kinh điển.

- Theo *Đại Thừa Pháp Uyển Nghĩa Lâm Chương 2*, Ni-Đà-Na có 3 nghĩa: Ứng thỉnh thuyết giáo, Nhân phạm chế giới và Nhân sự thuyết pháp.

- *Luận Đại Trí Độ 33*, ghi: “Ni-Đà-Na nói về nhân duyên Phật pháp. Phật nói do nhân duyên nào mà nói việc này ? Tu-Đa-La có người hỏi thì Phật mới nói. Cờ Tỳ-Ni có người phạm thì Phật mới chế giới. Tất cả những lời Phật nói về duyên khởi đều gọi là Ni-Đà-Na”.

* **Ni-kiền-Tử**: Gọi tắt: **Ni-kiền**. Tức là hàng ngoại đạo Ni-Kiền-Đà, phải thấy tu chẳng mặc áo.

* **Niệm Pháp:** Phạn: *Dharmānusmṛti*. Nhớ nghĩ đến thắng, lợi, diệu, đức của Phật pháp, là nhớ nghĩ pháp thanh tịnh, là 2 bên, diệt phiền não, dứt ái dục, khiến không dơ không ngại, là 1 trong 10 niệm, 1 trong 8 niệm.

* **Niết Bàn:** Phạn âm: *Nirvāna*; Còn gọi: *Nê hoàn, Niết Bàn Na, Nê Viết, Niết-lê-bàn-na, Nê-phạ-nam, Nặc-phạ-nam*; Từ đồng nghĩa là *Trạch diệt, Li hệ, Giải thoát*; Hán dịch là *Diệt, Tịch diệt, Diệt độ, Tịch, Vô danh*.

Niết-Bàn nguyên nghĩa là chỉ cho sự thối tắt hoặc biểu thị trạng thái thối tắt. Về sau từ ngữ này được dùng để chỉ cho sự diệt tận lửa phiền não, đạt đến cảnh giới giác ngộ. Cảnh giới giác ngộ này là mục đích thực tiễn nhất của Phật giáo, cho nên được xếp vào 1 trong 3 pháp ấn, gọi là Niết-Bàn tịch tĩnh. Ngoại đạo tuy cũng có nói Niết bàn nhưng hoàn toàn khác với Phật giáo. *Niết-Bàn* hay *Đại Bát Niết-Bàn, Bát-Niết-Bàn* đều chỉ sự nhập diệt của Đức Thế Tôn.



O

* **Oai Âm Vương Như Lai:** Phạn âm: *Bhīṣma-gar-jitasvara-rāja*. Còn gọi: *Tịnh Thù Âm Vương Phật*.

Phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát, kinh Pháp Hoa 6: Oai Âm Vương Phật là Đức Phật đầu tiên ở kiếp Trang Nghiêm thời quá khứ. Kỳ kiếp của ngài tên là Ly Suy (Vinirbhoga), thế giới của ngài tên là Đại Thành (Mahāsambhāva).

Thủ Lăng Nghiêm Kinh, quyển 5: Ông Bạt-đà-bà-la nói rằng thuở xưa, ông nhờ quán tưởng lễ xúc (thân thể đung với vật) mà đắc đạo. Nhờ đó, đức Oai Âm Vương Phật ban cho ông danh hiệu Bạt-đà-bà-la.



P

* **Phả La Đọa:** Phạn âm: *Bharadvāja*. Còn gọi: *Phả La Tra*. Hán dịch: *Lợi Căn Tiên Nhân, Biện Tài, Mãn, Mãn Chính*.

Một trong 6 họ Bà La Môn ở Ấn Độ cổ đại.

Theo *Phẩm Tự, kinh Diệu Pháp Liên Hoa* thì Đức **Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh** họ Phả-la-đọa.

* **Phạm Âm:** Phạn âm: *Brāhmagosha*.

Tiếng nói, giọng nói của đức Phạm Thiên Vương. Cũng gọi: *Phạm âm thanh, Phạm thanh*.

Theo quyển Đại Luận, tiếng nói của đức Phạm Thiên Vương có năm cái đặc tánh này:

- Nghe thăm thẳm như tiếng sấm.
- Tiếng trong trẻo: thanh triệt nghe rất xa, ai nghe cũng lấy làm vui vẻ, sung sướng.
- Ai nghe cũng kính, mến.
- Tiếng giải đạo lý rất gọn ghẽ dễ dàng.
- Mọi người nghe đều không chán.

Bởi những công đức ấy, Phạm âm cũng có nghĩa là giọng nói, tiếng nói của chư Phật, chư Đại Bồ Tát.

Trong *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, phẩm Phổ Môn*, có mấy câu kệ xưng đức Bồ Tát Quán Thế Âm:

“Diệu âm, Quán Thế Âm.
Phạm âm, Hải triều âm
Thắng bị thế gian âm
Thị cố tu thường niệm”.

* **Phạm Chí:** Phạn: *Brāhmaṇa*. Hán dịch: *Tịnh duệ, Tịnh hạnh*. Hán âm: *Bà-la-môn, Phạm Sĩ*.

Phạm Chí là từ gọi chung tất cả những người xuất gia của ngoại đạo. *Luận Đại Trí Độ 56*, ghi: “Phạm Chí là tất cả những người xuất gia của ngoại đạo. Người tu pháp của ngoại đạo cũng gọi là Phạm Chí”.

Phạm Chí cũng chỉ Bà-la-môn tại gia. Theo *Pháp Hoa Văn Cú Ký 9, thượng*: Người tại gia thờ Phạm Thiên gọi là Phạm Chí, ngoại đạo xuất

gia gọi chung là Ni Kiền. Nhưng theo *Pháp Hoa Kinh Yếu Giải* 5, thì ngoại đạo tại gia gọi là Ni Kiền, còn ngoại đạo xuất gia gọi là Phạm Chí.

Theo *Du Già Luận Ký 9, thượng*, “Phạm” là tiếng Tây Vực, Hán dịch là *Tịch tinh, Niết bàn*; “Chí” là tiếng Trung Quốc, quyết chí cầu Phạm, ghép chung 2 chữ lại thành Phạm Chí. Các Phạm Chí như Trường Trảo Phạm chí, Loa Kế Phạm chí, được các kinh nói đến, về sau các Phạm chí này đều trở thành đệ tử nổi tiếng của Đức Phật. Con gái của Phạm Chí hoặc các cô gái tu theo đạo này được gọi là Phạm nữ.

* **Phạm Hạnh:** Phạm âm: *Brahma-carya*; dịch nghĩa là *Tịnh hạnh*; là hạnh thanh tịnh mà người xuất gia, tại gia tu tập. Bà-la-môn giáo chia một đời người ra làm 4 thời kỳ; trong đó, thời kỳ thứ nhất gọi là Phạm hạnh kỳ (Phạm: *Brahma-carin*), trong thời kỳ này phải giữ giới bất dâm và học Phệ Đà, Nghi thức cúng tế ...

Phẩm Phạm Hạnh – Kinh Đại Bát Niết Bàn cho rằng 4 vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả) là Phạm hạnh, trụ trong 7 thiện pháp ... thì gọi là Phạm hạnh cụ túc. Những sự giải thích này không những nói về Từ, bi, hỷ, xả mà còn nhấn mạnh đến ly dục Niết Bàn, nghĩa là gồm đủ tất cả Phạm hạnh nói trên.

* **Phạm Thích:** Còn gọi: **Thích Phạm**. Đế Thích và Phạm Vương (hai vị Thiên vương đã quy y Phật Thích Ca Mâu Ni), thủ hộ Phật pháp.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ, ghi: “Ngài Mục Kiền Liên đứng hầu bên trái, Ngài A Nan đứng bên phải, các Thiên vương: Thích, Phạm, Hộ Thế thì đứng trên hư không tạo những cơn mưa Thiên hoa để cúng dường”.

* **Phạm Thiên Vương :** Tức là đức **Đại Phạm Thiên Vương**. Còn gọi: *Phạm Vương, Phạm Thiên, Đại Phạm Thiên*. Là vua cảnh trời Đại Phạm, ngài có quyền luôn ở ba cảnh *Phạm thân thiên, Phạm chúng thiên, Phạm phụ thiên*. Ngài làm chúa tể Tam Thiên Đại Thiên thế giới tức cõi Ta bà này. Người ta cũng gọi ngài là *Ngọc hoàng Thượng đế, Ngọc hoàng Đại đế*. Đạo Bà La Môn tôn ngài là vị Thần chúa tể. Đạo Phật cũng công nhận ngài là Chủ Ta bà thế giới.

Biểu hiện của ngài là Hoa Sen: Tàu: *Liên hoa*, Phạm: *Padmâ*. Ngài có khuyến đức Thích Ca xuất gia. Khi đức Thích Ca thành Phật, ngài có hiện đến cầu đức Thích Ca đi truyền đạo cứu đời. Ngài cũng có cầu thỉnh đức Phật Thích Ca thuyết pháp nhiều lần. Trong những dịp đưa và rước Phật một cách long trọng, như lúc Phật từ cảnh Tiên Đạo ly mà trở về cõi

người, thì Phạm Thiên Vương và Đế Thích thường theo châu Phật: Đế Thích cầm bạch phát đuổi ruồi cho Phật, Phạm Thiên Vương cầm bảo cái che cho Phật. Khi Phật giảng Kinh Diệu Pháp Liên hoa để truyền Phật quả cho chư Bồ Tát, Phạm Thiên Vương có hiện đến với một vạn hai ngàn chư Thiên trong Phạm giới mà dự nghe một cách cung kính.

Và đến khi Phật nhập Niết Bàn, Phạm Thiên Vương cũng có hiện lại mà tỏ lời thương tiếc, từng theo Phạm Thiên Vương, có những hàng Tiên, gọi là Phạm Thiên như: *Brâhmadêvapurusa*, và có những hàng Tiên mới sanh lên, gọi là Phạm Thiên tử: *Brâhmadêva*.

* **Pháp Âm Phương Tiện Đà La Ni:** *Pháp âm:* tiếng pháp. *Phương tiện:* các tùy dùng khéo léo. *Đà-la-ni:* chơn ngôn, thần chú, sức tổng trì của trí huệ. Đó là phép thần chú làm cho hành giả có thể tùy dùng các thứ pháp âm, nói ra và hiểu biết các thứ tiếng.

Theo “*Diệu Pháp Liên Hoa Kinh*”, phẩm 28, nhà tu hành thọ trì Pháp Hoa kinh, được thấy thân ngài Phổ Hiền Bồ Tát hiện lại, cỡi trên bạch tượng sáu ngà, thì rất lấy làm hoan hỷ, càng tinh tấn thêm, được phép tam muội và 3 thứ Đà-la-ni:

1. Triền Đà-la-ni.
2. Bá Thiên vạn ức Triền Đà-la-ni
3. Pháp Âm Phương Tiện Đà-la-ni.

* **Pháp Ấn:** Phạn: *Dharma-mudrā*. Còn gọi: *Pháp bản mặt, Pháp bản, Tượng, Ưu-đàn-na (Udāna)*

Dấu ấn của Phật pháp. Dấu ấn là vật để chứng minh sự thật, vì thế những pháp dùng để chứng minh chuẩn mực chân chính của Phật pháp gọi là Pháp ấn.

Theo *Pháp Hoa Nghĩa Sớ 6* của ngài Cát Tạng, Ấn là ấn định các pháp không thể thay đổi. Ngoài ra, dùng văn để làm ấn, lấy văn làm chuẩn mực cố định của một thuyết nào đó, nếu lý và văn tương ứng với nhau thì đó là lý đúng, gọi là Pháp ấn.

Phật giáo gọi *Chư hành vô thường, Nhất thiết pháp vô ngã, Niết Bàn tịch tĩnh* trong kinh *Tạp A Hàm 10*, là *Tam Pháp ấn*.

Nếu thêm vào *Nhất thiết hành khổ* thì thành *Tứ pháp ấn, Tứ Ưu-đàn-na*. Nếu thêm *Nhất thiết pháp không* thì thành *Ngũ Pháp ấn*.

Thep *Pháp Hoa Huyền Nghĩa 8*, thượng Tam pháp ấn là chỉ cho pháp của Tiểu thừa, Đại thừa chỉ có một pháp ấn gọi là *Nhất thật tướng ấn*.

* **Pháp Cổ**: Trống pháp. Tiếng tỷ dụ. Đức Phật thuyết Pháp đặng dạy chúng tấn thiện, tỷ như ông Tướng khiến người ta đánh trống đặng tấn binh, cho nên gọi là Pháp cổ.

"*Pháp Hoa Kinh*": Phổ vị chúng sanh, kích đại Pháp cổ. Đức Phật muốn độ các chúng sanh, bèn đánh trống Pháp lớn.

Pháp cổ cũng có nghĩa: Cái trống lớn ở nhà Chùa mà người ta đánh khi đại lễ.

* **Pháp Hoa Tam Muội**: Phép đại định chỉ có trong kinh Pháp Hoa.

Trong kinh Pháp Hoa có biên rất nhiều phép tam-muội. Ai tu hành những phép ấy mà đắc thần thông, thấy Phật hoặc chư Bồ Tát giá lâm đến đạo tràng, tức là được *Pháp Hoa tam-muội*. Thiên Thai Trí giả từng được *Pháp Hoa tam-muội*. Như khi ở núi Ngọc Tuyền mà trì kinh Pháp Hoa, ngài trông thấy Pháp hội Linh Sơn uyển chuyển hiện ra trước mặt ngài; các hàng đệ tử, các hạng chúng sanh đương dự nghe Phật Thích ca giảng trì kinh Pháp Hoa trên núi Linh Sơn bên Ấn Độ.

* **Pháp Hỷ**: Còn gọi: *Pháp duyệt*. Nghe giáo pháp của Đức Phật, khởi tín tâm mà sinh lòng hoan hỷ. *Kinh Hoa Nghiêm 2* (bản cựu dịch), ghi: “Âm thanh của Đức Phật có năng lực làm cho người nghe sinh tâm hoan hỷ, khiến mọi chúng sinh được Pháp hỷ”.

* **Pháp Hỷ Thực**: Phạn âm: *Dharma-prīty-āhāra*.

Thức ăn pháp, chỉ cho giáo pháp đức Phật. Hành giả nhờ nghe được giáo pháp của đức Phật trong lòng phát sinh hoan hỷ mà nuôi lớn thiện căn, trưởng dưỡng huệ mạng, giống như thức ăn của thế gian.

* **Pháp Không**: Còn gọi: *Pháp Vô Ngã* (Phạn: *Dharma-nairātmya*).

Tự tính các pháp là không. *Pháp không* nghĩa là tất cả các pháp Vô ngã và Nhân duyên sinh.

Luận Đại Tì-bà-sa 9 (Đại 27, 45 trung) ghi : “*Tôn giả Thế Hữu* nói: Ta không nhất định nói các pháp đều không mà nhất định nói tất cả các pháp đều Vô ngã”.

Theo *Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ*, vì pháp thể hằng hữu nên không thể nói tất cả pháp đều không mà chỉ quán tất cả pháp vô ngã để đối trị ngã kiến. Nhưng theo *Phẩm Diệt Pháp Tâm, Luận Thành Thật 12, luận Du-Già Sư Địa 93* thì cho pháp 5 uẩn là Vô ngã, không có tự tính, thực tại bất biến nên nói là “không”.

Ngoài ra, *Đại Thừa Nghĩa Chương 1*, căn cứ vào 4 tông để phân biệt nghĩa “Không”.

1/. *Tông Tì-đàm lập tính*: Chỉ nói về sinh không mà không nói về Pháp không.

2/. *Tông Thành Thật phá tính*: Nói đủ “Nhị không” (Sinh không và Pháp không), cho rằng các pháp được tập thành bởi Khổ, Không, Vô thường ... gọi là Pháp hòa hợp. Trong Pháp hòa hợp, “Không” không có định tính, nên gọi là Pháp không.

3/. *Tông Bát-Nhã phá tướng*: cũng nói “Nhị không”, cho rằng không cần chờ các pháp Khổ, Không, Vô thường ... tan rã hoại diệt mà tất cả các pháp giả danh chính là “Không”.

4/. *Tông Hiển Thật*: cũng nói “Nhị không” chia làm 2 môn:

a. *Y trì môn* : Pháp vọng tưởng vốn “Không” nên gọi là “Chúng sinh không”; Sở y chân thật tịch diệt, gọi là “Pháp không”.

b. *Duyên khởi môn*: Thể của Chân như vắng lặng gọi là “Pháp không”; Duyên dụng tịch diệt gọi là Chúng sinh không.

Trong đó, “Không” của tông Pháp Tính là “Tịch không”, còn “Không” của tông Pháp Tướng là “Thể không”. “Nhị không” thuộc Y Trì Môn của tông Hiển Thật, là “Tam tính tam vô tính”. “Nhị không” thuộc Duyên khởi môn, là “Thể dụng của chân như”.

* **Pháp Loa**: Loa là vỏ con ốc, đem chế làm còi, thổi lên nghe rất xa. Phật pháp được diễn giảng như tiếng còi, nghe vang khắp mọi nơi.

* **Pháp Luân**: Phạn âm: *Dharmacakra*.

Xe pháp (chuyển bánh xe pháp). Thuyết pháp, giảng Phật pháp để cho chúng sinh nghe, học, tu theo đạo lý giác ngộ và giải thoát. Chuyển bánh xe pháp có những ý nghĩa sau đây:

1. Bánh xe lăn tới trước, không bao giờ thoái lui. Giáo pháp của Phật đưa chúng sinh tiến tới không ngừng đến đích giác ngộ và giải thoát.

2. Bánh xe Pháp lăn tới đâu thì ai có phiền não và mê hoặc bị diệt sạch đến đấy.

3. Bánh xe Pháp chuyển mãi không ngừng, nghĩa là giáo lý của Phật cũng phát triển không ngừng, tùy theo thời đại, quốc độ, nhưng về cơ bản vẫn là bánh xe đó. Nghĩa là hình thức, sắc dạng có thể và phải thay đổi, nhưng tinh hoa, cốt lõi của Phật pháp vẫn trong sáng như xưa.

Sau khi Phật Thích Ca thành đạo, Phật bèn đến vườn Lộc Uyển gần thành Benares, giảng pháp “Bốn Chân Lý Kỳ Diệu” (Tứ Diệu Đế) cho

năm người bạn cùng tu khổ hạnh ngày xưa với mình, và năm người này trở thành 5 vị A la hán đầu tiên. Đó là lần chuyển bánh xe Pháp lần thứ nhất.

Trong đạo Phật, Pháp Luân tượng trưng cho giáo pháp của đức Phật, gồm Tứ Diệu Đế, Bát Chính Đạo, Trung Đạo. Pháp luân thường được vẽ như một bánh xe tám nhánh, tượng trưng cho Bát Chính Đạo.

* **Pháp Minh:** Ánh sáng của đạo lý, của chánh pháp. Bực tu học được tâm thanh tịnh thì phát sinh trí huệ, trí huệ ấy soi sáng khắp cả, chiếu thấy sự và tướng của mọi pháp.

Pháp Minh tức là ánh sáng của trí huệ ở tâm thanh tịnh của chúng sanh. Nếu có thể chiếu thấu vô lượng pháp tánh, hành đạo của chư Phật thì gọi là *Pháp minh đạo*.

Pháp minh là ánh sáng đạo đức. Nếu chiếu tỏ sự và tướng của các pháp, phân biệt nghĩa lý của các pháp ấy và vào cửa Thánh đạo thì gọi là *Pháp minh môn*. *Pháp minh môn* lại có nhiều thứ, mỗi pháp gọi là một *Pháp minh môn* vậy.

• **Pháp Minh Như Lai** (*Dharmaprabhâsa*): Tên một đức Phật vị lai trong kinh Pháp Hoa. Đức Phật Thích Ca có thọ ký cho Phú Lâu Na (Purna) về sau sẽ thành Phật, hiệu là Pháp Minh Như Lai. Cõi thế giới của Phật này tên là **Thiện Tịnh** (*Suvidudda*), kỳ Kiếp là **Bảo Minh** (*Ratnâvabhâsa*).

* **Pháp Môn:** Giáo lý Phật pháp; học thuyết; chính pháp. Giáo lý của Đức Phật. Cánh cửa chân lý. Cửa ngõ dẫn vào chân lý. Cánh cửa dẫn đến giải thoát giác ngộ (Phạn: *dharma-mukha*).

Trong ý hẹp thì Pháp môn chỉ những bài Kinh của đức Phật, hoặc những phương pháp Phật dạy đưa đến giác ngộ. Mỗi bài dạy này được ví như là một cửa (môn) để mọi người bước qua và giác ngộ. Trong Tứ hoằng thệ nguyện thì nguyện thứ ba là “Pháp môn vô số lượng, thệ nguyện đều tu học”.

* **Pháp Nhãn Thanh Tịnh:** Phạn ngữ: *Dharmacaksu-vissuddha*. Còn gọi: *Tịnh Pháp Nhãn*, *Thanh Tịnh Pháp Nhãn*, *Pháp Nhãn Tịnh*.

Pháp Nhãn có năng lực quán sát chân lý các pháp mà không bị chướng ngại và nghi hoặc.

Theo *Duy Ma Kinh Luận Sớ 4* của ngài Cát Tạng, hàng Sơ quả Tiểu thừa lấy lý Tứ Thánh đế, bậc Sơ địa Đại thừa được pháp chân thật vô sinh, đều gọi là Pháp nhãn tịnh.

Theo *Luận Đại Tỳ Bà Sa 66*, trước giai vị Kiến đạo thì chưa hoàn toàn đoạn hết vọng hoặc, những người đoạn trừ 5 phẩm hoặc của cõi Dục, và ở giai vị Kiến đạo thì mới phát sinh Pháp nhãn thanh tịnh, chứng được quả Dự Lưu; những người đoạn trừ phẩm hoặc thứ sáu, thứ bảy ở cõi Dục thì phát sinh Pháp nhãn thanh tịnh, chứng được quả Nhất Lai; những người đoạn trừ 9 phẩm hoặc cõi Dục cho đến hoặc ở cõi Vô Sở Hữu xứ thì phát sinh Pháp Nhãn thanh tịnh, chứng được quả Bất hoàn.

Pháp nhãn này khác với Pháp nhãn trong Ngũ nhãn. Pháp nhãn trong Ngũ nhãn tương đương với Pháp nhãn tịnh của Đại thừa, chỉ bậc Bồ Tát mới có, còn hàng Nhị thừa thì không. Hơn nữa, Pháp nhãn của Tiểu thừa thì hàng Sơ quả thấy Pháp Tứ đế đã chứng được, còn Pháp nhãn của Đại thừa thì bậc Sơ địa được Pháp chân thật vô sinh mới chứng được.

* **Pháp Nhãn:** Cam chịu cảnh trái nghịch mà trong tâm không sinh khởi sân hận, một trong Nhị nhãn, Tam nhãn, Lục nhãn, Thập nhãn.

Đại Thừa Nghĩa Chương 11, ghi: “An trụ trong thật tướng các pháp gọi là Nhãn”. Pháp nhãn được chia làm 2 loại: Khổ pháp nhãn và Đạo pháp nhãn. “Khổ pháp nhãn” là chỉ cho sự tin nhận lý Khổ đế của cõi Dục khi còn ở giai vị Kiến đạo. “Đạo pháp nhãn” là chỉ cho sự tin nhận Đạo đế của cõi Dục ở giai vị Kiến đạo. Hàng Bồ tát Đại thừa ở giai vị Kiến đạo của Sơ địa tin nhận lý Vô sinh, nên gọi là *Vô sinh pháp nhãn*.

* **Pháp Sư:** Phạn âm: *Dharma-bhāṅka*. Còn gọi: *Thuyết Pháp sư, Đại Pháp sư*.

Pháp sư là những người thông hiểu Phật pháp và có năng lực dẫn dắt chúng sinh tu hành. Chư Phật, Bồ Tát và các vị Đại đệ tử, đều biết pháp sâu xa vi diệu, lại biết cả căn cơ lợi độn của chúng sinh mà diễn thuyết cho họ nghe, nên gọi là *Pháp sư*.

Nói về tư cách *Pháp sư*, theo *Luận Du-Già Sư Địa 81, Luận Trụ Tỳ-bà-sa 7, Hoa Nghiêm Kinh Sớ 43* của ngài *Trừng Quán*, *Pháp sư* phải đầy đủ 10 đức, học rộng hiểu nhiều, nắm chắc tất cả ngôn từ chương cú, khéo biết tướng sinh diệt của thế gian và xuất thế gian, phải có định lực để liễu thông và tùy thuận các pháp mà không gây tranh cãi, lời nói phải đi đôi với việc làm. Theo *Phẩm Pháp Sư Công Đức, kinh Pháp-Hoa 4, Pháp sư* có 5 hạng: Thụ trì, đọc kinh, tụng kinh, giảng nói và biên chép.

Ngoài ra, ở Trung Quốc tôn xưng những bậc có học vấn và đức hạnh cao sâu như ngài *Đạo An, Huệ Viễn ...* là *Pháp sư*, nhưng đối với ngài *Ci-tu-ma-la-thập* và *Huyền Trang* là những nhà dịch kinh lớn đã có những

cống hiến vĩ đại trong việc phiên dịch *Kinh Tạng* thì được tôn xưng là *Tam Tạng Pháp Sư*, để phân biệt với cách xưng hô *Thiền sư* và *Luật sư*.

* **Pháp Tánh (Pháp Tính):** Còn gọi: *Chân như pháp tính, Chân pháp tính*. Âm theo Phạn: *Dharmatā*.

Pháp tánh là thể tính chân thật của các pháp. Pháp tánh cũng là tên khác của Chân như.

Theo *Luận Đại Trí Độ* 32, tổng tướng của tất cả pháp đồng qui về pháp tánh. Nói theo tướng sai biệt thì tự tính của các pháp là “không” cho nên gọi đó là “Như”. Tất cả tướng đồng qui về “không” cho nên gọi “không” là “pháp tính”.

Theo *kinh Đại Bảo Tích* 52, Đức Thế Tôn khai thị về nghĩa thật tính của các pháp, cho rằng pháp tính không biến đổi, không tăng thêm, không làm nhưng không điều gì chẳng làm. Đối với các pháp đều thông suốt bình đẳng, ở trong các bình đẳng khéo trụ bình đẳng, trong bất bình đẳng khéo trụ bình đẳng, trong bất bình đẳng bất bình đẳng khéo trụ bình đẳng. Lại cho rằng pháp tính không phân biệt, không sở duyên, đối với tất cả pháp có khả năng chứng được thể tướng cứu cánh. Thông thường người ta phân biệt Tánh và Như lai tạng, tức chỉ chung thật tướng của tất cả pháp là pháp tính, nhưng cũng có thuyết chủ trương pháp tánh đồng nghĩa với Như Lai tạng.

* **Pháp Thân:** Phạn âm: *Dharma-Kāya*. Còn gọi: **Pháp Phật, Lý Phật, Pháp Thân Phật, Tự Tính Phật, Pháp Tính Thân, Như Như Phật, Thật Phật, Đệ Nhất Thân**.

Chính pháp Đức Phật đã thuyết, Pháp Vô lậu Đức Phật đã chứng và Tự tính chân như, Như Lai Tạng. Theo *Đại Thừa Nghĩa Chương, thượng, Phật Địa Kinh Luận* 7, Tiểu thừa cho rằng giáo pháp Đức Phật đã nói, *pháp Bồ-đề phần* mà Ngài đã giảng và *Pháp công đức vô lậu* mà Ngài đã chứng đều là *Pháp thân*. Ngoài ra, Đại thừa còn cho rằng *Tự tính chân như* thanh tịnh pháp giới, vô lậu, vô vi, vô sinh, vô diệt, cũng chính là *Pháp thân*.

Pháp thân có đủ 5 phần (Ngũ phần pháp thân): 1. *Giới*, 2. *Định*, 3. *Huệ*, 4. *Giải thoát*, 5. *Giải thoát tri kiến*. Đó là năm thứ công đức, hiệp thành *Pháp thân* của Phật, Thánh.

Pháp thân có năm thứ (Ngũ chủng pháp thân): 1. *Pháp tánh sanh thân*, 2. *Công đức pháp thân*, 3. *Biến hóa pháp thân*, 4. *Hư không pháp thân*, 5. *Thật tướng pháp thân*. Đức Phật có cả năm thứ *Pháp thân* ấy.

Kim quang minh Kinh có biên hai *Pháp thân* (*Nhị pháp thân*): *Lý pháp thân* và *Trí pháp thân*. *Lý pháp thân* là cái lý tánh đã sẵn giác ngộ, Phật và chúng sanh đều có đủ. Nhưng ở chúng sanh, cái *Pháp thân* ấy còn bị màn vô minh che khuất, nên chưa hiển hiện ra.

Trí Pháp thân là cái *Pháp thân* nhờ sự tu trì mà được viên mãn, khế hiệp với cái *Lý pháp thân*.

* **Pháp Tòa:** Là chỗ ngồi của Phật khi thuyết pháp. *Phẩm Tựa, kinh Pháp-Hoa*, ghi: “Trên pháp tòa, ngồi kiết già tam-muội”. Pháp tòa còn là một cái tòa cao thường dùng khi Phật thuyết pháp, cũng gọi là *Pháp tòa* hoặc *Tu-di tòa*. Về sau từ ngữ này được dùng đồng nghĩa với *Pháp điện, pháp tịch*.

* **Pháp Trí:** Phạn âm: *Dharma-jñāna*. Trí Vô lậu duyên với lý Tứ đế (khổ, tập, diệt, đạo) của cõi Dục mà đoạn trừ các phiền não của cõi này, là 1 trong 10 trí được nói trong *Luận Câu-Xá* 26

* **Pháp Tướng:** Là tướng của các pháp. *Tông Duy Thức* chủ trương phân tích, phân loại và thuyết minh tướng của các pháp, cho nên gọi là tông Pháp Tướng.

- Pháp Tướng còn có nghĩa là giới hạn, phạm vi và cương yếu của giáo nghĩa.

- Pháp Tướng cũng được xem là vị đại tướng của Phật pháp. Bồ Tát hoặc các vị cao Tăng Đại Đức đối với đệ tử, giống như vị Đại tướng trong quân đội. Ngoài ra, các vị này còn tinh thông nghĩa môn, cùng với người khác tranh luận đều đạt thắng lợi nên gọi là Pháp tướng, như Ngài Huyền Trang ở Ấn-Độ từng được tôn là Pháp tướng. *Luận Đại trí Độ* 7 (*Đại* 25, *109 thượng*) ghi: “Đức Phật là Pháp vương, Bồ Tát là Pháp tướng”.

- Từ đối lại với Pháp tướng là Pháp tính tức là Chân như thật tướng.

* **Pháp Vị:** Có 2 nghĩa:

1/. *Pháp vị* là tên khác của Chân như. Chân như là nơi các pháp an trụ, nên gọi là *Pháp vị*. *Tông Cảnh Lục* 7 (*đại* 48, *455 thượng*) ghi: “Pháp vị tức chính vị Chân như”.

2/. *Pháp vị* còn gọi là *Phật pháp vị, Pháp trí vị*; Là mùi vị của diệu pháp. Pháp môn Đức Phật dạy, nghĩa thú rất sâu xa, phải nghiền ngẫm tinh tế mới thể nhận được và sinh ra niềm vui, cho nên được thí dụ bằng vị ngon, gọi là *Pháp vị*.

Luận Tịnh-Độ của ngài Thiên Thân, ghi: “Ưu thích Pháp vị của Phật, thiên Tam-muội là thức ăn”.

Kinh Hoa-Nghiêm 25 (bản Tân dịch), ghi : “Nguyện cho tất cả chúng sinh được vô lượng pháp vị, liễu đạt pháp giới (...)”.

* **Pháp Vũ:** Mưa pháp. Trong cơn nắng hạn của đau khổ và mê lầm, Phật pháp không khác gì mưa đem lại sự mát tươi của giải thoát và giác ngộ.

* **Pháp Vương:** Phạn âm: *Dharma-rāja* ; Là từ dùng để tôn xưng Phật và Bồ Tát.

1. “*Pháp vương*” là từ tôn xưng Đức Phật. Vương có nghĩa tối thắng, tự tại, Phật là chủ các pháp môn, có khả năng tự tại giáo hóa chúng sinh, cho nên gọi là Pháp vương.

Kinh Vô Lượng Thọ, hạ (Đại 12, 275 trung) ghi: “Phật là bậc Pháp vương tôn quý nhất trong hàng Thánh chúng, là bậc thầy của tất cả trời, người.”

Thích-Ca Phương Chí, thượng (Đại 51, 950 thượng) ghi: “Địa vị cao nhất của loài người là Luân vương, địa vị cao nhất của hàng Thánh là Pháp vương”.

2. “*Pháp vương*” cũng là từ tôn xưng Bồ Tát.

Theo *kinh Hoa-Nghiêm 27*, khi nhận ngôi vị, Bồ Tát này được chư Phật dùng nước trí huệ rưới lên đỉnh, nên được gọi là *Quản Đảnh Pháp Vương*.

Theo *Hội Mật Tích Lực Sĩ, kinh Đại Bảo Tích 9*, vì có đủ 4 việc, nên Bồ Tát được tôn xưng là Pháp vương. Bốn việc đó là:

- Không bỏ đạo tâm.
- Khuyến hóa người phát tâm.
- Lấy đức làm gốc khuyến đạo khiến tâm ý người nghe được mở thông.
- Khiến cho tất cả Đế Thích, Phạm vương, Tứ Thiên vương, các vị Thanh văn, Duyên giác đạt đến thiện nghiệp vô cùng, vô hoại, vô cực.

* **Pháp Vương Tử:** Phạn âm: *Kumāra*. Hán âm: *Câu ma la* (Kumara).

Bực Đại Bồ Tát thọ lãnh đủ các giáo pháp của Phật đặng đi truyền bá ra. Đó là bực Bồ Tát có công hạnh, phước đức, trí huệ lớn nhất, kế tiếp theo Pháp Vương là đức Phật. Như: Văn Thù Sư Lý Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Dược Thượng Bồ Tát ... là Pháp Vương tử.

Pháp Vương tử cũng là tiếng gọi chung đệ tử của vị Pháp Vương, của đức Phật. Đồng nghĩa: Phật tử.

* **Phật Đạo**: Phạn âm: *Bodhi*; Hán âm: *Bồ-đề*; Hán dịch: *Đạo*.

Phật đạo là Đạo mà Đức Phật giáo hóa chúng sinh, tức Phật giáo; là con đường thành Phật, tức con đường đưa hành giả đến Phật quả Vô thượng Bồ-đề; *Đại Thừa Nghĩa Chương 18*, ghi: “Có công năng đưa hành giả đến Niết Bàn, nhân đó gọi là Thông, vì thông nên gọi là Đạo”

Phẩm Tự, Kinh Pháp-Hoa (Đại 9, 3 thượng) ghi: “Ta thấy hằng sa Bồ Tát ở cõi kia, dùng nhiều nhân duyên để mong cầu Phật đạo”.

* **Phật Huệ** : Còn gọi: *Phật trí, Phật trí kiến, Phật trí huệ*. Phạn âm: Tathāgata-jñāna-darsāna.

Trí huệ của Phật, tức chỉ cho trí huệ bình đẳng và tối cao mà Phật đã chứng được và truyền đạt lại cho chúng sinh.

Kinh Pháp-Hoa I (Đại 9, 8 thượng) ghi: “Vì chúng sinh bị các khổ nạn nên ta nói Niết Bàn; ta thiết lập phương tiện khiến chúng sinh nhập Phật huệ”.

* **Phật Nhãn**: Phạn âm: *Buddha-cakṣus*. Phật nhãn tức mắt Phật, có năng lực thấu rõ thật tướng các pháp, một trong 5 loại mắt (*Nhục nhãn, Thiên nhãn, Huệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn*).

Pháp Hoa Văn Cú 4, hạ (Đại 34, 60 thượng) ghi: “Phật nhãn viên thông, có đủ các căn thẳng và liệt. Lại nữa, khi 4 nhãn kia qui về Phật nhãn thì đều gọi là Phật nhãn”.

Phẩm Phương Tiện, kinh Pháp-Hoa (Đại 9, 9 trung) ghi: “Xá-Lợi-Phất nên biết ! Ta dùng Phật nhãn quán sát thấy chúng sinh trong 6 đường nghèo cùng, không phước huệ”

* **Phật Sự** : Còn gọi: *Lập địa*. *Phật sự* là những việc làm nhằm phát huy và xiển dương tinh thần thượng cầu hạ hoá của Phật giáo.

Theo *kinh Duy Ma, hạ* ; Đức Phật đối với tất cả việc đều xem là Phật sự, đây là biểu thị đức tính của Phật.

Thiền tông dùng từ ngữ này để chỉ cho các việc làm nhằm xiển dương Phật pháp như : Khai nhãn, an toà (an trí tượng Phật), niệm hương, thượng đờng, nhập thất, phổ thuyết, dạy chúng ... Nói chung, các nghi thức cử hành trước Phật đều gọi là Phật sự.

* **Phật Tánh (Phật Tính):** Tánh Phật, tánh giác ngộ, cái bản tánh lành, mầm lương thiện ở mọi người, mọi vật, cũng gọi là *Như Lai tánh*, đối nghĩa là *Chúng sanh tánh*.

Theo *Phạm Võng kinh*: Tất cả chúng sanh đều có sẵn cái tánh giác ngộ nơi mình (*Nhứt thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh*). Nhờ cái tánh giác ngộ ấy, cái bản tánh lành ấy, chúng sanh công nhận và thấu đạt lý Nhơn – quả, hiểu cái Thể tự nhiên của mình đồng với Phật.

Theo *kinh Niết Bàn*, tất cả chúng sinh đều có Phật tính, phàm phu do phiền não che đậy nên chẳng hiển lộ, nếu đoạn hết phiền não thì Phật tính hiển bày.

* **Phật Thừa:** Phạn âm: *Buddha-yāna*; Tên gọi khác là: *Bồ tát thừa*, *Đại thừa*, *Như Lai thừa*.

Theo *Kinh Tăng Nhất A-Hàm 45*; *Phẩm Thí dụ*, *Kinh Pháp-Hoa 2* thì Phật thừa lấy việc thành Phật làm cứu cánh, nên đối lại với 2 thừa Thanh văn và Duyên giác mà gọi Bồ Tát thừa là Phật thừa.

Ngoài ra, Phật thừa cũng gọi cho *Kinh Hoa Nghiêm* và *Kinh Pháp Hoa*. Giáo pháp của kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa nói tất cả chúng sinh đều có khả năng thành Phật, nên gọi những kinh này là Phật thừa. Pháp này không phân Nhị thừa, Tam thừa ... mà chỉ nói 1 pháp thành Phật nên gọi là Nhất thừa. *Phẩm Phương tiện*, *kinh Pháp Hoa (Đại 9, 140 thượng)* ghi: “Như Lai chỉ dùng Nhất Phật thừa để nói pháp cho tất cả chúng sinh”.

* **Phật Trí:** Tức Trí huệ Phật. Phạn âm: *Buddha-jñāna*.

- Theo *Luận Đại Trí Độ 46*, trí huệ Phật có hai: *Chính trí vô thượng* tức là *Trí vô thượng chính đẳng chính giác* và *Nhứt thiết chủng trí* tức *Trí Bát Nhã*. Chỉ có trí huệ Phật mới gọi là A-nậu-đa-la Tam-miệu tam-bồ-đề.

- Theo *Tông Cảnh Lục 33*, Phật trí tức *Trí vô chướng ngại giải thoát*. Đây là quả trí, tức là căn cứ theo sự quyết đoán rõ ràng chắc chắn mà gọi.

- Theo *Tông Duy Thức*, Phật trí có bốn: *Đại Viên Cảnh Trí*, *Bình Đẳng Tính Trí*, *Diệu Quán Sát Trí* và *Thành Sở Tác Trí*. Mật giáo thêm *Pháp Giới Thể Tính Trí* thành năm trí.

* **Phiền Não:** Mê dục, lầm lạc, xao xuyến, gây ra bởi ba mối chướng: Tham, Sân, Si. Tức Tham, Sân, Si là ba phiền não lớn nhất của chúng sanh. Tâm lo buồn, vọng động, thân xao xuyến, bất an, gọi là phiền não.

Phiền não khiến cho thân, khẩu, ý của chúng sanh làm bậy bạ, gây tội lỗi mà chịu đau khổ về sau. Phiền não cũng gọi là: Cấu, lậu, nhiễm, kết, sử, hoặc. Đối nghĩa: Bồ đề, Niết Bàn.

Theo lời Phật giảng trong *Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật*. “Phiền não là giặc nghịch làm hại chúng sanh. Muốn tránh khỏi sự hại của nó, cần phải tu thanh tịnh nghiệp, tức là ba nền phước đức để đưa về cõi Tịnh độ:

- Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, lòng lành chẳng giết hại sanh mạng, tu mười nghiệp lành (Thập Thiện).

- Thọ Tam qui, trì Ngũ giới cho tới Cụ túc giới, chẳng phạm oai đức và nghi thức lúc ngồi, lúc đứng, khi tới, khi lui.

- Phát tâm Bồ đề, tin sâu lý Nhơn quả, đọc tụng Kinh Đại Thừa, khuyến tấn kẻ tu hành đạo Phật”.

Người ta khi chưa minh tâm kiến tánh, lúc còn ở trong vòng tham, sân, si thì bị Phiền não sai khiến. Tới chừng thấu Đạo, giác ngộ, liền dứt Phiền não.

Trong *Pháp Bảo Đàn Kinh, phẩm thứ hai*, đức Lục tổ có giải rằng: “Phàm phu tức là Phật, Phiền não tức là Bồ đề. Niệm trước còn mê, tức là phàm phu, niệm sau lại tỉnh, tức là Phật. Niệm trước còn mắc vào cảnh, tức là Phiền não, niệm sau bèn lìa khỏi cảnh, tức là Bồ đề”.

Tùy theo kinh luận, ta thấy Phiền não có nhiều thứ:

• Có bốn Phiền não (Tứ phiền não), cũng gọi là Tứ Hoặc. Bốn Phiền não cội rễ này thường ứng với Mặt Na thức, thức thứ bảy:

- Ngã si: tánh ngu si, vô minh của mình.

- Ngã kiến: ý kiến chấp có mình, chỉ thấy mình mà thôi.

- Ngã mạn: tánh khinh lờn của mình, cho mình hơn người.

- Ngã ái: tánh tự ái, thương lấy mình, lòng tham dục cho mình.

• Có sáu Phiền não lớn (lục đại Phiền não):

- Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, Ác kiến (ganh ghét, tin bậy, tưởng sai).

• Có mười Phiền não (Thập Phiền não). Cũng gọi là Thập sử:

- Tham dục, Sân nhuế, Vô minh (ngu si), Mạn, Nghi, Thân kiến (Ngã kiến), Biên kiến, Tà kiến, Kiến thủ kiến, Giới thủ Kiến.

Trong mười Phiền não trên đây, Năm Phiền não trước là của hạng người chậm lụt (độn), Năm Phiền não sau là của hạng người lanh lẹ (lợi).

• Có 108 Phiền não (bá bát Phiền não), cũng gọi là *Bá bát kết nghiệp*.

• Có 84.000 Phiền não. Cũng gọi là *Bát vạn tứ thiên bệnh, Bát vạn thu Thiên trần lao*. Vì do Tham, Sân, Si biến hóa ra vô số Phiền não, nên gọi là *Bát vạn tứ Thiên Phiền não*.

Nhơn Vương Hộ quốc Bát nhã Ba la mật đa Kinh: “Bồ Tát khi chưa thành Phật, lấy Bồ đề làm Phiền não. Bồ Tát khi đã thành Phật, lấy

Phiền não làm Bồ đề. Tại sao vậy? Đối với *Đệ nhất nghĩa*, không có hai lẽ: Phiền não và Bồ đề. Chư Phật Như Lai với tất cả các pháp, thấy đều như nhau”.

* **Phó Chúc:** Còn gọi: *Phụ chúc, Chúc lụy*.

Dùng ngôn ngữ để dặn dò gửi gắm một việc gì. Từ này thường biểu thị ý nghĩa đức Phật phó thác việc hoằng truyền giáo pháp hoặc chỉ cho việc bậc Thầy truyền trao yếu nghĩa Phật pháp hoặc trao lại y bát ... cho đệ tử để làm biểu tín.

Kinh Vô Lượng Thọ, hạ: Đức Thích Tôn phó chúc cho Bồ Tát Di Lặc hoằng truyền bản nguyện niệm Phật.

Theo *Phẩm Như Lai Thần Lực, kinh Pháp Hoa 6:* Đức Thích Tôn phó chúc 5 chữ “**Diệu Pháp Liên Hoa Kinh**” quan trọng nhất của kinh này cho các Bản hóa Bồ Tát như Bồ Tát Thượng Hạnh ... Do đó, tông Nhật Liên ở Nhật Bản cho rằng sự phó chúc *kinh Pháp Hoa* (đề mục) là yếu pháp đặc biệt đối với các chúng sinh tối hạ đẳng thời Mạt Pháp. Vì đặc biệt chỉ chọn các Bồ Tát Bản hóa phó chúc; còn trong *phẩm Chúc Lụy, kinh Pháp Hoa*, Phật phó thác kinh này cho tất cả Bồ Tát, nên gọi là *Tổng phó chúc*. Ở *phẩm Thần Lực*, Phật Thích Ca cùng ngồi với Phật Đa Bảo trong tháp Đa Bảo mà phó chúc, nên gọi là *Tháp nội phó chúc*; còn *phẩm Chúc Lụy*, Phật Thích Ca ra khỏi tháp Đa Bảo mới phó chúc, nên gọi là *Tháp ngoại phó chúc*.

* **Phổ Hương Thiên Tử:** Phạn âm: *Samantagandha-Dêva*. Một vị Tiên ở cõi Lục Dục Thiên, nội thần của đức Đế Thích. Phổ hương có nghĩa là mùi thơm Chiên Đàn bay khắp cả.

* **Phổ Minh Như Lai** (*Samantaprabhâsa*): Một đức Phật vị lai. Trong hội Pháp Hoa, đức Phật Thích Ca có thọ ký cho Kiều Trần Như về sau sẽ thành Phật Như Lai, hiệu là Phổ Minh. Ngài cũng nói rằng 500 đệ tử của ông Kiều Trần Như cũng sẽ thành Phật kế tiếp nhau, đồng lấy một hiệu Phổ Minh.

* **Phú Đơn Na (Quý):** Phạn âm: *Pūtana*. Hán âm: *Phú-đa-na quý, Bó-dát-na quý*. Hán dịch: *Xú quý, Xú nạ quý*. Còn gọi: *Nhiệt bệnh quý, Tai quái quý*. Một loại quý thần, quyến thuộc của Trì Quốc thiên, thủ hộ phương Đông.

Theo kinh *Hộ Chư Đồng Tử Đà La Ni*, thân hình của quỷ Phú-đa-la-ni giống như heo, thường khiến cho trẻ con đang ngủ giật mình kinh sợ kêu khóc.

Theo *Huệ Lâm Âm Nghĩa 12,18* thì quỷ Phú-đơn-na là loại quỷ có phước báu nhiều nhất trong loài ngạ quỷ, thân rất hôi hám, thường gieo tai họa cho người và vật. Ngoài ra, còn có loại quỷ tên Ca-trá Phú-đơn-na (Kata-ptana) là đồng loại với quỷ Phú-đơn-na.

* **Phú Lô Na (Purna):** Hán dịch: *Mãn Từ Tử, Mãn Chúc Tử, Mãn Nguyễn Tử*.

Một vị Bồ Tát, Đại Thịnh văn, Đại đệ tử của Phật Thích Ca, Phú lô Na (Purna): Mãn, đầy đủ. Tức là quả mãn. Viết trọn chữ: **Phú lô Na A Di Đà đa la ni tử**: Purna

Thọ giáo nơi Phật và đắc quả La Hán, Phú lô Na sanh ra đồng một ngày với Phật, vốn là người nghiêm chính, thông minh và không ưa việc trần thế. Phú lô Na được Phật công nhận là bậc Thuyết pháp đệ nhất trong hàng chư đệ tử.

* **Phương Tiện:** Phạn âm: *Upàya*.

Lời nhà Phật, tùy phương nhưn tiện, tức là theo phương hướng và nhưn việc tiện lợi mà làm. Việc làm tùy cảnh ngộ để giúp ích cho chúng sanh về vật chất hoặc về tinh thần. Cũng gọi quyên phương tiện tức là một đức độ lớn của Đại Bồ Tát. Vì bậc Đại Bồ Tát, sau khi hành sáu nền đại đức Ba-la-mật: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí huệ, còn phải hành Phương tiện nữa mới thành Phật Như Lai.

Có chín phương tiện để thành Phật:

- *Tác lễ*, làm lễ chư Phật.
- *Xuất tội*, diệt trừ tội ác và sám hối.
- *Qui y*, gửi thân nương Phật.
- *Thí thân*, đem thân ra làm Phật sự.
- *Pháp Bồ đề tâm*, quyết thành Phật, mở lòng lành.
- *Tùy hỷ*, vui và biết ơn chư Phật, chư Bồ Tát.
- *Quan thỉnh*, cầu Phật và Bồ Tát ban điều lành.
- *Phụng thỉnh*, cầu Phật và Bồ Tát mãi mãi cứu độ chúng sanh cho đến nơi Trí huệ.
- *Hồi hướng*, bao nhiêu việc lành mà mình đã làm, đều dâng lên Phật để nguyện cho chúng sanh.

Lại về thiệן xảo của nhà tu hạnh Bồ Tát, có mười món phương tiện:

- *Bố thí phương tiện*: Không keo xén, vui lòng bỏ của cải thân mạng ra đặng cứu giúp chúng sanh.
- *Trì giới phương tiện*: Giữ cấm giới, làm đầu đà, chẳng khinh ai, chẳng nhiệm trước.
- *Nhẫn nhục phương tiện*: Lìa khỏi điên đảo sân nhuế. Nếu gặp sự ngang trái nó xâm phạm đến mình, thì nhịn chịu chẳng động.
- *Tinh tấn phương tiện*: Chịu nhọc, nhịn khổ, đồng mãnh không biếng nhác.
- *Thiền định phương tiện*: Lìa xa hết thủy năm tình dục và mọi sự phiền não, đối với pháp thiền định giải thoát thì hăng hái tu tập.
- *Trí huệ phương tiện*: Lìa xa ngu si phiền não, nuôi lớn hết thủy công đức.
- *Đại từ phương tiện*: Khởi lòng bình đẳng đại từ, làm lợi lạc cho hết thủy chúng sanh.
- *Đại bi phương tiện*: Đem lòng đại bi bình đẳng, chịu mọi sự khổ thế cho hết thủy chúng sanh.
- *Giác ngộ phương tiện*: Đem trí huệ vô ngại mở bảo cho hết thủy chúng sanh, khiến cho không nghi hoặc.
- *Chuyển bất thối phương tiện*: Chuyển vô thượng Pháp luân, hóa dẫn chúng sanh, khiến cho thêm lớn Bồ đề, hành vị chẳng thối.

Cổ đức có câu: “*Phương tiện hữu đa môn*

Qui nguyên vô nhị lộ”

Nghĩa: “*Phương tiện có nhiều cửa*

Về cội chẳng hai đường”.



Q

* **Quả Báo:** Phạn: *Vipāka*. Còn gọi: *Dị thực*, *Quả thực*, *Báo quả*, *Ứng quả*, *Dị thực quả*.

- Quả báo là kết quả do nghiệp nhân trong quá khứ chiêu cảm. Có 2 loại:

1. *Tổng báo:* Quả báo do *Dẫn nghiệp* (Tổng báo nghiệp mà có), như người ta sinh ra là do dẫn nghiệp đời trước.

2. *Biệt báo:* Quả báo cá biệt của mỗi người là do *Mãn nghiệp* (Biệt báo nghiệp) mà có, còn gọi là Mãn quả, như cùng sinh làm người mà có: Nam, nữ, nghèo, giàu ... khác nhau.

Căn cứ vào thời gian thì có quả báo 3 thời của nghiệp 3 thời:

1. *Thuận hiện báo:* Đời này tạo nghiệp, quả báo báo ứng ngay.

2. *Thuận sinh báo:* Đời này tạo nghiệp, quả báo báo ứng ở đời sau.

3. *Thuận hậu báo:* Đời này tạo nghiệp, quả báo báo ứng ở đời sau nữa.

Trong 6 đường thì trời, người là quả báo do giữ 5 giới, tu 10 nghiệp thiện mà được, nên gọi là Quả thiện nhưng quả thiện này vẫn còn phiền não mê vọng, cho nên còn gọi là Điên đảo thiện quả. Hơn nữa, ý nghĩa của Quả và Báo cũng có sai khác. Quả đẳng lưu do nhân cùng loại sinh ra gọi là Quả; Quả dị thực do nhân khác loại sinh ra gọi là Báo.

* **Quá Khứ Thất Phật:**

Theo Kinh Quán Đảnh 8, Kinh Phật Danh 1, Pháp Uyển Châu Lâm 8 thì Quá khứ thất Phật là bảy vị Phật ở quá khứ như sau:

1. Phật Tỳ-Bà-Thi (*Vipásyin*) ;
2. Phật Thi-Khí (*Sikhin*) ;
3. Phật Tỳ-Xá-Phù (*Visvabhū*) ;
4. Phật Câu-Lưu-Tôn (*Krakucchanda*) ;
5. Phật Câu-Na-Hàm-Mâu-Ni (*Kanakamuni*) ;
6. Phật Ca-Diếp (*Kāsyapa*) ;
7. Phật Thích-Ca Mâu-Ni (*Sākya muni*).

Trong các *Kinh Tạp A-Hàm 34, Trường A-Hàm 1, Kinh Đại Bản, Kinh Tăng Nhất A-Hàm 45, Kinh Hiền Kiếp 7, Kinh Thất Phật Phụ Mẫu Tính tự, Kinh Thất Phật* ... đều ghi chép rõ về sự ra đời, dòng họ, cha, mẹ, con, đệ tử, thị giả, nơi ở, đạo tràng, chúng hội thuyết pháp đầu tiên của 7 vị Phật này.

* **Quán Thế Âm Bồ Tát:** Phạn âm: *Avalokitésvara*. Hán âm: *A-phạ-lô-chỉ-đê-thấp-phạt-la*. Còn gọi: *Quán Tự Tại Bồ Tát, Quán Thế Tự Tại Bồ Tát, Quán Thế Âm Tự Tại Bồ Tát, Hiện Âm Thanh Bồ Tát, Khuy Âm Bồ Tát*. Gọi tắt: **Quán Âm Bồ Tát**. Tên gọi khác: **Cứu Thế Bồ Tát, Liên Hoa Thủ Bồ Tát, Viên Thông Đại Sĩ**.

Bồ Tát lấy lòng từ bi cứu giúp chúng sanh làm bốn nguyện. Danh hiệu Ngài còn có tên Phạn khác là: *Āryāvalokitésvara* (Hán âm: *A-rị-da-bạt-lô-chỉ-đê-thước-phiệt-ra*), nghĩa là **Thánh Quán Thế Âm**. Bồ Tát này và Bồ Tát Đại Thế Chí là 2 vị Bồ Tát đứng hầu đức Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc phương Tây, được người đời gọi là Tây Phương Tam Thánh. Hễ chúng sanh nào gặp nạn mà tụng niệm danh hiệu Ngài thì tức thời Ngài liền quán sát âm thanh cầu cứu ấy mà đến cứu giúp, nên được gọi là Bồ Tát Quán Thế Âm. Lại do Ngài quán sát thông đạt tự tại đối với cảnh lý sự vô ngại nên được gọi là Bồ Tát Quán Tự Tại.

Phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn trong *kinh Pháp Hoa 7* có nói rõ việc làm lợi ích cho chúng sanh ở thế giới Ta bà của vị Bồ Tát này: Chúng sanh đang bị khổ, nhất tâm xưng danh, Bồ Tát Quán Thế Âm tức thời quán sát âm thanh ấy, khiến cho được giải thoát; Nếu có mong cầu điều gì cũng đều giúp cho được toại nguyện; Bồ Tát này còn có khả năng thị hiện thân Phật, thân Tỳ kheo, thân Ưu bà tắc, thân Trời, thân Dạ Xoa để nhiếp hóa chúng sanh.

Về trụ xứ của Bồ tát Quán Thế Âm, *kinh Hoa Nghiêm 68* (bản Tân dịch) ghi: Bồ tát này trụ núi Bồ-đà-lạc ở Nam Hải, cho nên trụ xứ của Ngài chính là ở thế giới Ta bà. Nhưng trong *kinh Đại A Di Đà, thượng; kinh Vô Lượng Thọ, hạ; kinh Quán Thế Âm Thọ Ký* thì cho rằng Bồ Tát này theo hầu đức Phật A Di Đà, thường ở thế giới Cực Lạc phương Tây để giúp Phật A Di Đà giáo hóa chúng sanh, tức cho rằng Tây phương Tịnh Độ là trụ xứ gốc của vị Bồ Tát này. *Mật Giáo* cũng cho rằng vị Bồ Tát này là thị giả của Phật A Di Đà và nói Bồ tát này và Phật A Di Đà vốn là sự sai khác về nhân quả, nghĩa là tìm về bản giác thì Bồ tát này chính là Phật Vô Lượng Thọ, nhưng do thế nguyện nên Ngài thị hiện thân Bồ Tát đại bi.

Về hình tượng Bồ Tát Quán Thế Âm, do sự ứng hóa của Ngài không có nơi chốn nhất định, cho nên tướng trạng cũng rất sai khác, nhưng lấy hình tượng Quán Thế Âm có 2 tay làm gốc, ngoài ra đều do sự thị hiện lực dụng thần biến tự tại của Ngài mà có tượng 1 đầu, 3 đầu, 5 đầu, cho đến nghìn đầu, mười nghìn đầu, 84 nghìn đầu thược-ca-ra; có loại 2 tay, 4

tay, cho đến 10 nghìn tay, 84 nghìn tay mẫu-đà-la; có loại 2 mắt, 3 mắt, cho đến 84 nghìn mắt báu thanh tịnh. Hóa thân của Ngài có: Thiên Thủ Thiên Nhãn, Thập Nhất Diện, Chuẩn Đề, Như Ý Luân, Bát Không Quyên Tác, Thanh Cảnh, Hương Vương, A Ma Lai ... cũng đều có nghi quỹ riêng.

* **Quang Âm (Thiên):** Phạn âm: *Ābhāsvara*. Tầng trời Quang Âm. Hán dịch: *A-ba-hội, A-ba-thoại (Ābhāsvara)*. Cũng gọi: *Cực-quang-tịnh Thiên*.

Tầng trời thứ ba cao nhất trong Đệ nhị thiên Thiên, cõi Sắc giới. Ở tầng trời ấy, chư Thiên không có nói ra lời. Lúc cần phát biểu ý kiến, từ trong miệng phát ra những làn ánh sáng thay chi tiếng nói, tức là Quang Âm, tiếng nói bằng hào quang.

* **Quang Minh:** Ánh sáng, chất sáng, nghĩa là cái thể sáng soi tỏa hào quang, làn ánh sáng, những tia từ nơi một thể sáng xẹt ra. Gọi tắt: Quang. Tự nó sáng, gọi là Quang, tự nó soi tỏ vật khác, gọi là Minh.

- Có hai thứ Quang Minh:

- Trí quang minh hay Trí quang: ánh sáng của Trí huệ,
- Thân quang minh hay Thân quang: ánh sáng của thân thể.

- Quang minh có hai công dụng:

- Soi chỗ tối,
- Hiện ra pháp.

Ánh sáng từ nơi giữa trán tỏa ra của chư Phật, Bồ Tát trong lúc nhập định, đó là *Trí quang minh*. Ánh sáng của Thánh chúng: Phật, Bồ Tát, Duyên giác, La Hán, từ trong thân xuất hiện, lúc nào cũng có do sáu căn trong sạch mà chiếu ra, đó là *Thân quang minh*.

Trí quang minh cũng gọi là *Phóng quang*: Ánh quang minh này chiếu vô lượng vô biên các thế giới mười phương, chiếu suốt ngang các chất: đất, nước, lửa, gió, chiếu ngang các chốn hắc ám mịt mù như núi Thiết Vi. Ánh quang minh này độ tất cả muôn loài.

Thân quang minh cũng gọi là *Thường quang*. Dầu đi, đứng, nằm, ngồi, xuất định, nhập định, lúc nào ánh quang minh này cũng bao bọc chung quanh nhà tu đắc đạo. Ai lại gần nhà thành đạo, nhà trong sạch, nhờ ánh quang minh ấy mà lấy làm khoan khoái, nhẹ nhàng, hoan lạc.

- Lại có ba thứ quang minh:

• Ngoại quang minh, là ánh sáng ở ngoài, tức là ánh sáng của: mặt trời, mặt trăng, các thứ hỏa, các thứ châu, có thể trừ sự tối.

• Pháp quang minh, là ánh sáng của đạo lý, của diệu pháp, trừ được ngu si, mờ ám, nghi hoặc.

• Thân quang minh, là ánh sáng từ trong mình của Phật, Bồ Tát, chư Thánh, chư Thiên chiếu ra, trừ sự tối, chứng tỏ trí huệ, phước đức thanh tịnh.

* **Quang-Minh Đại Phạm:** Phạn âm: *Djyôitichprabha-Brahmà*. Một vị Phạm thiên, tức là bậc Đại Tiên ở cõi Trời Sắc giới (Sơ Thiên thiên). Hồi Phật Thích Ca diễn Kinh Diệu Pháp Liên Hoa ở núi Kỳ Xà Quật, ngài Phạm Thiên Vương, chủ Ta Bà thế giới có dắt một vạn hai ngàn vị Thiên tử đến dự nghe. Trong một vạn hai ngàn vị Thiên tử ấy, có hai vị đứng đầu là Thi-Khí Đại Phạm (Cikhin-Brahmà) và Quang Minh Đại Phạm.

* **Quang-Minh Như Lai:** Phạn âm: *Ramiprabhâsa Tathâgatha*.

Một đức Phật vị lai. Trong Hội Pháp Hoa, Phật Thích Ca có thọ ký cho Ca Diếp (*Kacyapa*), đệ tử của Phật, cho hay rằng về sau Ca Diếp sẽ thành Phật, hiệu là Quang Minh Như Lai. Thế giới của Phật Quang Minh tên là Quang Đức (*Avabhâsa*). Kỳ kiếp của ngài tên là Đại Trang Nghiêm (*Maha Vyùha*).

* **Quy Thú:** Phạn ngữ: *Mârga*. Chỗ kết thúc, nơi đến, nơi nương tựa, đường đi.

* **Quyền Thật :** tức Quyền và Thật. **Quyền:** Giả lập tạm mượn, không thật. **Thật:** Như thật bền chắc, rốt ráo.

Thật giáo là giáo pháp tự nội chứng của Đức Phật, căn cứ vào sự thật mà nói ra, là giáo pháp rốt ráo căn bản; **Quyền giáo** là pháp phương tiện được lập ra để dẫn dắt người vào Thật giáo, sau khi đến cảnh giới Thật giáo rồi thì phải phứt bỏ Quyền giáo.

Thật trí còn gọi là Chân thật trí, Như thật trí, là trí như thật sáng suốt; **Quyền trí** còn gọi là Phương tiện trí, là trí huệ khởi lên để dẫn dắt hóa độ người khác.

Thật nhân chỉ cho hạnh viên đốn; **Quyền nhân** là chỉ các hạnh của Tam giáo (Tạng giáo, Thông giáo, Biệt giáo).

Thật quả chỉ cho Đại Niết Bàn bí tàng 3 đức; **Quyền quả** là chỉ cho sự hóa hiện thân vàng 1 trượng 6.

Thật nhân chỉ cho người hiện thực, **Quyền nhân** chỉ cho người do quyền hóa mà có, là các tướng mạo người hoặc chư thiên do Phật, Bồ Tát giả hiện ra để dẫn dắt chúng sinh.

Thật hóa là sự giáo hóa bằng cách phế bỏ 3 thừa qui về Nhất thừa của Phật, **Quyền hóa** là sự giáo hóa bằng cách chia Nhất thừa thành Tam thừa.

Tông Thiên Thai cho rằng *Viên giáo* nói trong *Kinh Pháp Hoa* là *Thật giáo* ; còn *Tạng giáo*, *Thông giáo*, *Biệt giáo* nói trong các kinh khác là *Quyền giáo* , cho nên gọi là *Tam quyền Nhất thật*.

* **Quyền Thừa**: Khoa giáo Đại Thừa tạm. Đại Thừa có hai khoa: Quyền Đại Thừa và Thật Đại Thừa. Như những Tông dạy phép tu cho tất cả đều thành Phật, đó là Thật Đại Thừa. Còn những Tông dạy tu lần hồi, đó là Quyền Đại Thừa. Tức như Tông Hoa nghiêm, Tông Thiên thai là Thật Đại Thừa. Còn Tông Pháp tướng, Tông Tam luận là Quyền Đại Thừa.



S

* **Sa Đà La (Long Vương)**: Còn gọi: *Sa Kiệt La (Long Vương)*. Phạm âm: *Sāgara-nāgarāja*. Vua rồng Sa Kiệt La, một trong 8 vị Đại Long vương. Sa-kiệt-la nghĩa là biển, vì vị vua rồng này ở dưới biển nên có tên là Sa-kiệt-la. Long cung ở dưới đáy biển cả, mỗi bề rộng 80.000 do-tuần, có 7 lớp vách, 7 lớp lan can, 7 lớp lưới, 7 lớp hàng cây, chung quanh đều được nghiêm sức bằng thất bảo, vô số các loài chim cùng hót. Nhưng các rồng đều bị chim cánh vàng ăn thịt, chỉ có 16 vị Long vương như Long vương Sa Kiệt La, Long vương Nan Đà ... là may mắn được khỏi nạn này. Long vương Sa Kiệt La là vị thần làm ra mưa, nên xưa nay được thờ làm Bản tôn trong các Pháp tu cầu mưa. Long vương này là một trong 28 bộ chúng quyến thuộc của Thiên Thủ Quán Âm.

Thân của Long vương này màu đỏ tía, tay trái cầm rồng đỏ, tay phải cầm đao, dáng vẻ rất uy vũ. Vị Long vương này có đứa con gái lên 8 tuổi, có trí huệ, nhờ công đức trì kinh Pháp Hoa nên tức thân thành Phật, hiện thân nam tử, đủ hạnh Bồ Tát. Vị Long vương này thường được nói đến trong các bộ kinh như: *Kinh Hải Long Vương, kinh Phật Vị Hải Long Vương Thuyết Pháp Ấn, kinh Phật Vị Sa Già La Long Vương Sở Thuyết Đại Thừa ...*

* **Sa Di**: Phạm âm: *Sramaneraka, Sramanera*. Còn gọi: *Thất-la-na-noa*. Gọi đầy đủ: *Thất-la-ma-noa-lạc-ca, Thất-la-mạt-ni-la*. Hán dịch: *Câu tịch, Pháp công, Túc từ, Cẩn sách*.

Sa-di là người nam xuất gia trong tăng đoàn của Phật giáo, đã thọ 10 giới, chưa thọ giới Cụ túc. Sa-di, cựu dịch là **Túc từ**; “Túc” là chấm dứt, quyết tâm chấm dứt kiếp số hệ lụy và khổ đau. “Từ” là thương yêu mọi người và mọi loài bằng trái tim của mọi vị Bồ Tát, không vướng mắc, không phân biệt. Tân dịch là **Cẩn sách**, nghĩa là chuyên cần và luôn luôn được nhắc nhở. Sa-di cũng có nghĩa là **Câu tịch** (theo ngài Nghĩa Tịnh), nghĩa là mong cầu đạt đến quả vị Niết Bàn, chấm dứt mọi vọng tưởng phiền não.

Theo *Luật Ma-ha Tăng Kỳ 29*, căn cứ vào tuổi tác thì Sa-di được chia làm 3 loại :

1. *Khu Ô Sa-di* : Từ 7 tuổi đến 13 tuổi, đã có thể đuổi chim quạ trên sân khi phơi lúa gạo.
2. *Ứng pháp Sa-di* : Từ 14 tuổi đến 19 tuổi, có khả năng làm những việc khó nhọc, hầu thầy và có khả năng tu tập, ngồi thiền, tụng kinh.
3. *Danh tự Sa-di* : Tuổi đã quá 20 nhưng chưa thọ giới Cụ túc, vẫn còn Sa-di.

Trong Tăng đoàn Phật giáo, vị Sa-di đầu tiên là La-Hầu-La. Đến đời sau, gọi vị Sa-di thụ trì 10 giới là *Pháp đồng Sa-di*, còn người cạo tóc nhưng chưa thọ 10 giới thì gọi là *Hình đồng Sa-di*. Ngoài ra, Nhật Bản có danh từ “Tạ gia Sa-di” là chỉ cho người xuất gia tu hành mà có vợ con.

* **Sa-Môn**: Phạn âm: *Srmana*, còn gọi: *Ta-môn*, *Tăng-môn*, *Sa-môn-na*, dịch ý là: *Túc*, *Túc tâm* (người dứt bỏ việc ác), *Tĩnh chí*, *Tịnh chí*, *Phap đạo*, *Bần đạo* .v.v... Cách dịch mới là: *Thất-ma-na-noa*, *Xá-la-ma-noa*, *Thất-la-ma-noa*, *Sa-ca-mãn-nang* dịch ý là: *Công lao*, *Cần túc* (siêng năng làm việc thiện, dứt bỏ việc ác), người cần cù tu hành đạo Phật, người siêng năng tu hành dứt bỏ phiền não .v.v... Nguyên nghĩa không phân biệt môn đồ đạo Phật hay ngoại đạo, mà dùng chung để chỉ xuất gia. Có bốn hạng Sa-môn (Tứ chủng Sa-môn):

1. *Thắng đạo Sa-môn*: Phật cùng bậc Độc giác, tự mình giác ngộ;
2. *Thị đạo Sa-môn*: như ngài Xá-Lợi-Phất thuyết Pháp thị đạo;
3. *Mệnh đạo Sa-môn*: Như ngài A-Nan lấy giới, định, tuệ làm mệnh sống;
4. *Ô đạo Sa-môn*: Các vị tỳ kheo thích ăn trộm đồ vật của người khác.

* **Sắc Cứu Cánh thiên**: Còn gọi : **Hữu Đảnh thiên**. Phạn âm: *Akanisatha*; Hán âm: *A-ca-ni-tra*; *Sắc Cứu Cánh thiên* là tầng trời thứ 9 thuộc Tứ Thiên Thiên của cõi Sắc, là đỉnh cao nhất của thế giới hữu hình. Thọ mạng của chư Thiên ở cõi Sắc Cứu Cánh thiên là 16.000 kiếp, thọ mạng dài không thể tưởng tượng được nếu so với thọ mạng của loài người. Có những vị ở cõi người tu chứng quả Bất Lai, sau khi tịch sẽ sinh lên cõi Sắc Cứu Cánh thiên rồi nhập Niết Bàn ở đấy, không phải trở lại cõi Dục giới nữa nên gọi là Bất lai.

Ngoài ra, *Sắc Cứu Cánh thiên* cũng chỉ cho tầng trời thứ 4 của cõi Vô Sắc, tức là cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, vì tầng trời này là đỉnh cao nhất của 3 cõi, vẫn Trường hàng, Trùng tụng của Kinh Pháp-Hoa bản tiếng Phạn hiện còn, đều dùng từ *Bhavāgra* (Hữu Đảnh) chứ không dùng từ *Akanistha*.

* **Sám Hối:** Hối hận tội lỗi, mong được tha thứ. “Sám” nói đủ là sám-ma (Phạn: *ksama*), nghĩa là “*Nhẫn*”, tức mong được người khác tha tội ; “*Hối*” nghĩa là truy hối, hối quá, tức hối hận tội ở quá khứ. Tỏ bày lỗi lầm của mình trước Phật, Bồ Tát, Sư trưởng hay đại chúng với mục đích mong được diệt tội, gọi là *Sám hối*.

Trong giáo đoàn *Phật giáo Nguyên thủy* thì ngay lúc Tỳ-kheo phạm tội, Đức Phật bảo vị ấy thực hành sám hối, bố-tát mỗi nửa tháng, đồng thời chọn ngày cuối cùng của Hạ an cư làm ngày tự tứ.

Phương pháp và tính chất của Sám hối được chia thành nhiều loại :

1/. *Hai loại sám hối* là: Chế giáo sám và Hóa giáo sám.

2/. *Ba loại sám hối* (gọi tắt là *Tam sám*) là: Tác pháp sám hối, Thủ tướng sám hối và Vô sinh sám hối.

3/. *Năm loại sám hối* là pháp sám hối của người tại gia, có 5 việc: Không phỉ báng Tam bảo, cho đến tu lục niệm; Hiếu dưỡng cha mẹ, cung kính Sư trưởng; Dùng chính pháp trị nước, làm cho tâm ý mọi người ngay thẳng; Vào 6 ngày trai không sát sinh; Tin nhân quả, tin Nhất Thật đạo, tin Phật bất diệt.

4/. *Lục căn sám hối*, còn gọi là *Pháp Hoa sám hối*, tức là sám hối tội chướng của 6 căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, thực hành theo *Pháp Hoa Tam-muội Sám Pháp* của ngài Trí Khải.

* **Sát Đế Lợi:** Phạn âm: *Ksatriya*; gọi tắt là *Sát-Lợi*; Hán dịch là *Địa chủ, Vương chủng*;

Là giai cấp thứ 2 trong 4 giai cấp của Ấn-Độ, là giai cấp vương tộc, quý tộc, sĩ tộc (trí thức), nắm giữ việc quân sự, chính trị. Đức Thích Tôn xuất thân từ giai cấp này.

* **Sát Na:** Phạn âm: *Ksana*. Còn gọi: *Xoa Noa*. Hán dịch: *Tu du, Niệm khoảnh*. Sát-na là từ ngữ chỉ thời gian rất ngắn như phút chốc, giây lát và không thống nhất giữa các luận thuyết. Sự sinh diệt trong một sát-na gọi là sát-na sinh diệt, hay sát na vô thường. Một sát na hiện tại gọi là hiện tại, sát na trước gọi là quá khứ, sát na sau gọi là vị lai, đây là sát na tam thế (3 thời điểm của sát na).

* **Sáu Diệu Động:** Sáu thứ chấn động hiện ra ở cõi đất lớn, sáu cách rung động trên mặt đất:

- Động: động cựa.
- Khởi: vùng dậy.

- Dõng (Dũng): phun ra. Ba thứ chấn động đó là biến hóa của hình thể
- Chấn: vang dội.
- Hống: gào lên.
- Kích: đánh ra. Ba thứ chấn động đó là biến hóa của âm thanh.

Đó là sáu thứ chấn động nơi địa cầu, chứng minh cho một đại sự. Như, khi Phật thành Đạo, liền có Lục chủng chấn động. Khi Phật sắp diễn Kinh Pháp Hoa, cũng có Lục chủng chấn động.

* **Si:** Phạn âm: *Vidya*.

Tâm tánh ám muội, không thấy lẽ chánh, xu hướng vào đường sa ngã, sai lạc. Kẻ học đạo thì thấy sai, mê Sự bỏ Lý, mê Lý bỏ Sự, nghi ngờ chánh pháp. Tất cả các phiền não đều do lòng si mà phát khởi. Nó thuộc về Tam độc, Tam trọng chướng: Tham, sân, si. Nó là một mối độc ác trong Thập ác.

Si cũng gọi là: *Vô minh, Tà kiến*.

* **Sở Hành:** Theo Kinh Na-Tiên Tỳ kheo, thượng (bản 2 quyển) thì sở hành là tất cả hành vi, hành sự, hành pháp mà ta tạo ra; còn nói theo nghĩa hẹp thì chỉ riêng cho tất cả pháp mà ta tu hành, tất cả sự mà ta thực hành ... trong quá trình cầu chứng Bồ-đề. Đối lại Sở hành là Năng hành.

Như trong việc niệm Phật thì danh hiệu Phật là sở hành; ý chí, năng lực ... chủ quan của chúng sinh xưng niệm danh hiệu Phật là năng hành. Trong Kinh Phật thường dùng sự đối lập “Năng”, “Sở” để biểu hiện mối quan hệ giữa chủ thể và khách thể hoặc chủ động và bị động; trong đó, “Năng” là chủ thể có năng lực chủ động tự phát, “Sở” là đối cảnh, đối cơ bị động hoặc là các loại tác nghiệp được hình thành, được tạo tác. Thường thấy nhất là các cặp từ Năng tạo sở tạo, Năng y sở y, Năng hóa sở hóa, Năng lập sở lập, Năng tu sở tu, Năng thuyên sở thuyên, Năng thủ sở thủ ...

* **Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai:** Gọi tắt: *Sơn Hải Như Lai*.

Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai, là danh hiệu của Ngài A Nan khi thành Phật.

Phẩm Thọ Học Vô Học Nhân Ký, kinh Pháp Hoa 4, ghi: “Vô lượng kiếp về trước, đức Thế Tôn và ngài A Nan đồng tu học với đức Phật Không Vương (Dharmaganabhydgataraja), phát tâm vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì ngài A Nan ưa thích đa văn, lấy đó làm bản nguyện

để hộ trì Phật đời sau, thành tựu việc giáo hóa chúng Bồ Tát, nên mới được thọ ký riêng như vậy”.



T

* **Ta Bà**: Phạn âm: *Saha*. Dịch nghĩa: Nhẫn, Đại Nhẫn, Kham nhẫn.

Cõi thế giới Tam Thiên Đại Thiên do đức Phật Thích Ca làm Hóa chủ.

Ta bà thế giới, dịch: *Nhẫn độ* (Nhẫn thổ) là cõi thế nơi ấy nhà tu hành phải *Kham nhẫn*, phải chịu nổi sự Nhẫn nhục, vì nơi cõi này có đủ các sự trước, ác mà chúng sanh phải chịu.

Ta bà thế giới cũng gọi là *Đại nhẫn thế giới*, vì ở cõi này, các nhà tu học phải nhẫn nhịn đối với mọi sự khổ não mới có thể tu học.

Người ta cũng gọi là *Tại ác thế giới*, cõi mà mọi sự ác trước, mọi thứ chúng sanh lộn lạo với nhau. Chính ở cõi này có năm giống chúng sanh ở chung với nhau: *Địa Ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, Thiên, Nhơn*. Như vậy, Ta bà là cõi Uế độ, chẳng phải là cõi Tịnh độ. Cho nên chúng sanh ở cõi này rất khó mà tu học, và ai tu học được thì có phước đức nhiều hơn ở cõi Tịnh độ.

Trong cõi *Liên Hoa Tạng Trang Nghiêm*, có 20 tầng thế giới. mỗi thế giới là một cõi Phật. Cõi Ta bà ở về tầng thứ 13, gồm có nhiều thế giới nhỏ. Trong mỗi thế giới nhỏ, có ba cõi: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, có bốn châu: Đông Thắng thần châu, Tây Ngưu hóa châu, Nam Thiệm bộ châu, Bắc Cu lư châu, và có một núi Tu di (Suméru), có hai vừng Nhật, Nguyệt.

Ta bà là một cõi Tam Thiên đại Thiên thế giới, tức có 1.000.000.000 thế giới nhỏ. Chúa tể toàn cõi Ta bà thế giới là ngài Thi khí Đại Phạm Thiên Vương.

Quán Vô Lượng Thọ Kinh: Bà hoàng hậu Vi đề Hy bạch với Phật Thích Ca Mâu Ni rằng:

“Vì ở cõi Ta bà có rất nhiều chúng sanh tham lam, độc ác, nên tôi nguyện sanh qua Cực Lạc thế giới của Phật Vô Lượng Thọ (A Di Đà)”.

Địa Tạng Kinh: Phật dạy rằng: “Địa Tạng Bồ Tát và Quán Thế Âm Bồ Tát có nhơn duyên lớn ở Ta bà, nơi miền Diêm phù đề (Nam Thiệm bộ châu), nên hai ngài thường đem lòng từ bi mà giáo hóa và cứu khổ cho chúng sanh”.

Vô Lượng Thọ Kinh: Đức Phật dạy rằng: “Ở cõi Ta bà này mà làm lành một ngày một đêm, hơn làm lành trăm năm ở cõi Phật A Di Đà. Tại sao vậy? Vì cõi của Phật A Di Đà là vô vi tự nhiên, chứa đủ mọi sự lành, không có một sự dữ nào nhỏ xíu như mảy lông, sợi tóc”.

Ta Bà Thế Giới lại là tên một cõi thế giới thuở xưa, hồi đức Thích Ca Mâu Ni cổ Phật ra đời.

* **Tà Kiến:** Ý kiến tà khúc. Đối nghĩa: Chánh kiến. Điều thứ ba trong Ngũ kiến, điều thứ tám trong Thập sử, điều thứ mười trong Thập ác. Đó là cái ý kiến tà khúc chẳng biết Đạo lý, Nhơn quả. Lại chỉ vào những kẻ trái Chánh lý mà gọi là Tà kiến. Cũng gọi là **Si**.

* **Ta-La-Thọ-Vương Phật** (Câle6ndrara6dja): Là danh hiệu một đức Phật vị lai. Thuở xưa, Phật Vân-Lôi-Âm-Tú-Vương-Hoa-Trí (Djaladhara gardjitaghôchâsusvara nâkchatrarâdja samkusumitâdhibjna) có thọ ký cho vua Diệu Trang Nghiêm (Cubhavyũha) rằng về sau, vua Diệu Trang Nghiêm sẽ thành Phật hiệu là Ta-La-Thọ-Vương, cõi thế giới tên là Đại Quang, Kỳ kiếp tên gọi Đại Cao Vương.

Trong hội Pháp Hoa, Bồ Tát Hoa-Đức tức là hậu thân của vua Diệu Trang Nghiêm vậy.

* **Tam Ác Đạo:** Tức ba đường ác: Nga quỷ đạo, Địa Ngục đạo, Súc sanh đạo. Cũng gọi: *Tam ác thú, Tam đồ*.

Những kẻ khi làm người mà tánh ác, miệng ác, việc làm ác, phạm thập ác, thì khi thác, đi vào Tam ác đạo:

- *Nga quỷ đạo:* Nơi những loài ma đói tỵ hợp, muốn ăn không ăn được, muốn uống không uống được, hình thù xấu xa, dị hợm, lại bị đánh đập tương bưng.

- *Địa Ngục đạo:* Nơi nguy hại hơn, nơi ấy những hồn thấy mình bị lửa đốt, bị cưa, bị kẹp, bị tra tấn đủ cách chẳng thôi.

- *Súc sanh đạo:* Chốn đầu thai khổ não của những kẻ đã làm ác ghê gớm, họ phải chuyển thân làm thú vật như lừa, ngựa, chó, heo, rắn ... Súc sanh bị người ta chém giết để ăn thịt, mà chính chúng nó cũng giết lẫn nhau mà ăn thịt nữa.

Vì các sự độc ác khổ não ấy, nên gọi ba đường luân hồi ấy là Tam ác đạo. Trong *Vô Lượng Thọ Kinh*, ngài Pháp Tạng Tỳ Kheo có phát 48 điều nguyện, điều nguyện thứ hai như vậy:

“Nếu tôi được làm Phật, mà Thiên, nhơn trong nước tôi sau khi thọ chung, còn phải trải qua ba nẻo dữ (Tam ác đạo), xin chẳng giữ lấy ngôi Chánh giác”.

* **Tam Bảo:** Phạn âm: *Tri-ratna, ratna-traya*; Còn gọi: *Tam Tôn*.

Tam Bảo đó là ba ngôi báu: **Phật bảo**, **Pháp bảo** và **Tăng bảo** được tín đồ Phật giáo tôn kính, cúng dường. *Phật* (Phạn: *Buddha*) là bậc đã giác ngộ và có năng lực giáo hóa chúng sinh ; *Pháp* (Phạn: *Dharma*) là giáo pháp của Đức Phật; *Tăng* (Phạn: *Sangha*) là tập đoàn đệ tử Phật tu học theo giáo pháp. Ba ngôi báu trên có oai đức cao tốt, có khả năng đem lại lợi ích an vui vĩnh viễn cho chúng sinh như cửa báu của thế gian, nên gọi là Tam bảo.

- Theo *Luận Cửu Cánh Nhất Thừa Bảo Tánh 2*, Tam bảo có 6 nghĩa:

1. *Hi hữu*: Ba ngôi báu này trải qua trăm nghìn vạn kiếp mới có, cũng như trân bảo ở thế gian rất khó có được.
2. *Minh tịnh*: Ba ngôi báu này xa lìa tất cả pháp hữu lậu, thanh tịnh sáng suốt.
3. *Thế lực*: Ba ngôi báu này có đầy đủ oai đức tự tại không thể nghĩ bàn.
4. *Trang nghiêm*: Ba ngôi báu này có công năng trang nghiêm xuất thế gian, cũng như cửa báu ở thế gian có công năng trang nghiêm thế gian.
5. *Tối thắng*: Ba ngôi báu này thù thắng vi diệu hơn hết trong các pháp xuất thế gian.
6. *Bất biến*: Ba ngôi báu này là pháp vô lậu, không bị 8 pháp thế gian làm lay động, biến đổi.

* **Tam Độc** : Còn gọi: *Tam hỏa, Tam cấu*.

Tam độc là ba thứ phiền não : *Tham dục, sân khuể, ngu si* (còn gọi: *Tham sân si, Dâm nộ si, Dục sân vô minh*). Tất cả phiền não gọi chung là Độc, nhưng 3 thứ phiền não này có mặt khắp 3 cõi, là thứ độc hại nhất trong thiện tâm xuất thế của chúng sinh, khiến cho hữu tình phải chịu khổ nhiều kiếp và không ra khỏi được, nên đặc biệt gọi là Tam độc. Tam độc này còn là nguồn gốc của 3 ác hạnh *thân, khẩu, ý*, nên cũng gọi là Tam bất thiện căn, đứng đầu trong các phiền não căn bản.

Theo *Luận Đại Trí Độ 34*, Tam độc có 2 loại là *Chính tam độc* và *Tà tam độc*, vì Tà tam độc khó trừ, Chính tam độc dễ trừ nên Tịnh độ của chư Phật có Chính tam độc mà không có Tà tam độc.

Theo *Ma-Ha Chỉ Quán 6, thượng* ; tham, sân, si về mặt Tư hoặc là Chính tam độc và tham, sân, si về mặt Kiến hoặc là Tà tam độc.

Theo *Đại Tạng Pháp Số 15* ; Nhị thừa và Bồ Tát đều có tam độc. Hàng Nhị thừa thích cầu Niết Bàn là tham dục, chán lìa sinh tử là sân khuể, mê lầm đối với Trung đạo là ngu si. Bồ Tát muốn rộng cầu Phật pháp là tham dục, quở trách Nhị thừa là sân khuể, chưa liễu ngộ Phật tính là ngu si.

* **Tam Khổ (Ba Khổ)**: Phạn: *Tisro-dukkhatāh*. Ba thứ khổ của chúng sinh.

1/. *Khổ khổ* (Phạn: *Dukkha-dukkhatā*): Nỗi khổ bức não thân tâm, thuộc các pháp khổ thụ chẳng đáng ưa trong hành hữu lậu.

2/. *Hoại khổ* (Phạn: *Viparināma-dukkhatā*): Nỗi khổ khi sinh thì vui, khi hoại thì bức não thân tâm, thuộc các pháp lạc thụ đáng ưa.

3/. *Hành khổ* (Phạn: *Samskara-dukkhatā*): Các pháp xả thụ còn lại ngoài các pháp đáng ưa và chẳng đáng ưa, do các duyên tạo ra nên khó tránh khỏi sự sinh diệt đổi dời, vì thế bậc Thánh quán thấy điều đó, thân tâm đều cảm thấy bức não, nên gọi là Hành khổ. Tất cả hành hữu lậu đều vô thường và sinh diệt đổi dời, nên đều thuộc về Hành khổ, cho nên pháp chẳng đáng ưa có 2 loại là khổ khổ và Hành khổ, còn pháp đáng ưa thì có 2 loại là Hoại khổ và Hành khổ.

* **Tam Ma**: Còn gọi: Nội ma. Đó là Ba thứ ma cướp đi sinh mạng và huệ mạng của con người, gồm có:

1/. *Uẩn ma* (Phạn: *Skandha-māra*, còn gọi: *Ấm ma, Ngũ ấm ma, Ngũ uẩn ma, Ngũ chúng ma, Thân ma*) : tức 5 uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức chứa nhóm thành quả khổ sinh tử, pháp sinh tử này có công năng cướp đi huệ mạng.

2/. *Phiền não ma* (Phạn: *Klésa-māra*, còn gọi: *Dục ma*) : tức 108 phiền não trong thân làm não loạn tâm thần chúng sinh, cướp đi huệ mạng, làm cho không thành tựu được bồ-đề.

3/. *Tử ma* (Phạn: *Mrtyu-māra*): làm phân tán thân tứ đại của chúng sinh, gây ra sự chết chóc, làm cho người tu hành không thể kéo dài huệ mạng.

Ngoài ra, Bốn tâm điên đảo làm não hại chúng sinh là *vô thường, vô lạc, vô ngã và bất tịnh*. Bốn tâm điên đảo này đối lại với 4 đức “*Thường, Lạc, Ngã, Tịnh*” của Niết Bàn, cũng được gọi là Bốn ma.

* **Tam Minh**: Phạn: *Tri-vidya*. Có 2 nghĩa:

1/. *Tam minh*, còn gọi: *Tam đạt, Tam chứng pháp*; tức trí huệ sáng tỏ thông đạt vô ngại 3 việc tức mệnh, thiên nhãn và lậu tận.

- *Túc mạng trí chứng minh*: Trí huệ biết rõ tướng trạng của mình và chúng sinh từ một đời cho đến trăm nghìn vạn ức đời.

- *Sinh tử trí chứng minh*: Trí huệ biết rõ các tướng trạng sinh tử của chúng sinh, khi tử khi sinh, sắc lành sắc dữ hoặc do nhân duyên tà pháp mà thành tựu ác hạnh, sau khi mạng chung sinh vào đường ác hoặc nhờ

nhân duyên chính pháp mà thành tựu thiện hạnh, sau khi mạng chung sinh vào đường lành.

• *Lậu tận trí chứng minh*: Trí huệ biết rõ như thật và chứng đắc lý Tứ đế, giải thoát tâm hữu lậu, diệt trừ tất cả phiền não ...

2/. *Tam minh*: *Bồ Tát minh*, *Chư Phật minh* và *Vô minh minh*.

Theo kinh *Đại Bát Niết Bàn*, *Bồ Tát minh* tức Bát nhã Ba-la-mật, *Chư Phật minh* tức Phật nhãn, *Vô minh minh* tức Cứu cánh không.

✳ **Tam Muội**: Phạn âm: *Samâdhi*.

Cũng viết: *Tam ma địa*, *Tam ma đề*, *Tam ma đế*. Dịch là *Chỉ*, *Chỉ Quán*, *Quán*, *Thiền*, *Thiền định*, *Định*, *Đại định*, *Giải thoát*, *Chánh thọ*.

Cảnh Thiền bực cao, khi ấy thân thể và tâm trí của nhà Đạo chẳng còn xao động, lìa tất cả sự tà loạn.

Chư Phật, Bồ Tát và La Hán đều có thể nhập phép Tam Muội. Các ngài đắc rất nhiều phép Tam Muội tiện giúp cho các ngài hộ thân và độ đời. Như đức Diêu Âm Bồ Tát (*Gadgadasvara Bodhisattva*) đắc những phép Tam Muội dưới đây:

- Diêu Tràng Tướng Tam Muội (*Dhavadjagrakiyura*).
- Pháp Hoa Tam Muội (*Saddharma pundarika*).
- Tịnh Đức Tam Muội (*Vimaladatta*).
- Túc Vương Hý Tam Muội (*Nakchatrarâdjavikridita*).
- Vô Duyên Tam Muội (*Anilâmbha*).
- Trí Ấn Tam Muội (*Djnânamura*).
- Giải nhứt thiết chúng sanh ngữ ngôn Tam Muội (*SarvarutaKâucalya*).
- Tập nhứt thiết công công đức Tam Muội (*Sarvapunya samutchtchaya*).
- Thanh Tịnh Tam Muội (*Prasâdavati*).
- Thần thông Du Hý Tam Muội (*Riddhivikridita*).
- Huệ Cự Tam Muội (*Djnâmolka*).
- Trang Nghiêm Vương Tam Muội (*Vyuharâdja*).
- Tịnh Quang Minh Tam Muội (*Vimalaprabhâ*).
- Tịnh Tạng Tam Muội (*Vimalagarbha*).
- Bất Cộng Tam Muội (*Apkritisna*).
- Nhứt Triển Tam Muội (*Suryâvarta*).

Diệu âm Bồ Tát lại còn dùng phép *Tam Muội Hiện Nhứt Thiết Sắc Thân* mà biến hiện ra các thứ thân hình, hoặc thân Phật, thân Thánh hay thân các hạng chúng sanh mà ra đi độ thế cho đắc nhập quả Phật.

Mỗi đức Phật Như Lai đều đắc trăm ngàn vạn ức phép Tam Muội.

* **Tam Quang:** bao gồm các nghĩa như sau:

1. Ánh sáng mặt trời, mặt trăng và sao.
2. Ba cõi trời *Sắc giới* là *Thiếu quang thiên*, *Vô lượng quang thiên* và *Quang âm thiên*.
3. Ba vị Bồ Tát: Bồ Tát Quán Thế Âm gọi là *Nhật thiên tử*, con mặt trời; Bồ Tát Đại Thế Chí gọi là *Nguyệt thiên tử*, con của mặt trăng và Bồ Tát Hư Không Tạng, gọi là *Minh Tinh thiên tử*, con của sao.

Các thiền sư Việt Nam am hiểu đạo Lão và đạo Nho, thường ví đạo Phật, đạo Lão, đạo Nho như ba vật sáng trên trời, đạo Phật ví với mặt trời, đạo Lão ví với mặt trăng, đạo Nho ví với vì sao. Ánh sáng của mặt trời, mặt trăng và của các vì sao đều cần thiết cho con người, cũng như cả ba giáo đều có ích đối với con người.

“Cũng như vạc có ba chân,
Trên trời người có tam quang tỏ tường.”

* **Tam Tạng:** Phạn: *Trini pitakani*. Còn gọi: *Tam pháp tạng*.

Tam tạng là ba tạng **Kinh, Luật, Luận**.

1/. **Kinh tạng** (Phạn: *Sutranta-pitaka*, Hán âm: *Tổ-đát-lãm tạng*, *Tu-đa-la tạng*, Hán dịch: *Khế kinh tạng*): Kinh điển do Phật nói, trên thì khế hợp với lý của chư Phật, dưới thì khế hợp với căn cơ của chúng sanh; các yếu nghĩa trong giáo thuyết của Đức Phật đều thuộc về Kinh bộ.

2/. **Luật tạng** (Phạn: *Vianaya-pitaka*, Hán âm: *Tỳ-nại-da tạng*, *Tỳ-ni tạng*, Hán dịch: *Điều phục tạng*): Luật nghi do Phật đặt ra có công năng sửa trị những điều xấu ác của chúng sinh; điều phục tâm tính của chúng sinh; các qui định về sinh hoạt của giáo đoàn do Phật đặt ra đều thuộc về loại Luật bộ.

3/. **Luận tạng** (Phạn: *Abhidharma-pitaka*, Hán âm: *A-tì-đạt-ma tạng*, *A-tì-dàm tạng*, Hán dịch: *Đối pháp tạng*): Luận nghị về ý nghĩa của kinh Phật, đơn giản những chỗ súc tích thành sáng sủa, để quyết trạch tính tướng các pháp; để phát triển giáo thuyết của đức Phật xa hơn nên người đời sau dùng trí huệ thù thắng giải thích, luận nghị giáo thuyết ấy bằng hình thức tổ chức hóa, hệ thống hóa. Luận tạng còn gọi Luận bộ, có quan hệ mật thiết với Ma-đát-ly-ca (hoặc Ma-đắc-lặc-già, Phạn: *Matrka*, Hán âm: Bản mẫu, Luận mẫu), Ưu-ba-đề-xá (Phạn: *Upadesa*, Hán dịch: Luận nghị).

* **Tam Thập Nhị Tướng (Ba mươi hai tướng):** Phạn âm: *Dvātrimsan mahā-purusa-laksanāni*. Còn gọi: *Tam thập nhị đại nhân tướng*, *Tam thập*

nhị đại trượng phu tướng, Tam thập nhị đại sĩ tướng, Đại nhân tam thập nhị tướng. Gọi tắt: Đại nhân tướng, Tứ bát tướng, Đại sĩ tướng, Đại trượng phu tướng ...

Tam thập nhị tướng là Ba mươi hai tướng thù thắng vi diệu của Chuyển Luân Thánh Vương và Ứng hóa thân của Phật. 32 tướng tốt của Đức Phật là:

- 1/. Bàn chân bằng phẳng.
- 2/. Chỉ dưới bàn chân có ngàn cái xoay tròn như hình cả ngàn cây cắm bánh xe.
- 3/. Ngón tay thon dài, trước đầu ngón tay nhỏ và nhọn.
- 4/. Tay chân đều dịu mềm.
- 5/. Trong kẽ tay, kẽ chân có da mỏng như giăng lưới.
- 6/. Gót chân đầy đặn.
- 7/. Mu bàn chân vun lên đầy đặn.
- 8/. Xương đùi tròn nhỏ như nai chúa.
- 9/. Khi đứng, hai tay dài quá đầu gối.
- 10/. Nam căn ẩn kín trong thân như mã âm (hoặc tượng âm).
- 11/. Thân hình cao lớn và cân phân.
- 12/. Mỗi lỗ chân lông có một cọng lông màu lưu ly xanh, tỏa ra mùi thơm vi diệu.
- 13/. Tất cả lông tóc từ đầu đến chân đều uốn về bên hữu, màu đen pha hồng, mềm mượt.
- 14/. Thân thể sáng chói như vàng ròng như đài vàng vi diệu trang nghiêm.
- 15/. Quanh mình thường có hào quang chiếu ra một tầm.
- 16/. Da mỏng, mịn, trơn láng, tất cả bụi bặm không dính.
- 17/. Lòng 2 bàn chân, 2 bàn tay, 2 vai và cổ; bảy chỗ ấy đầy đặn, mềm mượt.
- 18/. Xương thịt dưới hai nách đầy đặn, không lõm.
- 19/. Nửa thân trên rộng lớn oai nghi đi đứng nằm ngồi trang nghiêm như sư tử chúa.
- 20/. Thân thể vuông vắn ngay thẳng.
- 21/. Hai vai tròn tựa, đầy đặn, thù thắng vi diệu.
- 22/. Phật có 40 cái răng, mỗi mỗi đều bằng nhau, đầy đặn và trắng như tuyết.
- 23/. Các răng của Phật đều đặn không lớn không nhỏ, khít nhau không hở một mảy may.
- 24/. 4 răng nanh trắng trong, sáng sạch, bén nhọn như gươm, cứng như kim cương.

- 25/. Hai má đầy đặn như má sư tử.
 26/. Trong miệng có mùi vị tối thượng trong các mùi vị.
 27/. Đầu lưỡi lớn rộng mềm mỏng, le ra phủ đến mí tóc.
 28/. Phạm âm thanh tịnh viên mãn như tiếng trống trời và tiếng chim Ca-lăng-tần-già.
 29/. Mắt xanh biếc như hoa sen xanh.
 30/. Lông mi chỉnh tề, không tạp loạn.
 31/. Trên đỉnh đầu có búi tóc nổi lên như hình búi tóc.
 32/. Giữa 2 đầu chân mày có sợi lông trắng, mềm mại, dài 1 trượng 5 thước, cuộn tròn lại theo chiều bên hữu, vì thường phóng ánh sáng nên gọi là Hào quang, Mi gian quang.

* **Tam Thập Thất Đạo Phẩm (Ba Mươi Bảy Phẩm trợ Đạo):** Gọi tắt: *Đạo Phẩm (Bồ đề, Giác chi*. Phạn: *Bodhi-pāksika*). Còn gọi: *Tam thập thất giác chi, Tam thập thất bồ đề phần, Tam thập thất trợ đạo pháp, Tam thập thất phẩm đạo pháp*.

Ba mươi bảy phương pháp trợ giúp việc tu tập. Ba mươi bảy đạo phẩm được chia làm 7 khoa như sau:

- 1/. *Tứ niệm xứ (Tứ niệm trụ):* 4 pháp Quán, gồm: Quán thân bất tịnh; Quán thọ thị khổ; Quán tâm vô thường; Quán pháp vô ngã.
- 2/. *Tứ chính cần (Tứ chính đoạn):* 4 điều cần thật hành, gồm: Điều ác đã sinh phải trừ hẳn; Điều ác chưa sinh không cho sinh; Điều thiện chưa sinh phải phát khởi; Điều thiện đã sinh làm cho tăng trưởng.
- 3/. *Tứ như ý túc (Tứ thần túc):* 4 sở hành như nguyện, gồm: Dục như ý túc; Tinh tấn như ý túc; Niệm như ý túc; Tư duy như ý túc.
- 4/. *Ngũ căn:* Căn nghĩa là năng sinh, 5 căn này có công năng sinh ra tất cả thiện pháp, gồm: Tín căn; Tấn căn; Niệm căn; Định căn; Huệ căn.
- 5/. *Ngũ lực:* Lực là lực dụng, 5 lực này có công năng phá ác sinh thiện, gồm: Tín lực; Tấn lực; Niệm lực; Định lực; Huệ lực.
- 6/. *Thất giác phần (Thất giác chi, Thất giác ý, Thất thánh giác):* 7 pháp có công năng giúp cho trí huệ Bồ-đề phát triển, gồm: Niệm giác phần; Trạch pháp giác phần; Tinh tấn giác phần; Hỷ giác phần; Khinh an giác phần; Định giác phần; Xả giác phần.
- 7/. *Bát chính đạo (Bát thánh đạo, Bát đạo đế):* 8 điều chánh chơn hoặc 8 đường tắt chính xác hướng thẳng đến Niết Bàn giải thoát. Lúc Chuyển Pháp Luân, Đức Thế Tôn thuyết về việc xa lìa 2 bên dục lạc và khổ hạnh, đi theo con đường Trung đạo, tức chỉ cho Bát Chính Đạo này, gồm:

Chánh kiến; Chánh tư duy; Chánh ngữ; Chánh nghiệp; Chánh mạng; Chánh tinh tấn; Chánh niệm; Chánh định.

* **Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới:** Tức là một thế giới lớn, như Ta bà thế giới. 1.000 thế giới nhỏ hiệp thành một tiểu Thiên thế giới, thêm vô 1.000 thế giới nữa thành một trung Thiên thế giới, thêm vô 1.000 thế giới nữa thành một đại Thiên thế giới, tức: 1.000 = Tiểu Thiên; 1.000.000 = Trung Thiên; 1.000.000.000 = Đại thiên.

Thế thì 1 Tam Thiên đại Thiên thế giới hay 1 Đại Thiên thế giới có một ngàn triệu thế giới: 1.000.000.000.

* **Tần Bà La** (Vimvara): Còn gọi: Tần-bà, Tần-bạt-la, Tỳ-bà-ha.

- Danh từ số lượng của Ấn Độ thời xưa, tương đương với 10 triệu.

- Ngoài ra, Tần Bà La cũng là tên của một loại quả cây.

* **Tần Bà (Thụ):** Phạn âm: Bimba, Bimbajā. Hán dịch: *Tương tư thụ*. Tên khoa học: Momardica Monodelpha. Một loại cây sinh trưởng ở Ấn Độ thời xưa, có quả màu đỏ tươi.

Điều Tần-Bà Quả trong *Tịch Chiếu Đường Cốc Hương Tập 1*, ghi: Tần-bà là một loại cây cao, có quả màu đỏ, lớn như hạt đậu.

Du Già Luận Ký 2, thượng: Cho rằng quả Tần-bà chính là quả Tần-duyên (quả Tần-loa).

* **Tăng phường:** Còn gọi: **Tăng phòng** (Phạn: *Vihāra*. Hán âm: *Tì-ha-la*). *Tăng phường* là phòng xá của Tăng chúng. Theo *Luật Tứ Phần 50*, sau khi thành đạo, Phật và 5 vị Tỳ kheo trụ nơi A-lan-nhã, gốc cây, đồng trống, hang núi, bụi cỏ, rừng cây, gò mã, ven sông. Đến khi vào thành Vương Xá, vua Bình Sa xây dựng phòng xá trong vườn trúc Ca-lan-đa cúng dường Phật và chư Tăng bốn phương. Không bao lâu, có một vị trưởng giả ở thành Vương Xá xây cất 60 phòng xá trên núi Kỳ-xà-quật, đầy đủ các vật cần dùng, thỉnh Phật và các đệ tử an trụ, đây là các Tăng phòng được xây dựng đầu tiên.

* **Tăng Thượng Mạn:** Một trong 7 mạn. *Câu-Xá Luận* (q19): “Ở vào địa vị chưa chứng được kết quả thù thắng mà đã nói là mình đã chứng được rồi thì gọi là tăng thượng mạn”. *Kinh Pháp Hoa-Phẩm Phương Tiện:* “Hạng người đó tội căn sâu nặng, lại thêm phần tăng thượng mạn, chưa đắc đã bảo là đắc, chưa chứng đã nói là chứng. Có lỗi lầm như vậy đấy”.

* **Tất Bát La (thụ):** Phạn âm: *Pippala*. Hán dịch: *Cát tường*. Gọi tắt: *Tất-bát thụ*. Còn gọi: *Bồ-đề thụ*.

Loại cây thân cao, thuộc họ đậu, sống ở Trung Ấn Độ và Bangladesh. Vì đức Thích Tôn thành Đẳng Chính Giác dưới cội cây này nên thường gọi là Bồ-đề thụ.

* **Tất Lực Ca:** Một thứ Đinh hương bên Thiên Trước. *Tất Lực Ca* có mùi thơm, người ta dùng nó chế ra dầu thơm, cũng dùng để ăn, làm thuốc.

* **Tha Lực:** Từ đối lại : *Tự lực*. *Tha lực* là năng lực khác ngoài *tự lực*, chỉ cho nhờ năng lực của Phật, Bồ Tát mà được độ giải thoát. *Tông Tịnh Độ* cho rằng nếu chỉ dùng sức tự lực để cầu Thánh đạo mà không nương nhờ năng lực của Phật thì cũng không thể đạt được giải thoát. Như mong được cảm ứng đạo giao cũng là một trường hợp về tha lực.

Giáo pháp chủ trương nương nhờ *tha lực* để thành Phật gọi là *Tha lực giáo*, *Tha lực tông* như *tông Tịnh độ*, *Tịnh độ Chân Tông* và *Thời tông ở Nhật Bản*. Trái lại giáo pháp chủ trương dùng tự lực để được giải thoát gọi là *Tự Lực giáo*, *Tự lực tông* như *Thiên Thai*, *Hoa Nghiêm*, *Mật*, *Thiền*, *Pháp tướng*, *Nhật Bản Nhật Liên tông* đều thuộc về *Tự Lực giáo*.

Bản nguyện lực, gia bị lực của Phật chính là *Tha lực*. Trong đó, nhất là Bản nguyện của Di-Đà Như Lai có công năng giúp cho chúng sinh thành Phật, thế nguyện của Ngài là “*Chỉ nguyện tin ta thì vãng sanh về cõi ta, khiến thành Phật đạo*”, cho nên bỏ tự lực mà tin Di-Đà thì tương ứng với bản nguyện này; Tín tâm này là *Tha lực*.

* **Tham:** Ham muốn thái quá, ham tưởng những điều sung sướng như tiền bạc, của cải, nhà cửa, sắc dục ... Lòng ham muốn ấy chẳng hề biết chán, càng được thì càng ham. Kẻ tham hay ganh ghét những người thành tựu, sợ sệt những người có thế lực hơn mình, lấy làm sầu khổ khi chẳng đắc chí. Tục ngữ ta có câu: “Tham thì thâm”. Tục ngữ Tàu có câu: “Tham tiểu thất đại”.

Tham là tội phạm thứ tám trong Thập thiện, tội ấy thuộc về ý.

Người thế tục hoặc nhà đạo đức phạm tội, lầm lạc, thấy đều do nơi ba mối: tham, sân, si. Tham cũng gọi là tật.

Muốn dứt trừ lòng tham, nên tu hạnh Bố thí. Tham tức là bệnh. Muốn trừ bệnh ấy, nên quan sát rằng mọi pháp điều bất tịnh, như là nên quán tưởng cái thân bất tịnh, cái hài cốt thối nát.

* **Thân Cận Xứ:** Gần gũi những nơi thanh tịnh thuận lợi cho bước đường tu học, những người mới tu học nên thân cận với thầy hay, bạn giỏi, những trang hiền đức hơn mình để học những điều hay lẽ đạo.

Niết Bàn Kinh: Có lúc đức Phật dạy rằng: Thân cận thiện hữu, đó tức là Đạo. Như Phật có phán với A Nan rằng: Như có ai thân cận với trang thiện tri thức, thì người ấy có đủ tịnh giới. Như có những chúng sanh nào thân cận với Ta, ắt họ sẽ phát tâm cầu quả Chánh đẳng Chánh giác.

* **Thần Túc Thông** (*Rddippâda*): Chân bước thần thông. Một phép trong *ngũ thông*, *Lục thông*. Nhà tu hành ngồi thiền trên núi hoặc nơi Tịnh thất, đắc phép này thì đạt thông lực đi đâu cũng được mà khỏi cần xe cộ, tàu bè, đi ngang không gian, nước, lửa, đá, đất gì cũng chẳng bị trở ngại. Cũng gọi: *Như ý túc* (đi đến đâu cũng được như ý).

Phép này có 3 thần dụng:

1. *Vận thân thông:* Chuyển vận cái thân trên không, tựa như chim bay.
2. *Thắng giải thông:* Dẫn cho chỗ xa thế mấy mà trong ý muốn đến thì liền đến ngay, thần dụng này trội hơn “Vận thân thông”.
3. *Ý thế thông:* Dẫn cho xa thế này mà nhờ sức của tâm, trong tâm vừa nghĩ đi tới thì cái thân liền tới, thần dụng này trội hơn “Thắng giải thông”.

Thần túc thông cũng gọi là: *Thần cảnh trí chứng thông*, *Thần cảnh thông* tức là có sức biến hiện đến các cảnh không thể suy nghĩ bàn luận, *Thân như ý thông* hay *Thân thông* tức là có cái thông lực tự mình biến mất hay hiện ra một cách tự tại.

* **Thanh Văn:** Lúc đầu, Thanh văn có nghĩa là học trò của đức Phật. Dần dần, trong Đại thừa, người ta cũng dùng từ Thanh văn để chỉ tất cả những ai nhờ nghe pháp và nhờ cố gắng cá nhân mà đạt đến giác ngộ, chứng tri kiến Tứ diệu đế và tính Không của thế giới hiện tượng. Mục đích cao nhất của Thanh văn là đạt Vô dư Niết-bàn, lúc đó Thanh văn trở thành A-la-hán.

* **Thanh Văn Thừa:** Pháp môn *Tứ đế* giúp cho thành tựu quả Thanh văn, một trong 2 thừa, một trong 3 thừa, một trong 5 thừa.

Thừa nghĩa là chuyên chở, chuyên chở chúng sinh đến bờ bên kia, tức chỉ giáo pháp của Đức Phật. Nhờ quán lý Tứ đế mà hàng Thanh văn

thoát khỏi sinh tử, đạt đến Niết Bàn, nên gọi *pháp môn Tứ đế* là *Thanh Văn Thừa*. *Thanh văn thừa* còn chỉ căn cơ, chủng loại Thanh văn.

* **Thắng Nghĩa**: Phạn âm: *Paramārtha*. Còn gọi: *Đệ Nhất Nghĩa*, *Chân Nghĩa*.

Đạo lý chân thật tối thắng vượt hơn nghĩa thế tục của thế gian. Tức những hành vi vô tướng, không thể nói năng, không thể biểu thị bằng mọi hình thức, dứt bật các tranh luận, siêu việt tất cả cảnh tướng tâm tử.

Luận Hiển Dương Thánh Giáo 19, Luận Biện Trung Biên, trung thì Thánh đạo, Niết Bàn, Chân như đều là chân lý siêu việt tập tục thế gian, nên gọi là *Thắng nghĩa đế* (*Paramārtha-satya*); trái lại, đạo lý thông tục của thế gian thì gọi là *Thế tục đế*. Ngoài ra, y cứ vào nghĩa chân thật hữu, đối lại với sự thi thiết an lập của thế tục mà gọi là thắng nghĩa, như *Thắng nghĩa thiện* và *Thế tục thiện*, *Thắng nghĩa căn* và *Phù trần căn*, *Thắng nghĩa pháp* và *Pháp tướng pháp*. Trong đó, *thiện pháp vô vi* thuộc về *Thắng nghĩa thiện*, còn *thiện pháp hữu vi* thì thuộc về *Thế tục thiện* hoặc gọi là *Hữu lậu thiện*; hễ thực hành theo tâm hữu lậu đều thuộc về thế tục, nên *Hữu lậu tâm* tức là *Thế tục tâm*, *hữu lậu trí* lấy thế tục làm đối tượng là *Thế tục trí*, dùng *Thế tục trí* đoạn trừ phiền não gọi là *Thế tục đạo*. Ngoài ra, nghĩa lý pháp môn thông thường được Phật giáo giải thích rộng gọi là *Pháp tướng pháp*; Niết Bàn trạch diệt chân thật bất hư, không biến không đổi gọi là *Thắng nghĩa pháp*.

Luận Thành Duy Thức 8, Thắng nghĩa và Thế tục mỗi thứ đều chia làm 3 loại, cho nên lập *Tam thắng nghĩa*, *Tam thế tục*, được giải thích lần lượt như sau:

1. *Nghĩa thắng nghĩa*: chỉ cho đối tượng có trí huệ thù thắng, tức Chân như.
2. *Đức thắng nghĩa*: Chỉ cho Niết Bàn chứng đắc.
3. *Hành thắng nghĩa*: Còn gọi: *Chính hành thắng nghĩa*. Chỉ cho *vô lậu trí* thú hưởng đến thắng cảnh hành.

Ba Thắng nghĩa trên tương đương với *Thắng nghĩa đế* thứ 4, thứ 3, thứ 2 trong *Tứ thắng nghĩa đế*.

* **Thập Bát Bất Cộng Pháp (Mười Tám Pháp Bất Cộng)**:

Phật có 18 món công đức, chẳng chung cùng với hai hàng Thanh văn, Duyên giác nên gọi là bất cộng pháp.

Lại cả ba hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát đều chẳng có đủ 18 công đức ấy, nên gọi là bất cộng. 18 pháp ấy là:

- 1/. Thân vô thất (Thân không lỗi).
- 2/. Khẩu vô thất (Miệng không lỗi).
- 3/. Niệm vô thất (Ý tưởng không lỗi, tâm không tán loạn).
- 4/. Vô dị tướng (Không có tướng khác, bình đẳng hóa độ chúng sinh).
- 5/. Vô bất định tâm (Tâm không phải không định, nhiếp tâm trụ trong thiện pháp).
- 6/. Vô bất tri dĩ xả tâm (Chẳng phải không biết chuyện đã bỏ).
- 7/. Dục vô giảm (Sự dục không giảm, luôn hóa độ chúng sinh, không bao giờ chán bỏ).
- 8/. Tinh tấn vô giảm (Tinh tấn không giảm, luôn hành các phương tiện, không dừng nghỉ).
- 9/. Niệm vô giảm (Ý tưởng không giảm, tức không thoái chuyển).
- 10/. Huệ vô giảm (Trí huệ vô ngại 3 đời, không khuyết giảm).
- 11/. Giải thoát vô giảm (Các tập khí phiền não dứt sạch, giải thoát không khuyết giảm).
- 12/. Giải thoát tri kiến vô giảm (Biết rõ các tướng giải thoát, không bị che chướng).
- 13/. Tất cả thân nghiệp tùy trí huệ mà thực hành (Hết thấy nghiệp của thân tùy theo trí huệ mà thực hành).
- 14/. Tất cả khẩu nghiệp tùy trí huệ mà nói năng (Hành thấy nghiệp của miệng tùy theo trí huệ mà nói năng).
- 15/. Tất cả ý nghiệp tùy trí huệ mà tư duy (Hết thấy nghiệp của ý tùy theo trí huệ mà tư duy).
- 16/. Trí huệ thấy biết quá khứ vô ngại, vô chướng.
- 17/. Trí huệ thấy biết vị lai vô ngại, vô chướng.
- 18/. Trí huệ thấy biết hiện tại vô ngại, vô chướng.

(*) **Thập Hiệu Đức Phật (Mười danh đức hiệu chư Phật):** Còn gọi : *Như Lai thập hiệu, Thập chủng thông hiệu.*

Mười đại danh hiệu tôn xưng đức của chư Phật. Đó là:

- 1/. **Như Lai** (Phạn âm: *Tathāgata*, Hán âm: *Đa-đà-a-già-đà*): Nương đạo như thật (Như) mà đến (Lai) và thành Chính giác.
- 2/. **Ứng Cúng** (Phạn âm: *Arhat*, Hán âm: *A-la-hán*): Xứng đáng thụ nhận sự cúng dường của trời, người.
- 3/. **Chính Biến Tri** (Phạn âm: *Samyak-sambuddha*, Hán âm: *Tam-miệu Tam-phật-đà*): Có khả năng rõ biết đúng (chính) và khắp (biến) tất cả pháp, là bậc sáng suốt chánh cứu chơn lý, biết hết tất cả.

4/. Minh Hạnh Túc (Phạn âm: *Vidyā-carana-sampanna*): tức Tam minh (*Thiên nhãn minh, Túc mạng minh, Lậu tận minh*) và hành nghiệp của thân khẩu đều viên mãn, là bậc mà giới hạnh (hạnh) và trí tuệ (tuệ) đều hoàn thiện, đầy đủ (túc).

5/. Thiệt Thệ (Phạn âm: *Sugata*): Người hoàn tất việc của mình một cách thiện hảo (tự giác), người đã làm xong tất cả mọi việc (giác tha, giác hạnh viên mãn), dùng *Nhất thiết trí* làm xe lớn, thực hành *Bát Chính đạo* mà nhập Niết Bàn. .

6/. Thế Gian Giải (Phạn âm: *Loka-vid*): Rõ biết 2 thứ thế gian : Chúng sinh và phi chúng sinh, cho nên biết thế gian diệt và đạo xuất thế gian. Người hiểu biết toàn triệt về bản chất và sự vận hành của thế giới hiện tượng.

7/. Vô Thượng Sĩ (Phạn âm: *Anuttara*): Vô thượng trong tất cả chúng sinh.

8/. Điều Ngự Trượng Phu (Phạn âm: *Purusa-damyā-sārathi*): Phật là bậc Đại Từ Đại Trí, có khi dùng lời nhu nhuyễn, có khi dùng lời bi thiết, dùng lời tạp ngữ ..., dùng các phương tiện điều phục, chế ngự người tu hành (trượng phu), khiến họ đến Niết Bàn.

9/. Thiên Nhân Sư (Phạn âm: *Sāstā deva-manusyānām*): Thầy trời, người. Chỉ dạy chúng sinh điều nào nên làm, điều nào là thiện, điều nào là bất thiện, khiến họ giải thoát được phiền não.

10/. Phật Thế Tôn (Phạn âm: *Buddha Bhagavat*): Tức tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, thấy biết tất cả các pháp trong 3 đời, được người thế gian tôn trọng cung kính.

Ngoài ra, trong các kinh luận cũng có khi hợp chung *Thế Gian Giải* và *Vô Thượng Sĩ* thành 1 hiệu hoặc hợp *Phật* và *Thế Tôn* thành 1 hiệu hoặc hợp *Vô Thượng Sĩ* và *Điều Ngự Trượng Phu* thành 1 hiệu ...

(*) **Thập Lục Tam Muội**: Mười sáu tam-muội mà Bồ Tát Diệu-Âm đã thành tựu, được ghi trong phẩm Diệu-Âm, kinh Pháp Hoa. Đó là:

1. *Diệu Tràng Tướng Tam-muội*: Là thể của ba nghìn, không tướng mà có tướng, tịch mà siêu việt tất cả.
2. *Pháp Hoa Tam-muội*: Tức nói pháp viên dung, tử dụ cho sự kỳ đặc.
3. *Tịnh Đức Tam-muội*: Tức tính thanh tịnh và thường, lạc, ngã.
4. *Tứ Vương Hỷ Tam-muội*: Quyền trí chiếu cơ, khéo léo ứng hợp.
5. *Vô Duyên Tam-muội*: Tức duyên với đại huệ bình đẳng.
6. *Trí Ấn Tam-muội*: Tức dùng nhất tâm Tam trí ấn chứng tất cả pháp đều là Phật pháp.

7. *Giải Nhất Thiết Chúng Sanh Ngũ Ngôn Tam-muội*: Tức có thể hiểu rõ ngôn ngữ của tất cả chúng sanh một cách vô ngại.
8. *Tập Nhất Thiết Công Đức Tam-muội*: Nhóm hợp công đức của các tam-muội.
9. *Thanh Tịnh Tam-muội*: Tức 6 căn vô nhiễm, tự tại dung nhiếp lẫn nhau.
10. *Thần Thông Du Hý Tam-muội*: Đạo đi trong các thế gian, tự tại hóa độ chúng sanh.
11. *Huệ Cự Tam-muội*: Dùng đước đại huệ bình đẳng để diệt trừ bóng tối vô minh.
12. *Trang Nghiêm Vương Tam-muội*: Tính có muôn đức, các duyên trang nghiêm, kỳ diệu tự tại.
13. *Tịnh Quang Minh Tam-muội*: Tính của tam-muội này thanh tịnh chiếu sáng, lìa các cấu nhiễm.
14. *Tịnh Tạng Tam-muội*: Tức một niệm tâm thanh tịnh có công năng hàm nhiếp tất cả công đức quyền thật.
15. *Bất Cộng Tam-muội*: Không chung với Thiên, Tiểu cạn cợt yếu kém.
16. *Nhật Toàn Tam-muội*: Tức nương vào Không của Thật trí mà chẳng trụ nơi Không.

Theo *Pháp Hoa văn Cú Ký 10, hạ*; thì 16 tam-muội này cũng là tên khác của *Pháp Hoa tam-muội*; nhưng từ ngữ “*Pháp Hoa tam-muội*” thông thường chỉ cho tu pháp hành đạo tụng kinh, sám hối diệt tội trong 21 ngày (7 ngày thứ 3) của tông Thiên Thai, khác với tam-muội mà Bồ Tát Diệu Âm thành tựu đã nói trên.

* **Thập Lực (Mười Trí lực)** : Phạn: *Dása balāni*. Còn gọi: *Thập Thân lực*. Đó là 10 thứ trí lực của Như Lai.

1. *Xứ phi xứ trí lực*: còn gọi *Tri thị xứ phi xứ trí lực*, *Thị xứ bất thị lực*, *Thị xứ phi xứ lực*. “Xứ” nghĩa là đạo lý. Như Lai biết một cách chắc thật đối với tất cả nhân duyên quả báo, nếu tạo thiện nghiệp thì biết nhất định được quả báo vui, gọi là Tri thị xứ.

2. *Nghiệp dị thực trí lực*: còn gọi *Tri nghiệp báo trí lực*, *Tri tam thế nghiệp trí lực*, *Nghiệp báo tập trí lực*, *Nghiệp lực*. Như Lai biết rõ nghiệp duyên, quả báo, sinh xứ trong 3 đời quá khứ, vị lai, hiện tại của tất cả chúng sinh.

3. *Tĩnh lự giải thoát đẳng trì đẳng chí trí lực*: còn gọi *Tĩnh lự giải thoát đẳng trì đẳng chí phát khởi tập nhiễm thanh tịnh trí lực*, *Tri chư thiên giải thoát tam-muội trí lực*, *Thiền định giải thoát tam-muội trí lực*, *thiền lực*

giải thoát tam-muội tịnh cấu phân biệt trí lực, Định lực. Như Lai tự tại, vô ngại đối với các thiền định, biết khắp và đúng như thật thứ tự sâu cạn.

4. Căn thượng hạ trí lực: còn gọi *Tri chut căn thắng liệt trí lực, Tri chúng sanh thượng hạ căn trí lực, Căn lực*. Như Lai biết đúng như thật các căn tính thắng liệt, đặc quả đại tiểu của chúng sinh.

5. Chủng chủng thắng giải trí lực: còn gọi *Tri chủng chủng giải trí lực, Tri chúng sinh chủng chủng dục trí lực, Dục lực*. Như Lai đều biết đúng như thật tất cả các thứ dục lạc, thiện ác khác nhau của các chúng sanh.

6. Chủng chủng giới trí lực: còn gọi *Thị tính lực, Tri tính trí lực, Tính lực*. Như Lai biết khắp và đúng như thật về các giới phần khác nhau của chúng sanh ở thế gian.

7. Biến thú hành trí lực: còn gọi *Trí túc mạng vô lậu trí lực, Túc mạng trí lực, Túc mạng lực*. Như lai biết khắp và đúng như thật về nơi đến của hạnh hữu lậu là lục đạo, nơi đến của hạnh vô lậu là Niết Bàn.

8. Túc trụ tùy niệm trí lực: còn gọi *Trí túc mạng vô lậu trí lực, Túc mạng trí lực, Túc mạng lực*. Như Lai biết khắp và đúng như thật đối với các túc mạng, một đời cho đến trăm nghìn muôn đời, một kiếp cho đến trăm nghìn muôn kiếp, chết đây sinh kia, chết kia sinh đây, tên tuổi, uống ăn, khổ vui, thọ mạng.

9. Sinh tử trí lực: còn gọi *Tri thiên nhân vô ngại trí lực, Túc trụ sinh tử trí lực, Thiên nhân lực*. Như Lai dùng thiên nhân biết đúng như thật về thời gian sinh tử của chúng sinh và cõi thiện, cõi ác ở đời vị lai, cho đến các nghiệp duyên thiện ác như đẹp xấu, giàu nghèo ...

10. Lậu tận trí lực: còn gọi *Tri vĩnh đoạn tập khí trí lực, Kiết tập lực, Lậu tận lực*. Như Lai đã đoạn hẳn các tập khí tàn dư vĩnh viễn chẳng còn sinh khởi; biết khắp và đúng như thật.

✱ **Thập Nhị Bộ Kinh (Mười hai bộ kinh):** Phạn âm: *Dvādasāṅga-buddha-vacana*; Tên gọi khác: *Thập nhị phần giáo, Thập nhị phần thánh, Thập nhị phần kinh*.

Mười hai thể loại kinh được phân biệt theo hình thức trình bày và nội dung giáo pháp.

1. Khế Kinh (Phạn: *Sūtra*, Hán dịch: *Tu-đa-la*), còn gọi: *Trường hàng*. Tức thể loại văn xuôi, trực tiếp ghi chép giáo thuyết của Phật.

2. Ứng tụng (Phạn: *Geya*, Hán dịch: *Kì-dạ*), còn gọi *Trùng tụng*. Tức phần kệ tụng giải thích lại giáo thuyết mà Khế kinh đã nói.

3. *Kí biệt* (Phạn: *Vyākaraṇa*, Hán dịch: *Hòa-già-la-na*), còn gọi: *Thụ ký*. Vốn là các đoạn văn giải thích về giáo nghĩa, đời sau đặc biệt chỉ cho lời ấn chứng trước của Phật đối với việc làm ở vị lai của các đệ tử.
4. *Phúng tụng* (Phạn: *Gāthā*, Hán dịch: *Già-đà*), còn gọi *Cô khởi*. Tức là phần kệ tụng độc lập, trực tiếp ghi chép giáo thuyết của Đức Phật mà không lập lại ý của văn *Trường hàng* trước đó.
5. *Tự thuyết* (Phạn: *Udāna*, Hán dịch: *Ưu-đà-na*). Đức Phật không đợi có người hỏi pháp mà tự khai thị giáo thuyết.
6. *Nhân duyên* (Phạn: *Nidāna*, Hán dịch: *Ni-đà-na*). Ghi chép nhân duyên thuyết pháp giáo hóa của Đức Phật, như *phẩm Tự của các Kinh*.
7. *Thí dụ* (Phạn: *Avadāna*, Hán dịch: *A-bà-đà-na*). Dùng thí dụ để giảng nói pháp nghĩa.
8. *Bản sự* (Phạn: *Itivṛttaka*, Hán dịch: *Y-đế-viết-đa-già*). Các bản kinh nói về hành nghi ở đời quá khứ của Phật và đệ tử, ngoài Bản sinh đàm. Hoặc những kinh mở đầu bằng câu: “*Phật như thị thuyết*” cũng thuộc loại *Bản sự*.
9. *Bản sinh* (Phạn: *Jātaka*, Hán dịch: *Xà-đà-già*). Thể loại kinh nói về các hạnh đại bi mà Đức Phật tu hành vào thời quá khứ.
10. *Phương quảng* (Phạn: *Vaipulya*, Hán dịch: *Tỳ-phật-lược*). Các kinh giảng nói giáo nghĩa rộng lớn sâu xa.
11. *Hi pháp* (Phạn: *Adbhuta-dharma*, Hán dịch: *A-phù-đà-đạt-ma*), còn gọi: *Vị Tăng Hữu Pháp*. Nói về những việc ít có của Phật và các đệ tử.
12. *Luận nghị* (Phạn: *Upadesā*, Hán dịch: *Ưu-ba-đề-xá*). Đức Phật luận nghị phân biệt thể tính các pháp, làm sáng tỏ ý nghĩa.

Mười hai thể loại này, Đại thừa và Tiểu thừa đều có. Nhưng có kinh cho rằng *Phương quảng* chỉ Đại thừa mới có hoặc cho rằng ngoài *Kí biệt*, *Tự thuyết* và *Phương quảng* thì 9 bộ còn lại đều thuộc về Tiểu thừa; có thuyết lại cho rằng ngoài *Nhân duyên*, *Thí dụ* và *Luận nghị* thì 9 bộ còn lại đều thuộc về Đại thừa. Có người nói 9 thể loại kinh không có *Thí dụ*, *Bản sinh* và *Luận nghị* hoặc không có *Tự thuyết*, *Thí dụ* và *Luận nghị*.

* **Thập Nhị Hành Tướng Tứ Đế**: Lý Tứ đế được chia làm 3 giai đoạn, mỗi giai đoạn đều có 4 hành tướng, gọi là Tam chuyển Thập nhị hành tướng. Nếu lấy Khổ đế làm ví dụ thì Tam chuyển là:

1. Chuyển lần thứ nhất là Thị chuyển, nói “*Đây là Khổ đế*”.
2. Chuyển lần thứ hai là Khuyến chuyển “*Nên biết Khổ đế*”.
3. Chuyển lần thứ ba là Chứng chuyển “*Đã biết Khổ đế*”.

Tập đế, Diệt đế, Đạo đế còn lại mỗi đế cũng có 3 chuyển, 4 đế thì có tất cả 12 hành tướng.

Theo *kinh Tạp A Hàm 15, Luận Câu Xá 24* thì chỉ cho trong 3 chuyển, mỗi chuyển đều có lập 4 hành tướng: Nhãn, Trí, Minh, Giác, nên trong mỗi đế đều có 12 hành tướng.

✱ **Thập Nhị Nhân Duyên:**

- Vô minh: Hiểu sai sự lý, do đó mà có.
- Hành: Là hành động tạo nghiệp.
- Thức: Thần thức đi vào thai mẹ.
- Danh sắc: Hình hài mới tượng ra trong bụng mẹ nhưng chưa đầy đủ sáu căn.
- Lục nhập: Khi lục căn đầy đủ sắp ra ngoài bào thai (sắp chào đời).
- Xúc: Ra khỏi thai mẹ sáu căn bèn tiếp xúc với sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp).
- Thọ: Do tiếp xúc với ngoại cảnh nên tâm thức cảm thọ sự vui sướng hay khổ não.
- Ái: Do cảm xúc thích thú mà sanh tâm ưa thích say đắm đam mê.
- Thủ: Do ưa thích, đam mê mà sanh đắm trước ôm giữ chấp lấy đối với trần cảnh.
- Hữu: Do chấp trước nên tạo tác nhân hiện tại mà chịu quả báo đời sau.
- Sanh: Thọ sanh thân ngũ uẩn ở đời vị lai.
- Lão, tử: Thân ngũ ấm đời vị lai phải chịu sự già và chết chi phối.

Trong 12 nhân duyên trên hai chi đầu là *Vô minh* và *Hành* thuộc nhân quá khứ, liên tiếp năm chi kế (*Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ*) là quả hiện tại. Ba chi kế nữa (*Ái, Thủ, Hữu*) là nhân đời hiện tại và hai chi cuối (*Sanh, Lão tử*) là quả vị lai. Do gây nhân quá khứ mà chịu quả hiện tại, rồi gây nhân hiện tại chịu quả vị lai, do luân chuyển mãi như thế cho nên vòng luân hồi sanh tử không bao giờ chấm dứt. Thế nên người ta ví 12 nhân duyên giống như sợi dây móc xích nhưng hành giả dùng trí tuệ phá trừ Vô minh (là chi quan trọng nhất trong 12 chi nhân duyên) thì sợi dây móc xích sanh tử sẽ bị tan rã, chứng nhập đạo quả không còn tái sanh trở lại.

Hành giả tu Thập Nhị Nhân Duyên tức là tu pháp sanh diệt Nhị quán. Tu “Sanh Diệt Nhị Quán” nghĩa là tu “Sanh quán” (quán tưởng về sự Sanh) tu “Diệt quán” (quán tưởng về sự Hoại diệt) .

✱ **Thất Bảo (Bảy Bảo):**

Bửu (Saptaratna): Bảy món báu. Đối với người, hễ cảnh nào có hình sắc thì bảy món báu là quý nhất.

Trong quyển *A Di Đà Kinh*, đức Phật phán với Xá ly Phất rằng: "Nơi cõi Cực lạc, phía trên những ao thất bảo, thì có lầu các cũng đều bằng thất bảo hiệp thành: kim, ngân, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não". Thật rất đẹp đẽ, nghiêm trang.

Trong *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh*, đức Di Lặc có bạch với Văn Thù rằng: "Tôi ngồi đây mà thấy các cõi thế với các chúng sanh trong mười phương. Tôi thấy chư Bồ Tát vì cầu Phật đạo mà bố thí: kim, ngân, san hô, chơn châu ma ni, xa cừ, mã não, Kim cang chư trân châu."

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, phẩm Phổ Môn, đức Phật có giảng rằng: "Nếu có những chúng sanh vì cầu: kim ngân, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu mà lướt vào đại hải, kể thuyền trôi dạt vào nơi xứ của bọn La Sát, nếu trong bọn chỉ có một người niệm lên danh hiệu ngài Quán thế Âm, thì tất cả được giải khỏi nạn quỷ La Sát".

Vô Lượng Thọ Kinh, ở cõi nước của Phật A Di Đà, tự nhiên thất bảo: kim, ngân, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não hiệp thành làm đất.

Pháp Bảo Đàn Kinh, đức Huệ Năng có giảng rằng: Thất bảo ở cõi Cực Lạc tức là Bảy món của cải Thánh: Thất Thánh tài của nhà tu niệm: Kim (Giới), Ngân (Tín), Lưu ly (Văn), Pha lê (Tàm), Xa cừ (Tấn), Xích châu (Huệ), Mã não (Xả).

Cho nên nhà tu niệm nên đắc bảy món Thánh ấy còn hơn có được bảy món báu thế gian.

Thất bảo lại là bảy vật quý vô giá của vị Chuyển luân Thánh vương:

- Xe báu dùng đi hàng phục Thiên hạ,
- Voi báu,
- Ngựa báu,
- Châu báu,
- Bà vợ đẹp đẽ và hiền đức hơn hết,
- Vị quan giữ kho tàng,
- Vị quan giữ binh quyền (Hán âm: Luân châu, Tượng bảo, Mã bảo, Ma ni châu, Nữ bảo, Chủ tạng thần, Chủ binh thần). Vị Chuyển luân Thánh Vương mỗi khi ra đi thâm phục một quốc độ, đều có đem theo Thất bảo ấy và binh tướng tùy tùng. Thất bảo của vị Chuyển luân Thánh Vương có tả rõ trong quyển 12 Đại Bát Niết Bàn Kinh.

* **Thật Tướng (Thiệt Tướng)**: Phạn âm: *Dharmatā, Bhūta-tathatā*.

Bản thể, thật thể, chân tướng, bản tính ... của sự vật, sau chuyển sang chỉ cho thể tướng chân thật bất hư của tất cả vạn pháp hoặc lý pháp chân

thật, lý bất biến, chân như, pháp tính ... Tất cả các danh từ: *Nhất như, thật tính, thật tế, chân tính, niết-bàn, vô vi, vô tướng* ... đều là tên khác của *Thật tướng*. Vì tất cả hiện tượng mà thế tục nhận biết đều là giả tướng, chỉ có thoát khỏi sự nhận biết của thế tục mới hiển bày được tướng trạng chân thật thường trụ bất biến của các pháp, nên gọi là Thật tướng.

Theo ý của *Kinh Đại Bát Niết Bàn 36 (bản Nam), Luận Đại Trí Độ 32* thì tất cả tướng sai biệt (như tướng cứng của đất, tướng ướt của nước, tướng nóng của lửa) của các pháp đều là hư vọng, tất cả đều có thể phá hoại; trái lại, Thật tướng mà trí vô lậu chứng đắc thì xa lìa các tướng hư vọng và bình đẳng nhất như, nếu sống trong vọng tình thì không thể nào thấy được Thật tướng.

Trong sự *phiên dịch của ngài Ctu-ma-la-thập* thì “*Thật tướng cũng bao hàm ý nghĩa Không*”, từ ngài Long-Thụ về sau nhấn mạnh nội dung Chân đế của Phật giáo. Còn thuyết “*Chư pháp thật tướng*” là tiêu biểu (tức pháp ấn) của Phật giáo Đại thừa, cũng tức là đối lại với *Tam pháp ấn* (vô thường, vô ngã, niết-bàn) do Phật giáo Tiểu thừa lập ra, thuyết do Phật giáo Đại thừa lập gọi là *Thật tướng ấn*. Tướng trạng chân thật của tất cả các pháp gọi là Chư pháp thật tướng, tuy tùy theo mỗi tông mà có nội dung khác nhau, nhưng phán đoán theo lập trường của mỗi tông thì đều được xem là tối hậu và cứu cánh, đều dùng từ “*Thật tướng*” này để biểu thị.

* **Thế Dụng:** Thế tánh và tác dụng của các pháp. *Thế* là thế tánh, chân lý thật tướng bất biến, không phân biệt ; *Dụng* là tác dụng, là sự biểu hiện cụ thể của hiện tượng sai biệt .

Luận Đốn Ngộ Yếu Môn, hạ (Vạn Tục 110, 430 thượng) ghi : “*Tịnh là bản thể, Danh là tích dụng. Từ bản thể khởi tích dụng, từ tích dụng qui bản thể, Thế Dụng không hai, Bản Tích chẳng khác*”.

* **Thế Hùng Lương Túc Tôn:** Từ tôn xưng đức Phật. Phật là đấng hùng mạnh nhất thế gian (Thế hùng), là bậc tôn quý nhất trong các loài hữu tình hai chân nên gọi là “*Thế Hùng Lương Túc Tôn*”.

* **Thế Tánh (Thế Tính):** Còn gọi: Thật thể. Thực chất của sự vật là thể, không thay đổi gọi là tánh (tính), nên Thế tức Tánh (Tính). Nếu nói theo pháp môn về lý thì thế tánh của Phật và chúng sanh là đồng nhất. Không sai khác.

* **Thể Tướng:** Thể và Tướng. Bản chất bất biến, làm sở y cho hiện tượng sai biệt gọi là Thể; hiện tượng sai biệt nương vào Thể hiện ra bên ngoài gọi là Tướng. Thể là pháp tính có các tính chất: Nhất, Tuyệt đối, Vô hạn, Chân thường; còn Tướng là pháp tướng có các tính chất: Phi nhất, Tướng đối, Hữu hạn, Phi thường.

Tông Pháp Tướng và *Tông Pháp Tính* có chủ trương khác nhau về Thể và Tướng. *Tông Pháp Tướng* cho rằng ngoài Tướng còn có Thể; tức ngoài tướng vạn hữu thuộc Y tha khởi, còn có Thể mà chân như là sở y thuộc Viên thành thật, như ngoài cỏ cây còn có sự tồn tại của đại địa. Còn *tông Pháp Tính* thì cho rằng Tướng tức Thể, mà tướng Y tha khởi, chính là chân thể Viên thành thật.

* **Thí Dụ:** Còn gọi: Dụ. Phạn âm: *Avadāna*.

Hán dịch: *A-ba-đà-na*. Đó là tích xưa có thật, hoặc đặt ra cùng là những thể so sánh mà Phật đặt ra để giúp người ta dễ hiểu đạo lý chỗ cao siêu, hoặc để cho những người mới tu tập tỉnh ngộ mà làm lành.

Thí Dụ kinh là một thể thuyết pháp trong mười hai thể thuyết pháp của Phật. Một bộ trong Thập nhị Bộ Kinh.

* **Thị Giả:** Phạn: *Ante-vāsin*. Thị giả là vị Tăng theo hầu bên cạnh Sư phụ hay bậc Trưởng lão.

Kinh Đại Bát Niết Bàn, ghi: Trong 7 Đức Phật đời quá khứ, vị thị giả đệ tử của Đức Phật **Tỳ-Bà-Thi** tên là *A-thúc-ca*, đệ tử thị giả của Đức Phật **Thi Khí** tên là Sát-ma-ca-rô, đệ tử thị giả của Phật **Tỳ-Xá-Phù** tên là *Ưu-ba-phiến-đà-ca-la*, đệ tử thị giả của Phật **Câu-Lưu-Tôn** tên là *Bạt-đề*, đệ tử thị giả của Đức Phật **Câu-Na-Hàm Mâu-Ni** tên là *Tô-đề*, đệ tử thị giả của Đức Phật **Ca-Diếp** tên là *Diệp-bà-mật-đa*, đệ tử thị giả của Đức Phật **Thích-Ca** tên là *A-nan*. Thị giả của các Đức Phật đều có đủ 8 pháp như : Tín căn vững chắc, tâm ý ngay thẳng ... cho nên có khả năng hộ trì 12 thể loại kinh.

Trong các Tòng lâm, chức vị thị giả thông thường do vị Sa-di lợi căn hay vị Tỳ-kheo tuổi hạ còn thấp đảm nhiệm, quan hệ giữa vị này và Trưởng lão (hoặc Sư phụ hoặc Trụ trì) rất mật thiết, ngoài việc xử lý các việc lật vật, vị thị giả chẳng những sớm tối phải nghe theo lời chỉ dạy mà còn phải học tập, quán xét đạo đức của các Ngài, cho nên đặc biệt được xem trọng và thường được định là người kế thừa y bát hoặc pháp tịch.

* **Thi-Khí Đại Phạm:** Phạn âm: Cikhin-Brahmà. Là tên một vị Đại Phạm (*Màhà Brahma*), một vị Đại Tiên ở cảnh Sơ thiên Thiên, cõi Trời Sắc giới. Hồi Phật Thích Ca giảng Kinh Diệu pháp Liên hoa tại núi Kỳ Xà Quật, ngài Phạm Thiên Vương (*Brahmà*), chủ Ta bà thế giới có hiện lại với một vạn hai ngàn vị Thiên tử mà dự nghe. Dẫn đầu một vạn hai ngàn vị Thiên tử ấy, có hai ngài: Thi Khí Đại Phạm và Quang Minh Đại Phạm (*Brahmà Djyôticprabha*). Và đến khi Phật nhập Niết Bàn tại rừng cây Ta La, ngài Thi-Khí Đại Phạm Thiên Vương, chúa tể cõi Ta bà thế giới hiện lại với chư Tiên, tỏ lời ưu bi, thương tiếc đức Phật.

* **Thích Ca:** Phạn âm: *Sakya*. Hán dịch: *Năng Nhân*. *Thích Ca* là dòng họ của Đức Phật; một trong các dòng họ ở Ấn Độ thời cổ, thuộc giai cấp võ sĩ, là con cháu của vua Cam Giá (*Iksvaku*) thuộc hệ thống Nhật chủng (*Suryaramsa*) trong chủng tộc Aryan. Đức Phật xuất thân từ dòng họ này, do đó mà gọi là Thích-Ca Mâu-Ni (*Sakya-muni*, tức bậc Thánh dòng họ Thích-Ca).

* **Thích Ca Mâu Ni** (*Sākya-muni*): Còn gọi: *Thích Ca Văn*, *Thích-Ca Văn-ni*, *Xa-ca-dạ Mâu-ni*, *Thích Ca Mâu-năng*, *Thích Tôn*. Gọi tắt: *Thích Ca*, *Mâu ni*, *Văn ni*. Hán dịch: *Năng nhân*, *Năng nhẫn*, *Năng tịch*, *Tịch Mặc*, *Năng Mãn*, *Độ Ốc Tiêu*.

Bậc Đại giác ngộ tối tôn, tối thắng sống vào khoảng thế kỷ 5-4 trước Tây Lịch, xuất thân từ dòng họ Thích Ca, là thái tử con vua Suddhodana (Tịnh Phạm) thành Kapila-vastu (Ca-tỳ-la-vệ) thuộc Bắc Ấn Độ và Hoàng Hậu Maya (Ma-da), là giáo tổ Phật giáo. *Phẩm Giảng Thân trong kinh Tu Hành Bản Khởi*, thượng ghi: Khi Đức Thích Tôn đản sinh, Ngài đi 7 bước, một tay chỉ trời một tay chỉ đất nói: “Trong cả cõi trời, cõi người, chỉ Ta là tôn quý; ba cõi đều khổ, Ta sẽ làm cho an lạc”. Sau khi rước về cung, Thái tử được đặt tên là Tất-đạt-đa.

Sau khi sinh 7 ngày thì Ma-da phu nhân qua đời, Thái tử được di mẫu là Ma-ha Ba-xà-ba-đề (Mahāprajapati) nuôi nấng thành người. *Phẩm Tập Học Kỹ Nghệ trong Phật Bản Hạnh Tập Kinh 11, Hữu Bộ Tì-nại-da Phá Tăng Sự 3 ...* ghi: Lúc còn niên thiếu, Thái tử học tập văn chương với Bà-la-môn Tì-xa-mật-đa-la (Vismamitra, Thế Quang Giáp), học tập võ nghệ với Sần-đê-đê-bà (Ksāntideva, Đồng Thân), mọi môn thầy đều thông hiểu. Khi lớn lên Thái tử cưới Da-du-đà-la (Yāsodhara) con gái vua Thiện Giác (Suprabuddha), người đứng đầu thành Thiện Tý làm vợ, sinh con là La-hầu-la (Rāhula).

Phẩm Du Quán trong kinh *Tu Hành Bản Khởi*, hạ ... ghi: Một hôm Thái tử đi dạo 4 cửa thành, thấy các người già, người bệnh, người chết và Sa môn, Ngài cảm nhận sâu xa về nỗi khổ và vô thường của kiếp sống con người, từ đó Thái tử đã có tâm muốn xuất gia tu đạo. Năm 29 tuổi (có thuyết nói 19 tuổi), nửa đêm Thái tử ra khỏi vương cung tìm đường tu tập giải thoát, Trước hết, Thái tử cầu học nơi Bạt-già-bà (Bhārgava) ở nước Tỳ-xá-ly (Vaisali), sau đến thành Vương Xá (Rajagrha) được sự chỉ dạy của A-la-ra-ca-lam (Ārāda-kālāma), Uất-đà-ca-la-ma tử (Udrakārāmaputra), vì những gì đã học được không thể đạt đến cảnh giới giải thoát nên Thái tử liền đến rừng Khổ Hạnh thuộc thôn Ưu-lâu-tần-la (Uruvibvā) ở phía Nam Già-da (Gayā) nước Ma-kiệt-đà (Magadha) bắt đầu cuộc sống khổ hạnh trong 6 năm. Sau đó Ngài hiểu rằng khổ hạnh chẳng phải là Nhân đắc đạo nên từ bỏ, đến sông Ni-liên-thiên (Nairānjana) tắm gội, đồng thời tiếp nhận bát cháo sữa do cô gái chăn bò cúng dường. Thái tử đến cội cây Tát-bát-la (Pippala) ở thôn Già-da, trải cỏ cát tường làm tòa kim cương, ngồi kiết già xoay mặt về hướng Đông, đoan thân chính niệm, tĩnh tâm mặc chiếu, tư duy đạo giải thoát. Sau 49 ngày, vào lúc rạng sáng ngày mùng 8 tháng 12, Thái tử hoá nhiên đại ngộ, bấy giờ Thái tử đã 35 tuổi (có thuyết nói 30 tuổi).

Sau khi thành đạo, đầu tiên Đức Phật đến vườn Lộc Dã (Mrgadāva) ở thành Ba-la-nại (Bārānasi) chuyển pháp luân **Tứ Đế** giáo hóa 5 vị thị giả chính là 5 vị Tỳ kheo nổi tiếng: A-nhã Kiêu-trần-như (Ājñāta-Kaundinya), Bạt-đề (Bhadrika), Bà-sa-ba (Bāspa), Ma-ha-nam (Mahānāma) và A-thuyết-thị (Āsvajit). Sau đó, Đức Thích Tôn đến nước Ma-kiệt-đà hóa độ 3 anh em: Ưu-lâu-tần-loa Ca-Diếp (Uruvilvākāsyapa), Na-đề Ca-Diếp (Nadikāsyapa), Già-da Ca-Diếp (Gaya-kāsyapa) thuộc Bái Hỏa giáo và 1000 đệ tử của họ. Đức Thích Tôn lại hóa độ Xá-lợi-phất (Sāriputra) và Mục-kiền-liên (Moggallāna) thuộc một trong Lục sư ngoại đạo. Quốc vương thành Vương Xá là Tần-bà-ta-la (Bimbisāra) quy y Đức Thích Tôn, vua kiến lập Tịnh xá trong vườn trúc do Trưởng giả Ca-lan-đà (Kalanda) hiến cúng để cúng dường.

Thời gian sau Đức Thích Tôn trở về Ca-tỳ-la-vệ, khuyến hóa nhiều người quy y xuất gia, như Nan-đà, La-hầu-la, Đề-bà-đạt-đa, người thợ hớt tóc Ưu-ba-ly ... Đức Thích Tôn lại thuyết pháp cho Trưởng giả Tu-đạt-đa (Sudatta) ở thành Xá Vệ (Sravasti) nghe, Trưởng giả bèn xây dựng ngôi Đại Tịnh Xá trong khu vườn rừng do Thái tử Kỳ-đà (Jeta) ở thành Xá Vệ hiến cúng Đức Thích Tôn để làm nơi an trú và hoằng pháp lâu dài. Quốc chủ thành Xá Vệ là vua Ba-tư-nặc (Prasenajit) cũng quy y Phật trong thời gian này. Sau khi vua *Tịnh Phạn* băng, Đức Thích Tôn lại trở

về cố quốc, di mẫu Ba-xa-ba-đề, vợ là Da-du-đà-la ... cũng xin cạo tóc xuất gia. Sau đó, Đức Thích Tôn lần lượt thuyết pháp truyền giáo ở các vùng thuộc Ấn Độ, bất luận là sang hèn, nam nữ đều được Ngài giáo hóa.

Trong 1 năm cuối cùng còn tại thế của Đức Thích Tôn, Ngài rời nước Ma-kiệt-đà, đi về phía Bắc đến sông Hằng, qua Tỳ-xá-ly (Vaisāli), đến thành Ba-bà (Pāvā) thụ nhận lần cúng dường sau cùng của người thợ kim hoàn tên là Thuần Đà (Cunda). Trước khi nhập diệt, Đức Thích Tôn tắm gội tại sông Câu-tôn (Kakuttha), đến rừng Sa la Song Thụ thuộc thành Câu-thi-na Yết-la (Kusinagara), nằm theo dáng cát tường, đầu hướng về phía Bắc, mặt xoay về phía Tây. Nửa đêm, Đức Thích Tôn giáo giới các đệ tử lần cuối cùng, sau đó Ngài an tịnh nhập diệt nhằm ngày 15 tháng 2.

* **Thích Đề Hoàn:** Gọi đầy đủ: **Thích Đề Hoàn Nhơn**. Phạm âm: *Cakra-Dêvas-Indrâ*.

Danh hiệu đức Đế Thích, vua ba mươi cảnh Tiên: Đạo ly Thiên ở cõi Dục giới. Quyền hạn của ngài là thống trị từ miền Đạo ly Thiên cho đến cõi Nhơn gian này.

Thích Đề Hoàn Nhơn viết trọn theo Phạm: Thích Ca (Cakra), Đề hoàn (Dêvas), Nhơn đà la (Indrâ). Dịch nghĩa: Năng Thiên Chủ Thích: Năng, có sức làm, Đề hoàn (Dêvas) : chư Thiên, các vị Tiên ở các tầng trời, Nhân (Indrâ) : Chủ, Đế, Vua.

Thích, Phạm (Cakra, Brâhma) : Đức Đế Thích và Đức Phạm Thiên Vương: Đại Phạm Thiên Vương. Ấy là hai vị vua ở cõi Trời, đức Đế Thích thì chức vụ nhỏ thấp hơn. Thích là vua Tam thập Tam Thiên ở cõi Dục giới, Phạm là vua cảnh Phạm ở cõi Sắc giới.

* **Thích tử:** Còn gọi : *Thích chủng tử, Thích-Ca tử*. Đây là từ để gọi các vị đệ tử xuất gia của Đức Thích Tôn hoặc chỉ chung cho các tín đồ Phật giáo từ sau khi Đức Thích Tôn nhập diệt.

Luận Tứ Phần 36 (Kiền-độ Già Thuyết giới thứ 9 trong Tiểu Phẩm Luật Tạng Pàli) (Đại 22, 824 hạ) ghi: “Trong giáo pháp của ta, 4 chủng tính Sát-Lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, những ai có lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo, lìa bỏ tên cũ, thì đều được gọi là Sa-môn Thích Tử”. *Duy-ma Nghĩa Ký 2, phần cuối (Đại 38, 465 hạ) của Ngài Huệ Viễn đời Tùy* cũng ghi: “Người nữ hoặc cầu, nên gọi là phi pháp; Tỳ-kheo dứt ác, nên gọi là Sa-môn; từ Phật Thích Tôn giáo hóa mà sinh ra, nên gọi là Thích tử”.

* **Thiện Căn:** Căn lành, gốc rễ lành.

Đó là ba nhóm thân, khẩu, ý; Ba nghiệp căn bản đều trở nên từ thiện, chơn chánh một cách kiên cố, chẳng vì nghịch cảnh, nghịch duyên mà suy nhược, thối thất.

Lại ba căn lành ấy hay sanh ra diệu quả là những phước lạc ở cảnh Người, cảnh Tiên, cảnh Phật và hay sanh ra những pháp lành khác nữa, cho nên gọi là thiện căn.

Nói về thiện căn, người ta hiểu là ba nghiệp lành của thân, khẩu, ý, nhưng trong đó cái ý nghiệp có sức mạnh hơn hết, quan trọng hơn hết.

Đó là ba thiện căn chánh gốc. Nhưng mà, tỹ như một cái cây có rất nhiều rễ ăn tủa xuống đất, một nhà tu, một bậc thành Đạo có vô số, vô lượng thiện căn. Vì mỗi pháp lành, mỗi đức lành mà mình tu tập được, từ đời quá khứ cho đến đời hiện tại, đều trở nên một thiện căn vậy.

Và trong vô lượng thiện căn của các hàng Thánh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật, thì lòng từ là căn bản.

Kim Vân Kiều: “Thiện căn ở tại lòng ta.

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”.

Đại Niết Bàn Kinh: “Thiện căn có nội, có ngoại, có hữu lậu, có vô lậu, có thường, có vô thường. Còn Phật tánh thì không nội, không ngoại, không hữu lậu, không vô lậu, không thường, không vô thường”.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh phẩm 27: “Như có hàng thiện nam tử, thiện nữ nơn gieo trồng thiện căn thì đời nào sanh ra cũng gặp bậc Thiện tri thức. Bậc thiện tri thức này làm nổi Phật sự, chỉ dạy cho mình những điều lợi ích, vui vẻ khiến cho mình vào Phật quả”.

* **Thiền Cơ:** Còn gọi: **Cơ Phong.** Dụng ngữ thiền. Cơ là tác dụng của tâm bị giáo pháp kích phát mà hoạt động, hoặc là then chốt, cơ nghi khế hợp chân lý; Phong là trạng thái nhạy bén của thiền cơ hoạt dụng. Ý nói khi bậc thầy hoặc vị thiền tăng cùng người khác đối cơ hoặc dẫn dắt người học, bậc thầy thường mượn ý sâu xa, không tìm được tung tích, cho đến không phải ngôn ngữ mang tính logic để diễn đạt cảnh giới của mình hoặc để trải nghiệm đối phương.

Lâm Gian Lục, hạ ghi: “*Vân Am rất khen ngợi, cơ phong không kém Anh Thiệu Vũ*”.

Cơ phong bén nhạy lanh lợi, khiến người kinh sợ mà lẫn tránh gọi là cơ phong tiểu tuấn.

Thạch Khê Tâm Nguyệt Thiền Sư Ngữ Lục, thượng ghi: “*Nếu bắt tay vào việc thì phải có kiến giải huyền vi, cơ phong cao vút, chính là thầy thuốc hay trị nổi bệnh nặng*”.

* **Thiền Duyệt Thực:** Thức ăn thiền duyệt. Người nhập thiền định, thân tâm an vui tự tại, có công năng nuôi lớn nhục thân, ích lợi cho huệ mạng, giống như thực vật có công năng nuôi lớn xác thân, tinh thần khỏe mạnh cho nên gọi là Thiền duyệt thực.

Phẩm Ngũ Bá Đệ Tử Thọ Ký, kinh Pháp Hoa, ghi: “Chúng sinh ở cõi ấy thường dùng 2 thứ thức ăn: Một là Pháp hỷ thực, hai là Thiền duyệt thực”.

Kinh Tâm Địa Quán 5, ghi: “Chỉ có Pháp hỷ thực và Thiền duyệt thực mới là món ăn của Thánh hiền”.

* **Thiền Định:** Phạn âm: *Dhyana samadhi*. Tham thiền và nhập định.

Thiền là Thiền na (Dhyana) viết tắt, dịch nghĩa: Tư duy tu, Tĩnh lự.

- *Tư duy tu* nghĩa là đối cảnh mà suy nghĩ, xét nét, nghiên cứu, tu tập cho chí cùng.

- *Tĩnh lự* là tâm thể tịch tĩnh: yên lặng, như vậy mới có thể thẩm xét.

Định là Tam Muội (Samadhi) dịch nghĩa: Tâm định chỉ vào một cảnh, bèn rời khỏi các sự phân tán, lay động.

Nói tóm, một lòng khảo cứu sự lý gọi là Thiền, tĩnh niệm vào một cảnh, gọi là định. Nhà tu hành lúc mới ngồi trầm tư mặc tưởng, thì ở cảnh thiền, tới chừng tâm trí tập trung lại một cảnh cao viễn, thì vào cảnh định. Như vậy gọi là thiền định, tức là tiếng hiệp chung hai trạng thái liên tiếp nhau. Đắc phép thiền định là người tu rất cao.

Hành giả khi ngồi kiết già mà đắc phép thiền, thì tinh thần vượt khỏi cõi Dục giới, tức là cõi Người và cõi Tiên còn ưa muốn, bèn lên một tầng trong bốn tầng trời Sắc giới: *Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền*.

Nếu hành giả đắc luôn phép định, tinh thần bèn vượt cõi Sắc giới mà lên đến một tầng trong bốn tầng trời Vô sắc giới: *Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ*.

Hành giả đắc bốn phép thiền và bốn phép định ấy, nhưng chưa ra khỏi, thì gọi là *Thiền định hữu lậu*, được Ngũ thông (năm phép thần thông là cùng). Nếu ra khỏi tức là đạt tới phép *Diệt tận định*, thì được giải thoát hoàn toàn, gọi là *Thiền định vô lậu*, bèn đắc Lục thông, thành La Hán hoặc Phật.

Cách nhập thiền định và cách xuất thiền định của bậc La Hán, bậc Phật đại để như vậy: Các ngài dùng tinh thần mà lần lượt trải qua bốn cảnh thiền, bốn cảnh định và cảnh *Diệt tận định*. Rồi các ngài từ cảnh *Diệt tận định* mà lần lượt trở xuống bốn cảnh định và bốn cảnh thiền.

Chùng xuống tới cảnh *Sơ thiên*, các ngài mới ra khỏi cảnh ấy và mở mắt và đứng dậy khỏi bồ đoàn (ngồi tham thiền).

* **Thiền Định Ba La Mật:** Hằng giữ chánh định nhập chơn pháp giới, chẳng tiếc thân mạng giáo hóa chúng sanh thuyết pháp vi diệu khiến đắc Vô Thượng Bồ Đề.

* **Thiền Đường :** *Pháp đường* dùng để tọa thiền ở những tự viện không có *Tăng đường* hoặc *Thiền đường* riêng, cũng là nơi ở của chúng tăng từ vị Duy-na trở xuống.

* **Thiền Nhãn:** Gọi đầy đủ: *Thiền nhãn minh*. Phạn âm: *Cyuty-apapada-jnana-saksat-kriya-vidya*. Còn gọi: *Sinh tử trí chứng minh*, *Tử sinh trí minh*, *Thiền nhãn trí*. *Thiền nhãn minh* là trí huệ rõ biết các tướng trạng của sinh tử, 1 trong Tam minh (Túc mạng minh, Thiền nhãn minh, Lưu tận minh) mà vị A-la-hán chứng đắc.

Tức đối với khi tử khi sinh, thiện sắc ác sắc, thượng sắc hạ sắc của tất cả chúng sanh, Thiền nhãn minh này thấy đều rõ biết, đồng thời biết chúng sanh y cứ vào 3 nghiệp thân, khẩu, ý mà có thiện hạnh hay ác hạnh, do nhân duyên chính pháp hoặc tà pháp mà sau khi mạng chung sinh về đường lành hay đường ác.

Luận Đại Tì-bà-sa 102, ghi : Thiền nhãn minh có công năng thấy suốt các việc vị lai, sinh tâm nhàm lìa, diệt trừ được đoạn kiến, sinh ra Vô nguyện giải thoát môn.

* **Thiền Nhĩ:** Nhĩ căn tịnh sắc do 4 đại chủng cõi Sắc tạo thành mà Chư Thiên cõi Sắc chứng được do dùng 4 căn bản Tịnh lự làm y địa. Thiền nhĩ này nghe được tiếng của nhân, tiếng phi nhân và tất cả âm thanh xa gần, thô tế.

* **Thiền Nhĩ Thông:** Phạn âm: *Divya-srotra-jnāna-sāksātkriyābhijnā*. Còn gọi: *Thiền nhĩ trí thông*, *Thiền nhĩ trí chứng thông*, *Thiền nhĩ thông chứng*. Năng lực thần thông đạt được do dùng Thiền nhĩ duyên với Thanh xứ cõi Dục và cõi Sắc; một trong 5 thông, một trong 6 thông.

Tập Di Môn Túc Luận 15, *Luận Đại Trí Độ 5*, ghi: Thiền nhĩ nghe được tiếng Trời, tiếng người, tiếng phi nhân và tất cả các âm thanh xa gần của tự địa và hạ địa, gọi là *Thiền nhĩ thông*, lấy huệ tương ứng với nhĩ thức làm thể, tính nó vô ký, thuộc về hữu lậu thế tục trí trong 10 trí.

Thiên nữ thông có 2 loại: Tu đắc và Báo đắc. Ở nhân gian tu Từ thiên định, do thiên định mà phát khởi được Sắc thanh tịnh do 4 đại cõi Sắc tạo ra và chứng được tác dụng của Thiên nữ, gọi là Tu đắc. Còn quả báo có được do sinh lên Tứ thiên Thiên gọi là Báo đắc.

* **Thiên Thọ Vương:** Cây trên Thiên đường, là vua các loài cây.

Đó là cây Ba Ly Chất Đa La ở trong vườn Hoan Hỷ, nơi cảnh Thiên đường của đức Đế Thích. Cây ấy trở hoa, mùi thơm, xông ra chung quanh đến năm mươi do-tuần. Đức Phật Thích Ca từng ngự lên cảnh Thiên đường của đức Đế Thích, ngồi nơi cội Thiên Thọ Vương mà thuyết Pháp độ các hàng Chư Thiên.

* **Thiện Tri Thức:** Còn gọi: *Thiện hữu*. Từ đồng nghĩa là: *Thân hữu*, *Thắng hữu*. Thiện hữu là người chính trực, có đức, cũng tức là người có khả năng dạy dỗ người khác theo chính đạo.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ, ghi: Đức Thích-Ca Như-Lai gọi hành giả niệm Phật là hoa Phân-đà-lợi trong loài người, Bồ Tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí là Thắng hữu của người ấy.

* **Thiên Tử:** Bực Tiên nam tử, bực Vua cả, quốc vương.

Ở mỗi cảnh Tiên trong Tam giới, có một vị Tiên trưởng quản trị, gọi là Thiên chủ, Thiên Vương, từng theo ngài có chư Thiên nhơn, Thiên tử (Đêvas). Riêng về Lục Dục Thiên trong cõi Dục giới, có cả Thiên nữ (Đêvis) là hàng Tiên phụ nữ. Như Phạm Thiên Vương và chư Tiên tử.

Người nào kiếp trước đã tu thập thiện, đời này được quả báo sanh làm Vua cả hay Quốc Vương trong cõi người, trong khi trị nước được các vị Thiên Thần hộ trì, coi như hàng con em, đệ tử của bực Thiên chủ, cho nên gọi là Thiên tử.

* **Thiên Vương (Phật):** Phạn âm: *Dêvarâdja*.

Một đức Phật vị lai, hậu thân của Đê-bà-đạt-đa (*Dêvadatta*).

Trong *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, *Phẩm 12*, đức Phật có thọ ký cho Đê-bà-đạt-đa, phán rằng trong vô lượng kiếp tới, Đê-bà-đạt-đa sẽ thành Phật, hiệu là Thiên-Vương Như Lai. Cõi thế giới của đức Phật ấy sẽ gọi là Thiên Đạo (*Dêvasôppâna*).

* **Thiết Vi (Sơn):** Phạn âm: *Cakravâda-pavata*. Còn gọi: *Thiết -luân-vi sơn*, *Luân-vi sơn*, *Kim-cương sơn*, *Kim-cương-vi sơn*.

Thế giới quan của Phật giáo lấy núi Tu-di làm trung tâm, chung quanh núi này có 8 lớp núi, 8 lớp biển, lớp ngoài cùng là lớp núi do sắt tạo thành, gọi là Thiết Vi sơn, tức lớp núi ngoài hải bao quanh Tu-di và 4 châu. Có thuyết cho rằng Đại, Trung, Tiểu Tam Thiên thế giới đều có Đại, trung, Tiểu núi Thiết Vi bao quanh.

Theo *Luận Đại Tỳ-bà-sa 133* thì chính giữa của thế giới này là núi Tu-di được hợp thành bởi 4 thứ báu, chung quanh có 7 lớp núi vàng từ Kiện-đạt-la cho đến Ni-dân-đạt-la, giữa các lớp núi đều có 1 lớp biển, lớp biển thứ 8 bao quanh lớp núi Ni-dân-đạt-la chính là Hàm hải, Diêm-phù Tứ Châu nằm trong biển này. Chung quanh Hàm hải (lớp biển mặn) này có núi giống như tường bao bọc nên gọi là Luân Vi, lại vì núi này do sắt hợp thành nên gọi là Thiết Vi sơn.

✱ **Thọ ký:** Phạn âm: *Vyakarana*.

Thọ: nhận lấy. Ký: ghi nhớ, ghi chứng. Viết trọn chữ: Thọ *A nậu đa la Tam miệu Tam bồ đề* Ký. Viết tắt là: **Thọ ký:** nghĩa là trao cho sự ký chứng. Khi một đức Phật phán tiên tri rằng về sau một vị tu hành nào đó sẽ thành Phật, đó gọi là Thọ ký. Tỉ như đức Phật Nhiên Đăng đã Thọ ký cho đức Phật Thích Ca Như Lai vậy.

Thường thường là Thọ ký quả Phật Thế Tôn (Như Lai). Nhưng có khi cũng Thọ ký Bích chi Phật (Duyên giác).

Trong Địa Tạng Kinh, có chép: Thuở xưa, có đức Phật ra đời, hiệu là Sư Tử Hống Như Lai. Như có nam tử, nữ nhơn nghe tên đức Phật ấy, trong phút chốc liền qui y, thì hạng người ấy sẽ được vô số Phật xoa đầu Thọ ký (Ma đỉnh Thọ ký).

Trong Hội Pháp Hoa, đức Thích Tôn có Thọ ký quả Phật cho 1250 vị đệ tử La Hán và cũng có Thọ ký cho tất cả Pháp hội Tứ chúng, Bát bộ.

Thọ Ký, Hán dịch: *Hòa Ca La Na* (*Vyakarana*) là một thể thuyết pháp, một thể Kinh trong Thập nhị bộ Kinh.

✱ **Thù Sa:** Trong kinh Phật thường thấy xuất hiện nhiều tên Hoa trong thời thuyết pháp của Phật như: Mưa hoa Mạn Đà La, hoa Mạn Thù Sa, hoa Ma-ha Mạn Đà La, hoa Ma-ha Mạn Thù Sa. Thông thường mọi người đều biết hoa Mạn Đà La là một loại hoa trà, rất hiếm người biết nó là hoa Mạn Thù Sa, hoặc là hoa Mạn Châu Sa.

* **Thủ Ngạn:** Tức bờ bên này (cõi mê), còn bờ bên kia (cõi ngộ) gọi là Bờ ngạn. Lấy nghiệp và phiền não làm giữa dòng, cảnh giới sinh tử là bờ bên này, Niết Bàn là bờ bên kia.

* **Thường Bất Khinh (Bồ Tát):** Phạn âm: *Sataparibhuta*.

Một vị Bồ Tát thời quá khứ. Thuở xưa, vào thời tượng Pháp trong ba thời Pháp (Chánh Pháp, Tượng Pháp, Mạt Pháp) của đức Phật Oai Âm Vương đầu tiên (vì kế đó có 2 vạn ức đức Phật liên tiếp nhau ra đời đồng hiệu Oai Âm Vương), có một vị Bồ Tát Tỳ kheo mà người ta đặt tên là **Thường Bất Khinh**, là vì vị này hễ gặp ai trong Tứ chúng: Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tặc, Ưu bà di, thì xá bái và nói rằng “*Tôi chẳng dám khinh khi ngài, vì ngài sẽ thành Phật*”. Hàng Tứ chúng, những kẻ thượng mạn lấy làm bất bình vì sự thọ ký ấy, họ chửi mắng ngài, đánh đập ngài. Song ngài nhẫn chịu với những sự ấy, mà miệng thì cứ nói: “*Tôi chẳng dám khinh khi ngài, vì ngài sẽ thành Phật*”.

Thường Bất Khinh Bồ Tát nhờ nghe được kinh Pháp Hoa giảng bởi vô số Phật, nên đắc quả Phật, tức là Phật Thích Ca Mâu Ni. Còn những kẻ chửi, đánh ngài **Thường Bất Khinh** thì hồi Phật Thích Ca giảng thế, sanh ra làm đệ tử của Phật, chịu Phật giáo hóa cho.

* **Thượng Hạnh Bồ Tát (Visista-caritra):** Còn gọi: *Chủng Chủng Hạnh Bồ Tát*. Vị Bồ Tát thứ nhất trong các vị Bồ Tát từng địa dũng xuất nói trong kinh Pháp Hoa.

Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất nói trong kinh Pháp Hoa, ghi: “Trong hội Hư Không của kinh Pháp Hoa, từ dưới lòng đất cõi Ta bà vọt lên vô lượng vô số Bồ tát, chúng Bồ Tát này từ vô số kiếp đến nay đã được Phật giáo hóa, tu tập Phật huệ, vì cầu Phật đạo nên trụ trong hư không phương dưới; nay từ dưới đất vọt lên là để chứng minh về tuổi thọ lâu dài của Phật và nhận lời phó chúc của Đức Thích Tôn, lưu bố kinh Pháp Hoa. Trong các vị Bồ Tát từng địa dũng xuất này có 4 vị Đạo sư, vị thứ nhất chính là Thượng Hạnh Bồ tát. Vì vị Bồ Tát này có công hạnh thù thắng, là bậc tối thượng trong chúng, nên gọi là Thượng Hạnh Bồ tát.”

* **Thượng Sư:** Còn gọi: *Kim Cương Thượng Sư*.

Danh từ tôn xưng người có giới đức cao, phẩm hạnh thù thắng, xứng đáng làm khuôn mẫu cho người đời của Phật giáo Tây Tạng. Người Tây Tạng gọi là *Lạt Ma*.

Lạt Ma là dịch âm tiếng Hán của tiếng Tây Tạng Bla-ma, vốn là danh từ phức hợp giữa Bla (thượng) và ma (nhân), ý chỉ cho người thượng đức. Tương đương với chữ Phạn Guru (cổ-lỗ), nghĩa là Sư tượng, Sư phạm, là danh từ tôn xưng đối với thầy mình của người Ấn Độ thời xưa hoặc một số người tu hành.

* **Thượng Thủ:** Phạn âm: *Pramukha*. Bao hàm các nghĩa sau:

- Thượng thủ là người ở địa vị cao nhất trong đại chúng. Lúc Phật còn tại thế đã có tên gọi này, từ ngữ “Thượng thủ” thấy rải rác trong các kinh điển Hán dịch. Về sau, trong thiền lâm thỉnh thoảng dùng “Thủ tọa” thay cho Thượng thủ, nhưng ý tôn trọng vẫn không thay đổi.

- Thượng thủ là pháp môn tối thượng trong các pháp môn. Như *Kinh Thủ Hộ Quốc Giới Chủ Đà-la-ni 2* gọi 15 loại tam-muội như “*Yếm li Nhất Thiết Pháp Tam Muội*” là Tam-muội thượng thủ trong tất cả Tam-muội và gọi 53 Đà-la-ni môn như “*Quán Chú Pháp Tính Đa-la-ni Môn, Phát Bồ Đề Tâm Đà-la-ni Môn*” là các Đà-la-ni môn thượng thủ trong tất cả Đà-la-ni môn. Kinh Đại Bát Niết Bàn là thượng thủ đối với các kinh của hàng Thanh văn.

- Thượng thủ còn là từ dùng để chỉ Ngài Ưu-Ba-Ly (Phạn: *Upali*, Hán dịch: *Hóa sinh, Thượng thủ*); đệ tử Phật. Vì Ngài giữ luật bậc nhất, là kỷ cương cho đại chúng nên gọi là Thượng thủ. Sau khi Như Lai nhập diệt, Ngài cùng 500 vị Thánh tăng kết tập Tạng Luật trong hang Tất-Bát-La.

* **Thường Tinh Tấn (Bồ Tát):** Phạn âm: *Satasamitâbhiyakia*.

Một bậc Đại Bồ Tát. Ngài thường du hành đến nghe Phật Thích Ca giảng Kinh, như là Kinh Đại Thừa, như A Di Đà Kinh, Diệu pháp Liên Hoa Kinh v. v.

Trong Diệu pháp Liên Hoa Kinh, phẩm 19, Ngài Thường Tinh Tấn được nghe Phật gọi đến mà giảng về công đức của bậc pháp sư thọ trì, đọc tụng giải thuyết, chép truyền Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, các công đức thanh tịnh, vì diệu của lục căn trở nên thần thông.

* **Tiệm:** Pháp môn dạy lần lần. Đối với: **Đốn giáo** là pháp môn dạy cho thành công tức khắc, không chần chờ. Lại đối với: **Viên giáo** là pháp môn tròn trịa đầy đủ, đưa ngay vào quả Phật.

Vì chúng sanh căn tánh khác nhau, có chậm độn, có lanh lợi, nên Phật tùy tiện mà dạy bảo. Ngài dùng Tiệm giáo, Đốn giáo hoặc Viên giáo.

Về **Tiệm giáo**, trước Ngài dạy chỗ dễ, cạn, rồi dần dần dạy tới chỗ khó, sâu. Chính lúc đầu, Ngài dạy về *thừa Thịnh văn*, kế lần lên *thừa Duyên giác*, sau rốt thì dạy *thừa Bồ Tát*. Thuyết pháp lần lượt từ chỗ dễ đến chỗ khó đặng tiện bề điều dắt người ta tu học, đó là Tiệm giáo vậy.

* **Tiểu Kiếp**: Phạn âm: *Antara kalpa*.

Phật giáo (Luận Câu-Xá) cho rằng mức thọ mạng cao nhất của người là 84.000 tuổi. Sau đó, cứ qua 100 năm thì giảm một tuổi, giảm cho tới khi người chỉ có 10 tuổi. Đó là một giai đoạn giảm kiếp. Sau đó bắt đầu giai đoạn tăng kiếp. Qua 100 năm tăng một tuổi, cho đến khi đạt tới mức thọ mạng cao nhất là 84.000 tuổi. Rồi một giai đoạn giảm kiếp khác lại bắt đầu. Một giảm kiếp cộng với một tăng kiếp gọi là một tiểu kiếp.

* **Tiểu Thừa**: Phạn âm : *Hina-yana*. Cầu quả Phật là Đại thừa, cầu quả A-la-hán, quả Bích-Chi Phật là Tiểu thừa. Quả Phật chỉ sự chứng đắc khai ngộ Nhất Thiết chủng trí, giáo hóa làm lợi ích cho chúng sinh cho đến hết thời vị lai. Quả A-la-hán và quả Bích-Chi Phật tuy mức độ nông sâu có khác nhau, nhưng đều là sự chứng ngộ khô thân diệt trí qui về không tịch Niết Bàn. Thừa có nghĩa là vận tải chuyên chở giáo pháp, khiến người ta nhờ đó mà tới được bờ giác ngộ.

Tiểu thừa dùng *Tứ đế* làm giáo thể để tới quả A-la-hán, dùng *12 nhân duyên* làm giáo thể để tới quả Bích-Chi Phật. Như vậy, Tiểu thừa có 2 đường, nên cũng gọi là Nhị thừa. Nhị thừa là những điều được thuyết minh ở 3 tạng Kinh-Luật-Luận trong vòng 12 năm sau khi đức Phật thành đạo, nên *Thiên Thai* gọi đó là *Tam tạng giáo*.

Sau khi Phật diệt độ, Tiểu thừa ở Ấn-Độ chia ra làm 20 lưu phái Tổng và Biệt. Sau khi truyền sang Trung Quốc mới lập ra 3 tông gọi là *Câu-Xá tông*, *Thành Thật tông* và *Luật tông*. Đó tức là Tiểu thừa và là pháp mà đức Phật tùy theo tha ý mà thuyết giảng để tạm thời điều phục hạng căn tánh thấp kém.

* **Tịnh Độ**: Gọi đầy đủ: *Thanh tịnh độ*, *Thanh tịnh quốc độ*, *Thanh tịnh Phật sát*. Còn gọi: *Tịnh sát*, *Tịnh giới*, *Tịnh quốc*, *Tịnh phương*, *Tịnh vực*, *Tịnh thế giới*, *Tịnh diệu độ*, *Diệu độ*, *Phật sát*, *Phật quốc*.

Tịnh Độ là cõi nước thanh tịnh, là nơi an trú của Phật. Trái lại, nơi an trú của Chúng sinh có các phiền não ô uế nên gọi là Uế độ, Uế quốc. *Tịnh Độ* là luận thuyết nói trong các kinh Đại thừa, còn Tiểu thừa giáo lấy Niết-Bàn vô dư *ngộ thân bất trí* làm lí tưởng thì không có thuyết

này. Phật giáo Đại thừa cho rằng Niết Bàn có tác dụng tích cực, Chư Phật đã được Niết Bàn, mỗi vị đều ở tại Tịnh Độ của mình giáo hóa Chúng sinh, cho nên hễ nơi nào có Phật an trú thì nơi đó là *Tịnh Độ*.

Kinh A-Súc Phật Quốc, thượng; Kinh Phóng Quang Bát Nhã 19; Kinh Vô Lượng Thọ, thượng ... đều cho rằng *Tịnh Độ* là thế giới trang nghiêm thanh tịnh. Thế giới này do Chư Phật kiến lập bằng cách tích lũy công đức trong vô lượng kiếp khi các Ngài khởi thệ nguyện tịnh Phật quốc độ, thành tựu Chúng sinh trong giai đoạn nhân vị thực hành Bồ Tát.

Phẩm Phật Quốc trong kinh Duy-Ma, thượng cho rằng tâm tịnh thì độ tịnh, Ta-bà tức Thường Tịch Quang tịnh độ, nếu tâm chúng sinh bất tịnh thì cõi này trở thành như xấu bất tịnh, còn chỗ thấy của Phật thanh tịnh thì trở thành vô lượng công đức trang nghiêm.

✱ **Tịnh Hạnh (Bồ Tát):** Phạn âm: *Vicuddratchāritra*.

Đó là một vị Bồ tát Đạo sư, dẫn đầu vô số chư Bồ Tát, hiện đến núi Kỳ Xà Quạt mà ủng hộ Phật Thích Ca, lúc Phật giảng kinh Pháp Hoa.

Khi Phật giảng xong *Phẩm An Lạc Hạnh trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, có vô số chư Bồ Tát hiện đến cùng quyến thuộc. Có 4 vị Bồ tát Đạo sư là Thượng Hạnh (*Vicichtatchāritra*), Vô Biên Hạnh (*Anantachāritra*), Tịnh Hạnh (*Vicuddratchāritra*), An Lập Hạnh (*Supratchhitatchāritra*). Bốn vị ấy có nguyện với Phật rằng sẽ ra sức ủng hộ và truyền bá kinh Pháp Hoa sau khi Phật nhập diệt.

✱ **Tịnh Hoa Tú Vương Trí Như Lai** (*Kamaladala vimalanakchatrarādja samkusumitā bhidjna*):

Một đức Phật Như Lai đồng thời với đức Thích Tôn. Thế giới của Ngài ở về phương Đông đối với cõi Ta-bà, cách bởi trăm ngàn vạn ức cõi Phật khác. Cõi ấy tên là *Tịnh Quang Trang Nghiêm* (*Varōtchanarami pratimandita*) Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí, có vô lượng, vô biên chư Bồ Tát hầu theo Ngài mà nghe pháp.

Lúc đức Phật Thích Ca giảng *kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, từ nơi thế giới *Tịnh Quang Trang Nghiêm* của đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí, có đức Bồ Tát Diệu Âm (*Gadgadasvara*) và vô số Bồ Tát của Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí hiện lại cõi Ta-bà mà nghe đức Thích Tôn thuyết pháp.

✱ **Tinh Tấn:** Phạn: *Virya*.

Hán dịch: *Tỳ lê da, Tỳ ly da* (*Virya*). Đối nghĩa: Giải đãi. Tinh tấn thì trừ Giải đãi. Cũng viết: Cần, Cần hành, Cần Tinh tấn.

Dũng mãnh và bền chí mà tu tập các thiện pháp, trong tâm lo đoạn tuyệt những mối ác trước.

Kinh Phụ Hạnh: “Tinh là không nhiễm pháp, Tấn là cái tâm lúc nào cũng tưởng đến sở cầu của mình”.

Tinh tấn Ba la mật. Hán dịch: *Tỳ ly da Ba la mật* (Virya paramita) là nền hạnh thứ tư trong Lục Độ Đại Thừa để thành Phật.

Chánh Tinh Tấn (Sammā Vàyàma) là nẻo thứ sáu trong Bát Chánh Đạo thuộc về Đạo đế (Đạo đế là Đế thứ tư trong Tứ diệu đế).

Nhà đạo tinh tấn thi hành Tứ diệu đế thì phải:

- Tinh tấn mà lánh phiền não, tội lỗi, việc dữ khi chưa phát khởi.
- Tinh tấn mà lướt khỏi phiền não, tội lỗi, việc dữ khi đã phát khởi, đã lỡ phạm.

- Tinh tấn mà mở thông đức lành, việc lành mà mình chưa có.

- Tinh tấn mà duy trì, tăng trưởng đức lành, việc lành mà mình hiện có.

Bốn hạnh ấy gọi là *Tứ Tinh tấn, Tứ chánh cần, Tứ Ý đoạn, Tứ chánh đoạn, Tứ chánh thắng* (Prahâna).

Phật Di giáo Kinh: Nếu Cần Tinh tấn thì không có việc chi là khó. Bởi vậy các người nên Cần Tinh tấn. Tỷ như dòng nước nhỏ mà chảy mãi thì xuyên được hòn đá. Chớ nếu các người tu hành mà lòng dạ biếng nhác, phớt bỏ mãi, thì chẳng khác nào người dùi cây lấy lửa, chưa nóng mà đã nghỉ, thì khó mà có lửa được.

Bồ Tát Thiện Giới Kinh: Tinh tấn có ba thứ:

- Trang nghiêm Tinh tấn: Bồ Tát phát tâm, tinh tấn tu tập tất cả Lục Độ Phạm hạnh đặng trang nghiêm cái Đạo quả của mình. Lại vì sự giáo hóa chúng sanh, nên thị hiện thọ sanh, cho đến vì lòng từ bi, nên vào chốn Địa Ngục, chịu thế sự khổ cho chúng sanh. Mà lòng dạ không hề nghỉ ngơi.

- Nhiếp Thiện pháp tinh tấn: Bồ Tát đã tu xong Lục Độ Phạm hạnh, chẳng còn bị các phiền não, ác nghiệp, tà kiến làm khuynh động, bèn nắm giữ tất cả những Thiện pháp thế gian và xuất thế gian. Mà lòng dạ không hề phóng dật.

- Lợi ích chúng sanh Tinh tấn: Bất kỳ lúc nào, Bồ Tát cũng tu tập sự lợi ích của nền Thánh Đạo. Đối với tất cả chúng sanh, dùng vô số pháp mà giáo hóa họ, dắt dẫn họ, khiến cho họ cắt tuyệt nhưn duyên ác cho thành tựu Thiện quả. Tuy trải qua vô số kiếp, mà lòng dạ không hề mệt chán.

Niết Bàn Kinh, quyển 27: Với cái niệm tưởng rằng mình chưa đắc Đạo, mình tinh cần mà tu tập cho đắc Sa Môn Đạo quả (từ Sơ quả cho tới Tứ quả). Đó là Tinh tấn. Khi đã đắc Tứ quả rồi, đối với Quả Chánh đẳng Chánh giác, lòng mình chẳng hề ngưng nghỉ. Đó là Tinh tấn.

* **Tinh Tấn Ba La Mật:** Không lười mỏi , không thối chuyển luôn tiến bước chẳng ngừng trên đường tu đạo, liều bỏ thân mạng vì đạo, nói pháp tối thắng khiến người nghe được tới cõi Chánh Giác giải thoát.

* **Tôn Đà La Nan Đà :** Phạn: *Nanda*.

Vị Vương tử thứ 2 của vua Suddhodana (Tịnh Phạn) và hoàng hậu Mahapajapati (Maha Bà Xa Bà Đề), em đồng cha khác mẹ với Phật Thích Ca, cũng xuất gia theo Phật. Sư vốn tên là Nan Đà, trước khi xuất gia, Sư có vợ tên là Tôn Đà Lợi, nên gọi Sư là Tôn-đà-la Nan-đà. Sư có thân hình cao lớn, dung mạo khôi ngô, có 30 tướng, so với Phật chỉ thiếu tướng bạch hào và tướng trái tai dài đưng vai. Sau khi thành đạo, đức Phật độ Sư xuất gia, chứng được quả A La Hán.

Tôn-đà-la Nan-đà có nghĩa là: đoạn chánh hoan hỷ.

Trong *Thủ Lăng Nghiêm Kinh quyển 5*, ông Tôn-đà-la Nan-đà có thuật chuyện đắc đạo của mình rằng: “Khi tôi mới xuất gia, theo Phật vào đạo, tuy đủ giới luật, nhưng đối với phép Tam-ma-địa, lòng thường tán loạn xao động. Đức Thế Tôn dạy tôi và Châu-ly-ha quán cái hơi trắng ở chót mũi. Tôi khởi sự quán, trải qua 21 ngày, thấy hơi trong mũi ra và vào như khói. Kế đó, thân và tâm sáng tỏ, thấy suốt thế giới, tất cả đều trở nên cảnh hư không trong sạch, dường như lưu ly. Tướng khói ở chót mũi lần lần tiêu, sắc đen thành trắng: lòng khai tâm; các lậu, phiền não đều dứt. Hơi thở ra vào hóa thành hào quang, chiếu các cõi mười phương. Tôi đắc quả A La Hán. Và đức Thế Tôn có thọ ký cho tôi, bảo rằng tôi sẽ thành Phật”.

* **Tổng Trì:** Còn gọi: *Đà La Ni (Dhârani)*, *Chơn ngôn*, *Thần chú*. Gọi tắt: *Trì, Tổng trì*,

Giữ lấy tất cả. Tức là tùy theo câu niệm, cách định (chú ấn) mà giữ lấy, thâm lấy tất cả giáo pháp của Phật, tất cả Tam giới, hay là thâm Sức anh linh trong Vũ trụ.

Tổng trì, nghĩa là giữ trọn vẹn không để cho cái thiện thất lạc, không để cho các ác khởi lên. Trong khi Tổng trì, Bồ Tát hoặc nhà đạo đức lấy cái niệm Định Huệ làm thể, nương theo đó mà tu thì có đủ công đức về Tổng trì.

* **Trà Tỳ:** Hán dịch: Phần hóa, Thiêu xác.

Lễ thiêu xác ra tro bên Tây Thiên. Bên Đông độ, người ta không có lễ thiêu xác người quá vãng, nhưng người ta cũng gọi lễ hạ rông là Trà tỳ.

Niết Bàn Kinh, quyển 41: Tất cả Thiên, Nhơn, vô lượng đại chúng nên đem Chiên Đàn, Trâm Thủy, dầu thơm vi diệu, Trà tỳ Như Lai, luyến mộ mà kêu tiếng bi ai. Trà tỳ xong rồi, Thiên Nhơn, bốn chúng thấu lấy Xá ly, đứng trong bình thất bảo. Ở nơi thành nội, tại ngã tư đường, người ta xây Tháp thất bảo, cúng dường Xá ly, khiến chúng sanh được công đức lớn, lia khổ ba cõi có, đến chốn khoái lạc Niết Bàn.

* **Trâm Thủy Hương**: Cũng đọc: *Trâm Hương Thủy, Hương trâm thủy*. Gọi tắt: *Trâm hương*; Sách *Bản Thảo chú* nói: “Lý Thời Trân nói: Lấy một khúc lõi của loại cây này thả xuống nước thì nó chìm, cho nên gọi tên là trâm thủy, cũng gọi là thủy trâm, chìm một nửa thì gọi là Sạn hương, loại không chìm thì gọi là Hoàng thực hương”.

* **Tri-Địa Bồ Tát** (Dharanimdhara): Một bậc Đại Bồ Tát du hành.

Trong hội Pháp Hoa, khi Phật giảng đạo hạnh của ngài Quán Thế Âm Bồ Tát xong, ngài Tri Địa Bồ Tát bạch với Phật rằng: Về sau, ai được nghe phẩm kinh về đức Quán Thế Âm Bồ Tát, sẽ là bậc đắc nhiều công đức vậy.

Về Tri Địa Bồ Tát, có tích như vậy: Hồi kiếp quá khứ, có đức Phật Tỳ Xá Phù (Visvabhù) ra đời giáo hóa chúng sanh. Một bữa kia, Phật ngự vào thành, thấy một Tỳ kheo đang ban đất cho bằng phẳng mà đón rước ngài. Phật đến gần, đưa tay xoa đầu vị Tỳ kheo và phán rằng: “*Nếu người bình đẳng cái tâm địa của người, thì cảnh đất trên cõi thế giới sẽ liền được bình vậy*”. Vị Tỳ kheo nghe rồi đắc bậc “*Vô Sanh Pháp Nhân*”. Phật liền ấn chứng cho tên là **Tri Địa Bồ Tát**.

Trải qua vô số đời, vô lượng chư Phật đã ra đời, Tri Địa Bồ Tát từng làm hạnh bồi bổ đường sá, đất đai, bờ bến, cầu cống, khiến cho người bộ hành được vững bước, xe cộ được lưu thông, ghe thuyền được qua lại dễ dàng. Ngài lại còn khuân vác đồ đạc của người ở những nơi chợ búa, thành phố mà chẳng thọ lãnh tiền công.

* **Tri Giới** : Giữ gìn giới pháp do Phật chế, không huỷ phạm; 1 trong 6 Ba-la-mật. Đối lại: Phá giới.

Kinh Phật Thủy Bát-Niết-Bàn Lược Thuyết Giáo Giới ghi : “Người trì tịnh giới, không được mua bán trao đổi, khai khẩn ruộng vườn, nuôi dưỡng nhân dân, nô tì, súc sinh (...), phải tự lóng tâm, chính niệm mong

cầu giải thoát, không được che dấu tội lỗi, hiển bày những việc kỳ lạ để mê hoặc mọi người. Đối với tứ cúng dường, biết lượng biết đủ, được vật cúng dường không nên cất chứa. Đây là lược nói về tướng trì giới. Giới là cội gốc chân chính, thuận theo giải thoát nên gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa. Nhờ giới này mà sinh ra các thiền định và trí huệ diệt khổ, cho nên Tỳ kheo phải trì tịnh giới, đừng huỷ phạm”.

Nhưng hộ trì giới pháp rất khó, cho nên các luật vì nghiêm răn việc phạm giới mà lập ra các chế giới như Ba-la-di, Tăng tàn. Giới chung cho Đại, Tiểu thừa, đứng đầu trong Tam học (Giới học, Định học, Huệ học); Đại thừa xếp Giới vào Ba-la-mật thứ 2 trong 6 Ba-la-mật và 10 Ba-la-mật. Giới phẩm phải trì của người tại gia, xuất gia và Thanh văn, Bồ Tát đều khác nhau, theo *Luật Tứ Phần* thì Tỳ kheo có 250 giới, Tỳ kheo ni có 348 giới. Chúng tại gia trong 1 ngày đêm giữ 8 trai giới, gọi là Trì trai.

* **Trì Giới Ba La Mật:** Ba La Mật nghĩa là độ, vượt qua. Giữ giới có thể giúp người vượt qua sinh tử luân hồi. Ba La Mật có nghĩa bóng là hoàn thiện. Giữ giới đến chỗ hoàn thiện, không sai sót gì nữa.

* **Trí Huệ:** Phạn âm: *Parijnâ* (Bát Nhã), *Vibhâsha* (Tỳ Bà) *Djna* (Xá Na) vì chữ Phạn có ba tiếng mà nghĩa tương tự, dịch là: Trí, Trí huệ, Huệ.

Trí thức của nhà thành Đạo, của bậc học Đạo chơn chánh. Trái với: Ngụ si, Vô minh, Phiền não. Cũng gọi tắt: Trí hoặc Huệ.

Trí là chiếu thấy, Huệ là hiểu rõ. Trí huệ là sự thông minh, sáng suốt của Phật, Bồ Tát, chư Thánh và các nhà tu hành chơn chánh, trong sạch.

Trí huệ là sự phước đức, là nhị trang nghiêm, hai món làm cho xuê lịch cái thân của Phật, của Bồ Tát.

Trí huệ đối với Phiền não, Trí huệ tử như ánh đèn, Phiền não tử như chất tối.

Hễ có Trí huệ thì chẳng có Phiền não, hễ có Phiền não thì chẳng có Trí huệ. Cũng như hễ có ánh đèn thì chẳng có chất tối, hễ có chất tối thì chẳng có ánh đèn. Cho nên nhà đạo chỉ tu Trí huệ, thì Phiền não tự nhiên dứt. Trí huệ là một độ trong Lục độ. Gọi theo Phạn là *Bát nhã Ba la mật đa*. Mà cái độ Trí huệ thì cao viển hơn hết, bao gồm tất cả năm độ trước: *Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định*.

Trong *Phật Di Giáo Kinh* có chép rằng: “Nếu ai có Trí huệ thì không có lòng tham trước, thường xem xét lấy mình, chẳng để lỡ mất. Vậy thì đối Pháp Phật, có thể có sự giải thoát. Nếu chẳng như vậy, đã chẳng là người tại tục, chẳng gọi họ là gì được. Trí huệ chơn thiệt là chiếc ghe chắc chắn chở qua biển Già, Bệnh, Chết vậy. Cũng là ngọn đèn rất tỏ soi

chỗ tối đen u ám vậy. Đó là thang thuốc lành trị các thứ bệnh vậy. Là cái cây rìu bén để đốn cây phiền não. Bởi vậy cho nên các người nên lấy sự nghe, sự nghĩ, sự tu đức Trí huệ mà tăng ích lấy mình”.

* **Trí Huệ Ba La Mật:** Thấu triệt các pháp giữ vững tâm trung đạo, không chán sanh tử không ham cầu Niết Bàn có đại xả, tâm thương xót chúng sanh, nói pháp Nhất thừa khiến chúng sanh đắc Phật đạo.

* **Tri Kiến:** Chỗ biết và chỗ thấy, sự thấy biết. Tri là chỗ biết, sự biết bằng ý thức; Kiến là chỗ thấy, sự thấy bằng con mắt. Sự tri kiến cao thấp, rộng hẹp có khác nhau, tùy nơi phạm phu và Trí giả, Thánh nhơn.

Cho nên trong các hàng đấng Đạo, chỗ tri kiến cũng khác nhau: tri kiến của Thinh văn, tri kiến của Duyên giác, tri kiến của Bồ Tát, tri kiến của Phật. Về cái tri kiến bao quát của Phật, Tri là sự biết của cả Tam trí, Kiến là sự thấy của cả Ngũ nhãn.

Theo thuyết của Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, đức Phật giáng thế là ban cái tri kiến của Phật cho chúng sanh. Ngài tùy tiện mà thuyết pháp, phân ra làm bốn thời kỳ: ban đầu Ngài thuyết về lý của Thinh văn, kế đó Ngài giảng về lý của Duyên giác, sau nữa Ngài diễn về lý của Bồ Tát, và sau rốt, Ngài gom ba lý trên làm một lý chung, gọi là Nhất thừa, Phật thừa. Ngài độ cho chư đệ tử vào Tri kiến của Phật Như Lai, Trí huệ của Như Lai.

* **Trì Quốc Thiên Vương** (Virūdhaka): Một trong bốn vị Thiên Vương hộ thế, cai trị bốn trời trong cõi Dục giới, thấp hơn cảnh trời của đức Đế Thích. Ngài *Trì Quốc Thiên Vương* (còn gọi: *Trị Quốc Thiên Vương*) coi về phương Đông.

Trong hội Pháp Hoa, có chư thần Càn Thát Bà vây quanh theo, ngài *Trì Quốc Thiên Vương* đến trước Phật, cầu Phật chứng minh cho ngài truyền mấy câu thần chú dưới đây để ủng hộ vị Pháp Sư trì kinh: 1. A già nề (Ayani), 2. Già nề (Yani), 3. Cu ly (Gaulê), 4. Càn đà ly (Gandhari), 5. Chiên đà ly (Tyadhara), 6. Ma đẳng kỳ (Madângi), 7. Thường cầu ly (Toucôni), 8. Phú lâm sa ní (Putlôcrai), 9. Át đế (Akdê).

Ai trì mấy câu thần chú ấy, được ngài *Trì Quốc Thiên Vương* ủng hộ, chở che cho khỏi các sự phá hoại, tai nạn.

* **Trí Tích:** Con trưởng của vị Phật quá khứ Đại Thông Trí Thắng khi ngài chưa xuất gia. *Phẩm Hóa Thành Dụ*, kinh *Pháp Hoa* ghi: “Khi Phật

Đại Thông Trí Thắng chưa xuất gia có 16 người con, người con cả tên Trí Tích, thành Phật ở thế giới phương Đông, hiệu là A Súc Phật”.

• **Trí Tích Bồ Tát** (*Prajna-kuta*) là vị Bồ Tát theo hầu Đa Bảo Như Lai trong hội Pháp Hoa. *Phẩm Đề Bà Đạt Đa, kinh Pháp Hoa*, ghi: Bồ Tát Trí Tích từ cõi nước Phật Đa Bảo ở phương dưới đến thế giới Ta Bà, trong hội Pháp Hoa cùng Bồ Tát Văn Thù luận bàn về việc người nữ thành Phật.

* **Triền Đà-La-Ni**: *Triền*: Xoay chuyển, quay chuyển, quay tròn. *Đà-la-ni* (*Dhâranî*): Chơn ngôn, thần chú, chú.

Triền Đà-la-ni là câu chơn ngôn có sức tự tại xoay chuyển pháp môn để độ chúng sanh.

Trong *kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, ghi: Khi Phật thuyết Phẩm “Phổ môn Khuyến Phát” xong, vô lượng, vô biên chư Bồ Tát đông như cát sông Hằng, đều đắc trăm ngàn vạn ức phép *Triền Đà-la-ni*.

* **Tu-Bồ-Đề**: Còn gọi: *Thiện Kiến, Thiện Nghiệp, Thiện Cát, Thiện Hiện, Thiện Thật, Không Sinh*. Phạn âm: *Subhîti*. Hán âm: *Tu-phù-đề, Tu-phù-đế, Tẩu-phù-đế-tu, Phù-đế, Tu-phong*.

Tu Bồ Đề là một vị A-la-hán, một trong 10 vị đại đệ tử của Đức Phật, con của 1 vị Bà-la-môn ở nước Xá-Vệ thuộc Ấn-Độ thời Đức Phật tại thế, trí huệ hơn người, nhưng tính tình lại hung dữ, sân hận nhiều, bị bạn bè chán ghét, nên bỏ nhà vào chốn núi rừng. Sơn thần dẫn Sư đến chỗ Phật, Phật giảng nói về lỗi lầm của sân khuể cho nghe, Ngài tự hối trách, ăn năn tội lỗi, sau chứng quả Tu-đà-hoàn, rồi chứng quả A-la-hán. Ngài là người hiểu rõ lý Không bậc nhất trong các đệ tử của Đức Phật nên được khen là “*Giải Không Đệ Nhất*”. Trong hội thuyết pháp của Phật, Ngài thường là chúng đấng cơ của Phật, thường thấy trong các kinh thuộc hệ Bát-Nhã.

* **Tu-Di Sơn** : Phạn âm: *Sumeru*. Còn gọi: *Tô-mê-lô sơn, Tu-di-lô sơn, Tu-di-lưu sơn, Tu-mê-lâu sơn* . Gọi tắt: *Di-lâu sơn*. Hán dịch: *Diệu cao sơn, Hảo quang sơn, Hảo cao sơn, Thiện cao sơn, Thiện tích sơn, Diệu quang sơn, An minh Do sơn*.

Vốn là ngọn núi trong thần thoại Ấn Độ, được Phật giáo sử dụng, cho rằng đây là ngọn núi cao đứng sừng sững ở chính giữa một tiểu thế giới. Lấy núi này làm trung tâm, có 8 lớp núi, 8 lớp biển bao bọc chung quanh, hình thành một thế giới (Tu di thế giới).

Theo *Phẩm Diêm Phù Đề Châu*, kinh Trường A-Hàm 18, núi Tu Di cao cách mặt nước biển 84.000 do tuần, dưới mặt nước cũng sâu đến 84.000 do tuần. Núi này cao thẳng lên, không hề khúc khuỷu, trong núi mọc nhiều cây thơm, 4 phía núi có 4 gò đất nhô lên, có cung điện của 4 vị Đại Thiên Vương, chân núi là cát thuần vàng. Núi này có “Thất bảo giai đạo” gồm 3 bậc thượng, trung, hạ; 2 bên đường của giai đạo có 7 lớp tường báu, 7 lớp lan can, 7 lớp màn lưới, 7 lớp hàng cây; các thứ như cửa lớn, tường, cửa sổ, lan can, cây đều cấu tạo bằng vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly. Hoa trái um tùm tươi tốt, gió thơm man mác khắp nơi, vô số loài chim lạ lùng hót với nhau, các quỷ thần ở trong đó. Đỉnh núi Tu Di có 33 cung trời, là nơi cư trú của trời Đế Thích.

* **Tu-Đa-La kinh:** Âm theo Phạm : Sūtra. *Tu-đa-la* là từ ngữ gọi chung tất cả Phật pháp hoặc đặc biệt chỉ loại thứ nhất trong 9 thể loại kinh hoặc 12 thể loại kinh, ở đây còn được dịch ý là *Khế kinh*, *Chính kinh*, *Quán kinh*. Nghĩa gốc của *Sutra* chỉ cho sợi dây nối liền các đóa hoa lại, sau được chuyển, dùng chỉ cho sự quán xuyên các pháp ngữ, pháp ý trước sau không để tán thất; cũng tức là khế lý, hợp cơ, xuyên suốt các nghĩa pháp tương nhiếp trì hóa độ. Nói theo văn thể và nội dung thì giáo pháp do Phật nói hẳn thuộc về *Trường hàng* trực thuyết đều thuộc về *Tu-đa-la*.

* **Tu-Đà-Hoàn** (*Srota-apanna*). Tên đầy đủ là *Tu-dà-ban-na*, *Tốt-lộ-đa A-Bán-na*, *Tốt-lộ-dà A-bát-nang*. Dịch cũ là **Nhập lưu**, *Chí lưu*, *Nghịch lưu*, *Câu cãng* .v.v... Cách gọi mới là **Dự lưu**. Đây là tên gọi Sơ quả trong 4 quả Thanh văn. Nhập lưu nghĩa là bắt đầu đi vào thánh đạo. Nghịch lưu là đi ngược dòng sanh tử. Cắt đứt *Kiến hoặc* của 3 cõi, tức là đắc được quả này.

* **Tu Mạn Na hoa:** Phạm ngữ: *Sumanas*. Còn gọi: *Tô-ma-na hoa*, *Tô-mạn-na hoa*, *Tu-mạn hoa*, *Tu-ma-na hoa*, *Tu-mạt-na hoa*. Hán dịch: *Duyệt Ý hoa*, *Hảo ý hoa*, *Hảo hỷ hoa*, *Thiện nhiếp ý hoa*, *Xứng ý hoa*.

Hoa của cây Tô-ma-na, Tô-ma-na là một trong các loại nhục đậu khấu (vị thuốc đông y), thuộc loại quán mộc (cây cối mọc thành lùm bụi), hoa màu vàng nhạt, có mùi thơm.

Theo *Phiên Dịch Danh Nghĩa Tập* 8, cây này cao từ 3 đến 4 m , cành lá rũ xuống như chiếc dù. *Huệ Uyển Âm nghĩa*, hạ ghi: “Tô-ma-na hoa, Hán dịch là Duyệt ý hoa. Hình dáng và màu sắc của hoa đều tươi đẹp, khiến người trông thấy sinh tâm hoan hỷ, nên gọi là Duyệt ý hoa”.

* **Tứ Bộ Châu:** Gọi tắt: **Tứ Châu.** Phạn âm: *Catvāro dvipāh.* Còn gọi: *Tứ đại bộ châu, Tứ đại châu, Tứ thiên hạ, Tu Di sơn châu, Tứ châu hình lượng.*

Bốn đại châu theo thế giới quan của người Ấn Độ thời xưa. Người Ấn Độ thời xưa cho rằng trong lớp biển mặn giữa 7 lớp núi vàng và núi Đại Thiết Vi ở 4 phía núi Tu Di có 4 đại châu.

Theo *Đại Đường Tây Vực Ký 1, , Câu Xá Luận Quang Ký 8* thì Tứ châu là:

1. Đông Thắng Thân châu (Phạn: *Pūrva-videha*), gọi tắt: *Thắng Thân* (Phạn: *Videha, Tì-đề-ha*, xưa gọi là *Đông-phát-đề-bà, Đông Tì-đề-ha* hoặc *Đông Phát-vu-đãi*): Vì người dân ở châu này có thân hình thù thắng nên gọi là Thắng Thân. Địa hình châu này giống như hình bán nguyệt, khuôn mặt con người cũng có hình bán nguyệt.

2. Nam Thiệm-Bộ châu (Phạn: *Jambu-dvipa*, xưa gọi là *Nam Diêm-phù-đề*): Thiệm-bộ (*Jambu*) vốn là dịch âm của cây bồ-đào, châu này lấy tên cây này làm tên châu. Địa hình châu này như cái thùng xe, khuôn mặt người cũng thế.

3. Tây Ngưu Hóa châu (Phạn: *Apara-godāniya*, xưa gọi là *Tây Cù-da-ni*): Do dùng trâu bò để trao đổi mua bán nên có tên là Tây Ngưu Hóa châu. Địa hình châu này giống như mặt trăng tròn, khuôn mặt người cũng thế.

4. Bắc Câu-Lô châu (Phạn: *Uttara-kuru*, xưa gọi là *Bắc Uất-đan-việt*): Câu-lô nghĩa là Thắng Xứ, vì đất đai ở cõi này thù thắng hơn 3 châu nói trên nên được gọi là Bắc Câu-lô châu. Địa hình châu này có hình vuông, khuôn mặt người cũng thế.

Mặt trời, mặt trăng, các sao nhiều quanh lưng chừng núi Tu Di, chiếu sáng Tứ thiên hạ. Bốn đại châu, mỗi đại châu đều có 2 trung châu và 500 tiểu châu, 4 đại châu và 8 trung châu đều có người ở, còn 2000 tiểu châu thì hoặc có người ở hoặc không có người ở. Quả báo ở Bắc Câu-lô châu rất thù thắng, vui nhiều khổ ít, nhưng không có Phật xuất thế, nên là một trong 8 nạn. Cả 4 châu đều có 3 việc đặc biệt:

1. Nam châu: Người dân châu này dũng mãnh nhớ dai, tạo tác các hạnh nghiệp, tu phạm hạnh, có Phật xuất thế, 3 việc này thù thắng hơn 3 châu kia và chư Thiên.

2. Đông châu: Châu này rất rộng, rất lớn, rất vi diệu.

3. Tây châu: Nhiều trâu bò, nhiều dê, nhiều châu ngọc.

4. Bắc châu: Không bị hệ thuộc, không có ngã sở, sống lâu nghìn năm.

* **Tư-Đà-Hàm**: Âm theo Phạn là *Sakrd-āgāmin*. Tên gọi khác là *Sa-yết-lợi-dà-già-di*. Hán dịch là: **Nhất Lai**, *Nhất Vãng Lai*. Đây là quả thứ 2 trong 4 quả Sa-môn.

Tư-đà-hàm gồm có 2 bậc: Tư-đà-hàm hương và Tư-đà-hàm quả. Tư-đà-hàm hương (Nhất Lai hương), chỉ những bậc Thánh đã chứng quả Dự-Lưu (Sơ quả), tiếp tục đoạn trừ 6 phẩm Tu Hoặc của cõi Dục, còn phải chịu 1 lần thụ sinh từ cõi trời xuống nhân gian mới nhập Niết Bàn; Khi đạt đến quả vị này rồi, hành giả không còn thụ sinh lại nữa, nên gọi là Tư-đà-hàm quả (Nhất Lai quả). Giai vị này chỉ các phiền não hạ phẩm tham, sân, si nên còn gọi là Bạc tham sân si, Bạc địa.

* **Tứ Đại Thiên Vương** : Phạn âm: *Tchâturmahâradjaky-ikas*.

Còn gọi: **Tứ Thiên Vương**. Bốn vị vua hộ thế, cai trị bốn phương Trời, ở cảnh Thiên Dục giới. Bốn vị là nội thần của đức Đế Thích. Hồi đức Phật sắp diễn kinh Diệu Pháp Liên Hoa tại núi Kỳ Xà Quật, bốn vị Đại Thiên Vương có dắt theo quyến thuộc là một vạn vị Thiên tử hội lại để nghe.

* **Tứ Đế**: Phạn âm: *Satya*. Dịch nghĩa: *Chân thật không hư dối*.

Bốn chân lý mâu nhiệm, cũng gọi là: *Tứ Thánh Đế*, *Tứ Diệu Đế*, *Tứ Chơn Đế*, *Tứ Thánh Thật* gồm:

1. Khổ đế (Duhkha aryasatya);
2. Tập đế (Samudya);
3. Diệt đế (Nirdha);
4. Đạo đế (Marga).

Trong *Niết Bàn Kinh*, hiểu *Tứ diệu đế* (*Tứ Thánh đế*), có hai hạng: hạng Trung trí và hạng Thượng trí. Hạng trung trí là Thanh văn (La hán) và Duyên giác, hạng Thượng trí là Phật và Bồ Tát. Hạng Trung trí hiểu đó là chơn lý, là Thánh đế và thi hành. Còn hạng Thượng trí thì phân biệt Bốn chân lý mâu nhiệm, Bốn Thánh đế ấy ra vô lượng thể tướng.

* **Từ Hàng**: Thuyền từ. Đức Phật vốn dùng tâm từ bi để hóa độ chúng sinh giống như thuyền bè cứu giúp người gặp nạn. *Vạn Thiện Đồng Quy Tập*, hạ, ghi : “*Nương thuyền từ (từ hàng) Đại Bát Nhã, vượt qua biển khổ 3 cõi, đi vào bể nguyện của Phổ Hiền, cứu độ chúng sinh bị chìm đắm trong pháp giới*”.

* **Tứ Lượng Tâm (Tứ Vô Lượng Tâm)** : Phạn: *Catvār-apramānāni*. Còn gọi: *Tứ vô lượng*, *Tứ đẳng tâm*, *Tứ đẳng*, *Tứ tâm*.

Tứ vô lượng tâm là bốn tinh thần phải có của Phật, Bồ Tát để độ khắp vô lượng chúng sinh, làm cho chúng sinh lìa khổ được vui.

Kinh Thuyết Xứ trong Trung A-Hàm 21, Luận Đại Trí Độ 20 có liệt kê các sự giải thích như sau:

- 1/. *Từ vô lượng* (Phạn: *Maitry-apramāna*): Duyên vô lượng chúng sinh, tư duy cách làm cho chúng sinh được vui mà nhập vào Từ đẳng chí.
- 2/. *Bi vô lượng* (Phạn: *Karunāpramāna*): Duyên vô lượng chúng sinh, tư duy cách làm cho chúng sinh lìa khổ mà nhập vào Bi đẳng chí.
- 3/. *Hỷ vô lượng* (Phạn: *Muditāpramāna*): Tư duy vô lượng chúng sinh có khả năng lìa khổ được vui, trong tâm thâm cảm vui mừng mà nhập vào Hỷ đẳng chí.
- 4/. *Xả vô lượng* (Phạn: *Upeksāpramāna*): Tư duy vô lượng chúng sinh tất cả bình đẳng, không có oán, thân khác nhau mà nhập vào Xả đẳng chí.

* **Tự Nhiên Trí:** Phạn âm: *Svayambhū-jnāna*. Còn gọi: *Tự nhiên trí huệ*.

Nhất thiết chủng trí của chư Phật tự nhiên sanh, không nhờ dụng công.

Pháp Hoa Nghĩa Sớ 6, ghi: “Tự nhiên trí, tức nói chung 2 trí Không và Hữu tự tại biết rõ cảnh không và cảnh hữu, đó là trí Vô công dụng”.

Pháp Hoa Kinh Huyền Tán 5, phần cuối của ngài Khuy Cơ đời Đường, ghi: “Đức Phật do tự giác mà sinh ra Trí quán Không và Trí quán Hữu, đó là Tự nhiên trí. Cũng có khi gọi Trí tính là Tự nhiên trí”.

Theo *Đại Nhật Kinh Sớ 5,6* thì Tự nhiên trí là Trí tự giác tự chứng của Như Lai, chẳng phải do tu học mà được, cũng không thể nào truyền trao cho người khác.

* **Tứ Nhiếp Pháp:** Phạn âm: *Catvāri samgraha-vastūni*. Còn gọi: *Tứ nhiếp sự, Tứ sự nhiếp pháp, Tứ tập vật*. Gọi tắt: *Tứ nhiếp, Tứ pháp, Tứ sự (Bốn sự)*.

Bốn phương pháp mà Bồ Tát dùng để nhiếp thụ chúng sinh, khiến họ sinh khởi tâm thân ái mà dẫn dắt họ vào Phật đạo để đạt đến khai ngộ. Nếu dịch sát theo nguyên ngữ thì phải dịch là “*Tứ chủng xả ác pháp*”.

1. *Bố thí nhiếp* (Phạn: *Dāna-samgraha*. Còn gọi: *Bố thí nhiếp sự, Bố thí tùy nhiếp phương tiện*): Tức dùng tâm vô sở thí để truyền đạt chân lý (pháp thí) và thí xả tài vật (tài thí). Nghĩa là nếu có chúng sinh thích tài thí thì bố thí tài, nếu thích pháp thì bố thí pháp, khiến họ khởi tâm thân ái và học đạo với Bồ Tát.

2. *Ái ngữ nhiếp* (Phạn: *Priya-vāḍita-samgraha*. Còn gọi: *Năng nhiếp phương tiện ái ngữ nhiếp sự, Ái ngữ nhiếp phương tiện, Ái ngôn, Ái ngữ*):

Tùy theo căn tính của chúng sinh mà khéo dùng lời an ủi, dẫn dắt, khiến họ khởi tâm mến mộ mà theo học đạo với Bồ Tát .

3. Lợi hành nhiếp (Phạn: *Artha-caryā-samgraha*. Còn gọi: *Lợi hành nhiếp sự, Lợi ích nhiếp, Linh nhập phương tiện, Độ phương tiện, Lợi nhân, Lợi ích*): Nghĩa là thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ việc lành, lợi ích chúng sanh, khiến họ sinh tâm mến mộ mà học đạo .

4. Đồng sự nhiếp (Phạn: *Samānārthata-samgraha*. Còn gọi: *Đồng sự nhiếp sự, Đồng sự tùy thuận phương tiện, Tùy chuyển phương tiện, Tùy thuận phương tiện, Đồng lợi, Đồng hành, Đẳng lợi, Đẳng dữ*): Nghĩa là gần gũi chúng sinh, cùng khổ, cùng vui với họ, đồng thời quán sát căn tính chúng sinh bằng pháp nhãn và phân thân thị hiện tùy theo sở thích của họ, khiến họ cùng được hưởng lợi ích, nhờ đó mà nhập đạo.

* **Tứ Sinh**: Phạn: *Catasro-yonayah*. Bốn cách sinh sản khác nhau của loài hữu tình trong 6 đường thuộc 3 cõi.

Theo *Luận Câu-Xá 8, Tứ Sinh* là:

1. Noãn sinh (Phạn: *Andajayoni*): Loài sinh ra từ trứng như ngỗng, khổng tước, gà, rắn, cá, kiến ...

2. Thai sinh (Phạn: *Jarāyujā-yoni*; Còn gọi: **Phúc sinh**): Loài sinh ra từ thai mẹ như con người, voi, ngựa, trâu bò, heo, dê, lừa ...

3. Thấp sinh (Phạn: *Samsvedajā-yoni*; Còn gọi: **Nhân duyên, Hàn nhiệt hòa hợp sinh**): Loài sinh ra từ khí ẩm ướt ở những nơi ẩm thấp, như các loài thiêu thân, muỗi, sâu, mối mòng, sâu mè ...

4. Hóa sinh (Phạn: *Upapādukā-yoni*): Loài không chỗ nương tựa bỗng nhiên sinh ra gọi là Hóa sinh như các loài hữu tình: Chư thiên, địa ngục, trung hữu, đều do nghiệp lực đời quá khứ mà hóa sinh.

Trong Tứ sinh nói trên thì Chúng sinh hóa sinh là nhiều nhất. Ngoài ra danh từ “**Tứ sinh Tam hữu**” là chỉ cho Chúng sinh hữu tình và không gian sinh tồn của chúng, tức là 4 loài Chúng sinh và 3 cõi: Dục, Sắc và Vô Sắc nói trên.

Theo *Luận Đại Trí Độ 28*, thì Tứ sinh là bốn lần sống chết, tức là thời gian 4 đời mà hàng Duyên giác người lợi căn trong thừa cần có để tu hành: Đời thứ nhất tu Tư lương Thanh văn, đời thứ hai tu gia hạnh Thanh văn, đời thứ ba tu Tư lương gia hạnh Duyên giác, đời thứ tư chứng đắc Thánh quả.

* **Tứ Sự**: Gọi đầy đủ: *Tứ Sự cúng dường*. Dâng cúng bốn món cần thiết trong sinh hoạt hàng ngày lên Phật và Tăng. Bốn món (Tứ sự) là y phục,

thức uống ăn, ngọc cụ và thuốc men hoặc chỉ cho y phục, thức uống ăn, thuốc men và phòng xá.

Theo *kinh Vô Lượng Thọ*, hạ, phải thường dùng 4 việc cúng dường tất cả chư Phật. Còn theo *Vu Lan Bồn Kinh Sớ*, thượng thì hàng năm, vào ngày chư Tăng Tự tứ, hãy nên dùng Tứ sự cúng dường Tam bảo Phật, Pháp, Tăng.

* **Tự Tại**: Phạn âm: *Isvara, Vāsītā*; Hán-Việt gọi là *Y-Thấp-Phạt-La*; Còn gọi *Vô ngại, Túng nhậm*. Tự tại là tự do tự tại, tùy thuận tâm ý, làm bất cứ việc gì đều không chướng ngại. Đây là công đức mà chư Phật và Bồ Tát ở giai vị cao mới đạt được.

Kinh Niết bàn nêu 8 tự tại của Pháp thân Như Lai như sau:

1. Thị hiện một thân thành nhiều thân;
2. Thị hiện thân như hạt bụi nhỏ đầy khắp thế giới Đại thiên;
3. Thân lớn nhưng nhẹ bay đến nơi xa;
4. Trong một cõi nước mà hóa hiện vô số thân khác nhau;
5. Mỗi một căn đều có công dụng của năm căn (Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân), tức 5 căn hỗ dụng;
6. Đắc tất cả pháp mà không khởi tưởng là đắc pháp;
7. Giảng nói ý nghĩa 1 bài kệ trải qua vô lượng kiếp;
8. Thân trùm khắp mọi nơi giống như hư không.

* **Tứ Trí Vô Ngại**: Bậc Trí huệ có bốn đức không bị trở ngại. Đó là bốn món trí biện tự tại thuyết pháp của bậc Bồ Tát lớn vậy. Cũng gọi: *Tứ Vô ngại Biện, Tứ Vô ngại Giải*. Gọi tắt: **Tứ Vô ngại**. Có giải rộng trong Đại Bát Niết Bàn Kinh, quyển 16 và 17.

- *Pháp Vô ngại Trí*: Trí huệ biết hết các pháp và tên của pháp, biết và diễn giải không ngăn ngại.

- *Nghĩa Vô ngại Trí*: Trí huệ hiểu biết nghĩa lý của các pháp, tùy theo tên của mỗi pháp mà giảng nghĩa, không hề bị ngăn ngại.

- *Từ Vô ngại Trí*: Trí huệ hiểu biết các danh tự, các ngôn từ một cách không trở ngại, cho nên diễn giải, luận biện rất thông.

- *Lạc thuyết vô ngại Trí*: Trí huệ biết căn tánh của chúng sanh, vui thuyết không hề bị chướng ngại, không thối lui, không sợ sệt, không bị ai đốn phá.

* **Tứ Vô Sở Úy (Bốn Vô Sở Úy):** Phạn: *Catvāri vaisāradīyāni*. Gọi tắt: *Tứ vô úy*. Là bốn sự tự tin, không sợ hãi, dũng mãnh và an ổn của Phật, Bồ Tát khi thuyết pháp.

I. Tứ vô sở úy của Phật (*Catvāri tathāgatasya vaisāradīyāni*) là 1 khoa trong 18 pháp bất cộng.

1. *Chư pháp hiện đẳng giác vô:* Đối với các pháp đều giác biết, trụ trong chính kiến không khuất phục điều gì, có sự tự tin không sợ hãi.

2. *Nhất thiết lậu tận trí vô:* Đoạn hết tất cả phiền não nên không có sự sợ hãi từ các chướng nạn bên ngoài.

3. *Chướng pháp bất hư quyết định thụ ký vô úy:* Nói rộng về pháp tu hành chướng ngại, đồng thời không sợ hãi đối với bất cứ một sự bất bẻ nào.

4. *Vị chứng nhất thiết cụ túc xuất đạo như tính vô úy:* Giảng nói đạo xuất thế không hề sợ hãi điều gì.

III. Tứ vô sở úy của Bồ Tát (*Bodhisattvānāmcatvāri vaisāradīyāni*):

1. *Văn đà-la-ni thụ trì diễn thuyết kỳ nghĩa đắc vô sở úy:* Bồ Tát có khả năng nhớ nghĩ giáo pháp, giữ gìn không quên, cho nên có lòng tự tin không sợ hãi đối với nghĩa lý mình nói ra khi thuyết pháp giữa đại chúng.

2. *Do chứng vô ngã nào loạn tha tướng hiện hành câu sanh bất thông đạt oai nghi lộ tam nghiệp thanh tịnh đại thủ hộ thành tựu vô úy:* Rõ biết căn tính lợi, độn của chúng sinh, ban cho sự thuyết pháp phù hợp, đối với việc này có lòng tự tin không sợ hãi.

3. *Thường trì pháp nhi bất vong thất tất cánh thông đạt huệ phương tiện cứu độ hữu tình kiến hoan hỷ tịnh chư chướng nạn vô úy:* Có khả năng phúc đáp khéo léo đúng pháp và không hề sợ hãi đối tất cả những điều mà người gạn hỏi.

4. *Bất vong thất nhất thiết trí tâm bất ư dư thừa nhi cầu xuất ly năng đắc viên mãn tự tại nhất thiết chủng lợi ích hữu tình vô úy:* Nghe nhận vấn nạn của hữu tình, có khả năng phân biệt, giải thích đúng như pháp cho các hữu tình ấy nghe, để khai giảng tâm chúng sanh và đoạn trừ lưới nghi, thuyết pháp chỉ dẫn không hề sợ hãi.

* **Tướng:** Tướng mạo. Cái hình trạng của sự gì, vật gì biểu hiện ra ngoài mà tướng tượng ở trong lòng vậy. Như: *Tam thập nhị tướng, Thập tướng*.

Trong *Kinh Kim Cang*, về cái tướng, Phật có phán với ngài Tu Bồ đề rằng: Phạm sở hữu tướng, giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai (Hễ vật chi có tướng, đều là hư vọng cả. Nếu nhận ra các tướng đều không phải tướng, tức là thấy rõ Như Lai đó).

Lại trong *Kinh Kim Cang*, có hai bài kệ dưới đây khuyên người ta tỉnh ngộ đối với cái tướng:

- Nhược dĩ sắc kiến ngã
Dĩ âm thanh cầu ngã
Thị như hành tà đạo
Bất năng kiến Như Lai.

(Nếu dùng cái hình sắc mà thấy Ta, nếu dùng âm thanh mà cầu Ta, thì kẻ ấy làm tà đạo, chẳng thấy được Như Lai).

- Nhứt thiết hữu vi pháp
Như mộng, huyễn, bào, ảnh
Như lộ, diệc như điển
Ứng tác như thị quán.

(Bao nhiêu những pháp nhận nhìn,
Ví như mộng, ảo, bọt, hình đó chi;
Cũng như hơi nước bay đi,
Cũng như chớp nháng trong khi mưa dào,
Thảy đều như vậy khác nào,
Các nhà học đạo xét vào cho mình).

Con người sanh ra ở cõi này, không ai tránh khỏi bốn tướng khổ của quả báo: Sanh, Lão, Bệnh, Tử. Hán dịch: *Quả báo Tứ tướng*.

Đức Phật Thích Tôn từ khi giáng sanh đến lúc nhập diệt, hiện ra Tám tướng:

- Từ cung Đâu suất cõi voi xuống nhập thai bà Hoàng hậu.
- Sanh ra tại vườn Lâm tỳ ni.
- Đi chơi bốn cửa thành, thấy lão khổ, bệnh khổ, tử khổ và vị Sa Môn an lạc.
- Cỡi ngựa đi xuất gia lúc ban đêm.
- Ngồi thiền trên núi tuyết.
- Đắc Đạo nơi cội Bồ đề.
- Chuyển Pháp luân tại Vườn Lộc.
- Nhập Niết Bàn nơi cội cây Ta la. Đó gọi là *Bát tướng* thành Đạo.

Tất cả các tướng đều gom vào Thập tướng (Mười tướng):

Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Sanh, Trụ, Hoại, Nam, Nữ.

Hễ nhà tu hành chẳng chấp trước tướng thì chẳng si mê, chẳng trù, chẳng bị trói buộc, chẳng thọ Sanh, chẳng chết. Nhưn đó, được đức Thường trụ, tức là Niết Bàn.

Tướng đối Vô tướng. Tướng đối với Tánh, cũng như Sự đối với Lý.

* **Tượng pháp**: Phạn âm: *Saddharma-pratirūpaka*. Gọi đầy đủ: *Tượng pháp thời*.

Thời kỳ mà giáo pháp tương tự với thời Chính pháp. Thời thứ 2 trong 3 thời. Sau khi Phật nhập diệt, y cứ vào sự vận hành của giáo pháp mà chia làm 3 thời: Chính pháp, Tượng pháp và Mạt pháp. Thời kỳ này chỉ có giáo thuyết và người tu hành, ít người chứng quả.

Về thời hạn của 3 thời Chính, Tượng, Mạt có nhiều thuyết khác nhau : *Kinh Đại Phutong Đẳng Đại Tập 56*, *Kinh Ma-ha Ma-da*, hạ cho rằng Tượng pháp là 1000 năm; *Kinh Hiền Kiếp 3, 7*, *Kinh Đại Thừa Tam Tu Sám Hối*, *Kinh Bi Hoa 7*, *Kinh Đại Từ Bi Phân-đà-lợi* cho là 500 năm.

* **Tỳ Đà La (Quỷ)**: Phạn âm: *Vetada, Vetala*. Còn gọi: *Vi-đà-la quỷ, Mê-đát-la quỷ, Bê-đà-lộ-bà quỷ*. Hán dịch: *Yểm mị, Khởi thi quỷ, Khởi thi, Tử thi*. Loại ác quỷ giết hại người.

Luật Thập tụng 2, ghi: “Có một Tỳ kheo vào ngày 29 tìm một tử thi còn nguyên vẹn, triệu thỉnh quỷ thần, tụng chú cho tử thi ấy đứng dậy, đoạn dùng thuốc tẩy rửa, mặc quần áo, cho cầm dao, bấy giờ tâm nghĩ hoặc miệng nói rằng: “*Vì muốn giết hấn mà ta tạo pháp Tỳ-đà-la*”. Nói xong, liền đọc chú thì thành tựu pháp Tỳ-đà-la. Nếu người sắp bị giết hại hoặc đang nhập thiền định hoặc nhập Diệt Tận định hoặc nhập Từ Tâm tam muội, có Đại lực chú sư hộ niệm giải cứu hay có Đại Lực Thiên thần thủ hộ thì chú thuật không thể hại được. Tỳ kheo làm chú pháp này, nếu không giết được người muốn giết thì khiến tử thi giết con dê hay cây chuối, bằng không tử thi sẽ trở lại giết Tỳ kheo này, đó gọi là Tỳ-đà-la”.

Y cứ vào đó ta biết được Tỳ-đà-la là tên loại ác quỷ được sử dụng khi làm phép chú thuật hoặc là chú pháp làm thầy chết đứng dậy. Chú pháp này đã bị đức Phật ngăn cấm.

* **Tỳ-Ma-Chất-Đa-La A Tu La Vương**: Phạn âm: *Vemachitra*.

Một vị vua trong loài thần A Tu La (*Asuras*).

Hồi Phật Thích Ca diễn kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Tỳ-Ma-Chất-Đa-La A Tu La vương với ba vị vua khác trong loài thần A Tu La, mỗi vị đều có dất theo nhiều quyến thuộc A Tu La hiện đến núi Kỳ Xà Quật dự nghe Phật thuyết pháp.

* **Tỳ-Sa-Môn (Thiên Vương)**: Phạn: *Vaisravana*. Hán âm: *Tì-sa-môn*, Còn gọi: *Tì-xá-la-bà-noa thiên, Tì-xá-la-môn thiên, Tì-thất-la-muộn-nang thiên, Phệ-thất-na-mạt-noa thiên, Câu-phệ-la* (Phạn: *Kubera, Kwera*)

thiên. Hán dịch là *Đa Văn thiên, Biến Văn thiên, Phổ Văn thiên, Chủng Chủng Văn thiên*.

Đa Văn Thiên Vương là vị Trời thủ hộ Phật pháp, trụ ở phía Bắc núi Tu-Di, giữ gìn phía Bắc cõi Diêm-phù-đề. Là một trong bốn vị Thiên Vương nói trong kinh Phật. Vị Thiên Vương này thống lãnh La-sát, Dạ-xoa, có năng lực oai đức rộng lớn, được Phật phó chúc hộ trì chính pháp, giữ gìn quốc gia. Vì trong tay vị Thiên Vương này có cầm tháp *Xá-Lợi Cổ Phật* nên thường gọi là *Thác Tháp Thiên Vương*. Đời Đường, Tống, vua có ban sắc cho quân đội ở các châu phủ xây dựng *Thiên Vương đường* để thờ phụng vị Thiên Vương này. Đời Nguyên thường vẽ hình tượng vị Thiên Vương này trên cờ, được xếp vào Sổ Diêm Bạ.

* **Tỳ Xá Xà (Quý)**: Còn gọi: *Tất-xá-già quý, Tỳ-xa-chá quý, Tỳ-xá-chá quý*. Hán dịch: *Thực huyết nhục quý, Đạm nhân tinh khí quý, Điền cuồng quý*. Phạn âm: *Pisāca*.

Loài quỷ ăn hút tinh khí, máu thịt của người.

Phiên Dịch Danh Nghĩa tập 2, ghi: “Tỳ Xá Chá, Hán dịch: Đạm tinh khí, tức loài quỷ hút ăn tinh khí của người và ngũ cốc. Đời nhà Lương dịch là Điền quý”.

Theo *Huệ Lâm Âm Nghĩa*, hạ thì Tỳ Xá Chá quý là quyến thuộc của Đông phương Trì Quốc thiên.



Ư

* **Ưc**: Có 2 nghĩa:

1. Đếm, tính, ước lượng trăm triệu (100.000.000), một số lượng lớn;
2. Ghi nhớ chuyện quá khứ, chỉ tâm ghi nhớ một đối tượng nào đó không quên. *Đại Thừa Nghĩa Chương 2* ghi: “Thường nhớ giữ một việc nào đó, không thể lia bỏ, gặp duyên liền nhớ lại gọi là Ưc”.

* **Ưu Ba Đề Xá kinh** : Phạn: *Upadésa*. Còn gọi: *Ưu-bà-đề-xá, Ưu-ba-thế-xá, Ô-ba-đê-thước, Ổ-ba-đê-thước*. Hán dịch: *Chỉ thị, Giáo huấn, Hiển thị, Tuyên thuyết, Luận nghĩa, Luận nghĩa kinh, Chú giải chương cú kinh*.

Ưu Ba Đề Xá kinh là 1 trong 12 thể loại kinh, nghĩa là Tùy (Phạn: *Upa*), Thị (Phạn: *Dis*). Tức là Chú giải hoặc Diễn nghĩa các giáo pháp do Phật giảng nói làm cho ý nghĩa được sáng tỏ hơn, cũng tức là một trong các loại vấn đáp nghị luận trong kinh.

Nhưng theo *Luận Đại Trí Độ 33* thì **Đức Phật** tự y cứ vào Tứ Thánh Đế, Lục Ba-la-mật ..., mỗi mỗi theo thứ lớp giải thích ý nghĩa hoặc *Ma-ha Ca-Chiên-Diên* giải thích Tu-đa-la và những lời nói đúng như pháp của các Luận sư thời Tượng pháp (chỉ cho các bộ luận như A-Tỳ-đạt-ma) đều được gọi là Ưu-ba-đề-xá.

Luận A-tỳ-đạt-ma Thuận Chính Lý 44, Luận Du Già Sư Địa 25 ... cho rằng Ma-đát-lý-ca (Phạn: *Matrka*), A-tỳ-đạt-ma đều là tên khác của Ưu-ba-đề-xá, ý nghĩa đã được phô diễn rộng rãi. Gọi Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Ưu-ba-đề-xá, Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-ba-đề-xá có nghĩa là Tùy văn giải thích kinh ấy.

* **Ưu Bát La (Hoa)**: Phạn âm : *Utpala*. Gọi tắt là *ưu-bát*, còn gọi *Ô-bát-la, Âu-bát-la, Ưu-bát-lạt*, là tên một loại hoa, dịch là Thanh liên hoa (hoa sen xanh), Đại hoa, Hồng liên hoa (hoa sen đỏ).

Theo *Tuệ uyển Âm nghĩa* (q.thượng): “Ưu bát la, nói đầy đủ là Ni-la-ô-bát-la. Ni-la có nghĩa là xanh. Ô-bát-la là tên hoa. Lá của nó dẹt dài, gần cuống thì hơi tròn, phía đầu nhỏ dần, giống như mắt Phật, trong kinh thường hay dẫn dụ, cành hoa như ngó sen, có gai”.

* **Ưu-Bát-La Long vương**: Phạn âm: *Utpalaka*. Còn gọi: Âu-bát-la Long vương, Ưu-ba-đà Long vương. Một trong 8 vị Đại Long vương. Vì vị Long

vương này ở ao Thanh Liên Hoa nên được gọi là Thanh Liên Hoa Long vương (Ưu-bát-la Long vương).

Hồi đức Phật Thích Ca sắp diễn Kinh Diệu Pháp liên hoa tại núi Kỳ Xà Quật, Ma-Na-Tư Long vương với bảy vị Long vương khác, mỗi vị đều có dắt theo rất nhiều quyến thuộc, hiện đến dự nghe Phật thuyết pháp.

* **Ưu-Đà-Di:** Phạn âm: *Udāyin*. Còn gọi: *Ô Đà Di*.

Một vị đệ tử của đức Phật. Trước khi chưa xuất gia, Ô-đà-di được vua Tịnh Phạn cho theo hầu và làm bạn học với thái tử Tất Đạt Đa, từng dùng lời lẽ khéo léo định ngăn trở ý muốn xuất gia của thái tử. Sau khi đức Phật thành đạo, Ô-đà-di liền xuất gia làm đệ tử Phật, rất có tài năng trong việc hóa độ chúng sanh.

Kinh Tăng Nhất A Hàm 3, ghi: “Người có tài năng dẫn dắt hóa độ chúng sinh bằng phước đức chính là Tỳ Kheo Ưu-đà-di”.

* **Ưu-Đàm (hoa):** Còn gọi: *Linh Thoại hoa, Thụy Ứng hoa*; Âm theo Phạn: *Udumbara*; Âm Hán-Việt: *Ưu-đàm-ba-la*; Là một loại hoa, khi xuất hiện báo hiệu cho điềm lành ít có.

Pháp Hoa Văn Cú 4, thượng (Đại 34, 49 trung) ghi: “Ưu-đàm hoa, Hán dịch là Linh Thụy, 3000 năm mới xuất hiện một lần, hoa này xuất hiện thì có Kim Luân Vương ra đời”.

* **Ưu-Lâu-Tần-Loa Ca-Diếp:** Phạn: *Uruvilvā-kāsyapa*. Còn gọi: *Kỳ-niên Ca-diếp, Thượng thời Ca-diếp*. Là 1 trong 3 vị Ca-diếp đệ tử Phật. *Ưu-lâu-tần-loa* (Phạn: *Uruvilvā*) là tên một vùng đất ở bên bờ sông Ni-liên-thiên, nằm về phía Nam *Phật-đà-già-da*; *Ca-diếp* (Phạn: *Kasyapa*) là họ. Khi chưa quy y Phật, ngài và 2 người em ruột là *Na-đề Ca-Diếp* (*Nadi-kāsyapa*) và *Già-da Ca-Diếp* (*Gaya-kāsyapa*) đều tin theo ngoại đạo thờ lửa. Vì trên đầu ngài kết tóc giống như hình xoắn ốc nên còn gọi là *Loa Phát Phạm Chí* (Phạn: *Jatila*).

Vì là những vị Trưởng lão có danh vọng nên khi 3 anh em thống lãnh 1000 đệ tử trụ ở nước Ma-kiệt-đà thì 4 phương nhóm họp tin về. Sau, được Đức Phật thị hiện các thứ thần thông hóa độ, 3 anh em đều trở thành đệ tử Phật, đem tất cả khí cụ cúng tế lửa vất bỏ xuống sông Ni-liên-thiên. Trong phù điêu trên cửa của đại tháp Sơn-kỳ (Sanchi) ở Ấn Độ hiện nay có sự tích Đức Phật giáo hóa 3 anh em Ca-diếp.



V

* **Vân-Lôi-Âm-Tú-Vương-Hoa-Trí Như Lai:** Phạn âm: (Djaladhara gardjitaghòchàsusvara nàkchatrarâdja samkusumitâdhibjna).

Một đức Phật Như Lai đời quá khứ cách nay vô lượng vô biên kiếp. Hồi ngài thành Phật, cõi thế của ngài tên là Quang Minh Trang Nghiêm (Vairôtchanaracmi pradi mantita), Kỳ kiếp của Ngài tên là Hỷ Kiến (Priyadarcana).

Hồi đức Phật Vân-Lôi-Âm-Tú-Vương-Hoa-Trí ra đời, có cả gia quyến vua Diệu Trang Nghiêm (Cubhavyùha) b xuất gia đầu Phật: Vua Diệu-Trang-Nghiêm tức là Hoa-Đức Bồ Tát có nghe Pháp do đức Phật thích Ca thuyết ra. Hoàng hậu Tịnh-Đức (Vimaladattâ) tức là Quang-Chiếu-Trang-Nghiêm-Tướng Bồ Tát, hai Hoàng tử Tịnh-Tạng (Vimalagarbha), Tịnh-Nhân (Vimalanêtra) tức là Dực-Vương Bồ Tát, Dực-Thượng Bồ Tát, đều là Bồ Tát đại danh có dự nghe Phật Thích Ca thuyết kinh.

* **Vân-Lôi-Âm-Vương Như Lai** (Mêgha dunubhisvararâdja):

Một đức Phật Như Lai đời quá khứ, cách nay vô lượng vô biên kiếp. Hồi Ngài thành Phật, cõi thế của Ngài là Hiện Nhất Thiết Thế Gian (sarvabuddhasâmdaracana). Kỳ Kiếp củ ngài tên là Hỷ Kiến (Priyadarcana).

* **Văn Thù Sư Lợi:** Phạn âm: *Mânjuri*.

Cũng viết: **Văn Thù Sư Ly, Mạn Thù Thất Ly.** Tên ngài thường có kèm theo mấy chữ: **Pháp Vương Tử** (Phạn: Kumâra), vì ngài ở trong Pháp mà ra, Trí huệ bao quát tất cả. Văn Thù, dịch ra nghĩa: Diệu kiết tường, Diệu đức. Văn thù: Diệu, sư ly: Kiết tường, Đức. Như trong *Đại Nhật Kinh* dịch tên ngài là Diệu Kiết Tường Bồ Tát. Còn trong *Vô lượng Thọ Kinh, Niết Bàn Kinh*, dịch là **Diệu Đức Bồ Tát**: Bực Bồ Tát huyền diệu đứng đầu. Và trong *Đại Tịnh Pháp môn Kinh* dịch là **Phổ Thủ Bồ Tát**. Ngài Văn Thù là một vị cổ Phật, thành Phật đã vô số kiếp rồi song ngài tùy cơ ứng hóa mà cứu độ chúng sanh và truyền bá đạo lý. Về Kiếp quá khứ, ngài làm **Phật Long** chưởng thượng **Tôn Vương Như Lai**. Về Kiếp vị lai, ngài sẽ làm **Phật Phổ Kiến Như Lai, Phổ Hiện Như Lai**. Hồi đức Thích Ca ra đời, ngài Văn Thủ có hiện thân làm Bồ Tát hầu gần Phật đặng giúp đức Thích Ca tuyên truyền Pháp giáo. Các miền đạo Phật Đại Thừa đều

có thờ đức Văn Thù, tượng ngài vẽ ngồi trên lưng Sư tử xanh. Bên Tây Tạng, người ta cũng thờ đức Văn thù. Và người ta nói rằng đức Ban thiên Lạt ma (Tasilumpo) là hiện thân của đức Văn Thù. Đức **Văn Thù** có 108 tên. ngài đặc biệt về Trí huệ, tiêu biểu cho nền Trí Huệ, cho nên người ta gọi là Đại Trí, cũng như người ta gọi ngài **Phổ Hiền** là Đại Hạnh và ngài **Quán Âm** là Đại Bi. Chính ngài Văn Thù khởi thỉnh đức Thích Ca diễn giải về *kinh Phật Dược sư*, cũng như đức Di lạc khởi thỉnh Phật tổ giảng *Kinh Diệu Pháp Liên hoa*, cũng như đức Tu bồ Đề khởi thỉnh Phật diễn *Kinh Kim cang*. Phái Mật Tông: Chơn Ngôn Tông, thờ đức Văn Thù làm một vị Bồ Tát rất trọng yếu. Ngài có truyền ra câu thần chú tám chữ rất anh linh: **Úm Ác Vĩ Ra Hồng Khử Tá Lạc**. Trong *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh*. Ngài Văn Thù Bồ Tát có hỏi Phật Thích Ca về cách thể giảng Kinh Pháp Hoa ở các đời sau. Như đó, Phật giảng với Văn Thù *phẩm An Lạc Hạnh*. Cũng trong *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Phẩm Đề Bà Đạt Đa*, ngài Văn Thù sư lý có xuống dưới biển, thuyết *Kinh Pháp Hoa* mà độ cho vô số chúng sanh được đắc đạo. Trong số ấy có cô con gái của Long Vương Ta Kiệt La mới tám tuổi mà được thành Phật. Trong *Thủ lãng Nghiêm Kinh* quyển nhất, Đức Phật Thích Ca có đọc bài thần chú, dạy ngài Văn Thù Bồ Tát đem chú ấy đến nhà cô dâm nữ và bắt luôn nàng dâm nữ ấy về chỗ Phật đương ngự với chư đệ tử.

* **Văn Trì Đà-La-Ni**: Còn gọi: *Văn Đà-la-ni, Pháp Đà-la-ni*.

Một trong 4 Đà-la-ni.

Luận Du-Già Sư Địa 45, chia Đà-la-ni thành 4 loại: Pháp, Nghĩa, Chú và Nhẫn; trong đó, Pháp Đà-la-ni tức là Văn Đà-la-ni, chỉ cho việc ghi nhớ giáo pháp của Phật không quên.

Kinh Bồ Tát Địa Trì 8, ghi: “Thế nào là Pháp Đà-la-ni? Bồ Tát chứng được năng lực nhớ nghĩ như thế thì đối các pháp: Danh cú, vị thân mặc dù chưa từng được nghe, chưa từng tu tập nhưng vẫn trang nghiêm và ứng hiện theo thứ lớp, vô lượng chương cú, trải qua vô lượng kiếp mà vẫn nhớ giữ không quên”.

* **Vi Đề Hi**: Phạn âm: *Vaidehi*.

Hoàng hậu vợ vua Bimbisara (Tần Bà Sa La) xứ Magadha, mẹ Ajatasatru (A Xà Thế).

Theo truyền thuyết của Phật giáo Đại Thừa, Phật Thích Ca đã thuyết pháp cho bà Vi Đề Hi nghe về cảnh giới sung sướng hạnh phúc của cõi

Cực Lạc. Đó chính là nguồn gốc của pháp môn Tịnh Độ, về sau lưu hành rộng rãi ở Trung Hoa, Nhật Bản, Việt Nam và nhiều nước châu Á khác.

* **Vị Tăng Hữu:** Phạn âm: *Adbhuta-dharma*.

Vị tăng hữu là tiếng dịch chữ Phạn *A phù đà đạt ma*. *Vị tăng hữu*, *Vị tăng hữu pháp* là những phép, những chuyện chưa từng có, không hề thấy, vượt khỏi sức tin và sức nhận của người đời.

Trong các kinh điển do Phật thuyết, có những đoạn *Vị tăng hữu pháp* như vậy. Tất cả những pháp *Vị tăng hữu* trong kinh điển, gọi chung là *Vị tăng hữu Kinh*. Đó là một thể trong mười hai thể thuyết pháp của Phật, một bộ loại trong Thập Nhị Đại Thừa Kinh.

* **Vi Trần:** Âm theo Phạn: *Anu-rāja*. Sắc thể cực nhỏ không thể phân chia được là cực vi (*Paramanu*). Lớn hơn vi trần 7 lần là Kim trần. Kim trần là vật thể có khả năng qua lại trong các kẽ hở của kim loại.

* **Viên:** Tròn, tròn trịa, đầy đủ, hoàn toàn, bao bọc khắp cả. Viên là đức tánh của Phật, của Pháp Phật, của Pháp thân, của Niết Bàn.

* **Viên Thông:** Cái lý chứng được cảnh diệu trí. Cái tự tánh biến khắp các nơi, đó là viên. Chỗ tác dụng vi diệu, không bị ngăn ngại, đó là thông. Như ngài Quán Âm Bồ Tát gọi là Viên Thông Đại Sĩ. Trong bài nguyện chuông có mấy câu kệ này:

“*Nguyện thử chung thỉnh siêu pháp giới.*

Thiết vi u ám tất giai văn

Văn trần thanh tịnh chứng Viên thông.

Nhứt thiết chúng sanh thành Chánh giác!”

Nghĩa: “*Nguyện cho tiếng chuông này vượt qua toàn cõi Pháp giới, cho đến nơi u ám là cõi Địa ngục sắt cũng được nghe, nghe được thì thanh tịnh chứng được cảnh trí Viên thông, tất cả chúng sanh đều thành Phật”.*

* **Việt Tam Giới Bồ Tát:** Siêu việt khỏi Tam giới (Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới). Tên một vị Đại Bồ Tát trong tám vị Bồ Tát du hành, có hiện đến nghe Phật Thích Ca giảng kinh Diệu Pháp Liên Hoa tại núi Kỳ Xà Quật, gần thành Vương Xá.

* **Vô Biên Hạnh (Bồ Tát):** Phạn âm: *Anantachāritra*. Một vị Bồ Tát Ma-ha-tát có hiện đến, dẫn đầu vô số chư Bồ Tát, nghe Phật Thích Ca

giảng kinh Pháp Hoa. Ngài có nguyện sẽ truyền bá lý kinh Pháp Hoa sau khi Phật diệt độ.

Khi Phật giảng kinh Pháp Hoa hết Phẩm An Lạc Hạnh thì hiện lên bốn vị Bồ Tát đạo sư, mỗi vị dẫn đầu vô số chư Bồ Tát. Bốn vị Bồ Tát ấy là Thượng Hạnh (*Vicichtatchāritra*), Vô Biên Hạnh (*Anantachāritra*), Tịnh Hạnh (*Vicudratchāritra*), An Lập Hạnh (*Supraticthitatchāritra*).

* **Vô Cấu:** Phạn: *Vigata-mala*. Còn gọi: *Vô lậu*. *Vô cấu* là thanh tịnh, xa lìa phiền não. Cấu (Phạn: *Mala*) là tên khác của phiền não (Phạn: *Kléśa*), chỉ cho điều nhơ bẩn làm nhiễm ô tâm. Phiền não có nhiều thứ, như Tam cấu: tham, sân, si; Lục cấu: não, hại, hận, siểm, cuống, kiêu. Những phiền não này làm chướng ngại việc thực hiện giác ngộ. Người tu hành xa lìa được các phiền não này gọi là Vô cấu.

Vô cấu theo tiếng Phạn: *Nirmala*, nghĩa là bậc Vô cấu, là từ đồng nghĩa với Như Lai.

* **Vô Dư Niết Bàn:** Còn gọi: *Vô dư y Niết bàn*. Phạn: *Nirupadhisessanirvana*. Đối lại: *Hữu dư Niết Bàn*. Niết bàn hoàn toàn không có chỗ nương trụ, đoạn hết phiền não chướng, diệt hết quả khổ Di thực do thân ngũ uẩn tạo thành; 1 trong 4 loại Niết Bàn, 1 trong Cửu đế.

* **Vô Đẳng Đẳng** (Asamasama): Hán âm: *A-sa-ma-sa-ma*.

Danh từ tôn xưng đức Phật hoặc là từ ngữ biểu thị cho Phật thừa. Phiền não của đức Phật đã diệt sạch hết, thần lực rộng lớn, Bồ Tát không thể bàn được, gọi là Vô đẳng; quả vị giữa Phật và Phật là bình đẳng nên gọi là Vô đẳng đẳng. Phật đạo siêu việt, không có pháp nào ngang bằng, nên gọi là Vô đẳng; chỉ có Phật và Phật đạo đồng nhau, nên gọi là Vô đẳng đẳng.

Duy Ma Kinh Nghĩa Sớ 1, ghi: “Chư Phật không ai bằng được, chỉ có Phật bằng với Phật, cho nên gọi Phật là Vô đẳng đẳng. Thật tướng không có gì bằng, chỉ có Phật và Thật tướng đồng nhau, gọi là Vô đẳng đẳng”.

Ngoài ra, từ ngữ này còn chỉ cho pháp tối tôn, tối quý, không có gì bằng, như Bát Nhã Tâm Kinh là tinh túy quan trọng nhất trong các bộ kinh điển Bát Nhã, nên xưa nay còn gọi Bát Nhã là Vô đẳng đẳng chú, Vô đẳng đẳng minh chú.

* **Vô Học** : Tăng sĩ còn phải tu, phải học thì gọi là học hay hữu học. Nhờ tu học có kết quả viên mãn rồi, không còn phải học nữa thì được gọi là

vô học. Đối với Nam tông, thì chưa chứng quả A-la-hán đều gọi là hữu học. Như vậy là ba quả Thánh đầu như Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, đều gọi là hữu học. Chứng quả A-la-hán mới được gọi là vô học. Đối với Đại thừa thì chỉ khi thành Phật mới gọi là vô học. Còn thập địa Bồ Tát cũng còn gọi là hữu học.

* **Vô lậu:** Phạn âm: *Anasvara*.

Không lậu tiết, không lậu lạc, tức là không có các mối phiền não. Trái với: Lậu, Hữu Lậu. Con người ta vì phiền não: Tham, Sân, Si, cho nên ngày đêm để cho sáu cơ quan: Nhãn, Nhĩ, Thiệt, Thân, Ý cứ lậu tiết, chảy ra lưu thông không ngừng. Đó là lậu.

Lại nữa, những mối phiền não: Tham, Sân, Si khiến cho người ta lậu lạc, sa ngã trong ba nẻo ác lụy: Tam ác đạo và sáu đường luân hồi Lục đạo. Đó là Hữu lậu. Cho nên nói Hữu lậu là những phàm phu chưa dứt phiền não, còn lưu luyến, còn sa ngã trong vòng luân hồi khổ não. Còn Vô lậu là bậc Thánh, dứt phiền não, thoát ra ngoài vòng luân hồi.

* **Vô lậu Trí:** Phạn âm: *Anāsrara-jñānā*. Đối lại: *Hữu lậu trí*.

Trí huệ thấy được chân lý, xa lìa tất cả phiền não lỗi lầm. Đối với Tiểu thừa, trí thấy được lý Tứ đế gọi là Vô lậu trí. Vô lậu trí được chia thành *Pháp trí* và *Loại trí* khác nhau. Trí chứng được lý của pháp Tứ đế cõi Dục gọi là Pháp trí, còn trí chứng được pháp Tứ đế của cõi Sắc và Vô Sắc thì gọi là Loại trí;

Vì cảnh trí và pháp trí giống nhau nên gọi là Loại trí. Nếu nói theo sự sai khác về cảnh thì Vô lậu trí chia làm 4 trí: Khổ trí, Tập trí, Diệt trí và Đạo trí. Ở địa vị Vô học lại chia làm *Tận trí* và *Vô sanh trí*, 2 trí này đều thấy được lý của pháp Tứ đế. Tiểu thừa cho rằng Vô lậu trí ở địa vị Kiến đạo mới sinh khởi và thứ lớp tu tập.

Tông Duy Thức của Đại thừa thì chia Vô lậu trí thành 2 loại là *Căn bản trí* và *Hậu đắc trí*. *Căn bản trí* là tính của Duy Thức, tức *Vô phân biệt trí*, có công năng chứng được lý tính chân như; *Hậu đắc trí* có từ Căn bản trí, là tướng của Duy Thức, tức rõ biết vạn tượng do nhân duyên hiện khởi. Đại thừa cho rằng Vô lậu trí ở giai vị Sơ địa Kiến đạo mới sinh khởi, thứ lớp tu tập và chứng được Phật quả.

* **Vô Lượng Lực Bồ Tát:** Phạn âm: *Anatavikramin*.

Một đức Bồ Tát Ma Ha Tát, Ngài có hiện lại nơi núi Kỳ Xà Quật mà dự nghe đức Phật Thích Ca diễn Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

✱ **Vô Lượng Nghĩa Xứ Tam Muội:**

Phạn âm: Anamtanirdésapratisthāna-samādhī.

Tam muội mà đức Phật nhập khi muốn nói kinh Pháp Hoa. Vô Lượng là vô lượng Pháp môn như Tam thừa, Ngũ thừa, tức vô lượng nghĩa; Nghĩa Xứ là y xứ của vô lượng nghĩa, tức thật tướng. Tam muội thật tướng vô tướng sinh ra vô lượng Pháp nghĩa y xứ gọi là Vô Lượng Nghĩa Xứ Tam Muội.

Sau khi đức Phật nói Vô lượng nghĩa, sắp nói Thật tướng, thì ở trung gian Ngài nhập tam muội này, y theo vô lượng nghĩa được nói ra mà gọi là Vô Lượng Nghĩa Kinh Tam muội, còn y theo nghĩa xứ sở quy thì gọi là Pháp Hoa Kinh Tam muội.

✱ **Vô Minh:** Phạn âm : *Avidyā*. Hán dịch: *A vĩ di* (không sáng).

Tâm tánh ám độn, không hiểu rõ những pháp về sự và về lý. Cũng gọi là *Si*. Vô minh tức là tất cả phiền não.

Đại Thừa Nghĩa Chương có nói: Vô minh nghĩa là tâm si ám, không có cái huệ minh. Trong *Thập nhị Nhơn duyên*, Vô minh là nhơn duyên đầu tay, vì Vô minh (không hiểu đạo lý, nhơn quả), con người mê muội mà phạm rất nhiều tội ác, rồi chịu các sự khổ não. Vì Vô minh (phiền não từ đời quá khứ), sanh ra các nhơn duyên khiến cho chúng sanh luân hồi khổ não.

Tứ thập nhị chương Kinh có nói: Người ngộ thấy Đạo cũng như kẻ cầm đuốc mà vô nhà tối. Tức thì cái tối liền tiêu mất chỉ có cái sáng còn lại mà thôi. Học đạo thấy chơn lý thì cái Vô minh (U ám) liền tiêu diệt, chỉ còn cái sáng ở lại với mình mà thôi.

Phật học giáo khoa thơ có giải: Vô minh có nghĩa là không minh bạch:

- Không minh bạch rằng cái thân thể không phải là mình (thân thể phi ngã).

- Không minh bạch rằng vạn vật đều không.

- Không minh bạch rằng tất cả đều giả: không trường tồn.

✱ **Vô Ngại:** Không có sự ngăn trở, không bị cản trở thông đạt và tự tại. Đối với: Ngại. Vô ngại cũng tức là vô trước, không dính, không mắc. Như khi Phật nhập định, ngài phóng hào quang ra, thì hào quang ấy chiếu qua các cảnh, các cõi thế giới một cách vô ngại.

Lại như nói: đại phong: bão to, gió lớn là vô ngại, vì không có cây cối, nhà cửa nào, không có sức ai cản nổi gió bạo ấy.

* **Vô Sanh (Vô sinh)**: là Chân lý của Niết Bàn, không sinh diệt cho nên gọi là vô sinh. Nhân đó mà quán các lý của vô sinh để phá trừ phiền não của sinh diệt.

Triệu Luận Tân Sớ Du Nhận (q.Trung): “Ngài Thanh Lương nói: Người nghe vô sinh liền biết các pháp, hết thấy đều không tịch, không sinh, không diệt. Nhưng ở nghiêm độ lợi tha; không sinh vui mừng, mà chỉ hướng tới tịch diệt, thì thành Thanh văn thừa. Nếu nghe vô sinh, liền biết theo duyên, cho nên vô sinh thì thành Duyên giác thừa. Nếu nghe vô sinh, liền biết các pháp vốn tự không sinh, nay thì không diệt. Tức sinh diệt mà không sinh diệt. Cái không sinh diệt không trở ngại cái sinh diệt. Dem cái đó mà diệt ác sinh thiện, lợi mình lợi người, thì thành Bồ Tát thừa”.

* **Vô Sanh Nhẫn**: Phạn: *Anutpattika-dharma-ksānti*. Còn gọi: *Vô sinh pháp nhẫn, Vô sinh nhẫn pháp, Tu tập vô sinh nhẫn*.

Pháp nhẫn vô sinh, 1 trong 3 nhẫn, nhẫn thứ tư trong 5 nhẫn nói trong *kinh Nhân Vương*. Tức quán lý không sinh, không diệt của các pháp, nhận kỹ lý ấy, an trụ tâm bất động.

Luận Đại Trí Độ 50, ghi: “*Vô sinh pháp nhẫn* là tin nhận thông đạt, vô ngại bất thoái đối với thật tướng không sinh diệt của các pháp”.

Đại Thừa Nghĩa Chương 12, ghi: “Theo cảnh đặt tên, lý vắng lặng không khởi, gọi là Vô sinh; Huệ an trụ lý này gọi là *Vô sinh nhẫn*”.

Theo *Luận Đại Trí Độ 86*, từ Bát nhân địa cho đến Dĩ biện địa của Thanh văn, Bích-chi Phật địa quán Tứ đế, Nhất thiết trí đoạn chỉ được một phần *Vô sinh pháp nhẫn* của Bồ Tát, Tứ đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo thực ra là để phân biệt với 1 đế thật tướng các pháp, vì Thanh văn là độn căn nên quán Tứ đế mà đắc đạo, còn Bồ Tát là lợi căn nên quán thẳng thật tướng các pháp mà nhập đạo. Do đó mà biết, *Vô sinh pháp nhẫn* là khi Thanh văn vào địa vị Kiến đạo, thấy lý Tứ đế; còn Bồ Tát thì khi nhập Sơ địa nhận kỹ lý không sinh, không diệt của các pháp, trụ ở địa vị Bất thoái chuyển.

Theo *Luận Du Già Sư Địa 74*, Bồ Tát ở địa vị Bất thoái chuyển nương vào 3 tính: Biến kế sở chấp, Y tha khởi, Viên thành thật mà được 3 loại Vô sinh nhẫn: Bản tính, Tự nhiên và Phiền não khổ cấu.

* **Vô Sở Úy**: Phạn âm: *Abhaya*.

Lòng chẳng sợ, đức dạn dĩ. Còn gọi: **Vô úy**. Đó là một đức cả của Phật, Bồ Tát. Nhờ có đầy đủ Thánh hạnh, trí huệ, phước đức, biện tài, phương tiện, chư Phật và chư Bồ Tát thuyết pháp và độ thế một cách an nhiên, không khủng khiếp đối với một mạng nào, một vật nào. Phật có bốn đức vô úy, Bồ Tát cũng có bốn đức vô úy theo bậc Bồ Tát.

* **Vô Sư Trí**: Có 2 nghĩa giải thích theo từ Phạn:

1/. Anupadista-jñānā. Còn gọi: *Tự nhiên trí*. Là trí huệ thành tựu tự nhiên, không nhờ tha lực, không đợi người khác dạy dỗ. *Tắc 62, Bích Nham Lục*, ghi: “Dùng Vô sư trí phát khởi diệu dụng vô tác, dùng Vô duyên từ làm người bạn tốt không mời mà đến”.

2/. Svayambhū-jñānā. Trí huệ không thầy tự ngộ. Như trí huệ do Phật chứng đắc chẳng phải do thầy dạy hoặc do năng lực bên ngoài mà được; lại như bậc Thánh Duyên giác (Độc giác) quán các pháp nhân duyên sinh diệt, không đợi thầy dạy mà tự chứng thành giác trí.

* **Vô Tận Ý (Bồ Tát)**: Phạn âm: *Akachayamati*. Một bậc Đại Bồ Tát du hành. Trong hội Pháp Hoa, chính ngài Vô Tận Ý khả thỉnh Phật giảng về đạo hạnh của Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát, phép tự tại và những lực thần thông của Ngài Quán Thế Âm. Như đó, Phật thuyết “*Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn*” là phẩm 25 trong kinh Pháp Hoa.

Vô Tận Ý Bồ Tát là một trong chư vị Bồ Tát thường hầu quanh theo *Phật Phổ Hiền Như Lai*. Đức Phật này ở cõi Ta bà hằng hà sa vi trần thế giới.

Trong *Địa Tạng Kinh*, Phẩm thứ 4 có nói: Trong một đời trước, trước Phật Thích Ca vô lượng vô biên kiếp, ngài Vô Tận Ý đã tu đắc quả La hán và đã ra đi giáo hóa chúng sanh. Lúc ấy, ngài có độ cho một người con gái tên Quang Mục phát Bồ đề tâm. Quang Mục ấy tức là tiền thân ngài Địa Tạng Bồ Tát vậy.

* **Vô Thượng Bồ Đề** : Còn gọi: *Chư Phật Bồ đề, A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, Vô thượng Chính đẳng Bồ đề, Đại Bồ đề*.

Vô thượng Bồ đề tức Quả vị Phật. Vì quả vị Bồ đề của Phật là cứu cánh vô thượng nên gọi là *Vô thượng Bồ đề*.

Kinh Đại Bảo Tích 28, ghi : “*Thường giáo hóa Chúng sinh, tâm không sinh mỗi mảy; đối với Vô thượng Bồ đề, kiên cố không lui sụt*”.

* **Vô Thượng Đạo:** Đồng nghĩa: *Chính giác, Vô Thượng Chính Đẳng Giác, Vô Thượng Bồ Đề.*

Phật đạo tối thượng, không gì có thể so sánh. Vì đạo mà Như Lai chứng đắc không có đạo nào vượt hơn nên gọi là Vô thượng đạo, Vô thượng Bồ đề.

Ngoài ra, Vô thượng đạo còn là từ gọi tắt của Vô thượng đạo tâm, tức chỉ cho tâm cầu đạo Vô thượng, còn gọi là Bồ Đề tâm. Trong *kinh Quán Di Lạc Bồ Tát Thượng Sinh Đâu Suất Thiên*, thuyết minh việc được gặp Bồ Tát Di Lạc, nghe pháp, cầu Vô thượng đạo, thành Bất Thối Chuyển. Tâm cầu Vô thượng đạo này gọi là Vô thượng đạo tâm.

* **Vô Thượng Tôn:** Từ đồng nghĩa: *Thập Lực Tôn, Thập Lực Vô Đẳng Tôn, Chính Giác, Nhất Thiết Thắng Thế Tôn.* Vô Thượng Tôn là đấng tôn quý vô thượng. Có 2 nghĩa:

1. *Vô Thượng Tôn* là từ tôn xưng chư Phật. Công đức của Phật tối tôn tối thắng, hàng trời người không thể sánh được, cho nên trong *Phương Đẳng Đại Tập Kinh* 8, có câu: “Người này hay lễ Vô Thượng Tôn”. *Kinh Vô Lượng Thọ, thượng*, ghi: “Ta sẽ ra đời, làm Vô Thượng Tôn”. *Kinh Niết-Bàn* cũng ghi: “Cúi mong Vô Thượng Tôn, thương nhận chúng con thỉnh” ... Từ ngữ **Vô Thượng Tôn** trong các kinh luận đồng nghĩa với *Tối thắng Tôn, Vô Tử Tôn, Vô Cực Tôn, Đông Mãnh Đệ Nhất Tôn, Diệu Pháp Vương.*

2. *Vô Thượng Tôn* còn là 1 trong 37 hiệu của Đức Phật A-Di-Đà. *Kinh Vô Lượng Thọ, hạ*, ghi: “Kính lễ Vô Thượng Tôn”. Đây là chỉ cho Đức Phật A-Di-Đà. Cho nên theo *kinh Vô Lượng Thọ* thì **Vô Thượng Tôn** là từ gọi chung chư Phật hoặc tên khác của đức Phật A-Di-Đà.

* **Vô Tướng:** Phạn âm: *Animitta*, tức là không có hình tướng. Theo *Kinh Đại Bảo Tích* 5 (*Đại 11, 29 thượng*) ghi: “Tất cả các pháp bản tính đều không, tự tính của tất cả các pháp là vô tính. Nếu Không, Vô tính thì chúng là một tướng, gọi là Vô tướng. Vì Vô tướng cho nên chúng thanh tịnh. Nếu Không, Vô tính thì chúng không được biểu thị bằng tướng”.

Theo *Phẩm Sư Tử Hống Bồ Tát* trong *Kinh Đại Bát Niết Bàn* 30 (*bản Bắc*) thì Niết Bàn Không có 10 tướng: Sắc tướng, Thanh tướng, Hương tướng, Vị tướng, Xúc tướng, Sinh tướng, Trụ tướng, Hoại tướng, Nam tướng và Nữ tướng, cho nên Niết Bàn còn gọi là Vô tướng.

Ngoài ra, Theo *Chân Ngôn Danh Mục của Ngài Lại Bảo* thì Vô tướng có 2 nghĩa là cạn lược và sâu kín, đó là:

1. Thể tính của các pháp như huyễn, hư giả, tự tính là không, không một tướng nào thật có, vô sắc vô hình, đó là Vô tướng theo nghĩa cạn lược.

2. Trong một tướng tuy có tất cả tướng nhưng không lưu giữ một tướng; đó chẳng phải là vô tướng không sắc không hình mà là tất cả tướng nhưng không có một tướng, đó là Vô tướng theo nghĩa sâu kín.

Nghĩa cạn lược biểu thị cho nghĩa Hiển giáo ngăn tình, nghĩa sâu kín biểu thị cho nghĩa Chân ngôn biểu đức. Còn nói theo “Giáo” thì có thể chia thành Hữu tướng giáo và Vô tướng giáo; Nói theo “Hành” thì có thể chia làm Hữu hành tướng và Vô hành tướng; Nói theo “Quán” thì có thể chia làm Hữu tướng quán và Vô tướng quán; Nói theo “Độ” thì có thể chia làm Hữu tướng độ và Vô tướng độ.

* **Vô Úy Thí:** Phạn âm: *Abhaya-dāna*. Còn gọi: *Thí Vô úy, Vô úy xả*.

Dứt trừ mọi sợ hãi cho người; 1 trong 3 thí.

Phẩm Phổ Môn kinh Pháp Hoa 7 cho rằng Bồ Tát Quán Thế Âm có khả năng giúp cho chúng sinh không sợ hãi khi có tai nạn bỗng nhiên xảy đến, nên Ngài có hiệu “*Thí Vô Úy Giả*”. Phật, Bồ Tát dùng các phương tiện oai lực để dứt trừ các sợ hãi như: Sứ tử, Cọp, Sói, nước trôi, lửa cháy, trộm cướp ... đem đến sự an vui cho chúng sinh.

* **Vô Vi:** Còn gọi là *Vô vi pháp* (*Asamskrta-dharma*); Phạn âm: *Asamskrta*; Từ đối là Hữu vi. Vô vi là pháp không có tạo tác, lia sinh diệt biến hóa và tuyệt đối thường trụ. Vốn là tên khác của Niết-Bàn, người đời sau ngoài Niết bàn lại lập các thứ vô vi, do đó sinh ra nhiều thuyết như Tam vô vi, Lục vô vi, Cửu vô vi.

Nhưng bất luận là khai lập thành Lục vô vi hay Bát vô vi đều chẳng phải cho rằng Vô vi có nhiều thể khác nhau mà là một trong các pháp tính được hiển bày do đoạn trừ ngã chấp và pháp chấp; pháp tính này được gọi bằng nhiều danh từ khác nhau y cứ vào các duyên được hiển bày.

* **Vương Xá thành** : Phạn: *Rājagrtha*. Hán âm: *Hạt-ba-xà-khiết-lợi-ha, La-duyệt-kỳ*. Còn gọi: *Vương-xá quốc*. *Vương-xá* là đô thành của nước Ma-kiệt-đà thuộc Trung Ấn Độ. Nền cũ ở vùng Rajgir thuộc Behar, phía Nam thành phố Patna, trung du sông Hằng. Thời vua Tần-bà-sa-la, từ Thượng Mao cung thành (Phạn: *Kusagra-pura*, Hán âm: *Cử-xa-yết-la-bổ-la*, Còn gọi: *Cự Vương-xá thành, Sơn thành*) dời đến vùng đất hiện nay, là đô thành khi vua Tần-bà-sa-la, vua A-xà-thế, phu nhân Vy-đề-hy còn

tại vị. Thành này là 1 trong các trung tâm truyền giáo của Đức Phật, ở vùng phụ cận có các nơi Đức Thích Tôn thuyết pháp nổi tiếng như : Vườn trúc Ca-lan-đà, núi Linh Thứu. Tương truyền, lần kiết tập kinh điển thứ nhất sau khi Phật nhập diệt được cử hành tại đây. Về sau, vua A-Dục dời thủ đô nước Ma-kiệt-đà đến thành Hoa Thị.

Theo *Đại Đường Tây Vực Ký*, vùng phụ cận thành Vương-xá còn có nhiều di tích Phật giáo như : Núi Phật-đà-phạt-na, rừng Trương, suối Nhị Ôn, tháp Phục Túy Tượng, thạch thất Tát-bát-la, thạch thất nhập định của Đề-bà-đạt-đa, tháp Tì-kheo tự sát, tháp Xá-lợi Phật, tháp Xá-lợi bán thân A-Nan, trụ đá do vua A-Dục xây.



X

* **Xà-Đà-Dà kinh** : Phạn: *Jātaka*. Còn gọi: *Xà-đa-già, Xà-đa-ca, Xà-đà*. Hán dịch: *Bản duyên, Bản khởi, Bản sinh (Bổn sanh)*. Gọi tắt: *Sinh*.

Xà-Đà-Dà kinh là 1 trong 9 thể loại kinh hoặc 12 thể loại kinh, là thể loại nói về sự tích Phật Thích Ca ở đời quá khứ thụ sinh các thứ thân hình và thân phận khác nhau mà tu đạo Bồ Tát. Ngoài ra, kinh này còn bao gồm những sự tích bản sinh của các Bồ Tát như: Di Lặc ... và chư Phật như A-Di-Đà...

Bổn Sanh là 1 trong 9 thể loại kinh (phân theo hệ Tiểu Thừa) và 12 thể loại kinh (phân theo hệ Đại Thừa), kinh thứ mười trong 15 kinh của Tiểu Bộ Kinh (Khuddaka-Nikaya) thuộc hệ kinh tạng Pali. Trong đó, kinh thứ mười gom chép các thứ sự tích Bản Sinh, thuật lại việc đức Thích Ca dùng các thân như quốc vương, thầy Bà-la-môn, lái buôn, người nữ và thân các loài động vật như voi, khỉ, nai, gấu .v.v... hoặc để cứu độ chúng sanh hoặc vì cầu Pháp mà tinh tấn làm các công đức thiện nghiệp. Toàn bộ có 547 truyện viết bằng văn xuôi hoặc văn vần. Kinh này chia làm 22 tập tùy theo độ dài ngắn của các thiên hoặc số kệ nhiều ít các bài, trong đó từ tập 1 đến tập 8 có lập tên phẩm riêng.

* **Xà Đê (Hoa)**: Phạn âm: *Jāti, Jātika*. Hán dịch: *Sinh hoa, Thật hoa*. Còn gọi: *Xà-đế hoa, Nhục-quan hoa, Đâu-khẩu hoa, Kim-tiền hoa*. Tên khoa học: *Jasminum grandiflorum*.

Loại thực vật nhục đậu khấu mọc thành bụi, màu xanh, sống ở vùng nhiệt đới Châu Á. Hoa màu trắng, lan ra phía viền màu hồng, mùi thơm nồng, lá mọc đối nhau, hình dáng như quả trứng, sống trên những vùng cao khoảng 600 đến 1800m ở Népal và vùng Tây Bắc núi Himalaya. Xà-đê hoa là một trong các loại hoa thơm nói trong *phẩm Pháp Sư Công Đức, kinh Pháp Hoa*.

* **Xá Lợi (Xá Lị)**: Phạn âm: *Sarira*.

Chỉ chung những gì còn sót lại sau khi thiêu thân Phật Thích-ca hoặc các bậc đấng đạo, thường được thờ trong các Tháp hay chùa chiền.

Người ta cho rằng, tục thờ Xá Lị có lẽ bắt đầu với Phật Thích-ca. Tro của Ngài được chia ra nhiều phần cho các bộ tộc và lần đó có sự tranh

chấp về vấn đề này. Danh từ Xá Lợi cũng được dùng để chỉ Kinh Đà La Ni hay tranh tượng đức Phật, mang tính chất thiêng liêng. Tục thờ cúng Xá Lợi được lưu truyền trong dân chúng, người ta tin rằng nhờ vậy mà trừ được rủi ro.

Người ta đã tìm thấy Xá Lợi của Phật Thích-ca tại quê hương của Ngài là Ca-tì-la-vệ và Vệ-xá-li. Một răng của Phật được thờ tại Candy (Tích Lan), tóc của Ngài được thờ tại Miến Điện. Người ta cho rằng bình khất thực của Ngài ngày nay vẫn còn. Theo Đại sử của Tích Lan thì bình này được vua A Dục cho mang qua Tích Lan, sau thời Marco Polo thì vua Tích Lan Kublai Khan cho mang bình qua Trung Quốc.

* **Xá-Lợi-Phất** : Từ Phạn: *Sāriputra*; Cách gọi khác: *Xá-lợi-phất-đa*, *Xá-lợi-phất-la*, *Xá-lợi-phất đất-la*, *Xá-lợi-phất-đa-la*, *Xá-lợi-phú-đa-la*, *Xá-lợi-phất-đa-la*, *Xa-ri-bổ-đát-la*, *Thiết lợi-phất-đát-la*; Hán dịch: *Thu lộ tử*, *Cù dục tử*.

Đây là vị A-la-hán có trí huệ bậc nhất trong 10 vị đại đệ tử của Đức Phật. Mẹ của Ngài là con gái một vị luận sư Bà-la-môn trong thành Vương-Xá thuộc nước Ma-già-đà, lúc sinh ra bà có đôi mắt giống như chim xá-lợi, nên được đặt tên là Xá-Lợi; vì thế nên Ngài Xá-lợi-phất có nghĩa là con bà Xá-Lợi.

Theo *Phẩm Xá-lợi Mục-liên nhân duyên* trong *Phật Bản Hạnh Tập Kinh 48*, từ thuở nhỏ, Ngài Xá-lợi-phất đã có thân tướng khôi ngô, khi lớn lên học tập các kỹ nghệ, thông hiểu Tứ Phệ-Đà. Năm 16 tuổi, Ngài đã luận nghị hàng phục được người khác, các anh em trong dòng họ thấy đều qui phục. Thời niên thiếu, Ngài kết giao với Mục-Kiền-liên ở thôn bên cạnh.

Ngài xuất gia học đạo với San-xà-da-ti-la-chi-tử (S: Sanjayavairattiputra), 1 trong 6 phái ngoại đạo, chỉ trong 7 ngày 7 đêm đã thông suốt được giáo chỉ, cả chúng 250 người đều tôn Ngài làm bậc thượng thủ, nhưng Ngài vẫn lấy làm tiếc vì chưa được giải thoát hoàn toàn.

Sau đó, Ngài cùng Mục-kiền-liên, mỗi vị dẫn 250 đệ tử đồng thời đến Tịnh-xá Trúc-Lâm trong thành Vương Xá quy y Phật. Theo *Kinh Thập Nhị Du*, sau khi quy y Phật, Xá-lợi-phất thường theo bên Phật, giúp Ngài giáo hóa, làm bậc thượng thủ trong các đệ tử. Do có trí thông minh hơn người nên Xá-lợi-phất được khen là “Trí huệ đệ nhất” trong hàng đệ tử Thanh Văn của Phật.

Ngài Xá-lợi-phất cả đời được các bậc trưởng lão tăng-già tôn kính, thường được Đức Phật ngợi khen và được Đức Phật thọ ký sẽ thành Phật

ở đời vị lai, hiệu là Hoa Quang Như Lai. Về sau, Ngài nhập diệt sớm hơn Đức Phật; Tương truyền, *A-tì-đạt-ma Tập Di Môn Túc Luận* (20 quyển), *Luận Xá-lợi-phất A-tì-đàm* (30 quyển) hiện còn là do Ngài Xá-lợi-phất giảng nói.



Y

* **Y ĐẾ MỤC ĐA DÀ kinh** : Phạn: *Iti-vrttaka, Ity-uktaka*. Hán âm: *Y-đế-viết-đa-già, Y-đế-mục-đa-già, Y-đế-việt-đa-già, Nhất-mục-đa-ca, Nhất-trúc-ca*. Hán dịch: **Bản sự kinh (Bổn sự kinh)**.

Y Đế Mục Đa Đà kinh là 1 trong 9 thể loại kinh của Tiểu thừa hoặc 12 thể loại kinh của Đại thừa. Bản sự có 2 nghĩa:

1. *Như thị chỉ sự*: Phạn: *Iti-vrttaka*. Còn gọi: *Xuất nhân duyên, Bản sự, Bản sự thuyết trình. Như thị chỉ sự* là trình bày về sự tích nhân duyên của Phật và các đệ tử ở đời quá khứ.

2. *Như thị ngôn thuyết*: Phạn: *Ity-uktaka*. Còn gọi: *Như thị ngữ, Thử sự quá khứ như thị*.

Theo thể loại này, kinh được mở đầu bằng: **Phật như thị ngữ**. Trong phần thứ tư của Tiểu Bộ Kinh thuộc Tam Tạng Pàli có tất cả 112 kinh thuộc thể loại Như thị ngữ (*Itivuttaka*) tính chất tương đương với thể loại Như thị ngữ đã nói trong Luận Đại Trí Độ 33.

* **Ý Thú**: là Ý hướng trong tâm muốn biểu thị. Đức Phật thuyết pháp có 4 thứ ý thú là *Bình đẳng ý thú, Biệt thời ý thú, Biệt nghĩa ý thú* và *Bổ-đặc-già-la ý thú*, gọi là *Tứ ý thú* hoặc *Tứ ý*.

1/. *Bình đẳng ý thú*, còn gọi là *Bình đẳng ý*. Đây là loại ý thú được luận theo lập trường bình đẳng khi đã đoạn trừ các kiến chấp phân biệt như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tuy chẳng phải là *Phật Tì-bà-thi* thuở xưa, nhưng trên lập trường bình đẳng không hai, nên cũng có thể nói “*Ta là Phật Tì-bà-thi*”.

2/. *Biệt thời ý thú*, còn gọi là *Biệt thời ý*. Là giáo pháp được giảng nói để trừ bỏ biếng nhác như lợi ích sự tu hành của chúng sinh sẽ được thấy vào lúc khác (biệt thời), nhưng để chúng sinh khỏi biếng nhác nên dùng phương tiện thuyết pháp nói rằng có thể được ngay để khích lệ họ, chẳng hạn như xưng niệm danh hiệu *Phật A-Di-Đà* thì được vãng sinh về thế giới Cực Lạc.

3/. *Biệt nghĩa ý thú*, còn gọi là *Biệt nghĩa ý*. Chỉ cho ý thú dùng một ý nghĩa khác để thuyết minh hầu đoạn trừ chướng ngại khinh mạn giáo pháp của người nghe như do đời quá khứ từng phụng thờ chư Phật nên

ngày nay được hiểu rõ Phật pháp Đại thừa. “Hiểu rõ” ở đây kỳ thực là chứng ngộ.

4/. *Bố-đặc-già-la ý thú* (Phạn: *Pudgala*), còn gọi là *Chúng sinh ý nhạo ý thú*, *Chúng sinh nhạo dục ý*. Đây chỉ cho chúng sinh, là tùy thuận theo tính cách, chí hướng của chúng sinh mà giảng nói các giáo pháp, để đả phá ý nghĩ cho là đầy đủ như đối với người tham lam bôn xển thì khen ngợi hành vi bố thí, đối với người chấp trước việc bố thí thì quở trách hành vi bố thí.



SỰ TÍCH TẢ KINH PHÁP HOA

Ông Nghiêm Cung

(Quyển 1)



Nước Tàu, triều nhà Trần niên hiệu Đại-Kiến năm đầu, ở xứ Dương-Châu có ông Nghiêm-Cung tả kinh Pháp-Hoa để phân phát cho người trì tụng.

Lúc đó có thần ở miếu Cung-Đình-Hồ mách mộng cho khách buôn đem hết của trong miếu đưa sang trao cho ông Cung để chi phí về việc tả kinh.

Lại một hôm ông Cung mang tiền ra phố mua giấy viết lờ thiếu 3.000 đồng điệu, bỗng thấy từ trong chợ đi ra một người cầm 3.000 đồng điệu trao cho ông Cung mà nói: "Giúp ông mua giấy". Nói xong biến mất.

Rốt đời Tù, giặc cướp đến Giang-Đô đều dạn nhau không nên phạm đến xóm của ông Nghiêm Pháp-Hoa (Nghiêm-Cung). Nhờ đó mà cả xóm an-lành.

Đến cuối đời Đường, nhà họ Nghiêm vẫn nối nhau tả kinh không thôi.

Vậy thì tả kinh, hay in kinh công đức lớn biết dường nào, không nói đến phước báu tốt đẹp ở nhiều đời sau, mà ngay trong hiện tại cũng không thể lường được, chẳng những là mình khỏi khổ ngay mà ngay mọi người ở gần cũng được nhờ, cả Thần Thánh cũng thường theo hộ trợ như truyện ông Nghiêm-Cung đây vậy.



SỰ TÍCH TẢ KINH THOÁT KHỔ

(Quyển 2)



Nhà Đường, niên hiệu Long-Sóc năm thứ ba, xứ Trường-An, mẹ vợ ông Lưu-Công-Tín chết.

Không bao lâu cô họ Trần, vợ ông Tín, cũng bỗng chết, thần-hồn đi đến một ngục đá, thấy mẹ mình ở trong cửa đá thọ nhiều sự khổ.

Khóc bảo con gái rằng : "Mau vì mẹ tả một bộ kinh Pháp-Hoa ngõ hầu thoát khỏi tội này". Nói vừa xong cửa đá liền khép lại.

Cô họ Trần sống lại, thuật chuyện gặp mẹ với chồng. Ông Tín nhờ ông Triệu-Sư-Tử tả kinh, ông Triệu bèn đem một bộ kinh Pháp-Hoa hiện đã thành tả rất tốt giao cho ông Tín sửa sang, mà bộ kinh đó vốn là của một người họ Phạm ra tiền mượn tả, mà ông Tín chưa biết cũng tin là ông Triệu tả cho mình.

Không bao lâu, cô họ Trần lại nằm chiêm bao thấy mẹ đòi kinh, cô nói rằng đã tả xong rồi. Mẹ liền khóc rằng : "Mẹ chính vì bộ kinh đó mà càng bị khổ thêm. Bộ kinh đó vốn là nhà của họ Phạm tu phước, sao lại cướp làm công của mình?" Sau khi thức dậy, cô Trần và ông Tín đi hỏi thăm lại, thời quả thực họ Phạm ra hai trăm tả kinh mà chính là bộ trên đó.

Vợ chồng liền thuê người tả một bộ khác để cúng dường hồi hướng công đức cho mẹ.

Than ôi ! Công đức tả kinh hay ấn tống lớn biết là dường nào? Tội nặng bị khổ ở địa ngục nhờ người tả một bộ kinh Pháp-Hoa mà còn có đủ phước để thoát khổ huống nữa là mình tự ra công tiền ư!.



SỰ TÍCH ĐỌC KINH THOÁT KHỔ

Trích trong Pháp-Uyển

(Quyển 3)



Đời Đường, ở Ung-Châu, huyện Trường-An có ông Cao-Pháp-Nhân là cháu huyền tôn của ông Cao-Tần, quan bộc xạ đời Tuỳ. Đến niên hiệu Long-Sóc năm thứ ba, ngày 25 tháng giêng đến Trung-Đài dự thí, trưa cỡi ngựa về nhà. Nhà ông ở góc phía Nam phường Nghĩa-Ninh, phía Đông chùa Hóa-Độ. Giữa đường gặp bọn người cỡi ngựa rượt bắt, chạy về gần đến nhà té ngựa mê ngất rồi chết, mọi người tri hô, người nhà vội đến khiêng về đến sáng ngày mai mới sống lại. Ông Nhân bảo người nhà rằng: "Ta bị quỷ bắt đến địa-ngục thấy vua Diêm-La ngồi trên toà cao, giận mắng Ta rằng: Người tại sao lại đến chùa Hóa-Độ trong phòng thầy Minh-Tạng ăn trái của thường-trụ Tăng? - Nói xong bắt Ta nuốt 400 hòn sắt nóng, đương lúc nuốt thời cổ họng nghẹn rút thân thể đỏ khô co lại biến làm màu đỏ, nuốt hết mới sống lại".

Ngày 26 là ngày ông mới sống lại, lại có bọn quỷ hiện đến bắt dẫn về cho vua Diêm-Vương. Vua quở: "Tại sao người không kính tin Tam-Bảo dám nói chuyện lỗi xấu của Tăng? Người nuốt sắt xong sẽ bị cày lưỡi". Đến ngày 29 tháng đó sau khi nuốt sắt xong sống lại cho đến ngày 30 sáng sớm lại chết đến địa ngục chịu cày sắt cày lưỡi tự thấy lưỡi mình dài đến vài dặm, người ở bên xem thấy ông Nhân le lưỡi ra hơn thước (thước Tàu). Vua lại bảo ngục tốt: "Người này nói chuyện hay dở của Tam-Bảo đem búa lớn ra chặt bỏ lưỡi đó". Ngục tốt chặt mãi không đứt. Vua bảo lấy búa nhỏ vào vạc nước sôi nấu, nấu mãi không rã. Vua lấy làm lạ hỏi, ông Nhân thưa: "Tôi từng đọc kinh Pháp-Hoa một lượt". Vua không tin tra sổ công đức, thấy trong án có ghi. "Đọc một bộ kinh Pháp-Hoa". Vua liền truyền thả cho về.

Ông Nhân hiện còn, người đến thăm xem như đi chợ, người nghe thấy phát tâm tu hành rất đông. Cả nhà ông Nhân từ đó rất mực kính tin Tam-Bảo, gắng chí tinh tấn tu hành, hằng răn nhắc nhau không hề nhàm mỏi.

Tam-Bảo là con thuyền từ báu đưa chúng sanh ra khỏi biển sanh tử khổ. Kính thì phước vô lượng. Kinh họa không nhỏ. Phật là đấng Chí-Tôn, Pháp là Thánh đực, Tăng là biểu hiệu của Phật và Pháp. Ông Nhân khinh Tăng mà phải tội, lại nhờ đọc kinh Pháp-Hoa mà khỏi tai ương. Chỉ đọc có một bộ kinh Pháp-Hoa mà lưới không chặt đứt, nấu không rã, làm đến nỗi vua Diêm-Vương phải kinh sợ mà mau đưa về. Hướng là người đọc tụng 2 bộ, 3 bộ đến trăm nghìn bộ ư. Nếu có người nào chí thành tụng niệm kinh Pháp-Hoa thời công đức vô lượng vô biên - Tội nghiệp đều tiêu - Phước lành đầy đủ. Sau khi xả báo thân hiện tại, quyết chắc sẽ cảm thành thân vàng Kim-cang ở vị lai vậy.



SỰ TÍCH TỤNG ĐỀ KINH MÌNH VÀ NGƯỜI ĐỀU THOÁT KHỔ

(Quyển 4)



Quận Phùng-Dực, ông Lý-Sơn-Long làm chức Tả-Giám-Môn Hiệu-úy trong niên hiệu Võ-Đức bị bệnh chết, mà trên ngực khoảng bằng bàn tay không lạnh, người nhà chưa dỡ tử liệm. Đến ngày thứ bảy sống lại thuật rằng: "Đang lúc chết bị người bắt dẫn đến một dinh quan rất hùng tráng rộng lớn. Trong sân có bọn tù vài nghìn người, hoặc mang gông, hoặc xiềng xích đều đứng xây mặt về hướng Bắc, chặt cả sân.

Quân hầu dắt Sơn-Long đến dưới dinh. Có một vị Thiên-Quan ngồi giường cao kẻ hầu hạ nghi vệ như hàng vua chúa. Sơn-Long hỏi quân hầu: "Quan nào đó?" ? Quân hầu đáp: "Vua đấy". Sơn-Long đến dưới thêm? Vua hỏi: "Người thuở sanh bình làm phước nghiệp gì?" Sơn-Long thưa: "Mỗi lần người trong làng thiết lập trai đàn giảng kinh tôi thường thí của vật đồng với người"? Vua lại hỏi: " Còn tự thân người làm phước nghiệp gì?" Sơn-Long thưa: "Tôi tụng thuộc kinh Pháp-Hoa hai quyển"? Vua nói: "Rất hay! Được lên thêm". Ông Sơn-Long đã lên trên nhà thấy phía Đông-Bắc có một tòa cao giống như tòa diển giảng. Vua chỉ tòa nói với Sơn-Long rằng: "Nên lên tòa này tụng kinh". Sơn-Long vâng lệnh đến bên tòa. Vua liền đứng dậy nói: "Thỉnh ngài Pháp-sư lên tòa". Sơn-Long lên tòa xong. Vua liền xây về phía tòa mà ngồi. Sơn-Long khai kinh tụng rằng: "Diệu-Pháp Liên-Hoa kinh, phẩm Tự đệ nhất". - Vua nói "Thỉnh Pháp-sư thôi". Sơn-Long liền thôi, xuống tòa lại đứng dưới thêm đoái xem trong sân, bọn tù nhân vừa rồi không còn một người. Vua bảo Sơn-Long rằng: "Phước đức tụng kinh của ông chẳng những là tự lợi, nhần đến làm cho bọn tù trong sân nhân nghe đề kinh Pháp-Hoa mà đều được thoát khổ, há chẳng hay lắm thay! Nay tha người trở về".

Sơn-Long lạy từ. Đi được vài mươi bước, vua kêu trở lại rồi bảo quân hầu: "Nên dắt người này đi xem các ngục".

Quân hầu liền dắt Sơn-Long đi qua phía Đông hơn trăm bước thấy một thành bằng sắt rất rộng lớn, trên có mái trùm kín. Quanh thành có nhiều lỗ nhỏ, thấy các nam nữ từ dưới đất bay vào trong lỗ liền chằng trở ra. Sơn-Long lấy làm lạ hỏi quân hầu, thì được đáp: "Đây là đại địa-ngục, trong đó nhiều lớp phân cách theo tội riêng khác. Các người đó đều theo nghiệp dữ của mình đã tạo. Vào ngục chịu khổ". Sơn-Long nghe nói xong buồn sợ xưng "Nam-mô Phật" xin quân hầu dắt ra. Đến cửa viện thấy một vạc lớn lửa mạnh nước sôi, bên vạc có hai người ngồi ngủ. Sơn-Long hỏi đó - Hai người đáp: "Tôi bị tội báo vào vạc nước sôi này. Nhờ Hiền-giả xưng Nam-mô Phật cho nên các người tội trong ngục đều được một ngày nghỉ mệt nên chúng tôi ngủ". Sơn-Long lại xưng "Nam-mô Phật".

Quân hầu đưa Sơn-Long về nhà, thấy hàng thân thuộc đương khóc, sấm sửa những đồ tản liệm. Sơn-Long vào đến bên thây thì liền sống lại. Chuyện trên đây là chính ông Lý-Sơn-Long nói với chủ chùa Tổng-Trì. Chủ chùa thuật lại với tôi.

(Rút trong bộ "Minh-bảo-ký")

"Nhiệm-mầu thay kinh Pháp-Hoa! Người tụng trì được công đức, ngoài Phật ra không ai có thể nghĩ lường được. Đọa địa-ngục, vì tội nghiệp nặng, lên tòa vừa khai tụng đề kinh mà cả mấy ngàn tù nhân dưới sân đều thoát khổ. Thoát khổ là bởi tội nghiệp tiêu. Tội nghiệp nặng mà tức khắc tiêu tan, nếu không phải công đức rộng lớn quyết không thể được nghe đề kinh Pháp-Hoa mà công đức còn lớn dường ấy, huống là người trì tụng đề kinh, huống là người trì tụng một phẩm, một quyển đến toàn bộ, hẳn đến người giải nói, biên chép ấn tống. Ông Sơn-Long được thoát ngục, được vua trọng, được quân hầu kính, phải chăng là do oai lực của kinh Pháp-Hoa. **Ta** đối với kinh Pháp-Hoa, thật nên chí thành đảnh đối, thọ trì, đọc tụng, giải nói, in ấn, nếu **Ta** có chí tự thoát khổ và thoát khổ cho người.



SỰ TÍCH TỤNG KINH THOÁT NỮ THÂN

(Quyển 5)



Đời Tuỳ, huyện Đắc-Lãng, có ông Thôi-Ngạn-Võ niên hiệu Khai-Hoàng, làm quan Thứ-Sử châu Ngu. Một hôm, nhân đi thanh tra trong địa phận mình quản trị, đến một ấp nọ, bỗng ngạc nhiên vừa sợ vừa mừng, bảo kẻ tùy giả rằng: "Ta xưa từng làm vợ người ở trong ấp này, nay vẫn biết nhà cũ". Liền cỡi ngựa đi vào đường hẻm trong ấp, quanh quẹo đến một nhà, sai người gõ cửa. Ông chủ nhà đó đã già chạy ra lạy chào.

Ông Ngạn-Võ vào nhà, chỉ trên vách phía Đông cách đất chừng năm sáu thước (thước Tàu) có chỗ lồi cao lên mà bảo chủ nhà rằng: "Chỗ trên cao đó là chỗ mà Ta xưa kia cất năm đôi thoa vàng, với bộ kinh Pháp-Hoa của Ta đọc hàng ngày. Bộ kinh ấy cuối quyển bảy, lửa cháy xém mất chữ hết một tờ. Vì cố đó nên hiện nay mỗi khi Ta tụng kinh Pháp-Hoa đến trang đó, thường quên lãng không ghi nhớ được". Nói xong sai người đục chỗ vách đó ra, quả thật được hộp đựng kinh; thoa vàng cùng quyển thứ bảy cháy xém một tờ cuối quyển như lời nói trước.

Ông chủ nhà rơi nước mắt khóc rằng: "Thoa vàng và cùng kinh thật là vật của vợ tôi, ngày còn sanh tiền, vợ tôi thường đọc bộ kinh Pháp-Hoa này".

Ông Ngạn-Võ lại nói: "Cây hòe trước sân kia ngày trước khi Ta sắp đi, tự cởi đầu tóc mượn để vào bọng cây đó". Nói xong bảo người thử lại tìm, thật quả được tóc.

Chủ nhà thấy việc như thế, biết chính quan Thứ-sử hiện nay, là vợ của mình ngày trước tái sanh, vừa buồn vừa mừng.

Thôi-Ngạn-Võ để đồ vật vàng bạc lại, hậu cấp cho ông chủ nhà mà đi.

(Lai-Bộ-Thượng-Thơ Đường-Lâm biên)

"Trong phẩm "Dược-Vương Bồ-Tát Bốn-Sự" có nói: Nếu có người nữ nào nghe kinh này mà có thể thọ trì, thời sau khi bỏ báo thân đàn bà đó, không còn thọ lại nữa". Chuyện của ông Thôi-Ngạn-Võ trên đây đủ chứng thật lời trong kinh. Làm cho chúng ta lại càng kính tin đức Như-Lai là đáng chơn thật ngữ.

Một người đàn bà vợ tên dân quê ở trong ấp cùng đọc kinh Pháp-Hoa mà đã sớm khởi thân hèn khổ chuyển thành thân quan cao tước lớn, trong khi ấy người chồng vẫn còn là tên dân quê. Chồng lại rước vợ, nào biết đó là vợ cũ của mình ngày xưa.

Tên dân quê đó cùng một ít kẻ lân cận, khi người đàn bà đọc kinh Pháp-Hoa chết, hoặc giả lại có niệm nghĩ rằng: "Tụng kinh không phước, trái lại bị chết yếu. Niệm ngu si, lòng chê khinh ấy, khi gặp Thôi-Ngạn-Võ, như tuyết gặp nước sôi vậy.

Ôi! Công đức bất khả tư nghì của kinh, cùng lý nhân quả nhiệm mầu, kẻ tâm vụng về, trí thức thô thiển có thể nào mà thấu đáo được. Tôi rất lo ngại cho hạng người bác nhân quả, huỷ báng kinh Đại-thừa và thiết tha mong sao những hạng người ấy không nên quá nông nổi.

Vì khổ báo của người huỷ báng kinh, đức Phật Thế-Tôn đáng vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác như thật ngữ đã có huyền ký rõ ràng.

(Xem đoạn cuối phẩm Thí-Dụ - quyển 2)



Mục Lục

• Lời nói đầu	01
• Nghi thức sám hối	05
• Nghi thức trì tụng	17
Q1 : -Phẩm Tựa , thứ nhất	23
-Phẩm Phương Tiện , thứ 2	65
Q2 : -Phẩm Thí Dụ , thứ 3	113
-Phẩm Tín Giải , thứ 4	171
Q3 : -Phẩm Dược Thảo Dụ , thứ 5	207
-Phẩm Thọ Ký , thứ 6	225
-Phẩm Hóa Thành Dụ , thứ 7	245
Q4 : -Phẩm Ngũ Bá Đệ Tử Thọ Ký , thứ 8	301
-Phẩm Thọ Học Vô Học Nhưn Ký , thứ 9	323
-Phẩm Pháp Sư , thứ 10	335
-Phẩm Hiện Bửu Tháp , thứ 11	355
-Phẩm Đề Bà Đạt Đa , thứ 12	379
-Phẩm Trì , thứ 13	397
Q5 : -Phẩm An Lạc Hạnh , thứ 14	413
-Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất , thứ 15	445
-Phẩm Như Lai Thọ Lượng , thứ 16	471
-Phẩm Phân Biệt Công Đức , thứ 17	489
Q6 : -Phẩm Tùy Hỷ Công Đức , thứ 18	517
-Phẩm Pháp Sư Công Đức , thứ 19	529
-Phẩm Thường Bất Kinh Bồ Tát , thứ 20	557
-Phẩm Như Lai Thần Lực , thứ 21	573
-Phẩm Chúc Lụy , thứ 22	585

-Phẩm Dược Vương Bồ Tát Bản Sự , thứ 23	591
Q7 : -Phẩm Diệu Âm Bồ Tát , thứ 24	619
-Phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn , thứ 25	637
-Phẩm Đà La Ni , thứ 26	655
-Phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bản Sự , thứ 27	669
-Phẩm Phổ Hiền Khuyến Phát , thứ 28	687
• Bát Nhã Tâm Kinh	707
• Nguyên Vãng Sanh	710
• Văn Lễ Tán Tụng Kinh Pháp Hoa	712
• Tán Thán Công Đức Phật	723
• Phục Nguyên	724
• Hồi Hương	726
• Tam Qui Y	728
• Thích Nghĩa	729
• Phụ Chú Sự Tích Tả Kinh Pháp Hoa	936

